PHỤ LỤC I
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NÔNG NGHIỆP
(Dự thảo các tuyến đường bổ sung ban hành kèm theo Nghị quyết số ……/2026/NQ-HĐND)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1	1	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh	Đường Nguyễn Tri Phương	Phường Biên Hòa	1.500	1.500	970	970
2	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	1.030	1.030	680	680
3	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	860	860	570	570
4	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	670	670	450	450
5	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	1.030	1.030	680	680
6	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	860	860	570	570
7	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	670	670	450	450
8	8	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Nguyễn Tri Phương	Công an phường Bửu Hòa (cũ)	Phường Biên Hòa	1.500	1.500	970	970
9	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	1.030	1.030	680	680
10	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	670	670	450	450
12	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	1.030	1.030	680	680
13	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	860	860	570	570
14	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	670	670	450	450
15	15	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Công an phường Bửu Hòa (cũ)	Đường Nguyễn Thị Tồn	Phường Biên Hòa	1.500	1.500	970	970
16	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	1.030	1.030	680	680
17	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	860	860	570	570
18	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	670	670	450	450
19	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	1.030	1.030	680	680
20	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	670	670	450	450
22	22	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Tồn	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Phường Biên Hòa	1.430	1.430	900	900
23	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
24	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
25	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
26	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
27	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
28	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
29	29	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Cầu Rạch Sỏi	Phường Biên Hòa	1.430	1.430	900	900
30	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
31	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
32	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
34	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
35	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
36	36	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Cầu Rạch Sỏi	Cầu Ông Tiếp	Phường Biên Hòa	1.430	1.430	900	900
37	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
38	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
39	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
40	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
41	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
42	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
43	43	Đường Nguyễn Tri Phương	Cầu Ghềnh	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Biên Hòa	1.500	1.500	970	970
44	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
45	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	860	860	570	570
46	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	670	670	450	450
47	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	1.030	1.030	680	680
48	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	860	860	570	570
49	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	670	670	450	450
50	50	Đường Nguyễn Văn Lung	Đường Nguyễn Ái Quốc	Mỏ đá Hóa An	Phường Biên Hòa	1.430	1.430	900	900
51	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
52	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
53	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
54	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
55	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
56	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
57	57	Đường Trần Văn Ơn	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124	Phường Biên Hòa	1.430	1.430	900	900
58	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
59	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
60	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
61	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
62	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
63	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
64	64	Đường Nguyễn Ái Quốc	Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh	Cầu Hóa An	Phường Biên Hòa	1.500	1.500	970	970
65	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
66	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	860	860	570	570
67	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	670	670	450	450
68	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	1.030	1.030	680	680
69	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	860	860	570	570
70	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	670	670	450	450
71	71	Đường Hoàng Minh Chánh	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Phường Biên Hòa	1.430	1.430	900	900
72	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
73	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
74	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
75	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
76	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
77	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
78	78	Đường Hoàng Minh Chánh	Đường Nguyễn Ái Quốc	Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài)	Phường Biên Hòa	1.430	1.430	900	900
79	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
80	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
81	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
82	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
83	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
84	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
85	85	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ	Phường Biên Hòa	1.430	1.430	900	900

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
86	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
87	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
88	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
89	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
90	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
91	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
92	92	Đường Phạm Văn Diêu	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Biên Hòa	1.430	1.430	900	900
93	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
94	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
95	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
96	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
97	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
98	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
99	99	Đường Nguyễn Thị Tồn	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Phường Biên Hòa	1.430	1.430	900	900
100	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
101	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
102	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
103	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Biên Hòa	980	980	650	650
104	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Biên Hòa	810	810	550	550
105	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Biên Hòa	630	630	430	430
106	106	Các tuyến đường tại Cù Lao Tân Vạn (đường D1, D4, D9, N2, N4)			Phường Biên Hòa	1.500	1.500	970	970
107	107	Các tuyến đường tại Cù Lao Tân Vạn (các đường còn lại)			Phường Biên Hòa	1.500	1.500	970	970
108	1	Đường Nguyễn Tri Phương	Cầu Rạch Cát	Cầu Ghềnh	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
109	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
110	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
111	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
112	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
113	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
114	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
115	8	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
116	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
117	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
118	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
119	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
120	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
121	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
122	15	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Ngô Thì Nhậm	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
123	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
124	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
125	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
126	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
127	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
128	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
129	22	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Võ Trường Toản	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
130	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
131	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
132	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
133	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
134	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
135	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
136	29	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Võ Trường Toản	Ngã ba Gạc Nai	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
137	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
138	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
139	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
140	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
141	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
142	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
143	36	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Ngã ba Gạc Nai	Giáp ranh phường Tân Triều	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
144	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
145	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
146	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
147	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
148	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
149	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
150	43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Võ Trường Toản	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
151	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
152	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
153	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
154	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
155	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
156	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
157	50	Đường Võ Trường Toản	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Giáp ranh phường Tân Triều	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
158	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
159	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
160	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
161	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
162	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
163	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
164	57	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Hết Văn Miếu Trấn Biên	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
165	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
166	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
167	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
168	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
169	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
170	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
171	64	Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ)	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
172	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
173	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
174	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
175	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
176	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
177	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
178	71	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Bến đò trạm 1	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
179	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
180	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
181	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
182	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
183	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
184	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
185	78	Đường Cách Mạng Tháng 8	Ngã ba mũi tàu	Đường Nguyễn Văn Trị	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
186	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
187	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
188	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
189	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
190	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
191	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
192	85	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Phan Chu Trinh	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
193	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
194	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
195	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
196	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
197	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
198	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
199	92	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
200	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
201	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
202	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
203	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
204	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
205	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
206	99	Đường Hồ Văn Đại	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
207	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
208	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
209	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
210	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
211	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
212	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
213	106	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
214	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
215	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
216	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
217	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
218	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
219	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
220	113	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
221	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
222	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
223	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
224	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
225	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
226	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
227	120	Đường Nguyễn Ái Quốc	Cầu Hóa An	Hết ranh giới phường Trấn Biên	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
228	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
229	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
230	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
231	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
232	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
233	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
234	127	Đường 30 tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng 8	Ngã năm Biên Hùng	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
235	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
236	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
237	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
238	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
239	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
240	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
241	134	Đường 30 tháng 4	Ngã năm Biên Hùng	Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
242	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
243	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
244	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
245	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
246	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
247	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
248	141	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	Hết Sở Giáo dục và Đào tạo	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
249	142	Đường Nguyễn Văn Trị	Hết Sở Giáo dục và Đào tạo	Đường Phan Chu Trinh	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
250	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
251	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
252	145	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
253	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
254	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
255	148	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
256	149	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
257	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
258	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
259	152	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
260	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
261	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
262	155	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
263	156	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
264	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
265	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
266	159	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
267	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
268	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
269	162	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
270	163	Đường Hưng Đạo Vương	Đường Phan Đình Phùng	Ngã năm Biên Hùng	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
271	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
272	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
273	166	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
274	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
275	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
276	169	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
277	170	Đường Hưng Đạo Vương	Ngã năm Biên Hùng	Ga Biên Hòa	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
278	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
279	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
280	173	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
281	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
282	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
283	176	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
284	177	Đường Hoàng Minh Châu	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
285	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
286	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
287	180	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
288	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
289	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
290	183	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
291	184	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
292	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
293	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
294	187	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
295	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
296	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
297	190	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
298	191	Đường Phan Chu Trinh	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Đình Phùng	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
299	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
300	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
301	194	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
302	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
303	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
304	197	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
305	198	Đường Nguyễn Trãi	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Thị Hiền	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
306	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
307	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
308	201	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
309	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
310	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
311	204	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
312	205	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Thị Hiền	Đường Nguyễn Văn Trị	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
313	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
314	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
315	208	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
316	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
317	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
318	211	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
319	212	Đường Nguyễn Thị Hiền	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Trãi	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
320	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
321	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
322	215	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
323	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
324	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
325	218	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
326	219	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Trãi	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
327	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
328	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
329	222	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
330	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
331	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
332	225	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
333	226	Đường Võ Tánh	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
334	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
335	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
336	229	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
337	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
338	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
339	232	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
340	233	Đường Quang Trung	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phan Chu Trinh	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
341	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
342	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
343	236	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
344	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
345	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
346	239	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
347	240	Đường Quang Trung	Đường Phan Chu Trinh	Đường Lê Thánh Tôn	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
348	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
349	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
350	243	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
351	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
352	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
353	246	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
354	247	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
355	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
356	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
357	250	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
358	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
359	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
360	253	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
361	254	Đường Nguyễn Văn Nghĩa	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
362	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
363	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
364	257	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
365	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
366	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
367	260	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
368	261	Đường Nguyễn Văn Ký	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
369	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
370	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
371	264	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
372	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
373	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
374	267	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
375	268	Đường Hà Huy Giáp	Cầu Rạch Cát	Đường Võ Thị Sáu	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
376	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
377	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
378	271	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
379	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
380	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
381	274	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
382	275	Đường Hà Huy Giáp	Đường Võ Thị Sáu	Ngã năm Biên Hùng	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
383	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
384	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
385	278	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
386	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
387	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
388	281	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
389	282	Đường Nguyễn Thành Đồng	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
390	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
391	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
392	285	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
393	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
394	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
395	288	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
396	289	Đường Nguyễn Thành Phương	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
397	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
398	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
399	292	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
400	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
401	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
402	295	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
403	296	Đường Võ Thị Sáu	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Hà Huy Giáp	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
404	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
405	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
406	299	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
407	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
408	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
409	302	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
410	303	Đường Võ Thị Sáu	Đường Hà Huy Giáp	Đường Phạm Văn Thuận	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
411	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
412	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
413	306	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
414	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
415	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
416	309	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
417	310	Đường Trịnh Hoài Đức	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 tháng 4	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
418	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
419	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
420	313	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
421	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
422	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
423	316	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
424	317	Đường Lữ Mành	Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình)	Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa)	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
425	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
426	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
427	320	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
428	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
429	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
430	323	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách Mạng Tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
431	324	Đường Lữ Mành	Đường Trần Minh Trí	Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
432	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
433	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
434	327	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
435	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
436	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
437	330	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
438	331	Đường Trần Minh Trí	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 tháng 4	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
439	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
440	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
441	334	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
442	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
443	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
444	337	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
445	338	Đường Phạm Văn Thuận	Đường 30 tháng 4	Hết ranh giới phường Trấn Biên	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
446	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
447	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
448	341	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
449	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
450	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
451	344	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
452	345	Đường Đặng Đại Độ	Đường Nguyễn Tri Phương	Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông)	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
453	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
454	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
455	348	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
456	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
457	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
458	351	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
459	352	Đường Đặng Đại Độ	Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông)	Đường Đặng Văn Trơn	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
460	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
461	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
462	355	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
463	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
464	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
465	358	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278 (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
466	359	Đường Nguyễn Văn Hoa	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Võ Thị Sáu	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
467	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
468	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
469	362	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
470	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
471	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
472	365	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
473	366	Đường Huỳnh Văn Hớn	Đường Võ Thị Sáu	Ranh phường Trấn Biên	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
474	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
475	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
476	369	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
477	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
478	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
479	372	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
480	373	Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa	Đường Đặng Văn Trơn	Cầu Bửu Hòa	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
481	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
482	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
483	376	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
484	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
485	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
486	379	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
487	380	Đường Đỗ Văn Thi	Đường Đặng Đại Độ	Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
488	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
489	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
490	383	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
491	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
492	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
493	386	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
494	387	Đường Đỗ Văn Thi	Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn	Sông Cái	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
495	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
496	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
497	390	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
498	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
499	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
500	393	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm Thành phố biên hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
501	394	Đường Đặng Văn Trơn	Đường Đỗ Văn Thi	Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
502	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
503	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
504	397	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
505	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
506	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
507	400	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
508	401	Đường Đặng Văn Trơn	Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa	Sông Cái	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
509	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
510	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
511	404	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
512	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
513	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
514	407	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bưu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
515	408	Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO)	Đường Trần Quốc Toản	Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
516	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
517	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
518	411	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
519	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
520	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
521	414	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
522	415	Đường D10 (khu dân cư D2D	Đường Võ Thị Sáu	Đường N1 khu dân cư D2D	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
523	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
524	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
525	418	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
526	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
527	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
528	421	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
529	422	Đường D9 (khu dân cư D2D)	Đường Võ Thị Sáu	Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
530	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
531	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
532	425	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
533	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
534	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
535	428	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
536	429	Đường N1 (khu dân cư D2D)	Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
537	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
538	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
539	432	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
540	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
541	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
542	435	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1160 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
543	436	Đường Trần Công An	Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa)	Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm)	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
544	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
545	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
546	439	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
547	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
548	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
549	442	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
550	443	Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1)	Cầu An Hảo	Xa lộ Hà Nội	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
551	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
552	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
553	446	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
554	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
555	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
556	449	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
557	450	Đường Trần Quốc Toản	Ranh giới phường Tam Hiệp	Cầu Ông Gia	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
558	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
559	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
560	453	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
561	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
562	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
563	456	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ranh giới phường Tam Hiệp đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
564	457	Đường Trần Quốc Toản	Cầu Ông Gia	Đường Lê Văn Duyệt	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
565	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
566	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
567	460	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
568	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
569	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
570	463	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
571	464	Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai)	Đường Lê Văn Duyệt	Xa lộ Hà Nội	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
572	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
573	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
574	467	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
575	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
576	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
577	470	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
578	471	Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình)	Đường Trần Quốc Toản	Đường N9 (Khu dân cư An Bình)	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
579	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
580	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
581	474	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
582	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
583	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
584	477	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
585	478	Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1)	Đường Trần Quốc Toản	Xa lộ Hà Nội	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
586	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
587	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
588	481	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
589	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
590	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
591	484	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
592	485	Đường Nguyễn Thông	Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1)	Đường Vũ Hồng Phô	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
593	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
594	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
595	488	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
596	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
597	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
598	491	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
599	492	Xa lộ Hà Nội	Từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304	Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
600	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
601	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
602	495	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
603	496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
604	497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
605	498	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Từ ranh thửa đất 19 tờ bản đồ số 304 đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
606	499	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Vòng xoay Tam Hiệp	Hết ranh phường Trấn Biên	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
607	500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
608	501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
609	502	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
610	503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
611	504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
612	505	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
613	506	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long)	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
614	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
615	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
616	509	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
617	510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
618	511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
619	512	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
620	513	Đường N4	Đường Nguyễn Du	Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
621	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
622	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
623	516	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
624	517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
625	518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
626	519	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
627	520	Đường 10	Đường Nguyễn Du	Đường D5 (khu dân cư Bửu Long)	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
628	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
629	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
630	523	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
631	524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
632	525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
633	526	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
634	527	Đường Võ Thị Tám	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
635	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
636	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
637	530	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
638	531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
639	532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
640	533	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
641	534	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Huỳnh Văn Lũy	Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
642	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
643	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
644	537	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
645	538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
646	539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
647	540	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
648	541	Đường Vũ Hồng Phô	Xa lộ Hà Nội	Đường Nguyễn Thông	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
649	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
650	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
651	544	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
652	545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
653	546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
654	547	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Nguyễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
655	548	Đường Trần Thị Hoa	Đường Nguyễn Thông	Đường Nguyễn Quốc Toản	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
656	549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
657	550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
658	551	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
659	552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
660	553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
661	554	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
662	555	Đường ven sông Đồng Nai	Cầu Hóa An	Giáp ranh phường Tân Triều	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
663	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
664	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
665	558	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
666	559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
667	560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
668	561	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
669	562	Đường trục trung tâm	Đường Võ Thị Sáu	Đường Đặng Văn Trơn	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
670	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
671	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
672	565	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
673	566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
674	567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
675	568	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
676	569	Đường ven sông Cái	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh phường Trấn Biên	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
677	570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
678	571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
679	572	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
680	573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
681	574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
682	575	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
683		Đường ven sông Cái	Suối Bà Bột	Đường Trần Quốc Toản	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Suối Bà Bột đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
690	576	Đường D9	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Hoa	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
691	577	Đường Nguyễn Thị Giang	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Thị Hiền	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
692	578	Đường Nguyễn Hiền Vương	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Nguyễn Thị Hiền	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
693	579	Đường trục trung tâm (nhánh)	Đường trục trung tâm	Đường Đặng Văn Trơn	Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
694	580	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
695	581	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
696	582	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
697	583	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
698	584	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trấn Biên	860	860	570	570
699	585	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm (nhánh) đoạn từ Đường trục trung tâm đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trấn Biên	670	670	450	450
700	1	Đường Lê A	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Phạm Văn Thuận	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
701	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
702	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
703	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
704	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
705	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
706	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
707	8	Đường Dương Tử Giang	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Phan Trung	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
708	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
709	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
710	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
711	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
712	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
713	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
714	15	Đường Lê Thoa	Đường Nguyễn Ái Quốc	Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
715	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
716	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
717	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
718	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
719	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
720	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
721	22	Đường Phan Trung	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Đồng Khởi	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
722	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
723	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
724	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
725	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
726	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
727	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
728	29	Đường Trương Định (đường 4)	Đường Phan Trung	Đường Đồng Khởi	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
729	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
730	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
731	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
732	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
733	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
734	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
735	36	Đường Trương Quyền (đường 3)	Đường Trương Định	Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh)	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
736	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
737	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
738	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
739	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
740	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
741	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã ba trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
742	43	Đường Võ Cương	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Trương Quyền (đường 3)	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
743	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
744	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
745	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
746	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
747	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
748	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
749	50	Đường Nguyễn Bá Học	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Trương Định	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
750	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
751	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
752	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
753	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
754	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
755	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
756	57	Đường Dương Bạch Mai	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Đồng Khởi	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
757	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
758	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
759	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
760	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
761	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
762	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
763	64	Đường Phạm Văn Khoai	Đường Đồng Khởi	Đường vành đai sân vận động	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
764	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
765	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
766	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
767	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
768	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
769	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
770	71	Đường Nguyễn Văn A	Đường Đồng Khởi	Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
771	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
772	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
773	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
774	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
775	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
776	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
777	78	Đường Bùi Văn Bình	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường ray tàu hỏa	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
778	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
779	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
780	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
781	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
782	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
783	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
784	85	Đường liên khu phố 6, 7, 8	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Lý Văn Sâm	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
785	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
786	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
787	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
788	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
789	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
790	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
791	92	Đường Lưu Văn Viết	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
792	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
793	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
794	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
795	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
796	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
797	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
798	99	Đường liên khu phố 4 và khu phố 6	Đường Phạm Văn Thuận	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
799	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
800	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
801	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
802	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
803	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
804	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
805	106	Đường Tân Lập	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Lý Văn Sâm	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
806	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
807	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
808	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
809	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
810	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
811	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
812	113	Đường Đa Minh	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Nguyễn Bảo Đức	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
813	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
814	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
815	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
816	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
817	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
818	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
819	120	Hẻm số 279 đường Đồng Khởi	Đường Đồng Khởi	Đường liên khu phố 6, 7, 8	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
820	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
821	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
822	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
823	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
824	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
825	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
826	127	Đường Lý Văn Sâm	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Bảo Đức	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
827	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
828	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
829	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
830	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
831	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
832	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
833	134	Đường Nguyễn Bảo Đức	Đường Đồng Khởi	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
834	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
835	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
836	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
837	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
838	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
839	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
840	141	Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp)	Đường Lý Văn Sâm	Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
841	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
842	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
843	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
844	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
845	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
846	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Đến hết thửa đất số 92 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
847	148	Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật)	Đường Đặng Đức Thuật	Nhà thờ Xuân Hòa	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
848	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
849	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
850	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
851	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
852	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
853	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
854	155	Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm	Đường Đặng Đức Thuật	Đường Lý Văn Sâm	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
855	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
856	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
857	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
858	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
859	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
860	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
861	162	Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức	Đường Đặng Đức Thuật	Đường Nguyễn Bảo Đức	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
862	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
863	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
864	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
865	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
866	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
867	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
868	169	Đường Đặng Đức Thuật	Đường Đồng Khởi	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
869	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
870	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
871	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
872	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
873	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
874	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
875	176	Đường Đoàn Văn Cự	Đường Phạm Văn Thuận	Hết Công ty VMEP	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
876	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
877	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
878	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
879	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
880	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
881	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
882	183	Đường Đoàn Văn Cự	Hết Công ty VMEP	Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
883	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
884	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
885	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
886	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
887	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
888	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
889	190	Đường Dã Tượng	Xa lộ Hà Nội	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
890	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
891	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
892	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
893	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
894	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
895	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
896	197	Đường Hồ Văn Leo	Xa lộ Hà Nội	Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
897	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
898	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
899	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
900	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
901	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
902	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
903	204	Đường Hồ Văn Thể	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Hồ Văn Leo	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
904	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
905	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
906	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
907	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
908	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
909	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
910	211	Đường Phạm Văn Thuận	Xa lộ Hà Nội	Đường 30 tháng 4	Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
911	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
912	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	860	860	570	570
913	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	670	670	450	450
914	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
915	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	860	860	570	570
916	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	670	670	450	450
917	218	Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai	Xa lộ Hà Nội	Hết trường Đinh Tiên Hoàng	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
918	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
919	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
920	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
921	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
922	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
923	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
924	225	Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai	Hết trường Đinh Tiên Hoàng	Sân vận động Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
925	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
926	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
927	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
928	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
929	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
930	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
931	232	Đường Phạm Thị Nghĩa	Xa lộ Hà Nội	Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
932	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
933	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
934	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
935	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
936	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
937	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
938	239	Đường Vũ Hồng Phô	Xa lộ Hà Nội	Đường Trần Quốc Toản	Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	1.500	1.500	970	970
939	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
940	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	860	860	570	570
941	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	670	670	450	450
942	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	1.030	1.030	680	680
943	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	860	860	570	570
944	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Trấn Biên	670	670	450	450
945	246	Đường Trần Quốc Toản	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Vũ Hồng Phô	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
946	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
947	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
948	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
949	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
950	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
951	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
952	253	Đường Trần Quốc Toản	Đường Vũ Hồng Phô	Giáp ranh phường Trấn Biên	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
953	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
954	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
955	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
956	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
957	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
958	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
959	260	Xa lộ Hà Nội	Cầu Sập	Vòng xoay Tam Hiệp	Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
960	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
961	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	860	860	570	570
962	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
963	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
964	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	860	860	570	570
965	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình	670	670	450	450
966	267	Xa lộ Hà Nội	Vòng xoay Tam Hiệp	Hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
967	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
968	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
969	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
970	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
971	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
972	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
973	274	Đường Huỳnh Văn Hớn	Đường Phạm Văn Thuận	Giáp ranh phường Trấn Biên	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
974	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
975	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
976	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
977	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
978	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
979	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
980	281	Đường Trần Thị Hoa	Đường Vũ Hồng Phô	Giáp ranh phường Trấn Biên	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
981	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
982	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
983	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
984	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
985	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
986	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
987	288	Đường Trạm thuế khu vực 2	Đường Phạm Văn Thuận	Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
988	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
989	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
990	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
991	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
992	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
993	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
994	295	Đường Nguyễn Ái Quốc	Giáp ranh phường Trấn Biên	Ngã tư Tân Phong	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
995	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
996	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
997	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
998	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
999	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1000	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã tư Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1001	302	Đường Nguyễn Ái Quốc	Ngã tư Tân Phong	Giáp ranh phường Long Bình	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
1002	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1003	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1004	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1005	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1006	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1007	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1008	309	Đường Bùi Văn Hòa	Xa lộ Hà Nội	Hết ranh phường Tam Hiệp	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
1009	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1010	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1011	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1012	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1013	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1014	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1015	316	Đường Đồng Khởi	Xa lộ Hà Nội	Đường Phạm Văn Khoai	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1016	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1017	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1018	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1019	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1020	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1021	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1022	323	Đường Đồng Khởi	Đường Phạm Văn Khoai	Đường Nguyễn Ái Quốc	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
1023	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1024	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1025	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1026	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1027	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1028	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1029	330	Đường Lê Quý Đôn	Đường Đồng Khởi	Đường vành đai sân vận động	Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
1030	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1031	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1032	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1033	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1034	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1035	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1036	1	Đường Nguyễn Trường Tộ	Quốc lộ 1	Đường Hoàng Văn Bổn	Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.500	1.500	970	970
1037	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.030	1.030	680	680
1038	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1039	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	670	670	450	450
1040	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.030	1.030	680	680
1041	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	860	860	570	570
1042	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	670	670	450	450
1043	8	Đường Hoàng Bá Bích	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Đến đường Hoàng Tam Kỳ	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1044	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1045	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1046	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1047	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1048	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1049	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1050	15	Đường Thân Nhân Trung	Đường Nguyễn Ái Quốc	Suối Săn Máu	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1051	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1052	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1053	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1054	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1055	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1056	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1057	22	Đường Nguyễn Ái Quốc	Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4)	Ranh phường Long Bình	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1058	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1059	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1060	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1061	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1062	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1063	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1064	29	Đường Hoàng Văn Bổn	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trường Tộ	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1065	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1066	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1067	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1068	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1069	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1070	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1071	36	Đường Hoàng Văn Bổn	Đường Nguyễn Trường Tộ	Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân	Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.500	1.500	970	970
1072	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.030	1.030	680	680
1073	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	860	860	570	570
1074	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	670	670	450	450
1075	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.030	1.030	680	680
1076	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	860	860	570	570
1077	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	670	670	450	450
1078	43	Đường Hoàng Văn Bổn	Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân	Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài	Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.500	1.500	970	970
1079	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.030	1.030	680	680
1080	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1081	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	670	670	450	450
1082	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.030	1.030	680	680
1083	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	860	860	570	570
1084	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	670	670	450	450
1085	50	Quốc lộ 1	Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái)	Ranh giới phường Hố Nai	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1086	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1087	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1088	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1089	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1090	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1091	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1092	57	Đường Võ Văn Mén	Xa lộ Hà Nội	Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1093	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1094	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1095	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1096	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1097	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1098	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1099	64	Đường Ngô Sĩ Liên	Quốc lộ 1	Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267	Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.500	1.500	970	970
1100	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1101	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	860	860	570	570
1102	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	670	670	450	450
1103	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	1.030	1.030	680	680
1104	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	860	860	570	570
1105	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Hố Nai	670	670	450	450
1106	71	Đường xóm 8	Xa lộ Hà Nội	Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1107	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1108	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1109	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1110	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1111	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1112	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1113	78	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Ái Quốc	Xa lộ Hà Nội	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1114	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1115	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1116	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1117	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1118	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1119	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1120	85	Đường Tô Hiến Thành	Xa lộ Hà Nội	Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1121	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1122	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1123	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1124	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1125	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1126	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1127	92	Xa lộ Hà Nội	Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái)	Cầu Sập	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1128	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1129	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1130	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1131	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1132	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1133	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1134	99	Xa lộ Hà Nội	Cầu Sập	Vòng xoay Tam Hiệp	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1135	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1136	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1137	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1138	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1139	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1140	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1141	99	Đường Điểu Xiển	Xa lộ Hà Nội	Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1142	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1143	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1144	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1145	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1146	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1147	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1148	106	Đường Yết Kiêu	Xa lộ Hà Nội	Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1149	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1150	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1151	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1152	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1153	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1154	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1155	113	Đường Đặng Nguyên	Xa lộ Hà Nội	Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình)	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1156	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1157	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1158	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1159	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1160	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1161	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Nguyên đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1162	120	Đường Lê Nguyên Đạt	Xa lộ Hà Nội	Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình)	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1163	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1164	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1165	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1166	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1167	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1168	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1169	127	Đường liên khu 3, 4, 5	Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình)	Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1170	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1171	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1172	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1173	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1174	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1175	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1176	134	Đường Hoàng Tam Kỳ	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình)	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1177	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1178	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1179	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1180	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1181	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1182	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1183	141	Đường Huỳnh Dân Sanh	Đường Hoàng Bá Bích	Đường Hoàng Bá Bích	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1184	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1185	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1186	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1187	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1188	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1189	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1190	148	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa	Phường Long Bình, Phường Phước Tân	1.500	1.500	970	970
1191	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1192	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	860	860	570	570
1193	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	670	670	450	450
1194	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	1.030	1.030	680	680
1195	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	860	860	570	570
1196	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến ranh nghĩa trang TP Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Phước Tân	670	670	450	450
1197		Đường Phan Đăng Lưu	Từ đầu ranh nghĩa trang TP Biên Hòa	Suối	Phường Long Bình	1.000	1.000	630	630
1198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Từ đầu ranh nghĩa trang TP Biên Hòa đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	660	660	440	440
1199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Từ đầu ranh nghĩa trang TP Biên Hòa đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	560	560	380	380
1200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Từ đầu ranh nghĩa trang TP Biên Hòa đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	460	460	310	310
1201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Từ đầu ranh nghĩa trang TP Biên Hòa đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Từ đầu ranh nghĩa trang TP Biên Hòa đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	560	560	380	380
1203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Từ đầu ranh nghĩa trang TP Biên Hòa đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	460	460	310	310
1204	155	Đường Bùi Văn Hòa	Xa lộ Hà Nội	Quốc lộ 51	Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	1.500	1.500	970	970
1205	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1206	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1207	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1208	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	1.030	1.030	680	680
1209	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	860	860	570	570
1210	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết cầu 201 (hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 147 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình, Phường Trấn Biên, Phường Tam Hiệp	670	670	450	450
1211	162	Đường vào khu tái định cư Tân Biên	Đường Hoàng Văn Bổn	Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1212	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1213	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1214	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1215	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1216	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1217	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1218	169	Đường vào nhà máy nước Thiện Tân	Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên)	Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái	Phường Long Bình	1.500	1.500	970	970
1219	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1220	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1221	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1222	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Bình	1.030	1.030	680	680
1223	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Bình	860	860	570	570
1224	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Bình	670	670	450	450
1225	1	Đường Nguyễn Ái Quốc	Ngã tư Tân Phong	Hết ranh phường Trảng Dài	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1226	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1227	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1228	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1229	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1230	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1231	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1232	8	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Ái Quốc	Cầu Đồng Khởi	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
1233	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	780	780	510	510
1234	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	660	660	440	440
1235	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	520	520	350	350
1236	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	780	780	510	510
1237	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	660	660	440	440
1238	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	520	520	350	350
1239	15	Đường Đồng Khởi	Cầu Đồng Khởi	Đường Nguyễn Văn Tiên	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1240	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	780	780	510	510
1241	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	660	660	440	440
1242	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	520	520	350	350
1243	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	780	780	510	510
1244	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	660	660	440	440
1245	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	520	520	350	350
1246	22	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Văn Tiên	Đường vào công ty Trấn Biên	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
1247	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	780	780	510	510
1248	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	660	660	440	440
1249	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	520	520	350	350
1250	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1251	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	660	660	440	440
1252	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	520	520	350	350
1253	29	Đường Đồng Khởi	Đường vào công ty Trấn Biên	Đường tỉnh 768	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
1254	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	780	780	510	510
1255	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	660	660	440	440
1256	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	520	520	350	350
1257	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	780	780	510	510
1258	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	660	660	440	440
1259	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	520	520	350	350
1260	36	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Thân Nhân Trung	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1261	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1262	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1263	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1264	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1265	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1266	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1267	43	Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa)	Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài	Đường Thân Nhân Trung	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1268	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1269	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1270	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1271	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1272	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1273	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) đoạn từ Ngã ba đi Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1274	50	Đường tỉnh 768B	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Khuyến	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1275	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1276	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1277	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1278	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1279	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1280	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1281	57	Đường tỉnh 768B	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Thân Nhân Trung	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1282	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1283	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1284	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1285	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1286	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1287	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1288	64	Đường tỉnh 768B	Đường Thân Nhân Trung	Đường Hoàng Văn Bổn	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1289	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1290	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1291	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1292	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1293	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1294	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1295	71	Đường Bùi Trọng Nghĩa	Đường Đồng Khởi	Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1296	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1297	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1298	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1299	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1300	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1301	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1302	78	Đường Bùi Trọng Nghĩa	Ngã ba cây xăng khu phố 3	Đường Nguyễn Khuyến	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1303	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1304	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1305	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1306	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1307	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1308	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1309	85	Đường Trần Văn Xã	Đường Bùi Trọng Nghĩa	Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1310	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1311	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1312	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1313	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1314	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1315	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1316	92	Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2)	Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1317	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1318	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1319	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1320	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1321	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1322	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1323	99	Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2)	Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1324	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1325	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1326	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1327	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1328	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1329	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP3 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42, phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1330	106	Đường Thân Nhân Trung	Đường tỉnh 768B	Suối Săn Máu	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1331	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1332	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1333	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1334	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1335	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1336	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1337	113	Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã)	Hết thửa đất số 415 tờ BĐĐC số 36	Đường Trần Văn Xã	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1338	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Hết thửa đất số 415 tờ BĐĐC số 36 đến Đường Trần Văn Xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1339	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Hết thửa đất số 415 tờ BĐĐC số 36 đến Đường Trần Văn Xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1340	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Hết thửa đất số 415 tờ BĐĐC số 36 đến Đường Trần Văn Xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1341	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Hết thửa đất số 415 tờ BĐĐC số 36 đến Đường Trần Văn Xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1342	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Hết thửa đất số 415 tờ BĐĐC số 36 đến Đường Trần Văn Xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1343	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Hết thửa đất số 415 tờ BĐĐC số 36 đến Đường Trần Văn Xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1344	120	Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã)	Cầu Săn Máu	Hết thửa đất 415 tờ BĐĐC số 36	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1345	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Cầu Săn Máu đến Hết thửa đất 415 tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1346	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Cầu Săn Máu đến Hết thửa đất 415 tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1347	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Cầu Săn Máu đến Hết thửa đất 415 tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1348	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Cầu Săn Máu đến Hết thửa đất 415 tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1349	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Cầu Săn Máu đến Hết thửa đất 415 tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1350	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Xã) đoạn từ Cầu Săn Máu đến Hết thửa đất 415 tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1351	127	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Phúc Chu	Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1352	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1353	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1354	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1355	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1356	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1357	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1358	134	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến)	Đường Bùi Trọng Nghĩa	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1359	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1360	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1361	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1362	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1363	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1364	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1365	141	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Bùi Trọng Nghĩa	Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ)	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1366	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1367	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1368	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1369	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1370	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1371	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1372	148	Đường Hoàng Văn Bổn	Giáp phường Long Bình	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Trảng Dài	1.200	1.200	770	770
1373	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510
1374	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1375	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1376	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Dài	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1377	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	660	660	440	440
1378	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Long Bình đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	520	520	350	350
1379	155	Đường Đoàn Văn Cự	Đường Hoàng Văn Bổn	Đường tỉnh 768	Phường Trảng Dài	730	730	530	530
1380	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	500	500	330	330
1381	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	400	400	260	260
1382	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	290	290	180	180
1383	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	500	500	330	330
1384	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	400	400	260	260
1385	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	290	290	180	180
1386	162	Đường Kỳ Lân	Đường Đoàn Văn Cự	Đường Sở Quýt	Phường Trảng Dài	670	670	470	470
1387	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300
1388	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1389	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1390	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300
1391	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220
1392	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1393	169	Đường Sở Quýt	Đường tỉnh 768	Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào	Phường Trảng Dài	700	700	500	500
1394	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	480	480	310	310
1395	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	370	370	240	240
1396	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	250	250	160	160
1397	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	480	480	310	310
1398	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	370	370	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1399	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	250	250	160	160
1400	176	Đường Sở Quýt	Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào	Đường Kỳ Lân	Phường Trảng Dài	700	700	500	500
1401	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	480	480	310	310
1402	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	370	370	240	240
1403	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	250	250	160	160
1404	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	480	480	310	310
1405	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	370	370	240	240
1406	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	250	250	160	160
1407	183	Đường Sở Quýt	Đường Kỳ Lân	Giáp ranh Phường Hố Nai	Phường Trảng Dài	700	700	500	500
1408	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	480	480	310	310
1409	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	370	370	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1410	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	250	250	160	160
1411	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	480	480	310	310
1412	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	370	370	240	240
1413	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	250	250	160	160
1414		Đường Tỉnh 768	Đường Đồng Khởi	Hết ranh giới phường Tân Triều	Phường Trảng Dài	730	730	530	530
1415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	500	500	330	330
1416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	400	400	260	260
1417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	290	290	180	180
1418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	500	500	330	330
1419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	400	400	260	260
1420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tỉnh 768 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh giới phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1421	190	Đường tỉnh 768	Giáp ranh phường Tân Triều	Cầu Ông Hường	Phường Trảng Dài	730	730	530	530
1422	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	500	500	330	330
1423	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	400	400	260	260
1424	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	290	290	180	180
1425	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	500	500	330	330
1426	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	400	400	260	260
1427	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	290	290	180	180
1428	197	Đường tỉnh 768	Cầu Ông Hường	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Trảng Dài	730	730	530	530
1429	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	500	500	330	330
1430	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	400	400	260	260
1431	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	290	290	180	180
1432	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	500	500	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1433	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	400	400	260	260
1434	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	290	290	180	180
1435	204	Đường tỉnh 768	Đường Đoàn Văn Cự	Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải	Phường Trảng Dài	730	730	530	530
1436	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	500	500	330	330
1437	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	400	400	260	260
1438	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	290	290	180	180
1439	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	500	500	330	330
1440	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	400	400	260	260
1441	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 82 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	290	290	180	180
1442	211	Đường Bưng Mua	Đường tỉnh 768	Suối Bà Ba	Phường Trảng Dài	670	670	470	470
1443	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1444	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220
1445	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1446	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300
1447	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220
1448	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1449	218	Đường Bưng Mua	Suối Bà Ba	Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC	Phường Trảng Dài	670	670	470	470
1450	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300
1451	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220
1452	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1453	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1454	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220
1455	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1456	225	Đường Tân Hiền	Đường tỉnh 768	Giáp ranh phường Tân triều	Phường Trảng Dài	700	700	500	500
1457	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	480	480	310	310
1458	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	370	370	240	240
1459	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	250	250	160	160
1460	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	480	480	310	310
1461	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	370	370	240	240
1462	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	250	250	160	160
1463	232	Đường Bùng Binh	Đường tỉnh 768	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Trảng Dài	670	670	470	470
1464	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1465	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220
1466	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1467	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300
1468	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220
1469	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1470	239	Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ)	Đường tỉnh 768	Đường Đoàn Văn Cự	Phường Trảng Dài	670	670	470	470
1471	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300
1472	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220
1473	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1474	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300
1475	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1476	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1477	246	Đường Ông Thanh	Đường Bùng Binh	Đường Xóm Gò	Phường Trảng Dài	670	670	470	470
1478	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300
1479	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220
1480	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1481	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài	450	450	300	300
1482	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài	350	350	220	220
1483	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài	230	230	140	140
1484	253	Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài	Đường tỉnh 768	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	700	700	500	500
1485	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	480	480	310	310
1486	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	370	370	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1487	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	250	250	160	160
1488	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	480	480	310	310
1489	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	370	370	240	240
1490	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	250	250	160	160
1491	260	Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC)	Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ)	Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	700	700	500	500
1492	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	480	480	310	310
1493	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	370	370	240	240
1494	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	250	250	160	160
1495	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1496	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	370	370	240	240
1497	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều	250	250	160	160
1498	1	Đường Điểu Xiển	Ranh phường Hố Nai	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Phường Hố Nai, Phường Long Bình	1.200	1.200	770	770
1499	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	780	780	510	510
1500	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	660	660	440	440
1501	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	520	520	350	350
1502	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	780	780	510	510
1503	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	660	660	440	440
1504	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai, Phường Long Bình	520	520	350	350
1505	8	Đường Nguyễn Trường Tộ	Quốc lộ 1	Đường Hoàng Văn Bổn	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770
1506	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1507	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1508	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1509	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1510	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1511	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1512	15	Đường Hoàng Văn Bổn	Đường Nguyễn Trường Tộ	Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770
1513	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1514	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1515	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1516	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1517	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1518	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1519	22	Đường Hoàng Văn Bổn	Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5	Giáp ranh phường Trảng Dài	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770
1520	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1521	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1522	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1523	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1524	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1525	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Hết thửa đất số 12 tờ BĐĐC 5 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1526	29	Đường Ngô Sĩ Liên	Quốc lộ 1	Hết thửa đất số 102 tờ BĐĐC số 45	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770
1527	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 102 tờ BĐĐC số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1528	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 102 tờ BĐĐC số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1529	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 102 tờ BĐĐC số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1530	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 102 tờ BĐĐC số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1531	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 102 tờ BĐĐC số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1532	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 102 tờ BĐĐC số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1533	36	Quốc lộ 1	Nguyễn Trường Tộ	Đường Phùng Khắc Khoan	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770
1534	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1535	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1536	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1537	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1538	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1539	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1540	43	Quốc lộ 1	Đường Phùng Khắc Khoan	Hết chợ Thái Bình	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770
1541	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1542	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1543	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1544	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1545	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1546	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1547	50	Quốc lộ 1	Hết chợ Thái Bình	Đường Ngô Xá	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770
1548	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1549	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1550	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1551	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1552	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1553	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Đường Ngô Xá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1554	57	Quốc lộ 1	Đường Ngô Xá	Giáp ranh xã Bình Minh	Phường Hố Nai	730	730	670	670
1555	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	500	500	450	450
1556	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	400	400	350	350
1557	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	290	290	250	250
1558	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	500	500	450	450
1559	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	400	400	350	350
1560	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	290	290	250	250
1561	57	Quốc lộ 1	Đường Ngô Xá	Giáp ranh xã Bình Minh	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770
1562	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1563	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1564	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1565	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1566	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1567	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Xá đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1568	64	Đường Lê Ngô Cát	Quốc lộ 1	Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770
1569	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1570	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1571	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1572	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1573	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1574	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1575	71	Đường Lê Ngô Cát	Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1576	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1577	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1578	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1579	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1580	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1581	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1582	78	Đường Lê Ngô Cát	Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm	Đường Đông Hải - Lộ Đức	Phường Hố Nai	1.200	1.200	770	770
1583	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1584	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1585	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1586	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	780	780	510	510
1587	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	660	660	440	440
1588	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	520	520	350	350
1589	85	Đường Ngô Xá	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1590	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1591	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1592	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1593	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1594	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1595	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1596	92	Đường bên hông giáo xứ Sài Quất	Quốc lộ 1	Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1597	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1598	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1599	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1600	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1601	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1602	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 677, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1603	99	Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình)	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1604	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1605	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1606	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1607	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1608	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1609	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1610	106	Đường Thái Hòa 4	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1611	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1612	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1613	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1614	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1615	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1616	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1617	113	Đường Đông Hải - Lộ Đức	Đường Lê Ngô Cát	Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1618	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1619	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1620	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1621	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1622	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1623	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường Lê Ngô Cát đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1624	120	Đường Đông Hải - Lộ Đức	Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh	Nhà thờ Lai Ổn	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1625	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1626	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1627	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1628	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1629	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1630	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1631	127	Đường Đông Hải - Lộ Đức	Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh	Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1632	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1633	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1634	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1635	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1636	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1637	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Hết thửa đất 105 tờ BĐĐCsố 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1638	134	Ngũ Phúc 1	Quốc lộ 1	Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1639	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1640	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1641	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1642	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1643	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1644	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1645	141	Ngũ Phúc 2	Quốc lộ 1	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1646	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1647	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1648	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1649	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1650	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1651	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1652	148	Đường vào đập Thanh Niên	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 200	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1653	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1654	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1655	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1656	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1657	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1658	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1659	155	Đường vào đập Thanh Niên	Hết mét thứ 200	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1660	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1661	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1662	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1663	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1664	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1665	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1666	162	Đường Trung Đông	Đường Đông Hải - Lộ Đức	Giáp ranh phường Trảng Dài	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1667	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1668	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1669	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1670	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1671	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1672	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1673	169	Đường Xóm Chùa	Quốc lộ 1	Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1674	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1675	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1676	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1677	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1678	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1679	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đến thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1680	176	Đường Xóm Chùa	Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110	Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1681	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1682	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1683	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1684	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1685	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1686	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Từ thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 110 đến Đến thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1687	183	Đường Trung Tâm	Quốc lộ 1	Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1688	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1689	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1690	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1691	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1692	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1693	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1694	190	Đường Trung tâm	Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98	Đường Trung Đông	Phường Hố Nai	670	670	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1695	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1696	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1697	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1698	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1699	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1700	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1701	197	Đường Thái Hòa 6	Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70)	Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70)	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1702	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1703	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1704	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1705	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1706	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1707	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 70) đến Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1708	204	Đường Thái Hòa 6	Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70)	Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105)	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1709	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1710	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1711	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1712	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1713	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1714	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 (Thửa đất số 422 tờ BĐĐC số 70) đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1715	211	Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng	Quốc lộ 1	Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1716	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1717	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1718	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1719	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1720	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1721	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1722	218	Đường Thái Hòa 1	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 200	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1723	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1724	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1725	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1726	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1727	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1728	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1729	225	Đường Thái Hòa 1	Hết mét thứ 200	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1730	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1731	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1732	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1733	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1734	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1735	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1736	232	Đường Thanh Hóa	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 200	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1737	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1738	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1739	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1740	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1741	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1742	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1743	239	Đường Thanh Hóa	Hết mét thứ 200	Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1744	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1745	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1746	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1747	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1748	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1749	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1750	246	Đường Thanh Hóa 1	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 270	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1751	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1752	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1753	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1754	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1755	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1756	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1757	253	Đường Thanh Hóa 1	Hết mét thứ 270	Đường liên xã Bắc Sơn - HN3	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1758	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1759	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1760	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1761	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1762	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1763	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường liên xã Bắc Sơn - HN3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1764	260	Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 300	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1765	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1766	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1767	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1768	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1769	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1770	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1771	267	Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3	Hết mét thứ 300	Đường sắt	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1772	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1773	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1774	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1775	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1776	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1777	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1778	274	Đường vào khu công nghiệp Hố Nai	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1779	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1780	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1781	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1782	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	410	410
1783	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	310	310
1784	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	220	220
1785	281	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Hố Nai	700	700	630	630
1786	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	480	480	430	430
1787	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	370	370	330	330
1788	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	250	250	230	230
1789	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	480	480	430	430
1790	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	370	370	330	330
1791	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	250	250	230	230
1792		Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3	Đường Thanh Hóa 1	Đường An Chu 7	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	320	320
1795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	210	210
1796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	400	400
1797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	320	320
1798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường Thanh Hóa 1 đến Đường An Chu 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	210	210
1799		Đường An Chu 7	Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3	Đường số 2 trong KCN	Phường Hố Nai	670	670	600	600
1800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	400	400
1801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	320	320
1802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	210	210
1803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hố Nai	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hố Nai	350	350	320	320
1805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hố Nai	230	230	210	210
1806	1	Xa lộ Hà Nội	Vòng Xoay Tam Hiệp	Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1807	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1808	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1809	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1810	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1811	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1812	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1813	8	Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1)	Quốc lộ 51	Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1814	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1815	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1816	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1817	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1818	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1819	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1820	15	Quốc lộ 51	Ngã ba Vũng Tàu	Đường Nguyễn Thiện Thuật	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1821	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1822	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1823	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1824	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1825	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1826	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1827	22	Quốc lộ 51	Nguyễn Thiện Thuật	Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1828	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1829	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1830	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1831	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1832	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1833	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1834	29	Quốc lộ 51	Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1835	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1836	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1837	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1838	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1839	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1840	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1841	36	Quốc lộ 51	Đường Nguyễn Trung Trực	Giáp ranh phường Phước Tân	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1842	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1843	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1844	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1845	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1846	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1847	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1848	43	Đường Trương Văn Hải	Quốc lộ 51	Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1849	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1850	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1851	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1852	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1853	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1854	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1855	50	Đường Châu Văn Lồng	Quốc lộ 51	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1856	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1857	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1858	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1859	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1860	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1861	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1862	57	Đường Nguyễn Văn Tỏ	Quốc lộ 51	Suối Bà Lúa	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1863	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1864	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1865	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1866	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1867	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1868	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1869	64	Đường Nguyễn Văn Tỏ	Suối Bà Lúa	Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117)	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1870	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1871	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1872	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1873	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1874	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1875	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền (Hết ranh thửa đất số 289 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1876	71	Đường B5	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3)	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1877	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1878	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1879	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1880	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1881	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1882	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1883	78	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên	Quốc lộ 51	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1884	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1885	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1886	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1887	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1888	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1889	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1890	85	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 51	Nhà văn hóa ấp 4	Phường Long Hưng	1.000	1.000	630	630
1891	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440
1892	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1893	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1894	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440
1895	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1896	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1897	92	Đường Nguyễn Trung Trực	Nhà văn hóa ấp 4	Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150	Phường Long Hưng	1.000	1.000	630	630
1898	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1899	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1900	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1901	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440
1902	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1903	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1904	99	Đường Ngô Quyền	Quốc lộ 51	Cầu An Hòa	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1905	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1906	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1907	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1908	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1909	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1910	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1911	106	Đường Nguyễn Thiện Thuật	Quốc lộ 51	Đường Ngô Quyền	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1912	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1913	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1914	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1915	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1916	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1917	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1918	113	Đường Võ Nguyên Giáp	Quốc lộ 51	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Phường Long Hưng	1.050	1.050	680	680
1919	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1920	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1921	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1922	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Hưng	700	700	460	460
1923	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	590	590	390	390
1924	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	480	480	330	330
1925	120	Hương lộ 2	Đường Ngô Quyền	Cầu cây Ngã	Phường Long Hưng	1.000	1.000	630	630
1926	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440
1927	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1928	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1929	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440
1930	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1931	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1932	127	Hương lộ 2	Cầu cây Ngã	Cầu Vấp	Phường Long Hưng	1.000	1.000	630	630
1933	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1934	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1935	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1936	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440
1937	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1938	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1939	134	Hương lộ 2	Cầu Vấp	Hết ranh phường Long Hưng	Phường Long Hưng	1.000	1.000	630	630
1940	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440
1941	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1942	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1943	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440
1944	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1945	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1946	141	Đường Phước Tân - Long Hưng	Hương Lộ 2	Ranh phường Long Hưng	Phường Long Hưng	1.000	1.000	630	630

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1947	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440
1948	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1949	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1950	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Hưng	660	660	440	440
1951	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Hưng	560	560	380	380
1952	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Hương Lộ 2 đến Ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Hưng	460	460	310	310
1953	1	Đường Nguyễn Ái Quốc	Giáp ranh phường Trấn Biên	Đường Đồng Khởi	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
1954	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1955	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1956	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1957	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1958	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1959	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1960	8	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Ái Quốc	Cầu Đồng Khởi	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
1961	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1962	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1963	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1964	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1965	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1966	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1967	15	Đường Đồng Khởi	Cầu Đồng Khởi	Đường Nguyễn Văn Tiên	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
1968	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1969	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1970	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1971	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1972	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1973	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1974	22	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Văn Tiên	Đường vào công ty Trấn Biên	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
1975	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1976	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1977	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1978	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1979	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1980	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1981	29	Đường Đồng Khởi	Đường vào công ty Trấn Biên	Đường tỉnh 768	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
1982	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1983	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1984	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1985	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1986	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1987	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1988	36	Đường Nguyễn Văn Tiên	Đường Đồng Khởi	Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
1989	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1990	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
1991	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1992	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1993	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1994	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1995	43	Đường Nguyễn Văn Tiên	Khu dân cư Hốc Bà Thức	Đường ranh tường rào sân bay	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
1996	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
1997	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
1998	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
1999	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2000	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2001	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
2002	50	Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều			Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
2003	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2004	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
2005	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
2006	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2007	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
2008	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
2009	57	Đường Lương Văn Nho	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường vào cư xá Tỉnh đội	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
2010	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2011	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
2012	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2013	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2014	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
2015	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
2016	64	Đường Lương Văn Nho	Đường vào cư xá Tỉnh đội	Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
2017	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2018	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
2019	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
2020	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2021	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
2022	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
2023	71	Đường Hồ Hòa	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Lương Văn Nho	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2024	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2025	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
2026	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
2027	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2028	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
2029	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
2030	78	Đường Nguyễn Văn Hoài	Đường Nguyễn Ái Quốc	Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều	Phường Tân Triều	1.200	1.200	770	770
2031	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2032	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
2033	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2034	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Triều	780	780	510	510
2035	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	660	660	440	440
2036	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	520	520	350	350
2037	85	Đường tỉnh 768	Giáp ranh phường Trấn Biên	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ	Phường Tân Triều	730	730	530	530
2038	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	500	500	330	330
2039	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	400	400	260	260
2040	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	290	290	180	180
2041	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	500	500	330	330
2042	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2043	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	290	290	180	180
2044	92	Đường tỉnh 768	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ	Giáp ranh phường Trảng Dài	Phường Tân Triều	730	730	530	530
2045	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	500	500	330	330
2046	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	400	400	260	260
2047	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	290	290	180	180
2048	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	500	500	330	330
2049	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	400	400	260	260
2050	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	290	290	180	180
2051	99	Đường vào Phi Trường	Đường tỉnh 768	Ranh Sân bay Biên Hòa	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2052	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2053	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2054	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2055	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2056	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2057	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2058	106	Đường Cây Quéo ấp 4	Đường tỉnh 768	Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2059	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2060	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2061	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2062	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2063	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2064	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 1426, tờ BĐĐC số 92; Bên phải: hết ranh thửa đất số 1422, tờ BĐĐC số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2065	113	Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải	Đường tỉnh 768	Hết khu dân cư Tín Khải	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2066	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2067	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2068	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2069	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2070	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2071	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2072	120	Đường 16	Đường tỉnh 768	Hết đường	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2073	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2074	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2075	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2076	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2077	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2078	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2079	127	Đường 16	Đường D1	Hết đường	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2080	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2081	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2082	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2083	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2084	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2085	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2086	134	Đường 5 - 7	Đường tỉnh 768	Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2087	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2088	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2089	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2090	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2091	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2092	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 95, tờ bản đồ số 24, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2093	141	Hương lộ 15	Đường tỉnh 768	Ngã ba Hương lộ 6	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2094	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2095	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2096	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2097	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2098	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2099	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2100	148	Hương lộ 15	Ngã ba Hương lộ 6	Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2101	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2102	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2103	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2104	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2105	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2106	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã ba Hương lộ 6 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2107	155	Hương lộ 15	Cổng số 10 (ấp 6 cũ)	Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2108	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2109	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2110	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2111	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2112	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2113	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2114	162	Hương lộ 15	Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2	Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2115	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2116	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2117	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2118	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2119	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2120	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2121	169	Hương lộ 15	Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2	Bến đò Bình Ninh	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2122	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2123	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2124	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2125	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2126	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2127	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 323, tờ BĐĐC số 2 đến Bến đò Bình Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2128	176	Hương lộ 15	Hương lộ 7	Bến đò Tân Uyên	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2129	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2130	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2131	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2132	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2133	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2134	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2135	183	Đường Bình Hòa - Cây Dương	Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ)	Đường Mỹ	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2136	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2137	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2138	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2139	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2140	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2141	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2142	190	Đường Bình Hòa - Cây Dương	Đường Mỹ	Hết Miếu Hàm Hòa	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2143	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2144	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2145	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2146	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2147	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2148	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2149	197	Đường Bình Hòa - Cây Dương	Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ	Đường tỉnh 768	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2150	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2151	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2152	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2153	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2154	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2155	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở công an phường (khu vực Bình Hòa cũ đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2156	204	Đường Mỹ	Đường tỉnh 768	Đường Bình Hòa - Cây Dương	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2157	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2158	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2159	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2160	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2161	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2162	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2163	211	Hương lộ 9	Đường tỉnh 768	Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2164	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2165	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2166	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2167	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2168	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2169	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2170	218	Hương lộ 9	Đến hết Km+200	Nhà thờ Tân Triều	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2171	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2172	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2173	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2174	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2175	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2176	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2177	225	Hương lộ 9	Nhà thờ Tân Triều	Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2178	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2179	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2180	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2181	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2182	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2183	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2184	232	Đường Thành Đức - Tân Triều	Đường Hương lộ 9	Miếu ngói Vĩnh Hiệp	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2185	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2186	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2187	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2188	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2189	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2190	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2191	239	Hương lộ 7	Đường tỉnh 768	Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo)	Phường Tân Triều	700	700	500	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2192	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2193	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2194	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2195	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2196	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2197	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2198	246	Hương lộ 7	Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo)	Hương lộ 15	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2199	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2200	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2201	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2202	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2203	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2204	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2205	253	Hương lộ 7	Ranh giới xã Bình Lợi (cũ)	Hương lộ 15	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2206	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2207	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2208	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2209	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2210	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2211	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2212	260	Đường Bình Lục - Long Phú	Ngã ba Hương lộ 7	Hương lộ 7	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2213	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2214	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2215	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2216	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2217	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2218	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Ngã ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2219	267	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ	Đường tỉnh 768	Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2220	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2221	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2222	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2223	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2224	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2225	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2226	274	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ	Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ)	Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ)	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2227	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2228	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2229	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2230	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2231	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2232	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2233	281	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ	Hương lộ 7	Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ)	Phường Tân Triều	700	700	500	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2234	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2235	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2236	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2237	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2238	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2239	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2240	288	Đường Bến Đôi 2-4	Giáp Hương lộ 15	Bờ sông Đồng Nai	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2241	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2242	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2243	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2244	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2245	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2246	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2247	295	Đường Cầu Ốc	Hương lộ 7	Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2248	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2249	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2250	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2251	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2252	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2253	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều; Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2254	302	Đường Đất Cát	Hương lộ 15	Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2255	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2256	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2257	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2258	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2259	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2260	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2261	309	Đường liên ấp 3 - 4	Hương lộ 15	Hương lộ 7	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2262	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2263	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2264	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2265	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2266	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2267	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2268	316	Đường Long Chiến	Hương lộ 15	Bờ sông Đồng Nai	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2269	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2270	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2271	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2272	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2273	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2274	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2275	323	Đường Xóm Rạch	Hương lộ 15	Bờ sông Đồng Nai	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2276	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2277	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2278	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2279	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2280	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2281	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2282	330	Đường Đa Lộc	Hương lộ 15	Bờ sông Đồng Nai	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2283	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2284	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2285	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2286	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2287	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2288	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2289	337	Đường Bàu Tre	Hương lộ 15	Hương lộ 6	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2290	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2291	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2292	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2293	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2294	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2295	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2296	344	Hương lộ 6	Hương lộ 15	Bờ sông Đồng Nai	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2297	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2298	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2299	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2300	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2301	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2302	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2303	351	Đường Tân Hiền	Đường tỉnh 768	Giáp ranh phường Trảng Dài	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2304	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2305	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2306	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2307	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2308	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2309	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2310	358	Đường Lò Thổi	Đường tỉnh 768	Đường Hương lộ 15	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2311	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2312	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2313	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2314	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2315	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2316	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2317	365	Đường Chùa Cao Đài	Đường tỉnh 768	Hương lộ 15	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2318	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2319	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2320	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2321	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2322	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2323	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2324	372	Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài	Đường tỉnh 768	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19)	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2325	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2326	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2327	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2328	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2329	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2330	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2331	379	Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19)	Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ)	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2332	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2333	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2334	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2335	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2336	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2337	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2338	386	Đường Đất Cát (nhánh 2)	Đường Đất Cát	Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2339	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2340	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2341	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2342	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2343	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2344	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát (nhánh 2) đoạn từ Đường Đất Cát đến Giáp ranh thửa đất số 1023, tờ BĐĐC số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2345	393	Đường Xóm Rạch 2	Hương lộ 15	Đường Đa Lộc	Phường Tân Triều	670	670	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2346	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2347	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2348	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2349	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2350	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2351	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 2 đoạn từ Hương lộ 15 đến Đường Đa Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2352	400	Đường Xóm Rạch 3	Đường Xóm Rạch	Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2353	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2354	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2355	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2356	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2357	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2358	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch 3 đoạn từ Đường Xóm Rạch đến Giáp ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 48 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2359	407	Đường Miễu Ông	Đường tỉnh 768	Hết đường	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2360	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2361	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2362	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2363	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2364	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2365	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu Ông đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2366	414	Đường hẻm 1 - Bình Phước	Đường Hương lộ 7	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2367	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2368	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2369	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2370	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2371	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2372	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 1 - Bình Phước đoạn từ Đường Hương lộ 7 đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2373	435	Đường Bàu Đàn	Hương lộ 7	Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2374	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2375	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2376	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2377	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2378	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2379	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Đàn đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên trái : hết ranh thửa đất số 1369, tờ BĐĐC số 76; Bên phải : hết ranh thửa đất số 1398, tờ BĐĐC số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2380	442	Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều	Đường Thành Đức - Tân Triều	Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2381	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2382	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2383	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2384	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2385	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2386	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà bia Bình Phước - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Giáp ranh thửa đất số 328, tờ BĐĐC số 75 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2387	449	Đường hẻm 5 - Bình Ý	Đường tỉnh 768	Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều	Phường Tân Triều	700	700	500	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2388	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2389	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2390	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2391	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2392	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2393	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 5 - Bình Ý đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh thửa đất số 91, tờ BĐĐC số 88 phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2394	456	Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều	Đường Thành Đức - Tân Triều	Đường Bình Lục - Long Phú	Phường Tân Triều	670	670	470	470
2395	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2396	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2397	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2398	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	450	450	300	300
2399	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	350	350	220	220
2400	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường và cầu nối ấp Bình Lục - Tân Triều đoạn từ Đường Thành Đức - Tân Triều đến Đường Bình Lục - Long Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	230	230	140	140
2401	463	Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính)	Đường tỉnh 768	Đường 16	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2402	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2403	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2404	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2405	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2406	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2407	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7 - 11 ấp 1 xã Thạnh Phú (cũ) nối dài qua trường tiểu học Tân Phú (cơ sở chính) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2408	470	Đường giao thông số 7 - 11	Đường 16	Hết ngã ba; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2409	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Hết ngã ba; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2410	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Hết ngã ba; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2411	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Hết ngã ba; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2412	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Hết ngã ba; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2413	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Hết ngã ba; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2414	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông số 7 - 11 đoạn từ Đường 16 đến Hết ngã ba; Bên phải: hết ranh thửa đất số 676, tờ BĐĐC số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2415	477	Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ)	Hương lộ 6	Hương lộ 15	Phường Tân Triều	700	700	500	500
2416	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2417	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2418	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2419	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Triều	480	480	310	310
2420	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Triều	370	370	240	240
2421	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6 - 7 xã Thạnh Phú (cũ) đoạn từ Hương lộ 6 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Triều	250	250	160	160
2422	1	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Long Hưng	Đầu cầu số 3	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2423	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2424	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2425	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2426	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2427	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2428	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2429	8	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu số 3	Đường Chu Mạnh Trinh	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2430	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2431	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2432	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2433	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2434	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2435	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2436	15	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Chu Mạnh Trinh	Hết ranh giới phường Phước Tân	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2437	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2438	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2439	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2440	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2441	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2442	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2443	22	Đường Đinh Quang Ân	Quốc lộ 51	Hết Chùa Viên Thông	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2444	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2445	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2446	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2447	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2448	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2449	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2450	29	Đường Đinh Quang Ân	Chùa Viên Thông	Đường Võ Nguyên Giáp	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2451	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2452	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2453	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2454	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2455	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2456	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2457	36	Quốc lộ 51	Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài)	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2458	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2459	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2460	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2461	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2462	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2463	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2464	43	Quốc lộ 51	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Sông Buông	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2465	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2466	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2467	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2468	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2469	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2470	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2471	50	Quốc lộ 51	Cầu Sông Buông	Giáp ranh phường Tam Phước	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2472	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2473	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2474	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2475	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2476	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2477	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2478	57	Đường Phước Tân - Long Hưng	Quốc lộ 51	Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2479	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2480	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2481	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2482	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2483	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2484	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2485	64	Đường Nam Cao	Quốc lộ 51	Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2486	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2487	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2488	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2489	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2490	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2491	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2492	71	Đường Hoàng Đình Cận	Quốc lộ 51	Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2493	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2494	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2495	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2496	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2497	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2498	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2499	78	Đường Hồ Văn Huê	Quốc lộ 51	Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2500	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2501	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2502	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2503	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2504	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2505	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2506	85	Đường Trương Hán Siêu	Quốc lộ 51	Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2507	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2508	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2509	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2510	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2511	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2512	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2513	92	Đường Thành Thái	Cầu bắc qua Sông Buông	Hết ranh giới phường Phước Tân	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2514	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2515	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2516	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2517	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2518	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2519	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2520	99	Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng	Quốc lộ 51	Hết ranh giới phường Phước Tân	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2521	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2522	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2523	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2524	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2525	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2526	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2527	106	Đường Phước Tân - Giang Điền	Đường Thành Thái	Hết ranh giới phường Phước Tân	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2528	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2529	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2530	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2531	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2532	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2533	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2534	113	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2535	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2536	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2537	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2538	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2539	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2540	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2541	120	Đường Chu Mạnh Trinh	Đường Đinh Quang Ân	Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2542	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2543	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2544	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2545	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2546	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2547	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2548	127	Đường Bùi Văn Hòa	Quốc lộ 51	Hết ranh giới phường Phước Tân	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2549	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2550	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2551	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2552	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2553	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2554	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2555	134	Đường Phan Đăng Lưu	Hết ranh phường Long Bình	Giáp suối	Phường Phước Tân, Phường Long Bình	1.000	1.000	630	630
2556	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân, Phường Long Bình	660	660	440	440
2557	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân, Phường Long Bình	560	560	380	380
2558	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân, Phường Long Bình	460	460	310	310
2559	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Tân, Phường Long Bình	660	660	440	440
2560	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân, Phường Long Bình	560	560	380	380
2561	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân, Phường Long Bình	460	460	310	310
2562		Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa	Đường Bùi Văn Hoà	Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51.	Phường Phước Tân	1.000	1.000	630	630
2563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Tân	660	660	440	440
2567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Tân	560	560	380	380
2568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 1423 Bùi Văn Hòa đoạn từ Đường Bùi Văn Hoà đến Phía bên trái hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5; bên phải hết ranh thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Tân	460	460	310	310
2569	1	Đường Dương Diên Nghệ	Quốc lộ 51	Hết ranh Phường Tam Phước	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2570	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2571	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2572	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2573	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2574	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2575	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2576	8	Hương lộ 2	Ranh giới phường Tam Phước	Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2577	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2578	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2579	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2580	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2581	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2582	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết thửa đất số 88 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2583	15	Đường Hà Nam	Quốc lộ 51	Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước)	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2584	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2585	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2586	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2587	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2588	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2589	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2590	22	Đường Lý Nhân Tông	Quốc lộ 51	Đường Dương Diên Nghệ	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2591	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2592	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2593	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2594	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2595	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2596	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2597	29	Quốc lộ 51	Ranh giới phường Phước Tân	Đường Hàm Nghi	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2598	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2599	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2600	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2601	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2602	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2603	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2604	36	Quốc lộ 51	Đường Hàm Nghi	Đường Phùng Hưng	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2605	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2606	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2607	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2608	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2609	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2610	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2611	43	Quốc lộ 51	Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển	Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2612	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2613	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2614	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2615	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2616	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2617	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2618	50	Đường Hàm Nghi	Quốc lộ 51	Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2619	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2620	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2621	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2622	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2623	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2624	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên trái giáp ranh thửa đất số 196, tờ BĐĐC số 30; bên phải giáp ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2625	57	Đường Nguyễn Khắc Hiếu	Đường Phùng Hưng	Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38)	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2626	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2627	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2628	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2629	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2630	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2631	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã ba (Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2632	64	Đường Nguyễn Khắc Hiếu	Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24	Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2633	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2634	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2635	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2636	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2637	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2638	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã ba (Đến hết thửa đất số 70, tờ bản đồ số 24 đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ địa chính số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2639	71	Đường Nguyễn Hoàng	Đường Phùng Hưng	Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ)	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2640	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2641	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2642	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2643	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2644	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2645	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2646	78	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền	Giáp ranh phường Phước Tân	Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2647	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2648	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2649	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2650	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2651	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2652	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2653	85	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền	Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền	Giáp ranh phường Trảng Bom	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2654	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2655	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2656	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2657	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2658	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2659	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2660	92	Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng	Đường vào trường Trung cấp Phật Học	Giáp ranh phường Phước Tân	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2661	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2662	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2663	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2664	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2665	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2666	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2667	99	Đường Phùng Hưng	Quốc lộ 51	Hết ranh phường Tam Phước	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2668	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2669	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2670	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2671	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2672	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2673	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2674	106	Đường Mai Chí Thọ	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền	Hết ranh phường Tam Phước.	Phường Tam Phước	1.000	1.000	630	630
2675	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440
2676	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2677	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2678	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tam Phước	660	660	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2679	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tam Phước	560	560	380	380
2680	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đến Hết ranh phường Tam Phước. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tam Phước	460	460	310	310
2681	1	Đường Lê Duẩn	Ranh giới phường Long Thành	Đường Trần Phú	Phường Long Thành	800	800	710	710
2682	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2683	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2684	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2685	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2686	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2687	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2688	8	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Phú	Đường Lý Tự Trọng	Phường Long Thành	800	800	710	710
2689	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2690	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2691	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2692	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2693	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2694	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2695	15	Đường Lê Duẩn	Đường Lý Tự Trọng	Cầu Quán Thủ	Phường Long Thành	800	800	710	710
2696	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2697	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2698	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2699	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2700	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2701	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2702	22	Đường Lê Duẩn	Cầu Quán Thủ	Mũi tàu	Phường Long Thành	800	800	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2703	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2704	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2705	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2706	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2707	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2708	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2709	29	Quốc lộ 51	Mũi tàu	Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây	Phường Long Thành	730	730	600	600
2710	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	430	430
2711	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	350	350
2712	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	270	270
2713	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2714	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	350	350
2715	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	270	270
2716	36	Quốc lộ 51	Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây	Giáp ranh xã Long Phước	Phường Long Thành	730	730	600	600
2717	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	430	430
2718	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	350	350
2719	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	270	270
2720	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	430	430
2721	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	350	350
2722	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	270	270
2723	43	Đường Cầu Mên	Đường tỉnh 769	Hầm chui cao tốc	Phường Long Thành	670	670	530	530
2724	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2725	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	260	260
2726	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	180	180
2727	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	330	330
2728	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	260	260
2729	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	180	180
2730	50	Đường Cầu Mên	Hầm chui cao tốc	Hết ranh giới xã Long Thành	Phường Long Thành	670	670	530	530
2731	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
2732	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310
2733	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
2734	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
2735	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2736	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
2737	57	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Đường tỉnh 769	Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành	Phường Long Thành	730	730	600	600
2738	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	380	380
2739	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	310	310
2740	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	230	230
2741	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	380	380
2742	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	310	310
2743	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	230	230
2744	64	Đường Cây Khế - Bưng Môn	Đường Bưng Môn	Đường tỉnh 769	Phường Long Thành	670	670	530	530
2745	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
2746	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2747	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
2748	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
2749	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310
2750	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
2751	71	Đường tỉnh 769	Quốc lộ 51	Đường Bưng Môn	Phường Long Thành	730	730	600	600
2752	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	430	430
2753	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	350	350
2754	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	270	270
2755	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	430	430
2756	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	350	350
2757	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	270	270
2758	78	Đường tỉnh 769	Đường Bưng Môn	Giáp ranh giới xã Bình An	Phường Long Thành	730	730	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2759	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	430	430
2760	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	350	350
2761	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	270	270
2762	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	430	430
2763	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	350	350
2764	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	270	270
2765	85	Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ)	Đường tỉnh 769	Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành)	Phường Long Thành	670	670	530	530
2766	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
2767	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310
2768	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2769	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
2770	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310
2771	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
2772	92	Đường Xóm Trầu	Quốc lộ 51	Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu	Phường Long Thành	670	670	530	530
2773	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
2774	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310
2775	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
2776	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
2777	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310
2778	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
2779	99	Đường 25B	Quốc lộ 51	Giáp ranh xã Nhơn Trạch	Phường Long Thành	670	670	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2780	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
2781	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310
2782	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
2783	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
2784	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310
2785	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
2786	106	Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ)	Quốc lộ 51	Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành	Phường Long Thành	700	700	570	570
2787	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	480	480	400	400
2788	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	370	370	330	330
2789	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	250	250	250	250
2790	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	480	480	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2791	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	370	370	330	330
2792	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An (cũ) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	250	250	250	250
2793	113	Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ	Quốc lộ 51	Đường tỉnh 769	Phường Long Thành	700	700	570	570
2794	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	480	480	400	400
2795	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	370	370	330	330
2796	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	250	250	250	250
2797	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	480	480	400	400
2798	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	370	370	330	330
2799	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	250	250	250	250
2800	120	Đường Liên xã Bình An - Long Thành	Đường tỉnh 769	Thửa 130 tờ 92	Phường Long Thành	700	700	570	570
2801	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	480	480	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2802	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	370	370	330	330
2803	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	250	250	250	250
2804	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	480	480	400	400
2805	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	370	370	330	330
2806	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Thửa 130 tờ 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	250	250	250	250
2807	127	Đường Ngô Hà Thành	Đường Trường Chinh	Giáp ranh xã Long An cũ	Phường Long Thành	800	800	710	710
2808	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Long An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2809	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Long An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2810	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Long An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2811	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Long An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2812	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Long An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2813	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Long An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2814	134	Đường Trần Nhân Tông	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Ngô Hà Thành	Phường Long Thành	800	800	710	710
2815	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2816	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2817	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2818	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2819	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2820	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2821	141	Đường Võ Thị Sáu	Lê Duẩn	Giáp ranh xã Bình An	Phường Long Thành	800	800	710	710
2822	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2823	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2824	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2825	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2826	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2827	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2828	148	Đường Lê Quang Định	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trường Chinh	Phường Long Thành	800	800	710	710
2829	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2830	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2831	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2832	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2833	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2834	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2835	155	Đường Lê Quang Định	Đường Trường Chinh	Ranh giới thị trấn Long Thành cũ	Phường Long Thành	800	800	710	710
2836	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới thị trấn Long Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2837	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới thị trấn Long Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2838	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới thị trấn Long Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2839	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới thị trấn Long Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2840	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới thị trấn Long Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2841	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới thị trấn Long Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2842	162	Đường Trường Chinh	Đường Võ Thị Sáu	Mũi tàu	Phường Long Thành	800	800	710	710
2843	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2844	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2845	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2846	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2847	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2848	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2849	169	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Nhơn Trạch	Phường Long Thành	800	800	710	710
2850	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2851	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2852	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2853	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2854	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2855	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2856	176	Đường Hai Bà Trưng	Đường Lê Duẩn	Đường Trường Chinh	Phường Long Thành	800	800	710	710
2857	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2858	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2859	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2860	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2861	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2862	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2863	183	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Lê Duẩn	Đường Trường Chinh	Phường Long Thành	800	800	710	710
2864	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2865	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2866	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2867	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2868	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2869	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2870	190	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Hai Bà Trưng	Hông Siêu thị Vincom	Phường Long Thành	800	800	710	710
2871	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2872	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2873	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2874	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2875	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2876	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2877	197	Đường vào nhà thờ Văn Hải	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Trị	Phường Long Thành	800	800	710	710
2878	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ Văn Hải đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2879	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ Văn Hải đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2880	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ Văn Hải đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2881	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ Văn Hải đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2882	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ Văn Hải đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2883	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ Văn Hải đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2884	204	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Duẩn	Đường Chu Văn An	Phường Long Thành	800	800	710	710
2885	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2886	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2887	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2888	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2889	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2890	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2891	211	Đường Chu Văn An	Giáp ranh xã An Phước	Đường Lê Lai	Phường Long Thành	800	800	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2892	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2893	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2894	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2895	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2896	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2897	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2898	218	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Lê Duẩn	Đường Trường Chinh	Phường Long Thành	800	800	710	710
2899	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2900	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2901	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2902	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2903	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2904	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2905	225	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Trường Chinh	Đường tỉnh 769	Phường Long Thành	800	800	710	710
2906	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2907	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2908	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2909	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2910	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2911	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2912	232	Đường Tạ Uyên	Đường Lê Duẩn	Đường Chu Văn An	Phường Long Thành	800	800	710	710
2913	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2914	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2915	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2916	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2917	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2918	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2919	239	Đường Lý Tự Trọng	Đường Lê Duẩn	Đường Hai Bà Trưng	Phường Long Thành	800	800	710	710
2920	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2921	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2922	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2923	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2924	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2925	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2926	246	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trường Chinh	Phường Long Thành	800	800	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2927	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2928	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2929	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2930	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2931	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2932	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2933	253	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trường Chinh	Đường Lê Quang Định	Phường Long Thành	800	800	440	440
2934	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	350	350
2935	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	290	290
2936	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	220	220
2937	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2938	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	290	290
2939	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	220	220
2940	260	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ)	Phường Long Thành	800	800	710	710
2941	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2942	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2943	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2944	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2945	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2946	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2947	267	Đường Hà Huy Giáp	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ)	Phường Long Thành	800	800	710	710
2948	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2949	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2950	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2951	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2952	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2953	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2954	274	Đường Trần Thượng Xuyên	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Thành	800	800	710	710
2955	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2956	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2957	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2958	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2959	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2960	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2961	281	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Võ Thị Sáu	Phường Long Thành	800	800	710	710
2962	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2963	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2964	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2965	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2966	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2967	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2968	288	Đường Trần Nhân Tông	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Ngô Hà Thành	Phường Long Thành	800	800	710	710
2969	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2970	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2971	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2972	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2973	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2974	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2975	295	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Hai Bà Trưng	Đường Võ Thị Sáu	Phường Long Thành	800	800	710	710
2976	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2977	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2978	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2979	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2980	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2981	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2982	302	Đường Hoàng Minh Châu	Đầu đường Trần Quang Khải	Đường Hoàng Tam Kỳ	Phường Long Thành	800	800	710	710
2983	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2984	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2985	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2986	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2987	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2988	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2989	309	Đường Hoàng Tam Kỳ	Đường Hoàng Minh Châu	Giáp ranh xã An Phước	Phường Long Thành	800	800	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
2990	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2991	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2992	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2993	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2994	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2995	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
2996	316	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Văn Cừ	Bên phải đến hết ranh thửa đất số 349, tờ BĐĐC số 14; bên trái hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 14	Phường Long Thành	800	800	710	710
2997	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 349, tờ BĐĐC số 14; bên trái hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
2998	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 349, tờ BĐĐC số 14; bên trái hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
2999	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 349, tờ BĐĐC số 14; bên trái hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3000	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 349, tờ BĐĐC số 14; bên trái hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3001	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 349, tờ BĐĐC số 14; bên trái hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3002	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 349, tờ BĐĐC số 14; bên trái hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3003	323	Đường Nguyễn Văn Ký	Đường Chu Văn An	Đường Lê Lợi	Phường Long Thành	800	800	710	710
3004	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3005	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3006	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3007	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3008	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3009	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3010	330	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Trần Quang Khải	Phường Long Thành	800	800	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3011	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3012	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3013	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3014	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3015	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3016	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3017	337	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đến thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32	Phường Long Thành	800	800	710	710
3018	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đến thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3019	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đến thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3020	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đến thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3021	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đến thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3022	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đến thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3023	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đến thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3024	344	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trần Quang Khải	Phường Long Thành	800	800	710	710
3025	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3026	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3027	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3028	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3029	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3030	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3031	351	Đường Trịnh Văn Dục	Đường Nguyễn Văn Cừ	Hết ranh thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32	Phường Long Thành	800	800	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3032	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3033	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3034	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3035	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3036	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3037	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ BĐĐC số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3038	358	Đường Trần Văn Trà	Đường Lê Duẩn	Chu Văn An	Phường Long Thành	800	800	710	710
3039	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3040	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3041	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3042	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3043	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3044	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3045	365	Đường Nguyễn Văn Trị	Đường Hà Huy Giáp	Hết tuyến	Phường Long Thành	800	800	710	710
3046	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3047	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3048	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3049	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3050	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3051	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3052	372	Đường Phan Chu Trinh	Đường Hà Huy Giáp	Đường Huỳnh Văn Lũy	Phường Long Thành	800	800	710	710
3053	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3054	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3055	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3056	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3057	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3058	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3059	379	Đường Phan Bội Châu	Đường Lê Duẩn	Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông)	Phường Long Thành	800	800	710	710
3060	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3061	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3062	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3063	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3064	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3065	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3066	386	Đường Lý Nam Đế	Đường Lê Duẩn	Đầu hẻm 56	Phường Long Thành	800	800	710	710
3067	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3068	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3069	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3070	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3071	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3072	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3073	393	Đường Trần Quang Diệu	Quốc lộ 51	Đường Phạm Văn Đồng	Phường Long Thành	800	800	710	710
3074	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3075	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3076	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3077	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3078	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3079	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3080	400	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Thành	800	800	710	710
3081	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3082	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3083	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3084	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3085	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3086	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3087	407	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Thành	800	800	710	710
3088	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3089	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3090	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3091	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3092	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3093	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3094	414	Đường Lê Hồng Phong	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Thành	800	800	710	710
3095	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3096	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3097	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3098	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3099	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3100	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3101	421	Đường Trần Quốc Toản	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Long Thành	800	800	710	710
3102	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3103	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3104	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3105	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3106	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3107	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3108	428	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Lê Quang Định	Hết tuyến	Phường Long Thành	800	800	710	710
3109	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3110	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3111	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3112	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3113	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3114	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3115	435	Đường Lê Lai	Đường Tạ Uyên	Đường Chu Văn An	Phường Long Thành	800	800	710	710
3116	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3117	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3118	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3119	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3120	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3121	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3122	442	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lê Duẩn	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Long Thành	800	800	710	710
3123	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3124	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3125	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3126	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3127	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3128	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3129	449	Đường Võ Văn Tần	Đường Lê Duẩn	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Long Thành	800	800	710	710
3130	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3131	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3132	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3133	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3134	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3135	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3136	456	Đường liên xã An Phước - Long Thành	Đường Trần Quang Khải	Đường Hoàng Tam Kỳ	Phường Long Thành	800	800	710	710
3137	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3138	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3139	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3140	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3141	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3142	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3143	463	Đường Nguyễn Hải	Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15	Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17	Phường Long Thành	800	800	710	710
3144	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3145	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3146	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3147	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3148	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3149	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3150	470	Đường Lê Lợi	Đường Hà Huy Giáp	Hết ranh thửa 189 tờ 13	Phường Long Thành	800	800	710	710
3151	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3152	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440
3153	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3154	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Thành	630	630	580	580
3155	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	480	480	440	440

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3156	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa 189 tờ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	320	320	270	270
3157	477	Đường D1	Toàn tuyến		Phường Long Thành	730	730	600	600
3158	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	430	430
3159	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	350	350
3160	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	270	270
3161	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	500	500	430	430
3162	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	400	400	350	350
3163	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	270	270	270	270
3164	484	Đường D3	Toàn tuyến		Phường Long Thành	670	670	530	530
3165	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380
3166	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310
3167	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
3168	488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Thành	450	450	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3169	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Thành	350	350	310	310
3170	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Thành	230	230	230	230
3171	1	Quốc lộ 51	Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An	Mũi tàu	Xã Bình An	730	730	600	600
3172	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3173	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3174	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3175	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3176	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3177	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Từ giáp ranh xã An Phước - Bình An đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3178	8	Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ)	Đường liên xã Bình An - Long Thành	Giáp ranh phường Long Thành	Xã Bình An	730	730	600	600
3179	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3180	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3181	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3182	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3183	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3184	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3185	15	Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ)	Đường liên xã Bình An - Long Thành	Đường Võ Thị Sáu	Xã Bình An	730	730	600	600
3186	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3187	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3188	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3189	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3190	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3191	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trường Chinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Đường liên xã Bình An - Long Thành đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3192	22	Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An	Đầu sân bóng khu 15	Giáp ranh xã An Viễn	Xã Bình An	670	670	530	530
3193	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3194	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3195	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3196	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3197	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3198	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An đoạn từ Đầu sân bóng khu 15 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3199	29	Đường Vũ Hồng Phô	Đường Lê Duẩn	Đường Trường Chinh	Xã Bình An	670	670	530	530
3200	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3201	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3202	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3203	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3204	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3205	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3206	36	Đường Trần Văn Ơn	Đường Lê Duẩn	Đường Tôn Đức Thắng	Xã Bình An	700	700	570	570
3207	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3208	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3209	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3210	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3211	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3212	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3213	43	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Duẩn	Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ	Xã Bình An	700	700	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3214	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3215	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3216	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3217	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3218	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3219	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3220	50	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Vũ Hồng Phô	Đường Võ Thị Sáu	Xã Bình An	700	700	570	570
3221	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3222	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3223	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3224	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3225	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3226	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3227	57	Đường liên xã Bình An - Long Thành	Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành	Đường Lê Quang Định	Xã Bình An	700	700	570	570
3228	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3229	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3230	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3231	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3232	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3233	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3234	64	Đường liên xã Bình An - Long Thành	Nhà máy mủ cao su Long Thành	Giáp ranh phường Long Thành	Xã Bình An	700	700	570	570
3235	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3236	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3237	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3238	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3239	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3240	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3241	71	Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên)	Đường tỉnh 769	Hết ranh thửa 36 tờ 74	Xã Bình An	670	670	530	530
3242	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết ranh thửa 36 tờ 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3243	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết ranh thửa 36 tờ 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3244	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết ranh thửa 36 tờ 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3245	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết ranh thửa 36 tờ 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3246	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết ranh thửa 36 tờ 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3247	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết ranh thửa 36 tờ 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3248		Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên)	Thửa 401 tờ 48	Giáp Cầu Mên	Xã Bình An, Phường Long Thành	730	730	600	600
3249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	500	500	430	430
3250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	400	400	350	350
3251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	270	270	270	270
3252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	500	500	430	430
3253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	270	270	270	270
3255		Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên)	Thửa 401 tờ 48	Giáp Cầu Mên	Xã Bình An, Phường Long Thành	730	730	600	600
3256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	500	500	430	430
3257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	400	400	350	350
3258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	270	270	270	270
3259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	500	500	430	430
3260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	400	400	350	350
3261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Thửa 401 tờ 48 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An, Phường Long Thành	270	270	270	270
3262	78	Đường tỉnh 769	Ranh phường Long Thành - Bình An	Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ	Xã Bình An	730	730	600	600
3263	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3264	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3265	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3266	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3267	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3268	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh phường Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3269	85	Đường tỉnh 769	Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ	Cầu An Viễn	Xã Bình An	730	730	600	600
3270	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3271	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3272	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3273	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3274	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3275	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3276	92	Đường tỉnh 769	Cầu An Viễn	Giáp nông trường cao su An Viễng	Xã Bình An	730	730	600	600
3277	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3278	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3279	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3280	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3281	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3282	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3283	99	Đường tỉnh 769	Nông trường cao su An Viễng	Cầu Cái Hảo	Xã Bình An	730	730	600	600
3284	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3285	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3286	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3287	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3288	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3289	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3290	106	Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An)	Cầu Suối Sâu	Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế	Xã Bình An	700	700	570	570
3291	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3292	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3293	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3294	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3295	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3296	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 (xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An) đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3297	113	Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ	Đường tỉnh 769	Hương lộ 10 xây dựng mới	Xã Bình An	670	670	530	530
3298	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3299	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3300	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3301	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3302	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3303	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên ấp Sa Cá cũ - Bàu Tre cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3304	120	Đường Lê Quang Định	Cầu Suối Phèn	Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu	Xã Bình An	700	700	570	570
3305	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3306	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3307	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3308	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	480	480	400	400
3309	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	370	370	330	330
3310	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	250	250	250	250
3311	127	Đường khu 14	Nhà máy mủ cao su Long Thành	Giáp ranh xã An Phước	Xã Bình An	730	730	600	600
3312	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3313	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3314	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3315	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	500	500	430	430
3316	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	400	400	350	350
3317	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	270	270	270	270
3318	134	Đường Nguyễn Thị Giờ	Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu	Đường Liên xã Bình An - Long Thành	Xã Bình An	670	670	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3319	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3320	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3321	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3322	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3323	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3324	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3325	141	Đường Nguyễn Thị Giờ	Đường Liên xã Bình An - Long Thành	Giáp ranh xã An Phước	Xã Bình An	670	670	530	530
3326	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3327	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3328	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3329	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3330	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3331	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3332	148	Đường Nguyễn Thị Xót	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Quang Định	Xã Bình An	670	670	530	530
3333	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3334	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3335	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3336	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3337	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3338	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3339	155	Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An	Đường liên xã Long Thành – Bình An	Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2	Xã Bình An	670	670	530	530
3340	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3341	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3342	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3343	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3344	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3345	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3346	162	Đường ấp An Viễng cũ	Tỉnh lộ 769	Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BDĐC số 38	Xã Bình An	670	670	530	530
3347	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BDĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3348	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BDĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3349	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BDĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3350	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BDĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3351	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3352	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp An Viễng cũ đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Đến hết rảnh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3353	169	Đường Bàu Lùng	Tỉnh lộ 769	Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53	Xã Bình An	670	670	530	530
3354	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3355	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3356	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3357	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình An	450	450	380	380
3358	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình An	350	350	310	310
3359	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình An	230	230	230	230
3360	176	Đường D1 trong khu dân cư Gem Sky World	Từ Đường liên xã Bình An - Long Thành	Giáp ranh xã An Phước	Xã Bình An	480	480	400	400
3361	1	Hương lộ 2	Hương lộ 21	Hết ranh giới xã An Phước	Xã An Phước	700	700	570	570
3362	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3363	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3364	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3365	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3366	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3367	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3368	8	Hương lộ 21	Quốc lộ 51	Đường liên xã An Phước - Tam An cũ	Xã An Phước	700	700	570	570
3369	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3370	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3371	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3372	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3373	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3374	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3375	15	Hương lộ 21	Đường liên xã An Phước - Tam An cũ	Hết ranh giới xã An Phước	Xã An Phước	700	700	570	570
3376	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3377	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3378	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3379	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3380	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3381	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3382	22	Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ)	Đường Nguyễn Hải	Hương lộ 21	Xã An Phước	700	700	570	570
3383	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3384	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3385	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3386	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3387	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3388	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3389	29	Đường Nguyễn Hải	Ngã ba Phước Nguyên	Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65	Xã An Phước	700	700	570	570
3390	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3391	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3392	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3393	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3394	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3395	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã ba Phước Nguyên đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3396	36	Đường Nguyễn Hải	Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65	Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64	Xã An Phước	700	700	570	570
3397	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3398	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3399	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3400	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3401	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3402	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 đến Hết ranh thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3403	43	Đường Chu Văn An	Giáp ranh xã Long Thành	hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước	Xã An Phước	670	670	530	530
3404	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	450	450	380	380
3405	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3406	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	230	230	230	230
3407	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	450	450	380	380
3408	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	350	350	310	310
3409	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến hết ranh Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	230	230	230	230
3410	50	Quốc lộ 51	Ngã ba đường Phùng Hưng	Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam	Xã An Phước	730	730	600	600
3411	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	500	500	430	430
3412	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	400	400	350	350
3413	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	270	270	270	270
3414	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	500	500	430	430
3415	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3416	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba đường Phùng Hưng đến Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	270	270	270	270
3417	57	Quốc lộ 51	Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam	Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54)	Xã An Phước, xã Bình An	730	730	600	600
3418	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước, xã Bình An	500	500	430	430
3419	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước, xã Bình An	400	400	350	350
3420	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước, xã Bình An	270	270	270	270
3421	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước, xã Bình An	500	500	430	430
3422	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước, xã Bình An	400	400	350	350
3423	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết cục hậu cần kỹ thuật BĐBP kho hậu cần tổng hợp 101 phía Nam đến Mũi tàu (hết ranh thửa đất số 263 tờ 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước, xã Bình An	270	270	270	270
3424	64	Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ)	Mũi tàu	Giáp ranh xã Long Thành	Xã An Phước, xã Bình An	730	730	600	600
3425	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước, xã Bình An	500	500	430	430
3426	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước, xã Bình An	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3427	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước, xã Bình An	270	270	270	270
3428	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước, xã Bình An	500	500	430	430
3429	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước, xã Bình An	400	400	350	350
3430	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước, xã Bình An	270	270	270	270
3431	71	Đường liên ấp 7 - ấp 8	Quốc lộ 51	Đường Phùng Hưng - xã An Phước	Xã An Phước	700	700	570	570
3432	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3433	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3434	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3435	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3436	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3437	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3438	78	Đường Phùng Hưng	Quốc lộ 51	Giáp ranh xã An Viễn	Xã An Phước	730	730	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3439	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	500	500	430	430
3440	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	400	400	350	350
3441	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	270	270	270	270
3442	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	500	500	430	430
3443	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	400	400	350	350
3444	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	270	270	270	270
3445	85	Đường khu công nghiệp Long Đức	Quốc lộ 51	Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước	Xã An Phước	700	700	570	570
3446	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400
3447	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3448	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3449	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	480	480	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3450	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	370	370	330	330
3451	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	250	250	250	250
3452	92	Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng	Giáp ranh phường Long Thành	Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao	Xã An Phước	670	670	530	530
3453	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	450	450	380	380
3454	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	350	350	310	310
3455	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	230	230	230	230
3456	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Phước	450	450	380	380
3457	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Phước	350	350	310	310
3458	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đến ranh thu hồi đất dự án khu công nghệ cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Phước	230	230	230	230
3459	1	Quốc lộ 51	Giáp ranh phường Long Thành	Cầu Suối Cả	Xã Long Phước	730	730	600	600
3460	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	500	500	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3461	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	400	400	350	350
3462	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	270	270	270	270
3463	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	500	500	430	430
3464	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	400	400	350	350
3465	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	270	270	270	270
3466	8	Quốc lộ 51	Cầu Suối Cả	Hết UBND xã Long Phước	Xã Long Phước	700	700	570	570
3467	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3468	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3469	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3470	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3471	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3472	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3473	15	Quốc lộ 51	Hết UBND xã Long Phước	Hết chùa Pháp Hưng	Xã Long Phước	730	730	600	600
3474	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	500	500	430	430
3475	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	400	400	350	350
3476	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	270	270	270	270
3477	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	500	500	430	430
3478	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	400	400	350	350
3479	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	270	270	270	270
3480	22	Quốc lộ 51	Hết chùa Pháp Hưng	Ranh giới xã Phước Thái	Xã Long Phước	730	730	600	600
3481	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	500	500	430	430
3482	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	400	400	350	350
3483	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	270	270	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3484	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	500	500	430	430
3485	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	400	400	350	350
3486	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	270	270	270	270
3487	29	Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Hết ranh xã Long Phước	Xã Long Phước	670	670	530	530
3488	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	450	450	380	380
3489	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	350	350	310	310
3490	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	230	230	230	230
3491	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	450	450	380	380
3492	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	350	350	310	310
3493	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	230	230	230	230
3494	36	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Quốc lộ 51	Giáp chùa Long Phước Thọ	Xã Long Phước	700	700	570	570

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3495	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3496	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3497	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3498	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3499	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3500	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3501	43	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Giáp chùa Long Phước Thọ	Giáp chùa Long Quang	Xã Long Phước	700	700	570	570
3502	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3503	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3504	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3505	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3506	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3507	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3508	50	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Giáp chùa Long Quang	Cầu Bản Cù	Xã Long Phước	700	700	570	570
3509	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3510	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3511	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3512	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3513	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3514	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3515	57	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Cầu Bản Cù	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Long Phước	700	700	570	570
3516	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3517	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3518	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3519	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3520	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3521	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3522	64	Đường Suối Le	Ngã ba Cây Cầy	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Long Phước	670	670	530	530
3523	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	450	450	380	380
3524	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	350	350	310	310
3525	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	230	230	230	230
3526	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	450	450	380	380
3527	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3528	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	230	230	230	230
3529	71	Hương lộ 12 (đường Bà Ký)	Quốc lộ 51	Giáp ranh xã Phước An	Xã Long Phước	700	700	570	570
3530	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3531	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3532	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3533	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	480	480	400	400
3534	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	370	370	330	330
3535	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	250	250	250	250
3536	78	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ	Giáp ranh xã Xuân Đường	Xã Long Phước	670	670	530	530
3537	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	450	450	380	380
3538	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3539	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	230	230	230	230
3540	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	450	450	380	380
3541	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	350	350	310	310
3542	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	230	230	230	230
3543	85	Đường ấp 2 Suối Trầu	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90)	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93)	Xã Long Phước	670	670	530	530
3544	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	450	450	380	380
3545	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	350	350	310	310
3546	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	230	230	230	230
3547	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Phước	450	450	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3548	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Phước	350	350	310	310
3549	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 90) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Phước	230	230	230	230
3550	1	Quốc lộ 51	Giáp ranh xã Long Phước	Cầu Thái Thiện	Xã Phước Thái	730	730	600	600
3551	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	500	500	430	430
3552	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	400	400	350	350
3553	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	270	270	270	270
3554	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	500	500	430	430
3555	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	400	400	350	350
3556	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	270	270	270	270
3557	8	Quốc lộ 51	Cầu Thái Thiện	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Phước Thái	730	730	600	600
3558	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	500	500	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3559	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	400	400	350	350
3560	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	270	270	270	270
3561	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	500	500	430	430
3562	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	400	400	350	350
3563	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	270	270	270	270
3564	15	Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ	Quốc lộ 51	Cầu Suối 1	Xã Phước Thái	700	700	570	570
3565	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	480	480	400	400
3566	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	370	370	330	330
3567	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	250	250	250	250
3568	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	480	480	400	400
3569	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3570	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	250	250	250	250
3571	22	Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ	Cầu Suối 1	Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ	Xã Phước Thái	700	700	570	570
3572	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	480	480	400	400
3573	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	370	370	330	330
3574	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	250	250	250	250
3575	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	480	480	400	400
3576	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	370	370	330	330
3577	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	250	250	250	250
3578	29	Đường vào UBND xã Phước Bình cũ	Quốc lộ 51	Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái)	Xã Phước Thái	700	700	570	570
3579	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	480	480	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3580	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	370	370	330	330
3581	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	250	250	250	250
3582	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	480	480	400	400
3583	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	370	370	330	330
3584	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	250	250	250	250
3585	36	Đường vào UBND xã Phước Bình cũ	Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái)	Ranh xã Phước Thái	Xã Phước Thái	700	700	570	570
3586	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	480	480	400	400
3587	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3588	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	250	250	250	250
3589	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	480	480	400	400
3590	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	370	370	330	330
3591	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	250	250	250	250
3592	43	Đường liên ấp 1-3	Đường vào UBND xã Phước Bình cũ	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Phước Thái	670	670	530	530
3593	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	450	450	380	380
3594	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	350	350	310	310
3595	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	230	230	230	230
3596	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	450	450	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3597	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	350	350	310	310
3598	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	230	230	230	230
3599	50	Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình	Đường vào UBND xã Phước Bình cũ	Giáp ranh xã Long Phước	Xã Phước Thái	670	670	530	530
3600	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	450	450	380	380
3601	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	350	350	310	310
3602	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	230	230	230	230
3603	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	450	450	380	380
3604	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	350	350	310	310
3605	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	230	230	230	230
3606	57	Đường nhựa xã Phước Bình cũ	Quốc lộ 51	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Phước Thái	670	670	530	530
3607	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	450	450	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3608	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	350	350	310	310
3609	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	230	230	230	230
3610	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Thái	450	450	380	380
3611	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Thái	350	350	310	310
3612	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Thái	230	230	230	230
3613	1	Đường Lê Hồng Phong	Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172	Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670
3614	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3615	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3616	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3617	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3618	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3619	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Bên trái từ thửa 9 tờ 172 bên phải thửa 19 tờ 172 đến Bên trái hết thửa 28 tờ 173; bên phải hết thửa 30 tờ 173 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3620	8	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đến hết thửa 51 tờ 277	Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	730	730	670	670
3621	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	500	500	450	450
3622	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	370	370	330	330
3623	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	250	250	220	220
3624	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	500	500	450	450
3625	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	370	370	330	330
3626	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đến hết thửa 51 tờ 277 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	250	250	220	220
3627	15	Đường Quách Thị Trang	Đường Lý Thái Tổ	Đường Trần Văn Trà	Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	730	730	670	670
3628	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	500	500	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3629	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	370	370	330	330
3630	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	250	250	220	220
3631	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	500	500	450	450
3632	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	370	370	330	330
3633	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch, xã Phước An	250	250	220	220
3634	22	Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ	Trạm xăng dầu Bảo Uyên	Đường Vành đai 3	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3635	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3636	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3637	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3638	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3639	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3640	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3-Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3641	29	Đường Lý Thái Tổ	Giáp ranh phường Long Thành	Cầu Phước Thiền	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
3642	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
3643	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
3644	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
3645	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
3646	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
3647	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
3648	36	Đường Lý Thái Tổ	Cầu Phước Thiền	Đường vào khu tái định cư Phước Thiền	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
3649	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
3650	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
3651	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3652	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
3653	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
3654	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
3655	43	Đường Lý Thái Tổ	Đường vào khu tái định cư Phước Thiền	Đường vào đình Phú Mỹ 2	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670
3656	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3657	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3658	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3659	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3660	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3661	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3662	50	Đường Lý Thái Tổ	Đường vào đình Phú Mỹ 2	Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3663	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3664	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3665	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3666	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3667	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3668	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3669	57	Đường Lý Thái Tổ	Trường Tiểu học Phú Hội	Cầu Long Tân	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670
3670	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3671	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3672	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3673	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3674	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3675	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3676	64	Đường Lý Thái Tổ	Cầu Long Tân	Đường Quách Thị Trang	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670
3677	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3678	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3679	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3680	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3681	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3682	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3683	71	Đường Lý Thái Tổ	Quách Thị Trang	Hết ranh phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670
3684	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3685	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3686	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3687	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3688	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3689	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3690	78	Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền)	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3691	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3692	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3693	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3694	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3695	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3696	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3697	85	Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ)	Đường Lý Thái Tổ	Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3698	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3699	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3700	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3701	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3702	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3703	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3704	92	Đường Bến Chùa	Đường Lý Thái Tổ	Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3705	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3706	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3707	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3708	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3709	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3710	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3711	99	Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3712	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3713	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3714	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3715	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3716	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3717	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3718	106	Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3719	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3720	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3721	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3722	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3723	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3724	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3725	113	Đường Trần Phú	Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ)	Cầu Đồng Môn	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670
3726	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3727	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3728	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3729	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3730	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3731	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Từ vòng xoay bên cam (Lý Thái Tổ) đến Cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3732	120	Đường Trần Phú	Cầu Đồng Môn	Trạm thu phí BOT 319	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3733	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3734	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3735	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3736	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3737	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3738	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3739	127	Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch)	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	670	670	600	600
3740	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3741	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3742	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3743	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3744	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3745	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc phường Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3746	134	Đường vào Cù Lao Ông Cồn	Đường Lý Tự Trọng	Sông Cái (xã Long Tân Cũ)	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3747	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3748	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3749	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3750	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3751	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3752	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3753	141	Đường Trần Văn Ơn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Kim Quy	Phường Nhơn Trạch	670	670	600	600
3754	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3755	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3756	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3757	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3758	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3759	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3760	148	Đường Trần Văn Ơn	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Lý Thái Tổ	Phường Nhơn Trạch	670	670	600	600
3761	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3762	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3763	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3764	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3765	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3766	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3767	155	Đường vào giáo xứ Tân Tường	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3768	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3769	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3770	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3771	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3772	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3773	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3774	162	Đường vào trường mầm non Phú Thạnh	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3775	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3776	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3777	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3778	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3779	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3780	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3781	169	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	670	670	600	600
3782	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3783	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3784	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3785	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3786	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3787	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3788	176	Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân)	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Trần Văn Ơn	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3789	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3790	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3791	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3792	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3793	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3794	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3795	183	Đường Miễu	Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch	Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3796	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3797	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3798	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3799	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3800	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3801	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3802	190	Đường Miễu	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3803	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3804	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3805	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3806	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3807	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3808	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3809	197	Đường Cây Dầu	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lý Thái Tổ	Phường Nhơn Trạch	670	670	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3810	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3811	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3812	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3813	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3814	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3815	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3816	204	Đường Đào Thị Phấn	Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch	Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	670	670	600	600
3817	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3818	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3819	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3820	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	450	450	400	400
3821	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	350	350	320	320
3822	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	220	220	200	200
3823	211	Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội)	Đường Lý Thái Tổ	Đường Đào Thị Phấn	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3824	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3825	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3826	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3827	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3828	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3829	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3830	218	Đường Bờ	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3831	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3832	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3833	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3834	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3835	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3836	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3837	225	Đường vào Đình Phú Mỹ 2	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch)	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3838	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3839	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3840	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3841	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3842	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3843	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3844	232	Đường vào khu tái định cư Phước Thiền	Đường Lý Thái Tổ	Hết khu TĐC Phước Thiền	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3845	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3846	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3847	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3848	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3849	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3850	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3851	239	Đường Trần Phú	Ngã tư Bến Cam	Công ty Kim Phong	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670
3852	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3853	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3854	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3855	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3856	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3857	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3858	246	Đường Trần Phú	Công ty Kim Phong	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3859	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3860	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3861	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3862	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3863	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3864	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3865	253	Đường Trần Phú	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
3866	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
3867	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
3868	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
3869	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3870	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
3871	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
3872	260	Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ)	Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch	Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3873	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3874	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3875	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3876	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3877	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3878	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải phường Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, phường Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3879	267	Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	Đường Lý Thái Tổ	Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3880	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3881	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3882	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3883	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3884	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3885	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3886	274	Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ)	Giáp ranh phường Long Thành	Đường Trần Phú	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
3887	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3888	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
3889	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
3890	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
3891	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
3892	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
3893	281	Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ)	Đường Trần Phú	Đường Quách Thị Trang	Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670
3894	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
3895	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3896	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3897	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3898	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
3899	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
3900	288	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch)	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch)	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3901	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3902	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3903	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3904	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3905	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3906	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3907	295	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Ngô Gia Tự	Đường Phan Đăng Lưu	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3908	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3909	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3910	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3911	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3912	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3913	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3914	302	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phan Đăng Lưu	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3915	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3916	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3917	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3918	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3919	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3920	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3921	309	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Trần Văn Ơn	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3922	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3923	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3924	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3925	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3926	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3927	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3928	316	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Trần Đại Nghĩa	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3929	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3930	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3931	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3932	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3933	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3934	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3935	323	Đường 28 tháng 4	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Thích Quảng Đức	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3936	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3937	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3938	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3939	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3940	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3941	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3942	330	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Thích Quảng Đức	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3943	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3944	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3945	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3946	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3947	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3948	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3949	337	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3950	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3951	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3952	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3953	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3954	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3955	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3956	344	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Trần Đại Nghĩa	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3957	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3958	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3959	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3960	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3961	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3962	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3963	351	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3964	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3965	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3966	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3967	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3968	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3969	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3970	358	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Ngô Gia Tự	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3971	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3972	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3973	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3974	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3975	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3976	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3977	365	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Ngô Gia Tự	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3978	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3979	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3980	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3981	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3982	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3983	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3984	372	Đường Lê Đức Thọ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Ngô Gia Tự	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3985	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3986	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3987	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3988	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3989	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3990	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3991	379	Đường Thích Quảng Đức	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
3992	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3993	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3994	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3995	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
3996	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
3997	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
3998	386	Đường Hoàng Minh Châu	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Ngô Gia Tự	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
3999	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
4000	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
4001	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4002	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
4003	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
4004	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
4005	393	Đường Vũ Hồng Phô	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Ngô Gia Tự	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
4006	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
4007	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
4008	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
4009	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
4010	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
4011	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
4012	400	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
4013	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4014	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
4015	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
4016	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
4017	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
4018	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
4019	407	Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch)	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
4020	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
4021	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
4022	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
4023	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4024	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
4025	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, phường Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
4026	414	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Ngã ba Phước Thiền	Cầu Mạch Bà	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
4027	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ngã ba Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4028	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ngã ba Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4029	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ngã ba Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4030	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ngã ba Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4031	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ngã ba Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4032	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ngã ba Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4033	421	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Cầu Mạch Bà	Giáp ranh xã Phước An	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
4034	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4035	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4036	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4037	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4038	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4039	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4040	428	Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ	Hùng Vương	Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
4041	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4042	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4043	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4044	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4045	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4046	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4047	435	Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ	Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
4048	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4049	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4050	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4051	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4052	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4053	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4054	442	Đường Cây Me	Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4055	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4056	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4057	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4058	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4059	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4060	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4061	449	Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng	Đường Hùng Vương	Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
4062	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4063	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4064	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4065	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4066	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4067	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đến thửa đất 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4068	456	Đường vào cổng khu phố Phước Lai	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
4069	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4070	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4071	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4072	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4073	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4074	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4075	463	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Tôn Đức Thắng	Hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
4076	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4077	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4078	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4079	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4080	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4081	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 49 tờ bản đồ số 236 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4082	470	Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ	Đường Lý Thái Tổ (Tỉnh lộ 769 cũ)	Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86	Phường Nhơn Trạch	800	800	710	710
4083	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (Tỉnh lộ 769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4084	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (Tỉnh lộ 769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4085	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (Tỉnh lộ 769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4086	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (Tỉnh lộ 769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	510	510	470	470
4087	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (Tỉnh lộ 769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	420	420	380	380
4088	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (Tỉnh lộ 769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	310	310	260	260
4089	477	Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ	Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ	Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái	Phường Nhơn Trạch	600	600	530	530
4090	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
4091	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4092	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
4093	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	400	400	360	360
4094	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	290	290	250	250
4095	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đến Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	180	180	180	180
4096		Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3	Toàn tuyến		Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670
4097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
4098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
4099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
4100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
4102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
4103		Đường Nguyễn Ái Quốc	Đoạn còn lại		Phường Nhơn Trạch	730	730	670	670
4104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
4105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
4106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
4107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Nhơn Trạch	500	500	450	450
4108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Nhơn Trạch	370	370	330	330
4109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Nhơn Trạch	250	250	220	220
4110	1	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ)	Giáp ranh phường Nhơn Trạch	Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ	Xã Đại Phước	730	730	670	670
4111	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4112	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4113	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4114	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4115	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330
4116	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4117	8	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ)	Đường Trần Văn Trà	Phà Cát Lái	Xã Đại Phước	730	730	670	670
4118	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4119	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330
4120	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4121	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4122	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4123	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4124	15	Đường Trần Văn Trà	Đường Trần Nam Trung	Ngã ba Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà	Xã Đại Phước	730	730	670	670
4125	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã ba Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4126	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã ba Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330
4127	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã ba Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4128	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã ba Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4129	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã ba Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330
4130	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã ba Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4131	22	Quách Thị Trang	Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An	Đường Trần Văn Trà	Xã Đại Phước	730	730	670	670
4132	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4133	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4134	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4135	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4136	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330
4137	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh phường Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4138	29	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Đường Lý Thái Tổ	Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ	Xã Đại Phước	730	730	670	670
4139	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4140	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330
4141	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4142	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4143	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4144	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4145	36	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ	Giáp ranh giới xã Phước An	Xã Đại Phước	730	730	670	670
4146	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4147	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330
4148	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4149	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	500	500	450	450
4150	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	370	370	330	330
4151	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	250	250	220	220
4152	43	Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ	Đường Trần Văn Trà	Đường Hùng Vương	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4153	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4154	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4155	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4156	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4157	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4158	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4159	50	Đường Võ Thị Sáu	Đường Hùng Vương	Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt)	Xã Đại Phước	670	670	600	600
4160	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4161	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4162	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4163	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4164	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4165	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4166	57	Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ)	Đường Hùng Vương	Đường Trần Văn Trà	Xã Đại Phước	670	670	600	600
4167	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4168	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4169	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4170	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4171	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4172	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4173	64	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Trần Văn Trà	Đường Hùng Vương	Xã Đại Phước	670	670	600	600
4174	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4175	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4176	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4177	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4178	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4179	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4180	71	Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng)	Đường Hùng Vương	Đường Quách Thị Trang	Xã Đại Phước, xã Phước An	600	600	530	530
4181	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	400	400	360	360
4182	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	290	290	250	250
4183	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	180	180	180	180
4184	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	400	400	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4185	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	290	290	250	250
4186	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	180	180	180	180
4187	78	Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn	Đường Hùng Vương	Sông Ông Kèo	Xã Đại Phước	670	670	600	600
4188	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4189	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4190	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4191	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4192	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4193	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4194	85	Đường vào khu Tái định cư Phú Đông	Đường Võ Thị Sáu	Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông	Xã Đại Phước	670	670	600	600
4195	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4196	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4197	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4198	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4199	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4200	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4201	92	Đường đoạn từ đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Văn Trị (Đường Cống Đỏ Cũ)	Đường Hùng Vương	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4202	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đoạn từ đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị (Đường Cống Đỏ Cũ) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4203	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đoạn từ đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị (Đường Cống Đỏ Cũ) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4204	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đoạn từ đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị (Đường Cống Đỏ Cũ) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4205	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đoạn từ đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị (Đường Cống Đỏ Cũ) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4206	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đoạn từ đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị (Đường Cống Đò Cũ) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4207	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đoạn từ đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị (Đường Cống Đò Cũ) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4208	99	Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1	Đường Lý Thái Tổ	Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước)	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4209	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4210	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4211	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4212	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4213	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4214	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4215	106	Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2	Đường Lý Thái Tổ	Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1	Xã Đại Phước	600	600	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4216	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4217	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4218	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4219	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4220	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4221	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4222	113	Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ)	Đường Lý Thái Tổ	Đường Phan Văn Đáng	Xã Đại Phước	670	670	600	600
4223	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4224	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4225	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4226	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4227	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4228	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4229	120	Đường Chòm Dầu	Đường Lý Thái Tổ	Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4230	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4231	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4232	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4233	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4234	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4235	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4236	127	Đường Phan Văn Đáng	Đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước	Xã Đại Phước	670	670	600	600
4237	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4238	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4239	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4240	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4241	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4242	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4243	134	Đường Dương Văn Thì	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nguyễn Văn Trị	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4244	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4245	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4246	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4247	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4248	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4249	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4250	141	Đường Vàm Ô	Đường Lý Thái Tổ	Giáp sông Cái xã Đại Phước	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4251	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4252	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4253	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4254	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4255	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4256	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4257	148	Đường đê Ông Kèo	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba Thánh thất Phú Hữu	Xã Đại Phước	670	670	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4258	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4259	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4260	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4261	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4262	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4263	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4264	155	Đường đê Ông Kèo	Ngã ba Thánh Thất Phú Hữu	Hết ranh xã Đại Phước	Xã Đại Phước	670	670	600	600
4265	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã ba Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4266	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã ba Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4267	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã ba Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4268	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã ba Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4269	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã ba Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4270	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã ba Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4271	162	Đường ấp Phước Lương	Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu	Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4272	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4273	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4274	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4275	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4276	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4277	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4278	169	Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ)	Đường Hùng Vương	Giáp đường đê Ông Kèo	Xã Đại Phước, xã Phước An	670	670	600	600
4279	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4280	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	350	350	320	320
4281	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	220	220	200	200
4282	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	450	450	400	400
4283	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	350	350	320	320
4284	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước, xã Phước An	220	220	200	200
4285	176	Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ)	Ngã tư đường đê Ông Kèo	Sông Vàm Mương	Xã Đại Phước	670	670	600	600
4286	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400
4287	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4288	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4289	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4290	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	350	350	320	320
4291	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	220	220	200	200
4292	183	Đường vào Trường THCS Phước Khánh	Đường Phạm Thái Bường	Hết Trường Tiểu học Phước Khánh	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4293	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4294	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4295	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4296	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4297	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4298	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4299	190	Đường vào bến đò Phước Khánh	Đường Phạm Thái Bường	Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước)	Xã Đại Phước	600	600	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4300	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4301	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4302	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4303	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4304	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4305	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4306	197	Đường Trường mầm non Phước Khánh	Sông Vàm Mương	Đường đê Ông Kèo	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4307	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4308	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4309	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4310	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4311	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4312	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4313	204	Đường vào khu tái định cư Phước Khánh	Đường Phạm Thái Bường	Hết khu tái định cư Phước Khánh	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4314	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4315	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4316	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4317	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4318	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4319	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4320	211	Đường nối từ đường Phạm Thái Bường (xã Phước Khánh cũ) đến sông ông Thuộc (xã Phước Khánh cũ)	Đường Phạm Thái Bường Xã Phước Khánh (cũ)	Sông Ông Thuộc Xã Phước Khánh (cũ)	Xã Đại Phước	600	600	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4321	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường (xã Phước Khánh cũ) đến sông ông Thuộc (xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Phạm Thái Bường Xã Phước Khánh (cũ) đến Sông Ông Thuộc Xã Phước Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4322	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường (xã Phước Khánh cũ) đến sông ông Thuộc (xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Phạm Thái Bường Xã Phước Khánh (cũ) đến Sông Ông Thuộc Xã Phước Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4323	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường (xã Phước Khánh cũ) đến sông ông Thuộc (xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Phạm Thái Bường Xã Phước Khánh (cũ) đến Sông Ông Thuộc Xã Phước Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4324	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường (xã Phước Khánh cũ) đến sông ông Thuộc (xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Phạm Thái Bường Xã Phước Khánh (cũ) đến Sông Ông Thuộc Xã Phước Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4325	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường (xã Phước Khánh cũ) đến sông ông Thuộc (xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Phạm Thái Bường Xã Phước Khánh (cũ) đến Sông Ông Thuộc Xã Phước Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4326	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường (xã Phước Khánh cũ) đến sông ông Thuộc (xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Phạm Thái Bường Xã Phước Khánh (cũ) đến Sông Ông Thuộc Xã Phước Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4327	218	Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ	Đường Hùng Vương (Đoạn Qua Xã Đại Phước)	Đường Lý Thái Tổ, đoạn Từ Đường Trần Văn Trà đến phà Cát Lái	Xã Đại Phước	600	600	530	530
4328	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Hùng Vương (Đoạn Qua Xã Đại Phước) đến Đường Lý Thái Tổ, đoạn Từ Đường Trần Văn Trà đến phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4329	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Hùng Vương (Đoạn Qua Xã Đại Phước) đến Đường Lý Thái Tổ, đoạn Từ Đường Trần Văn Trà đến phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4330	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Hùng Vương (Đoạn Qua Xã Đại Phước) đến Đường Lý Thái Tổ, đoạn Từ Đường Trần Văn Trà đến phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4331	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Hùng Vương (Đoạn Qua Xã Đại Phước) đến Đường Lý Thái Tổ, đoạn Từ Đường Trần Văn Trà đến phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đại Phước	400	400	360	360
4332	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Hùng Vương (Đoạn Qua Xã Đại Phước) đến Đường Lý Thái Tổ, đoạn Từ Đường Trần Văn Trà đến phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đại Phước	290	290	250	250
4333	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Hùng Vương (Đoạn Qua Xã Đại Phước) đến Đường Lý Thái Tổ, đoạn Từ Đường Trần Văn Trà đến phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đại Phước	180	180	180	180
4334	1	Đường Quách Thị Trang	Đường Hà Huy Tập	Giáp ranh xã Đại Phước	Xã Phước An	730	730	670	670
4335	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4336	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4337	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4338	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4339	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4340	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4341	8	Đường Võ Văn Tần	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	670	670	600	600
4342	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4343	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4344	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4345	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4346	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4347	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4348	15	Đường đê Ông Kèo	Giáp ranh xã Đại Phước	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	670	670	600	600
4349	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4350	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4351	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4352	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4353	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4354	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4355	22	Đường Phạm Thái Bường	Đường Hùng Vương	Hết ranh xã Phước An	Xã Phước An	670	670	600	600
4356	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4357	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4358	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4359	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4360	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4361	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4362	29	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Ranh giới phường Nhơn Trạch	Cửa hàng xăng dầu An Phú	Xã Phước An	730	730	670	670
4363	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4364	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4365	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4366	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4367	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4368	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4369	36	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Cửa hàng xăng dầu An Phú	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Xã Phước An	730	730	670	670
4370	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4371	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4372	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4373	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4374	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4375	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4376	43	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh xã Phước An	Xã Phước An	730	730	670	670
4377	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4378	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4379	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4380	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4381	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4382	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4383	50	Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng)	Đường Quách Thị Trang	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	600	600	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4384	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	400	400	360	360
4385	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	290	290	250	250
4386	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	180	180	180	180
4387	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	400	400	360	360
4388	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	290	290	250	250
4389	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	180	180	180	180
4390	57	Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ)	Đường Quách Thị Trang	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	670	670	600	600
4391	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4392	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4393	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4394	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4395	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4396	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4397	64	Đường ấp Hòa Bình	Đường Hùng Vương	Đường Quách Thị Trang	Xã Phước An	600	600	530	530
4398	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	400	400	360	360
4399	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	290	290	250	250
4400	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	180	180	180	180
4401	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	400	400	360	360
4402	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	290	290	250	250
4403	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	180	180	180	180
4404	71	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Giáp ranh phường Nhơn Trạch	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	670	670	600	600
4405	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4406	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4407	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4408	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4409	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4410	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4411	78	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	670	670	600	600
4412	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4413	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4414	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4415	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4416	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4417	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4418	85	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hùng Vương	Cao tốc Bến Lức Long Thành	Xã Phước An	670	670	600	600
4419	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4420	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4421	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4422	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4423	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4424	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4425	92	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cao tốc Bến Lức Long Thành	Giáp sông Tắc Le Le	Xã Phước An	670	670	600	600
4426	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông Tắc Le Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4427	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông Tắc Le Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4428	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông Tắc Le Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4429	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông Tắc Le Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4430	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông Tắc Le Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4431	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông Tắc Le Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4432	99	Đường Nguyễn Thị Chơn	Đường Hùng Vương	Hết Trường THCS Phước An	Xã Phước An	670	670	600	600
4433	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4434	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4435	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4436	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4437	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4438	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4439	106	Đường Nguyễn Thị Chơn	Hết Trường THCS Phước An	Đường Lê Hồng Phong	Xã Phước An	670	670	600	600
4440	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4441	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4442	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4443	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4444	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4445	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4446	113	Đường Rạch Mới	Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An)	Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An	Xã Phước An	600	600	530	530
4447	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	400	400	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4448	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	290	290	250	250
4449	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	180	180	180	180
4450	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	400	400	360	360
4451	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	290	290	250	250
4452	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	180	180	180	180
4453	120	Đường Trần Phú	Giáp ranh phường Nhơn Trạch	Đến số tờ 277 thửa 1	Xã Phước An	730	730	670	670
4454	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4455	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4456	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4457	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4458	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4459	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh phường Nhơn Trạch đến Đến số tờ 277 thửa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4460	127	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Ngã năm vòng xoay đường vào cảng Phước An	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	670	670	600	600
4461	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã năm vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4462	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã năm vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4463	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã năm vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4464	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã năm vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	450	450	400	400
4465	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã năm vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	350	350	320	320
4466	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã năm vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	220	220	200	200
4467	134	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Thị Chơn	Xã Phước An	730	730	670	670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4468	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4469	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4470	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4471	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4472	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4473	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4474	141	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Thị Chơn	Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch	Xã Phước An	730	730	670	670
4475	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4476	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4477	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4478	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4479	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4480	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4481	148	Đường Lê Hồng Phong	Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch	Đường Trường Chinh	Xã Phước An	730	730	670	670
4482	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4483	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4484	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4485	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4486	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4487	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4488	155	Đường Trường Chinh	Vòng xoay đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Xã Phước An	730	730	670	670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4489	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4490	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4491	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4492	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4493	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4494	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4495	162	Đường Trường Chinh	Đường Hùng Vương	Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An	Xã Phước An	730	730	670	670
4496	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4497	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4498	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4499	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4500	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4501	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4502	169	Đường Nguyễn Văn Ký	Đường Hùng Vương	Ranh giới xã Long Phước	Xã Phước An	600	600	530	530
4503	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	400	400	360	360
4504	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	290	290	250	250
4505	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	180	180	180	180
4506	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	400	400	360	360
4507	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	290	290	250	250
4508	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	180	180	180	180
4509	176	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh)	Xã Phước An	730	730	670	670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4510	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4511	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4512	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4513	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4514	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4515	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4516	183	Đường Nguyễn Ái Quốc	Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước)	Hết ranh ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái	Xã Phước An	730	730	670	670
4517	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4518	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4519	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4520	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4521	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4522	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc Lộ 51 (xã Long Phước) đến Hết ranh ranh thửa đất số 1 về bên phải và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 213 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4523		Đường Trần Phú	Số thửa 29 tờ 68	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Xã Phước An	730	730	670	670
4524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Số thửa 29 tờ 68 đến Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4530		Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3	Toàn tuyến		Xã Phước An	730	730	670	670
4531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành đường Vành Đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4537		Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành	Toàn tuyến		Xã Phước An	730	730	670	670
4538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước An	500	500	450	450
4542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước An	370	370	330	330
4543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Song Hành cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước An	250	250	220	220
4544	1	Đường Hồng Thập Tự	Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4545	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4546	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4547	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4548	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4549	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4550	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4551	8	Đường Hồng Thập Tự	Đường 21 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Long Khánh	800	800	540	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4552	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4553	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4554	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4555	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4556	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4557	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4558	15	Đường Hồng Thập Tự	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4559	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4560	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4561	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4562	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4563	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4564	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4565	22	Đường Hoàng Diệu	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4566	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4567	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4568	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4569	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4570	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4571	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4572	29	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4573	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4574	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4575	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4576	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4577	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4578	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4579	36	Đường Trần Phú đoạn từ đường Hồ Thị Hương vào 200 m			Phường Long Khánh	800	800	540	540
4580	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ đường Hồ Thị Hương vào 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4581	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ đường Hồ Thị Hương vào 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4582	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ đường Hồ Thị Hương vào 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4583	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ đường Hồ Thị Hương vào 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4584	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ đường Hồ Thị Hương vào 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4585	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ đường Hồ Thị Hương vào 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4586	43	Đường Trần Phú	Đường Hồ Thị Hương vào 200m	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	800	800	540	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4587	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4588	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4589	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4590	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4591	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4592	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4593	50	Đường Khổng Tử	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4594	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4595	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4596	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4597	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4598	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4599	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4600	57	Đường Chu Văn An	Đường Võ Duy Dương	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4601	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4602	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4603	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4604	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4605	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4606	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4607	64	Đường Chu Văn An	Đường 21 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Long Khánh	930	930	630	630
4608	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	590	590	420	420
4609	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	460	460	340	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4610	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	360	360	270	270
4611	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	590	590	420	420
4612	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	460	460	340	340
4613	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	360	360	270	270
4614	71	Đường Chu Văn An	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4615	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4616	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4617	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4618	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4619	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4620	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4621	78	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4622	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4623	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4624	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4625	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4626	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4627	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4628	85	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trương Định	Phường Long Khánh	930	930	630	630
4629	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	590	590	420	420
4630	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	460	460	340	340
4631	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	360	360	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4632	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	590	590	420	420
4633	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	460	460	340	340
4634	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	360	360	270	270
4635	92	Đường Trịnh Hoài Đức	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Thượng Xuyên	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4636	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4637	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4638	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4639	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4640	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4641	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4642	99	Đường Lê Quang Định	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	800	800	540	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4643	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4644	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4645	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4646	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4647	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4648	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4649	106	Đường 9 tháng 4	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4650	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4651	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4652	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4653	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4654	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4655	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4656	113	Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ)	Giáp ranh phường Bình Lộc	Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa)	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4657	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4658	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4659	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4660	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4661	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4662	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4663	120	Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ)	Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa)	Quốc lộ 1 - Xuân Lập	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4664	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4665	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4666	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4667	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4668	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4669	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Thửa 269 tờ bản đồ số 62 (Đường nhựa) đến Quốc lộ 1 - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4670	127	Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ)	Quốc lộ 1 - Xuân Lập	Hết Tượng Đài	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4671	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4672	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4673	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4674	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4675	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4676	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 - Xuân Lập đến Hết Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4677	134	Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ)	Đầu Tượng Đài	Giáp Cầu Gia Liêu	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4678	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4679	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4680	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4681	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4682	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4683	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4684	141	Đường Hùng Vương	Đường 21 tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4685	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4686	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4687	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4688	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4689	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4690	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4691	148	Đường Hùng Vương	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Lý Thái Tổ	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4692	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4693	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4694	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4695	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4696	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4697	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4698	155	Đường Đào Trí Phú	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Trần Thượng Xuyên	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4699	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4700	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4701	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4702	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4703	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4704	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4705	162	Đường Nguyễn Trung Trực	Hẻm 50 Khổng Tử	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4706	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4707	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4708	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4709	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4710	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4711	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4712	169	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Hồ Thị Hương	Giáp cầu Suối Cải	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4713	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4714	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4715	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4716	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4717	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4718	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4719	176	Đường Trần Văn Thi	Đường Hoàng Diệu	Đường 9 tháng 4	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4720	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4721	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4722	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4723	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4724	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4725	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4726	183	Đường Lê Văn Vận	Đường Hoàng Diệu	Đường 9 tháng 4	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4727	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4728	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4729	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4730	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4731	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4732	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4733	190	Đường Phạm Lạc	Đường Hoàng Diệu	Đường 9 tháng 4	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4734	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4735	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4736	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4737	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4738	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4739	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4740	197	Đường Ngô Quyền	Giáp ranh phường Bảo Vinh	Đường Duy Tân	Phường Long Khánh	800	800	540	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4741	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4742	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4743	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4744	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4745	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4746	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4747	204	Đường Ngô Quyền	Đường Duy Tân	Đường Phạm Thế Hiển	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4748	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4749	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4750	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4751	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4752	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4753	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4754	211	Đường Ngô Quyền	Đường Phạm Thế Hiển	Giáp cầu Xuân Thanh	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4755	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4756	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4757	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4758	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4759	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4760	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4761	218	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Hồng Thập Tự	Đường Trương Định	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4762	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4763	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4764	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4765	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4766	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4767	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4768	225	Đường Trần Quang Diệu	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4769	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4770	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4771	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4772	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4773	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4774	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4775	232	Đường Phạm Thế Hiển	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4776	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4777	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4778	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4779	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4780	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4781	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4782	239	Đường Bùi Thị Xuân	Đường 21 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4783	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4784	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4785	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4786	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4787	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4788	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4789	246	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Quang Diệu	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4790	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4791	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4792	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4793	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4794	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4795	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4796	253	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường 21 tháng 4	Đường Lương Đình Của	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4797	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4798	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4799	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4800	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4801	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4802	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4803	260	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Sân vận động	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4804	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4805	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4806	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4807	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4808	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4809	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4810	267	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 21 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4811	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4812	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4813	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4814	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4815	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4816	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4817	274	Đường Tô Hiến Thành	Đường 21 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4818	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4819	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4820	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4821	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4822	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4823	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4824	281	Đường Tô Hiến Thành	Đường Hùng Vương	Đường Hai Bà Trưng	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4825	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4826	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4827	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4828	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4829	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4830	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4831	288	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Lương Định Của	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4832	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4833	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4834	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4835	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4836	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4837	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4838	295	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Du	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4839	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4840	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4841	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4842	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4843	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4844	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4845	302	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4846	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4847	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4848	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4849	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4850	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4851	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4852	309	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Du	Phường Long Khánh	800	800	540	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4853	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4854	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4855	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4856	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4857	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4858	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4859	316	Đường Thích Quảng Đức	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4860	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4861	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4862	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4863	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4864	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4865	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4866	323	Đường Thích Quảng Đức	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4867	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4868	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4869	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4870	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4871	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4872	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4873	330	Đường Thích Quảng Đức	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	930	930	630	630
4874	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	590	590	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4875	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	460	460	340	340
4876	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	360	360	270	270
4877	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	590	590	420	420
4878	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	460	460	340	340
4879	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	360	360	270	270
4880	337	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Văn Cừ	Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4881	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4882	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4883	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4884	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4885	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4886	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4887	344	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Nguyễn Du	Đường Phan Bội Châu	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4888	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4889	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4890	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4891	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4892	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4893	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4894	351	Đường Quang Trung	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Long Khánh	800	800	540	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4895	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4896	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4897	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4898	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4899	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4900	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4901	358	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trần Huy Liệu	Phường Long Khánh	930	930	630	630
4902	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	590	590	420	420
4903	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	460	460	340	340
4904	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	360	360	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4905	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	590	590	420	420
4906	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	460	460	340	340
4907	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	360	360	270	270
4908	365	Đường Quang Trung	Đường Trần Huy Liệu	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4909	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4910	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4911	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4912	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4913	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4914	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4915	372	Đường Hai Bà Trưng	Đường 21 tháng 4	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và Đường Cách Mạng Tháng 8)	Phường Long Khánh	800	800	540	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4916	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và Đường Cách Mạng Tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4917	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và Đường Cách Mạng Tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4918	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và Đường Cách Mạng Tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4919	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và Đường Cách Mạng Tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4920	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và Đường Cách Mạng Tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4921	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và Đường Cách Mạng Tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4922	379	Đường Nguyễn Trãi	Ngã ba Hùng Vương	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4923	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4924	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4925	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4926	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4927	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4928	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4929	386	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4930	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4931	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4932	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4933	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4934	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4935	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4936	393	Đường Lý Thái Tổ	Đường 21 tháng 4	Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130	Phường Long Khánh	800	800	540	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4937	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4938	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4939	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4940	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4941	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4942	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4943	400	Đường Lý Nam Đế	Đường Hùng Vương	Đường Trần Phú	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4944	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4945	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4946	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4947	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4948	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4949	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4950	407	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4951	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4952	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4953	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4954	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4955	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4956	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4957	414	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4958	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4959	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4960	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4961	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4962	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4963	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4964	421	Đường Nguyễn Du	Đường Thích Quảng Đức	Đường Trần Phú	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4965	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4966	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4967	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4968	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4969	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4970	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4971	428	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trần Phú	Đường Quang Trung	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4972	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4973	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4974	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4975	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4976	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4977	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4978	435	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Quang Trung	Đường Tô Hiến Thành	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4979	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4980	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4981	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4982	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4983	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4984	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4985	442	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Phú	Đường Thích Quảng Đức	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4986	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4987	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4988	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4989	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4990	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4991	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4992	449	Đường Phan Bội Châu	Đường Phan Chu Trinh	Đường Thích Quảng Đức	Phường Long Khánh	800	800	540	540
4993	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
4994	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4995	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4996	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
4997	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
4998	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
4999	456	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5000	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5001	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5002	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5003	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5004	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5005	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5006	463	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5007	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5008	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5009	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5010	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5011	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5012	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5013	470	Tuyến đường qua khu đô thị mới	Đường Nguyễn Trãi	Giáp ranh phường Hàng Gòn	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5014	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5015	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5016	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5017	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5018	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5019	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5020	477	Đường Lê Hữu Trác	Đường 21 tháng 4	Hết ranh phường Long Khánh	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5021	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5022	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5023	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5024	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5025	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5026	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5027	484	Đường Lương Thế Vinh	Đường 21 tháng 4	Ranh phường Hàng Gòn	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5028	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5029	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5030	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5031	488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5032	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5033	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5034	491	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường 21 tháng 4	Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5035	492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5036	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5037	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5038	495	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5039	496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5040	497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5041	498	Đường Phan Huy Chú	Đường 21 tháng 4	Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong)	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5042	499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5043	500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5044	501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5045	502	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5046	503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5047	504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5048	505	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5049	506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5050	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5051	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5052	509	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5053	510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5054	511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5055	512	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Hồ Thị Hương	Đường Nguyễn Chí Thanh	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5056	513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5057	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5058	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5059	516	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5060	517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5061	518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5062	519	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5063	520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5064	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5065	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5066	523	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5067	524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5068	525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5069	526	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Phạm Thế Hiển	Đường Lý Tự Trọng	Phường Long Khánh	800	800	540	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5070	527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5071	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5072	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5073	530	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5074	531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5075	532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5076	533	Đường Điều Xiển (Bàu Trâm 1)	Đường Ngô Quyền	Đường Ngô Quyền vào 200m	Phường Long Khánh	410	410	350	350
5077	534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	260	260	230	230
5078	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	210	210	190	190
5079	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	150	150	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5080	537	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	260	260	230	230
5081	538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	210	210	190	190
5082	539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	150	150	140	140
5083	540	Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1)	Đường Ngô Quyền vào 200m	Ngã ba đi Miếu Bà	Phường Long Khánh	410	410	350	350
5084	541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	260	260	230	230
5085	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	210	210	190	190
5086	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	150	150	140	140
5087	544	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	260	260	230	230
5088	545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	210	210	190	190
5089	546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	150	150	140	140
5090	547	Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1)	Ngã ba đi Miếu Bà	Ngã ba cầu Hòa Bình	Phường Long Khánh	410	410	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5091	548	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	260	260	230	230
5092	549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	210	210	190	190
5093	550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	150	150	140	140
5094	551	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	260	260	230	230
5095	552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	210	210	190	190
5096	553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	150	150	140	140
5097	554	Đường Bàu Trâm 1	Đường Điều Xiển	Ngã ba cầu Hòa Bình	Phường Long Khánh	410	410	350	350
5098	555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điều Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	260	260	230	230
5099	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điều Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	210	210	190	190
5100	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điều Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	150	150	140	140
5101	558	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điều Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	260	260	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5102	559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	210	210	190	190
5103	560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	150	150	140	140
5104	561	Đường Bàu Trâm 1	Ngã ba cầu Hòa Bình	Giáp ranh xã Xuân Định	Phường Long Khánh	410	410	350	350
5105	562	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	260	260	230	230
5106	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	210	210	190	190
5107	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	150	150	140	140
5108	565	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	260	260	230	230
5109	566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	210	210	190	190
5110	567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	150	150	140	140
5111	568	Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ	Ngã ba cầu Hòa Bình	Giáp ranh Phường Xuân Lộc	Phường Long Khánh	400	400	340	340
5112	569	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	250	250	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5113	570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	190	190	180	180
5114	571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	140	140	130	130
5115	572	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	250	250	230	230
5116	573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	190	190	180	180
5117	574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	140	140	130	130
5118	575	Đường Hồ Thị Hương	Đường Lê A	Đường Khổng Tử	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5119	576	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5120	577	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5121	578	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5122	579	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5123	580	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5124	581	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5125	582	Đường Hồ Thị Hương	Đường Khổng Tử	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5126	583	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5127	584	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5128	585	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5129	586	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5130	587	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5131	588	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5132	589	Đường Hồ Thị Hương	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp cầu Xuân Thanh	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5133	590	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5134	591	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5135	592	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5136	593	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5137	594	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5138	595	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5139	596	Đường Hồ Thị Hương	Đầu cầu Xuân Thanh	Giáp ranh xã Xuân Định	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5140	597	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5141	598	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5142	599	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5143	600	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5144	601	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5145	602	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5146	603	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Du	Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Long Khánh	800	800	540	540

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5147	604	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5148	605	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5149	606	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5150	607	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5151	608	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5152	609	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5153	610	Đường Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Thích Quảng Đức	Phường Long Khánh	930	930	630	630
5154	611	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	590	590	420	420
5155	612	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	460	460	340	340
5156	613	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	360	360	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5157	614	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	590	590	420	420
5158	615	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	460	460	340	340
5159	616	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	360	360	270	270
5160	617	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5161	618	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5162	619	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5163	620	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5164	621	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5165	622	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5166	623	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5167	624	Đường Châu Văn Liêm	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5168	625	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5169	626	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5170	627	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5171	628	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5172	629	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5173	630	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5174	631	Đường Ngô Gia Tự	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5175	632	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5176	633	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5177	634	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5178	635	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5179	636	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5180	637	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5181	638	Đường Hà Huy Giáp	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5182	639	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5183	640	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5184	641	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5185	642	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5186	643	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5187	644	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5188	645	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hồ Thị Hương	Đường Ngô Quyền	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5189	646	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5190	647	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5191	648	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5192	649	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5193	650	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5194	651	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5195	652	Đường Võ Duy Dương	Đường Hồng Thập Tự	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5196	653	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5197	654	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5198	655	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5199	656	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5200	657	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5201	658	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5202	659	Đường Lương Đình Của	Đường Hồng Thập Tự	Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5203	660	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5204	661	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5205	662	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5206	663	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5207	664	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5208	665	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5209	666	Đường Trần Thượng Xuyên	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5210	667	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5211	668	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5212	669	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5213	670	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5214	671	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5215	672	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5216	673	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Lương Định Của	Đường 21 tháng 4	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5217	674	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5218	675	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5219	676	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5220	677	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5221	678	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5222	679	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5223	680	Đường Trần Huy Liệu	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Quang Trung	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5224	681	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5225	682	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5226	683	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5227	684	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5228	685	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5229	686	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5230	687	Đường Trương Định	Đường Hồng Thập Tự	Đường Hồ Thị Hương	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5231	688	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5232	689	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5233	690	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5234	691	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5235	692	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5236	693	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5237	694	Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu	Đường Hồ Thị Hương	Đường số 1	Phường Long Khánh	400	400	340	340
5238	695	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	250	250	230	230
5239	696	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	190	190	180	180
5240	697	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	140	140	130	130
5241	698	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Long Khánh	250	250	230	230
5242	699	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	190	190	180	180
5243	700	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	140	140	130	130
5244	701	Đường Thổ Lùn	Đường Điểu Xiển	Giáp ranh xã Xuân Định	Phường Long Khánh	400	400	340	340
5245	702	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	250	250	230	230
5246	703	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	190	190	180	180
5247	704	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	140	140	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5248	705	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	250	250	230	230
5249	706	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	190	190	180	180
5250	707	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	140	140	130	130
5251	708	Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh phường Xuân Lập	Phường Long Khánh	800	800	540	540
5252	709	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5253	710	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5254	711	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5255	712	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Long Khánh	510	510	360	360
5256	713	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Long Khánh	420	420	310	310
5257	714	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Vành đai 1 (đi qua địa bàn phường Long Khánh đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Long Khánh	340	340	250	250
5258	1	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba Suối Chồn	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5259	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5260	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5261	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5262	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5263	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5264	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5265	8	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Ngã ba Suối Chồn	Chùa Quảng Hạnh Tự	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5266	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5267	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5268	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5269	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5270	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5271	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5272	15	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Chùa Quảng Hạnh Tự	Hết cơ sở Thủ Mây	Phường Bảo Vinh	410	410	250	250
5273	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5274	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5275	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5276	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5277	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5278	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5279	22	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Hết cơ sở Thủ Mây	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Phường Bảo Vinh	410	410	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5280	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5281	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5282	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5283	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5284	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5285	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5286	29	Đường Nguyễn Trung Trực	Giáp ranh phường Long Khánh	Đường Suối Chồn Bàu Cối	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5287	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5288	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5289	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5290	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5291	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5292	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5293	36	Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3)	Đường Ngô Quyền	Hẻm số 7 Đường Lê A	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5294	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5295	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5296	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5297	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5298	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5299	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông (Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5300	43	Đường Ngô Quyền	Đường Bảo Vinh-Bảo Quang	Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5301	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5302	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5303	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5304	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5305	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5306	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5307	50	Đường Ngô Quyền	Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn	Đường Duy Tân	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5308	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5309	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5310	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5311	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5312	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5313	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5314	57	Đường Ngô Quyền	Đường Duy Tân	Giáp ranh phường Long Khánh	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5315	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5316	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5317	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5318	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5319	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5320	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5321	64	Đường Bảo Vinh - Bảo Quang	Đường Ngô Quyền	Đường Bảo Quang - Bàu Cối	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5322	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5323	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5324	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5325	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5326	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5327	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5328	71	Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3)	Đường Ngô Quyền	Đường Hàm Nghi	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5329	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5330	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5331	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5332	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5333	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5334	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái (Khu phố 1 - Khu phố 3) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5335	78	Đường vào miếu Ông Hổ	Đường Ngô Quyền	Đường Thành Thái	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5336	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5337	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5338	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5339	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5340	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5341	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5342	85	Đường Duy Tân	Đường Ngô Quyền	Đường Hàm Nghi	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5343	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5344	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5345	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5346	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5347	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5348	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5349	92	Đường Duy Tân	Đường Hàm Nghi	Giáp ranh Phường Xuân Lộc	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5350	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5351	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5352	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5353	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5354	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5355	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5356	99	Đường số 4	Đường Duy Tân	Đường vào Miếu Ông Hổ	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5357	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5358	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5359	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5360	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5361	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5362	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5363	106	Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B)	Ngã ba Ông Phúc	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5364	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5365	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5366	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5367	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5368	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5369	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5370	113	Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B)	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Đường Bảo Quang - Xuân Bắc	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5371	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5372	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5373	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5374	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5375	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5376	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5377	120	Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Giáp ranh Phường Xuân Lộc	Phường Bảo Vinh	410	410	350	350
5378	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5379	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5380	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5381	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5382	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5383	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5384	127	Đường Bảo Quang - Bàu Cối	Đường Hàm Nghi	Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang	Phường Bảo Vinh	410	410	250	250
5385	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5386	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5387	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5388	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5389	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5390	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5391	134	Đường Bảo Quang - Bàu Cối	Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Phường Bảo Vinh	410	410	250	250
5392	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5393	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5394	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5395	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5396	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5397	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5398	141	Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc	Đường Ruộng tre - Thọ An	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Phường Bảo Vinh	410	410	250	250
5399	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5400	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5401	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5402	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5403	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5404	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5405	148	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Đường Hàm Nghi	Ranh Phường Xuân Lộc	Phường Bảo Vinh	410	410	250	250
5406	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5407	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5408	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5409	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5410	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5411	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh Phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5412	155	Đường Bảo Quang - Xuân Bắc	Đường Hàm Nghi	Ranh xã Xuân Bắc	Phường Bảo Vinh	410	410	250	250
5413	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5414	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5415	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5416	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5417	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5418	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5419	162	Đường Lê A	Đường Hồ Thị Hương	Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5420	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5421	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5422	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5423	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5424	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5425	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5426	169	Đường Lê A	Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre	Giáp cầu Bình Lộc	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5427	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5428	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5429	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5430	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5431	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5432	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5433	176	Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Giáp ranh phường Bình Lộc	Phường Bảo Vinh	400	400	240	240
5434	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	250	250	230	230
5435	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	190	190	180	180
5436	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	140	140	130	130
5437	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	250	250	230	230
5438	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	190	190	180	180
5439	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	140	140	130	130
5440	183	Đường số 5	Đường Hàm Nghi	Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5441	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5442	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5443	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5444	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5445	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5446	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5447	190	Đường Hồ Thị Hương	Đường Lê A	Mương thoát lũ Suối Cải	Phường Bảo Vinh	700	700	580	580
5448	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5449	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270
5450	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5451	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bảo Vinh	470	470	340	340
5452	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	370	370	270	270

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5453	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	310	310	210	210
5454	197	Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc	Đường Hàm Nghi	Hết ranh thửa 26 tờ 79	Phường Bảo Vinh	410	410	250	250
5455	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5456	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5457	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5458	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bảo Vinh	260	260	230	230
5459	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bảo Vinh	210	210	190	190
5460	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Hết ranh thửa 26 tờ 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bảo Vinh	150	150	140	140
5461	1	Đường Lương Đình Của	Đường Hồng Thập Tự	Giáp ranh phường Long Khánh	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5462	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5463	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5464	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5465	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5466	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5467	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5468	8	Đường Võ Văn Tần	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Nguyễn Văn trỗi	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5469	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5470	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5471	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5472	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5473	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5474	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5475	15	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Lương Định Của	Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5476	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5477	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5478	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5479	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5480	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5481	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5482	22	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ	Đường Bàu Sen	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5483	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5484	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5485	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5486	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5487	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5488	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5489	29	Đường Bàu Sen	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Bàu Sen đi Xuân Lập	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5490	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5491	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5492	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5493	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5494	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5495	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5496	36	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Lương Định Của	Đường Võ Văn Tần	Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5497	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5498	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5499	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5500	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5501	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5502	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5503	43	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Võ Văn Tần	Đường số 1	Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5504	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5505	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5506	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	240	240	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5507	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5508	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5509	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập, Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5510	50	Đường số 1	Quốc lộ 1	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5511	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5512	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5513	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5514	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5515	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5516	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5517	57	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường Số 1	Đường số 1 vào 500m	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5518	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5519	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5520	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5521	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5522	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5523	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5524	64	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường số 1 vào 500m	Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68)	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5525	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5526	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5527	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5528	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5529	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5530	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5531	71	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68)	Hết ranh phường Xuân Lập	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5532	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5533	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5534	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5535	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5536	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5537	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be (thửa đất số 1, tờ bản đồ 68) đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5538	78	Đường Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Dầu Giây	Giáp ranh phường Bình Lộc	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5539	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5540	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5541	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5542	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5543	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5544	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5545	85	Đường Lê Hữu Trác	Ranh phường Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5546	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5547	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5548	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5549	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5550	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5551	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5552	92	Đường Bàu Sen đi Xuân Lập	Đường Bàu Sen	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5553	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5554	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5555	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5556	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5557	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5558	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5559	99	Đường Xuân Lập - Hàng Gòn	Đường số 1	Đường sắt	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5560	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5561	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5562	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5563	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5564	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5565	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5566	106	Đường Xuân Lập - Hàng Gòn	Đường sắt	Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5567	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5568	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5569	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5570	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5571	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5572	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5573	113	Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập	đường Xuân Bình - Xuân Lập	giáp ranh phường Long Khánh	Phường Xuân Lập	600	600	490	490
5574	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5575	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5576	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5577	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5578	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5579	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5580	120	Đường cầu Bến Ngựa	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường Bàu Sen	Phường Xuân Lập	600	600	490	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5581	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5582	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5583	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5584	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lập	400	400	320	320
5585	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lập	320	320	260	260
5586	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lập	240	240	210	210
5587	1	Đường 21 tháng 4	Đầu Cầu Gia Liêu	Giáp ngã ba Tân Phong	Phường Hàng Gòn	600	600	490	490
5588	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5589	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5590	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5591	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5592	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5593	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5594	8	Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định)	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh xã Xuân Định	Phường Hàng Gòn	600	600	490	490
5595	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5596	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5597	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5598	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5599	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5600	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5601	15	Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra	Tuyến đường qua khu đô thị mới	Đường Suối Rết B	Phường Hàng Gòn	600	600	490	490
5602	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5603	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5604	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5605	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5606	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5607	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Suối Rết B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5608	22	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Quốc lộ 56	Giáp ranh xã Xuân Định	Phường Hàng Gòn	500	500	400	400
5609	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250
5610	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5611	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5612	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250
5613	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5614	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5615	29	Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu	Quốc lộ 56	Ranh giới xã Hàng Gòn cũ	Phường Hàng Gòn	500	500	400	400
5616	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250
5617	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5618	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5619	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250
5620	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5621	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5622	36	Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu	Ranh giới xã Hàng Gòn cũ	Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn	Phường Hàng Gòn	500	500	400	400
5623	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5624	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5625	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5626	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250
5627	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5628	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5629	43	Đường Hàng Gòn - Xuân Quế	Quốc lộ 56	Ngã ba đường đi Xuân Quế	Phường Hàng Gòn	500	500	400	400
5630	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250
5631	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5632	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5633	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250
5634	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5635	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5636	50	Đường Hàng Gòn - Xuân Quế	Ngã ba đường đi Xuân Quế	Giáp ranh xã Xuân Quế	Phường Hàng Gòn	500	500	400	400
5637	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250
5638	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5639	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5640	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250
5641	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5642	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5643	57	Đường Quốc lộ 56	Đường Quốc lộ 1	Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ)	Phường Hàng Gòn	600	600	490	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5644	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5645	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5646	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5647	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5648	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5649	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5650	64	Đường Quốc lộ 56	Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ)	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Phường Hàng Gòn	530	530	430	430
5651	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	340	340	270	270
5652	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	270	270	220	220
5653	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	210	210	170	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5654	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	340	340	270	270
5655	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	270	270	220	220
5656	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Quốc lộ 56 đi khu phố Đồi Rìu (cũ) đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	210	210	170	170
5657	71	Đường Quốc lộ 1	Ngã ba Tân Phong	Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng	Phường Hàng Gòn	600	600	490	490
5658	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5659	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5660	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5661	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5662	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5663	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã ba Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5664	78	Đường Quốc lộ 1	Trạm dừng chân Lê Hoàng	Ranh xã Xuân Định	Phường Hàng Gòn	600	600	490	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5665	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5666	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5667	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5668	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5669	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5670	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5671	85	Đường Hàng Gòn - Xuân Lập	Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu	Giáp ranh phường Xuân Lập	Phường Hàng Gòn	500	500	400	400
5672	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250
5673	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5674	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5675	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Hàng Gòn	320	320	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5676	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	260	260	210	210
5677	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Lập đoạn từ Đường Quốc lộ 56 - Đồi Rìu đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	170	170	140	140
5678	92	Tuyến đường qua khu đô thị mới	Ranh phường Long Khánh	Đường Lê Hồng Phong	Phường Hàng Gòn	600	600	490	490
5679	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5680	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5681	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5682	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Hàng Gòn	400	400	320	320
5683	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Hàng Gòn	320	320	260	260
5684	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Hàng Gòn	240	240	210	210
5685	1	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Dầu Giây	Giáp ranh phường Bình Lộc	Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5686	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5687	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5688	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5689	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5690	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5691	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5692	8	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh xã Dầu Giây	Đường tỉnh 770	Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5693	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5694	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5695	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5696	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5697	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5698	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5699	15	Đường 21 tháng 4	Đường tỉnh 770	Đường Võ Duy Dương	Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5700	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5701	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5702	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5703	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5704	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5705	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5706	22	Đường Võ Văn Tần	Giáp khu công nghiệp Long Khánh	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5707	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5708	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5709	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5710	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5711	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5712	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5713	29	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Võ Duy Dương	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5714	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5715	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5716	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5717	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5718	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5719	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5720	36	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Võ Văn Tần	Giáp ranh phường Xuân Lập	Phường Bình Lộc	600	600	490	490

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5721	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5722	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5723	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5724	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5725	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5726	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5727	43	Đường Võ Duy Dương	Đường Hồng Thập Tự	Đường 21 tháng 4	Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5728	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5729	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5730	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5731	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5732	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5733	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5734	50	Đường Lê A	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh KCN Bình Lộc	Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5735	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5736	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5737	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5738	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5739	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5740	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5741	57	Đường Lê A	KCN Bình Lộc	Giáp cầu Bình Lộc	Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5742	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5743	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5744	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5745	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5746	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5747	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5748	64	Đường Lê A	Giáp cầu Bình Lộc	Ngã ba Đài tưởng niệm	Phường Bình Lộc	530	530	430	430
5749	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	340	340	270	270
5750	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	270	270	210	210
5751	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	200	200	150	150
5752	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	340	340	270	270
5753	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	270	270	210	210
5754	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	200	200	150	150
5755	71	Đường Lê A	Ngã ba Đài tưởng niệm	Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc	Phường Bình Lộc	530	530	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5756	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	340	340	270	270
5757	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	270	270	210	210
5758	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	200	200	150	150
5759	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	340	340	270	270
5760	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	270	270	210	210
5761	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	200	200	150	150
5762	78	Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc	Đường Bình Lộc - Cây Da	Ranh xã Xuân Bắc	Phường Bình Lộc	500	500	400	400
5763	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	320	320	250	250
5764	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	260	260	190	190
5765	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	170	170	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5766	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	320	320	250	250
5767	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	260	260	190	190
5768	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Thọ Vực xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	170	170	140	140
5769	85	Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc	Đường Lê A	Hết đường nhựa	Phường Bình Lộc	500	500	400	400
5770	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	320	320	250	250
5771	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	260	260	190	190
5772	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	170	170	140	140
5773	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	320	320	250	250
5774	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	260	260	190	190
5775	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Bình Lộc phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	170	170	140	140
5776	92	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa	Ngã ba Đài tưởng niệm	Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12	Phường Bình Lộc	530	530	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5777	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	340	340	270	270
5778	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	270	270	210	210
5779	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	200	200	150	150
5780	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	340	340	270	270
5781	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	270	270	210	210
5782	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	200	200	150	150
5783	99	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa	Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12	Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện	Phường Bình Lộc	400	400	340	340
5784	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	250	250	230	230
5785	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	200	200	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5786	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	140	140	130	130
5787	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	250	250	230	230
5788	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	200	200	180	180
5789	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Bên phải hết ranh thửa đất số 247 tờ 12, bên trái hết ranh thửa 286 tờ 12 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	140	140	130	130
5790	106	Đường tỉnh 770	Đường 21 tháng 4	Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc	Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5791	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5792	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5793	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5794	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5795	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5796	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5797	113	Đường tỉnh 770	Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc	Hết ranh phường Bình Lộc	Phường Bình Lộc	600	600	490	490
5798	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5799	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5800	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5801	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Lộc	400	400	320	320
5802	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	320	320	260	260
5803	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su An Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	240	240	210	210
5804	120	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Đi vào hết 2536m	Phường Bình Lộc	410	410	350	350
5805	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5806	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5807	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5808	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5809	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190
5810	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5811	127	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Đoạn 2536m	Cây xăng Hoàng Minh Việt	Phường Bình Lộc	410	410	350	350
5812	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5813	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190
5814	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5815	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5816	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5817	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5818	134	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Cây xăng Hoàng Minh Việt	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Phường Bình Lộc	410	410	350	350
5819	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5820	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190
5821	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5822	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5823	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190
5824	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5825	141	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Phường Bình Lộc	410	410	350	350
5826	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5827	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5828	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5829	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5830	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190
5831	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5832	148	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho)	Phường Bình Lộc	410	410	350	350
5833	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5834	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190
5835	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5836	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5837	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5838	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5839	155	Đường Bình Lộc - Cây Da	Đường Lê A	Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc	Phường Bình Lộc	410	410	350	350
5840	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5841	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190
5842	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5843	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5844	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190
5845	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5846	162	Đường Bình Lộc - Cây Da	Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc	Ranh giới xã Xuân Bắc	Phường Bình Lộc	410	410	350	350
5847	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5848	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5849	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5850	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	260	260	230	230
5851	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	210	210	190	190
5852	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	150	150	140	140
5853	169	Đường Xuân Thiện – Suối Nho	Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện)	Cầu Suối Đục	Phường Bình Lộc	400	400	340	340
5854	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	250	250	230	230
5855	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	200	200	180	180
5856	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	140	140	130	130
5857	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	250	250	230	230
5858	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	200	200	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5859	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	140	140	130	130
5860	176	Đường 135	Đường tỉnh 770	Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện	Phường Bình Lộc	400	400	340	340
5861	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	250	250	230	230
5862	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	200	200	180	180
5863	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	140	140	130	130
5864	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	250	250	230	230
5865	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	200	200	180	180
5866	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	140	140	130	130
5867	183	Đường cầu Ông Bồ	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Đường Bình Lộc - Cây Da	Phường Bình Lộc	400	400	340	340
5868	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	250	250	230	230
5869	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	200	200	180	180
5870	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	140	140	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5871	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	250	250	230	230
5872	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	200	200	180	180
5873	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	140	140	130	130
5874	190	Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh phường Xuân Lập	Phường Bình Lộc	400	400	340	340
5875	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	250	250	230	230
5876	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	200	200	180	180
5877	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	140	140	130	130
5878	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Lộc	250	250	230	230
5879	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Lộc	200	200	180	180
5880	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Lộc	140	140	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5881	1	Đường Xuân Thành đi Trảng Táo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
5882	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5883	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5884	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5885	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5886	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5887	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (phường Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5888	8	Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc)	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5889	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5890	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5891	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5892	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5893	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5894	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5895	15	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Đường tỉnh 766	Cầu gió bay	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
5896	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5897	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5898	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5899	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5900	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5901	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Cầu gió bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5902	22	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Giáp ranh xã Xuân Thành	Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
5903	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5904	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5905	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5906	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5907	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5908	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5909	29	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
5910	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5911	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5912	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5913	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5914	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5915	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5916	36	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái	Giáp ranh phường Bảo Vinh	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
5917	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5918	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5919	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5920	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5921	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5922	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5923	43	Đường tỉnh 763	Quốc lộ 1	Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
5924	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
5925	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
5926	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
5927	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
5928	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
5929	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
5930	50	Đường tỉnh 763	Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh	Hết cây Xăng Tín Nghĩa	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
5931	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
5932	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5933	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
5934	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
5935	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
5936	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
5937	57	Đường tỉnh 763	Hết cây Xăng Tín Nghĩa	Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
5938	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
5939	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
5940	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
5941	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
5942	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5943	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
5944	64	Đường tỉnh 763	Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m	Cầu Cao	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
5945	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
5946	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
5947	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
5948	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
5949	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
5950	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
5951	71	Đường tỉnh 763	Cầu Cao	Ranh giới xã Xuân Bắc	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
5952	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
5953	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
5954	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5955	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
5956	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
5957	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
5958	78	Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa	Đường tỉnh 763	Ranh giới xã Xuân Bắc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
5959	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5960	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5961	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5962	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5963	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5964	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5965	85	Đường Thọ Trung đi Bảo Quang	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Ranh giới phường Bảo Vinh	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
5966	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5967	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5968	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5969	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5970	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5971	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5972	92	Đường L6 - ấp Thọ Lộc	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
5973	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5974	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5975	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5976	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5977	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5978	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5979	99	Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân	Đường tỉnh 763	Ranh giới phường Long Khánh	Phường Xuân Lộc	550	550	370	370
5980	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	360	360	230	230
5981	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	290	290	180	180
5982	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	200	200	130	130
5983	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	360	360	230	230
5984	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	290	290	180	180
5985	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5986	106	Đường C4 - ấp Thọ Chánh	Đường tỉnh 763	Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
5987	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5988	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5989	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5990	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5991	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5992	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5993	113	Đường C2 - ấp Thọ Chánh	Đường tỉnh 763	Đường Thọ Bình đi Thọ Phước	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
5994	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5995	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
5996	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
5997	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
5998	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
5999	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6000	120	Đường Thọ Bình đi Thọ Phước	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Phường Xuân Lộc	550	550	370	370
6001	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	360	360	230	230
6002	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	290	290	180	180
6003	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	200	200	130	130
6004	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	360	360	230	230
6005	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6006	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	200	200	130	130
6007	127	Đường B7 - ấp Thọ Bình	Đường tỉnh 763	Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6008	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6009	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6010	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6011	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6012	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6013	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6014	134	Đường tỉnh 766	Đường Hồ Núi Le	Hết chùa Long Quang	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6015	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6016	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6017	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6018	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6019	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6020	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6021	141	Đường tỉnh 766	Hết chùa Long Quang	Ngã ba Suối Cao	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6022	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6023	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6024	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6025	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6026	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6027	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6028	148	Đường tỉnh 766	Ngã ba Suối Cao	Đường số 3 ấp Trung Lương	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6029	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6030	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6031	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6032	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6033	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6034	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6035	155	Đường tỉnh 766	Đường số 3 ấp Trung Lương	Giáp ranh xã Xuân Thành	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6036	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6037	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6038	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6039	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6040	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6041	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6042	162	Đường Cây Keo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6043	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6044	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6045	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6046	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6047	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6048	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6049	169	Đường số 2	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái.	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6050	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6051	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6052	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6053	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6054	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6055	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6056	176	Đường Suối Lạnh	Đường tỉnh 766	Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6057	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6058	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6059	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6060	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6061	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6062	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6063	183	Đường vào chùa Gia Lào	Đường tỉnh 766	Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan	Phường Xuân Lộc	550	550	370	370
6064	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	360	360	230	230
6065	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	290	290	180	180
6066	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	200	200	130	130
6067	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	360	360	230	230
6068	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6069	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	200	200	130	130
6070	190	Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn	Đường sắt Bắc Nam	Đườngg vào chùa Gia Lào	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6071	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6072	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6073	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6074	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6075	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6076	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường sắt Bắc Nam đến Đườngg vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6077	197	Đường Cây Me - ấp Trung Sơn	Đường vào chùa Gia Lào	Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6078	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6079	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6080	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6081	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6082	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6083	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6084	204	Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa	Đường Thành Công	Đường vào chùa Gia Lào	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6085	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6086	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6087	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6088	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6089	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6090	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6091	211	Đường Thành Công	Đường tỉnh 766	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6092	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6093	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6094	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6095	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6096	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6097	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6098	218	Đường Xuân Trường - Trảng Táo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6099	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6100	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6101	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6102	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6103	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6104	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6105	225	Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa	Đường Xuân Trường - Trảng Táo	Đường Cây số 2	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6106	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6107	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6108	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6109	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6110	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6111	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Xuân Trường - Trảng Táo đến Đường Cây số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6112	232	Đường Trung Tín	Đường tỉnh 766	Ranh giới xã Xuân Thành	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6113	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6114	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6115	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6116	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6117	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6118	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6119	239	Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6120	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6121	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6122	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6123	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6124	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6125	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6126	246	Đường xóm Huế - ấp Trung Tín	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6127	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6128	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6129	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6130	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6131	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6132	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6133	253	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Đường tỉnh 766	Giáp ranh xã Xuân Thành	Phường Xuân Lộc	550	550	370	370
6134	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	360	360	230	230
6135	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6136	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	200	200	130	130
6137	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	360	360	230	230
6138	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	290	290	180	180
6139	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	200	200	130	130
6140	260	Đường cây số 5	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6141	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6142	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6143	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6144	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6145	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6146	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6147	267	Đường số 3 ấp Trung Lương	Đường tỉnh 766	Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6148	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6149	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6150	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6151	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6152	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6153	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6154	274	Đường Đông Trung Lương	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6155	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6156	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6157	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6158	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6159	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6160	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6161	281	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Suối Gia Măng	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6162	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6163	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6164	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6165	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6166	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6167	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6168	288	Quốc lộ 1	Suối Gia Măng	Hết giáo xứ RuSeyKeo	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6169	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6170	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6171	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6172	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6173	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6174	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6175	295	Quốc lộ 1	Hết giáo xứ RuSeyKeo	Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6176	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6177	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6178	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6179	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6180	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6181	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6182	302	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6183	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6184	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6185	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6186	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6187	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6188	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6189	309	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6190	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6191	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6192	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6193	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6194	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6195	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6196	316	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6197	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6198	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6199	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6200	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6201	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6202	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6203	323	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái	Giáp ranh xã Xuân Phú	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6204	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6205	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6206	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6207	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6208	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6209	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6210	330	Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng	Quốc lộ 1	Ngã 3 ông Sang	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6211	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6212	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6213	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6214	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6215	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6216	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6217	337	Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng	Ngã 3 ông Sang	Đường tỉnh 765	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6218	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6219	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6220	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6221	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6222	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6223	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6224	344	Đường tỉnh 765	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6225	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6226	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6227	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6228	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6229	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6230	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6231	351	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	Hết trường THCS Nguyễn Hiền	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6232	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6233	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6234	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6235	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6236	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6237	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6238	358	Đường tỉnh 765	Hết trường THCS Nguyễn Hiền	Đường gom cao tốc	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6239	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6240	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6241	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6242	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6243	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6244	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6245	365	Đường tỉnh 765	Đường gom cao tốc	Cầu Lang Minh (Cầu Ba)	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6246	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6247	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6248	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6249	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6250	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6251	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6252	372	Đường Việt Kiều 5	Quốc lộ 1	Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc)	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6253	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6254	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6255	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6256	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6257	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6258	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6259	379	Đường Việt Kiều 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6260	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6261	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6262	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6263	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6264	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6265	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6266	386	Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ	Quốc lộ 1	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc)	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6267	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6268	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6269	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6270	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6271	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6272	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6273	393	Đường Xuân Hiệp 25	Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ	Giáo xứ Russeykeo	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6274	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6275	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6276	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6277	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6278	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6279	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6280	400	Đường Việt Kiều 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6281	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6282	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6283	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6284	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6285	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6286	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6287	407	Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22	Quốc lộ 1	Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6288	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6289	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6290	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6291	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6292	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6293	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6294	414	Hiệp Tiến	Quốc lộ 1	Đường quanh núi Chứa Chan	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6295	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6296	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6297	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6298	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6299	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6300	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6301	421	Đường quanh núi Chứa Chan	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hiệp Tiến	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6302	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6303	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6304	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6305	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6306	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6307	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6308	428	Đường Song hành	Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ	Đường Xuân Hiệp 12	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6309	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6310	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6311	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6312	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6313	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6314	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6315	435	Đường Xuân Hiệp 17	Đường Song hành	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6316	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6317	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6318	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6319	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6320	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6321	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6322	442	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Quốc lộ 1	Cầu Sông Ray	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6323	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6324	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6325	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6326	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6327	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6328	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6329	449	Đường Xuân Hiệp 16	Đường Song hành	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6330	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6331	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6332	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6333	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6334	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6335	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6336	456	Đường Trịnh Hoài Đức	Quốc lộ 1	Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp)	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6337	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6338	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6339	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6340	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6341	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6342	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6343	463	Đường Xuân Hiệp 13	Đường Song hành	Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6344	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6345	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6346	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6347	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6348	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6349	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6350	470	Đường vào Trạm y tế	Quốc lộ 1	Ranh hồ Gia Măng	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6351	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6352	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6353	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6354	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6355	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6356	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6357	477	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6358	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6359	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6360	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6361	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6362	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6363	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6364	484	Đường Xuân Hiệp 12	Quốc lộ 1	Đường Xuân Hiệp 9	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6365	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6366	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6367	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6368	488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6369	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6370	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6371	491	Đường Xuân Hiệp 2	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Đường vào Trạm y tế	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6372	492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6373	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6374	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6375	495	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6376	496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6377	497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6378	498	Đường Xuân Hiệp 3	Đường Xuân Hiệp 16	Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6379	499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6380	500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6381	501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6382	502	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6383	503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6384	504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6385	505	Đường Xuân Hiệp 4	Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6386	506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6387	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6388	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6389	509	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6390	510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6391	511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6392	512	Đường Xuân Hiệp 5	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6393	513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6394	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6395	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6396	516	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6397	517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6398	518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6399	519	Đường Xuân Hiệp 6	Đường Xuân Hiệp 16	Suối Gia Măng	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6400	520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6401	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6402	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6403	523	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6404	524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6405	525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6406	526	Đường Xuân Hiệp 7	Đường Xuân Hiệp 16	Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6407	527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6408	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6409	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6410	530	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6411	531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6412	532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6413	533	Đường Xuân Hiệp 8	Đường Xuân Hiệp 16	Suối Gia Măng	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6414	534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6415	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6416	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6417	537	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6418	538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6419	539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6420	540	Đường Xuân Hiệp 9	Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ)	Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6421	541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6422	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6423	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6424	544	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6425	545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6426	546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6427	547	Đường Tân Hiệp	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Xuân Hòa	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6428	548	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6429	549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6430	550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6431	551	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6432	552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6433	553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6434	554	Đường Xuân Hiệp 10	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6435	555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6436	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6437	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6438	558	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6439	559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6440	560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và thửa đất số 561,tờ BĐĐC số 281 về bên trái , phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6441	561	Đường Xuân Hiệp 11	Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc	Suối Gia Măng	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
6442	562	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
6443	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6444	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6445	565	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6446	566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
6447	567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Thửa đất số 558, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và thửa đất số 59, ờ BĐĐC số 281 về bên trái, phường Xuân Lộc đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
6448	568	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Quốc lộ 1	Suối Gia Măng	Phường Xuân Lộc	570	570	400	400
6449	569	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6450	570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6451	571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6452	572	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	380	380	250	250
6453	573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	300	300	200	200
6454	574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	220	220	140	140
6455	575	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Suối Gia Măng	Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6456	576	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6457	577	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6458	578	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6459	579	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6460	580	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6461	581	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6462	582	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc	Hết Nhà thờ Tam Thái	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6463	583	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6464	584	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6465	585	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6466	586	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6467	587	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6468	588	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6469	589	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Hết Nhà thờ Tam Thái	Hết Trường Tiểu học Kim Đồng	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6470	590	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6471	591	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6472	592	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6473	593	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6474	594	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6475	595	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6476	596	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Hết Trường Tiểu học Kim Đồng	Cầu Phước Hưng	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6477	597	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6478	598	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6479	599	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6480	600	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6481	601	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6482	602	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6483	603	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Cầu Phước Hưng	Đường Hồ Núi Le	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6484	604	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6485	605	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6486	606	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6487	607	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6488	608	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6489	609	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6490	610	Đường vào hồ Núi Le	Đường Hùng Vương	Đường 21 tháng 3 nối dài	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6491	611	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6492	612	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6493	613	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6494	614	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6495	615	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6496	616	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6497	617	Đường vào hồ Núi Le	Đường 21 tháng 3 nối dài	Đường Trương Công Định	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6498	618	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6499	619	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6500	620	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6501	621	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6502	622	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6503	623	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6504	624	Đường vào hồ Núi Le	Đường Trương Công Định	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6505	625	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6506	626	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6507	627	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6508	628	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6509	629	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6510	630	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6511	631	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hùng Vương	Đường quanh núi Chứa Chan	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6512	632	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6513	633	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6514	634	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6515	635	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6516	636	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6517	637	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6518	638	Đường Trần Phú	Đường Ngô Quyền	Đường Hùng Vương	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6519	639	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6520	640	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6521	641	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6522	642	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6523	643	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6524	644	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6525	645	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6526	646	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6527	647	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6528	648	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6529	649	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6530	650	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6531	651	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6532	652	Đường Trần Phú	Đường Võ Thị Sáu	Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6533	653	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6534	654	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6535	655	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6536	656	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6537	657	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6538	658	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6539	659	Đường Trần Phú	Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn An Ninh	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6540	660	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6541	661	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6542	662	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6543	663	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6544	664	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6545	665	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6546	666	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn An Ninh	Ngã ba Núi Le	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6547	667	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6548	668	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6549	669	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6550	670	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6551	671	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6552	672	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6553	673	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Ngã ba bưu điện	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6554	674	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6555	675	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6556	676	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6557	677	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6558	678	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6559	679	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6560	680	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba Núi Le	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6561	681	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6562	682	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6563	683	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6564	684	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6565	685	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6566	686	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6567	687	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Ngã ba Núi Le	Giáp ranh xã Xuân Hòa	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6568	688	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6569	689	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6570	690	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6571	691	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6572	692	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6573	693	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6574	694	Đường Ngô Gia Tự (song hành)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba Núi Le	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6575	695	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6576	696	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6577	697	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6578	698	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6579	699	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6580	700	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6581	701	Đường Ngô Gia Tự (song hành)	Ngã ba Núi Le	Giáp ranh xã Xuân Hòa	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6582	702	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6583	703	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6584	704	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6585	705	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6586	706	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6587	707	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6588	708	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Văn Vận	Đường Hoàng Đình Thương	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6589	709	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6590	710	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6591	711	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6592	712	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6593	713	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6594	714	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6595	715	Đường Ngô Quyền	Đường Hoàng Đình Thương	Giáp Xí nghiệp Phong Phú	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6596	716	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6597	717	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6598	718	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6599	719	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6600	720	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6601	721	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6602	722	Đường Ngô Quyền	Giáp Xí nghiệp Phong Phú	Đường Hùng Vương	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6603	723	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6604	724	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6605	725	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6606	726	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6607	727	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6608	728	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6609	729	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6610	730	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6611	731	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6612	732	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6613	733	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6614	734	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6615	735	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6616	736	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6617	737	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6618	738	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6619	739	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6620	740	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6621	741	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6622	742	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6623	743	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6624	744	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6625	745	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6626	746	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6627	747	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6628	748	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6629	749	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6630	750	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Phú	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6631	751	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6632	752	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6633	753	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6634	754	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6635	755	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6636	756	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6637	757	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6638	758	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6639	759	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6640	760	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6641	761	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6642	762	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6643	763	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6644	764	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6645	765	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6646	766	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6647	767	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6648	768	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6649	769	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6650	770	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6651	771	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6652	772	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6653	773	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6654	774	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6655	775	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6656	776	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6657	777	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6658	778	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6659	779	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6660	780	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6661	781	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6662	782	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6663	783	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6664	784	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6665	785	Đường Phan Chu Trinh			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6666	786	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6667	787	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6668	788	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6669	789	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6670	790	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6671	791	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6672	792	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Trần Phú	Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6673	793	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6674	794	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6675	795	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6676	796	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6677	797	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6678	798	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6679	799	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc	Đường Hồ Núi Le	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6680	800	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6681	801	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6682	802	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6683	803	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6684	804	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6685	805	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ phường Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6686	806	Đường Trần Hưng Đạo			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6687	807	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6688	808	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6689	809	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6690	810	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6691	811	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6692	812	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6693	813	Đường Lê Quý Đôn			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6694	814	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6695	815	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6696	816	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6697	817	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6698	818	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6699	819	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6700	820	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6701	821	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6702	822	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6703	823	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6704	824	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6705	825	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6706	826	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6707	827	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6708	828	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6709	829	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6710	830	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6711	831	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6712	832	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6713	833	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6714	834	Đường Mai Xuân Thưởng	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc)	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6715	835	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6716	836	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6717	837	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6718	838	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6719	839	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6720	840	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, phường Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6721	841	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6722	842	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6723	843	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6724	844	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6725	845	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6726	846	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6727	847	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6728	848	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Ngô Quyền	Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6729	849	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6730	850	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6731	851	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6732	852	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6733	853	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6734	854	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6735	855	Đường Lê Văn Vận			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6736	856	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6737	857	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6738	858	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6739	859	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6740	860	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6741	861	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6742	862	Đường 21 tháng 3	Đường Nguyễn Văn Cừ	Suối Gia Ui	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6743	863	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6744	864	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6745	865	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6746	866	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6747	867	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6748	868	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6749	869	Đường 21 tháng 3	Suối Gia Ui	Đường Hồ Núi Le	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6750	870	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6751	871	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6752	872	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6753	873	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6754	874	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6755	875	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6756	876	Đường 9 tháng 4			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6757	877	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6758	878	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6759	879	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6760	880	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6761	881	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6762	882	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6763	883	Đường Chi Lăng	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6764	884	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6765	885	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6766	886	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6767	887	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6768	888	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6769	889	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6770	890	Đường Chu Văn An	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6771	891	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6772	892	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6773	893	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6774	894	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6775	895	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6776	896	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6777	897	Đường Chu Văn An	Đường Ngô Quyền	Suối Gia Ui	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6778	898	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6779	899	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6780	900	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6781	901	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6782	902	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6783	903	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6784	904	Đường Hồ Thị Hương			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6785	905	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6786	906	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6787	907	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6788	908	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6789	909	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6790	910	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6791	911	Đường Hoàng Đình Thương	Đường Ngô Quyền	Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6792	912	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6793	913	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6794	914	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6795	915	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6796	916	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6797	917	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6798	918	Đường Hoàng Diệu			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6799	919	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6800	920	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6801	921	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6802	922	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6803	923	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6804	924	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6805	925	Đường Hoàng Hoa Thám			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6806	926	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6807	927	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6808	928	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6809	929	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6810	930	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6811	931	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6812	932	Đường Hoàng Văn Thụ			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6813	933	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6814	934	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6815	935	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6816	936	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6817	937	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6818	938	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6819	939	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6820	940	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6821	941	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6822	942	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6823	943	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6824	944	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6825	945	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6826	946	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Ngô Quyền	Đường quanh núi Chứa Chan	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6827	947	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6828	948	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6829	949	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6830	950	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6831	951	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6832	952	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6833	953	Đường Lê A			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6834	954	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6835	955	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6836	956	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6837	957	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6838	958	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6839	959	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6840	960	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6841	961	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6842	962	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6843	963	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6844	964	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6845	965	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6846	966	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6847	967	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Ngô Quyền	Suối Gia Ui	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6848	968	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6849	969	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6850	970	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6851	971	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6852	972	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6853	973	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6854	974	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6855	975	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6856	976	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6857	977	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6858	978	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6859	979	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6860	980	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6861	981	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6862	982	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6863	983	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6864	984	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6865	985	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6866	986	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6867	987	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6868	988	Đường Nguyễn Thiếp	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6869	989	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6870	990	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6871	991	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6872	992	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6873	993	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6874	994	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6875	995	Đường Nguyễn Thiếp	Đường Ngô Quyền	Suối Gia Ui	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6876	996	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6877	997	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6878	998	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6879	999	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6880	1.000	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6881	1.001	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6882	1.002	Đường Nguyễn Trường Tộ			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6883	1.003	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6884	1.004	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6885	1.005	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6886	1.006	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6887	1.007	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6888	1.008	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6889	1.009	Đường Nguyễn Văn Trỗi			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6890	1.010	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6891	1.011	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6892	1.012	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6893	1.013	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6894	1.014	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6895	1.015	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6896	1.016	Đường Phan Đình Giót			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6897	1.017	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6898	1.018	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6899	1.019	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6900	1.020	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6901	1.021	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6902	1.022	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6903	1.023	Đường Phan Bội Châu			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6904	1.024	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6905	1.025	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6906	1.026	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6907	1.027	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6908	1.028	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6909	1.029	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6910	1.030	Đường Phan Văn Trị			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6911	1.031	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6912	1.032	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6913	1.033	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6914	1.034	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6915	1.035	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6916	1.036	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6917	1.037	Đường Trương Công Định			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6918	1.038	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6919	1.039	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6920	1.040	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6921	1.041	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6922	1.042	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6923	1.043	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6924	1.044	Đường Trương Văn Bang			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6925	1.045	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6926	1.046	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6927	1.047	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6928	1.048	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6929	1.049	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6930	1.050	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6931	1.051	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Trương Công Định	Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6932	1.052	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6933	1.053	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6934	1.054	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6935	1.055	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6936	1.056	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6937	1.057	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6938	1.058	Đường Trần Nhân Tông	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6939	1.059	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6940	1.060	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6941	1.061	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6942	1.062	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6943	1.063	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6944	1.064	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6945	1.065	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6946	1.066	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6947	1.067	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6948	1.068	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6949	1.069	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6950	1.070	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6951	1.071	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6952	1.072	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6953	1.073	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6954	1.074	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6955	1.075	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6956	1.076	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6957	1.077	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6958	1.078	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6959	1.079	Đường Trần Quang Diệu	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6960	1.080	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6961	1.081	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6962	1.082	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6963	1.083	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6964	1.084	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6965	1.085	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6966	1.086	Đường Trần Quý Cáp			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6967	1.087	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6968	1.088	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6969	1.089	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6970	1.090	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6971	1.091	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6972	1.092	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6973	1.093	Đường Trường Chinh	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6974	1.094	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6975	1.095	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6976	1.096	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6977	1.097	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6978	1.098	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6979	1.099	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6980	1.100	Đường Võ Thị Sáu			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6981	1.101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6982	1.102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6983	1.103	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6984	1.104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6985	1.105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6986	1.106	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6987	1.107	Đường Võ Trường Toản			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6988	1.108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6989	1.109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6990	1.110	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6991	1.111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6992	1.112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
6993	1.113	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6994	1.114	Đường số 1	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
6995	1.115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6996	1.116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
6997	1.117	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
6998	1.118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
6999	1.119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7000	1.120	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7001	1.121	Đường số 2			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7002	1.122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7003	1.123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7004	1.124	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7005	1.125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7006	1.126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7007	1.127	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7008	1.128	Đường số 3	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7009	1.129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7010	1.130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7011	1.131	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7012	1.132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7013	1.133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7014	1.134	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7015	1.135	Đường số 4			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7016	1.136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7017	1.137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7018	1.138	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7019	1.139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7020	1.140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7021	1.141	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7022	1.142	Đường số 5	Đường Ngô Quyền	Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7023	1.143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7024	1.144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7025	1.145	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7026	1.146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7027	1.147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7028	1.148	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh giáp tờ 16 thửa 403 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7029	1.149	Đường số 6	Đường Ngô Quyền	Đường quanh núi Chứa Chan	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7030	1.150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7031	1.151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7032	1.152	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7033	1.153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7034	1.154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7035	1.155	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7036	1.156	Đường số 7			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7037	1.157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7038	1.158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7039	1.159	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7040	1.160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7041	1.161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7042	1.162	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7043	1.163	Đường số 8	Đường Ngô Quyền	Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7044	1.164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7045	1.165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7046	1.166	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7047	1.167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7048	1.168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7049	1.169	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 02, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7050	1.170	Đường số 9	Đường Lê Duẩn	Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7051	1.171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7052	1.172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7053	1.173	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7054	1.174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7055	1.175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7056	1.176	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7057	1.177	Đường số 10			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7058	1.178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7059	1.179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7060	1.180	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7061	1.181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7062	1.182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7063	1.183	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7064	1.184	Đường số 11			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7065	1.185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7066	1.186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7067	1.187	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7068	1.188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7069	1.189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7070	1.190	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7071	1.191	Đường số 12			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7072	1.192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7073	1.193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7074	1.194	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7075	1.195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7076	1.196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7077	1.197	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7078	1.198	Đường số 13			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7079	1.199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7080	1.200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7081	1.201	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7082	1.202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7083	1.203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7084	1.204	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7085	1.205	Đường số 14			Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7086	1.206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7087	1.207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7088	1.208	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7089	1.209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7090	1.210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7091	1.211	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7092	1.212	Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm	Đường Hùng Vương	Đường Trần Phú	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7093	1.213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7094	1.214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7095	1.215	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7096	1.216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7097	1.217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7098	1.218	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7099	1.219	Đường XH2	Thửa đất số 237, 604 tờ bản đồ số 252	Hết ranh thửa đất số 202 và 257, tờ bản đồ 278	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7100	1.220	Đường XH3	Thửa đất số 585, 480 tờ bản đồ số 252	Hết ranh thửa đất số 184 và 289, tờ bản đồ 275	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7101	1.221	Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1)	Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253	Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 1) đoạn từ Tờ bản đồ số 287, thửa đất số 253 đến Tờ bản đồ số 294, thửa đất số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7108	1.222	Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2)	Đường tỉnh 765	Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến trái) (Đoạn 2) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7115	1.223	Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1)	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Đường Việt Kiều 2	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 1) đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Việt Kiều 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7122	1.224	Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2)	Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng	Giáp ranh xã Xuân Phú	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gom cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (tuyến phải) (Đoạn 2) đoạn từ Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7129	1.225	Đường Suối Khỉ	Đường tỉnh 766	Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Khỉ đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Tờ bản đồ số 197, thửa đất số 206 và thửa 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7136	1.226	Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1	Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246	Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 224, 359, tờ bản đồ số 246 đến Thửa đất số 70, 81, tờ bản đồ số 243 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7143	1.227	Đường Lò Than	Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251	Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Than đoạn từ Thửa đất số 350, 253, tờ bản đồ số 251 đến Thửa đất số 257, 718, tờ bản đồ số 255 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7150	1.228	Đường vào Chợ Suối Cát	Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252	Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Chợ Suối Cát đoạn từ Thửa đất số 319, 339, tờ bản đồ số 252 đến Thửa đất số 155, 246, tờ bản đồ số 256 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7157	1.229	Đường tổ 11 Suối Cát 1	Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198	Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 11 Suối Cát 1 đoạn từ Thửa đất số 260, 246, tờ bản đồ số 198 đến Thửa đất số 23 và 21, tờ bản đồ số 250 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7164	1.230	Đường B1	Đường tỉnh 763	Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B1 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 283 và 4, tờ bản đồ số 171 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7171	1.231	Đường Tổ 6 Thọ Bình	Đường tỉnh 763	Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 6 Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Thửa đất số 241 và 176, tờ bản đồ số 168 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7178	1.232	Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp	Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12)	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Suối Cát - Xuân Hiệp đoạn từ Đường Song hành (Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12) đến Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 289, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7185	1.233	Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa	Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc)	Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	530	530	330	330
7186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	350	350	200	200
7190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	260	260	150	150
7191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (phường Xuân Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 20, tờ BĐĐC số 172 về bên phải và hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 172 về bên trái, phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	180	180	110	110
7192	1.234	Đường Lê Duẩn (ngang)	Đường Ngô Gia Tự (song hành)	Đường Lê Duẩn	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7193	1.235	Đường số 6 (nhánh 2)	Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13)	Đường số 6 (tờ 5 thửa 131)	Phường Xuân Lộc	760	760	470	470
7194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Xuân Lộc	460	460	290	290
7198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Xuân Lộc	400	400	260	260
7199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 (nhánh 2) đoạn từ Đường số 6 (tờ 17 thửa 314 và thửa 13) đến Đường số 6 (tờ 5 thửa 131) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Xuân Lộc	310	310	200	200
7200	1	Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa	Đường hồ Núi Le	Hết ranh xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	470	470	330	330
7201	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7202	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7203	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
7204	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7205	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7206	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
7207	8	Quốc lộ 1	Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa	Hết Trường Mầm non ấp 6	Xã Xuân Hòa	530	530	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7208	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7209	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7210	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7211	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7212	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7213	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7214	15	Quốc lộ 1	Giáp Trường Mầm non ấp 6	Hết chùa Quảng Long	Xã Xuân Hòa	530	530	400	400
7215	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7216	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7217	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7218	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7219	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7220	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7221	22	Quốc lộ 1	Hết chùa Quảng Long	Đường Cầu Trắng	Xã Xuân Hòa	530	530	400	400
7222	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7223	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7224	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7225	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7226	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7227	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7228	29	Quốc lộ 1	Cầu Trắng	Đường Tà Lú + 800m	Xã Xuân Hòa	530	530	400	400
7229	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7230	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7231	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7232	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7233	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7234	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7235	36	Quốc lộ 1	Đường Tà Lú + 800m	Hết giáo xứ Long Thuận	Xã Xuân Hòa	530	530	400	400
7236	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7237	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7238	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7239	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7240	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7241	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7242	43	Quốc lộ 1	Hết giáo xứ Long Thuận	Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng	Xã Xuân Hòa	530	530	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7243	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7244	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7245	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7246	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7247	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7248	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7249	50	Quốc lộ 1	Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	Xã Xuân Hòa	530	530	400	400
7250	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7251	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7252	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7253	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7254	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7255	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7256	57	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1 + 100m	Xã Xuân Hòa	500	500	370	370
7257	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7258	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7259	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7260	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7261	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7262	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7263	64	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Quốc lộ 1 + 100m	Quốc lộ 1 + 400m	Xã Xuân Hòa	500	500	370	370
7264	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7265	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7266	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7267	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7268	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7269	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7270	71	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Quốc lộ 1 + 400m	Qua nhà máy cồn 200m	Xã Xuân Hòa	500	500	370	370
7271	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7272	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7273	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7274	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7275	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7276	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7277	78	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Qua nhà máy cồn 200m	Ranh giới xã Xuân Thành	Xã Xuân Hòa	500	500	370	370
7278	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7279	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7280	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7281	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7282	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7283	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7284	85	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Quốc lộ 1	Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà)	Xã Xuân Hòa	530	530	400	400
7285	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7286	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7287	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7288	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7289	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7290	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7291	92	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà)	Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng)	Xã Xuân Hòa	530	530	400	400
7292	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7293	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7294	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7295	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7296	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7297	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7298	99	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng)	Ranh giới xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	530	530	400	400
7299	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7300	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7301	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7302	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	380	380	250	250
7303	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	310	310	200	200
7304	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	220	220	140	140
7305	106	Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1 +300m	Xã Xuân Hòa	500	500	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7306	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7307	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7308	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7309	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7310	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7311	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7312	113	Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ	Quốc lộ 1 +300m	Suối Sông Ui	Xã Xuân Hòa	500	500	370	370
7313	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7314	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7315	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7316	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7317	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7318	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7319	120	Đường Tà Lú	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1+300m	Xã Xuân Hòa	500	500	370	370
7320	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7321	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7322	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7323	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7324	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7325	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7326	127	Đường Tà Lú	Quốc lộ 1+300m	Trường bắn Quốc gia KV3	Xã Xuân Hòa	500	500	370	370
7327	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7328	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7329	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7330	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	350	350	230	230
7331	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	290	290	180	180
7332	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	200	200	130	130
7333	134	Đường Sóc Ba Buông	Quốc lộ 1	Đường Xuân Hòa 5	Xã Xuân Hòa	470	470	330	330
7334	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7335	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7336	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
7337	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7338	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7339	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7340	141	Đường Sóc Ba Buông	Đường Xuân Hòa 5	Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	470	470	330	330
7341	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7342	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7343	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
7344	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7345	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7346	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
7347	148	Đường Xuân Hòa 2	Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	Xã Xuân Hòa	470	470	330	330
7348	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7349	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7350	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7351	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7352	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7353	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
7354	155	Đường Xuân Hòa 5	Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m	Đường vào nhà máy sản xuất cồn Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	470	470	330	330
7355	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Đường vào nhà máy sản xuất cồn Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7356	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Đường vào nhà máy sản xuất cồn Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7357	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Đường vào nhà máy sản xuất cồn Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
7358	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Đường vào nhà máy sản xuất cồn Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7359	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Đường vào nhà máy sản xuất cồn Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7360	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Đường vào nhà máy sản xuất cồn Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
7361	162	Đường Xuân Hòa 3	Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa)	Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	470	470	330	330
7362	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7363	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7364	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
7365	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Hòa	330	330	200	200
7366	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Hòa	260	260	150	150
7367	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Hòa	180	180	110	110
7368	1	Đường tỉnh 766	Giáp ranh xã Xuân Lộc	Cây xăng số 9	Xã Xuân Thành	530	530	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7369	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	380	380	250	250
7370	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	310	310	200	200
7371	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	220	220	140	140
7372	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	380	380	250	250
7373	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	310	310	200	200
7374	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	220	220	140	140
7375	8	Đường tỉnh 766	Cây xăng số 9	Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu	Xã Xuân Thành	530	530	400	400
7376	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	380	380	250	250
7377	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	310	310	200	200
7378	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	220	220	140	140
7379	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7380	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	310	310	200	200
7381	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	220	220	140	140
7382	15	Đường tỉnh 766	Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	Xã Xuân Thành	530	530	400	400
7383	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	380	380	250	250
7384	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	310	310	200	200
7385	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	220	220	140	140
7386	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	380	380	250	250
7387	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	310	310	200	200
7388	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	220	220	140	140
7389	22	Đường lô 13	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành	Xã Xuân Thành	470	470	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7390	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7391	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7392	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7393	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7394	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7395	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7396	29	Đường Xuân Thành đi Trảng Táo	Đường tỉnh 766	Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1941	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7397	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1941 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7398	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1941 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7399	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1941 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7400	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1941 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7401	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1941 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7402	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1941 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7403	36	Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc)	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7404	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7405	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7406	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7407	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7408	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7409	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7410	43	Đường 8/3	Đường tỉnh 766	Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 936 và tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1954	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7411	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 936 và tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1954 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7412	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 936 và tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1954 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7413	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 936 và tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1954 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7414	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 936 và tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1954 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7415	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 936 và tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1954 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7416	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 51, thửa đất số 936 và tờ BĐĐC 51, thửa đất số 1954 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7417	50	Đường tổ 6-7	Đường tỉnh 766	Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành)	Xã Xuân Thành	470	470	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7418	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7419	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7420	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7421	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7422	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7423	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7424	57	Đường 30/4	Đường tỉnh 766	Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7425	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7426	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7427	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7428	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7429	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7430	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7431	64	Đường 19/5	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7432	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7433	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7434	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7435	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7436	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7437	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7438	71	Đường 3/2	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7439	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7440	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7441	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7442	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7443	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7444	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7445	78	Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành)	Đường tỉnh 766	Giáp nhà thờ Tân Hữu	Xã Xuân Thành	470	470	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7446	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7447	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7448	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7449	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7450	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7451	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7452	85	Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành)	Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu	Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7453	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7454	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7455	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7456	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7457	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7458	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7459	92	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Đường tỉnh 766	Ngã 3 Ông Sáng Chùa (Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847)	Xã Xuân Thành	500	500	370	370
7460	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa (Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7461	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa (Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7462	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa (Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7463	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa (Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7464	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa (Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7465	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa (Hết ranh tờ BĐĐC 25, thửa đất số 847) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7466	99	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Ngã 3 Ông Sáng Chùa	Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su	Xã Xuân Thành	500	500	370	370
7467	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7468	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7469	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7470	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7471	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7472	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7473	106	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m	Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m	Xã Xuân Thành	500	500	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7474	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7475	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7476	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7477	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7478	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7479	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Xuân Thành	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7480	113	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m			Xã Xuân Thành	500	500	370	370
7481	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7482	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7483	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7484	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7485	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7486	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7487	120	Đường Chà Rang - Xuân Thọ	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Hết ranh xã Xuân Thành (hết tờ 112 thửa 374)	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7488	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh xã Xuân Thành (hết tờ 112 thửa 374) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7489	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh xã Xuân Thành (hết tờ 112 thửa 374) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7490	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh xã Xuân Thành (hết tờ 112 thửa 374) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7491	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh xã Xuân Thành (hết tờ 112 thửa 374) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7492	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh xã Xuân Thành (hết tờ 112 thửa 374) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7493	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh xã Xuân Thành (hết tờ 112 thửa 374) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7494	127	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc	Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m	Xã Xuân Thành	500	500	370	370
7495	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7496	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7497	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7498	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7499	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7500	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7501	134	Đường Gia Tỵ - Cao su	Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m	Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7502	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7503	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7504	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7505	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7506	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7507	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7508	141	Đường Gia Tỵ - Cao su	Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m	Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7509	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7510	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7511	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7512	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7513	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7514	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7515	148	Đường Láng Tre - Xuân Thành	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Đường Gia Tỵ - Cao su	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7516	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường Gia Tỵ - Cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7517	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường Gia Tỵ - Cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7518	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường Gia Tỵ - Cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7519	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường Gia Tỵ - Cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7520	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường Gia Tỵ - Cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7521	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường Gia Tỵ - Cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7522	155	Đường Gia Tỵ - Cao su	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7523	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7524	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7525	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7526	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7527	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7528	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7529	162	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Cầu gió bay	Hết ranh xã XuânThành	Xã Xuân Thành	470	470	330	330
7530	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7531	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7532	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7533	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	330	330	200	200
7534	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	260	260	150	150
7535	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	180	180	110	110
7536		Đường Gia Tỵ - Cao su	Đường Xuân Trường – Suối Cao	Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m.	Xã Xuân Thành	500	500	370	370
7537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Cao su đoạn từ Đường Xuân Trường – Suối Cao đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7543		Đường Xuân Trường – Suối Cao	Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m	Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m	Xã Xuân Thành	500	500	370	370
7544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Cách đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7550		Đường Xuân Trường – Suối Cao	Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m	Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388	Xã Xuân Thành	500	500	370	370
7551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Qua đường Gia Tỵ - Cao su 250m đến Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7557		Đường Xuân Trường – Suối Cao	Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388	Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc.	Xã Xuân Thành	500	500	370	370
7558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180
7560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Thành	350	350	230	230
7562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Thành	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường – Suối Cao đoạn từ Hết tờ BĐĐC 108 thửa đất số 388 đến Đường Xuân Thành – Suối Cao – Xuân Bắc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Thành	200	200	130	130
7564	1	Đường tỉnh 763	Giáp ranh xã Thống Nhất	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Xã Xuân Bắc	270	270	230	230
7565	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	160	160	150	150
7566	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	130	130	100	100
7567	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	90	90	50	50
7568	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	160	160	150	150
7569	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	130	130	100	100
7570	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	90	90	50	50
7571	8	Đường tỉnh 763	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Hết giáo xứ Suối Nho	Xã Xuân Bắc	270	270	230	230
7572	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	160	160	150	150
7573	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7574	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	90	90	50	50
7575	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	160	160	150	150
7576	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	130	130	100	100
7577	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	90	90	50	50
7578	15	Đường tỉnh 763	Hết giáo xứ Suối Nho	Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	270	270	230	230
7579	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	160	160	150	150
7580	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	130	130	100	100
7581	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	90	90	50	50
7582	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	160	160	150	150
7583	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7584	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	90	90	50	50
7585	22	Đường tỉnh 763	Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Giáp ranh phường Xuân Lộc	Xã Xuân Bắc	530	530	400	400
7586	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	380	380	250	250
7587	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	310	310	200	200
7588	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	220	220	140	140
7589	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	380	380	250	250
7590	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	310	310	200	200
7591	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	220	220	140	140
7592	29	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	Đường tỉnh 763	Giáp ranh phường Bảo Vinh	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7593	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7594	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7595	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7596	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7597	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7598	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7599	36	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	Xã Xuân Bắc	500	500	370	370
7600	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	350	350	230	230
7601	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	290	290	180	180
7602	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	200	200	130	130
7603	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7604	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	290	290	180	180
7605	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	200	200	130	130
7606	43	Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7607	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7608	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7609	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7610	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7611	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7612	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7613	50	Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65	Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7614	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7615	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7616	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7617	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7618	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7619	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7620	57	Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7621	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7622	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7623	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7624	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7625	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7626	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7627	64	Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65	Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7628	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7629	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7630	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7631	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7632	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7633	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65 đến Đường tổ 6 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7634	71	Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc)	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7635	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7636	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7637	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7638	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7639	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7640	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7641	78	Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc	Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc)	Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7642	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7643	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7644	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7645	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7646	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7647	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp Xuân Tân xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7648	85	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	Xã Xuân Bắc	500	500	370	370
7649	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7650	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	290	290	180	180
7651	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	200	200	130	130
7652	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	350	350	230	230
7653	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	290	290	180	180
7654	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	200	200	130	130
7655	92	Đường vào ấp Thọ Vực	Đường đi vào Nông trường Thọ Vực	Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7656	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7657	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7658	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7659	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7660	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7661	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp Thọ Vực đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết tờ BĐĐC số 84 thửa đất số 142 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7662	99	Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Giáp ranh phường Bảo Vinh	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7663	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7664	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7665	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7666	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7667	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7668	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7669	106	Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Giáp ranh phường Bảo Vinh	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7670	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7671	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7672	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7673	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7674	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7675	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thọ Vực đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7676	113	Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam	Đường tỉnh 763	Suối Gia Ray	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7677	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7678	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7679	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7680	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7681	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7682	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Đội 1 ấp Xuân Nam đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7683	120	Đường vào đồi đất đỏ	Đường tỉnh 763	Suối Gia Ray	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7684	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7685	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7686	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7687	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7688	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7689	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7690	127	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Cầu Suối Tre	Xã Xuân Bắc	500	500	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7691	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	350	350	230	230
7692	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	290	290	180	180
7693	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	200	200	130	130
7694	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	350	350	230	230
7695	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	290	290	180	180
7696	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	200	200	130	130
7697	134	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Cầu Suối Tre	Cầu số 2	Xã Xuân Bắc	500	500	370	370
7698	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	350	350	230	230
7699	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	290	290	180	180
7700	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	200	200	130	130
7701	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7702	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	290	290	180	180
7703	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	200	200	130	130
7704	141	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Cầu số 2	Giáp ranh xã Suối Cao cũ	Xã Xuân Bắc	500	500	370	370
7705	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	350	350	230	230
7706	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	290	290	180	180
7707	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	200	200	130	130
7708	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	350	350	230	230
7709	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	290	290	180	180
7710	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	200	200	130	130
7711	148	Đường SaBi	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7712	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7713	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7714	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7715	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7716	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7717	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7718	155	Đường vào Thác Trời	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7719	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7720	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7721	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7722	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7723	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7724	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa 154 tờ 08 bên trái,thửa 301 tờ 8 bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7725	162	Đường 101	Giáp ranh xã La Ngà	Tu viện Thánh Gioan Granda	Xã Xuân Bắc	250	250	220	220
7726	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	150	150	130	130
7727	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	120	120	90	90
7728	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	80	80	50	50
7729	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	150	150	130	130
7730	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	120	120	90	90
7731	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	80	80	50	50
7732	169	Đường 101	Tu viện Thánh Gioan Granda	Đường tỉnh 763	Xã Xuân Bắc	250	250	220	220
7733	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	150	150	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7734	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	120	120	90	90
7735	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	80	80	50	50
7736	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	150	150	130	130
7737	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	120	120	90	90
7738	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	80	80	50	50
7739	176	Đường NaGoa	Ngã ba đường 101	Đường vào Thác Trời	Xã Xuân Bắc	230	230	200	200
7740	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	140	140	110	110
7741	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	110	110	70	70
7742	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	70	70	40	40
7743	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	140	140	110	110
7744	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	110	110	70	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7745	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	70	70	40	40
7746	183	Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực	Đường tỉnh 763	Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7747	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7748	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7749	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7750	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7751	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7752	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Xuân Tân đi thọ vực đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp Đường Xuân Bắc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7753	190	Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh	Đường tỉnh 763	Đường NaGoa tờ 148 thửa 24	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7754	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7755	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7756	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7757	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7758	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7759	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Trung hòa, Gia Huynh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 148 thửa 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7760	197	Đường Xuân Bắc - Suối Cao	Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái)	Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái)	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7761	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7762	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7763	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7764	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7765	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7766	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 763 (tờ 111 thửa 138, bên phải; tờ 11 thửa 126 bên trái) đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ (tờ 101 thửa 26, bên phải; tờ 101 thửa 185 bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7767	204	Đường Hồng Nga	Đường tỉnh 763	Đường NaGoa tờ 149 thửa 105	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7768	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7769	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7770	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7771	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7772	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7773	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Nga đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường NaGoa tờ 149 thửa 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7774	211	Đường Suối Nho - Xuân Thiện	Đường tỉnh 763	Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13	Xã Xuân Bắc	470	470	330	330
7775	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7776	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7777	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7778	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Bắc	330	330	200	200
7779	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Bắc	260	260	150	150
7780	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Nho - Xuân Thiện đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh xã Xuân Thiện cũ tờ 151 thửa 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Bắc	180	180	110	110
7781	1	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Xuân Định	Đường Xuân Phú 16	Xã Xuân Phú	570	570	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7782	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	380	380	250	250
7783	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	300	300	200	200
7784	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	220	220	140	140
7785	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	380	380	250	250
7786	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	300	300	200	200
7787	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	220	220	140	140
7788	8	Quốc lộ 1	Đường Xuân Phú 16	Đường Xuân Phú 16 + 494m	Xã Xuân Phú	570	570	400	400
7789	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	380	380	250	250
7790	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	300	300	200	200
7791	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	220	220	140	140
7792	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7793	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	300	300	200	200
7794	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	220	220	140	140
7795	15	Quốc lộ 1	Đường Xuân Phú 16 + 494m	Giáp ranh phường Xuân Lộc	Xã Xuân Phú	570	570	400	400
7796	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	380	380	250	250
7797	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	300	300	200	200
7798	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	220	220	140	140
7799	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	380	380	250	250
7800	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	300	300	200	200
7801	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	220	220	140	140
7802	22	Đường Bình Hòa - Long Khánh	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7803	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7804	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7805	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7806	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7807	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7808	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7809	29	Đường Xuân Phú 16	Quốc lộ 1	Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú)	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7810	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7811	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7812	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7813	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7814	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7815	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7816	36	Đường Trường An	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7817	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7818	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7819	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7820	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7821	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7822	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 428, tờ BĐĐC số 60 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7823	43	Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú)	Quốc lộ 1	Cầu Bình Hòa	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7824	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7825	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7826	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7827	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7828	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7829	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7830	50	Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú)	Cầu Bình Hòa	Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7831	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7832	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7833	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7834	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7835	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7836	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 4 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7837	57	Đường nội ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7838	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7839	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7840	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7841	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7842	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7843	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7844	64	Đường Xuân Phú 29	Quốc lộ 1	Suối Soài	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7845	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7846	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7847	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7848	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7849	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7850	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7851	71	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Quốc lộ 1	Hết nghĩa địa ấp Bình Tân	Xã Xuân Phú	550	550	370	370
7852	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	360	360	230	230
7853	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7854	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	200	200	130	130
7855	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	360	360	230	230
7856	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	290	290	180	180
7857	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	200	200	130	130
7858	78	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Hết nghĩa địa ấp Bình Tân	Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú	Xã Xuân Phú	550	550	370	370
7859	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	360	360	230	230
7860	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	290	290	180	180
7861	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	200	200	130	130
7862	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	360	360	230	230
7863	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	290	290	180	180
7864	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7865	85	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú	Ranh giới xã Xuân Đông	Xã Xuân Phú	550	550	370	370
7866	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	360	360	230	230
7867	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	290	290	180	180
7868	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	200	200	130	130
7869	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	360	360	230	230
7870	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	290	290	180	180
7871	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	200	200	130	130
7872	92	Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1 + 500m	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7873	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7874	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7875	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7876	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7877	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7878	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7879	99	Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã	Quốc lộ 1 + 500m	Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú)	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7880	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7881	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7882	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7883	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7884	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7885	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7886	106	Đường nội ấp Bình Xuân 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7887	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7888	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7889	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7890	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7891	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7892	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 152, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7893	113	Đường Xuân Phú 19	Quốc lộ 1	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú)	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7894	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7895	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7896	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7897	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7898	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7899	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7900	120	Đường nội ấp Bình Tiến	Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú)	Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú)	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7901	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7902	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7903	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7904	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7905	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7906	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 419, tờ BĐĐC số 85; Bên trái đến hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 84 (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7907	127	Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh	Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú)	Đường tỉnh 765	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7908	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7909	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7910	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7911	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7912	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7913	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7914	134	Đường tỉnh 765	Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m	Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m	Xã Xuân Phú	570	570	400	400
7915	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	380	380	250	250
7916	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	300	300	200	200
7917	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	220	220	140	140
7918	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	380	380	250	250
7919	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	300	300	200	200
7920	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	220	220	140	140
7921	141	Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m			Xã Xuân Phú	570	570	400	400
7922	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7923	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	300	300	200	200
7924	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	220	220	140	140
7925	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	380	380	250	250
7926	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	300	300	200	200
7927	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn giáp ranh xã Xuân Đông đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	220	220	140	140
7928	148	Đường Lang Minh - Suối Đá	Đường tỉnh 765	Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông	Xã Xuân Phú	550	550	370	370
7929	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	360	360	230	230
7930	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	290	290	180	180
7931	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	200	200	130	130
7932	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	360	360	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7933	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	290	290	180	180
7934	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	200	200	130	130
7935	155	Đường Lang Minh - Xuân Đông	Đường tỉnh 765	Xã Xuân Đông	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7936	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7937	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7938	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7939	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7940	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7941	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7942	162	Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7943	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7944	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7945	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7946	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7947	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7948	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7949	169	Đường XP5 nối dài - đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7950	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7951	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7952	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7953	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7954	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7955	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7956	176	Đường XP7, ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7957	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7958	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7959	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7960	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7961	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7962	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7963	183	Đường XP9, ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7964	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7965	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7966	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7967	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7968	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7969	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7970	190	Đường XP11, ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7971	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7972	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7973	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7974	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7975	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7976	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7977	197	Đường XP27, ấp Bình Tân	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7978	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7979	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7980	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7981	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7982	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7983	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7984	204	Đường XP29, ấp Bình Tân	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7985	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7986	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7987	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7988	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7989	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7990	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7991	211	Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7992	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
7993	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7994	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7995	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
7996	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
7997	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
7998	218	Đường XP39, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
7999	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8000	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8001	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8002	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8003	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8004	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8005	225	Đường XP14, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8006	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8007	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8008	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8009	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8010	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8011	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8012	232	Đường XP18, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8013	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8014	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8015	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8016	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8017	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8018	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8019	239	Đường XP20, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8020	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8021	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8022	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8023	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8024	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8025	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 138 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8026	246	Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ	Đường tỉnh 765	Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8027	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8028	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8029	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8030	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8031	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8032	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8033	253	Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ)	Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông	Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8034	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8035	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8036	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8037	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8038	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8039	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8040		Đường hẻm Tân Bình 1	Đường Lang Minh - Xuân Đông	Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Hết ranh thửa đất số 127, tờ BĐĐC số 115 về bên phải và hết ranh thửa đất số 123, tờ BĐĐC số 115 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8047		Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1	Đường Lang Minh - Xuân Đông	Đường hẻm Tân Bình 1	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh – Xuân Đông đi Tân Bình 1 đoạn từ Đường Lang Minh - Xuân Đông đến Đường hẻm Tân Bình 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8054		Đường Vườn Xoài - Bảo Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 422, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài - Bảo Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 422, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8056		#REF!			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài - Bảo Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 422, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài - Bảo Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 422, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài - Bảo Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 422, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài - Bảo Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 422, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8061		Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1)	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 15 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 35, tờ BĐĐC số 70 về bên phải và hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 71 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8068		Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1)	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8070		#REF!			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 12 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 34 về bên phải và hết ranh thửa đất số 87, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8075		Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1)	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 13 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8082		Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1)	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8084		#REF!			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2893 (Bình Xuân 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 319, tờ BĐĐC số 43 về bên phải và hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 43 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8089		Đường Bình Hoà - Long Khánh	Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú	Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hoà - Long Khánh đoạn từ Từ ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú đến Từ ranh thửa đất số 201, tờ BĐĐC số 17 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8096		Đường Phở Phúc	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phở Phúc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 27 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 23 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8103		Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà	Cầu Bình Hoà	Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8105		#REF!			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 7- ấp Bình Hoà đoạn từ Cầu Bình Hoà đến Hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 32 về bên phải và Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 32 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8110		Đường Lang Minh-Suối Đá (đoạn qua xã Xuân Phú cũ)	Đường Xuân Phú- Xuân Tây	Hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 95, về bên phải và Hết ranh thửa đất số 118, tờ BĐĐC số 95 về bên trái	Xã Xuân Phú	530	530	330	330
8111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh-Suối Đá (đoạn qua xã Xuân Phú cũ) đoạn từ Đường Xuân Phú- Xuân Tây đến Hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 95, về bên phải và Hết ranh thửa đất số 118, tờ BĐĐC số 95 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh-Suối Đá (đoạn qua xã Xuân Phú cũ) đoạn từ Đường Xuân Phú- Xuân Tây đến Hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 95, về bên phải và Hết ranh thửa đất số 118, tờ BĐĐC số 95 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150
8113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh-Suối Đá (đoạn qua xã Xuân Phú cũ) đoạn từ Đường Xuân Phú- Xuân Tây đến Hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 95, về bên phải và Hết ranh thửa đất số 118, tờ BĐĐC số 95 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh-Suối Đá (đoạn qua xã Xuân Phú cũ) đoạn từ Đường Xuân Phú- Xuân Tây đến Hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 95, về bên phải và Hết ranh thửa đất số 118, tờ BĐĐC số 95 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Phú	350	350	200	200
8115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh-Suối Đá (đoạn qua xã Xuân Phú cũ) đoạn từ Đường Xuân Phú- Xuân Tây đến Hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 95, về bên phải và Hết ranh thửa đất số 118, tờ BĐĐC số 95 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Phú	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh-Suối Đá (đoạn qua xã Xuân Phú cũ) đoạn từ Đường Xuân Phú-Xuân Tây đến Hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 95, về bên phải và Hết ranh thửa đất số 118, tờ BĐĐC số 95 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Phú	180	180	110	110
8117	1	Quốc lộ 1	Giáp ranh phường Hàng gòn	Hết công ty Intimex	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8118	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8119	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8120	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8121	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8122	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8123	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8124	8	Quốc lộ 1	Hết công ty Intimex	Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8125	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8126	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8127	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8128	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8129	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8130	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8131	15	Quốc lộ 1	Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m	Ranh xã Bảo Hòa cũ	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8132	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8133	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8134	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8135	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8136	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8137	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8138	22	Quốc lộ 1	Ranh xã Bảo Hòa cũ	Hết giáo xứ Xuân Bình	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8139	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8140	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8141	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8142	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8143	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8144	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8145	29	Quốc lộ 1	Hết giáo xứ Xuân Bình	Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8146	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8147	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8148	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8149	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8150	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8151	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8152	36	Quốc lộ 1	Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m	Giáp ranh xã Xuân Phú	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8153	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8154	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8155	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8156	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8157	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8158	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8159	43	Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần	Quốc lộ 1	Đường Tổ 13	Xã Xuân Định	530	530	330	330
8160	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8161	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8162	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8163	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8164	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8165	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8166	50	Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần	Đường Tổ 13	Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần	Xã Xuân Định	530	530	330	330
8167	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8168	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8169	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8170	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8171	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8172	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8173	57	Đường Chiến Thắng đi Nam Hà	Quốc lộ 1	Suối Cạn	Xã Xuân Định	530	530	330	330
8174	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8175	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8176	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8177	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8178	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8179	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8180	64	Đường Chiến Thắng đi Nam Hà	Suối Cạn	Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần	Xã Xuân Định	530	530	330	330
8181	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8182	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8183	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8184	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8185	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8186	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8187	71	Đường tỉnh 765B	Ngã ba Xuân Định	Ngã ba Xuân Định + 200m	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8188	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8189	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8190	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8191	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8192	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8193	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8194	78	Đường tỉnh 765B	Ngã ba Xuân Định + 200m	Hết nghĩa địa Bảo Thị	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8195	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8196	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8197	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8198	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8199	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8200	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8201	85	Đường tỉnh 765B	Hết nghĩa địa Bảo Thị	Cầu Suối Hai	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8202	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8203	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8204	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8205	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8206	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8207	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8208	92	Đường tỉnh 765B	Cầu Suối Hai	Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m)	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8209	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8210	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8211	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8212	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8213	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8214	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8215	99	Đường tỉnh 765B	Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m)	Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m)	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8216	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8217	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8218	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8219	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8220	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8221	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8222	106	Đường tỉnh 765B	Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m)	Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8223	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8224	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8225	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8226	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8227	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8228	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8229	113	Đường tỉnh 765B	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8230	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8231	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8232	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8233	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8234	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8235	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8236	120	Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần	Đường tỉnh 765B	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định)	Xã Xuân Định	550	550	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8237	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8238	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8239	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8240	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8241	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8242	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8243	127	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Đường tỉnh 765B	Hết mét thứ 500	Xã Xuân Định	550	550	370	370
8244	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8245	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8246	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8247	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8248	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8249	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8250	134	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Hết mét thứ 500	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn	Xã Xuân Định	550	550	370	370
8251	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8252	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8253	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8254	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8255	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8256	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8257	141	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Đường tỉnh 765B	Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m)	Xã Xuân Định	550	550	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8258	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8259	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8260	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8261	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8262	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8263	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8264	148	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m)	Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà	Xã Xuân Định	550	550	370	370
8265	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8266	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8267	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8268	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8269	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8270	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Nhà văn hóa ấp Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8271	155	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà	Ranh giới xã Xuân Đông	Xã Xuân Định	550	550	370	370
8272	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8273	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8274	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8275	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8276	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8277	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8278	162	Đường Nông Doanh 3	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái	Xã Xuân Định	530	530	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8279	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8280	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8281	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8282	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8283	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8284	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8285	169	Đường văn hóa Nông Doanh	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21	Xã Xuân Định	530	530	330	330
8286	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8287	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8288	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8289	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8290	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8291	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8292	176	Đường Nông Doanh 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái	Xã Xuân Định	530	530	330	330
8293	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8294	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8295	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8296	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8297	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8298	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8299	183	Đường Nông Doanh 2	Đường văn hóa Nông Doanh	Đường Nông Doanh 1	Xã Xuân Định	530	530	330	330
8300	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8301	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8302	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8303	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8304	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8305	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8306	190	Đường hẻm cầu Gia Trấp	Đường Lê Hồng Phong	Đường Bà Rết	Xã Xuân Định	530	530	330	330
8307	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8308	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8309	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8310	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8311	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8312	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8313	197	Đường Bà Rết	Quốc lộ 1	Ranh giới phường Hàng Gòn	Xã Xuân Định	530	530	330	330
8314	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8315	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8316	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8317	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8318	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8319	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8320	204	Đường Lê Hồng Phong	Quốc lộ 1	Suối Gia Trấp	Xã Xuân Định	570	570	400	400
8321	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8322	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8323	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8324	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	380	380	250	250
8325	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	300	300	200	200
8326	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	220	220	140	140
8327	211	Đường Suối Rết B	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trãi	Xã Xuân Định, Phường Long Khánh, Phường Hàng Gòn	530	530	330	330
8328	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định, Phường Long Khánh, Phường Hàng Gòn	350	350	200	200
8329	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định, Phường Long Khánh, Phường Hàng Gòn	260	260	150	150
8330	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định, Phường Long Khánh, Phường Hàng Gòn	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8331	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định, Phường Long Khánh, Phường Hàng Gòn	350	350	200	200
8332	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định, Phường Long Khánh, Phường Hàng Gòn	260	260	150	150
8333	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định, Phường Long Khánh, Phường Hàng Gòn	180	180	110	110
8334	218	Đường Chiến Thắng - Long Khánh	Quốc lộ 1	Ranh giới phường Long Khánh	Xã Xuân Định	530	530	330	330
8335	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8336	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8337	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8338	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	350	350	200	200
8339	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	260	260	150	150
8340	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	180	180	110	110
8341	225	Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1+500m	Xã Xuân Định	550	550	370	370
8342	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8343	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8344	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8345	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8346	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8347	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8348	232	Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh	Quốc lộ 1+500m	Ranh giới phường Long Khánh	Xã Xuân Định	550	550	370	370
8349	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8350	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180
8351	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8352	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Định	360	360	230	230
8353	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Định	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8354	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Định	200	200	130	130
8355	1	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Giáp ranh xã Xuân Định	Cầu Bảo Bình	Xã Cẩm Mỹ	530	530	400	400
8356	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8357	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8358	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8359	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8360	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8361	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8362	8	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Cầu Bảo Bình	Cầu Suối Lức	Xã Cẩm Mỹ	530	530	400	400
8363	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8364	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8365	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8366	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8367	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8368	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8369	15	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Cầu Suối Lức	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	530	530	400	400
8370	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	380	380	250	250
8371	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8372	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8373	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	380	380	250	250
8374	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8375	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8376	22	Đường ấp 9,11	Giáp ranh xã Xuân Đông	Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m)	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8377	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8378	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8379	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8380	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8381	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8382	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8383	29	Đường ấp 9,11	Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m)	Đường tỉnh 765B	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8384	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8385	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8386	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8387	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8388	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8389	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8390	36	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Quốc lộ 56	Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8391	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8392	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8393	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8394	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8395	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8396	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8397	43	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình	Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8398	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8399	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8400	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8401	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8402	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8403	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8404	50	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du	Đường tỉnh 765B	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8405	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8406	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8407	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8408	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8409	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8410	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8411	57	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Đường tỉnh 765B	Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 103	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8412	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8413	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8414	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8415	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8416	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8417	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8418	64	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp ranh xã Xuân Đông	Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	500	500	370	370
8419	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	350	350	230	230
8420	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	290	290	180	180
8421	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	200	200	130	130
8422	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	350	350	230	230
8423	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	290	290	180	180
8424	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đông	200	200	130	130
8425	71	Đường Tân Bình	Đường tỉnh 765B	Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8426	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8427	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8428	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8429	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8430	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8431	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8432	78	Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình	Đường tỉnh 764	Đường Long Giao-Bảo Bình	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8433	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8434	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8435	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8436	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8437	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8438	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8439	85	Đường tỉnh 764	Quốc lộ 56	Hết cây xăng Xuân Mỹ	Xã Cẩm Mỹ	530	530	400	400
8440	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8441	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8442	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8443	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8444	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8445	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8446	92	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Xuân Mỹ	Ranh giới xã Sông Ray	Xã Cẩm Mỹ	530	530	400	400
8447	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8448	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8449	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8450	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8451	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8452	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8453	99	Đường Xuân Mỹ - Cù Bị	Quốc lộ 56	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8454	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8455	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8456	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8457	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8458	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8459	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8460	106	Quốc lộ 56	Giáp ranh phường Hàng Gòn	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Xã Cẩm Mỹ	530	530	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8461	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8462	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8463	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8464	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8465	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8466	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8467	113	Quốc lộ 56	Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân	Đường tỉnh 764	Xã Cẩm Mỹ	530	530	400	400
8468	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8469	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8470	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8471	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8472	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8473	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8474	120	Quốc lộ 56	Đường tỉnh 764	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Cẩm Mỹ	530	530	400	400
8475	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8476	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8477	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8478	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	380	380	250	250
8479	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	310	310	200	200
8480	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	220	220	140	140
8481	127	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Quốc lộ 56	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8482	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8483	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8484	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8485	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8486	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8487	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8488	134	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Quốc lộ 56	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
8489	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8490	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
8491	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8492	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
8493	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8494	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
8495	141	Đường Hoàn Quân-Xuân Mỹ	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường tỉnh 764	Xã Cẩm Mỹ	730	730	500	500
8496	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8497	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8498	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8499	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8500	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8501	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8502	148	Đường Long Giao - Bảo Bình	Đường Nguyễn Ái Quốc	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ	Xã Cẩm Mỹ	730	730	500	500
8503	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8504	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8505	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8506	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8507	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8508	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8509	155	Đường Long Giao - Bảo Bình	Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ	Đường tỉnh 765B	Xã Cẩm Mỹ	730	730	500	500
8510	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8511	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8512	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8513	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8514	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8515	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8516	162	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Bến xe xã Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ	730	730	500	500
8517	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8518	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8519	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8520	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8521	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8522	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8523	169	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Bến xe xã Cẩm Mỹ	Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ	Xã Cẩm Mỹ	730	730	500	500
8524	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8525	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8526	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8527	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8528	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8529	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8530	176	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ	Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân	Xã Cẩm Mỹ	730	730	500	500
8531	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8532	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8533	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8534	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8535	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8536	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ cũ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8537	183	Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ)	Đường Nguyễn Ái Quốc	Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ	Xã Cẩm Mỹ	730	730	500	500
8538	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8539	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8540	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8541	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8542	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8543	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8544	190	Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ)	Trung tâm hành chính huyện cũ	Giáp ranh giới xã Xuân Đường	Xã Cẩm Mỹ	730	730	500	500
8545	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8546	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8547	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8548	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Cẩm Mỹ	500	500	350	350
8549	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Cẩm Mỹ	400	400	290	290
8550	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Cẩm Mỹ	290	290	220	220
8551	1	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới xã Xuân Quế	Cầu Quân Y	Xã Xuân Quế	530	530	400	400
8552	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	380	380	250	250
8553	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	310	310	200	200
8554	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	220	220	140	140
8555	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	380	380	250	250
8556	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	310	310	200	200
8557	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	220	220	140	140
8558	8	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Cầu Quân Y	Đường vào nhà Văn hóa ấp 4	Xã Xuân Quế	530	530	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8559	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	380	380	250	250
8560	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	310	310	200	200
8561	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	220	220	140	140
8562	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	380	380	250	250
8563	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	310	310	200	200
8564	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	220	220	140	140
8565	15	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Đường vào nhà Văn hóa ấp 4	Giáp ranh phường Dầu Giây	Xã Xuân Quế	530	530	400	400
8566	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	380	380	250	250
8567	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	310	310	200	200
8568	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8569	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	380	380	250	250
8570	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	310	310	200	200
8571	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	220	220	140	140
8572	22	Đường Trung tâm ấp 1	Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn	Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành-Dầu Giây	Xã Xuân Quế	470	470	330	330
8573	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	330	330	200	200
8574	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	260	260	150	150
8575	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	180	180	110	110
8576	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	330	330	200	200
8577	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	260	260	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8578	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc TP.HCM-Long Thành- Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	180	180	110	110
8579	29	Đường ấp 4 đi ấp 1	Đường Sông Nhạn-Dầu Giây	Đường Lộ 25-Sông Nhạn	Xã Xuân Quế	470	470	330	330
8580	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	330	330	200	200
8581	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	260	260	150	150
8582	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	180	180	110	110
8583	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	330	330	200	200
8584	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	260	260	150	150
8585	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	180	180	110	110
8586	36	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới phường Dầu Giây	Xã Xuân Quế	500	500	370	370
8587	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8588	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8589	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8590	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8591	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8592	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn, từ chốt bảo vệ cách UBND xã 500m đến cầu ấp 4 xã Lộ 25 đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8593	43	Đường ấp 4 đi ấp 6	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	Xã Xuân Quế	500	500	370	370
8594	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8595	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8596	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8597	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8598	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8599	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8600	50	Đường Suối Đục - Cầu Mên	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	Giáp ranh xã Bình An	Xã Xuân Quế	500	500	370	370
8601	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8602	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8603	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8604	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8605	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8606	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8607	57	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường	Giáp ranh xã Bình An	Xã Xuân Quế	530	530	400	400
8608	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	380	380	250	250
8609	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	310	310	200	200
8610	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	220	220	140	140
8611	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	380	380	250	250
8612	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	310	310	200	200
8613	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc huyện Cẩm Mỹ đoạn từ Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	220	220	140	140
8614	64	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Hết 3.000m	Xã Xuân Quế	500	500	370	370
8615	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8616	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8617	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8618	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8619	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8620	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8621	71	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m)	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ	Xã Xuân Quế	500	500	370	370
8622	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8623	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8624	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8625	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8626	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8627	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8628	78	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	Xã Xuân Quế	500	500	370	370
8629	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8630	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8631	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8632	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8633	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8634	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8635	85	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế	Xã Xuân Quế	500	500	370	370
8636	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8637	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8638	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8639	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8640	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8641	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8642	92	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế	Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu	Xã Xuân Quế	500	500	370	370
8643	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8644	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8645	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8646	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8647	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8648	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh Khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8649	99	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Xã Xuân Quế	500	500	370	370
8650	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8651	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180
8652	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8653	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Quế	350	350	230	230
8654	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Quế	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8655	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Quế	200	200	130	130
8656	1	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Giáp ranh phường Long Thành	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Xã Xuân Đường	730	730	600	600
8657	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	500	500	430	430
8658	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	400	400	350	350
8659	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	270	270	270	270
8660	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	500	500	430	430
8661	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	400	400	350	350
8662	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	270	270	270	270
8663	8	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường	Xã Xuân Đường	530	530	400	400
8664	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	380	380	250	250
8665	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8666	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	220	220	140	140
8667	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	380	380	250	250
8668	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	310	310	200	200
8669	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	220	220	140	140
8670	15	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Xuân Đường	530	530	400	400
8671	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	380	380	250	250
8672	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	310	310	200	200
8673	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	220	220	140	140
8674	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	380	380	250	250
8675	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8676	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp Xuân Đường, xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	220	220	140	140
8677	22	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Ranh giới xã Xuân Đường	Xã Xuân Đường	730	730	600	600
8678	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	500	500	430	430
8679	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	400	400	350	350
8680	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	270	270	270	270
8681	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	500	500	430	430
8682	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	400	400	350	350
8683	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đến Ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	270	270	270	270
8684	29	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới xã Xuân Đường	Đường tỉnh 773	Xã Xuân Đường	530	530	400	400
8685	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8686	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	310	310	200	200
8687	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	220	220	140	140
8688	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	380	380	250	250
8689	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	310	310	200	200
8690	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	220	220	140	140
8691	36	Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học	Đường tỉnh 773	Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường	Xã Xuân Đường	500	500	370	370
8692	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	350	350	230	230
8693	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	290	290	180	180
8694	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8695	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	350	350	230	230
8696	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	290	290	180	180
8697	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	200	200	130	130
8698	43	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Đường tỉnh 773	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường	Xã Xuân Đường	500	500	370	370
8699	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	350	350	230	230
8700	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	290	290	180	180
8701	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	200	200	130	130
8702	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	350	350	230	230
8703	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8704	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	200	200	130	130
8705	50	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường	Hết chùa Bảo Minh	Xã Xuân Đường	500	500	370	370
8706	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	350	350	230	230
8707	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	290	290	180	180
8708	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	200	200	130	130
8709	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	350	350	230	230
8710	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	290	290	180	180
8711	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	200	200	130	130
8712	57	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Hết chùa Bảo Minh	Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20	Xã Xuân Đường	500	500	370	370
8713	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	350	350	230	230
8714	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	290	290	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8715	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	200	200	130	130
8716	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	350	350	230	230
8717	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	290	290	180	180
8718	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	200	200	130	130
8719	64	Đường vào khu dân cư Suối Quýt	Ngã ba Suối Quýt	Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường	Xã Xuân Đường	670	670	530	530
8720	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	450	450	380	380
8721	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	350	350	310	310
8722	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	230	230	230	230
8723	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	450	450	380	380
8724	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8725	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	230	230	230	230
8726	71	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	Đường tỉnh 773	Giáp ranh xã Long Phước	Xã Xuân Đường	670	670	530	530
8727	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	450	450	380	380
8728	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	350	350	310	310
8729	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	230	230	230	230
8730	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	450	450	380	380
8731	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	350	350	310	310
8732	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	230	230	230	230
8733	78	Đường Cầu Mên	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành	Xã Xuân Đường	670	670	530	530
8734	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	450	450	380	380
8735	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8736	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	230	230	230	230
8737	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	450	450	380	380
8738	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	350	350	310	310
8739	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Ranh giới 2 xã Xuân Quế, Xuân Đường và phường Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	230	230	230	230
8740		Đường Nông Sản	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường	Đường vào khu dân cư Suối Quýt	Xã Xuân Đường	670	670	530	530
8741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	450	450	380	380
8742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	350	350	310	310
8743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	230	230	230	230
8744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đường	450	450	380	380
8745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đường	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Sản đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Đường vào khu dân cư Suối Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đường	230	230	230	230
8747	1	Đường tỉnh 764	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Xã Sông Ray	530	530	400	400
8748	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8749	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8750	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8751	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8752	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8753	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8754	8	Đường tỉnh 764	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Hết Trường THCS Sông Ray	Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	530	530	400	400
8755	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	380	380	250	250
8756	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8757	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8758	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	380	380	250	250
8759	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8760	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8761	15	Đường tỉnh 764	Hết Trường THCS Sông Ray	Đường liên ấp 1 - ấp 5	Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	530	530	400	400
8762	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	380	380	250	250
8763	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8764	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8765	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	380	380	250	250
8766	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8767	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8768	22	Đường tỉnh 764	Đường liên ấp 1 - ấp 5	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	530	530	400	400
8769	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8770	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8771	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8772	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	380	380	250	250
8773	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8774	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8775	29	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	530	530	400	400
8776	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	380	380	250	250
8777	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8778	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8779	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8780	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8781	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8782	36	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	530	530	400	400
8783	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	380	380	250	250
8784	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8785	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8786	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	380	380	250	250
8787	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	310	310	200	200
8788	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray, xã Xuân Đông	220	220	140	140
8789	43	Đường tỉnh 765	Giáp ranh xã Xuân Đông	Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray	Xã Sông Ray	530	530	400	400
8790	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8791	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8792	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8793	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8794	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8795	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8796	50	Đường tỉnh 765	Đường tổ 10 ấp 9	Cầu Suối Thề	Xã Sông Ray	530	530	400	400
8797	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8798	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8799	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8800	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8801	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8802	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8803	57	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Thề	Hết chùa Thiên Ân	Xã Sông Ray	530	530	400	400
8804	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8805	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8806	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8807	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8808	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8809	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8810	64	Đường tỉnh 765	Hết chùa Thiên Ân	Hết cây xăng Vĩnh Hòa	Xã Sông Ray	530	530	400	400
8811	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8812	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8813	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8814	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8815	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8816	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8817	71	Đường tỉnh 765	Hết cây xăng Vĩnh Hòa	Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	Xã Sông Ray	530	530	400	400
8818	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8819	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8820	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8821	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8822	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8823	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8824	78	Đường tỉnh 765	Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	Cầu Gia Hoét	Xã Sông Ray	530	530	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8825	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8826	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8827	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8828	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8829	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8830	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8831	85	Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765	Hết ranh giới xã Lâm San cũ	Xã Sông Ray	500	500	370	370
8832	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8833	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8834	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8835	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8836	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8837	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130
8838	92	Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Sông Ray	500	500	370	370
8839	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8840	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8841	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130
8842	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8843	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8844	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130
8845	99	Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765B	Ngã ba (giáp với đoạn số 1)	Xã Sông Ray	500	500	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8846	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8847	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8848	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130
8849	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8850	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8851	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130
8852	106	Đường tỉnh 765B	Ngã tư Biên Hòa 2	Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh	Xã Sông Ray	530	530	400	400
8853	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8854	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8855	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8856	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8857	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8858	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8859	113	Đường tỉnh 765B	Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh	Đường tỉnh 765	Xã Sông Ray	530	530	400	400
8860	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8861	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8862	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8863	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	380	380	250	250
8864	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	310	310	200	200
8865	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	220	220	140	140
8866	120	Đường ấp 6 - 7 Sông Ray	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 765B	Xã Sông Ray	500	500	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8867	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8868	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8869	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130
8870	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8871	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8872	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130
8873	127	Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray	Đường tỉnh 764	Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray	Xã Sông Ray	470	470	330	330
8874	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	330	330	200	200
8875	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	260	260	150	150
8876	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8877	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	330	330	200	200
8878	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	260	260	150	150
8879	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	180	180	110	110
8880	134	Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 765	Xã Sông Ray	500	500	370	370
8881	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8882	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8883	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130
8884	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8885	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8886	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8887	141	Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray	Xã Sông Ray	500	500	370	370
8888	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8889	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8890	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130
8891	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Sông Ray	350	350	230	230
8892	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Sông Ray	290	290	180	180
8893	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 38, tờ BĐĐC số 84 về bên trái và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 84 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Sông Ray	200	200	130	130
8894	1	Đường tỉnh 765	Giáp ranh xã Xuân Phú	Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
8895	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8896	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8897	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8898	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8899	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8900	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8901	8	Đường tỉnh 765	Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai	Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc)	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
8902	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8903	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8904	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8905	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8906	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8907	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8908	15	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc)	Cầu Suối Lức	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
8909	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8910	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8911	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8912	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8913	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8914	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8915	22	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Lức	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
8916	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8917	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8918	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8919	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8920	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8921	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8922	29	Đường tỉnh 765	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Giáp ranh xã Sông Ray	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
8923	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8924	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8925	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8926	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8927	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8928	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8929	36	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Đường tỉnh 765	Giáp cây xăng Châu Loan	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
8930	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8931	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8932	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8933	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8934	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8935	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8936	43	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Giáp cây xăng Châu Loan	Hết Trường Tiểu học Trần Phú	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
8937	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8938	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8939	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8940	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8941	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8942	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8943	50	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Hết Trường Tiểu học Trần Phú	Giáp ranh xã Xuân Hòa	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
8944	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8945	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
8946	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8947	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
8948	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8949	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
8950	57	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 1500m	Xã Xuân Đông	470	470	330	330
8951	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
8952	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
8953	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110
8954	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
8955	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
8956	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110
8957	64	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	Đường tỉnh 765 + 1500m	Ranh giới xã Xuân Đông	Xã Xuân Đông	470	470	330	330
8958	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
8959	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
8960	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8961	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
8962	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
8963	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110
8964	71	Đường Láng Me - Cọ Dầu	Đường tỉnh 779	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	Xã Xuân Đông	500	500	370	370
8965	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
8966	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
8967	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
8968	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
8969	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
8970	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
8971	78	Đường Suối Lức - Rừng Tre	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông	Xã Xuân Đông	500	500	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8972	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
8973	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
8974	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
8975	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
8976	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
8977	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
8978	85	Đường La Hoa - Rừng Tre	Đường tỉnh 764	Đường Suối Lức - Rừng Tre	Xã Xuân Đông	500	500	370	370
8979	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
8980	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
8981	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8982	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lúc - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
8983	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lúc - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
8984	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lúc - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
8985	92	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Giáp ranh xã Xuân Phú	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Xã Xuân Đông	470	470	330	330
8986	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
8987	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
8988	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110
8989	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
8990	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
8991	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110
8992	99	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Đường ấp 4	Xã Xuân Đông	470	470	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
8993	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
8994	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
8995	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110
8996	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
8997	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
8998	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110
8999	106	Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 1.800m	Xã Xuân Đông	470	470	330	330
9000	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
9001	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
9002	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9003	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
9004	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
9005	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110
9006	113	Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 765 + 1.800m	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Xã Xuân Đông	470	470	330	330
9007	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
9008	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
9009	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110
9010	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	330	330	200	200
9011	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	260	260	150	150
9012	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	180	180	110	110
9013	120	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84	Xã Xuân Đông	500	500	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9014	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9015	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9016	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9017	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9018	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9019	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 45 về bên phải và thửa đất số 46 về bên trái tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9020	127	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ	Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	500	500	370	370
9021	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
9022	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
9023	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9024	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	350	350	230	230
9025	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	290	290	180	180
9026	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông, xã Cẩm Mỹ	200	200	130	130
9027	134	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ	Cầu Xuân Tây	Xã Xuân Đông	500	500	370	370
9028	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9029	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9030	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9031	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9032	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9033	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9034	141	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Cầu Xuân Tây	Đường tỉnh 765	Xã Xuân Đông	500	500	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9035	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9036	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9037	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9038	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9039	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9040	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9041	148	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Giáp ranh xã Xuân Định	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Xã Xuân Đông	500	500	370	370
9042	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9043	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9044	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9045	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9046	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9047	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9048	155	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 2000m	Xã Xuân Đông	500	500	370	370
9049	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9050	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9051	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9052	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9053	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9054	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9055	162	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Đường tỉnh 765 + 2000m	Đường tỉnh 765B	Xã Xuân Đông	500	500	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9056	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9057	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9058	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9059	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9060	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9061	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9062	169	Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 764	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Xã Xuân Đông	500	500	370	370
9063	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9064	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9065	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9066	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9067	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9068	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9069	176	Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Xã Xuân Đông	500	500	370	370
9070	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9071	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9072	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130
9073	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	350	350	230	230
9074	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	290	290	180	180
9075	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9076	183	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
9077	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9078	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9079	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9080	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9081	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9082	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 135 về bên phải và thửa đất số 104 về bên trái tờ bản đồ số 112 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9083	190	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Hồ Suối Ran	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
9084	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9085	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9086	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9087	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9088	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9089	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9090	197	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Hồ Suối Ran	Ngã tư Biên Hòa 2	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
9091	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9092	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9093	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9094	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9095	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9096	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9097	204	Đường tỉnh 764	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
9098	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9099	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9100	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9101	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9102	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9103	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9104	211	Đường tỉnh 764	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Hết Trường THCS Sông Ray	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
9105	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9106	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9107	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9108	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9109	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9110	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9111	218	Đường tỉnh 764	Hết Trường THCS Sông Ray	Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
9112	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9113	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9114	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9115	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9116	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9117	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9118	225	Đường tỉnh 764	Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	Xã Xuân Đông	530	530	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9119	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9120	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9121	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9122	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9123	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9124	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9125	232	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
9126	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9127	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9128	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9129	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9130	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9131	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9132	239	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	Xã Xuân Đông	530	530	400	400
9133	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9134	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9135	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9136	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Xuân Đông	380	380	250	250
9137	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Xuân Đông	310	310	200	200
9138	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Xuân Đông	220	220	140	140
9139	1	Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777)			Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9140	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9141	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9142	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9143	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9144	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9145	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9146	8	Đường Trần Phú	Quốc lộ 1	Đường sắt	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9147	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9148	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9149	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9150	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9151	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9152	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9153	15	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường 29 tháng 4	Đường 19 tháng 8	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9154	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9155	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9156	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9157	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9158	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9159	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9160	22	Đường Lê Hồng Phong	Đường 29 tháng 4	Đường 3 tháng 2	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9161	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9162	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9163	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9164	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9165	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9166	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9167	29	Đường Lê Hồng Phong	Đường 3 tháng 2	Đường 2 tháng 9	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9168	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9169	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9170	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9171	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9172	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9173	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9174	36	Đường Tạ Uyên	Đường 29 tháng 4	Đường Nguyễn Sơn Hà	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9175	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9176	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9177	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9178	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9179	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9180	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9181	43	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường 29 tháng 4	Đường sắt	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9182	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9183	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9184	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9185	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9186	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9187	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9188	50	Đường 30 tháng 4	Quốc lộ 1	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9189	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9190	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9191	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9192	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9193	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9194	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9195	57	Đường 30 tháng 4	Quốc lộ 1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9196	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9197	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9198	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9199	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9200	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9201	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9202	64	Đường Trường Chinh	Quốc lộ 1	Đường 2 tháng 9	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9203	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9204	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9205	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9206	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9207	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9208	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9209	71	Đường Trường Chinh	Đường 2 tháng 9	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9210	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9211	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9212	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9213	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9214	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9215	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9216	78	Đường Phan Đăng Lưu	Đường 3 tháng 2	Đường Cách Mạng Tháng 8	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9217	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9218	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9219	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9220	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9221	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9222	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9223	85	Đường Lê Duẩn	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Viễn	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9224	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9225	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9226	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9227	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9228	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9229	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9230	92	Đường Hà Huy Giáp	Đường 29 tháng 4	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom)	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9231	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9232	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9233	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9234	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9235	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9236	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9237	99	Đường Dương Bạch Mai	Đường 29 tháng 4	Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9238	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9239	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9240	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9241	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9242	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9243	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9244	106	Đường 19 tháng 8	Đường Trần Phú	Đường Lê Hồng Phong	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9245	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9246	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9247	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9248	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9249	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9250	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9251	113	Đường Hoàng Tam Kỳ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9252	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9253	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9254	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9255	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9256	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9257	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9258	120	Đường Hoàng Việt	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường 30 tháng 4	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9259	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9260	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9261	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9262	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9263	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9264	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9265	127	Đường Nguyễn Sơn Hà	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9266	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9267	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9268	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9269	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9270	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9271	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9272	134	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9273	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9274	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9275	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9276	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9277	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9278	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9279	141	Đường 2 tháng 9	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Lê Hồng Phong	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9280	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9281	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9282	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9283	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9284	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9285	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9286	148	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9287	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9288	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9289	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9290	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9291	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9292	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9293	155	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Trương Văn Bang	Đường 30 tháng 4	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9294	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9295	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9296	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9297	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9298	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9299	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9300	162	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9301	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9302	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9303	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9304	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9305	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9306	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9307	169	Đường Đinh Quang Ân	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9308	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9309	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9310	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9311	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9312	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9313	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9314	176	Đường Nguyễn Văn Huyên	Đường Trường Chinh	Trường Mầm non Tuổi Thơ	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9315	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9316	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9317	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9318	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9319	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9320	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9321	183	Đường Điện Biên Phủ	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9322	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9323	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9324	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9325	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9326	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9327	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9328	190	Đường Phạm Văn Thuận	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9329	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9330	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9331	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9332	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9333	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9334	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9335	197	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Ngô Quyền	Đường Đinh Tiên Hoàng	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9336	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9337	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9338	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9339	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9340	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9341	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9342	204	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Trụ Sở Hội người mù	Đường Nguyễn Huệ	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9343	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9344	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9345	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9346	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9347	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9348	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9349	211	Đường Hưng Đạo Vương	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9350	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9351	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9352	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9353	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9354	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9355	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9356	218	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9357	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9358	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9359	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9360	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9361	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9362	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9363	225	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9364	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9365	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9366	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9367	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9368	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9369	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9370	232	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hai Bà Trưng	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9371	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9372	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9373	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9374	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9375	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9376	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9377	239	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9378	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9379	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9380	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9381	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9382	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9383	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9384	246	Đường Lê Lai	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Nam Đế	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9385	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9386	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9387	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9388	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9389	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9390	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9391	253	Đường Đinh Tiên Hoàng	Quốc lộ 1	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9392	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9393	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9394	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9395	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9396	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9397	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9398	260	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha)	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9399	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9400	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9401	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9402	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9403	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9404	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9405	267	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường An Dương Vương	Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ)	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9406	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9407	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9408	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9409	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9410	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9411	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9412	274	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Nam Đế	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9413	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9414	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9415	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9416	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9417	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9418	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9419	281	Đường Lê Đại Hành	Đường An Dương Vương	Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9420	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9421	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9422	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9423	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9424	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9425	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9426	288	Đường Trần Quang Diệu	Quốc lộ 1	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom)	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9427	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9428	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9429	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9430	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9431	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9432	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9433	295	Đường Trần Nguyên Hãn	Quốc lộ 1	Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9434	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9435	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9436	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9437	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9438	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9439	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9440	302	Đường Hùng Vương	Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo	Đường Nguyễn Hoàng	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9441	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9442	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9443	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9444	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9445	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9446	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9447	309	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hoàng	Đường Ngô Quyền	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9448	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9449	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9450	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9451	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9452	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9453	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9454	316	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Đường D6	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9455	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9456	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9457	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9458	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9459	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9460	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9461	323	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương)			Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9462	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9463	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9464	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9465	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9466	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9467	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9468	330	Đường tổ 8, ấp 2	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hoàng	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9469	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9470	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9471	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9472	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9473	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9474	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9475	337	Đường Lê Văn Hưu	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trần Nguyên Hãn	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9476	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9477	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9478	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9479	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9480	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9481	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9482	344	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9483	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9484	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9485	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9486	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9487	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9488	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9489	351	Đường Nguyễn Khuyến	Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9490	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9491	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9492	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9493	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9494	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9495	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9496	358	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Hoa Thám	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9497	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9498	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9499	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9500	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9501	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9502	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9503	365	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường vào chợ Trảng Bom	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9504	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9505	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9506	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9507	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9508	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9509	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9510	372	Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương	Đường vào chợ Trảng Bom	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9511	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9512	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9513	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9514	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9515	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9516	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9517	379	Đường vào chợ Trảng Bom	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Chu Trinh	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9518	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9519	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9520	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9521	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9522	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9523	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9524	386	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9525	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9526	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9527	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9528	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9529	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9530	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9531	393	Nguyễn Hoàng	Quốc lộ 1	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9532	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9533	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9534	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9535	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9536	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9537	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9538	400	Nguyễn Hoàng	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ)	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9539	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9540	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9541	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9542	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9543	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9544	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9545	407	Đường tỉnh 777	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Viễn	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9546	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9547	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9548	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9549	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9550	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9551	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9552	414	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Nguyễn Hoàng	Đầu cầu số 6	Phường Trảng Bom	730	730	650	650
9553	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	500	500	450	450
9554	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	400	400	350	350
9555	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	290	290	260	260
9556	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	500	500	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9557	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	400	400	350	350
9558	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	290	290	260	260
9559	421	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đầu cầu số 6	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Phường Trảng Bom	730	730	650	650
9560	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	500	500	450	450
9561	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	400	400	350	350
9562	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	290	290	260	260
9563	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	500	500	450	450
9564	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	400	400	350	350
9565	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Cây Gáo đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	290	290	260	260
9566	428	Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ)	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Suối Pét	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9567	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9568	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9569	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9570	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9571	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9572	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9573	435	Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường công ty gỗ Rừng Thông	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9574	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9575	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9576	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9577	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9578	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9579	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9580	442	Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9581	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9582	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9583	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9584	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9585	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9586	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9587	449	Đường vào công ty gỗ Rừng Thông	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo)	Phường Trảng Bom	670	670	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9588	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9589	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9590	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9591	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9592	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9593	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9594	456	Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu)	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9595	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9596	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9597	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9598	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9599	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9600	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9601	463	Đường Sông Trầu 3	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9602	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9603	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9604	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9605	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9606	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9607	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9608	470	Đường Sông Trầu 3	Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88	Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b	Phường Trảng Bom	670	670	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9609	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9610	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9611	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9612	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9613	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9614	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9615	477	Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9	Đường vào công ty gỗ Rừng Thông	Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ))	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9616	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9617	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9618	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9619	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9620	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9621	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9622	484	Đường Bình Minh - Giang Điền	Đường sắt	Ranh giới xã Giang Điền (cũ)	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9623	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9624	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9625	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9626	488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9627	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9628	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Ranh giới xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9629	491	Đường Bình Minh - Giang Điền	Ranh giới xã Giang Điền (cũ)	Cầu Sông Buông	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9630	492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9631	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9632	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9633	495	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9634	496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9635	497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9636	498	Đường Bình Minh - Giang Điền	Cầu Sông Buông	Ranh giới xã An Viễn	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9637	499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9638	500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9639	501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9640	502	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9641	503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9642	504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9643	505	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Bình Minh-Giang Điền	Giáp ranh phường Tam Phước	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9644	506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh-Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9645	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh-Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9646	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh-Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9647	509	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9648	510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9649	511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9650	512	Đường Phước Tân - Giang Điền	Đường Bình Minh- Giang Điền	Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9651	513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9652	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9653	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9654	516	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9655	517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9656	518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9657	519	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48	Phường Trảng Bom	670	670	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9658	520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9659	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9660	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9661	523	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9662	524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9663	525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9664	526	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9665	527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9666	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9667	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9668	530	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9669	531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9670	532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9671	533	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Cầu 1 tấn	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9672	534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9673	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9674	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9675	537	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9676	538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9677	539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9678	540	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Bình Minh	Đường Trần Phú	Phường Trảng Bom	730	730	650	650

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9679	541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	500	500	450	450
9680	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	400	400	350	350
9681	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	290	290	260	260
9682	544	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	500	500	450	450
9683	545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	400	400	350	350
9684	546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	290	290	260	260
9685	547	Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành)	Đường Trần Phú	Đường tỉnh 777	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9686	548	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9687	549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9688	550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9689	551	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9690	552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9691	553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9692	554	Quốc lộ 1	Đường tỉnh 777	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Phường Trảng Bom	730	730	650	650
9693	555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	500	500	450	450
9694	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	400	400	350	350
9695	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	290	290	260	260
9696	558	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	500	500	450	450
9697	559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	400	400	350	350
9698	560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	290	290	260	260
9699	561	Đường Vườn Ngô	Đường Lê Duẩn	Đường tỉnh 777	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9700	562	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9701	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9702	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9703	565	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9704	566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9705	567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9706	568	Đường 3 tháng 2 nối dài	Đường Trần Phú	Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9707	569	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9708	570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9709	571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9710	572	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9711	573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9712	574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9713	575	Đường 3 tháng 2 nối dài	Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên	Giáp ranh xã Bình Minh	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9714	576	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9715	577	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9716	578	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9717	579	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9718	580	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9719	581	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9720	582	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Ranh giới xã Bình Minh	Hết Công ty Sông Gianh	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9721	583	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9722	584	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9723	585	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9724	586	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9725	587	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9726	588	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9727	589	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Hết Công ty Sông Gianh	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9728	590	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9729	591	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9730	592	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9731	593	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9732	594	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9733	595	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Cây Gáo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9734	596	Đường An Dương Vương	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Ngô Quyền	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9735	597	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9736	598	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9737	599	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9738	600	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9739	601	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9740	602	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9741	603	Đường Bùi Thị Xuân	Quốc lộ 1	Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9742	604	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9743	605	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9744	606	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9745	607	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9746	608	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9747	609	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9748	610	Đường Hai Bà Trưng	Đường Ngô Quyền	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9749	611	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9750	612	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9751	613	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9752	614	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9753	615	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9754	616	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9755	617	Đường Lý Nam Đế	Giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9756	618	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9757	619	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9758	620	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9759	621	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9760	622	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9761	623	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 1825, tờ bản đồ số 9 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9762	624	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hai Bà Trưng	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9763	625	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9764	626	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9765	627	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9766	628	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9767	629	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9768	630	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9769	631	Đường Ngô Quyền	Nguyễn Hữu Cảnh	Đường An Dương Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9770	632	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9771	633	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9772	634	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9773	635	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9774	636	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9775	637	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9776	638	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9777	639	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9778	640	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9779	641	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9780	642	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9781	643	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9782	644	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9783	645	Đường Trần Nhật Duật	Đường Hùng Vương	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom)	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9784	646	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9785	647	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9786	648	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9787	649	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9788	650	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9789	651	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (Phường Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9790	652	Đường Trương Văn Bang	Đường 2 tháng 9	Giáp ranh xã An Viễn	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9791	653	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9792	654	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9793	655	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9794	656	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9795	657	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9796	658	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9797	659	Đường Trương Văn Bang	Đường 3 tháng 2	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ)	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9798	660	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9799	661	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9800	662	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9801	663	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9802	664	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9803	665	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9804	666	Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9805	667	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9806	668	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9807	669	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9808	670	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9809	671	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9810	672	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9811	673	Đường Lê Quý Đôn	Đầu tờ 31 thửa 81	Đường Trương Định	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9812	674	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9813	675	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9814	676	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9815	677	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9816	678	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9817	679	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81 đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9818	680	Đường Trương Định	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9819	681	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9820	682	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9821	683	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9822	684	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9823	685	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9824	686	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9825	687	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9826	688	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9827	689	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9828	690	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9829	691	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9830	692	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9831	693	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9832	694	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9833	695	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9834	696	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9835	697	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9836	698	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9837	699	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9838	700	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9839	701	Đường Sông Trầu 17	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9840	702	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9841	703	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9842	704	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9843	705	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9844	706	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9845	707	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9846	708	Đường số 20	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9847	709	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9848	710	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9849	711	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9850	712	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9851	713	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9852	714	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9853	715	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Phường Trảng Bom	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9854	716	Đường song song với Đường Phan Chu Trinh (đi qua chợ)	Đường Nguyễn Tri Phương	Ba Đường nhựa mặt tiền chợ Mới	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9855	717	Ba Đường nhựa mặt tiền chợ Mới			Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9856	718	Đường Đặng Đức Thuật	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lai	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9857	719	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Du	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9858	720	Đường Sông Trầu 11	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9859	721	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9860	722	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9861	723	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9862	724	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9863	725	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9864	726	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 11 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9865	727	Đường Sông Trầu 19	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Sông Trầu 17	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9866	728	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9867	729	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9868	730	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9869	731	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9870	732	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9871	733	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 19 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9872	734	Đường Sông Trầu 25	Đường Trảng Bom - Cây Gáo	Đường Sông Trầu 17	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9873	735	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9874	736	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9875	737	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9876	738	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9877	739	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9878	740	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 25 đoạn từ Đường Trảng Bom - Cây Gáo đến Đường Sông Trầu 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9879	741	Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền)	Đường Bình Minh - Giang Điền	Giáp xã Quảng Tiến (cũ)	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9880	742	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9881	743	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9882	744	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9883	745	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9884	746	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9885	747	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Độc Lập (nay là khu phố Giang Điền) đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Giáp xã Quảng Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9886	748	Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa)	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9887	749	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9888	750	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9889	751	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9890	752	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9891	753	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9892	754	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp Đường sắt (song song đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9893	755	Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ	Đường Bình Minh - Giang Điền	Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9894	756	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9895	757	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9896	758	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9897	759	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9898	760	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9899	761	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ đoạn từ Đường Bình Minh - Giang Điền đến Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9900	762	Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát)	Đường sắt	Giáp ranh xã Giang Điền (cũ)	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9901	763	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9902	764	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9903	765	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9904	766	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9905	767	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9906	768	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Phát) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh xã Giang Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9907	769	Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên)	Đường sắt	Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9908	770	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9909	771	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9910	772	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9911	773	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9912	774	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9913	775	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu 72 (thuộc khu phố Quảng Biên) đoạn từ Đường sắt đến Đường 72 - xã Quảng Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9914	776	Đường Lê Hồng Phong	Đường 2 tháng 9	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phường Trảng Bom	780	780	710	710
9915	777	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9916	778	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420
9917	779	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9918	780	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	550	550	530	530
9919	781	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9920	782	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	320	320	310	310
9921	783	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu	Cầu 1 Tấn	Đường số 20	Phường Trảng Bom	670	670	600	600
9922	784	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9923	785	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9924	786	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9925	787	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trảng Bom	450	450	400	400
9926	788	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trảng Bom	350	350	320	320
9927	789	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Cầu 1 Tấn đến Đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trảng Bom	230	230	210	210
9928	1	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường Vườn Ngô	Đường sắt	Xã An Viễn	730	730	670	670
9929	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
9930	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9931	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
9932	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
9933	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350
9934	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
9935	8	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường sắt	Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh	Xã An Viễn	730	730	670	670
9936	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
9937	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350
9938	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
9939	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
9940	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9941	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
9942	15	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh	Sông Buông	Xã An Viễn	730	730	670	670
9943	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
9944	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350
9945	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
9946	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
9947	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350
9948	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
9949	22	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Sông Buông	Ngã ba cây xăng Xuân Dũng	Xã An Viễn	730	730	670	670
9950	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
9951	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9952	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
9953	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
9954	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350
9955	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
9956	29	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Ngã ba cây xăng Xuân Dũng	Giáp ranh phường Tam Phước	Xã An Viễn	730	730	670	670
9957	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
9958	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350
9959	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
9960	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
9961	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9962	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
9963	36	Đường vào khu công nghiệp Giang Điền	Đường tỉnh 777	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã An Viễn	700	700	630	630
9964	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	480	480	430	430
9965	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	370	370	330	330
9966	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	250	250	230	230
9967	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	480	480	430	430
9968	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	370	370	330	330
9969	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	250	250	230	230
9970	43	Đường ấp 5 - ấp 6	Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m		Xã An Viễn	670	670	600	600
9971	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
9972	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9973	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
9974	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
9975	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
9976	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
9977	50	Đường ấp 5 - ấp 6	Đường Mai Chí Thọ	Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m	Xã An Viễn	670	670	600	600
9978	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
9979	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
9980	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
9981	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
9982	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9983	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
9984	57	Đường liên ấp 2-3-4	Đường ấp 2	Hết ranh xã An Viễn	Xã An Viễn	670	670	600	600
9985	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
9986	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
9987	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
9988	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
9989	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
9990	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
9991	64	Đường ấp 2	Đường tỉnh 777 (đường Tràng Bom - Long Thành)	Đường liên ấp 2-3-4	Xã An Viễn	670	670	600	600
9992	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Tràng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
9993	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Tràng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
9994	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
9995	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
9996	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
9997	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
9998	71	Đường ấp 2	Đường liên ấp 2-3-4	Đường lô cao su xã An Viễn	Xã An Viễn	670	670	600	600
9999	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10000	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10001	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10002	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10003	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10004	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10005	78	Đường Lê Duẩn	Đường Vườn Ngô	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31	Xã An Viễn	700	700	630	630
10006	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	480	480	430	430
10007	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	370	370	330	330
10008	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	250	250	230	230
10009	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	480	480	430	430
10010	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	370	370	330	330
10011	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	250	250	230	230
10012	85	Đường Vườn Ngô	Đường Lê Duẩn	Đường tỉnh 777	Xã An Viễn	700	700	630	630
10013	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	480	480	430	430
10014	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10015	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	250	250	230	230
10016	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	480	480	430	430
10017	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	370	370	330	330
10018	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	250	250	230	230
10019	92	Quốc lộ 1	Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã An Viễn	730	730	670	670
10020	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
10021	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350
10022	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250
10023	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	500	500	450	450
10024	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	400	400	350	350
10025	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh Phường Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	290	290	250	250

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10026	99	Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo	Quốc lộ 1	Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn)	Xã An Viễn	700	700	630	630
10027	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	480	480	430	430
10028	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	370	370	330	330
10029	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	250	250	230	230
10030	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	480	480	430	430
10031	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	370	370	330	330
10032	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	250	250	230	230
10033	106	Đường số 10	Đường tỉnh 777 (đường Tràng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4)	Xã An Viễn	670	670	600	600
10034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Tràng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Tràng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10040	107	Đường số 8	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3)	Xã An Viễn	670	670	600	600
10041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10047	108	Đường từ ấp 3 - ấp 6	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3	Xã An Viễn	670	670	600	600
10048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10054	109	Đường từ ấp 3 - ấp 6	Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3)	Xã An Viễn	670	670	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ấp 3 - ấp 6 đoạn từ Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3 đến Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10061	110	Đường Cổng chào ấp 4	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5)	Xã An Viễn	670	670	600	600
10062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cổng chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cổng chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cống chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cống chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cống chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cống chào ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10068	111	Đường Mai Chí Thọ	Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5	Giáp ranh phường Tam Phước	Xã An Viễn	670	670	600	600
10069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Thửa đất số 2416 và 421 tờ bản đồ số 5 đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10075	112	Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6	Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5	Xã An Viễn	670	670	600	600
10076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6 đến Thửa đất số 4318 tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10082		Đường nối đường ĐT 777 đến đường liên ấp 2-3-4	ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 3560 và thửa 2550), tờ BĐ số 06	Đường liên ấp 2-3-4 (tại vị trí thửa đất 2313 và thửa 1567), tờ BĐ số 06 xã An Viễn	Xã An Viễn	670	670	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối đường ĐT 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 3560 và thửa 2550), tờ BĐ số 06 đến Đường liên ấp 2-3-4 (tại vị trí thửa đất 2313 và thửa 1567), tờ BĐ số 06 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối đường ĐT 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 3560 và thửa 2550), tờ BĐ số 06 đến Đường liên ấp 2-3-4 (tại vị trí thửa đất 2313 và thửa 1567), tờ BĐ số 06 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối đường ĐT 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 3560 và thửa 2550), tờ BĐ số 06 đến Đường liên ấp 2-3-4 (tại vị trí thửa đất 2313 và thửa 1567), tờ BĐ số 06 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối đường ĐT 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 3560 và thửa 2550), tờ BĐ số 06 đến Đường liên ấp 2-3-4 (tại vị trí thửa đất 2313 và thửa 1567), tờ BĐ số 06 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối đường ĐT 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 3560 và thửa 2550), tờ BĐ số 06 đến Đường liên ấp 2-3-4 (tại vị trí thửa đất 2313 và thửa 1567), tờ BĐ số 06 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối đường ĐT 777 đến đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 3560 và thửa 2550), tờ BĐ số 06 đến Đường liên ấp 2-3-4 (tại vị trí thửa đất 2313 và thửa 1567), tờ BĐ số 06 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10089		Đường nối UBND xã Đồi 61 cũ đến Trung tâm Văn hoá xã An Viễn	ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 1449 và thửa đất 1199), tờ BĐ số 23	Đường DT 777 (tại vị trí thửa đất 1223 và thửa đất 941), tờ BĐ số 17 xã An Viễn	Xã An Viễn	670	670	600	600
10090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối UBND xã Đồi 61 cũ đến Trung tâm Văn hoá xã An Viễn đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 1449 và thửa đất 1199), tờ BĐ số 23 đến Đường DT 777 (tại vị trí thửa đất 1223 và thửa đất 941), tờ BĐ số 17 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối UBND xã Đồi 61 cũ đến Trung tâm Văn hoá xã An Viễn đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 1449 và thửa đất 1199), tờ BĐ số 23 đến Đường DT 777 (tại vị trí thửa đất 1223 và thửa đất 941), tờ BĐ số 17 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối UBND xã Đồi 61 cũ đến Trung tâm Văn hoá xã An Viễn đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 1449 và thửa đất 1199), tờ BĐ số 23 đến Đường DT 777 (tại vị trí thửa đất 1223 và thửa đất 941), tờ BĐ số 17 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối UBND xã Đồi 61 cũ đến Trung tâm Văn hoá xã An Viễn đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 1449 và thửa đất 1199), tờ BĐ số 23 đến Đường DT 777 (tại vị trí thửa đất 1223 và thửa đất 941), tờ BĐ số 17 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối UBND xã Đồi 61 cũ đến Trung tâm Văn hoá xã An Viễn đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 1449 và thửa đất 1199), tờ BĐ số 23 đến Đường DT 777 (tại vị trí thửa đất 1223 và thửa đất 941), tờ BĐ số 17 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối UBND xã Đồi 61 cũ đến Trung tâm Văn hoá xã An Viễn đoạn từ ĐT 777 (tại vị trí thửa đất 1449 và thửa đất 1199), tờ BĐ số 23 đến Đường DT 777 (tại vị trí thửa đất 1223 và thửa đất 941), tờ BĐ số 17 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10096		Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su	Đường DT 777 (tại Giáo xứ Xuân Thịnh)t 1199), tờ BĐ số 23	Hết ranh thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 xã An Viễn	Xã An Viễn	670	670	600	600
10097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Đường DT 777 (tại Giáo xứ Xuân Thịnh)t 1199), tờ BĐ số 23 đến Hết ranh thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Đường DT 777 (tại Giáo xứ Xuân Thịnh)t 1199), tờ BĐ số 23 đến Hết ranh thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Đường DT 777 (tại Giáo xứ Xuân Thịnh)t 1199), tờ BĐ số 23 đến Hết ranh thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Đường DT 777 (tại Giáo xứ Xuân Thịnh)t 1199), tờ BĐ số 23 đến Hết ranh thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Đường DT 777 (tại Giáo xứ Xuân Thịnh)t 1199), tờ BĐ số 23 đến Hết ranh thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Đường DT 777 (tại Giáo xứ Xuân Thịnh)t 1199), tờ BĐ số 23 đến Hết ranh thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10103		Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su	Từ thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23	Giáp đất cao su (tại vị trí thửa đất 162), tờ BĐ số 13 xã An Viễn	Xã An Viễn	670	670	600	600
10104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Từ thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 đến Giáp đất cao su (tại vị trí thửa đất 162), tờ BĐ số 13 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410
10105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Từ thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 đến Giáp đất cao su (tại vị trí thửa đất 162), tờ BĐ số 13 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Từ thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 đến Giáp đất cao su (tại vị trí thửa đất 162), tờ BĐ số 13 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Từ thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 đến Giáp đất cao su (tại vị trí thửa đất 162), tờ BĐ số 13 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã An Viễn	450	450	410	410

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Từ thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 đến Giáp đất cao su (tại vị trí thửa đất 162), tờ BĐ số 13 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã An Viễn	350	350	310	310
10109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên Giáo xứ Xuân Thịnh đến đất Cao su đoạn từ Từ thửa đất 2300 và thửa 2504, tờ BĐ số 23 đến Giáp đất cao su (tại vị trí thửa đất 162), tờ BĐ số 13 xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã An Viễn	230	230	220	220
10110	1	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Đường vào Công ty Đông Nhi	Xã Bàu Hàm	570	570	500	500
10111	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10112	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290
10113	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200
10114	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10115	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290
10116	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh Phường Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200
10117	8	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường vào Công ty Đông Nhi	Ngã tư Tân Lập	Xã Bàu Hàm	570	570	500	500
10118	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10119	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290
10120	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200
10121	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10122	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290
10123	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200
10124	15	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã tư Tân Lập	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24	Xã Bàu Hàm	570	570	500	500
10125	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10126	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290
10127	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10128	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10129	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290
10130	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200
10131	22	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24	Hồ Trị An	Xã Bàu Hàm	570	570	500	500
10132	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10133	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290
10134	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200
10135	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10136	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10137	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200
10138	29	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An	Xã Bàu Hàm	530	530	470	470
10139	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10140	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10141	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10142	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10143	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10144	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10145	36	Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An	Xã Bàu Hàm	500	500	450	450
10146	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10147	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10148	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10149	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10150	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10151	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10152	43	Đường tỉnh 762	Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km		Xã Bàu Hàm	570	570	500	500
10153	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10154	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290
10155	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200
10156	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10157	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10158	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200
10159	50	Đường tỉnh 762	Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất		Xã Bàu Hàm	570	570	500	500
10160	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10161	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290
10162	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200
10163	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	400	400	350	350
10164	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	310	310	290	290
10165	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	220	220	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10166	57	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	Xã Bàu Hàm	500	500	450	450
10167	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10168	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10169	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10170	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10171	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10172	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10173	64	Hương lộ 24	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu)	Xã Bàu Hàm	530	530	470	470
10174	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10175	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10176	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10177	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10178	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Tràng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10179	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Tràng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10180	71	Đường Trường An - Tân Thành	Đường Tràng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	Xã Bàu Hàm	500	500	450	450
10181	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10182	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10183	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10184	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10185	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10186	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10187	78	Đường Tân Thành - Trường An	Đường Tràng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	Xã Bàu Hàm	500	500	450	450
10188	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10189	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10190	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10191	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10192	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10193	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10194	85	Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Thống Nhất	Xã Bàu Hàm	530	530	470	470
10195	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10196	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10197	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10198	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10199	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10200	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10201	92	Đường 3/2	Đường tỉnh 762	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Xã Bàu Hàm	500	500	450	450
10202	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10203	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10204	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10205	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10206	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10207	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10208	99	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Đường 19 tháng 5	Xã Bàu Hàm	530	530	470	470
10209	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10210	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10211	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10212	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10213	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10214	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10215	106	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Đường 19 tháng 5	Giáp ranh Phường Dầu Giây	Xã Bàu Hàm	530	530	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10216	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10217	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10218	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10219	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10220	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10221	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10222	113	Đường 19 tháng 5	Đường tỉnh 762	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Xã Bàu Hàm	530	530	470	470
10223	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10224	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10225	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10226	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10227	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10228	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10229	120	Đường 30 tháng 4	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Đường tỉnh 762	Xã Bàu Hàm	530	530	470	470
10230	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10231	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10232	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10233	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	360	360	330	330
10234	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	290	290	260	260
10235	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	200	200	180	180
10236	127	Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Xã Bàu Hàm	500	500	450	450
10237	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10238	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10239	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10240	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10241	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10242	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10243	134	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao	Từ ranh thửa đất số 230 về bên phải và thửa đất số 685 về bên trái tờ bản đồ số 136	Đường 19 tháng 5	Xã Bàu Hàm	500	500	450	450
10244	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10245	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10246	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10247	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bàu Hàm	340	340	310	310
10248	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bàu Hàm	260	260	240	240
10249	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bàu Hàm	180	180	160	160
10250	1	Quốc lộ 1	Ngã ba Trị An	Nhà thờ Bùi Chu	Xã Bình Minh	730	730	650	650
10251	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10252	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10253	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10254	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10255	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10256	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10257	8	Quốc lộ 1	Nhà thờ Bùi Chu	UBND xã Bắc Sơn (cũ)	Xã Bình Minh	730	730	650	650
10258	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10259	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10260	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10261	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10262	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10263	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10264	15	Quốc lộ 1	UBND xã Bắc Sơn (cũ)	Cầu Suối Đĩa	Xã Bình Minh	730	730	650	650
10265	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10266	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10267	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10268	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10269	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10270	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10271	22	Quốc lộ 1	Cầu Suối Đĩa	Đường Võ Nguyên Giáp	Xã Bình Minh	730	730	650	650
10272	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10273	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10274	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10275	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10276	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10277	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10278	29	Quốc lộ 1	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã Bình Minh	730	730	650	650
10279	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10280	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10281	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10282	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10283	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10284	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10285	36	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Bình Minh	700	700	630	630
10286	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430
10287	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10288	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10289	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430
10290	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10291	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10292	43	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Đường sắt	Giáp ranh phường Phước Tân	Xã Bình Minh	700	700	630	630
10293	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10294	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10295	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10296	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430
10297	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10298	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10299	50	Đường số 69	Quốc lộ 1	Ranh Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ xã Bình Minh	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10300	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10301	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10302	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10303	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10304	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10305	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10306	57	Đường Võ Nguyên Giáp	Quốc lộ 1	Giáp ranh phường Phước Tân	Xã Bình Minh	730	730	650	650
10307	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10308	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10309	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10310	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10311	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10312	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10313	64	Đường số 25	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Bắc Hòa - Phú Sơn	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10314	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10315	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10316	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10317	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10318	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10319	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10320	71	Đường Bình Minh- Giang Điền	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã Bình Minh	700	700	630	630
10321	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430
10322	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10323	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10324	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430
10325	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10326	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10327	78	Đường Bình Minh- Giang Điền	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Bình Minh	700	700	630	630
10328	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430
10329	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10330	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10331	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10332	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10333	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10334	85	Đường Bình Minh- Giang Điền	Đường sắt	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã Bình Minh	700	700	630	630
10335	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430
10336	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10337	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10338	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430
10339	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10340	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh- Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10341	92	Đường tỉnh 767	Ngã ba Trị An	Công ty Việt Vinh	Xã Bình Minh	730	730	650	650
10342	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10343	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10344	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10345	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10346	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10347	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10348	99	Đường tỉnh 767	Công ty Việt Vinh	Ngã ba Hươu Nai	Xã Bình Minh	730	730	650	650
10349	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10350	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10351	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10352	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10353	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10354	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10355	106	Đường tỉnh 767	Ngã ba Hươu Nai	Trường Tiểu học Sông Mây	Xã Bình Minh	730	730	650	650
10356	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10357	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10358	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10359	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10360	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10361	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10362	113	Đường tỉnh 767	Trường Tiểu học Sông Mây	Cầu Sông Thao	Xã Bình Minh	730	730	650	650
10363	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10364	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10365	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10366	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	500	500	450	450
10367	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	400	400	350	350
10368	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	290	290	260	260
10369	120	Đường Sông Mây 8	Đường tỉnh 767	Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10370	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10371	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10372	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10373	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10374	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10375	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10376	127	Đường Sông Mây 8	Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây	Ngã ba trường tiểu học Sông Mây	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10377	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10378	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10379	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10380	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10381	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10382	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa Địa Sông Mây đến Ngã ba trường tiểu học Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10383	134	Đường Sông Mây 8	Ngã ba trường tiểu học Sông Mây	Nhà văn Hóa ấp Sông Mây	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10384	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba trường tiểu học Sông Mây đến Nhà văn Hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10385	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba trường tiểu học Sông Mây đến Nhà văn Hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10386	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba trường tiểu học Sông Mây đến Nhà văn Hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10387	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba trường tiểu học Sông Mây đến Nhà văn Hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10388	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba trường tiểu học Sông Mây đến Nhà văn Hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10389	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 8 đoạn từ Ngã ba trường tiểu học Sông Mây đến Nhà văn Hóa ấp Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10390	141	Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom	Đường tỉnh 767	Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Đệ	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10391	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10392	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10393	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10394	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10395	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10396	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10397	148	Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom	Hết đài đức mẹ giáo xứ Bùi Đệ	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10398	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10399	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10400	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10401	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10402	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10403	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Minh - Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10404	155	Đường 3 tháng 2 nối dài	Giáp ranh Phường Trảng Bom	Đường Bình Minh - Giang Điền	Xã Bình Minh	700	700	630	630
10405	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430
10406	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10407	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10408	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	480	480	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10409	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	370	370	330	330
10410	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	250	250	230	230
10411	162	Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp	Thửa đất số 456, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh	Thửa đất số 1154, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10412	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10413	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10414	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10415	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10416	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10417	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10418	169	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đầu đường 767	VLXD Xuân Định	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10419	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10420	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10421	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10422	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10423	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10424	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đầu đường 767 đến VLXD Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10425	176	Đường Tân Thành - An Chu	Quốc lộ 1A	Vật liệu xây dựng Xuân Định	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10426	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10427	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10428	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10429	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10430	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10431	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Quốc lộ 1A đến Vật liệu xây dựng Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10432	183	Đường Tân Thành - An Chu	Vật liệu xây dựng Xuân Định	Giáp đường 9 ấp An Chu	Xã Bình Minh	670	670	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10433	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10434	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10435	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10436	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10437	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10438	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - An Chu đoạn từ Vật liệu xây dựng Xuân Định đến Giáp đường 9 ấp An Chu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10439	190	Đường 9 ấp An Chu	Đầu Ngã tư KCN Sông Mây	Nhà Nghỉ EVA	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10440	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10441	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10442	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10443	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10444	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10445	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Đầu Ngã tư KCN Sông Mây đến Nhà Nghỉ EVA có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10446	197	Đường 9 ấp An Chu	Nhà Nghỉ EVA	Cuối đường	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10447	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10448	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10449	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10450	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10451	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10452	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 ấp An Chu đoạn từ Nhà Nghỉ EVA đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10453	204	Đường An Chu 7	Đường 767	Đường số 2 trong KCN	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10454	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10455	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10456	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10457	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10458	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10459	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Chu 7 đoạn từ Đường 767 đến Đường số 2 trong KCN có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10460	211	Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3	Đường An Chu 7	Đường Thanh Hóa 1	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10461	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10462	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10463	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10464	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10465	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10466	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Bắc Sơn - HN3 đoạn từ Đường An Chu 7 đến Đường Thanh Hóa 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10467	218	Đường Sông Mây 5	Đối diện nhà thờ Bùi đệ	Hết ranh xã Bắc Sơn cũ	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10468	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10469	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10470	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10471	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10472	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10473	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Mây 5 đoạn từ Đối diện nhà thờ Bùi đệ đến Hết ranh xã Bắc Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10474	225	Đường Bắc Hòa - Phú Sơn	Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa	Qua đường tàu - hết ranh xã	Xã Bình Minh	670	670	600	600
10475	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10476	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10477	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10478	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Minh	450	450	400	400
10479	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Minh	350	350	320	320
10480	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Hòa - Phú Sơn đoạn từ Ngã ba đối diện nhà thờ Bắc Hòa đến Qua đường tàu - hết ranh xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Minh	230	230	210	210
10481	1	Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1)	Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10482	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10483	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10484	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10485	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10486	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10487	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Lộc Hòa (nhánh Nam Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua Công ty Cổ phần TOGET Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10488	8	Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1)	Quốc lộ 1	Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10489	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10490	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10491	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10492	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10493	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10494	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10495	15	Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1)	Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Nhà máy xử lý chất thải	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10496	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10497	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10498	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10499	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10500	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10501	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa - Nhân Hòa (nhánh Bắc Quốc lộ 1) đoạn từ Đầu ranh Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng đến Nhà máy xử lý chất thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10502	22	Đường liên ấp Lộc Hòa	Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây	Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10503	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10504	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10505	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10506	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10507	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10508	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Tây đến Giáp nghĩa địa giáo xứ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10509	29	Đường liên ấp Lộc Hòa	Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10510	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10511	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10512	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10513	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10514	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10515	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Giáp nhà thờ Lộc Hòa về hướng Đông đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10516	36	Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá	Quốc lộ 1	Cầu Sông Đinh	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10517	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10518	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10519	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10520	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10521	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10522	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Đinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10523	43	Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá	Cầu Sông Đinh	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10524	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10525	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10526	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10527	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10528	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10529	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Nhân Hoà - Bàu Cá đoạn từ Cầu Sông Đinh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 58 tờ BĐĐC số 36; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10530	50	Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10531	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10532	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10533	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10534	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10535	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10536	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10537	57	Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình	Đường sắt	Ngã ba Yên Thành	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10538	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10539	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10540	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10541	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10542	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10543	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp văn hóa An Bình đoạn từ Đường sắt đến Ngã ba Yên Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10544	64	Đường Đông Hòa 7km	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10545	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10546	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10547	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10548	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10549	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10550	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10551	71	Đường Đông Hòa 7km	Đường sắt	Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10552	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10553	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10554	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10555	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10556	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10557	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường sắt đến Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10558	78	Đường Đông Hòa 7km	Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình	Giáp ranh phường Dầu Giây	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10559	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10560	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10561	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10562	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10563	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10564	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hòa 7km đoạn từ Đường liên ấp Hòa Bình - Hưng Long - An Bình đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10565	85	Đường 15	Quốc lộ 1	Đường sắt ấp Hưng Long	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10566	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10567	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10568	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10569	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10570	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10571	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 15 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt ấp Hưng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10572	92	Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây)	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	550	550	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10573	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	360	360	330	330
10574	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	290	290	260	260
10575	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	200	200	180	180
10576	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	360	360	330	330
10577	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	290	290	260	260
10578	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	200	200	180	180
10579	99	Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây)	Đường sắt	Giáp ranh phường Dầu Giây	Xã Hưng Thịnh	550	550	470	470
10580	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	360	360	330	330
10581	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	290	290	260	260
10582	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	200	200	180	180
10583	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	360	360	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10584	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	290	290	260	260
10585	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) đoạn từ Đường sắt đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	200	200	180	180
10586	106	Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình)	Quốc lộ 1	Đường sắt	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10587	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10588	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10589	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10590	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10591	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10592	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10593	113	Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình)	Đường sắt	Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây)	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10594	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10595	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10596	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10597	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10598	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10599	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Bình 1 (ấp Hưng Bình) đoạn từ Đường sắt đến Đường 20 (ấp Hưng Long - xã Dầu Giây) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10600	120	Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm	Quốc lộ 1	Cầu số 1	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10601	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10602	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10603	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10604	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10605	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10606	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10607	127	Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm	Cầu số 1	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10608	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10609	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10610	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10611	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10612	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10613	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hưng Bình xã Hưng Thịnh - xã Bàu Hàm đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10614	134	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Viễn	Nhà thờ Lộc Hòa	Xã Hưng Thịnh	570	570	500	500
10615	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	380	380	350	350
10616	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10617	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	220	220	200	200
10618	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	380	380	350	350
10619	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	300	300	290	290
10620	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	220	220	200	200
10621	141	Quốc lộ 1	Nhà thờ Lộc Hòa	UBND xã Hưng Thịnh	Xã Hưng Thịnh	570	570	500	500
10622	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	380	380	350	350
10623	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	300	300	290	290
10624	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	220	220	200	200
10625	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	380	380	350	350
10626	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	300	300	290	290
10627	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nhà thờ Lộc Hòa đến UBND xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	220	220	200	200
10628	148	Quốc lộ 1	UBND xã Hưng Thịnh	Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà	Xã Hưng Thịnh	570	570	500	500
10629	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	380	380	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10630	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cống chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	300	300	290	290
10631	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cống chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	220	220	200	200
10632	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cống chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	380	380	350	350
10633	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cống chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	300	300	290	290
10634	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Thịnh đến Cống chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	220	220	200	200
10635	155	Quốc lộ 1	Cống chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà	Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái)	Xã Hưng Thịnh	570	570	500	500
10636	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cống chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	380	380	350	350
10637	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cống chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	300	300	290	290
10638	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cống chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	220	220	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10639	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	380	380	350	350
10640	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	300	300	290	290
10641	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cổng chính 2 ấp Hòa Bình - Quảng Đà đến Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	220	220	200	200
10642	162	Quốc lộ 1	Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái)	Giáp ranh phường Dầu Giây	Xã Hưng Thịnh	570	570	500	500
10643	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	380	380	350	350
10644	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	300	300	290	290
10645	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	220	220	200	200
10646	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	380	380	350	350
10647	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10648	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường liên xã Hưng Long - Dầu Giây (bên phải) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc (bên trái) đến Giáp ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	220	220	200	200
10649	169	Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom	Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa	Cầu 1 tấn	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10650	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10651	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10652	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10653	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10654	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10655	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp An Hoà xã Hưng Thịnh - Trảng Bom đoạn từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10656	176	Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh)	Quốc lộ 1	Hết mét thứ 500	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10657	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10658	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10659	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10660	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10661	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10662	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10663	183	Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh)	Sau mét thứ 500	Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10664	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10665	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10666	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10667	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10668	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10669	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Dầu Giây (xã Hưng Thịnh) đoạn từ Sau mét thứ 500 đến Hết thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 62, xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10670	190	Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo	Quốc lộ 1	Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10671	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10672	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10673	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10674	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10675	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10676	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 84, tờ BĐĐC số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10677	197	Đường Hưng Nghĩa	Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh)	Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh)	Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10678	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10679	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10680	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10681	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10682	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	260	260	240	240
10683	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 10 xã Hưng Thịnh) đến Giáp ranh xã Dầu Giây (tờ 34 thửa 89 xã Hưng Thịnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh, Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10684	204	Đường Dốc Độc	Đường 20	Đường Đông Hòa 7km	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10685	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10686	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10687	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10688	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10689	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10690	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dốc Độc đoạn từ Đường 20 đến Đường Đông Hòa 7km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10691	211	Đường cổng chính ấp An Bình	Ngã ba Yên Thành	Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10692	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10693	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10694	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10695	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10696	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10697	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chính ấp An Bình đoạn từ Ngã ba Yên Thành đến Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10698	218	Đường liên ấp Lộc Hòa	Đường sắt	Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56	Xã Hưng Thịnh	530	530	450	450
10699	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10700	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10701	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10702	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Thịnh	350	350	310	310
10703	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Thịnh	260	260	240	240
10704	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lộc Hòa đoạn từ Đường sắt đến Giáp xã An Viễn (thửa đất số 194, tờ bản đồ số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Thịnh	180	180	160	160
10705	1	Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm	Quốc lộ 20	Vào hết mét thứ 500	Phường Dầu Giây	550	550	470	470
10706	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10707	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10708	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10709	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10710	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10711	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10712	8	Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm	Hết mét thứ 500	Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112	Phường Dầu Giây	550	550	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10713	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10714	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10715	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10716	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10717	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10718	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10719	15	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu)	Đường tỉnh 769	Cầu số 5	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10720	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10721	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10722	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10723	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10724	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10725	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10726	22	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu)	Cầu số 5	Ranh giới xã Xuân Quế	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10727	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10728	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10729	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10730	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10731	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10732	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường giáo xứ Xuân Triệu) đoạn từ Cầu số 5 đến Ranh giới xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10733	29	Quốc lộ 20	Quốc lộ 1	Hết ranh phường Dầu Giây	Phường Dầu Giây	780	780	710	710

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10734	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10735	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10736	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10737	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10738	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10739	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh phường Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10740	36	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	UBND xã Hưng Lộc (cũ)	Phường Dầu Giây	570	570	500	500
10741	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10742	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10743	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10744	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10745	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10746	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến UBND xã Hưng Lộc (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10747	43	Quốc lộ 1	UBND xã Hưng Lộc (cũ)	Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161	Phường Dầu Giây	570	570	500	500
10748	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10749	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10750	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10751	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10752	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10753	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ UBND xã Hưng Lộc (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10754	50	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Phường Dầu Giây	570	570	500	500
10755	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10756	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10757	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10758	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10759	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10760	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 392, tờ BĐĐC số 161 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10761	57	Quốc lộ 1	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông	Phường Dầu Giây	780	780	710	710
10762	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10763	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10764	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10765	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10766	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10767	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10768	64	Quốc lộ 1	Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông	Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc	Phường Dầu Giây	570	570	500	500
10769	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10770	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10771	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10772	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10773	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10774	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh đại học Công nghệ Miền Đông đến Giáp ranh phường Bình Lộc và phường Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10775	71	Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm	Quốc lộ 1	Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc)	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10776	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10777	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10778	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10779	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10780	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10781	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã tư (hết ranh cụm công nghiệp Hưng Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10782	78	Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm	Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc)	Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10783	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10784	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10785	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10786	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10787	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10788	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Câu lạc bộ Chôm Chôm đoạn từ Ngã tư (cụm công nghiệp Hưng Lộc) đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 331, tờ BĐĐC số 139 về bên trái xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10789	85	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Đoạn từ Quốc lộ 1	Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ)	Phường Dầu Giây	550	550	470	470
10790	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10791	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10792	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10793	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10794	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10795	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10796	92	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ)	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Phường Dầu Giây	550	550	470	470
10797	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10798	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10799	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10800	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10801	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10802	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền - Sông Thao đoạn từ Ngã ba cạnh Văn phòng ấp Ngô Quyền (cũ) đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10803	99	Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc	Quốc lộ 20	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Phường Dầu Giây	780	780	710	710
10804	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10805	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10806	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10807	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10808	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10809	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Bắc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Ngô Quyền - Sông Thao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10810	106	Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam	Quốc lộ 20	Giáo xứ Xuân Đức	Phường Dầu Giây	780	780	710	710
10811	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10812	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10813	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10814	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10815	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10816	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hông chợ Dầu Giây phía Nam đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo xứ Xuân Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10817	113	Đường Hưng Nghĩa	Quốc lộ 1	Vào hết mét thứ 500	Phường Dầu Giây	550	550	470	470
10818	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10819	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10820	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10821	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10822	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10823	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10824	120	Đường Hưng Nghĩa	Hết mét thứ 500	Giáp đường ray xe lửa	Phường Dầu Giây	550	550	470	470
10825	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10826	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10827	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10828	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10829	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10830	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10831	127	Đường Hưng Nghĩa	Giáp đường ray xe lửa	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Phường Dầu Giây	550	550	470	470
10832	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10833	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10834	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10835	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10836	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10837	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp đường ray xe lửa đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10838	134	Đường Hưng Nghĩa	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Đường tỉnh 769	Phường Dầu Giây	550	550	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10839	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10840	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10841	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10842	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10843	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10844	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Nghĩa đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10845	141	Đường trung tâm Hưng Lộc	Quốc lộ 1	Vào hết mét thứ 500	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10846	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10847	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10848	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10849	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10850	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10851	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10852	148	Đường trung tâm Hưng Lộc	Hết mét thứ 500	Đường sắt	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10853	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10854	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10855	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10856	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10857	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10858	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10859	155	Đường Trung tâm Hưng Lộc	Đường sắt	Đến đường Hưng Nghĩa	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10860	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10861	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10862	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10863	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10864	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10865	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Hưng Lộc đoạn từ Đường sắt đến Đến đường Hưng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10866	162	Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25)	Đường tỉnh 769	Vào hết mét thứ 500	Phường Dầu Giây	550	550	470	470
10867	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10868	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10869	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10870	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10871	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10872	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10873	169	Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25)	Hết mét thứ 500	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Phường Dầu Giây	550	550	470	470
10874	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10875	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10876	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10877	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	360	360	330	330
10878	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	290	290	260	260
10879	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25) đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	200	200	180	180
10880	176	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành	Đường tỉnh 769	Giáp ranh xã Bình An	Phường Dầu Giây	570	570	500	500
10881	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10882	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10883	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10884	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10885	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10886	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10887	183	Đường tỉnh 769	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ)	Phường Dầu Giây	780	780	710	710
10888	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10889	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10890	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10891	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10892	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10893	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10894	190	Đường tỉnh 769	Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ)	hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ)	Phường Dầu Giây	780	780	710	710
10895	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) đến hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10896	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) đến hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10897	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) đến hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10898	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) đến hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10899	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) đến hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10900	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 72 về bên phải (hết ranh khu dân cư khu phố Trần Cao Vân cũ) đến hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10901	197	Đường tỉnh 769	Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ)	Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ)	Phường Dầu Giây	570	570	500	500
10902	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10903	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10904	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10905	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10906	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10907	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Hết ranh thị trấn Dầu Giây (cũ) đến Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10908	204	Đường tỉnh 769	Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) (Từ bên trái thửa đất số 180 tờ bản đồ số 229 và bên phải là thửa đất số 53 tờ bản đồ số 225)	Ranh xã Bình An	Phường Dầu Giây	570	570	500	500
10909	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) (Từ bên trái thửa đất số 180 tờ bản đồ số 229 và bên phải là thửa đất số 53 tờ bản đồ số 225) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10910	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) (Từ bên trái thửa đất số 180 tờ bản đồ số 229 và bên phải là thửa đất số 53 tờ bản đồ số 225) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10911	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) (Từ bên trái thửa đất số 180 tờ bản đồ số 229 và bên phải là thửa đất số 53 tờ bản đồ số 225) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10912	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) (Từ bên trái thửa đất số 180 tờ bản đồ số 229 và bên phải là thửa đất số 53 tờ bản đồ số 225) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10913	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) (Từ bên trái thửa đất số 180 tờ bản đồ số 229 và bên phải là thửa đất số 53 tờ bản đồ số 225) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10914	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh giới xã Lộ 25 (Cũ) (Từ bên trái thửa đất số 180 tờ bản đồ số 229 và bên phải là thửa đất số 53 tờ bản đồ số 225) đến Ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10915	211	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Đường tỉnh 769	Giáp ranh xã Xuân Quế	Phường Dầu Giây	570	570	500	500
10916	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10917	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10918	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10919	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	380	380	350	350
10920	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	300	300	290	290
10921	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	220	220	200	200
10922	218	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Đường tỉnh 769	Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây	Phường Dầu Giây	780	780	710	710
10923	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10924	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10925	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10926	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10927	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10928	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Đường tỉnh 769 - Khu phía Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10929	225	Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 1	Đường tỉnh 769	Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10930	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 1 đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10931	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 1 đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10932	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 1 đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10933	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 1 đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10934	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 1 đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10935	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 1 đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10936	232	Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 2	Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây	Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10937	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 2 đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10938	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 2 đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10939	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 2 đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10940	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 2 đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10941	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 2 đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10942	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 2 đoạn từ Hết thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính số 192, xã Dầu Giây đến Đường Cao tốc TP HCM - Long Thành - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10943	239	Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 3	Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Phường Dầu Giây	530	530	450	450

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10944	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 3 đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10945	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 3 đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10946	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 3 đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10947	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 3 đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10948	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 3 đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10949	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn 3 đoạn từ Đoạn từ ngã ba đường Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Hưng Lộc đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10950	246	Đường Phân Trạm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ)	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh suối	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10951	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phân Trạm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10952	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phân Trạm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10953	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phân Trạm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10954	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phân Trạm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10955	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phân Trạm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10956	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phân Trạm ấp 9/4 xã Hưng Lộc (cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10957	253	Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1	Quốc lộ 20	Quốc lộ 1	Phường Dầu Giây	780	780	710	710
10958	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10959	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10960	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10961	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Dầu Giây	550	550	530	530
10962	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	440	440	420	420
10963	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	320	320	310	310
10964	260	Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc	Quốc lộ 1	Vào hết mét thứ 500	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10965	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10966	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10967	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10968	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10969	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10970	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Quốc lộ 1 đến Vào hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10971	267	Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc	Hết mét thứ 500	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Phường Dầu Giây	530	530	450	450
10972	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310
10973	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10974	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10975	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Dầu Giây	350	350	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10976	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Dầu Giây	280	280	240	240
10977	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Dầu Giây	180	180	160	160
10978	1	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Thống Nhất	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Xã Gia Kiệm	700	700	600	600
10979	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	460	460	400	400
10980	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	360	360	310	310
10981	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	230	230	210	210
10982	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	460	460	400	400
10983	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	360	360	310	310
10984	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	230	230	210	210
10985	8	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Quốc lộ 20	Km2+500	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
10986	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10987	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
10988	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
10989	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
10990	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
10991	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km2+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
10992	15	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Km2+500	Giáp ranh phường Bình Lộc	Xã Gia Kiệm, Phường Bình Lộc	720	720	630	630
10993	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm, Phường Bình Lộc	480	480	430	430
10994	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm, Phường Bình Lộc	370	370	330	330
10995	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm, Phường Bình Lộc	250	250	230	230
10996	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm, Phường Bình Lộc	480	480	430	430
10997	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm, Phường Bình Lộc	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
10998	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Km2+500 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm, Phường Bình Lộc	250	250	230	230
10999	22	Quốc lộ 20	Giáp ranh phường Dầu Giây	Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ)	Xã Gia Kiệm	730	730	670	670
11000	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11001	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350
11002	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11003	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11004	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350
11005	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Dầu Giây đến Giáp Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11006	29	Quốc lộ 20	Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ)	Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Xã Gia Kiệm	730	730	670	670
11007	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11008	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11009	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11010	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11011	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350
11012	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đến Đến ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11013	36	Quốc lộ 20	Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Giáp ranh xã Thống Nhất	Xã Gia Kiệm	730	730	670	670
11014	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11015	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350
11016	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11017	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11018	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11019	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Từ ngã ba đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11020	43	Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu)	Quốc lộ 20	Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu	Xã Gia Kiệm	730	730	670	670
11021	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11022	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350
11023	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11024	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11025	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350
11026	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11027	50	Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu)	Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Xã Gia Kiệm	730	730	670	670
11028	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11029	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11030	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11031	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11032	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350
11033	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Ngã ba trước Xí nghiệp khai thác đá Sóc Lu đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11034	57	Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu)	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Xã Gia Kiệm	730	730	670	670
11035	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11036	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350
11037	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11038	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11039	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11040	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) đoạn từ Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11041	64	Đường Đống Đa - Gia Kiệm	Quốc lộ 20	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Xã Gia Kiệm	700	700	600	600
11042	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	460	460	450	450
11043	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	360	360	310	310
11044	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	230	230	210	210
11045	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	460	460	450	450
11046	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	360	360	310	310
11047	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đống Đa - Gia Kiệm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	230	230	210	210
11048	71	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Quốc lộ 20	Hết mét thứ 500	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
11049	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11050	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11051	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11052	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11053	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11054	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11055	78	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Hết mét thứ 500	Suối	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
11056	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11057	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11058	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11059	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11060	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11061	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11062	85	Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu	Suối	Đường tỉnh 762	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
11063	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11064	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11065	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11066	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11067	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11068	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng 3 - Sóc Lu đoạn từ Suối đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11069	92	Đường Tây Kim - Thanh Bình	Quốc lộ 20	Hết mét thứ 500	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
11070	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11071	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11072	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11073	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11074	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11075	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11076	99	Đường Tây Kim - Thanh Bình	Hết mét thứ 500	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
11077	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11078	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11079	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11080	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11081	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11082	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tây Kim - Thanh Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11083	106	Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ)	Quốc lộ 20	Giáp ranh phường Bình Lộc	Xã Gia Kiệm	730	730	670	670
11084	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11085	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11086	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11087	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	500	500	450	450
11088	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	400	400	350	350
11089	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 (đường Suối Tre - Bình Lộc cũ) đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	290	290	250	250
11090	113	Đường Võ Dõng - Lạc Sơn	Quốc lộ 20	Hết mét thứ 500	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
11091	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11092	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11093	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11094	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11095	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11096	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11097	120	Đường Võ Dõng - Lạc Sơn	Hết mét thứ 500	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11098	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11099	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11100	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11101	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11102	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11103	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Dõng - Lạc Sơn đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11104	127	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Quốc lộ 20	Suối Ông Ngà	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
11105	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11106	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11107	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11108	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11109	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11110	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Ông Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11111	134	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Suối Ông Ngà	Giáp ranh phường Bình Lộc	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
11112	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11113	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11114	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11115	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11116	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11117	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Suối Ông Ngà đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11118	141	Đường Chu Văn An	Quốc lộ 20	Ngã ba Đồng Húc	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
11119	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11120	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11121	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11122	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11123	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11124	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba Đồng Húc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11125	148	Đường Chu Văn An	Ngã ba Đồng Húc	Giáp ranh xã Thống Nhất	Xã Gia Kiệm	720	720	630	630
11126	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11127	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11128	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11129	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11130	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11131	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11132	155	Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình	Ngã ba Đồng Húc	Hết mét thứ 500	Xã Gia Kiệm	700	700	600	600
11133	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	460	460	400	400
11134	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	360	360	310	310
11135	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	230	230	210	210
11136	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	460	460	400	400
11137	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	360	360	310	310
11138	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Ngã ba Đồng Húc đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	230	230	210	210
11139	162	Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình	Hết mét thứ 500	Ngã tư đường vào suối Gia Rung	Xã Gia Kiệm	700	700	600	600
11140	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	460	460	400	400
11141	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	360	360	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11142	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	230	230	210	210
11143	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	460	460	400	400
11144	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	360	360	310	310
11145	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Ngã tư đường vào suối Gia Rung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	230	230	210	210
11146	169	Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm	Quốc lộ 20	Hết ranh xã Gia Kiệm	Xã Gia Kiệm	720	720	324	324
11147	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11148	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11149	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11150	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11151	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11152	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11153	176	Đường Tân Yên	Quốc lộ 20	Hết mét thứ 500 (Ngã ba)	Xã Gia Kiệm	720	720	324	324

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11154	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 (Ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11155	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 (Ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11156	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 (Ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11157	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 (Ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11158	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 (Ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11159	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết mét thứ 500 (Ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11160	183	Đường Tân Yên	Hết mét thứ 500 (Ngã ba)	Ranh suối reo	Xã Gia Kiệm	720	720	324	324
11161	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 (Ngã ba) đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11162	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 (Ngã ba) đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11163	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 (Ngã ba) đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11164	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 (Ngã ba) đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11165	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 (Ngã ba) đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11166	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Hết mét thứ 500 (Ngã ba) đến Ranh suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11167	190	Đường Tân Yên	Ranh suối reo	Ranh xã Thống Nhất	Xã Gia Kiệm	720	720	324	324
11168	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11169	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11170	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11171	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Gia Kiệm	480	480	430	430
11172	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Gia Kiệm	370	370	330	330
11173	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Yên đoạn từ Ranh suối reo đến Ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Gia Kiệm	250	250	230	230
11174	1	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Đường Vườn Xoài	Xã Thống Nhất	730	730	670	670
11175	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	500	500	450	450
11176	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	400	400	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11177	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	290	290	250	250
11178	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	500	500	450	450
11179	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	400	400	350	350
11180	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Vườn Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	290	290	250	250
11181	8	Quốc lộ 20	Đường Vườn Xoài	Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3	Xã Thống Nhất	730	730	670	670
11182	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	500	500	450	450
11183	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	400	400	350	350
11184	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	290	290	250	250
11185	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	500	500	450	450
11186	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	400	400	350	350
11187	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Vườn Xoài đến Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	290	290	250	250
11188	15	Quốc lộ 20	Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Xã Thống Nhất	730	730	670	670

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11189	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	500	500	450	450
11190	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	400	400	350	350
11191	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	290	290	250	250
11192	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	500	500	450	450
11193	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	400	400	350	350
11194	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường vào Nhà văn hóa ấp Đức Long 3 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	290	290	250	250
11195	22	Quốc lộ 20	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Giáp ranh chùa Trúc Lâm	Xã Thống Nhất	270	270	230	230
11196	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	160	160	150	150
11197	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	130	130	100	100
11198	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	90	90	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11199	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	160	160	150	150
11200	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	130	130	100	100
11201	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Giáp ranh chùa Trúc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	90	90	50	50
11202	29	Quốc lộ 20	Giáp ranh chùa Trúc Lâm	Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37)	Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	270	270	230	230
11203	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	160	160	150	150
11204	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	130	130	100	100
11205	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	90	90	50	50
11206	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	160	160	150	150
11207	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	130	130	100	100
11208	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh chùa Trúc Lâm đến Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	90	90	50	50
11209	36	Quốc lộ 20	Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37)	Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng	Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	270	270	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11210	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	160	160	150	150
11211	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	130	130	100	100
11212	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	90	90	50	50
11213	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	160	160	150	150
11214	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	130	130	100	100
11215	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng (Tờ 18 thửa 37) đến Hết ranh trường TH Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất, Xã La Ngà	90	90	50	50
11216	43	Đường Cầu Ván	Quốc lộ 20	Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập	Xã Thống Nhất	230	230	200	200
11217	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	140	140	110	110
11218	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	110	110	70	70
11219	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	70	70	40	40
11220	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	140	140	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11221	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	110	110	70	70
11222	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	70	70	40	40
11223	50	Đường Cầu Ván	Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập	Xã Gia Kiệm	Xã Thống Nhất	230	230	200	200
11224	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	140	140	110	110
11225	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	110	110	70	70
11226	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	70	70	40	40
11227	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	140	140	110	110
11228	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	110	110	70	70
11229	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ván đoạn từ Hết ranh đại lý Bưu điện ấp Tân Lập đến Xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	70	70	40	40
11230	57	Đường tỉnh 763	Quốc lộ 20	Hết Trường THCS Phú Túc	Xã Thống Nhất	270	270	230	230
11231	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	160	160	150	150
11232	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11233	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	90	90	50	50
11234	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	160	160	150	150
11235	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	130	130	100	100
11236	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết Trường THCS Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	90	90	50	50
11237	64	Đường tỉnh 763	Hết Trường THCS Phú Túc	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Xã Thống Nhất	270	270	230	230
11238	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	160	160	150	150
11239	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	130	130	100	100
11240	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	90	90	50	50
11241	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	160	160	150	150
11242	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	130	130	100	100
11243	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Trường THCS Phú Túc đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	90	90	50	50
11244	71	Đường Bến Nôm	Quốc lộ 20	Giáp ranh nghĩa địa	Xã Thống Nhất	230	230	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11245	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	140	140	110	110
11246	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	110	110	70	70
11247	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	70	70	40	40
11248	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	140	140	110	110
11249	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	110	110	70	70
11250	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	70	70	40	40
11251	78	Đường Bến Nôm	Giáp ranh nghĩa địa	Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái)	Xã Thống Nhất	230	230	200	200
11252	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	140	140	110	110
11253	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	110	110	70	70
11254	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	70	70	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11255	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	140	140	110	110
11256	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	110	110	70	70
11257	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Bến Cá (đến hết ranh thửa đất số 268, tờ BĐĐC số 27 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 27 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	70	70	40	40
11258	85	Đường Bến Nôm	Giáp ranh nghĩa địa	Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An)	Xã Thống Nhất	230	230	200	200
11259	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	140	140	110	110
11260	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	110	110	70	70
11261	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	70	70	40	40
11262	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	140	140	110	110
11263	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	110	110	70	70
11264	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Nôm đoạn từ Giáp ranh nghĩa địa đến Đồi 3 (đến ranh hồ Trị An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	70	70	40	40
11265	92	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Quốc lộ 20	Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng	Xã Thống Nhất	720	720	630	630

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11266	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	480	480	430	430
11267	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	370	370	330	330
11268	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	250	250	230	230
11269	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	480	480	430	430
11270	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	370	370	330	330
11271	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh giới Trường Mầm non Hoa Phượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	250	250	230	230
11272	99	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Trường Mầm non Hoa Phượng	Cầu Đức Huy	Xã Thống Nhất	720	720	630	630
11273	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	480	480	430	430
11274	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	370	370	330	330
11275	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	250	250	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11276	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	480	480	430	430
11277	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	370	370	330	330
11278	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Trường Mầm non Hoa Phượng đến Cầu Đức Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	250	250	230	230
11279	106	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Cầu Đức Huy	Xã Bàu Hàm	Xã Thống Nhất	720	720	630	630
11280	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	480	480	430	430
11281	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	370	370	330	330
11282	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	250	250	230	230
11283	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	480	480	430	430
11284	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	370	370	330	330
11285	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình đoạn từ Cầu Đức Huy đến Xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	250	250	230	230
11286	113	Đường Thánh Tâm	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Giáp với hồ Trị An	Xã Thống Nhất	700	700	600	600
11287	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11288	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11289	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11290	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11291	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11292	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thánh Tâm đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Giáp với hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11293	120	Đường Suối Cạn	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Hồ Trị An	Xã Thống Nhất	700	700	600	600
11294	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11295	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11296	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11297	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11298	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11299	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cạn đoạn từ Đường Đức Huy - Thanh Bình đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11300	127	Đường Mùng 4 tết	Quốc lộ 20	Suối reo	Xã Thống Nhất	700	700	600	600
11301	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11302	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11303	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11304	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11305	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11306	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mùng 4 tết đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối reo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11307	134	Đường Vườn Xoài	Quốc lộ 20	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Xã Thống Nhất	700	700	600	600
11308	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11309	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11310	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11311	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11312	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11313	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11314	141	Đường Vườn Xoài	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Suối Tam Bưng	Xã Thống Nhất	700	700	600	600
11315	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11316	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11317	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11318	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11319	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11320	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Xoài đoạn từ Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đến Suối Tam Bưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11321	148	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Xã Thống Nhất	700	700	600	600

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11322	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11323	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11324	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11325	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thống Nhất	460	460	400	400
11326	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thống Nhất	360	360	310	310
11327	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thống Nhất	230	230	210	210
11328	1	Đường Gia Canh	Quốc lộ 20	Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối)	Xã Định Quán	570	570	500	500
11329	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11330	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11331	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11332	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11333	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11334	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11335	8	Đường Gia Canh	Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối)	Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán	Xã Định Quán	570	570	500	500
11336	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11337	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11338	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11339	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11340	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11341	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Quốc lộ 20+290m (đến giáp suối) đến Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11342	15	Đường Gia Canh	Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán	Giáp cây xăng Gia Canh	Xã Định Quán	270	270	230	230
11343	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11344	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11345	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11346	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11347	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11348	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Cổng bệnh viện Đa khoa Định Quán đến Giáp cây xăng Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11349	22	Đường Gia Canh	Giáp cây xăng Gia Canh	Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Xã Định Quán	270	270	230	230
11350	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11351	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11352	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11353	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11354	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11355	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Giáp cây xăng Gia Canh đến Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11356	29	Đường Gia Canh	Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải	Xã Định Quán	270	270	230	230
11357	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11358	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11359	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11360	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11361	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11362	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Canh đoạn từ Hết trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11363	36	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Gia Canh	Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ)	Xã Định Quán	230	230	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11364	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11365	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11366	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11367	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11368	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11369	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Gia Canh đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11370	43	Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh)	Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ)	Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m	Xã Định Quán	230	230	200	200
11371	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11372	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11373	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11374	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11375	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11376	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11377	50	Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh)	Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m	Đường Làng Thượng	Xã Định Quán	230	230	200	200
11378	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11379	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11380	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11381	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11382	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11383	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 (nối dài vào xã Gia Canh) đoạn từ Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) + 2000m đến Đường Làng Thượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11384	57	Đường Làng Thượng	Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ)	Đường Thanh Tùng	Xã Định Quán	230	230	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11385	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11386	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11387	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11388	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11389	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11390	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Thượng đoạn từ Giáp ranh thị trấn Định Quán (cũ) đến Đường Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11391	64	Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền	Đường Gia Canh	Cầu Bến Thuyền	Xã Định Quán	230	230	200	200
11392	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền đoạn từ Đường Gia Canh đến Cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11393	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền đoạn từ Đường Gia Canh đến Cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11394	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền đoạn từ Đường Gia Canh đến Cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11395	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền đoạn từ Đường Gia Canh đến Cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11396	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền đoạn từ Đường Gia Canh đến Cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11397	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Gia Canh đến cầu Bến Thuyền đoạn từ Đường Gia Canh đến Cầu Bến Thuyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11398	71	Đường Trần Phú	Quốc lộ 20	Ngã ba lò gạch	Xã Định Quán	270	270	230	230
11399	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11400	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11401	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11402	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11403	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11404	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba lò gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11405	78	Đường Trần Phú	Ngã ba lò gạch	Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ)	Xã Định Quán	270	270	230	230
11406	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11407	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11408	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11409	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11410	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11411	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba lò gạch đến Hết ranh Thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11412	85	Đường Thanh Tùng	Quốc lộ 20	Giáp chùa Chơn Như	Xã Định Quán	230	230	200	200
11413	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11414	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11415	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11416	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11417	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11418	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp chùa Chơn Như có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11419	92	Đường Thanh Tùng	Giáp chùa Chơn Như	Trường mầm non Sơn Ca	Xã Định Quán	230	230	200	200
11420	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11421	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11422	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11423	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11424	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11425	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Tùng đoạn từ Giáp chùa Chơn Như đến Trường mầm non Sơn Ca có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11426	99	Đường 105	Quốc lộ 20	Cống số 1	Xã Định Quán	230	230	200	200
11427	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11428	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11429	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11430	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11431	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11432	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cống số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11433	106	Đường 105	Cống số 1	Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải	Xã Định Quán	230	230	200	200
11434	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11435	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11436	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11437	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11438	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11439	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 105 đoạn từ Cống số 1 đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 228 về bên trái và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 227 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11440	113	Đường 104	Quốc lộ 20	Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái)	Xã Định Quán	250	250	220	220
11441	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11442	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90
11443	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11444	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11445	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90
11446	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết dốc Lê Thê (đến hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 155 về bên phải, thửa 197 tờ BĐĐC số 155 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11447	120	Đường 104	Quốc lộ 20	Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20)	Xã Định Quán	250	250	220	220
11448	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11449	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90
11450	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11451	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11452	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90
11453	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11454	127	Đường 104	Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20)	Cầu RAP	Xã Định Quán	250	250	220	220
11455	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11456	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90
11457	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11458	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11459	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11460	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Ao cá Huyện ủy (phía Nam Quốc lộ 20) đến Cầu RAP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11461	134	Đường 104	Cầu RAP	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán	Xã Định Quán	250	250	220	220
11462	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11463	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90
11464	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11465	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11466	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90
11467	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 104 đoạn từ Cầu RAP đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán, Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 237, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11468	141	Đường liên ấp 1 - ấp 3	Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè)	Giáp đường 106	Xã Định Quán	230	230	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11469	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11470	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11471	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11472	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11473	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11474	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1 - ấp 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 158 về bên phải và hết ranh thửa đất số 302, tờ BĐĐC số 158 về bên trái (tiếp giáp khu tái định cư Làng bè) đến Giáp đường 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11475	148	Đường 106	Quốc lộ 20	Giáp ranh hồ Trị An	Xã Định Quán	230	230	200	200
11476	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11477	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11478	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11479	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11480	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11481	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 106 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11482	155	Đường 107	Quốc lộ 20	Quốc lộ 20 + 100m	Xã Định Quán	250	250	220	220
11483	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11484	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90
11485	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11486	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11487	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90
11488	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 20 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11489	162	Đường 107	Quốc lộ 20 + 100m	Bến phà 107	Xã Định Quán	250	250	220	220
11490	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11491	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11492	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11493	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	150	150	130	130
11494	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	120	120	90	90
11495	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 107 đoạn từ Quốc lộ 20 + 100m đến Bến phà 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	80	80	50	50
11496	169	Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã	Quốc lộ 20	Đường 107	Xã Định Quán	230	230	200	200
11497	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11498	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11499	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11500	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11501	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11502	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cây xăng 108 vào trung tâm hành chính xã đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11503	176	Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh)	Đường Cầu Trắng	Đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh)	Xã Định Quán	230	230	200	200
11504	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) đoạn từ Đường Cầu Trắng đến Đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11505	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) đoạn từ Đường Cầu Trắng đến Đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11506	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) đoạn từ Đường Cầu Trắng đến Đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11507	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) đoạn từ Đường Cầu Trắng đến Đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11508	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) đoạn từ Đường Cầu Trắng đến Đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11509	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Cầu Trắng đến đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) đoạn từ Đường Cầu Trắng đến Đường 107 (bên hông nhà thờ Ngọc Thanh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11510	183	Đường Cầu Trắng	Đường Cách Mạng Tháng 8	Cống Lớn	Xã Định Quán	570	570	500	500
11511	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11512	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11513	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11514	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11515	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11516	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Cống Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11517	190	Đường Cầu Trắng	Cống Lớn	Giáp ranh xã Ngọc Định cũ	Xã Định Quán	570	570	500	500
11518	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11519	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11520	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11521	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11522	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11523	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Cống Lớn đến Giáp ranh xã Ngọc Định cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11524	197	Đường Cầu Trắng	Giáp ranh xã Ngọc Định cũ	Giáp suối	Xã Định Quán	230	230	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11525	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11526	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11527	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11528	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	140	140	110	110
11529	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	110	110	70	70
11530	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Trắng đoạn từ Giáp ranh xã Ngọc Định cũ đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	70	70	40	40
11531	204	Quốc lộ 20	Cầu La Ngà	Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán	Xã Định Quán	270	270	230	230
11532	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11533	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11534	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11535	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11536	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11537	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu La Ngà đến Hết nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11538	211	Quốc lộ 20	Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán	Hết nghĩa địa Phú Ngọc	Xã Định Quán	270	270	230	230
11539	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11540	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11541	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11542	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11543	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11544	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Định Quán đến Hết nghĩa địa Phú Ngọc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11545	218	Quốc lộ 20	Hết nghĩa địa Phú Ngọc	Ngã ba Thanh Tùng	Xã Định Quán	270	270	230	230
11546	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11547	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11548	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11549	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11550	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11551	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết nghĩa địa Phú Ngọc đến Ngã ba Thanh Tùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11552	225	Quốc lộ 20	Ngã ba Thanh Tùng	Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng)	Xã Định Quán	270	270	230	230
11553	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11554	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11555	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11556	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11557	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11558	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Thanh Tùng đến Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11559	232	Quốc lộ 20	Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng)	Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ)	Xã Định Quán	270	270	230	230
11560	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11561	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11562	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11563	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11564	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11565	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú (ngã ba Làng Thượng) đến Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11566	239	Quốc lộ 20	Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ)	Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán	Xã Định Quán	570	570	500	500
11567	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11568	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11569	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11570	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11571	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11572	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Trạm y tế thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11573	246	Quốc lộ 20	Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán	Cầu Trắng	Xã Định Quán	570	570	500	500
11574	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11575	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11576	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11577	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11578	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11579	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11580	253	Quốc lộ 20	Cầu Trắng	Hết ranh xã Định Quán	Xã Định Quán	570	570	500	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11581	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11582	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11583	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11584	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11585	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11586	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cầu Trắng đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11587	260	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	Xã Định Quán	570	570	500	500
11588	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11589	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11590	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11591	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11592	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11593	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11594	267	Đường Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 20	Đường Lê Lợi	Xã Định Quán	570	570	500	500
11595	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11596	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11597	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11598	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11599	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11600	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11601	274	Đường 17 tháng 3	Đường 3 tháng 2	Đường Trịnh Hoài Đức	Xã Định Quán	570	570	500	500
11602	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11603	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11604	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11605	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11606	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11607	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 17 tháng 3 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trịnh Hoài Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11608	281	Đường Trịnh Hoài Đức	Đường 17 tháng 3	Đường Gia Canh	Xã Định Quán	270	270	230	230
11609	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11610	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11611	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11612	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11613	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11614	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Đường Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11615	288	Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán	Quốc lộ 20	Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47)	Xã Định Quán	570	570	500	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11616	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11617	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11618	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11619	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11620	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11621	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm y tế cũ - Điện lực Định Quán đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trạm y tế cũ (hết thửa 93 tờ BĐĐC số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11622	295	Đường Thú y	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lý Thường Kiệt (đường bao Cụm Công Nghiệp)	Xã Định Quán	270	270	230	230
11623	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lý Thường Kiệt (đường bao Cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11624	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lý Thường Kiệt (đường bao Cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11625	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lý Thường Kiệt (đường bao Cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11626	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lý Thường Kiệt (đường bao Cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11627	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lý Thường Kiệt (đường bao Cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11628	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lý Thường Kiệt (đường bao Cụm Công Nghiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11629	302	Đường Thú y	Đường Nguyễn Văn Linh	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán	Xã Định Quán	270	270	230	230
11630	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11631	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11632	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11633	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11634	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11635	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thú y đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 43, xã Phú Vinh; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11636	309	Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ)	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Ngô Quyền	Xã Định Quán	570	570	500	500
11637	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11638	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11639	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11640	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11641	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11642	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11643	316	Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ)	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Nhân Tông	Xã Định Quán	570	570	500	500
11644	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11645	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11646	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11647	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11648	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11649	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (đường số 4 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11650	323	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Nhân Tông	Xã Định Quán	570	570	500	500
11651	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11652	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11653	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11654	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11655	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11656	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Nhân Tông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11657	330	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Ái Quốc	Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ)	Xã Định Quán	570	570	500	500
11658	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11659	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11660	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11661	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11662	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11663	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu phố chợ (bao gồm các thửa đất trong khu phố chợ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11664	337	Đường Nguyễn Trãi	Hết khu phố chợ	Đường Cách Mạng Tháng 8	Xã Định Quán	570	570	500	500
11665	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11666	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11667	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11668	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11669	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11670	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Hết khu phố chợ đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11671	344	Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ)	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Ngô Quyền	Xã Định Quán	570	570	500	500
11672	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11673	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11674	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11675	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11676	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11677	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11678	351	Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ)	Đường Ngô Quyền	Đường Cách Mạng Tháng 8	Xã Định Quán	570	570	500	500
11679	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11680	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11681	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11682	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11683	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11684	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11685	358	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Trần Hưng Đạo	Xã Định Quán	570	570	500	500
11686	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11687	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11688	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11689	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11690	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11691	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11692	365	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Cách Mạng Tháng 8	Xã Định Quán	570	570	500	500
11693	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11694	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11695	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11696	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11697	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11698	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11699	372	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	Xã Định Quán	570	570	500	500
11700	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11701	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11702	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11703	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11704	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11705	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11706	379	Đường Trần Nhân Tông	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán	Xã Định Quán	570	570	500	500
11707	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11708	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11709	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11710	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11711	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11712	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 7, xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11713	386	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Linh	Xã Định Quán	570	570	500	500
11714	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11715	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11716	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11717	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11718	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11719	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11720	393	Đường Lê Lai	Đường Chu Văn An	Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5	Xã Định Quán	570	570	500	500
11721	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11722	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11723	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11724	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11725	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11726	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Chu Văn An đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 197, tờ BĐĐC số 5; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11727	400	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ)	Đường Lương Thế Vinh	Xã Định Quán	570	570	500	500
11728	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11729	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11730	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11731	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11732	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11733	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11734	407	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Lương Thế Vinh	Xã Định Quán	570	570	500	500
11735	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11736	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11737	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11738	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11739	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11740	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11741	414	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi	Xã Định Quán	570	570	500	500
11742	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11743	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11744	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11745	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11746	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11747	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11748	421	Đường Nguyễn Du	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi	Xã Định Quán	570	570	500	500
11749	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11750	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11751	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11752	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11753	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11754	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11755	428	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Văn Linh	Xã Định Quán	570	570	500	500
11756	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11757	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11758	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11759	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11760	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11761	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11762	435	Đường Ngô Thời Nhiệm	Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ)	Bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14	Xã Định Quán	570	570	500	500
11763	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11764	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11765	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11766	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11767	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11768	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thời Nhiệm đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 575, tờ BĐĐC số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11769	442	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ)	Đến đường Nguyễn Trãi	Xã Định Quán	570	570	500	500
11770	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đến đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11771	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đến đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11772	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đến đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11773	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đến đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11774	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đến đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11775	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo (đường số 6 cũ) đến Đến đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11776	449	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Gia Canh	Đường 17 tháng 3	Xã Định Quán	270	270	230	230
11777	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Gia Canh đến Đường 17 tháng 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11778	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Gia Canh đến Đường 17 tháng 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11779	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Gia Canh đến Đường 17 tháng 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11780	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Gia Canh đến Đường 17 tháng 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11781	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Gia Canh đến Đường 17 tháng 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11782	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Gia Canh đến Đường 17 tháng 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11783	456	Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ)	Đường 17 tháng 3	Hết ranh xã Định Quán	Xã Định Quán	270	270	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11784	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11785	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11786	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11787	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	160	160	150	150
11788	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	130	130	100	100
11789	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - Thị trấn Định Quán (cũ) đoạn từ Đường 17 tháng 3 đến Hết ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	90	90	50	50
11790	463	Đường Lương Thế Vinh	Đường Trần Nhân Tông	Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7	Xã Định Quán	570	570	500	500
11791	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11792	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11793	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11794	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11795	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11796	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Bên trái, hết ranh thửa đất số 243, tờ BĐĐC số 6, xã Định Quán; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 216, tờ BĐĐC số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11797	470	Đường Lương Thế Vinh	Bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6;	Đường Lê Lợi	Xã Định Quán	570	570	500	500
11798	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6; đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350
11799	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6; đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11800	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6; đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11801	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6; đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Định Quán	380	380	350	350

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11802	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6; đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Định Quán	300	300	290	290
11803	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Bên phải thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 6, bên phải đến hết ranh thửa đất số 557, tờ BĐĐC số 6; đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Định Quán	220	220	220	220
11804	1	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Định Quán	Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ	Xã Phú Vinh	270	270	230	230
11805	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	160	160	150	150
11806	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	130	130	100	100
11807	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	90	90	55	55
11808	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	160	160	150	150
11809	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	130	130	100	100
11810	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	90	90	55	55
11811	8	Quốc lộ 20	Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ)	Ngã ba Km118	Xã Phú Vinh	270	270	230	230
11812	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	160	160	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11813	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	130	130	100	100
11814	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	90	90	55	55
11815	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	160	160	150	150
11816	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	130	130	100	100
11817	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	90	90	55	55
11818	15	Quốc lộ 20	Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ	Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ)	Xã Phú Vinh	270	270	230	230
11819	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	160	160	150	150
11820	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	130	130	100	100
11821	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	90	90	55	55
11822	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	160	160	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11823	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	130	130	100	100
11824	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa cũ đến Hết ranh trụ sở ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán (Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	90	90	55	55
11825	22	Quốc lộ 20	Ngã ba Km118	Giáp ranh xã Tân Phú	Xã Phú Vinh	270	270	230	230
11826	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	160	160	150	150
11827	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	130	130	100	100
11828	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	90	90	55	55
11829	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	160	160	150	150
11830	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	130	130	100	100
11831	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	90	90	55	55
11832	29	Đường 118 – sông Đồng Nai	Quốc lộ 20	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân	Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11833	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11834	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11835	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11836	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11837	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11838	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11839	36	Đường 118 – sông Đồng Nai	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân	Giáo xứ Xuân Hoa	Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11840	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11841	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11842	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11843	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11844	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11845	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân đến Giáo xứ Xuân Hoa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11846	43	Đường 118 – sông Đồng Nai	Giáo xứ Xuân Hoa	Giáp sông Đồng Nai	Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11847	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11848	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11849	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11850	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11851	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11852	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 118 – sông Đồng Nai đoạn từ Giáo xứ Xuân Hoa đến Giáp sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11853	50	Đường 120	Quốc lộ 20	Hết ranh trường THCS Phú Tân	Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11854	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11855	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11856	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11857	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11858	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11859	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trường THCS Phú Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11860	57	Đường 120	Hết ranh trường THCS Phú Tân	Giáp ranh xã Tân Phú	Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11861	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11862	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11863	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11864	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11865	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11866	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đoạn từ Hết ranh trường THCS Phú Tân đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11867	64	Đường ấp 1 xã Phú Vinh	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng)	Xã Phú Vinh	250	250	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11868	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11869	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11870	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11871	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11872	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11873	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11874	71	Đường ấp 1 xã Phú Vinh	Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng)	Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám	Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11875	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11876	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11877	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11878	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11879	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11880	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Hết nghĩa trang (ấp Ba Tầng) đến Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11881	78	Đường ấp 1 xã Phú Vinh	Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám	Đường Suối Soong	Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11882	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám đến Đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11883	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám đến Đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11884	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám đến Đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11885	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám đến Đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11886	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám đến Đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11887	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 xã Phú Vinh đoạn từ Đường vào trường Trường Tiểu học Lê Văn Tám đến Đường Suối Soong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11888	85	Đường Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 20	Hết ranh xã Phú Vinh	Xã Phú Vinh	230	230	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11889	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	140	140	110	110
11890	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	110	110	70	70
11891	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	70	70	40	40
11892	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	140	140	110	110
11893	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	110	110	70	70
11894	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	70	70	40	40
11895	92	Đường Phú Vinh - Ngọc Định	Quốc lộ 20	Hết ranh chợ Phú Vinh	Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11896	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11897	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11898	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11899	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11900	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11901	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11902	99	Đường Phú Vinh - Ngọc Định	Hết ranh chợ Phú Vinh	Ngã ba đường liên ấp 4-5	Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11903	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11904	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11905	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11906	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11907	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11908	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Hết ranh chợ Phú Vinh đến Ngã ba đường liên ấp 4-5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11909	106	Đường Phú Vinh - Ngọc Định	Ngã ba đường liên ấp 4-5	Đường Suối Soong 2	Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11910	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11911	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11912	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11913	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11914	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11915	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Ngã ba đường liên ấp 4-5 đến Đường Suối Soong 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11916	113	Đường Phú Vinh - Ngọc Định	Đoạn còn lại		Xã Phú Vinh	250	250	220	220
11917	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11918	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90
11919	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11920	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	150	150	130	130
11921	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	120	120	90	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11922	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Vinh - Ngọc Định đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	80	80	50	50
11923	120	Đường Suối Soong 2	Ngã ba đường WB	Đường Phú Vinh-Ngọc Định	Xã Phú Vinh	230	230	200	200
11924	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh-Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	140	140	110	110
11925	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh-Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	110	110	70	70
11926	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh-Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	70	70	40	40
11927	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh-Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	140	140	110	110
11928	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh-Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	110	110	70	70
11929	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Soong 2 đoạn từ Ngã ba đường WB đến Đường Phú Vinh-Ngọc Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	70	70	40	40
11930	127	Đường ven sông Đồng Nai	Đường 118 - sông Đồng Nai	Đường liên ấp 6-7	Xã Phú Vinh	230	230	200	200
11931	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	140	140	110	110
11932	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	110	110	70	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11933	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	70	70	40	40
11934	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	140	140	110	110
11935	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	110	110	70	70
11936	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Đường 118 - sông Đồng Nai đến Đường liên ấp 6-7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	70	70	40	40
11937	134	Đường liên ấp 6-7	Đường 120	Đường ven sông Đồng Nai	Xã Phú Vinh	230	230	200	200
11938	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	140	140	110	110
11939	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	110	110	70	70
11940	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	70	70	40	40
11941	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Vinh	140	140	110	110
11942	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Vinh	110	110	70	70
11943	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 6-7 đoạn từ Đường 120 đến Đường ven sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Vinh	70	70	40	40
11944	1	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Thống Nhất	Hết chợ Túc Trưng	Xã La Ngà	270	270	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11945	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Hết chợ Túc Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11946	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Hết chợ Túc Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11947	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Hết chợ Túc Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11948	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Hết chợ Túc Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11949	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Hết chợ Túc Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11950	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Hết chợ Túc Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11951	8	Quốc lộ 20	Hết chợ Túc Trưng	Hết trường THPT Điểu Cải	Xã La Ngà	270	270	230	230
11952	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng đến Hết trường THPT Điểu Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11953	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng đến Hết trường THPT Điểu Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11954	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng đến Hết trường THPT Điểu Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11955	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng đến Hết trường THPT Điểu Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11956	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng đến Hết trường THPT Điều Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11957	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết chợ Túc Trưng đến Hết trường THPT Điều Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11958	15	Quốc lộ 20	Hết trường THPT Điều Cải	Ngã ba cây xăng	Xã La Ngà	270	270	230	230
11959	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điều Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11960	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điều Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11961	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điều Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11962	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điều Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11963	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điều Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11964	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết trường THPT Điều Cải đến Ngã ba cây xăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11965	22	Quốc lộ 20	Ngã ba cây xăng	Bến xe Phú Túc	Xã La Ngà	270	270	230	230
11966	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11967	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11968	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11969	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11970	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11971	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba cây xăng đến Bến xe Phú Túc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11972	29	Quốc lộ 20	Bến xe Phú Túc	Hết cây xăng Tín Nghĩa	Xã La Ngà	270	270	230	230
11973	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11974	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11975	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11976	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11977	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11978	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Bến xe Phú Túc đến Hết cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11979	36	Quốc lộ 20	Hết cây xăng Tín Nghĩa	Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn	Xã La Ngà	270	270	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11980	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11981	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11982	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11983	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11984	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11985	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết cây xăng Tín Nghĩa đến Hết trường tiểu học Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11986	43	Quốc lộ 20	Hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn	Giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m	Xã La Ngà	270	270	230	230
11987	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến Giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11988	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến Giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11989	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến Giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11990	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến Giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
11991	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến Giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11992	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường tiểu học Lê Quý Đôn đến Giáp cầu La Ngà trừ đoạn cách chợ La Ngà mỗi bên 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11993	50	Quốc lộ 20	Cách chợ La Ngà 200m	Qua chợ La Ngà 200m (đến hết bưu điện xã La Ngà)	Xã La Ngà	270	270	230	230
11994	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m đến Qua chợ La Ngà 200m (đến hết bưu điện xã La Ngà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11995	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m đến Qua chợ La Ngà 200m (đến hết bưu điện xã La Ngà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11996	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m đến Qua chợ La Ngà 200m (đến hết bưu điện xã La Ngà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
11997	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m đến Qua chợ La Ngà 200m (đến hết bưu điện xã La Ngà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	160	160	150	150
11998	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m đến Qua chợ La Ngà 200m (đến hết bưu điện xã La Ngà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	130	130	100	100
11999	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cách chợ La Ngà 200m đến Qua chợ La Ngà 200m (đến hết bưu điện xã La Ngà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	90	90	55	55
12000	57	Đường 4A	Quốc lộ 20 (cà phê Thu Hà)	Quốc lộ 20 (Thưa đất số 130 tơ ban đô số 119)	Xã La Ngà	230	230	200	200
12001	58	Đường 4A	Quốc lộ 20	Hết ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ)	Xã La Ngà	230	230	200	200
12002	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12003	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12004	61	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12005	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12006	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12007	64	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12008	65	Đường 2A	Quốc lộ 20 (cây xăng Tín Nghĩa)	Đấu nối với đường 4A	Xã La Ngà	230	230	200	200
12009	66	Đường 2A	Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ)	Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122	Xã La Ngà	230	230	200	200
12010	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12011	68	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12012	69	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12013	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12014	71	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12015	72	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2A đoạn từ Giáp ranh trạm y tế xã Túc Trưng (cũ) đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 121, Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 742, tờ BĐĐC số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12016	73	Đường 96	Trạm xăng dầu Đồng Nai	Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An	Xã La Ngà	230	230	200	200
12017	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12018	75	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12019	76	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12020	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12021	78	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12022	79	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 96 đoạn từ Trạm xăng dầu Đồng Nai đến Nhà văn hóa, khu thể thao ấp Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12023	80	Đường 101	Quốc lộ 20 theo hướng Bắc	Đường WB2	Xã La Ngà	250	250	220	220
12024	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	150	150	130	130
12025	82	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	120	120	90	90
12026	83	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	80	80	50	50
12027	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	150	150	130	130
12028	85	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	120	120	90	90
12029	86	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 theo hướng Bắc đến Đường WB2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	80	80	50	50
12030	87	Đường 101	Đường WB2	Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà	Xã La Ngà	250	250	220	220
12031	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	150	150	130	130
12032	89	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	120	120	90	90
12033	90	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	80	80	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12034	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	150	150	130	130
12035	92	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	120	120	90	90
12036	93	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Đường WB2 đến Ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 3 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	80	80	50	50
12037	94	Đường 101	Quốc lộ 20	Vào 1.000m	Xã La Ngà	250	250	220	220
12038	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào 1.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	150	150	130	130
12039	96	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào 1.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	120	120	90	90
12040	97	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào 1.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	80	80	50	50
12041	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào 1.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	150	150	130	130
12042	99	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào 1.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	120	120	90	90
12043	100	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Vào 1.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	80	80	50	50
12044	101	Đường 101	Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào)	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Xã La Ngà	250	250	220	220
12045	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	150	150	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12046	103	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	120	120	90	90
12047	104	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	80	80	50	50
12048	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	150	150	130	130
12049	106	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	120	120	90	90
12050	107	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Vào 1.000m (từ Quốc lộ 20 vào) đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	80	80	50	50
12051	108	Đường 101B	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà	Xã La Ngà	230	230	200	200
12052	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12053	110	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12054	111	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12055	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12056	113	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12057	114	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101B đoạn từ Trường THCS Trần Hưng Đạo đến Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12058	115	Đường WB2	Đường 101 đi ấp Vĩnh An	Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà	Xã La Ngà	230	230	200	200
12059	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12060	117	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12061	118	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12062	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12063	120	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12064	121	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường WB2 đoạn từ Đường 101 đi ấp Vĩnh An đến Ngã ba giáo xứ Vĩnh An, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12065	122	Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà	Xã La Ngà	230	230	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12066	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12067	124	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12068	125	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12069	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12070	127	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12071	128	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 19 về bên trái và hết ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 19 về bên phải, xã La Ngà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12072	129	Đường suối Dzui	Quốc lộ 20	Đường 101	Xã La Ngà	230	230	200	200
12073	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12074	131	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12075	132	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12076	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã La Ngà	140	140	110	110
12077	134	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã La Ngà	110	110	70	70
12078	135	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường suối Dzui đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã La Ngà	70	70	40	40
12079	1	Đường Trà Cổ	Giáp ranh phường Tân Phú	Cầu đập	Xã Phú Hòa	250	250	220	220
12080	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12081	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12082	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12083	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12084	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12085	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Cầu đập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12086	8	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Định Quán	Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa	Xã Phú Hòa	270	270	230	230
12087	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	160	160	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12088	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	130	130	100	100
12089	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	90	90	55	55
12090	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	160	160	150	150
12091	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	130	130	100	100
12092	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	90	90	55	55
12093	15	Quốc lộ 20	Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa	Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49	Xã Phú Hòa	270	270	230	230
12094	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	160	160	150	150
12095	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	130	130	100	100
12096	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	90	90	55	55
12097	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	160	160	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12098	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	130	130	100	100
12099	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa đến Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	90	90	55	55
12100	22	Quốc lộ 20	Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49	Ngã ba Km118	Xã Phú Hòa	270	270	230	230
12101	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	160	160	150	150
12102	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	130	130	100	100
12103	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	90	90	55	55
12104	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	160	160	150	150
12105	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	130	130	100	100
12106	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết thửa đất số 309, tờ bản đồ số 49 đến Ngã ba Km118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	90	90	55	55
12107	29	Quốc lộ 20	Ngã ba Km118	Giáp ranh phường Tân Phú	Xã Phú Hòa	270	270	230	230
12108	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	160	160	150	150
12109	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12110	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	90	90	55	55
12111	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	160	160	150	150
12112	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	130	130	100	100
12113	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã ba Km118 đến Giáp ranh phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	90	90	55	55
12114	36	Đường Ngã tư km+115	Quốc lộ 20	Hết ranh chợ Phú Lợi	Xã Phú Hòa	250	250	220	220
12115	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12116	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12117	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12118	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12119	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12120	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh chợ Phú Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12121	43	Đường Ngã tư km+115	Hết ranh chợ Phú Lợi	Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ)	Xã Phú Hòa	250	250	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12122	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12123	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12124	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12125	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12126	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12127	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Lợi đến Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12128	50	Đường Ngã tư km+115	Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ)	Giáp ranh xã Định Quán	Xã Phú Hòa	250	250	220	220
12129	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12130	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12131	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12132	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12133	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12134	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã tư km+115 đoạn từ Ngã tư đường liên xã Phú Lợi - thị trấn Định Quán (cũ) đến Giáp ranh xã Định Quán có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12135	57	Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán	Giáp ranh xã Định Quán	Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa	Xã Phú Hòa	230	230	200	200
12136	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	140	140	110	110
12137	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	110	110	70	70
12138	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	70	70	40	40
12139	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	140	140	110	110
12140	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	110	110	70	70
12141	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Phú Lợi - xã Định Quán đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	70	70	40	40
12142	64	Đường Phú Lợi - Phú Hòa	Quốc lộ 20	Đường Phú Lợi - Gia Canh	Xã Phú Hòa	250	250	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12143	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12144	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12145	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12146	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12147	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12148	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Lợi - Gia Canh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12149	71	Đường Phú Lợi - Phú Hòa	Đường Phú Lợi - Gia Canh	Hết UBND xã Phú Hòa	Xã Phú Hòa	250	250	220	220
12150	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12151	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12152	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12153	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12154	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12155	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Đường Phú Lợi - Gia Canh đến Hết UBND xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12156	78	Đường Phú Lợi - Phú Hòa	Hết UBND xã Phú Hòa	Hết cây xăng Phú Hòa	Xã Phú Hòa	250	250	220	220
12157	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12158	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12159	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12160	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12161	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12162	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi - Phú Hòa đoạn từ Hết UBND xã Phú Hòa đến Hết cây xăng Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12163	85	Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa	Giáp ranh xã Định Quán	Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa	Xã Phú Hòa	250	250	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12164	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12165	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12166	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12167	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12168	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12169	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Định Quán - Phú Hòa đoạn từ Giáp ranh xã Định Quán đến Đường ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12170	92	Đường ĐT 774B	Đường Trà Cổ	hết ranh xã Phú Hòa	Xã Phú Hòa	250	250	220	220
12171	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130
12172	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12173	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12174	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	150	150	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12175	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	120	120	90	90
12176	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 774B đoạn từ Đường Trà Cổ đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	80	80	50	50
12177	99	Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2	Đường Phú Lợi - Phú Hòa	hết đường nhựa	Xã Phú Hòa	230	230	200	200
12178	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	140	140	110	110
12179	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	110	110	70	70
12180	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	70	70	40	40
12181	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	140	140	110	110
12182	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	110	110	70	70
12183	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh – nhánh 2 đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	70	70	40	40
12184	106	Đường 120 đi Gia Canh	Đường Phú Lợi - Phú Hòa	hết ranh xã Phú Hòa	Xã Phú Hòa	230	230	200	200
12185	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	140	140	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12186	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	110	110	70	70
12187	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	70	70	40	40
12188	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Hòa	140	140	110	110
12189	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Hòa	110	110	70	70
12190	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 120 đi Gia Canh đoạn từ Đường Phú Lợi - Phú Hòa đến hết ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Hòa	70	70	40	40
12191	1	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba Bến phà	Ngã ba Lô Năm	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12192	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12193	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12194	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12195	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12196	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12197	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Bến phà đến Ngã ba Lô Năm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12198	8	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba Lô Năm	Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m)	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12199	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12200	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12201	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12202	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12203	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12204	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Lô Năm đến Ngã ba đường mới (đến Trường Mầm non Hướng Dương+60m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12205	15	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba đường mới	Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12206	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12207	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12208	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12209	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12210	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12211	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 52, xã Thanh Sơn; Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 124, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12212	22	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba đường mới	Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa)	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12213	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12214	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12215	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12216	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12217	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12218	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba đường mới đến Trường Tiểu học Liên Sơn (chỉ áp dụng đối với đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12219	29	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba bến phà	Cầu Thiết Kế	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12220	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12221	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12222	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12223	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12224	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12225	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba bến phà đến Cầu Thiết Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12226	36	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà)	Cầu Thiết Kế	Ngã ba Cây Sao	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12227	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12228	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12229	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12230	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12231	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12232	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Cầu Thiết Kế đến Ngã ba Cây Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12233	43	Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà)	Ngã ba Cây Sao	Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12234	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12235	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12236	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12237	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12238	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12239	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Sơn (Phía rẽ trái từ ngã ba Bến phà) đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 về bên trái và đến hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 146 về bên phải, xã Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12240	50	Đường tỉnh lộ 776	Thửa 21 tờ 46	Hết ranh thửa 44 tờ 120	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12241	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12242	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12243	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12244	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12245	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12246	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh lộ 776 đoạn từ Thửa 21 tờ 46 đến Hết ranh thửa 44 tờ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12247	57	Đường liên ấp (2-3)	Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202)	Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255)	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12248	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (2-3) đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12249	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (2-3) đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12250	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (2-3) đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12251	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (2-3) đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12252	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (2-3) đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12253	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (2-3) đoạn từ Ngã ba Lô 5 (Tờ 83 thửa 202) đến Ngã tư Sở (Tờ 38 thưa 255) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12254	64	Đường liên ấp (6-8)	Thửa 4 tờ 33	Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên)	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12255	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12256	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12257	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12258	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12259	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12260	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (6-8) đoạn từ Thửa 4 tờ 33 đến Trường Liên Sơn (bê tông ấp 2 cánh đồng lúa Bàu Kiên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12261	71	Đường vào Suối Lá	Ngã ba Cây Sao	Hết ranh thửa 7 tờ 161	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12262	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12263	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12264	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12265	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12266	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12267	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Suối Lá đoạn từ Ngã ba Cây Sao đến Hết ranh thửa 7 tờ 161 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12268	78	Đường Lò Gạch - Suối Dưng	Tờ 53 thửa 65	Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12269	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12270	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12271	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12272	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12273	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12274	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Gạch - Suối Dưng đoạn từ Tờ 53 thửa 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12275	85	Đường cầu vào trung tâm hành chính	Cầu Thanh Sơn	Hết tờ 93 thửa 15	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12276	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12277	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12278	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12279	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12280	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12281	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu vào trung tâm hành chính đoạn từ Cầu Thanh Sơn đến Hết tờ 93 thửa 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12282	92	Đường trục xã Thanh Sơn	Từ thửa 199 tờ 12	Hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài)	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12283	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến Hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12284	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến Hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12285	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến Hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12286	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến Hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12287	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến Hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12288	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã Thanh Sơn đoạn từ Từ thửa 199 tờ 12 đến Hết thửa 13 tờ 108 (đi - Tà Lài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12289	99	Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3	Giáp đường tỉnh lộ 766	Hết thửa 32 tờ 48	Xã Thanh Sơn	130	130	120	120
12290	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12291	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12292	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12293	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thanh Sơn	80	80	80	80
12294	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thanh Sơn	60	60	60	60
12295	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu Tái định cư Làng cá bè ấp 3 đoạn từ Giáp đường tỉnh lộ 766 đến Hết thửa 32 tờ 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thanh Sơn	40	40	40	40
12296	1	Đường Tà Lài	Quốc lộ 20	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12297	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12298	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12299	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12300	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12301	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12302	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12303	8	Đường Tà Lài	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12304	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12305	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12306	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12307	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12308	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12309	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12310	15	Đường Tà Lài	Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú	Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12311	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12312	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12313	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12314	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12315	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12316	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đến Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12317	22	Đường Tà Lài	Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng	Giáp ranh xã Tà Lài	Phường Tân Phú	230	230	180	180
12318	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12319	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12320	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12321	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12322	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12323	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Hết trường tiểu học Phạm Văn Đồng đến Giáp ranh xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12324	29	Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài			Phường Tân Phú	220	220	170	170
12325	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12326	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12327	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12328	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12329	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12330	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12331	36	Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ	Ngã ba	Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12332	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12333	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12334	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12335	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12336	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12337	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ Phú Lộc đi xã Phú Tân huyện Định Quán cũ đoạn từ Ngã ba đến Bến đò Phú Tân đến giáp ranh xã Phú Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12338	43	Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân			Phường Tân Phú	220	220	170	170
12339	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12340	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12341	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12342	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12343	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12344	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đoạn giao từ đường Tà Lài đến Ngã ba đi bến đò Phú Tân đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12345	50	Đường Phú Lộc - Phú Xuân	Đường Tà Lài	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Phường Tân Phú	230	230	180	180
12346	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12347	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12348	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12349	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12350	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12351	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lộc - Phú Xuân đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12352	57	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Đường Phú Lộc - Phú Xuân	Ngã ba đi xã Phú Lâm	Phường Tân Phú	230	230	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12353	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12354	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12355	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12356	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12357	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12358	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Ngã ba đi xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12359	64	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Đường Phú Lộc - Phú Xuân	Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái	Phường Tân Phú	230	230	180	180
12360	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12361	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12362	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12363	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12364	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12365	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 103 về bên phải và hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 103 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12366	71	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Đường Phú Lộc - Phú Xuân	Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 112 về bên trái	Phường Tân Phú	230	230	180	180
12367	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 112 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12368	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 112 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12369	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 112 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12370	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 112 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12371	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 112 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12372	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Đường Phú Lộc - Phú Xuân đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 69, tờ BĐĐC số 112 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12373	78	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	Đường chợ Ngọc Lâm	Giáp ranh xã Phú Lâm	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12374	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Đường chợ Ngọc Lâm đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12375	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Đường chợ Ngọc Lâm đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12376	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Đường chợ Ngọc Lâm đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12377	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Đường chợ Ngọc Lâm đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12378	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Đường chợ Ngọc Lâm đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12379	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Đường chợ Ngọc Lâm đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12380	85	Đường Chợ Ngọc Lâm	Quốc lộ 20	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12381	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12382	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12383	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12384	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12385	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12386	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chợ Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Phú Xuân - Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12387	92	Đường số 1 Ngọc Lâm	Quốc lộ 20	Đường chợ Ngọc Lâm	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12388	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12389	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12390	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12391	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12392	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12393	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường chợ Ngọc Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12394	99	Đường Thọ Lâm 3	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12395	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12396	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12397	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12398	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12399	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12400	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Lâm 3 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 178 về bên phải và hết ranh thửa đất số 204, tờ BĐĐC số 178 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12401	106	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa	Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12402	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12403	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12404	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12405	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12406	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12407	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Vinh và xã Phú Hòa đến Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12408	113	Quốc lộ 20	Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2	Hết cây xăng (thuộc khu 2)	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12409	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12410	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12411	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12412	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12413	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12414	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hết Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định cơ sở 2 đến Hết cây xăng (thuộc khu 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12415	120	Quốc lộ 20	Cây xăng (thuộc khu 2)	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12416	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12417	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12418	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12419	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12420	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12421	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Cây xăng (thuộc khu 2) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12422	127	Quốc lộ 20	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tà Lài	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12423	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12424	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12425	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12426	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12427	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12428	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12429	134	Quốc lộ 20	Đường Tà Lài	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12430	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12431	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12432	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12433	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12434	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12435	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12436	141	Quốc lộ 20	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đầu cây xăng Đoan Dung	Phường Tân Phú	570	570	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12437	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12438	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12439	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12440	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12441	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12442	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đầu cây xăng Đoan Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12443	148	Quốc lộ 20	Đầu cây xăng Đoan Dung	Đường Phú Thanh - Trà Cổ	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12444	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12445	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12446	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12447	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12448	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12449	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đầu cây xăng Đoan Dung đến Đường Phú Thanh - Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12450	155	Quốc lộ 20	Đường Phú Thanh - Trà Cổ	Đường Cầu Suối	Phường Tân Phú	270	270	200	200
12451	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	160	160	130	130
12452	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12453	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	70	70	60	60
12454	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	160	160	130	130
12455	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12456	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thanh - Trà Cổ đến Đường Cầu Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	70	70	60	60
12457	162	Quốc lộ 20	Đường Cầu Suối	Giáp ranh xã Phú Lâm	Phường Tân Phú	270	270	200	200
12458	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	160	160	130	130
12459	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12460	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	70	70	60	60
12461	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	160	160	130	130
12462	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12463	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Cầu Suối đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	70	70	60	60
12464	169	Đường Trà Cổ	Quốc lộ 20	Đường vào chợ Trà Cổ	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12465	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12466	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12467	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12468	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12469	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12470	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường vào chợ Trà Cổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12471	176	Đường Trà Cổ	Đường vào chợ Trà Cổ	Giáp ranh xã Trà Cổ cũ	Phường Tân Phú	570	570	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12472	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12473	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12474	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12475	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12476	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12477	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường vào chợ Trà Cổ đến Giáp ranh xã Trà Cổ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12478	183	Đường Trà Cổ	Giáp ranh xã Trà Cổ cũ	Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ)	Phường Tân Phú	230	230	180	180
12479	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12480	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12481	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12482	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12483	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12484	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Giáp ranh xã Trà Cổ cũ đến Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12485	190	Đường Trà Cổ	Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ)	Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ)	Phường Tân Phú	230	230	180	180
12486	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12487	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12488	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12489	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12490	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12491	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường số 1 (ấp 2-4B xã Trà Cổ cũ) đến Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12492	197	Đường Trà Cổ	Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ)	Giáp ranh xã Phú Hòa	Phường Tân Phú	230	230	180	180
12493	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12494	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12495	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12496	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12497	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12498	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trà Cổ đoạn từ Đường ấp 5-6 (xã Trà Cổ cũ) đến Giáp ranh xã Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12499	204	Đường Trương Công Định	Quốc lộ 20	Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12500	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12501	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12502	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12503	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12504	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12505	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thị trấn Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12506	211	Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142	Đường Trương Công Định	Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (phường Tân Phú)	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12507	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12508	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12509	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12510	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12511	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12512	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Đường Trương Công Định đến Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 140 (phường Tân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12513	218	Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142	Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 142 phường Tân Phú	Hết ranh thửa đất số 394, tờ bản đồ số 140	Phường Tân Phú	220	220	170	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12514	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 142 phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394, tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12515	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 142 phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394, tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12516	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 142 phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394, tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12517	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 142 phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394, tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12518	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 142 phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394, tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12519	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Trương Công Định đến hết ranh thửa đất số 394, tờ BĐĐC số 142 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 450, tờ BĐĐC số 142 phường Tân Phú đến Hết ranh thửa đất số 394, tờ bản đồ số 140 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12520	225	Đường Lê Quý Đôn	Quốc lộ 20	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12521	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12522	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12523	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12524	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12525	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12526	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 35; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12527	232	Đường Phú Thanh - Trà Cổ	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12528	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12529	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12530	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12531	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12532	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12533	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thanh - Trà Cổ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 27 tờ BĐĐC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 142 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12534	239	Đường số 7 Ngọc Lâm	Quốc lộ 20	Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 phường Tân Phú	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12535	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12536	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12537	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12538	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12539	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12540	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 164 phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12541	246	Đường Km 128	Quốc lộ 20	Giáo họ Vinh Lâm (đến thửa đất số 36, tờ bản đồ số 147)	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12542	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (đến thửa đất số 36, tờ bản đồ số 147) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12543	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (đến thửa đất số 36, tờ bản đồ số 147) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12544	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (đến thửa đất số 36, tờ bản đồ số 147) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12545	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (đến thửa đất số 36, tờ bản đồ số 147) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12546	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (đến thửa đất số 36, tờ bản đồ số 147) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12547	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 128 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáo họ Vinh Lâm (đến thửa đất số 36, tờ bản đồ số 147) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12548	253	Đường số 5 Ngọc Lâm	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái phường Tân Phú	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12549	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12550	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12551	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12552	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12553	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12554	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 200 tờ BĐĐC số 166 về bên phải và hết ranh thửa đất số 348, tờ BĐĐC số 166 về bên trái phường Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12555	260	Đường 129	Quốc lộ 20	Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ	Phường Tân Phú	230	230	180	180
12556	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12557	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12558	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12559	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12560	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12561	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12562	267	Đường 129	Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ	Đường Giang Điền	Phường Tân Phú	230	230	180	180
12563	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12564	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12565	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12566	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	150	150	110	110
12567	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	110	110	90	90
12568	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 129 đoạn từ Đường rẽ vào tượng đài Đức Mẹ đến Đường Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	60	60	55	55
12569	274	Đường Giang Điền	Đường 129	Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12570	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12571	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12572	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12573	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12574	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12575	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Giang Điền đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 198 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 100, tờ BĐĐC số 198 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12576	281	Đường Suối Cọp	Đường 129	Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12577	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12578	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12579	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12580	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12581	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12582	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Cọp đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 184 tờ BĐĐC số 186 về bên phải và đến hết ranh thửa đất số 137, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12583	288	Đường Bàu Rừng	Đường 129	Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12584	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12585	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12586	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12587	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12588	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12589	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Rừng đoạn từ Đường 129 đến Hết ranh thửa đất số 237 tờ BĐĐC số 181 về bên phải và hết ranh thửa đất số 207, tờ BĐĐC số 181 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12590	295	Đường số 2 Ngọc Lâm	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12591	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12592	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12593	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12594	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12595	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12596	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Ngọc Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 125 tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 519, tờ BĐĐC số 168 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12597	302	Đường Km 130	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12598	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12599	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12600	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12601	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12602	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12603	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 130 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 62 tờ BĐĐC số 177 về bên phải và hết ranh thửa đất số 19, tờ BĐĐC số 177 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12604	309	Đường Cắt Kiếng	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12605	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12606	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12607	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12608	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12609	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12610	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cắt Kiếng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 116 tờ BĐĐC số 161 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 161 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12611	316	Đường Cầu Suối	Quốc lộ 20	Đường số 3 ấp Thọ Lâm	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12612	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12613	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12614	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12615	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12616	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12617	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Suối đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường số 3 ấp Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12618	323	Đường Đồng Dâu	Quốc lộ 20	Hết nghĩa trang	Phường Tân Phú	220	220	170	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12619	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12620	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12621	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12622	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12623	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12624	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết nghĩa trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12625	330	Đường Đồng Dâu	Nghĩa trang	Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12626	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12627	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12628	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12629	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12630	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12631	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Dâu đoạn từ Nghĩa trang đến Hết ranh thửa đất số 29 tờ BĐĐC số 179 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 179 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12632	337	Đường số 3 Thọ Lâm	Đường Đồng Dâu	Đường Km 130	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12633	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12634	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12635	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12636	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12637	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12638	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Thọ Lâm đoạn từ Đường Đồng Dâu đến Đường Km 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12639	344	Đường số 1 Thọ Lâm	Quốc lộ 20	Ranh nhà thờ Thọ Lâm	Phường Tân Phú	220	220	170	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12640	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12641	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12642	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12643	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12644	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12645	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Thọ Lâm đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ranh nhà thờ Thọ Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12646	351	Đường Thanh Thọ	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Phú Lâm	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12647	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12648	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12649	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12650	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12651	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12652	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Thọ đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12653	358	Đường Lương Thế Vinh			Phường Tân Phú	570	570	430	430
12654	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12655	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12656	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12657	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12658	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12659	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12660	365	Đường Nguyễn Đình Chiểu			Phường Tân Phú	570	570	430	430
12661	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12662	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12663	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12664	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12665	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12666	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12667	372	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông)	Giáp Trường THCS Quang Trung	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12668	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông) đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12669	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông) đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12670	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông) đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12671	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông) đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12672	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông) đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12673	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Bên phải, từ ranh giới thửa đất số 381 tờ BĐĐC số 124; Bên trái, từ ranh giới thửa đất số 382 tờ BĐĐC số 124 (từ đường bê tông) đến Giáp Trường THCS Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12674	379	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Giáp Trường THCS Quang Trung	Hết ranh Trường Dân tộc nội trú	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12675	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12676	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12677	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12678	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12679	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12680	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp Trường THCS Quang Trung đến Hết ranh Trường Dân tộc nội trú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12681	386	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh Trường Dân tộc nội trú	Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12682	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12683	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12684	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12685	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12686	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12687	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Hết ranh Trường Dân tộc nội trú đến Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12688	393	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng	Đường Tà Lài	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12689	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12690	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12691	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12692	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12693	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12694	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Định mở rộng đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12695	400	Đường Nguyễn Tất Thành	Bệnh viện Đa khoa Tân Phú	Ngã tư Tà Lài	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12696	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12697	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12698	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12699	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12700	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12701	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Bệnh viện Đa khoa Tân Phú đến Ngã tư Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12702	407	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư Tà Lài	Bến xe Tân Phú	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12703	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12704	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12705	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12706	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12707	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12708	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư Tà Lài đến Bến xe Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12709	414	Đường Nguyễn Thị Định	Quốc lộ 20	Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu)	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12710	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12711	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12712	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12713	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12714	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12715	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12716	421	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu)	Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài)	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12717	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12718	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12719	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12720	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12721	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12722	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã tư Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội phường Tân Phú (đoạn ban đầu) đến Giáp KCN Tân Phú (đoạn nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12723	428	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Quốc lộ 20	Đường Hùng Vương	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12724	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12725	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12726	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12727	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12728	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12729	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12730	435	Đường Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 20	Chợ huyện Tân Phú	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12731	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12732	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12733	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12734	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12735	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12736	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Quốc lộ 20 đến Chợ huyện Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12737	442	Đường Nguyễn Văn Linh	Chợ huyện Tân Phú	Đường Tà Lài	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12738	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12739	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12740	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12741	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12742	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12743	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Chợ huyện Tân Phú đến Đường Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12744	449	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12745	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12746	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12747	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12748	453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12749	454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12750	455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12751	456	Đường Phạm Ngọc Thạch	Quốc lộ 20	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12752	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12753	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12754	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12755	460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12756	461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12757	462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Quốc lộ 20 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 83 tờ BĐĐC số 2; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12758	463	Đường Trịnh Hoài Đức	Quốc lộ 20	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12759	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12760	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12761	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12762	467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12763	468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12764	469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 20 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12765	470	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Tân Phú	570	570	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12766	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12767	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12768	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12769	474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12770	475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12771	476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12772	477	Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú	Đường Tà Lài	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12773	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12774	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12775	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12776	481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12777	482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12778	483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Phú đoạn từ Đường Tà Lài đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 118 tờ BĐĐC số 3; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 119, tờ BĐĐC số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12779	484	Đường Chu Văn An			Phường Tân Phú	570	570	430	430
12780	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12781	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12782	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12783	488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12784	489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12785	490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ 0 đến 0 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12786	491	Đường Hùng Vương	Điểm đầu tờ 45 thửa 349	Tà Lài	Phường Tân Phú	570	570	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12787	492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Điểm đầu tờ 45 thửa 349 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12788	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Điểm đầu tờ 45 thửa 349 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12789	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Điểm đầu tờ 45 thửa 349 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12790	495	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Điểm đầu tờ 45 thửa 349 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12791	496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Điểm đầu tờ 45 thửa 349 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12792	497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Điểm đầu tờ 45 thửa 349 đến Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12793	498	Đường Hùng Vương	Tà Lài	Nguyễn Du	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12794	499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12795	500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12796	501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12797	502	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12798	503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12799	504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Tà Lài đến Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12800	505	Đường Hùng Vương	Nguyễn Du	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12801	506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12802	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12803	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12804	509	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12805	510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12806	511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Nguyễn Du đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12807	512	Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Nguyễn Du	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12808	513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12809	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12810	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12811	516	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12812	517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12813	518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12814	519	Nguyễn Văn Cừ	Quốc lộ 20	đường Nguyễn Tri Phương	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12815	520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12816	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12817	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12818	523	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12819	524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12820	525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12821	526	Nguyễn Văn Cừ	Quốc lộ 20	hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31	Phường Tân Phú	570	570	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12822	527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12823	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12824	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12825	530	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12826	531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12827	532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12828	533	Nguyễn Chí Thanh	Quốc lộ 20	đường Lê Đại Hành	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12829	534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12830	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12831	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12832	537	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12833	538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12834	539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12835	540	Nguyễn Du	Quốc lộ 20	đường Nguyễn Tất Thành	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12836	541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12837	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12838	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12839	544	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12840	545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12841	546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12842	547	Nguyễn Du	Đường Nguyễn Tất Thành	Đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3)	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12843	548	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12844	549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12845	550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12846	551	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12847	552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12848	553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến hết đường Nguyễn Du (thửa đất số 808 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12849	554	Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ	đường Trà Cổ	thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12850	555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12851	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12852	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12853	558	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	130	130	100	100
12854	559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	90	90	80	80
12855	560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5-ấp 6 xã Trà Cổ Cũ đoạn từ đường Trà Cổ đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	55	55	50	50
12856	561	Đường vào Khu du lịch Suối Mơ	đường Trà Cổ	cổng Khu du lịch Suối Mơ	Phường Tân Phú	220	220	170	170
12857	562	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Tân Phú	570	570	430	430

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12858	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12859	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12860	565	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12861	566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12862	567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12863	568	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12864		Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường Lê Đại Hành	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12871		Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12878		Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Tân Phú	570	570	430	430
12879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Phú	380	380	300	300
12883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Phú	300	300	220	220
12884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Phú	220	220	160	160
12885	1	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ)	Đường ấp 2-4	Xã Tà Lài	200	200	170	170
12886	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12887	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12888	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12889	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12890	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12891	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba Phú lập đi xã Núi Tượng (cũ) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12892	8	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Đường ấp 2-4	Giáp ranh xã Nam Cát Tiên	Xã Tà Lài	200	200	170	170
12893	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12894	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12895	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12896	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12897	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12898	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Giáp ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12899	15	Đường ấp 2-4	Đường Tà Lài	Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên	Xã Tà Lài	180	180	150	150
12900	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12901	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12902	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12903	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12904	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12905	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2-4 đoạn từ Đường Tà Lài đến Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12906	22	Đường Tà Lài	Giáp ranh phường Tân Phú	Ngã ba chùa Bửu Tân	Xã Tà Lài	200	200	170	170
12907	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12908	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12909	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12910	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12911	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12912	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã ba chùa Bửu Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12913	29	Đường Tà Lài	Ngã ba chùa Bửu Tân	Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2)	Xã Tà Lài	200	200	170	170
12914	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12915	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12916	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12917	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12918	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12919	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Ngã ba chùa Bửu Tân đến Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12920	36	Đường Tà Lài	Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2)	Đường ấp 2-4	Xã Tà Lài	200	200	170	170
12921	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12922	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12923	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12924	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12925	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12926	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường Km12 (cổng văn hóa ấp 2) đến Đường ấp 2-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12927	43	Đường Tà Lài	Đường ấp 2-4	Đường ấp 3-4	Xã Tà Lài	200	200	170	170
12928	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12929	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12930	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12931	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12932	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12933	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 2-4 đến Đường ấp 3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12934	50	Đường Tà Lài	Đường ấp 3-4	Đường chuyên dùng	Xã Tà Lài	200	200	170	170
12935	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12936	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12937	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12938	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12939	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	70	70
12940	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lài đoạn từ Đường ấp 3-4 đến Đường chuyên dùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12941	57	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng	Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới)	Xã Tà Lài	180	180	150	150
12942	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12943	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12944	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12945	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12946	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12947	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Núi Tượng đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Ngã ba xã Phú Lộc (phường Tân Phú mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12948	64	Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên	Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng	Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài	Xã Tà Lài	180	180	150	150
12949	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12950	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12951	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12952	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12953	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12954	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên đoạn từ Ngã ba trường Trung học cơ sở Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 1366, tờ BĐĐC số 31 về bên trái và hết ranh thửa đất số 924, tờ BĐĐC số 31 về bên phải, xã Tà Lài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12955	71	Đường vào đập Vàm Hô	Đường chuyên dùng	Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49	Xã Tà Lài	180	180	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12956	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12957	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12958	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12959	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12960	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12961	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Vàm Hô đoạn từ Đường chuyên dùng đến Hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12962	78	Đường chuyên dùng	Đường vào đập Vàm Hô	Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54	Xã Tà Lài	180	180	150	150
12963	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12964	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12965	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12966	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12967	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12968	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Vàm Hô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12969	85	Đường chuyên dùng	Đường vào đập Hàm Vô	Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54	Xã Tà Lài	180	180	150	150
12970	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Hàm Vô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12971	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Hàm Vô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12972	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Hàm Vô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12973	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Hàm Vô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12974	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Hàm Vô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12975	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng đoạn từ Đường vào đập Hàm Vô đến Hết ranh thửa đất số 478, tờ BĐĐC số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12976	92	Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7)	Đường Phú Xuân - Núi Tượng	Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải)	Xã Tà Lài	180	180	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12977	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12978	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12979	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12980	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12981	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12982	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đoạn từ Đường Phú Xuân - Núi Tượng đến Hết ranh thửa đất số 459, tờ BĐĐC số 33 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12983	99	Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7)	Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7)	Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải)	Xã Tà Lài	180	180	150	150
12984	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12985	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12986	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12987	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	110	110	90	90
12988	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	80	80	65	65
12989	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (ấp Phú Lập 6 - Phú Lập 7) đoạn từ Ngã ba đường Đường ấp 2 (ấp Phú Lập 7) đến Hết ranh thửa đất số 488, tờ BĐĐC số 31 (bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	50	50	40	40
12990	BS	Đường Năm Rưỡi	Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài	Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái	Xã Tà Lài	220	220	170	170
12991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	80	80
12993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
12994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tà Lài	130	130	100	100
12995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tà Lài	90	90	80	80
12996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Năm Rưỡi đoạn từ Từ Ngã ba đi bến đồ Phú Tân đến ngã ba giáp ranh xã Tà Lài đến Hết ranh thửa đất số 140, tờ BĐĐC số 108 về bên phải và hết ranh thửa đất số 182, tờ BĐĐC số 108 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tà Lài	55	55	50	50
12997	1	Đường 600A	Quốc lộ 20	Hết ranh Ban Quản lý rừng	Xã Nam Cát Tiên	200	200	170	170
12998	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
12999	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13000	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13001	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13002	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13003	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh Ban Quản lý rừng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13004	8	Đường 600A	Hết ranh Ban Quản lý rừng	Hết cầu số 5	Xã Nam Cát Tiên	200	200	170	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13005	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13006	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13007	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13008	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13009	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13010	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết ranh Ban Quản lý rừng đến Hết cầu số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13011	15	Đường 600A	Hết cầu số 5	Ngã ba đường ấp 2	Xã Nam Cát Tiên	200	200	170	170
13012	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13013	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13014	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13015	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13016	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13017	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Hết cầu số 5 đến Ngã ba đường ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13018	22	Đường 600A	Ngã ba đường ấp 2	Sông Đồng Nai	Xã Nam Cát Tiên	200	200	170	170
13019	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13020	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13021	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13022	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13023	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13024	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600A đoạn từ Ngã ba đường ấp 2 đến Sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13025	29	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Ranh xã Tà Lài	Hết chợ Núi Tượng	Xã Nam Cát Tiên	200	200	170	170
13026	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13027	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13028	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13029	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13030	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13031	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến Hết chợ Núi Tượng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13032	36	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Hết chợ Núi Tượng	Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67	Xã Nam Cát Tiên	200	200	170	170
13033	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13034	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13035	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13036	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13037	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13038	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết chợ Núi Tượng đến Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13039	43	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67	Cầu số 1	Xã Nam Cát Tiên	200	200	170	170
13040	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13041	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13042	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13043	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13044	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13045	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Bên trái hết thửa 234 tờ 67, bên phải thửa 214 tờ 67 đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13046	50	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Cầu số 1	Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái	Xã Nam Cát Tiên	200	200	170	170
13047	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13048	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13049	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13050	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13051	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13052	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Cầu số 1 đến Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13053	57	Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên	Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái	Đường 600A	Xã Nam Cát Tiên	200	200	170	170
13054	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13055	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13056	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13057	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13058	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	90	90	70	70
13059	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Hết ranh thửa đất số 490, tờ BĐĐC số 6 về bên phải; hết ranh thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 6 về bên trái đến Đường 600A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	55	55	50	50
13060	64	Đường 6A- 6B	Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên	Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng)	Xã Nam Cát Tiên	180	180	150	150
13061	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	110	110	90	90
13062	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	80	80	65	65
13063	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	50	50	40	40
13064	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	110	110	90	90
13065	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	80	80	65	65
13066	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6A- 6B đoạn từ Đường Phú Lập đi Nam Cát Tiên đến Ngã ba (Trường THCS Núi Tượng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	50	50	40	40
13067	71	Đường 600B	Đường 600A	Hết ranh xã Nam Cát Tiên	Xã Nam Cát Tiên	180	180	150	150

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13068	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	110	110	90	90
13069	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	80	80	65	65
13070	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	50	50	40	40
13071	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	110	110	90	90
13072	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	80	80	65	65
13073	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 600B đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	50	50	40	40
13074	78	Đường nhà thờ Kim Lân	Đường 600A	Hết ranh xã Nam Cát Tiên	Xã Nam Cát Tiên	180	180	150	150
13075	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	110	110	90	90
13076	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	80	80	65	65
13077	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	50	50	40	40
13078	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	110	110	90	90

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13079	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	80	80	65	65
13080	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường 600A đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	50	50	40	40
13081	85	Quốc lộ 20	Giáp ranh xã Phú Lâm	Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	Xã Nam Cát Tiên	370	370	300	300
13082	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	160	160	130	130
13083	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13084	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	70	70	60	60
13085	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nam Cát Tiên	160	160	130	130
13086	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nam Cát Tiên	130	130	100	100
13087	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Lâm đến Hết ranh xã Nam Cát Tiên giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nam Cát Tiên	70	70	60	60
13088	1	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	Giáp ranh phường Tân Phú	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13089	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13090	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13091	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13092	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13093	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13094	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Xuân - Thanh Sơn đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Đường Phú Lâm - Thanh Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13095	8	Đường nhà thờ Kim Lân	Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên	Quốc lộ 20	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13096	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13097	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13098	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13099	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13100	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13101	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà thờ Kim Lân đoạn từ Đường nhà thờ Kim Lân từ ranh xã Nam Cát Tiên đến Quốc lộ 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13102	15	Quốc lộ 20	Giáp ranh phường Tân Phú	Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm	Xã Phú Lâm	370	370	300	300
13103	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13104	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13105	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13106	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13107	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13108	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Phú đến Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13109	22	Quốc lộ 20	Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm	Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm)	Xã Phú Lâm	370	370	300	300
13110	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13111	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13112	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13113	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13114	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13115	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Xoài xã Phú Lâm đến Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13116	29	Quốc lộ 20	Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm)	Hẻm SONY (xã Phú Lâm)	Xã Phú Lâm	370	370	300	300
13117	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13118	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13119	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13120	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13121	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13122	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm) đến Hẻm SONY (xã Phú Lâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13123	36	Quốc lộ 20	Hẻm SONY (xã Phú Lâm)	Đường Phú Yên	Xã Phú Lâm	370	370	300	300
13124	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13125	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13126	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13127	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13128	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13129	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Hẻm SONY (xã Phú Lâm) đến Đường Phú Yên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13130	43	Quốc lộ 20	Đường Phú Yên	Đường Phú Thắng 2	Xã Phú Lâm	370	370	300	300
13131	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13132	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13133	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13134	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13135	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13136	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Yên đến Đường Phú Thắng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13137	50	Quốc lộ 20	Đường Phú Thắng 2	Đường Km 138	Xã Phú Lâm	370	370	300	300
13138	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13139	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13140	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13141	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13142	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13143	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Phú Thắng 2 đến Đường Km 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13144	57	Quốc lộ 20	Đường Km 138	Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	Xã Phú Lâm	370	370	300	300
13145	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13146	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13147	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13148	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	160	160	130	130
13149	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13150	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 20 đoạn từ Đường Km 138 đến Hết ranh xã Phú Lâm (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	70	70	60	60
13151	64	Đường Km 138	Quốc lộ 20	Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13152	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13153	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13154	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13155	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13156	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13157	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Km 138 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13158	71	Đường Phú Lợi	Quốc lộ 20	Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13159	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13160	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13161	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13162	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13163	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13164	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lợi đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13165	78	Đường Phú Thắng 2	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13166	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13167	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13168	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13169	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13170	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13171	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 275 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13172	85	Đường Phú Thắng 1	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13173	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13174	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13175	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13176	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13177	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13178	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Thắng 1 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 87 tờ BĐĐC số 92 về bên phải và hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13179	92	Đường Phú Yên	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13180	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13181	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13182	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13183	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13184	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13185	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Yên đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 107 tờ BĐĐC số 94 về bên phải và hết ranh thửa đất số 326, tờ BĐĐC số 92 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13186	99	Đường 30 tháng 4	Quốc lộ 20	Km 0+500	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13187	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13188	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13189	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13190	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13191	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13192	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13193	106	Đường 30 tháng 4	Km 0+500	Km 0+2000	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13194	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13195	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13196	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13197	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13198	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13199	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+2000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13200	113	Đường 30 tháng 4	Km 0+2000	Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13201	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13202	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13203	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13204	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13205	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13206	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Km 0+2000 đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13207	120	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Quốc lộ 20	Giao đường ấp Phú Dũng	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13208	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13209	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13210	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13211	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13212	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13213	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Quốc lộ 20 đến Giao đường ấp Phú Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13214	127	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Giáp đường ấp Phú Dũng	Giáp đường đi khu Lá ủ	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13215	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13216	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13217	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13218	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13219	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13220	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Giáp đường ấp Phú Dũng đến Giáp đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13221	134	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải	Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm	Xã Phú Lâm	270	270	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13222	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13223	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13224	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13225	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13226	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13227	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Phú Bình đoạn từ Đường đi khu Lá ủ đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 27 về bên phải đến Hết ranh thửa đất số 303, tờ BĐĐC số 28 về bên trái, xã Phú Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13228	141	Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ	Đường 30 tháng 4	Đường đi khu Lá ủ	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13229	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13230	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13231	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13232	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13233	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13234	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường đi khu Lá ủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13235	148	Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ	Giáp đường đi khu Lá ủ	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13236	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13237	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13238	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13239	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13240	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13241	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quán Hiến vào khu Lá ủ đoạn từ Giáp đường đi khu Lá ủ đến Đường Phú Lâm - Phú Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13242	155	Đường Phù Đổng	Quốc lộ 20	Km 0+500	Xã Phú Lâm	330	330	270	270
13243	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	150	150	110	110
13244	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	110	110	90	90
13245	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	60	60	55	55
13246	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	150	150	110	110
13247	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	110	110	90	90
13248	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	60	60	55	55
13249	162	Đường Phù Đổng	Km 0+500	Km 0+800	Xã Phú Lâm	330	330	270	270
13250	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	150	150	110	110
13251	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	110	110	90	90
13252	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	60	60	55	55
13253	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	150	150	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13254	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	110	110	90	90
13255	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+800 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	60	60	55	55
13256	169	Đường Phù Đổng	Km 0+800	Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái	Xã Phú Lâm	330	330	270	270
13257	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	150	150	110	110
13258	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	110	110	90	90
13259	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	60	60	55	55
13260	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	150	150	110	110
13261	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	110	110	90	90
13262	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phù Đổng đoạn từ Km 0+800 đến Hết ranh thửa đất số 218 tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 618, tờ BĐĐC số 27 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	60	60	55	55
13263	176	Đường 5 Tấn	Quốc lộ 20	Km 0+500	Xã Phú Lâm	270	270	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13264	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13265	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13266	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13267	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13268	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13269	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Km 0+500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13270	183	Đường 5 Tấn	Km 0+500	Km 0+1000	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13271	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13272	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13273	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13274	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13275	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13276	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+500 đến Km 0+1000 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13277	190	Đường 5 Tấn	Km 0+1000	Giáp ranh xã Tân Phú	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13278	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13279	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13280	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13281	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13282	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13283	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 Tấn đoạn từ Km 0+1000 đến Giáp ranh xã Tân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13284	197	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn	Quốc lộ 20	Suối Cầu Trắng	Xã Phú Lâm	330	330	270	270
13285	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	150	150	110	110
13286	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	110	110	90	90
13287	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	60	60	55	55
13288	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	150	150	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13289	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	110	110	90	90
13290	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Quốc lộ 20 đến Suối Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	60	60	55	55
13291	204	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn	Suối Cầu Trắng	Hồ Đa Tôn	Xã Phú Lâm	330	330	270	270
13292	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	150	150	110	110
13293	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	110	110	90	90
13294	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	60	60	55	55
13295	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	150	150	110	110
13296	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	110	110	90	90
13297	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Lâm - Thanh Sơn đoạn từ Suối Cầu Trắng đến Hồ Đa Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	60	60	55	55
13298	211	Đường Bình Trung 2	Quốc lộ 20	Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13299	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13300	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13301	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13302	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13303	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13304	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung 2 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ngã tư đi Giáo họ Gioan B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13305	218	Đường Phú Ngọc	Quốc lộ 20	Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái)	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13306	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13307	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13308	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13309	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13310	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13311	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Ngọc đoạn từ Quốc lộ 20 đến Hết ranh thửa đất số 154 tờ BĐĐC số 77 về bên phải và hết ranh thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 77 về bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13312	225	Đường số 4	Quốc lộ 20	Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An)	Xã Phú Lâm	270	270	220	220
13313	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13314	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13315	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13316	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13317	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13318	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Quốc lộ 20 đến Ngã ba giáp đường nhà thờ lớn Kim Lân (đường Phú Trung đi xã Phú An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13319	232	Đường Bến Thuyền	đường 30/4	Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái	Xã Phú Lâm	270	270	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13320	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13321	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13322	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13323	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lâm	130	130	100	100
13324	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lâm	90	90	80	80
13325	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Thuyền đoạn từ đường 30/4 đến Hết ranh thửa đất số 163 tờ BĐĐC số 40 về bên phải và hết ranh thửa đất số 164, tờ BĐĐC số 40 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lâm	55	55	50	50
13326	1	Đường ấp 7 Đabongkua	Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học)	Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua)	Xã Đak Lua	120	120	100	100
13327	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	60	60	60	60

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13328	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	45	45	45	45
13329	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	30	30	30	30
13330	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	60	60	60	60
13331	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	45	45	45	45
13332	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 7 Đabongkua đoạn từ Ranh giới xã Phước Sơn (Trường Tiểu học Nguyễn Bá Học) đến Ranh giới xã Phước Sơn (bên phải hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 40, BĐĐC xã Đak Lua. Bên trái hết ranh thửa đất số 14, tờ BĐ số 40, BĐ ĐC xã Đak Lua) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	30	30	30	30
13333	8	Đường Đak Lua	Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ)	Cua Đá ấp 2	Xã Đak Lua	130	130	120	120
13334	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	80	80	80	80
13335	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	60	60	60	60

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13336	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	40	40	40	40
13337	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	80	80	80	80
13338	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	60	60	60	60
13339	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Đoạn từ phần giáp ranh xã Phước Sơn (giáp ranh tỉnh Bình Phước cũ) đến Cua Đá ấp 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	40	40	40	40
13340	15	Đường Đak Lua	Cua Đá ấp 2	Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua	Xã Đak Lua	130	130	120	120
13341	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	80	80	80	80
13342	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	60	60	60	60
13343	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	40	40	40	40
13344	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	80	80	80	80

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13345	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	60	60	60	60
13346	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Cua Đá ấp 2 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	40	40	40	40
13347	22	Đường Đak Lua	Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua	Cầu Đak Lua (bến phà cũ)	Xã Đak Lua	130	130	120	120
13348	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	80	80	80	80
13349	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	60	60	60	60
13350	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	40	40	40	40
13351	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	80	80	80	80
13352	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	60	60	60	60
13353	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đak Lua đến Cầu Đak Lua (bến phà cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	40	40	40	40

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13354	29	Đường Đak Lua	Bến phà	Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên	Xã Đak Lua	130	130	120	120
13355	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	80	80	80	80
13356	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	60	60	60	60
13357	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	40	40	40	40
13358	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đak Lua	80	80	80	80
13359	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đak Lua	60	60	60	60
13360	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đak Lua đoạn từ Bến phà đến Giáp ranh Vườn Quốc Gia Cát Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đak Lua	40	40	40	40
13361	1	Đường Xóm Huế	Đường tỉnh 768	Đường Hóc Lai	Phường Trị An	470	470	370	370
13362	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13363	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13364	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13365	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13366	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13367	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Huế đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Hóc Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13368	8	Đường Hóc Lai	Đường tỉnh 768	Đường xóm Huế	Phường Trị An	470	470	370	370
13369	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13370	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13371	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13372	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13373	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13374	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hóc Lai đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13375	15	Đường Kim Liên	Đường tỉnh 768	Bờ sông Đồng Nai	Phường Trị An	470	470	370	370
13376	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13377	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13378	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13379	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13380	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13381	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Liên đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13382	22	Đường Bà Bèn	Đường tỉnh 768	Bờ sông Đồng Nai	Phường Trị An	470	470	370	370
13383	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13384	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13385	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13386	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13387	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13388	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Bèn đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13389	29	Đường Bến Vịnh A	Đường tỉnh 768	Bờ sông Đồng Nai	Phường Trị An	470	470	370	370

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13390	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13391	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13392	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13393	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13394	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13395	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh A đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13396	36	Đường Bến Vịnh B	Đường tỉnh 768	Bờ sông Đồng Nai	Phường Trị An	470	470	370	370
13397	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13398	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13399	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13400	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13401	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13402	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Vịnh B đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13403	43	Đường đối 74	Đường tỉnh 768	Đường tỉnh 768	Phường Trị An	470	470	370	370
13404	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đối 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13405	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đối 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13406	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đối 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13407	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đối 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13408	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đối 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13409	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đối 74 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13410	50	Đường Bến Be	Đường tỉnh 768	Nhà máy đường Trị An	Phường Trị An	470	470	370	370
13411	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13412	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13413	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13414	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13415	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13416	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Be đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13417	57	Đường Nhà máy đường Trị An	Đường tỉnh 768	Hết Nhà máy đường Trị An	Phường Trị An	470	470	370	370
13418	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13419	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13420	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13421	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13422	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13423	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy đường Trị An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết Nhà máy đường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13424	64	Đường Bến Phà	Đường tỉnh 768	Bến đò Trị An	Phường Trị An	470	470	370	370
13425	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13426	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13427	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13428	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13429	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13430	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Phà đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bến đò Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13431	71	Đường Hàng Ba	Đường Bến Phà	Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An	Phường Trị An	470	470	370	370
13432	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13433	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13434	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13435	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13436	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13437	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Ba đoạn từ Đường Bến Phà đến Hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 242 về bên phải và hết ranh thửa đất số 30, tờ bản đồ số 241 về bên trái, BĐĐC phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13438	78	Đường tỉnh 768	Cầu Bà Giá (cầu 19)	Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An	Phường Trị An	530	530	400	400
13439	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	380	380	250	250
13440	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13441	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	220	220	140	140
13442	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	380	380	250	250
13443	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13444	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Bà Giá (cầu 19) đến Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	220	220	140	140
13445	85	Đường tỉnh 768	Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An	Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4)	Phường Trị An	530	530	400	400
13446	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	380	380	250	250
13447	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13448	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	220	220	140	140
13449	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	380	380	250	250
13450	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13451	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Chân dốc lớn (cống thoát nước) phường Trị An đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	220	220	140	140
13452	92	Đường tỉnh 768	Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ)	Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ)	Phường Trị An	760	760	720	720
13453	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13454	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13455	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13456	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13457	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13458	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 2 (ấp Vĩnh An 4 cũ) đến Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B - phân hiệu 1 (ấp Vĩnh An 3 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13459	99	Đường Trảng Cày	Đường Trị An - Tân An	Đường xóm Huế	Phường Trị An	470	470	370	370
13460	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13461	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13462	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13463	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13464	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13465	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Cày đoạn từ Đường Trị An - Tân An đến Đường xóm Huế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13466	106	Đường Hiếu Liêm	Đường Nhà máy thủy điện Trị An	Cầu số 4	Phường Trị An	220	220	180	180
13467	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	140	140	110	110
13468	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	110	110	90	90
13469	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	70	70	50	50
13470	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	140	140	110	110
13471	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	110	110	90	90
13472	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hiếu Liêm đoạn từ Đường Nhà máy thủy điện Trị An đến Cầu số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	70	70	50	50
13473	113	Đường Xóm Mới ấp 3	Đường Hiếu Liêm	Hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239)	Phường Trị An	200	200	170	170
13474	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13475	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	100	100	80	80
13476	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	60	60	50	50
13477	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	130	130	100	100
13478	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	100	100	80	80
13479	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới ấp 3 đoạn từ Đường Hiếu Liêm đến Hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ bản đồ số 239) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	60	60	50	50
13480	120	Đường Nhà máy thủy điện Trị An	Ngã ba Lâm Sản	Bờ sông Đồng Nai	Phường Trị An	200	200	170	170
13481	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	130	130	100	100
13482	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	100	100	80	80
13483	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	60	60	50	50
13484	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13485	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	100	100	80	80
13486	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhà máy thủy điện Trị An đoạn từ Ngã ba Lâm Sản đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	60	60	50	50
13487	127	Đường tỉnh 767	Giáp ranh xã Tân An	Ngã ba đường Hồ Xuân Hương	Phường Trị An	760	760	720	720
13488	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13489	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13490	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13491	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13492	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13493	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh xã Tân An đến Ngã ba đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13494	134	Đường tỉnh 767	Cầu Đồng Nai	Cầu Chiến khu D	Phường Trị An	230	230	200	200
13495	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Đồng Nai đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	150	150	130	130
13496	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Đồng Nai đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	120	120	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13497	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Đồng Nai đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	80	80	60	60
13498	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Đồng Nai đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	150	150	130	130
13499	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Đồng Nai đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	120	120	100	100
13500	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Đồng Nai đến Cầu Chiến khu D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	80	80	60	60
13501	141	Đường tỉnh 767	Cầu Chiến khu D	Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý	Phường Trị An	230	230	200	200
13502	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	150	150	130	130
13503	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	120	120	100	100
13504	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	80	80	60	60
13505	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	150	150	130	130
13506	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	120	120	100	100
13507	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu Chiến khu D đến Ngã ba rẽ đi xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	80	80	60	60
13508	148	Đường tỉnh 761	Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý	Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm	Phường Trị An	230	230	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13509	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	150	150	130	130
13510	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	120	120	100	100
13511	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	80	80	60	60
13512	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	150	150	130	130
13513	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	120	120	100	100
13514	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba xã Mã Đà (cũ) rẽ đi xã Phú Lý đến Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	80	80	60	60
13515	155	Đường tỉnh 761	Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm	Giáp ranh xã Phú Lý	Phường Trị An	230	230	200	200
13516	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	150	150	130	130
13517	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	120	120	100	100
13518	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	80	80	60	60

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13519	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	150	150	130	130
13520	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	120	120	100	100
13521	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm đến Giáp ranh xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	80	80	60	60
13522	162	Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới)	Đường tỉnh 767	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Phường Trị An	470	470	370	370
13523	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13524	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13525	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110
13526	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	330	330	230	230
13527	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	260	260	180	180
13528	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc phường Trị An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	180	180	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13529	169	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237	Đường Trị An - Vĩnh Tân	Phường Trị An	500	500	380	380
13530	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	350	350	240	240
13531	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	290	290	190	190
13532	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	200	200	130	130
13533	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	350	350	240	240
13534	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	290	290	190	190
13535	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Từ ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 237 đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	200	200	130	130
13536	176	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Đường Trị An - Vĩnh Tân	Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235	Phường Trị An	500	500	380	380
13537	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	350	350	240	240
13538	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	290	290	190	190
13539	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	200	200	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13540	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	350	350	240	240
13541	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	290	290	190	190
13542	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Tiếp giáp thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	200	200	130	130
13543	183	Đường Lạc Long Quân	Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1	Ngã ba đường Kho Mìn	Phường Trị An	760	760	720	720
13544	184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13545	185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13546	186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13547	187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13548	188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13549	189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đầu Trường Tiểu học Cây Gáo B, phân hiệu 1 đến Ngã ba đường Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13550	190	Đường Lạc Long Quân	Ngã ba đường Kho Mìn	Đường Quang Trung	Phường Trị An	760	760	720	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13551	191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13552	192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13553	193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13554	194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13555	195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13556	196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba đường Kho Mìn đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13557	197	Đường Phan Chu Trinh	Đường Quang Trung	Ngã ba Điện lực	Phường Trị An	760	760	720	720
13558	198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13559	199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13560	200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13561	201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13562	202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13563	203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quang Trung đến Ngã ba Điện lực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13564	204	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã ba Điện lực	Suối Láng Nguyên	Phường Trị An	760	760	720	720
13565	205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13566	206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13567	207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13568	208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13569	209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13570	210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba Điện lực đến Suối Láng Nguyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13571	211	Đường Lê Duẩn	Đường Phan Chu Trinh	Đường Võ Văn Tần (ngã ba)	Phường Trị An	760	760	720	720
13572	212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13573	213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13574	214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13575	215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13576	216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13577	217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Võ Văn Tần (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13578	218	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lê Đại Hành	Phường Trị An	760	760	720	720
13579	219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13580	220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13581	221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13582	222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13583	223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13584	224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13585	225	Đường Kho Mìn	Đường Lạc Long Quân	Kho Mìn	Phường Trị An	760	760	720	720
13586	226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13587	227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13588	228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13589	229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13590	230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13591	231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kho Mìn đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Kho Mìn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13592	232	Đường Võ Văn Tần	Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên)	Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba)	Phường Trị An	760	760	720	720
13593	233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13594	234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13595	235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13596	236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13597	237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13598	238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Hết ranh chùa Vĩnh An (ngã ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13599	239	Đường tỉnh 762	Suối láng Nguyên	Ranh giới xã Bàu Hàm	Phường Trị An	760	760	720	720
13600	240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13601	241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13602	242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13603	243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13604	244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13605	245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 đoạn từ Suối láng Nguyên đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13606	246	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767)	Ranh giới xã Bàu Hàm	Phường Trị An	760	760	720	720
13607	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13608	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13609	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13610	250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13611	251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13612	252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Ranh giới xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13613	253	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767)	Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87	Phường Trị An	760	760	720	720
13614	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13615	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13616	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13617	257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13618	258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13619	259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8. Bên trái: hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13620	260	Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2	Đường tỉnh 767	Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121	Phường Trị An	760	760	720	720
13621	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13622	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13623	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13624	264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13625	265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13626	266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường TH Cây Gáo cơ sở 2 đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 239, tờ bản đồ số 121. Bên trái: hết ranh thửa đất số 694, tờ bản đồ số 121 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13627	267	Đường vào Mỏ đá Cây Gáo	Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương	Giáp ranh xã Tân An	Phường Trị An	760	760	720	720
13628	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13629	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13630	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13631	271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13632	272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13633	273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Mỏ đá Cây Gáo đoạn từ Đường tỉnh 767 đoạn từ ranh xã Vĩnh Tân đến ngã ba Hồ Xuân Hương đến Giáp ranh xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13634	274	Đường Chu Văn An	Đường tỉnh 762	hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66	Phường Trị An	760	760	720	720
13635	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13636	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13637	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13638	278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13639	279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13640	280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường tỉnh 762 đến hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13641	281	Đường Trần Hữu Trang	Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An	Đến thửa đất số 52, tờ bản đồ số 67 về bên trái và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67 về bên trái	Phường Trị An	760	760	720	720
13642	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đến thửa đất số 52, tờ bản đồ số 67 về bên trái và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13643	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đến thửa đất số 52, tờ bản đồ số 67 về bên trái và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13644	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đến thửa đất số 52, tờ bản đồ số 67 về bên trái và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13645	285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đến thửa đất số 52, tờ bản đồ số 67 về bên trái và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13646	286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đến thửa đất số 52, tờ bản đồ số 67 về bên trái và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13647	287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Trang đoạn từ Đường Quang Trung, Đoạn từ ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến hết Trường THPT Trị An đến Đến thửa đất số 52, tờ bản đồ số 67 về bên trái và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13648	288	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Hồ Xuân Hương	Cầu Vĩnh An	Phường Trị An	760	760	720	720
13649	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13650	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13651	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13652	292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13653	293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13654	294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương đến Cầu Vĩnh An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13655	295	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Vĩnh An	Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ	Phường Trị An	760	760	720	720
13656	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13657	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13658	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13659	299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13660	300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13661	301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13662	302	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ	Đường Lê Đại Hành	Phường Trị An	760	760	720	720
13663	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13664	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13665	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13666	306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13667	307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13668	308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba huyện Vĩnh Cửu cũ đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13669	309	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lê Đại Hành	Ngã tư đường Phan Chu Trinh	Phường Trị An	760	760	720	720
13670	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13671	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13672	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13673	313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13674	314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13675	315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Ngã tư đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13676	316	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư đường Phan Chu Trinh	Ngã ba Đập Tràn	Phường Trị An	760	760	720	720
13677	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đường Phan Chu Trinh đến Ngã ba Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13678	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đường Phan Chu Trinh đến Ngã ba Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13679	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đường Phan Chu Trinh đến Ngã ba Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13680	320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đường Phan Chu Trinh đến Ngã ba Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13681	321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đường Phan Chu Trinh đến Ngã ba Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13682	322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã tư đường Phan Chu Trinh đến Ngã ba Đập Tràn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13683	323	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết trường THPT Trị An	Phường Trị An	760	760	720	720
13684	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13685	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13686	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13687	327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13688	328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13689	329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết trường THPT Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13690	330	Đường Quang Trung	Trường THPT Trị An	Cầu Đồng Nai	Phường Trị An	760	760	720	720
13691	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13692	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13693	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13694	334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13695	335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13696	336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Trường THPT Trị An đến Cầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13697	337	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Trị An	760	760	720	720
13698	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13699	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13700	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13701	341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13702	342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13703	343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13704	344	Đường Quang Trung	Đường bổ sung liên khu phố 1,2	Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên)	Phường Trị An	760	760	720	720
13705	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13706	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13707	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13708	348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13709	349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13710	350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường bổ sung liên khu phố 1,2 đến Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13711	351	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Quang Trung	Đường Phan Chu Trinh	Phường Trị An	760	760	720	720
13712	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13713	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13714	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13715	355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13716	356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13717	357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13718	358	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe)	Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An	Phường Trị An	760	760	720	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13719	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13720	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13721	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13722	362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13723	363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13724	364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Lê Đại Hành, đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Hoàng Văn Thụ (Ngã ba có tiệm sửa xe) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 388, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 289, tờ bản đồ số 91, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13725	365	Đường Bà Huyện Thanh Quan	Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767)	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Trị An	760	760	720	720
13726	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13727	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13728	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13729	369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13730	370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13731	371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Huyện Thanh Quan đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13732	372	Đường Ngô Quyền	Đường tỉnh 762	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng)	Phường Trị An	760	760	720	720
13733	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13734	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13735	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13736	376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13737	377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13738	378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Tôn Đức Thắng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13739	379	Đường Lê Đại Hành	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Trị An	760	760	720	720
13740	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13741	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13742	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13743	383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13744	384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13745	385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13746	386	Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An (cũ)	Đường Lê Đại Hành	Đường Quang Trung	Phường Trị An	760	760	720	720
13747	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An (cũ) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13748	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An (cũ) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13749	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An (cũ) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13750	390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An (cũ) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13751	391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An (cũ) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13752	392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 1 - 2 của thị trấn Vĩnh An (cũ) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13753	393	Đường Phan Đình Phùng	Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2	Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn)	Phường Trị An	760	760	720	720
13754	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13755	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13756	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13757	397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13758	398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13759	399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đầu hẻm tổ 11 khu phố 2 đến Đường Quang Trung (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến suối Hồ Đồng Lớn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13760	400	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Lê Đại Hành	Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62, BĐĐC xã Trị An	Phường Trị An	760	760	720	720
13761	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13762	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13763	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13764	404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13765	405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13766	406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 315, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 389, tờ bản đồ số 62, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13767	407	Đường Trung tâm Khu phố 2	Ngã tư chùa Vĩnh An	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Trị An	760	760	720	720
13768	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13769	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13770	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13771	411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13772	412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13773	413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm Khu phố 2 đoạn từ Ngã tư chùa Vĩnh An đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13774	414	Đường Lý Thái Tổ	Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên)	Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An	Phường Trị An	760	760	720	720
13775	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13776	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13777	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13778	418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13779	419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13780	420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (từ ngã ba Điện lực đến suối Láng Nguyên) đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An. Bên trái: hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 61, BĐĐC xã Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13781	421	Hương lộ 24	Đường tỉnh 762	Giáp ranh xã Bàu Hàm	Phường Trị An	760	760	720	720
13782	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13783	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13784	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13785	425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13786	426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13787	427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13788	428	Đường Chu Văn An	Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66	Đường tỉnh 768	Phường Trị An	760	760	720	720
13789	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13790	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13791	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13792	432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13793	433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13794	434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 66 đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13795	435	Đường Lê Đại Hành	Nguyễn Tất Thành	Hoàng Văn Thụ	Phường Trị An	760	760	720	720

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13796	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13797	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13798	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13799	439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Trị An	460	460	290	290
13800	440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	400	400	260	260
13801	441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	310	310	200	200
13802	442	Đường Trị An - Tân An	Đường tỉnh 768	Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải)	Phường Trị An	230	230	200	200
13803	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	150	150	130	130
13804	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	120	120	100	100
13805	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	80	80	60	60

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13806	446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Trị An	150	150	130	130
13807	447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Trị An	120	120	100	100
13808	448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An - Tân An đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Tân An (tại khu thửa đất số 35 tờ bản đồ số 235 về phía bên tay phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Trị An	80	80	60	60
13809	1	Đường tỉnh 768	Giáp ranh phường Trảng Dài	Cầu Thủ Biên	Xã Tân An, Phường Trảng Dài	730	730	530	530
13810	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	500	500	330	330
13811	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	400	400	260	260
13812	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	290	290	180	180
13813	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	500	500	330	330
13814	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	400	400	260	260
13815	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An, Phường Trảng Dài	290	290	180	180
13816	8	Đường tỉnh 768	Cầu Thủ Biên	Đường vào bến đò Đại An	Xã Tân An	730	730	530	530

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13817	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330
13818	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13819	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13820	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330
13821	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13822	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Thủ Biên đến Đường vào bến đò Đại An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13823	15	Đường tỉnh 768	Đường vào bến đò Đại An	Cầu Chùm Bao	Xã Tân An	730	730	530	530
13824	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330
13825	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13826	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13827	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13828	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13829	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường vào bến đò Đại An đến Cầu Chùm Bao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13830	22	Đường tỉnh 768	Cầu Chùm Bao	Cầu Bà Giá (Cầu 19)	Xã Tân An	730	730	530	530
13831	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330
13832	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13833	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13834	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330
13835	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13836	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Chùm Bao đến Cầu Bà Giá (Cầu 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13837	29	Đường ấp 3 (cũ)	Đường tỉnh 768	Đường Cộ - Cây Xoài	Xã Tân An	670	670	470	470
13838	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13839	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13840	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13841	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13842	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13843	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13844	36	Đường Cộ - Cây Xoài	Đường tỉnh 768	Khu tái định cư 3,8 ha	Xã Tân An	700	700	500	500
13845	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13846	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13847	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13848	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13849	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13850	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Khu tái định cư 3,8 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13851	43	Đường Cộ - Cây Xoài	Khu tái định cư 3,8 ha	Cầu số 1	Xã Tân An	700	700	500	500

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13852	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13853	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13854	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13855	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13856	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13857	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Khu tái định cư 3,8 ha đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13858	50	Đường Cộ - Cây Xoài	Cầu số 1	Đường tỉnh 767	Xã Tân An	700	700	500	500
13859	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13860	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13861	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13862	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13863	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13864	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cộ - Cây Xoài đoạn từ Cầu số 1 đến Đường tỉnh 767 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13865	57	Đường Kênh N3	Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài	Giáp ranh xã Bình Minh	Xã Tân An	670	670	470	470
13866	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13867	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13868	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13869	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13870	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13871	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kênh N3 đoạn từ Giáp ranh giữa xã Tân An và Phường Trảng Dài đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13872	64	Đường Bến Xúc	Đường Cộ - Cây Xoài	Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD)	Xã Tân An	670	670	470	470
13873	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13874	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13875	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13876	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13877	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13878	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13879	71	Đường Bến Xúc	Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD)	Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây	Xã Tân An	670	670	470	470
13880	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13881	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13882	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13883	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13884	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13885	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Xúc đoạn từ Ngã ba (Công ty TNHH Gỗ Châu Âu EUROWOOD CO.LTD) đến Hết trạm biến áp 500KV Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13886	78	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Đường tỉnh 767	Đường vào chùa Vĩnh Phước	Xã Tân An	700	700	500	500
13887	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13888	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13889	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13890	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13891	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13892	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường vào chùa Vĩnh Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13893	85	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Đường vào chùa Vĩnh Phước	Trung tâm ấp 5 (cũ)	Xã Tân An	700	700	500	500
13894	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13895	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13896	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13897	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13898	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13899	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường vào chùa Vĩnh Phước đến Trung tâm ấp 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13900	92	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Trung tâm ấp 5 (cũ)	Đường Trị An - Vĩnh Tân	Xã Tân An	700	700	500	500
13901	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 (cũ) đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13902	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 (cũ) đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13903	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 (cũ) đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13904	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 (cũ) đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13905	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 (cũ) đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13906	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Trung tâm ấp 5 (cũ) đến Đường Trị An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13907	99	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Đường Trị An - Vĩnh Tân	Đường tỉnh 768	Xã Tân An	700	700	500	500
13908	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13909	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13910	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13911	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13912	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13913	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân An - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trị An - Vĩnh Tân đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13914	106	Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ)	Đường Cộ - Cây Xoài	Đường Trị An-Vĩnh Tân	Xã Tân An	670	670	470	470
13915	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13916	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13917	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13918	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13919	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13920	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7 - ấp Cây Xoài (cũ) đoạn từ Đường Cộ - Cây Xoài đến Đường Trị An-Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13921	113	Đường hồ Mo Nang	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Đường Cộ - Cây Xoài	Xã Tân An	670	670	470	470
13922	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13923	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13924	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13925	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13926	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13927	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hồ Mo Nang đoạn từ Đường Tân An - Vĩnh Tân đến Đường Cộ - Cây Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13928	120	Đường Suối Ngang	Đường tỉnh 768	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Xã Tân An	670	670	470	470
13929	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13930	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13931	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13932	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13933	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13934	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Ngang đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13935	127	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Đường tỉnh 767	Cây xăng Tín Nghĩa	Xã Tân An	700	700	500	500
13936	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13937	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13938	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13939	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13940	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13941	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13942	134	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Cây xăng Tín Nghĩa	Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm	Xã Tân An	700	700	500	500
13943	135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13944	136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13945	137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13946	138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13947	139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13948	140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Cây xăng Tín Nghĩa đến Giáp ranh phường Trảng Bom và xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13949	141	Đường Sở Quýt	Đường tỉnh 768	Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào)	Xã Tân An	670	670	470	470

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13950	142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13951	143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13952	144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13953	145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13954	146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13955	147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên (tính từ Đường tỉnh 768 đi vào) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13956	148	Đường tỉnh 767	Cầu suối Đá Bàn	Giáp ranh phường Trị An	Xã Tân An	730	730	530	530
13957	149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu suối Đá Bàn đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330
13958	150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu suối Đá Bàn đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13959	151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu suối Đá Bàn đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13960	152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu suối Đá Bàn đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13961	153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu suối Đá Bàn đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13962	154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Cầu suối Đá Bàn đến Giáp ranh phường Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13963	155	Đường tỉnh 767	Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây	Cầu suối Đá Bàn	Xã Tân An	730	730	530	530
13964	156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330
13965	157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13966	158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13967	159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330
13968	160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13969	161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây đến Cầu suối Đá Bàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13970	162	Đường tỉnh 767	Giáp ranh phường Trảng Bom	Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây	Xã Tân An	730	730	530	530
13971	163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13972	164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13973	165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13974	166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	500	500	330	330
13975	167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	400	400	260	260
13976	168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 767 đoạn từ Giáp ranh phường Trảng Bom đến Đường điện 500KV Phú Mỹ - Sông Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	290	290	180	180
13977	169	Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới)	Đường tỉnh 767	Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải	Xã Tân An	670	670	470	470
13978	170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13979	171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13980	172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13981	173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	450	450	300	300
13982	174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	350	350	220	220
13983	175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa xã Vĩnh Tân cũ và thị trấn Vĩnh An cũ (thuộc xã Tân An mới) đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Hết ranh thửa đất số 5 tờ bản đồ số 122 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	230	230	140	140
13984	176	Đường Trị An-Vĩnh Tân	Đường tỉnh 767	Đường Tân An - Vĩnh Tân	Xã Tân An	700	700	500	500
13985	177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13986	178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13987	179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13988	180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân An	480	480	310	310
13989	181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân An	370	370	240	240
13990	182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trị An-Vĩnh Tân đoạn từ Đường tỉnh 767 đến Đường Tân An - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân An	250	250	160	160
13991	1	Đường tỉnh 761	Giáp ranh phường Trị An	Cầu suối Kóp	Xã Phú Lý	230	230	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
13992	2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
13993	3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
13994	4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
13995	5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
13996	6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
13997	7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Giáp ranh phường Trị An đến Cầu suối Kóp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
13998	8	Đường tỉnh 761	Cầu suối Kóp	Hết chợ Phú Lý	Xã Phú Lý	230	230	200	200
13999	9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
14000	10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
14001	11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
14002	12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14003	13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
14004	14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
14005	15	Đường tỉnh 761	Hết chợ Phú Lý	Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý	Xã Phú Lý	230	230	200	200
14006	16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
14007	17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
14008	18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
14009	19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
14010	20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
14011	21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết chợ Phú Lý đến Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
14012	22	Đường tỉnh 761	Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý	Ngã tư đường 322A	Xã Phú Lý	230	230	200	200
14013	23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
14014	24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14015	25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
14016	26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
14017	27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
14018	28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Ngã tư đường 322A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
14019	29	Đường tỉnh 761	Ngã tư đường 322A	Ngã ba đường 322B	Xã Phú Lý	230	230	200	200
14020	30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
14021	31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
14022	32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
14023	33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
14024	34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
14025	35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã tư đường 322A đến Ngã ba đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
14026	36	Đường tỉnh 761	Ngã ba đường 322B	Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai	Xã Phú Lý	230	230	200	200

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14027	37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
14028	38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
14029	39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
14030	40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	150	150	130	130
14031	41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	120	120	100	100
14032	42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 761 đoạn từ Ngã ba đường 322B đến Hết ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	80	80	60	60
14033	43	Đường Bàu Điền	Đường tỉnh 761	Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27	Xã Phú Lý	200	200	170	170
14034	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14035	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14036	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Điền đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14037	47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Điển đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14038	48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Điển đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14039	49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Điển đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết ranh thửa đất số 206 về bên phải và hết ranh thửa đất số 225 về bên trái tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14040	50	Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi	Đường tỉnh 761	Hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37	Xã Phú Lý	200	200	170	170
14041	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14042	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14043	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14044	54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14045	55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14046	56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khuyến khích phát triển chăn nuôi đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Hết thửa đất số 10 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14047	57	Đường 322B	Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp)	Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai)	Xã Phú Lý	220	220	180	180
14048	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	140	140	110	110
14049	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	110	110	90	90
14050	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	70	70	50	50
14051	61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	140	140	110	110
14052	62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	110	110	90	90
14053	63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322B đoạn từ Đường tỉnh 761(đoạn giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Đường tỉnh 761 (Đoạn từ ngã ba đường 322B đến ranh Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	70	70	50	50
14054	64	Đường 322A	Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã)	Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B)	Xã Phú Lý	220	220	180	180
14055	65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	140	140	110	110

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14056	66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	110	110	90	90
14057	67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	70	70	50	50
14058	68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	140	140	110	110
14059	69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	110	110	90	90
14060	70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 322A đoạn từ Đường tỉnh 761 (đoạn hết chợ Phú Lý đến Trung tâm Văn hóa xã) đến Đường tỉnh 761 (đoạn từ ngã tư đường 322A đến ngã ba đường 322B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	70	70	50	50
14061	71	Đường Trảng Tranh	Đường tỉnh 761	Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý)	Xã Phú Lý	200	200	170	170
14062	72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14063	73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14064	74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14065	75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14066	76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tràng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14067	77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tràng Tranh đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh (xã Phú Lý) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14068	78	Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh	Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý	Ranh code 62 của Hồ Trị An	Xã Phú Lý	220	220	180	180
14069	79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	140	140	110	110
14070	80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	110	110	90	90
14071	81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	70	70	50	50
14072	82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	140	140	110	110
14073	83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	110	110	90	90
14074	84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đoạn từ Đường ĐT 761 đoạn từ cầu Suối Kóp đến hết chợ Phú Lý đến Ranh code 62 của Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	70	70	50	50
14075	85	Đường Bình Chánh - Cây Cầy	Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh	Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ)	Xã Phú Lý	200	200	170	170
14076	86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14077	87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14078	88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14079	89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14080	90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14081	91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Chánh - Cây Cầy đoạn từ Đường Lý Lịch 2 - Bình Chánh đến Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14082	92	Đường Cây Cầy đi Long Thành	Đường Bình Chánh - Cây Cầy	Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý	Xã Phú Lý	200	200	170	170
14083	93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14084	94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14085	95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14086	96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14087	97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14088	98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Cầy đi Long Thành đoạn từ Đường Bình Chánh - Cây Cầy đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý. Bên trái: hết ranh thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65, BĐ ĐC xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14089	99	Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ)	Đường tỉnh 761	Ranh code 62 của hồ Trị An	Xã Phú Lý	220	220	180	180
14090	100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	140	140	110	110
14091	101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	110	110	90	90
14092	102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	70	70	50	50
14093	103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	140	140	110	110
14094	104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	110	110	90	90
14095	105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 - Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 761 đến Ranh code 62 của hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	70	70	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14096	106	Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ)	Nhà thờ Tin Lành	hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	200	200	170	170
14097	107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14098	108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14099	109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14100	110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14101	111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14102	112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, 2 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Nhà thờ Tin Lành đến hết ranh thửa 150, tờ BĐĐC số 62, xã Phú Lý có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14103	113	Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ)	Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý)	Hết nhà thờ Tin Lành	Xã Phú Lý	200	200	170	170
14104	114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14105	115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14106	116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14107	117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14108	118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14109	119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3 ấp Bình Chánh (cũ) đoạn từ Đường Lý Lịch 2- Bình Chánh (xã Phú Lý) đến Hết nhà thờ Tin Lành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14110	120	Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý	Từ hết chợ Phú Lý đến hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý	Đường 322B	Xã Phú Lý	200	200	170	170
14111	121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Từ hết chợ Phú Lý đến hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14112	122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Từ hết chợ Phú Lý đến hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14113	123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Từ hết chợ Phú Lý đến hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14114	124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Từ hết chợ Phú Lý đến hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14115	125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Từ hết chợ Phú Lý đến hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14116	126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7, liên ấp 1-3 (cũ), xã Phú Lý đoạn từ Từ hết chợ Phú Lý đến hết Trung tâm văn hóa xã Phú Lý đến Đường 322B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14117	127	Đường Tổ 8 (cũ), N2 , ấp bàu Phụng, xã Phú Lý	Đường ĐT 761 (giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp)	Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58	Xã Phú Lý	200	200	170	170

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14118	128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 8 (cũ), N2 , ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14119	129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 8 (cũ), N2 , ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14120	130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 8 (cũ), N2 , ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14121	131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 8 (cũ), N2 , ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Lý	130	130	100	100
14122	132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 8 (cũ), N2 , ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Lý	100	100	80	80
14123	133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 8 (cũ), N2 , ấp bàu Phụng, xã Phú Lý đoạn từ Đường ĐT 761 (giáp ranh phường Trị An đến cầu suối Kóp) đến Hết ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Lý	60	60	50	50
14124	1	Đường Quốc Lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Đồng Khởi	Phường Bình Phước	800	640	380	
14125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14131	2	Đường Quốc Lộ 14	Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	800	640	380	
14132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14138	3	Đường Quốc Lộ 14	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Bình Phước	800	640	380	
14139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14145	4	Đường Quốc Lộ 14	Đường Nguyễn Văn Linh	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	800	640	380	
14146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14152	5	Đường Quốc Lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m)	Phường Bình Phước	800	640	380	
14153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14159	6	Đường Quốc Lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m)	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	800	640	380	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14166	7	Đường Quốc Lộ 14	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	800	640	380	
14167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14173	8	Đường Quốc Lộ 14	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	800	640	380	
14174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Hết ranh quy hoạch đường số 2 đến Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14180	9	Đường Phú Riềng Đỏ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	800	640	380	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14187	10	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	800	640	380	
14188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14194	11	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Trương Công Định	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Phường Bình Phước	800	640	380	
14195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14201	12	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su	Phường Bình Phước	800	640	380	
14202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14208	13	Đường Phú Riềng Đỏ	Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	800	640	380	
14209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14215	14	Đường Phú Riềng Đỏ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	800	640	380	
14216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14222	15	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	800	640	380	
14223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14229	16	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	800	640	380	
14230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14236	17	Đường Phú Riềng Đỏ	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	800	640	380	
14237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14243	18	Đường An Dương Vương	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
14244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14250	19	Đường An Dương Vương	Đường Võ Văn Tần	Đường Quốc lộ 14	Phường Bình Phước	430	340	200	
14251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14257	20	Đường Bạch Đằng	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Quang Diệu	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14264	21	Đường Bạch Đằng	Đường Trần Quang Diệu	Đường Trường Chinh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14271	22	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	430	340	200	
14272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14278	23	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Đặng Thai Mai	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
14279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14285	24	Đường Đặng Trần Thi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
14286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14292	25	Đường Đặng Trần Thi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Cao Xuân Huy	Phường Bình Phước	430	340	200	
14293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Thi đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Cao Xuân Huy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14299	26	Đường ĐT 753	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Cù Chính Lan	Phường Bình Phước	800	640	380	
14300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Cù Chính Lan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14306	27	Đường ĐT 753	Đường Cù Chính Lan	Cầu Rạt nhỏ	Phường Bình Phước	800	640	380	
14307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Cầu Rạt nhỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14313	28	Đường ĐT 753	Cầu Rạt nhỏ	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	800	640	380	
14314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Cầu Rạt nhỏ đến Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14320	29	Đường Hà Huy Tập	Đường 6 tháng 1	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14327	30	Đường Hà Huy Tập	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phạm Đình Hổ	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phạm Đình Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14334	31	Đường Hai Bà Trưng	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
14335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14341	32	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trương Công Định	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Bình Phước	430	340	200	
14342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14348	33	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Phường Bình Phước	430	340	200	
14349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14355	34	Đường Hàm Nghi	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Trường Chinh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14362	35	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Trường Chinh	Đường Hàm Nghi	Phường Bình Phước	430	340	200	
14363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14369	36	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Hàm Nghi	Đường Lê Trọng Tấn	Phường Bình Phước	430	340	200	
14370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14376	37	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14383	38	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
14384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14390	39	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	Đường Quốc lộ 14	Phường Bình Phước	430	340	200	
14391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14397	40	Đường Lê Duẩn	Đường Quốc Lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
14398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14404	41	Đường Lê Lai	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
14405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14411	42	Đường Lê Lợi	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14418	43	Đường Lê Lợi	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14425	44	Đường Lê Lợi	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
14426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14432	45	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m)	Phường Bình Phước	800	640	380	
14433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14439	46	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m)	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Phước	800	640	380	
14440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m) đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14446	47	Đường Lê Quý Đôn	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	800	640	380	
14447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	430	344	204	
14451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	344	275	163	
14452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	275	220	130	
14453	48	Đường Lê Văn Sỹ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
14454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14460	49	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Trần Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14467	50	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Phú	Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
14468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14474	51	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt	Đường Hàm Nghi	Phường Bình Phước	430	340	200	
14475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14481	52	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
14482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14488	53	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
14489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14495	54	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14502	55	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường	Phường Bình Phước	430	340	200	
14503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14509	56	Đường Nguyễn Huệ	Đường Quốc lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
14510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14516	57	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
14517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14523	58	Đường Nguyễn Huệ	Đường Quốc lộ 14	Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
14524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14530	59	Đường Nguyễn Huệ	Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
14531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tim đường hẻm 54 đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư Bàu Trúc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14537	60	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Võ Thị Sáu	Phường Bình Phước	430	340	200	
14538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư Bàu Trúc đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14544	61	Đường Nguyễn Huệ	Đường Võ Thị Sáu	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
14545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14551	62	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Duẩn	Đường Lương Thế Vinh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14558	63	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lương Thế Vinh	Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng	Phường Bình Phước	430	340	200	
14559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14565	64	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Văn Sỹ	Phường Bình Phước	430	340	200	
14566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14572	65	Đường Ông Ích Khiêm	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Văn Sỹ	Phường Bình Phước	430	340	200	
14573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Ích Khiêm đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Đường Lê Văn Sỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14579	66	Đường Huỳnh Khương Ninh	Đường Ông Ích Khiêm	Đường Nguyễn Khuyến	Phường Bình Phước	430	340	200	
14580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương Ninh đoạn từ Đường Ông Ích Khiêm đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14586	67	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lê Lợi	Đường Lê Lai	Phường Bình Phước	430	340	200	
14587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14593	68	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14600	69	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
14601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14607	70	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
14608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14614	71	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thái Tổ	Phường Bình Phước	430	340	200	
14615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14621	72	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14628	73	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14635		Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bạch Đằng	Phường Bình Phước	430	340	200	
14636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bạch Đằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14642	74	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
14643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14649	75	Đường Phan Bội Châu	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Bình Phước	430	340	200	
14650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14656	76	Đường Phan Bội Châu	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh xã Tiến Hưng	Phường Bình Phước	430	340	200	
14657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh xã Tiến Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14663	77	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Trần Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
14664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14670	78	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Chí Thanh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14677	79	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Bỉnh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14684	80	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Bỉnh	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Bình đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14691	81	Đường Triệu Quang Phục	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Xí	Phường Bình Phước	430	340	200	
14692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14698	82	Đường Triệu Quang Phục	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14705	83	Đường Trường Chinh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14712	84	Đường Trường Chinh	Đường Trần Hưng Đạo	Đập Suối Cam	Phường Bình Phước	430	340	200	
14713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đập Suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14719	85	Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Quốc lộ 14	Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài)	Phường Bình Phước	430	340	200	
14720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14726	86	Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài)	Hết tuyến	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14733	87	Đường Trương Công Định	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	430	340	200	
14734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14740	88	Đường Trương Công Định	Đường Đặng Thai Mai	Đường Lê Trọng Tấn	Phường Bình Phước	430	340	200	
14741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Đặng Thai Mai đến Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14747	89	Đường Võ Văn Tần	Đường Hùng Vương	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14754	90	Đường Võ Văn Tần	Đường Điểu Ông	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
14755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14761	91	Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Hùng Vương	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Bình Phước	430	340	200	
14762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14768	92	Đường Võ Văn Tần	Đường Tôn Đức Thắng	Đường số 31	Phường Bình Phước	430	340	200	
14769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14775	93	Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường số 31	Đường Trường Chinh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường số 31 đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14782	94	Đường 6 tháng 1	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6 tháng 1 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14789	95	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14796	96	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14803	97	Đường Nguyễn Chánh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14810	98	Đường Nguyễn Bình	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14817	99	Đường Lê Hồng Phong	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14824	100	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14831	101	Đường Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Hồng Phong	Phường Bình Phước	430	340	200	
14832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14838	102	Đường Trần Văn Trà	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14845	103	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14852	104	Đường Hoàng Văn Thái	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Bỉnh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14859	105	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Bỉnh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14866	106	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Bỉnh	Phường Bình Phước	430	340	200	
14867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14873	107	Đường Ngô Gia Tự	Đường 6 tháng 1	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường 6 tháng 1 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14880	108	Đường Trần Phú	Đường Quốc Lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
14881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14887	109	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Nguyễn Chánh	Đường Nguyễn Bình	Phường Bình Phước	430	340	200	
14888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Chánh đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14894	110	Đường Trần Cao Vân	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
14895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Cao Vân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14901	111	Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đồng Phú đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14908	112	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
14909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14915	113	Đường Nguyễn Gia Thiều	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
14916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Gia Thiều đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14922	114	Đường Nguyễn Xí	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14929	115	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Triệu Quang Phục	Phường Bình Phước	430	340	200	
14930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Triệu Quang Phục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14936	116	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
14937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14943	117	Đường Nguyễn Văn Siêu	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
14944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14950	118	Đường Phạm Phú Thứ	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
14951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Bạch Đằng đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14957	119	Đường Phan Văn Đạt	Đường Trần Quang Diệu	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14964	120	Đường Phạm Đình Hổ	Đường Trần Quang Diệu	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
14965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Đình Hổ đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14971	121	Đường Dương Bá Trạc	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 26 tháng 12	Phường Bình Phước	430	340	200	
14972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bá Trạc đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14978	122	Đường 26 tháng 12	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	430	340	200	
14979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 26 tháng 12 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14985	123	Đường 9 tháng 6	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Dương Bá Trạc	Phường Bình Phước	430	340	200	
14986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
14991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 6 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Dương Bá Trạc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14992	124	Đường Nguyễn Hữu Huân	Đường 9 tháng 6	Đường số 4	Phường Bình Phước	430	340	200	
14993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
14997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
14998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Huân đoạn từ Đường 9 tháng 6 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
14999	125	Đường Hồ Huấn Nghiệp	Đường 26 tháng 12	Đường 9 tháng 6	Phường Bình Phước	430	340	200	
15000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huấn Nghiệp đoạn từ Đường 26 tháng 12 đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15006	126	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 9 tháng 6	Phường Bình Phước	430	340	200	
15007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường 9 tháng 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15013	127	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Vũ Như Tô	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15020	128	Đường Đặng Thai Mai	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
15021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Thai Mai đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15027	129	Đường Lê Trọng Tấn	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15034	130	Đường Đoàn Thị Điểm	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15041	131	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15048	132	Đường Vũ Như Tô	Đường Bùi Thị Xuân	Cuối đường	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15055	133	Đường Lương Văn Can	Đường Bùi Thị Xuân	Đường 26 tháng 12	Phường Bình Phước	430	340	200	
15056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15062	134	Đường Tăng Bạt Hổ	Đường Chu Văn An	Đường Lương Văn Can	Phường Bình Phước	430	340	200	
15063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lương Văn Can có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15069	135	Đường Hồ Hảo Hớn	Đường Chu Văn An	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	430	340	200	
15070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15076	136	Đường Đào Duy Từ	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Bình Phước	430	340	200	
15077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15083	137	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Bình Phước	430	340	200	
15084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15090	138	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Lê Lợi	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Bình Phước	430	340	200	
15091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15097	139	Đường Trần Nhật Duật	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Bình Phước	430	340	200	
15098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Lê Trọng Tấn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15104	140	Đường Tô Ngọc Vân	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15111	141	Đường Lê Anh Xuân	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Phước	430	340	200	
15112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Quốc Lộ 14 đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15118	142	Đường Hàn Thuyên	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phạm Hùng	Phường Bình Phước	430	340	200	
15119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15125	143	Đường Diên Hồng	Đường Phạm Hùng	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	430	340	200	
15126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Diên Hồng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15132	144	Đường Chu Văn An	Đường Trương Công Định	Đường 26 tháng 12	Phường Bình Phước	430	340	200	
15133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường 26 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15139	145	Đường Phạm Hùng	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15146	146	Đường Phan Huy Ích	Đường Phạm Hùng	Đường Đặng Thai Mai	Phường Bình Phước	430	340	200	
15147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Đặng Thai Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15153	147	Đường Đồng Khởi	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15160	148	Đường Bình Giã	Đường Trần Phú	Đường Đồng Khởi	Phường Bình Phước	430	340	200	
15161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Giã đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15167	149	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Phường Bình Phước	430	340	200	
15168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15174	150	Đường Phạm Hữu Trí	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Phường Bình Phước	430	340	200	
15175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hữu Trí đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Thượng Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15181	151	Đường Lê Quang Định	Đường Trần Phú	Đường Đặng Trần Thi	Phường Bình Phước	430	340	200	
15182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đặng Trần Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15188	152	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Quang Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15195	153	Đường Lê Quát	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Quang Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15202	154	Đường Cao Xuân Huy	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Hai Bà Trưng	Phường Bình Phước	430	340	200	
15203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Thượng Hiền đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15209	155	Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ)	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Cầu suối Cam	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới Tiến Thành - Tân Phú (cũ) đoạn từ Ngã ba đường Trần Hưng Đạo đến Cầu suối Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15216	156	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
15217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15223	157	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
15224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15230	158	Đường Bà Triệu	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
15231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15237	159	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Phú Riềng Đỏ	Suối Đồng Tiền	Phường Bình Phước	430	340	200	
15238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Suối Đồng Tiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15244	160	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15251	161	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Quý Đôn	Cổng trường Tiểu học Tân Thiện	Phường Bình Phước	430	340	200	
15252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Cổng trường Tiểu học Tân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15258	162	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Quang Khải	Phường Bình Phước	430	340	200	
15259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15265	163	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Huệ	Đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15272	164	Đường số 2	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Quang Khải	Phường Bình Phước	430	340	200	
15273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15279	165	Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ)	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15286	166	Đường Hùng Vương	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15293		**Khu vực chợ**			Phường Bình Phước				
15294	167	Đường số 1	Đường Quốc lộ 14	Đường số 7	Phường Bình Phước	430	340	200	
15295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15301	168	Đường số 2	Đường số 7	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 7 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15308	169	Đường số 3	Đường Quốc lộ 14	Đường số 5	Phường Bình Phước	430	340	200	
15309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15315	170	Đường số 4	Đường Quốc lộ 14	Đường số 7	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15322	171	Đường số 5	Đường Điểu Ông	Đường Trần Quốc Toản	Phường Bình Phước	430	340	200	
15323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15329	172	Đường số 6	Đường số 1	Đường số 4	Phường Bình Phước	430	340	200	
15330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 1 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15336	173	Đường số 7	Đường Điểu Ông	Đường Trần Quốc Toản	Phường Bình Phước	430	340	200	
15337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điểu Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điều Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường Điều Ông đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15343	174	Đường số 8	Đường số 2	Đường Trần Quốc Toản	Phường Bình Phước	430	340	200	
15344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15350	175	Đường số 9	Đường số 2	Đường Điều Ông	Phường Bình Phước	430	340	200	
15351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điều Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điều Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điểu Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điểu Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điểu Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường số 2 đến Đường Điểu Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15357	176	Đường Điểu Ông	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15364	177	Đường Trần Quốc Toản	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15371		**Trung tâm thương mại thành phố Đồng Xoài (cũ)**			Phường Bình Phước				
15372	178	Đường Nơ Trang Long	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
15373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15379	179	Đường Phạm Ngọc Thảo	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15386	180	Đường Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15393	181	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15400	182	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Lương Bằng	Phường Bình Phước	430	340	200	
15401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15407	183	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
15408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15414	184	Đường Nguyễn Duy	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Công Hoan	Phường Bình Phước	430	340	200	
15415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15421	185	Đường Phạm Thế Hiển	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Duy	Phường Bình Phước	430	340	200	
15422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Duy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15428	186	Đường Lương Thế Vinh	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15435	187	Đường Nguyễn Thi	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15442	188	Đường Tô Hiệu	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
15443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15449	189	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
15450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15456	190	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Võ Văn Tần	Đường Nguyễn Chánh	Phường Bình Phước	430	340	200	
15457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15463	191	Đường Thành Thái	Đường quy hoạch số 5	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
15464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15470	192	Đường Nguyễn Hoàn	Đường quy hoạch số 5	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
15471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàn đoạn từ Đường quy hoạch số 5 đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15477	193	Đường số 31	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
15478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15484	194	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Thành Thái	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Bình Phước	430	340	200	
15485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Thành Thái đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15491	195	Đường Mai Thúc Loan	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15498	196	Đường Cao Văn Lầu	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
15499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Văn Lầu đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15505	197	Đường Văn Cao	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
15506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15512	198	Đường Hồ Văn Huê	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Phước	430	340	200	
15513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Mai Thúc Loan đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15519	199	Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài)	Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 5 (thửa đất của ông Trịnh Ngọc Vinh)	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Phước	430	340	200	
15520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 5 (thửa đất của ông Trịnh Ngọc Vinh) đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 5 (thửa đất của ông Trịnh Ngọc Vinh) đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 5 (thửa đất của ông Trịnh Ngọc Vinh) đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 5 (thửa đất của ông Trịnh Ngọc Vinh) đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 5 (thửa đất của ông Trịnh Ngọc Vinh) đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài) đoạn từ Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 5 (thửa đất của ông Trịnh Ngọc Vinh) đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15526	200	Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú)	Đường Quốc lộ 14	Hết đường Nguyễn Chánh	Phường Bình Phước	430	340	200	
15527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội trú) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường Nguyễn Chánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15533	201	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Phú Riềng Đỏ	Hết tuyến (toàn tuyến)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết tuyến (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15540	202	Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
15541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15547	203	Đường Cù Chính Lan	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	Phường Bình Phước	430	340	200	
15548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15554	204	Đường Trần Tế Xương	Đường Cù Chính Lan	Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Tế Xương đoạn từ Đường Cù Chính Lan đến Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15561	205	Đường Nguyễn Thông	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Tế Xương	Phường Bình Phước	430	340	200	
15562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15568	206	Đường Võ Trường Toản	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Tế Xương	Phường Bình Phước	430	340	200	
15569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Tế Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15575	207	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	231	183	107	
15580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	185	146	86	
15581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	148	117	69	
15582	208	Đường ĐT 741	Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ)	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	530	420	250	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	285	226	134	
15584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	228	180	107	
15585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	182	144	86	
15586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	285	226	134	
15587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	228	180	107	
15588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	182	144	86	
15589	209	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7	Phường Bình Phước	530	420	250	
15590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	285	226	134	
15591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	228	180	107	
15592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	182	144	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	285	226	134	
15594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	228	180	107	
15595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	182	144	86	
15596	210	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Giáp ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7	Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20	Phường Bình Phước	530	420	250	
15597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	285	226	134	
15598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	228	180	107	
15599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	182	144	86	
15600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	285	226	134	
15601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	228	180	107	
15602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7 đến Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	182	144	86	
15603	211	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20	Ngã ba giao đường bộ đội	Phường Bình Phước	530	420	250	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	285	226	134	
15605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	228	180	107	
15606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	182	144	86	
15607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	285	226	134	
15608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	228	180	107	
15609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba giao đường bộ đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	182	144	86	
15610	212	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Ngã ba giao đường bộ đội	Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ)	Phường Bình Phước	530	420	250	
15611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	285	226	134	
15612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	228	180	107	
15613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	182	144	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	285	226	134	
15615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	228	180	107	
15616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đoạn từ Ngã ba giao đường bộ đội đến Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	182	144	86	
15617	213	Đường Tiến Hưng - Tiến Thành	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	330	260	155	
15618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tiến Hưng - Tiến Thành đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh phường Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15624	214	Đường nhựa đi ấp Dên Dên	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	330	260	155	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Dên Dên đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15631	215	Đường Trường Chinh nối dài	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Ngõ 129	Phường Bình Phước	330	260	155	
15632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) đến Ngõ 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15638	216	Đường Trường Chinh nối dài	Ngõ 129	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	Phường Bình Phước	330	260	155	
15639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 129 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15645	217	Đường Trường Chinh nối dài	Ngõ 401	Giáp ranh phường Tân Bình (cũ)	Phường Bình Phước	330	260	155	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh nối dài đoạn từ Ngõ 401 đến Giáp ranh phường Tân Bình (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15652	218	Đường Long An (ngõ 354)	Đường ĐT 741	Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	330	260	155	
15653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long An (ngõ 354) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15659	219	Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246)	Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã)	Ngã ba (đường Long An)	Phường Bình Phước	330	260	155	
15660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã) đến Ngã ba (đường Long An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15666	220	Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246)	Ngã ba (đường Long An)	Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	330	260	155	
15667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246) đoạn từ Ngã ba (đường Long An) đến Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15673	221	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	Đường ĐT 741	Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3	Phường Bình Phước	330	260	155	
15674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15680	222	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3	Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3	Phường Bình Phước	330	260	155	
15681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) đoạn từ Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 đến Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15687	223	Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245)	Đường ĐT 741	Giáp khu dân cư 92 ha	Phường Bình Phước	330	260	155	
15688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp khu dân cư 92 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15694	224	Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245)	Giáp khu dân cư 92 ha	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Phường Bình Phước	330	260	155	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) đoạn từ Giáp khu dân cư 92 ha đến Đường ĐH 507 (đường Nông Trường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15701	225	Ngõ 486	Đường ĐT 741	Hết ranh đất nhà máy xử lý rác	Phường Bình Phước	330	260	155	
15702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 486 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh đất nhà máy xử lý rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15708	226	Ngõ 493, 477	Đường ĐT 741	Khu dân cư Tà Bế Gold	Phường Bình Phước	330	260	155	
15709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 493, 477 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Khu dân cư Tà Bế Gold có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15715	227	Ngõ 401, 393	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 401, 393 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15722	228	Ngõ 551 (đoạn đường nhựa)	Đường ĐT 741	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11	Phường Bình Phước	330	260	155	
15723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 (đoạn đường nhựa) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15729	229	Ngõ 551	Giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04	Phường Bình Phước	330	260	155	
15730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 đoạn từ Giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 đoạn từ Giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 551 đoạn từ Giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 đoạn từ Giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 đoạn từ Giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 551 đoạn từ Giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15736	230	Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15743	231	Ngõ 422, 371, 427	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 422, 371, 427 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15750	232	Ngõ 326, 292, 282, 270	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 326, 292, 282, 270 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15757	233	Ngõ 212, 182	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 212, 182 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15764	234	Ngõ 226, 202, 146	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 226, 202, 146 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15771	235	Ngõ 22	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 22 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15778	236	Ngõ 44	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 44 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15785	237	Ngõ 2	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 2 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15792	238	Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15799	239	Ngõ 249, 281, 301	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 249, 281, 301 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15806	240	Ngõ 303	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	330	260	155	
15807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngõ 303 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15813	241	Đường nhựa thuộc ấp 1	Ngõ 445	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	Phường Bình Phước	330	260	155	
15814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thuộc ấp 1 đoạn từ Ngõ 445 đến Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15820	242	Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6	Ngõ 49	Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245)	Phường Bình Phước	330	260	155	
15821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	
15822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Phước	177	140	83	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Phước	142	112	67	
15826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6 đoạn từ Ngõ 49 đến Đường nhựa cặp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Phước	114	90	54	
15827	243	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15828	244	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15829	245	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15830	246	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15831	247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15832	248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15833	249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15834	250	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15835	251	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15836	252	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15837	253	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15838	254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15839	255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15840	256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15841	257	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15842	258	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15843	259	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15844	260	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15845	261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15846	262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15847	263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200 m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15848	264	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15849	265	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15850	266	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15851	267	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15852	268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15853	269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15854	270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15855	271	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15856	272	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15857	273	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15858	274	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15859	275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15860	276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15861	277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15862	278	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15863	279	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu từ 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15864	280	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu từ 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15865	281	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu từ 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15866	282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu từ 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15867	283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15868	284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15869	285	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15870	286	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15871	287	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15872	288	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15873	289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Phước	430	340	200	
15874	290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
15875	291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15876	292	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15877	293	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15878	294	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15879	295	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15880	296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15881	297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15882	298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15883	299	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15884	300	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15885	301	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15886	302	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15887	303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15888	304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15889	305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15890	306	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15891	307	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15892	308	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15893	309	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15894	310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15895	311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15896	312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15897	313	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15898	314	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15899	315	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15900	316	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15901	317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15902	318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15903	319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15904	320	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15905	321	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15906	322	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15907	323	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15908	324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15909	325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15910	326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15911	327	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15912	328	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15913	329	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15914	330	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15915	331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15916	332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15917	333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15918	334	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15919	335	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15920	336	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15921	337	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	Phường Bình Phước	430	340	200	
15922	338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
15923	339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15924	340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15925	341	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15926	342	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15927	343	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15928	344	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15929	345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15930	346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15931	347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15932	348	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15933	349	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15934	350	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15935	351	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15936	352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15937	353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15938	354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15939	355	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15940	356	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15941	357	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15942	358	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15943	359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15944	360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15945	361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15946	362	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15947	363	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15948	364	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15949	365	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15950	366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15951	367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15952	368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15953	369	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15954	370	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15955	371	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15956	372	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15957	373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15958	374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15959	375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15960	376	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15961	377	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15962	378	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15963	379	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15964	380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15965	381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15966	382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15967	383	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15968	384	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15969	385	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15970	386	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15971	387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15972	388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15973	389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15974	390	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15975	391	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15976	392	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15977	393	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15978	394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15979	395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15980	396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15981	397	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15982	398	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15983	399	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15984	400	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15985	401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15986	402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15987	403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15988	404	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15989	405	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15990	406	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15991	407	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15992	408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
15993	409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15994	410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	Phường Bình Phước	430	340	200	
15995	411	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu đến 200 m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
15996	412	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
15997	413	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
15998	414	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
15999	415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16000	416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16001	417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16002	418	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16003	419	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16004	420	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16005	421	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16006	422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16007	423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16008	424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16009	425	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16010	426	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16011	427	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16012	428	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16013	429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16014	430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16015	431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16016	432	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16017	433	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16018	434	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16019	435	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16020	436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16021	437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16022	438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16023	439	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16024	440	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16025	441	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16026	442	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16027	443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16028	444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16029	445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16030	446	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16031	447	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16032	448	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16033	449	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16034	450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16035	451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16036	452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16037	453	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16038	454	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16039	455	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16040	456	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16041	457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16042	458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16043	459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16044	460	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16045	461	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16046	462	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16047	463	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	Phường Bình Phước	430	340	200	
16048	464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16049	465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16050	466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16051	467	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16052	468	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16053	469	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16054	470	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16055	471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16056	472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16057	473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16058	474	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16059	475	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	
16060	476	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16061	477	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200 m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16062	478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16063	479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16064	480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16065	481	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16066	482	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16067	483	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16068	484	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16069	485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16070	486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16071	487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16072	488	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16073	489	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16074	490	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 200 m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16075	491	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16076	492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16077	493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc Lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16078	494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16079	495	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16080	496	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16081	497	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16082	498	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16083	499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16084	500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16085	501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16086	502	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16087	503	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16088	504	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16089	505	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16090	506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16091	507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16092	508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16093	509	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16094	510	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16095	511	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16096	512	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16097	513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16098	514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16099	515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16100	516	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16101	517	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16102	518	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16103	519	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16104	520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16105	521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16106	522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16107	523	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16108	524	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16109	525	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16110	526	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16111	527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16112	528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16113	529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16114	530	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16115	531	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16116	532	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16117	533	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16118	534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16119	535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16120	536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16121	537	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16122	538	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16123	539	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16124	540	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16125	541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16126	542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16127	543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16128	544	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	Phường Bình Phước	430	340	200	
16129	545	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16130	546	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16131	547	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16132	548	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16133	549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng cũ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16134	550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16135	551	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16136	552	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16137	553	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16138	554	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16139	555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16140	556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16141	557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16142	558	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16143	559	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16144	560	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16145	561	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16146	562	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16147	563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16148	564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16149	565	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16150	566	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước	Phường Bình Phước	430	340	200	
16151	567	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước	Giáp ranh xã Tiến Hưng cũ	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16152	568	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16153	569	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16154	570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16155	571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16156	572	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16157	573	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16158	574	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16159	575	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16160	576	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16161	577	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16162	578	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16163	579	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16164	580	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16165	581	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16166	582	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16167	583	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16168	584	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16169	585	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16170	586	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16171	587	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16172	588	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16173	589	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16174	590	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16175	591	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đấu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16176	592	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16177	593	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Bình Phước	430	340	200	
16178	594	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	
16179	595	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16180	596	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	
16181	597	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	
16182	598	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	
16183	599	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	
16184	600	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	
16185	601	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	
16186	602	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	
16187	603	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16188	604	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	
16189	605	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	Phường Bình Phước	430	340	200	
16190	606	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu đến 200 m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16191	607	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16192	608	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16193	609	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16194	610	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16195	611	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16196	612	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16197	613	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16198	614	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16199	615	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16200	616	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16201	617	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16202	618	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16203	619	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16204	620	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16205	621	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16206	622	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16207	623	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Phường Bình Phước	430	340	200	
16208	624	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16209	625	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16210	626	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16211	627	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16212	628	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16213	629	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16214	630	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16215	631	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16216	632	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16217	633	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16218	634	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16219	635	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Bình Phước	430	340	200	
16220	636	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
16221	637	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
16222	638	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
16223	639	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16224	640	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
16225	641	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
16226	642	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
16227	643	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
16228	644	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
16229	645	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
16230	646	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16231	647	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Phường Bình Phước	430	340	200	
16232	648	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16233	649	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16234	650	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16235	651	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16236	652	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16237	653	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16238	654	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16239	655	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16240	656	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16241	657	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16242	658	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16243	659	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Phước	430	340	200	
16244	660	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16245	661	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16246	662	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16247	663	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16248	664	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16249	665	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16250	666	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16251	667	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16252	668	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16253	669	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16254	670	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16255	671	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Phước	430	340	200	
16256	672	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16257	673	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16258	674	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16259	675	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16260	676	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16261	677	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16262	678	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16263	679	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16264	680	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16265	681	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16266	682	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16267	683	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Phước	430	340	200	
16268	684	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tiến Hưng cũ được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường trên 3,5m	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	280	220	130	
16269	685	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tiến Hưng cũ được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 3,5m	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	280	220	130	
16270	686	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tiến Hưng (cũ)	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	280	220	130	
16271	687	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16272	688	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
16273	689	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	430	340	200	
16274	690	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	370	295	175	
16275	691	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	370	295	175	
16276	692	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		Phường Bình Phước	370	295	175	
16277	1	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	800	640	380	39
16278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	430	344	204	21
16279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	344	275	163	17
16280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	275	220	130	14
16281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	430	344	204	21

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	344	275	163	17
16283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	275	220	130	14
16284	2	Đường Quốc lộ 14	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	800	640	380	39
16285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	430	344	204	21
16286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	344	275	163	17
16287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	275	220	130	14
16288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	430	344	204	21
16289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	344	275	163	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47) đến Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	275	220	130	14
16291	3	Đường Quốc lộ 14	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	530	420	250	39
16292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	285	226	134	21
16293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	228	180	107	17
16294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	182	144	86	14
16295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	285	226	134	21
16296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	228	180	107	17
16297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75) đến Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	182	144	86	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16298	4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	530	420	250	39
16299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	285	226	134	21
16300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	228	180	107	17
16301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	182	144	86	14
16302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	285	226	134	21
16303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	228	180	107	17
16304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang) đến Giáp ranh xã Nha Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	182	144	86	14
16305	5	Đường Phan Bội Châu	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16312	6	Đường Phan Chu Trinh	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16319	7	Đường Trần Hữu Độ	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16326	8	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16333	9	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Vành đai phía Nam	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Vành đai phía Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16340	10	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Quốc lộ 14	Đường số 37	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16347	11	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường số 37	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ Đường số 37 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16354	12	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phan Bội Châu	Đường số 32 (N7)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16361	13	Đường Trần Huy Liệu	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16368	14	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16375	15	Đường Phan Văn Trị	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16382	16	Đường Bùi Viện	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16389	17	Đường Ngô Đức Kế	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16396	18	Đặng Trần Côn	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đặng Trần Côn đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16403	19	Đường Nam Cao	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Hải Thượng Lãn Ông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16410	20	Đường số 37	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường số 32 (N7)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 đoạn từ Đường Hải Thượng Lãn Ông đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 đoạn từ Đường Hải Thượng Lãn Ông đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 đoạn từ Đường Hải Thượng Lãn Ông đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 đoạn từ Đường Hải Thượng Lãn Ông đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 đoạn từ Đường Hải Thượng Lãn Ông đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 đoạn từ Đường Hải Thượng Lãn Ông đến Đường số 32 (N7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16417	21	Đường Dương Khuê	Đường Nam Cao	Cuối đường	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Khuê đoạn từ Đường Nam Cao đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16424	22	Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung)	Đường Quốc lộ 14	Hết đường	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hữu Độ nối dài (giáp trường chuyên Quang Trung) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16431	23	Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ)	Cầu Suối Cốc	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ) đoạn từ Cầu Suối Cốc đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16438	24	Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng	Đường N6 khu dân cư Quang Minh Tiến	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu dân cư Quang Minh Tiến đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu dân cư Quang Minh Tiến đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu dân cư Quang Minh Tiến đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu dân cư Quang Minh Tiến đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu dân cư Quang Minh Tiến đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng đoạn từ Đường N6 khu dân cư Quang Minh Tiến đến Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16445	25	Đường vào Trạm xá K23	Đường Quốc lộ 14	Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16452	26	Đường vào Trạm xá K23	Đường vào nhà văn hóa ấp 2	Cầu Quận 3	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm xá K23 đoạn từ Đường vào nhà văn hóa ấp 2 đến Cầu Quận 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16459	27	Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê)	Đường Quốc lộ 14	Cầu Bưng Sê	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cầu Bưng Sê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16466	28	Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê)	Cầu Bưng Sê	Giáp ranh xã Thuận Lợi	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bưng Sê) đoạn từ Cầu Bưng Sê đến Giáp ranh xã Thuận Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16473	29	Đường nhựa Việt Úc	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16480	30	Đường nhựa Việt Úc	Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7	Cuối đường	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Việt Úc đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16487	31	Đường vào Trung tâm Khuyến Nông	Đường Quốc lộ 14	Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm Khuyến Nông đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16494	32	Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16501	33	Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy đinh trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16508	34	Khu quy hoạch chợ Tân Thành	Đường D1, N1		Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Đường D1, N1 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16515	35	Khu quy hoạch chợ Tân Thành	Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành		Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu quy hoạch chợ Tân Thành đoạn từ Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16522	36	Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ)	Đường vành đai 2	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Đường vành đai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16529	37	Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ)	Vành đai 2 (Chưa thông tuyến)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa) đoạn từ Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ) đến Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16536	38	Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông)	Đường QH số 31	Ranh phường Bình Phước	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường QH số 31 đến Ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16543	39	Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông)	Đường VĐ1	Đường VĐ 2	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ Đường VĐ1 đến Đường VĐ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16550	40	Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông)	QL 14	Đường QH số 39	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14
16554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Xoài	177	140	83	21
16555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	142	112	67	17
16556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông) đoạn từ QL 14 đến Đường QH số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	114	90	54	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16557	41	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16558	42	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16559	43	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16560	44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16561	45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16562	46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16563	47	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16564	48	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16565	49	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16566	50	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16567	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16568	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16569	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16570	54	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16571	55	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16572	56	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16573	49	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16574	50	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16575	51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16576	52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16577	53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16578	54	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16579	55	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16580	56	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16581	57	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16582	58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16583	59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16584	60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16585	61	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16586	62	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16587	63	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16588	64	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	Phường Đồng Xoài	330	260	155	39
16589	65	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Quốc lộ 14	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16596	66	Đường Vành đai phía Nam	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai phía Nam đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai phía Nam đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai phía Nam đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai phía Nam đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai phía Nam đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai phía Nam đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16603	67	Đường quy hoạch số 34	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh phường Bình Phước	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 34 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 34 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 34 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 34 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 34 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 34 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16610	68	Đường quy hoạch số 35	Đường Vành đai phía Nam	Giáp ranh phường Bình Phước	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 35 đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 35 đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 35 đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 35 đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Xoài	231	183	107	21
16615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 35 đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Xoài	185	146	86	17
16616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 35 đoạn từ Đường Vành đai phía Nam đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Xoài	148	117	69	14
16617	69	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Quốc lộ 14	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16618	70	Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến)	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16619	71	Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh phường Bình Phước	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16620	72	Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Đường Vành đai phía Nam	Giáp ranh phường Bình Phước	Phường Đồng Xoài	430	340	200	39
16621		**Khu vực tờ bản đồ từ số 1 đến số 51 (Bản đồ địa chính phường Đồng Xoài)**			Phường Đồng Xoài				
16622	73	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	370	295	175	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16623	74	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	370	295	175	39
16624	75	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	370	295	175	39
16625	76	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	370	295	175	39
16626	77	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	370	295	175	39
16627	78	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	370	295	175	39
16628		**Khu vực các tờ bản đồ còn lại (Bản đồ địa chính phường Đồng Xoài)**			Phường Đồng Xoài				
16629	79	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	280	220	130	39
16630	80	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	280	220	130	39
16631	81	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	280	220	130	39
16632	82	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	280	220	130	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16633	83	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	280	220	130	39
16634	84	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		Phường Đồng Xoài	280	220	130	39
16635	1	Đường ĐT 751	Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành)	Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành	Phường Minh Hưng	700	560	336	
16636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
16637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
16638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
16639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
16640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đến Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
16642	2	Đường ĐT 751	Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ	Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1	Phường Minh Hưng	700	560	336	
16643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
16644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
16645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
16646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
16647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
16648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ đến Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16649	3	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1	Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1	Phường Minh Hưng	700	560	336	
16650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
16651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
16652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
16653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
16654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
16655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
16656	4	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1	Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3)	Phường Minh Hưng	700	560	336	
16657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
16659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
16660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
16661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
16662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lầu) - Khu phố Minh Long 1 đến Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
16663	5	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3)	Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh)	Phường Minh Hưng	700	560	336	
16664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
16665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
16666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
16668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
16669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 đoạn từ Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3) đến Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
16670	6	Đường ĐH 05	Đường ĐT 751	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16677	7	Đường ĐH 05	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05	Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117)	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16684	8	Đường ĐH 05	Đường ĐH04	Đường ĐH15	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16691	9	Đường ĐH 05	Đường ĐT 751	Đường ĐH 06	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16698	10	Đường ĐH 06	Ranh giới phường Chơn Thành	Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành đến Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16705	11	Đường ĐH 06	Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44	Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06	Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44 đến Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16712	12	Đường ĐH 06	Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06	Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh)	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 06 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06 đến Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16719	13	Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành)	Đường ĐT 751	Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16726	14	Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành)	Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16733	15	Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16740	16	Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Đường ĐH 06	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16747	17	Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6)	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16754	18	Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6	Đường Ngô Đức Kế	Đường số 7	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16761	19	Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6	Đường số 3	Đường số 7	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3 đến Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16768	20	Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6	Đường số 3A	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường số 3A đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16775	21	Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16782	22	Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16789	23	Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16796	24	Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7	Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16803	25	Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16810	26	Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16817	27	Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16824	28	Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16831	29	Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16838	30	Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16845	31	Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7	Đường ĐT 751	Đường số 52	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16852	32	Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7	Đường số 52	Đường ĐH 05	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7 đoạn từ Đường số 52 đến Đường ĐH 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16859	33	Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Đường số 52	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16866	34	Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 18	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16873	35	Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 52	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16880	36	Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 16	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16887	37	Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16894	38	Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16901	39	Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16908	40	Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16915	41	Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2	Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137	Đường số 29	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137 đến Đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16922	42	Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16929	43	Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16936	44	Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16943	45	Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2	Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16950	46	Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16957	47	Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16964	48	Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16971	49	Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2	Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130	Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130 đến Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16978	50	Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2	Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130	Đường ĐH 15	Phường Minh Hưng	394	315	189	
16979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
16982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
16983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
16984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130 đến Đường ĐH 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16985	51	Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2	Đường số 29	Đường số 29B	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường số 29 đến Đường số 29B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16992	52	Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2	Suối Bà Và	Suối 1	Phường Minh Hưng	276	221	132	
16993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
16994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
16997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
16998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Suối Bà Và đến Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
16999	53	Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17006	54	Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3	Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17013	55	Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137)	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17020	56	Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Đường số 40	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17027	57	Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3	Đường số 40	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17034	58	Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Đường số 30	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17041	59	Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17048	60	Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17055	61	Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 35	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17062	62	Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17069	63	Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ngã ba đường đường số 33 và 35	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường đường số 33 và 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17076	64	Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2	Ngã ba đường đường số 33 và 35	Đường số 51	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Ngã ba đường đường số 33 và 35 đến Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17083	65	Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 40	Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17090	66	Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3	Ngã tư đường số 40	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao)	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã tư đường số 40 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17097	67	Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao)	Đường ĐH 06	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bưng Cao) đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17104	68	Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17111	69	Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Ngã ba đường số 40	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã ba đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17118	70	Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3	Ngã ba đường số 40	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Ngã ba đường số 40 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17125	71	Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17132	72	Đường số 40- Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Đường số 38	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40- Khu phố Minh Long 3 đoạn từ Đường số 32 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17139	73	Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128)	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17146	74	Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128)	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17153	75	Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17160	76	Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Ngã tư đường bê tông và đường số 43B	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông và đường số 43B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17167	77	Đường số 44- Khu phố Minh Long 5	Đường ĐH 06	Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Đường ĐH 06 đến Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17174	78	Đường số 44- Khu phố Minh Long 5	Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122	Đường ĐH 06	Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44- Khu phố Minh Long 5 đoạn từ Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122 đến Đường ĐH 06 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17181	79	Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128)	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17188	80	Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4	Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128)	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17195	81	Đường số 47- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17202	82	Đường số 47- Khu phố Minh Long 4	Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127	Đướng số 45	Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đướng số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đướng số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đướng số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đướng số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đướng số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127 đến Đướng số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17209	83	Đường số 49- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐT 751 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17216	84	Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4	Đường số 29	Suối	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường số 29 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17223	85	Đường số 52- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐH 05	Đường số 3	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52- Khu phố Minh Long 4 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17230	86	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát)	Ngã tư đường số 89, đường số 20	Phường Minh Hưng	700	560	336	
17231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát) đến Ngã tư đường số 89, đường số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17237	87	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 89, đường số 20	Ngã tư đường số 84, đường số 97	Phường Minh Hưng	700	560	336	
17238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 89, đường số 20 đến Ngã tư đường số 84, đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17244	88	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 84, đường số 97	Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01	Phường Minh Hưng	700	560	336	
17245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư đường số 84, đường số 97 đến Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17251	89	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01	Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69	Phường Minh Hưng	700	560	336	
17252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17258	90	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69	Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25	Phường Minh Hưng	700	560	336	
17259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69 đến Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17265	91	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25	Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11	Phường Minh Hưng	700	560	336	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25 đến Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17272	92	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11	Ranh giới phường Tân Khai	Phường Minh Hưng	700	560	336	
17273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	376	301	180	
17277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	301	241	144	
17278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	241	193	115	
17279	93	Đường ĐT752B	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17286	94	Đường ĐT752B	Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng	Giáp ranh phường Tân Khai	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT752B đoạn từ Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng đến Giáp ranh phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17293	95	Đường ĐH 01	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17300	96	Đường ĐH 01	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17307	97	Đường ĐH 03	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17314	98	Đường ĐH04	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 19	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17321	99	Đường ĐH04	Ngã tư đường số 19	Ngã tư đường số 17 và đường số 31	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 19 đến Ngã tư đường số 17 và đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17328	100	Đường ĐH04	Ngã tư đường số 17 và đường số 31	Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH04 đoạn từ Ngã tư đường số 17 và đường số 31 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17335	101	Đường ĐH 05	Đường ĐH04	Đường ĐH15	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 05 đoạn từ Đường ĐH04 đến Đường ĐH15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17342	102	Đường ĐH 12	Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng	Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31	Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17349	103	Đường ĐH 12	Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31	Giáp ranh xã Tân Quan	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 12 đoạn từ Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17356	104	Đường ĐH 15	Đường Quốc lộ 13	Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17363	105	Đường ĐH 15	Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng	Giáp ranh phường Chơn Thành	Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17370	106	Đường ĐH 15	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17377	107	Đường ĐH 15	Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28	Ngã ba tiếp giáp đường số 10	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 15 đoạn từ Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đến Ngã ba tiếp giáp đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17384	108	Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng	Ngã ba đường Quốc lộ 13	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21	Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17391	109	Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21	Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21 đến Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17398	110	Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng	Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31	Ranh giới phường Chơn Thành	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng đoạn từ Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17405	111	Đường N1	Đường Quốc lộ 13	Giáp đường số 19	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp đường số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17412	112	Đường N1	Giáp đường số 19	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 đoạn từ Giáp đường số 19 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17419	113	Đường số 1	Đường số 6	Suối Lạnh	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17426	114	Đường số 2	Đường số 6	Đường Minh Hưng-Đồng Nơ	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường số 6 đến Đường Minh Hưng-Đồng Nơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17433	115	Đường số 3	Đường số 6	Suối Lạnh	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường số 6 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17440	116	Đường số 4	Đường ĐH 04	Suối Lạnh	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Suối Lạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17447	117	Đường số 5	Đường số 4	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường số 4 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17454	118	Đường số 6	Đường số 32	Ranh giới phường Tân Khai	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường số 32 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17461	119	Đường số 7	Đường ĐH 04	Đường số 5	Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17468	120	Đường số 8	Đường ĐH 04	Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17475	121	Đường số 9	Đường ĐH 04	Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17482	122	Đường số 10	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17489	123	Đường số 11	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17496	124	Đường số 12	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17503	125	Đường số 13	Đường số 2	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 đoạn từ Đường số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17510	126	Đường số 14	Đường số 1	Ranh giới phường Tân Khai	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 đoạn từ Đường số 1 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17517	127	Đường số 15	Đường ĐH 15	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17524	128	Đường số 16	Đường ĐH 15	Đường N1	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 16 đoạn từ Đường ĐH 15 đến Đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17531	129	Đường số 17	Đường ĐH 04	Đường số 5	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 17 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17538	130	Đường số 18	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17545	131	Đường số 19	Giáp đường số 58	Giáp đường ĐH04	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 58 đến Giáp đường ĐH04 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17552	132	Đường số 19	Giáp đường ĐH04	Giáp đường số 35	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường ĐH04 đến Giáp đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17559	133	Đường số 19	Giáp đường số 35	Ngã tư đường N1	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Giáp đường số 35 đến Ngã tư đường N1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17566	134	Đường số 19	Ngã tư đường N1	Giáp đường Cao Bá Quát	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 19 đoạn từ Ngã tư đường N1 đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17573	135	Đường số 20	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã tư tiếp giáp đường số 21	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư tiếp giáp đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17580	136	Đường số 20	Ngã tư tiếp giáp đường số 21	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17587	137	Đường số 21	Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng	Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17594	138	Đường số 21	Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 21 đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17601	139	Đường số 22	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã tư giáp với đường số 21	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giáp với đường số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17608	140	Đường số 22	Ngã tư giáp với đường số 21	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 22 đoạn từ Ngã tư giáp với đường số 21 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17615	141	Đường số 23	Đường ĐH 12	Ranh giới phường Chơn Thành	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 23 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Ranh giới phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17622	142	Đường số 24	Đường ĐH 12	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 24 đoạn từ Đường ĐH 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17629	143	Đường số 25	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17636	144	Đường số 25	Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2	Hết tuyến	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17643	145	Đường số 26	Đường số 25	Ranh giới phường Tân Khai	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 26 đoạn từ Đường số 25 đến Ranh giới phường Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17650	146	Đường số 27	Đường số 25	Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 25 đến Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17657		Đường số 27	Đường số 26	Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Đường số 26 đến Đến thửa đất số 1613, tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17664	147	Đường số 28	Đường ĐH 04	Đường số 4	Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 28 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17671	148	Đường số 29	Đường ĐH 04	Giáp ranh thửa đất 2567, tò bản đồ số 5	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tò bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tò bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tò bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tò bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tò bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 29 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Giáp ranh thửa đất 2567, tò bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17678	149	Đường số 30	Đường ĐH 04	Đường số 4	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 30 đoạn từ Đường ĐH 04 đến Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17685	150	Đường số 31	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17692	151	Đường số 32	Đường số 6	Đường số 15	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 32 đoạn từ Đường số 6 đến Đường số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17699	152	Đường số 33	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03	Phường Minh Hưng	394	315	189	
17700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 33 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17706	153	Đường số 34	Đường ĐH 05	Đường số 38	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 34 đoạn từ Đường ĐH 05 đến Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17713	154	Đường số 35	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17720	155	Đường số 36	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17727	156	Đường số 36A	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 36A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17734	157	Đường số 37	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17741	158	Đường số 38	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17748	159	Đường số 39	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17755	160	Đường số 40	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17762	161	Đường số 41	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17769	162	Đường số 42	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17776	163	Đường số 43	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17783	164	Đường số 44	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17790	165	Đường số 45	ĐH12	Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7	Phường Minh Hưng	276	221	132	
17791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 45 đoạn từ ĐH12 đến Đến thửa đất số 736 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17797	166	Đường số 46	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17804	167	Đường số 47	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17811	168	Đường số 48	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17818	169	Đường số 49	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17825	170	Đường số 50	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17832	171	Đường số 51	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17839	172	Đường số 52	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17846	173	Đường số 53	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17853	174	Đường số 54	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17860	175	Đường số 55	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17867	176	Đường số 56	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17874	177	Đường số 57	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	
17875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
17879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
17880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 57 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
17881	178	Đường số 58	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17888	179	Đường số 59	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17895	180	Đường số 60	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17902	181	Đường số 61	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17909	182	Đường số 62	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17916	183	Đường số 63	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17923	184	Đường số 64	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17930	185	Đường số 65	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17937	186	Đường số 66	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17944	187	Đường số 67	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17951	188	Đường số 68	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17958	189	Đường số 69	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17965	190	Đường số 70	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17972	191	Đường số 71	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17979	192	Đường số 72	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17986	193	Đường số 73	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
17987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17993	194	Đường số 74	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
17994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
17997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
17998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
17999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18000	195	Đường số 75	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18007	196	Đường số 76	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18014	197	Đường số 77	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18021	198	Đường số 79	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18028	199	Đường số 80	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18035	200	Đường số 81	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18042	201	Đường số 82	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18049	202	Đường số 83	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18056	203	Đường số 84	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18063	204	Đường số 85	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18070	205	Đường số 86	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18077	206	Đường số 87	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18084	207	Đường số 88	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18091	208	Đường số 89	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18098	209	Đường số 90	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18105	210	Đường số 91	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18112	211	Đường số 92	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18119	212	Đường số 93	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18126	213	Đường số 94	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18133	214	Đường số 95	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18140	215	Đường số 96	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 96 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18147	216	Đường số 97	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 97 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18154	217	Đường số 98	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18161	218	Đường số 99	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18168	219	Đường số 100	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18175	220	Đường số 101	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18182	221	Đường số 102	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18189	222	Đường số 103	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	276	221	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
18191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
18192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
18193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	148	119	71	
18194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	118	95	57	
18195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	94	76	46	
18196	223	Đường số 104	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	
18197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18203	224	Đường số 105	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Minh Hưng	212	169	102	
18208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Minh Hưng	169	135	81	
18209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 105 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Minh Hưng	135	108	65	
18210	225	Đường nhựa, đường bê tông còn lại chưa quy định cụ thể ở các mục trên	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	250	200	120	
18211	226	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		Phường Minh Hưng	250	200	120	
18212	1	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84)	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18219	2	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi	Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi đến Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18226	3	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18233	4	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	Đường Nguyễn Công Hoan	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Lạc Long Quân (Đường số 7) đến Đường Nguyễn Công Hoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18240	5	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng)	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18247	6	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng)	Ranh giới phường Minh Hưng	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố Phùng Hưng) đến Ranh giới phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18254	7	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Bến Đình	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Bến Đình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18261	8	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Cầu Bến Đình	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Phường Chơn Thành	700	560	336	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Cầu Bến Đình đến Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18268	9	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18275	10	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7	Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ))	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18282	11	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Suối Đôi	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Cầu Suối Đôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18289	12	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Cầu Suối Đôi	Cầu Bàu Bàng	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Suối Đôi đến Cầu Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18296	13	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Cầu Bàu Bàng	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành)	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Cầu Bàu Bàng đến Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18303	14	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành)	Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42)	Phường Chơn Thành	700	560	336	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	376	301	180	
18305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	301	241	144	
18306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	241	193	115	
18307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	376	301	180	
18308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	301	241	144	
18309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành) đến Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	241	193	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18310	15	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42)	Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ))	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42) đến Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18317	16	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83)	Phường Chơn Thành	700	560	336	
18318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18324	17	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83)	Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4	Phường Chơn Thành	700	560	336	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83) đến Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18331	18	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4	Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	Phường Chơn Thành	700	560	336	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4 đến Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An. Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18338	19	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Phường Chơn Thành	700	560	336	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
18343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
18344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu đến Ngã ba đường Ngô Đức Kế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
18345					Phường Chơn Thành				
18346	21	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m)	Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m) đến Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18353	22	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A đến Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18360	23	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài đến Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18367	24	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7) đoạn từ Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân đến Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18374	25	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751)	Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78)	Phường Chơn Thành	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751) đến Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 141, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18381	26	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	Phường Chơn Thành	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18388	27	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60	Phường Chơn Thành	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự đến Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18395	28	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12)	Phường Chơn Thành	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60 đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18402	29	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12) đến Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18409	30	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái	Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49	Phường Chơn Thành	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8) đoạn từ Ngã tư đường Phạm Hồng Thái đến Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18416	31	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m)	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m) đến Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18423	32	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72)	Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đoạn từ Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72) đến Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18430	33	Đường Hoàng Hoa Thám (D1)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	394	315	189	
18431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám (D1) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18437	34	Đường Phạm Ngọc Thạch (D9)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	394	315	189	
18438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch (D9) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18444	35	Đường Nguyễn Văn Linh	Trung tâm hành chính phường Chơn Thành	Ngã tư đường Cao Bá Quát	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Trung tâm hành chính phường Chơn Thành đến Ngã tư đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18451	36	Đường Phan Đình Giót (N1)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	394	315	189	
18452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót (N1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót (N1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót (N1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót (N1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót (N1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót (N1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18458	37	Đường Phan Đình Phùng (N9)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	394	315	189	
18459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng (N9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng (N9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng (N9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng (N9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng (N9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng (N9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18465	38	Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	394	315	189	
18466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18472	39	Đường Phước Long	Đường 02 tháng 4	Đường D5	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường D5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18479	40	Đường Phước Long	Đường D5	Đường Cao Thắng	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Long đoạn từ Đường D5 đến Đường Cao Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18486	41	Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ)	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)	Phường Chơn Thành	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18493	42	Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ)	Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)	Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Phường Chơn Thành	169	135	81	
18496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) đoạn từ Ngã ba đường tổ Khu phố Đồng Tâm (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34) đến Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18500	43	Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài	Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35)	Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cống Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cổng Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cổng Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cổng Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài đoạn từ Cổng Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35) đến Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18507	44	Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi)	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18514	45	Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi)	Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86	Đường Lạc Long Quân	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố Suối Đôi) đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86 đến Đường Lạc Long Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18521	46	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14)	Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27)	Phường Chơn Thành	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14) đến Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18528	47	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27 đến Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18535	48	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	Hết đường điện 110KV	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long) đến Hết đường điện 110KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18542	49	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Đầu đường điện 110KV	Đường Hồ Chí Minh	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đầu đường điện 110KV đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18549	50	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ	Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20)	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18556	51	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20)	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 887, tờ bản đồ số 20) đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18563	52	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20	Đường Lê Duẩn	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20 đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18570	53	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18577	54	Đường Lê Duẩn	Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20	Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18584	55	Đường Lê Duẩn	Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13	Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13 đến Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18591	56	Đường Lê Duẩn	Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3)	Giáp đường Cao Bá Quát	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3) đến Giáp đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18598	57	Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng)	Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58	Giáp đường Huỳnh Văn Bánh	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố Phùng Hưng, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng) đoạn từ Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58 đến Giáp đường Huỳnh Văn Bánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18605	58	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường 02 tháng 4	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	394	315	189	
18606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	212	169	102	
18607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	135	108	65	
18609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	212	169	102	
18610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	169	135	81	
18611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	135	108	65	
18612	59	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường Nguyễn Văn Linh	Ranh giới phường Minh Thành (cũ)	Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	394	315	189	
18613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	212	169	102	
18614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	169	135	81	
18615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	135	108	65	
18616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	169	135	81	
18618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Ranh giới phường Minh Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành, phường Minh Hưng	135	108	65	
18619	60	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường 02 tháng 4	Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18626	61	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ))	Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng	Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1)	Phường Chơn Thành	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ)) đoạn từ Ngã ba tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng đến Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18633	62	Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ))	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường tổ 9 -10, khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18640	63	Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ))	Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng	Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, Khu phố Phùng Hưng , phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã tư đường tổ 9 -10, Khu phố Phùng Hưng đến Đến thửa đất số 1410 tờ bản số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18647	64	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Long Hưng (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18654	65	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố Hưng Long (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82 đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18661	66	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25	Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25 đến Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18668	67	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Đường Trần Quốc Toản	Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố Long Hưng (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18675	68	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)	Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103) đến Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18682	69	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25)	Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25) đến Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18689	70	Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long	Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang)	Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố Hưng Long đoạn từ Cuối đường sỏi đỏ khu phố Hưng Long giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang) đến Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18696	71	Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long	Đường Điều Ong	Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điều Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điều Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điều Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điểu Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điểu Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Điểu Ong đến Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18703	72	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Đường Nguyễn Huệ	Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18710	73	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi)	Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27	Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Trung Lợi) đoạn từ Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27 đến Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18717	74	Đường Trần Quốc Toản	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường Điểu Ong	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã tư đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18724	75	Đường Điều Ong	Đoạn từ đường 2 tháng 4	Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ong đoạn từ Đoạn từ đường 2 tháng 4 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18731	76	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 02 tháng 4	Đường Điều Ong	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đường Điều Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18738	77	Đường Tô Hiến Thành	Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98	Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Từ phía Tây hết ranh thửa đất số 46 tờ bản đồ số 98; phía Đông hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 98 đến Phía Tây Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 273; phía Đông hết ranh thửa đất số 152 tờ bản đồ số 273 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18745	78	Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18752	79	Đường Ngô Đức Kế	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11)	Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11) đến Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18759	80	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3) đến Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18766	81	Đường Đoàn Thị Điểm	Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71	Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71 đến Ngã ba đường liên Khu phố Suối Đôi -Khu phố Phùng Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18773	82	Đường Hồ Hảo Hớn	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hảo Hớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hảo Hớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18780	83	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường 2 tháng 4	Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18787	84	Đường Phạm Thế Hiển	Đường 2 tháng 4	Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18794	85	Đường Huỳnh Văn Bánh	Đường 02 tháng 4	Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8)	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18801	86	Đường Huỳnh Văn Bánh	Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8)	Ngã ba đường Cao Bá Quát	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Bánh đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8) đến Ngã ba đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18808	87	Đường Tống Duy Tân	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18815	88	Đường Phan Kế Bính	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Kế Bính đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18822	89	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	Phường Chơn Thành	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Ngã ba đường Ngô Tất Tố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18829	90	Đường Thành Thái	Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3	Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18836	91	Đường Đào Duy Từ	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18843	92	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18850	93	Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng)	Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49	Đường Cao Bá Quát	Phường Chơn Thành	394	315	189	
18851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
18855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
18856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố Phùng Hưng) đoạn từ Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 6, tờ bản đồ số 49 đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
18857	94	Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng	Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19)	Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đoạn từ đường Hồ Hảo Hớn (phía Tây giáp với thửa đất số 518 tờ bản đồ số 19; phía Đông giáp thửa đất số 212 tờ bản đồ số 19) đến Đến thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18864	95	Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng	Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12	Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 01, tổ 12, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 đến Đến đường Nguyễn Công Hoan (hết ranh thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18871	96	Đường liên khu phố 9 - khu phố 10	Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9	Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 10 đoạn từ Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9 đến Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18878	97	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18885	98	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18 đến Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18892	99	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 9 - khu phố 2 đoạn từ Ngã ba đường Ngô Đức Kế đến Thửa đất số 858 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18899	100	Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18906	101	Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01) đến Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18913	102	Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01)	Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Phùng Hưng đoạn từ Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01) đến Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18920	103	Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đến Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18927	104	Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi	Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107	Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, 10, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107 đến Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18934	105	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18941	106	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi	Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116	Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18948	107	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi	Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118	Đường Hồ Chí Minh	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đoạn từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 118 đến Đường Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18955	108	Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi	Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111	Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111 đến Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18962	109	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18969	110	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1)	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 1) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18976	111	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2)	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 2) đoạn từ Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116 đến Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18983	112	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3)	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2)	Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Trung Lợi (Nhánh 3) đoạn từ Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2) đến Hết ranh thửa đất 152, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18990	113	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29	Phường Chơn Thành	358	286	172	
18991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
18996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
18997	114	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29	Suối Bàu Bàng	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
18998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
18999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29 đến Suối Bàu Bàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19004	115	Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19011	116	Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111)	Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111) đến Đất ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19018	117	Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13)	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13) đến Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19025	118	Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi	Đường Phan Đình Phùng	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19032	119	Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14)	Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10)	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	192	154	92	
19034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	154	123	74	
19035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	123	98	59	
19036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	192	154	92	
19037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Chơn Thành	154	123	74	
19038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14) đến Ranh giới Thị trấn Chơn Thành cũ (thửa đất số 127, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Chơn Thành	123	98	59	
19039	120	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14)	Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14) đến Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19046	121	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15)	Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) đến Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19053	122	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15)	Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15) đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19060	123	Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bào (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26)	Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bào (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bào (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bào (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (Hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19067	124	Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long	Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26	Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19074	125	Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long	Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25)	Đường liên khu phố 4, khu phố 5	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19081	126	Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long	Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26	Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, khu phố Hưng Long đoạn từ Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26 đến Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19088	127	Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long	Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25)	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3A, 3B, khu phố Hưng Long đoạn từ Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25) đến Đường liên khu phố 4, khu phố 5 (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19095	128	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)	Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32)	Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) đến Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19102	129	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)	Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19109	130	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ)	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31	Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 - khu phố 5 (cũ) đoạn từ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31 đến Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19116	131	Đường tổ 7, khu phố Hưng Long	Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19123	132	Đường tổ 7, khu phố Hưng Long	Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32 đến Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19130	133	Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm	Đường 02 tháng 4	Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 02 tháng 4 đến Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19137	134	Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm	Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19144	135	Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm	Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95	Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4 tổ 5 khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19151	136	Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm	Đường 2 tháng 4	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 7, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Đường 2 tháng 4 đến Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19158	137	Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34)	Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34) đến Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19165	138	Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19172	139	Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34) đến Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19179	140	Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Đồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19186	141	Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phốĐồng Tâm đoạn từ Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ đến Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19193	142	Đường tổ 7, khu phố Hưng Long	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29)	Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 7, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29) đến Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19200	143	Đường tổ 4, khu phố Hưng Long	Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30)	Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 4, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30) đến Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19207	144	Đường tổ 5, khu phố Hưng Long	Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17)	Ngã ba đường liên khu 4-5-8	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long đoạn từ Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17) đến Ngã ba đường liên khu 4-5-8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19214	145	Đường tổ 9, khu phố Hưng Long	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23)	Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23) đến Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19221	146	Đường tổ 9, khu phố Hưng Long	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23)	Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23) đến Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19228	147	Đường tổ 9, khu phố Hưng Long	Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23)	Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 9, khu phố Hưng Long đoạn từ Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23) đến Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19235	148	Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh)	Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18	Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, khu phố Hưng Long (tránh mô Cao Lãnh) đoạn từ Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18 đến Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19242	149	Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi	Đầu đường Cao Thắng	Đường Hoàng Diệu	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đầu đường Cao Thắng đến Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19249	150	Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi	Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20)	Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi đoạn từ Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 20) đến Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19256	151	Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm)	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	394	315	189	
19257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố Đồng Tâm) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19263	152	Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ))	Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87)	Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87) đến Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19270	153	Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ))	Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26)	Giáp đường tổ 3A, khu phố 4	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1, khu phố Hưng Long (đất điện UBND phường Hưng Long (cũ)) đoạn từ Giáp suối Bến Định (đầu ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26) đến Giáp đường tổ 3A, khu phố 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19277	154	Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi	Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na	Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên Khu phố Hưng Long - Khu phố Trung Lợi đoạn từ Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na đến Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19284	155	Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành))	Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70)	Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 (Đường số 8 (Đường 6 Trạm y tế Chơn Thành)) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Thửa đất số 23 tờ bản đồ số 70) đến Đường Trừ Văn Thố (Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 75) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19291	156	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường Chơn Thành (cũ)	Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204	Phường Chơn Thành	700	560	336	
19292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Chơn Thành (cũ) đến Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19298	157	Đường Quốc lộ 13	Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204	Hết đường số 29	Phường Chơn Thành	700	560	336	
19299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Phía Tây giáp thửa đất số 403 tờ bản đồ số 204, phía Đông giáp với thửa đất số 7 và tờ bản đồ số 204 đến Hết đường số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19305	158	Đường Quốc lộ 13	Hết đường số 29	Cầu Tham Rớt	Phường Chơn Thành	700	560	336	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết đường số 29 đến Cầu Tham Rớt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19312	159				Phường Chơn Thành				
19313	160	Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành	Đường Quốc lộ 13	Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành	Phường Chơn Thành	394	315	189	
19314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19320	161	Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195	Phường Chơn Thành	394	315	189	
19321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến hết thửa đất số 127 tờ bản đồ số 195 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19327	162	Đường D9	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19334	163	Đường D9	Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành	Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 đoạn từ Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành đến Hết thửa đất số 156 tờ bản đồ số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19341	164	Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
19342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19348	165	Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211)	Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công	Phường Chơn Thành	394	315	189	
19349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211) đến Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19355	166	Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công	Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214	Phường Chơn Thành	394	315	189	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC) đoạn từ Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công đến Hết ranh thửa số 32 tờ bản đồ số 214 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19362	167	Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ)	Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191)	Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191) đến Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19369	168	Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19376	169	Đường Hồ Chí Minh	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	700	560	336	
19377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19383	170	Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ)	Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201)	Hết tuyến	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ) đoạn từ Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19390	171	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267)	Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265)	Phường Chơn Thành	700	560	336	
19391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19397	172	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265)	Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263)	Phường Chơn Thành	700	560	336	
19398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265) đến Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19404	173	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263)	Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích)	Phường Chơn Thành	700	560	336	
19405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	
19407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	376	301	180	
19409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	301	241	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đoạn từ Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263) đến Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	241	193	115	
19411	174	Đường Minh Thành - An Long	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
19412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19418	175	Đường Minh Thành - An Long	Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349)	Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
19419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19425	176	Đường Minh Thành - An Long	Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159)	Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh	Phường Chơn Thành	394	315	189	
19426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Minh Thành - An Long đoạn từ Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159) đến Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19432	177	Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm	Ranh giới xã Nha Bích	Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh	Phường Chơn Thành	394	315	189	
19433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm đoạn từ Ranh giới xã Nha Bích đến Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19439	178	Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40)	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
19440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (cũ) (Đường số 40) đoạn từ Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) đến Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19446	179	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ)	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16)	Đường Cao Bá Quát	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thước (thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19453	180	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ)	Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267)	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176)	Phường Chơn Thành	358	286	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thạnh (cũ) đoạn từ Đường DT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267) đến Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19460	181	Đường D11	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	394	315	189	
19461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19467	182	Đường D1, khu phố Thành Tâm 2	Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19474	183	Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2	Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19481	184	Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2	Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2 đoạn từ Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195) đến Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19488	185	Đường số 11	Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281)	Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159)	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281) đến Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19495	186	Đường số 11	Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159)	Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 đoạn từ Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159) đến Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19502	187	Đường số 25	Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349	Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 25 đoạn từ Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 924 tờ bản đồ số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19509	188	Đường số 27	Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349	Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154	Phường Chơn Thành	358	286	172	
19510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	192	154	92	
19514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	154	123	74	
19515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349 đến Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	123	98	59	
19516	189	Đường Đồng Hưu - Bàu Nam	Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165	Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129)	Phường Chơn Thành	394	315	189	
19517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	
19518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Chơn Thành	212	169	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Chơn Thành	169	135	81	
19522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Hưu - Bàu Nam đoạn từ Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165 đến Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Chơn Thành	135	108	65	
19523	190	Đường nhựa, đường bê tông còn lại chưa quy định cụ thể ở các mục trên	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	250	200	120	
19524	191	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		Phường Chơn Thành	250	200	120	
19525	1	Đường Quốc lộ 14	Cầu lò gạch	Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32)	Xã Nha Bích	600	480	288	
19526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu lò gạch đến Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19532	2	Đường Quốc lộ 14	Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) "	Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)	Xã Nha Bích	600	480	288	
19533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 32) " đến Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19539	3	Đường Quốc lộ 14	Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)"	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)	Xã Nha Bích	600	480	288	
19540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)" đến Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19546	4	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)"	Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)	Xã Nha Bích	600	480	288	
19547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19553	5	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)"	Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)	Xã Nha Bích	600	480	288	
19554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19560	6	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)"	Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47	Xã Nha Bích	600	480	288	
19561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)" đến Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19567	7	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47	Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích)	Xã Nha Bích	600	480	288	
19568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 124) Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 124) giáp đường số 47 đến Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19574	8	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang)	Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137)	Xã Nha Bích	600	480	288	
19575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang) đến Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19581	9	Đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137)	Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	Xã Nha Bích	600	480	288	
19582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137) đến Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19588	10	Đường Quốc lộ 14	Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn	Xã Nha Bích	600	480	288	
19589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước đến Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19595	11	Đường Quốc lộ 14	Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn	Giáp ranh cầu Lò Gạch	Xã Nha Bích	600	480	288	
19596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	
19598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	156	125	75	
19600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	125	100	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 61, tờ bản đồ số 133 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn đến Giáp ranh cầu Lò Gạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	100	80	48	
19602	12				Xã Nha Bích	420	336	202	
19603	13	Đường ĐT 756B	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa)	Xã Nha Bích	420	336	202	
19604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19610	14	Đường ĐT 756B	Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa)	Ranh giới xã Tân Quan	Xã Nha Bích	420	336	202	
19611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa) đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19617	15	Đường ĐT 756	Tiếp giáp đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)"	Xã Nha Bích	420	336	202	
19618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)" có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19624	16	Đường ĐT 756	Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119)	Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72)	Xã Nha Bích	420	336	202	
19625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119) đến Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19631	17	Đường ĐT 756	Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C)	Xã Nha Bích	420	336	202	
19632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19638	18	Đường ĐT 756	Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C)	Ranh giới xã Tân Hưng	Xã Nha Bích	420	336	202	
19639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C) đến Ranh giới xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19645	19	Đường ĐT 756C	Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C	Ranh giới xã Tân Quan	Xã Nha Bích	420	336	202	
19646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C đến Ranh giới xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19652	20	Đường huyện lộ ĐH 13	Đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100)	Xã Nha Bích	242	194	116	
19653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19659	21	Đường huyện lộ ĐH 13	Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100)	Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65	Xã Nha Bích	242	194	116	
19660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện lộ ĐH 13 đoạn từ Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100) đến Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19666	22	Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành)	Giáp ranh xã Tân Quan	Xã Nha Bích	242	194	116	
19667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành) đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19673	23	Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan)	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9	Xã Nha Bích	242	194	116	
19674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19680	24	Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9	Giáp ranh xã Tân Quan	Xã Nha Bích	242	194	116	
19681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan) đoạn từ Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19687	25	Đường nhựa ấp 2	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện)	Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16)	Xã Nha Bích	242	194	116	
19688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện) đến Hết đường nhựa: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19694	27	Đường ĐH 10	Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81	Đường huyện lộ ĐH13	Xã Nha Bích	242	194	116	
19695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 đến Đường huyện lộ ĐH13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19701	26	Đường ĐH 10	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81	Xã Nha Bích	242	194	116	
19702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19708	28	Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3)	Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10)	Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10)	Xã Nha Bích	242	194	116	
19709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3) đoạn từ Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10) đến Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19715	29	Đường số 5	Đường Quốc lộ 14	Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55	Xã Nha Bích	242	194	116	
19716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19722	30	Đường số 5	Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55	Đường ĐT756	Xã Nha Bích	242	194	116	
19723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Cuối thửa đất số 664, tờ bản đồ số 55 đến Đường ĐT756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19729	31	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	Tiếp giáp đường Quốc lộ 14	Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79	Xã Nha Bích	242	194	116	
19730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 đến Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19736	32	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55)	Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55	Xã Nha Bích	242	194	116	
19737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa đoạn từ Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55) đến Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19743	33	Đường DH 08	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh khu tái định cư 10 ha	Xã Nha Bích	242	194	116	
19744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết ranh khu tái định cư 10 ha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19750	34	Đường DH 08	Hết ranh khu tái định cư 10 ha	Giáp ranh phường Chơn Thành	Xã Nha Bích	242	194	116	
19751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH 08 đoạn từ Hết ranh khu tái định cư 10 ha đến Giáp ranh phường Chơn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19757	35	Đường số 01	HLLG đường Quốc lộ 14	Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107	Xã Nha Bích	242	194	116	
19758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 01 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19764	36	Đường số 15	HLLG đường Quốc lộ 14	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13	Xã Nha Bích	242	194	116	
19765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 15 đoạn từ HLLG đường Quốc lộ 14 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19771	37	Đường số 27	HLLG đường ĐT 756B	Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115	Xã Nha Bích	242	194	116	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 27 đoạn từ HLLG đường ĐT 756B đến Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19778	38	Đường ĐH 01	Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62	Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62	Xã Nha Bích	242	194	116	
19779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 01 đoạn từ Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19785	39	Đường số 40	Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62	Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62	Xã Nha Bích	242	194	116	
19786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 40 đoạn từ Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62 đến Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19792	40	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn còn lại chưa quy định cụ thể ở trên	Toàn tuyến		Xã Nha Bích	151	121	72	
19793	41	Các đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Nha Bích	151	121	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19794		Đường số 3	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất	Xã Nha Bích	242	194	116	
19795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Bắc: Từ thửa đất số 83 tờ bản đồ số 146 đến hết ranh thửa đất, Phía Nam: Từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 149 đến hết ranh thửa đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19801		Đường số 47	Đường Quốc lộ 14	Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78	Xã Nha Bích	242	194	116	
19802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Nha Bích	151	121	73	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 47 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Phía Đông : Từ thửa đất số 81 tờ bản đồ số 124.Phía Tây: Từ thửa đất số 83 tờ số 124 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19808		Đường 10	Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78	Hết ranh nông trường Minh Lập	Xã Nha Bích	242	194	116	
19809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Nha Bích	151	121	73	
19810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Nha Bích	151	121	73	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nha Bích	121	97	58	
19814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 78 đến Hết ranh nông trường Minh Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nha Bích	97	78	46	
19815	1	Đường Lý Tự Trọng	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	Phường Bình Long	308	246	172	
19816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19822	2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	Phường Bình Long	308	246	172	
19823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19829	3	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Bình Long, phường An Lộc	280	224	157	
19830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	175	140	98	
19831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	140	112	78	
19832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	112	90	62	
19833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	175	140	98	
19834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	140	112	78	
19835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	112	90	62	
19836	4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82	Phường Bình Long	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
19838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
19839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
19840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
19841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
19842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đến hết ranh Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
19843	5	Đường Lê Lợi	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	308	246	172	
19844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19850	6	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Long	308	246	172	
19851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19857	7	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	308	246	172	
19858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19864	8	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Bội Châu	Đường Lê Hồng Phong	Phường Bình Long	280	224	157	
19865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
19866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
19867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
19868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
19870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
19871	9	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Phường Bình Long	308	246	172	
19872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19878	10	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	308	246	172	
19879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19885	11	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	280	224	157	
19886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
19887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
19888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
19889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
19890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
19891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
19892	12	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Đại Hành	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	560	448	314	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	350	280	196	
19894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	280	224	157	
19895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	224	179	126	
19896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	350	280	196	
19897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	280	224	157	
19898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	224	179	126	
19899	13	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Bội Châu	Đường Hùng Vương	Phường Bình Long	560	448	314	
19900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	350	280	196	
19901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	280	224	157	
19902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	224	179	126	
19903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	350	280	196	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	280	224	157	
19905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	224	179	126	
19906	14	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Bình Long, phường An Lộc	560	448	314	
19907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	350	280	196	
19908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	280	224	157	
19909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	224	179	126	
19910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	350	280	196	
19911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	280	224	157	
19912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	224	179	126	
19913	15	Đường Nguyễn Huệ	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền (cũ)	Phường Bình Long, phường An Lộc	560	448	314	
19914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	350	280	196	
19915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	224	179	126	
19917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	350	280	196	
19918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	280	224	157	
19919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	224	179	126	
19920	16	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền (cũ)	Đường Nguyễn Thái Học	Phường Bình Long, phường An Lộc	560	448	314	
19921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	350	280	196	
19922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	280	224	157	
19923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	224	179	126	
19924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	350	280	196	
19925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	280	224	157	
19926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Ngô Quyền (cũ) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, phường An Lộc	224	179	126	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19927	17	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	Phường Bình Long	308	246	172	
19928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19934	18	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	308	246	172	
19935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19941	19	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	Phường Bình Long	308	246	172	
19942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19948	20	Đường Hùng Vương	Đường Trần Phú	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	308	246	172	
19949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19955	21	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Du	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	308	246	172	
19956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19962	22	Đường Phan Bội Châu	Đường Ngô Quyền	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	308	246	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19969	23	Đường Phan Bội Châu	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118)	Phường Bình Long	308	246	172	
19970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19976	24	Đường ĐT 752	Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118)	Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường)	Phường Bình Long	308	246	172	
19977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118) đến Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19983	25	Đường ĐT 752	Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường)	Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long)	Phường Bình Long	308	246	172	
19984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường) đến Ngã Ba Xe Tăng (Cuối ranh trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19990	26	Đường ĐT 752	Ngã Ba Xe Tăng	Đường HCT 3	Phường Bình Long	308	246	172	
19991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
19995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
19996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
19997	27	Đường ĐT 752C	Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13)	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Bình Long	252	202	141	
19998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
19999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	126	101	71	
20000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	101	81	57	
20001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	158	126	88	
20002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	126	101	71	
20003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752C đoạn từ Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	101	81	57	
20004	28	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba đường ALT 1	Phường Bình Long	308	246	172	
20005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Ngã ba đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20011	29	Đường Ngô Quyền	Ngã ba đường ALT 1	Đường Trừ Văn Thố	Phường Bình Long	308	246	172	
20012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Ngã ba đường ALT 1 đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20018	30	Đường Ngô Quyền	Đường Trừ Văn Thố	Đường Hàm Nghi	Phường Bình Long	308	246	172	
20019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20025	31	Đường Ngô Quyền	Đường Hàm Nghi	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	308	246	172	
20026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20032	32	Đường Ngô Quyền	Đường Phan Bội Châu	Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45	Phường Bình Long	280	224	157	
20033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20039	33	Đường Ngô Quyền	Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Bình Long	280	224	157	
20040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20046	34	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	308	246	172	
20047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20053	35	Đường Trừ Văn Thố	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	Phường Bình Long	308	246	172	
20054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trừ Văn Thố đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20060	36	Đường Trần Phú	Đường Phan Bội Châu	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Bình Long	308	246	172	
20061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20067	37	Đường Trần Phú	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	308	246	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20074	38	Đường Hàm Nghi	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Trần Phú	Phường Bình Long	308	246	172	
20075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20081	39	Đường Hàm Nghi	Đường Trần Phú	Đường Lê Quý Đôn	Phường Bình Long	308	246	172	
20082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20088	40	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Trừ Văn Thố	Phường Bình Long	308	246	172	
20089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Thủ Khoa Huân đến Đường Trừ Văn Thố có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20095	41	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trừ Văn Thố	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Long	308	246	172	
20096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trừ Văn Thố đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20102	42	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hàm Nghi	Phường Bình Long	308	246	172	
20103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20109	43	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	308	246	172	
20110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20116	44	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền	Cuối đường (giáp suối)	Phường Bình Long	308	246	172	
20117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cuối đường (giáp suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20123	45	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	Phường Bình Long	308	246	172	
20124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20130	46	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Ngô Quyền	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	308	246	172	
20131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thủ Khoa Huân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20137	47	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Phan Bội Châu	Đường Hùng Vương	Phường Bình Long	308	246	172	
20138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20144	48	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Thái Học	Phường Bình Long	308	246	172	
20145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20151	49	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Bình Long	280	224	157	
20152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20158		Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát)	Đường Lương Thế Vinh	Đến đường HCT 5	Phường Bình Long	280	224	157	
20159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20165		Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát)	Đường Lương Thế Vinh	Đến đường HCT 5	Phường Bình Long	280	224	157	
20166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát) đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đến đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20172	50	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Huệ	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	308	246	172	
20173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20179	51	Đường Tú Xương	Đường Trần Phú	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	308	246	172	
20180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20186	52	Đường ALT 1	Đường Ngô Quyền	Đường ALT 3	Phường Bình Long	308	246	172	
20187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20193	53	Đường ALT 1	Đường ALT 3	Đầu thửa đất số 281, cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111	Phường Bình Long	308	246	172	
20194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đầu thửa đất số 281, cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đầu thửa đất số 281, cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đầu thửa đất số 281, cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đầu thửa đất số 281, cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đầu thửa đất số 281, cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đầu thửa đất số 281, cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20200	54	Đường ALT 1	Cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111	Cầu cây Sung	Phường Bình Long	308	246	172	
20201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 1 đoạn từ Cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 1 đoạn từ Cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111 đến Cầu cây Sung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20207	55	Đường ALT 2	Đường ĐT 752	Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi)	Phường Bình Long	308	246	172	
20208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 2 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20214	56	Đường ALT 3	Đường ĐT 752	Đường ALT 1	Phường Bình Long	308	246	172	
20215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 3 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20221	57	Đường ALT 4	Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long)	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Bình Long	308	246	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 4 đoạn từ Ngã Ba Xe Tăng (Từ cuối ranh trường chuyên Bình Long) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20228	58	Đường ALT 5	Đường Nguyễn Thái Học	Giáp ranh phường An Lộc	Phường Bình Long	308	246	172	
20229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20235	59	Đường ALT 5	Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112)	Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	Phường Bình Long	308	246	172	
20236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112) đến Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20242	60	Đường ALT 5	Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	Đường ALT 1 (đầu thửa đất số 540, tờ bản đồ số 111)	Phường Bình Long	308	246	172	
20243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 (đầu thửa đất số 540, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 (đầu thửa đất số 540, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 (đầu thửa đất số 540, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 (đầu thửa đất số 540, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 (đầu thửa đất số 540, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 5 đoạn từ Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111) đến Đường ALT 1 (đầu thửa đất số 540, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20249	61	Đường ALT 6	Đường ALT 1	Đường ALT 5	Phường Bình Long	308	246	172	
20250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 6 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20256	62	Đường ALT 7	Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111)	Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109	Phường Bình Long	308	246	172	
20257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Đường ALT 1 (từ thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111) đến Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20263	63	Đường ALT 7	Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109	Đường ALT 3	Phường Bình Long	308	246	172	
20264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 7 đoạn từ Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 7 đoạn từ Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20270	64	Đường ALT 8	Đường ALT 3	Đường ALT 7	Phường Bình Long	308	246	172	
20271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 8 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20277	65	Đường ALT 9	Đường ALT 7	Đường ALT 7	Phường Bình Long	308	246	172	
20278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 9 đoạn từ Đường ALT 7 đến Đường ALT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20284	66	Đường ALT 10	Đường ALT 11	Đường ALT 3	Phường Bình Long	308	246	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 10 đoạn từ Đường ALT 11 đến Đường ALT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20291	67	Đường ALT 11	Đường ALT 15	Đường ALT 1	Phường Bình Long	308	246	172	
20292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 11 đoạn từ Đường ALT 15 đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20298	68	Đường ALT 12	Đường ALT 1	Đường ALT 14	Phường Bình Long	308	246	172	
20299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường ALT 1 đến Đường ALT 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20305	69	Đường ALT 12	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường ALT 13	Phường Bình Long	308	246	172	
20306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 12 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20312	70	Đường ALT 13	Đường ALT 2	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	308	246	172	
20313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 13 đoạn từ Đường ALT 2 đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20319	71	Đường ALT 14	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường ALT 1	Phường Bình Long	308	246	172	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 14 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường ALT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20326	72	Đường ALT 15	Đường ALT2	Đường ĐT752	Phường Bình Long	308	246	172	
20327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 15 đoạn từ Đường ALT2 đến Đường ĐT752 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20333	73	Đường ALT 16	Đường ALT 3	Đường ALT 2	Phường Bình Long	308	246	172	
20334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến Đường ALT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20340	74	Đường ALT 16	Đường ALT 3	ALT19	Phường Bình Long	308	246	172	
20341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 16 đoạn từ Đường ALT 3 đến ALT19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20347	75	Đường ALT 17	Đường ĐT 752	Đường ALT 16	Phường Bình Long	308	246	172	
20348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 17 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20354	76	Đường ALT 18	Đường ĐT 752	Đường ALT 16	Phường Bình Long	308	246	172	
20355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường ALT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20361	77	Đường ALT 19	Ngã ba đường ALT 4	Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109	Phường Bình Long	308	246	172	
20362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Ngã ba đường ALT 4 đến Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20368	78	Đường ALT 19	Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109	Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 108	Phường Bình Long	308	246	172	
20369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 19 đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20375	79	Đường ALT 20	Đường ALT 4	Đường ALT 19	Phường Bình Long	308	246	172	
20376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	193	154	108	
20380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	154	123	86	
20381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 20 đoạn từ Đường ALT 4 đến Đường ALT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	123	98	69	
20382	80	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Đại Hành	Phường Bình Long	280	224	157	
20383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20389	81	Đường Quốc lộ 13	Đường Lê Đại Hành	Đường Lương Thế Vinh	Phường Bình Long	280	224	157	
20390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20396	82	Đường Quốc lộ 13	Đường Lương Thế Vinh	Đường HCT 5	Phường Bình Long	280	224	157	
20397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Lương Thế Vinh đến Đường HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20403	83	Đường Quốc lộ 13	Đường HCT 5	Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16)	Phường Bình Long	280	224	157	
20404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường HCT 5 đến Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20410	84	Đường Quốc lộ 13	Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16)	Ranh giới phường Bình Long - xã Tân Khai	Phường Bình Long	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) đến Ranh giới phường Bình Long - xã Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) đến Ranh giới phường Bình Long - xã Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) đến Ranh giới phường Bình Long - xã Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) đến Ranh giới phường Bình Long - xã Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) đến Ranh giới phường Bình Long - xã Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16) đến Ranh giới phường Bình Long - xã Tân Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20417	85	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Bình Long	280	224	157	
20418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20424	86	Đường Lê Hồng Phong	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Quang Khải	Phường Bình Long	280	224	157	
20425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20431	87	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53)	Phường Bình Long	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến hết ranh thửa đất số 426 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 50 tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20438	88	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Bình Long	280	224	157	
20439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20445	89	Đường Trần Quang Khải	Đường ĐT 752	Đường HCT 7	Phường Bình Long	280	224	157	
20446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20452	90	Đường Trần Quang Khải	Đường HCT 7	Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long)	Phường Bình Long	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường HCT 7 đến Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20459	91	Đường Lê Đại Hành	Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy)	Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2)	Phường Bình Long	280	224	157	
20460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy) đến Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20466	92	Đường Lê Đại Hành	Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2)	Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18	Phường Bình Long	280	224	157	
20467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2) đến Đến hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20473	93	Đường Lê Đại Hành	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Bình Long	280	224	157	
20474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20480	94	Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ)	Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam)	Đường Cao Bá Quát	Phường Bình Long	280	224	157	
20481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam) đến Đường Cao Bá Quát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20487	95	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Bình Long	280	224	157	
20488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Đoàn Thị Điểm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20494	96	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Phường Bình Long	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20501	97	Đường HCT 1	Đường ĐT 752	Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới)	Phường Bình Long	280	224	157	
20502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20508	98	Đường HCT 1	Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới)	Đường Trần Quang Khải	Phường Bình Long	280	224	157	
20509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 1 đoạn từ Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới) đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20515	99	Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức)	Đường ĐT 752	Đường HCT 4	Phường Bình Long, xã Minh Đức	280	224	157	
20516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	140	112	78	
20518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	112	90	62	
20519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	175	140	98	
20520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	140	112	78	
20521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long, xã Minh Đức	112	90	62	
20522	100	Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức)	Đường HCT 4	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Bình Long	280	224	157	
20523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức) đoạn từ Đường HCT 4 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20529	101	Đường HCT 4	Đường Cao Bá Quát	Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24)	Phường Bình Long	280	224	157	
20530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Đường Cao Bá Quát đến Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20536	102	Đường HCT 4	Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24)	Đường HCT 3	Phường Bình Long	280	224	157	
20537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 4 đoạn từ Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 4 đoạn từ Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh (Đường HC T 24) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20543	103	Đường HCT 5	Đường Quốc lộ 13	Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31	Phường Bình Long	280	224	157	
20544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đến thửa đất số 57 tờ bản đồ số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20550	104	Đường HCT 6	Đường Đoàn Thị Điểm	Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29	Phường Bình Long	280	224	157	
20551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 6 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20557	105	Đường HCT 7 (Nhánh)	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Quang Khải	Phường Bình Long	280	224	157	
20558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 (Nhánh) đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20564	106	Đường HCT 7	Đường Trần Quang Khải	Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới)	Phường Bình Long	280	224	157	
20565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 7 đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20571	107	Đường HCT 8	Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2)	Đường HCT 3	Phường Bình Long	280	224	157	
20572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) đến Đường HCT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20578	108	Đường HCT 8	Đường ĐT 752	Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2)	Phường Bình Long	280	224	157	
20579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 8 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20585	109	Đường HCT 9	Đường ĐT 752	Đường HCT 13	Phường Bình Long	280	224	157	
20586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 9 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20592	110	Đường HCT 10	Đường ĐT 752	Đường HCT 12	Phường Bình Long	280	224	157	
20593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 10 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20599	111	Đường HCT 11	Đường HCT 9	Đường HCT 10	Phường Bình Long	280	224	157	
20600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 11 đoạn từ Đường HCT 9 đến Đường HCT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20606	112	Đường HCT 12	Đường ĐT 752	Đường HCT 13	Phường Bình Long	280	224	157	
20607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 12 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20613	113	Đường HCT 13	Đường HCT 1	Đường HCT 15	Phường Bình Long	280	224	157	
20614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 13 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20620	114	Đường HCT 14	Đường HCT 13	Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8	Phường Bình Long	280	224	157	
20621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 14 đoạn từ Đường HCT 13 đến Đến thửa đất số 485 tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20627	115	Đường HCT 15	Đường HCT 1	Đường HCT 8	Phường Bình Long	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 15 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20634	116	Đường HCT 16	Đường HCT 1	Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6	Phường Bình Long	280	224	157	
20635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 16 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 105 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20641	117	Đường HCT 17	Đường HCT 1	Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7	Phường Bình Long	280	224	157	
20642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 17 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đến thửa đất số 263 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20648	118	Đường HCT 18	Đường ĐT 752	Đường HCT 19	Phường Bình Long	280	224	157	
20649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 18 đoạn từ Đường ĐT 752 đến Đường HCT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20655	119	Đường HCT 19	Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến)	Suối (Hết thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)	Phường Bình Long	280	224	157	
20656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến) đến Suối (Hết thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến) đến Suối (Hết thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến) đến Suối (Hết thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến) đến Suối (Hết thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến) đến Suối (Hết thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 đoạn từ Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến) đến Suối (Hết thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20662	120	Đường HCT 19 nối dài	Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)	hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3	Phường Bình Long	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 19 nối dài đoạn từ Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3) đến hết ranh Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20669	121	Đường HCT 20	Đường HCT 19	Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752)	Phường Bình Long	280	224	157	
20670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức- đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức-đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức-đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 20 đoạn từ Đường HCT 19 đến Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức-đến đường ĐT-752) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20676	122	Đường HCT 21	Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su)	Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long)	Phường Bình Long	280	224	157	
20677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su) đến Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20683	123	Đường HCT 21	Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long)	Đường HCT 22	Phường Bình Long	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 21 đoạn từ Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long) đến Đường HCT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20690	124	Đường HCT 22	Đường HCT 1	Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức)	Phường Bình Long	280	224	157	
20691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 22 đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20697	125	Đường HCT 23	Đường HCT 21	Đường HCT 25	Phường Bình Long	280	224	157	
20698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 23 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20704	126	Đường HCT 24	Đường HCT 21	Đường HCT 4	Phường Bình Long	280	224	157	
20705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 24 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường HCT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20711	127	Đường HCT 25	Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát)	Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1	Phường Bình Long	280	224	157	
20712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 25 đoạn từ Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát) đến Đến giáp thửa đất số 70 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20718	128	Đường HCT 26	HCT 23	HCT 27	Phường Bình Long	280	224	157	
20719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 26 đoạn từ HCT 23 đến HCT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20725	129	Đường HCT 27	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Lê Đại Hành	Phường Bình Long	280	224	157	
20726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20732	130	Đường HCT 27	Đường HCT 21	Đường Lê Đại Hành	Phường Bình Long	280	224	157	
20733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 27 đoạn từ Đường HCT 21 đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20739	131	Đường HCT 28	Đường HCT 6 (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15)	Đường HCT 7	Phường Bình Long	280	224	157	
20740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15) đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15) đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15) đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15) đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15) đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 28 đoạn từ Đường HCT 6 (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15) đến Đường HCT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20746	132	Đường HCT 29	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15)	Phường Bình Long	280	224	157	
20747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường HCT 29 đoạn từ Đường Đoàn Thị Điểm đến Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20753	133				Phường Bình Long				
20754	134				Phường Bình Long				
20755	135	Đường ALT 22	Ngã ba đường HCT 19	Đường ALT 4	Phường Bình Long	280	224	157	
20756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 22 đoạn từ Ngã ba đường HCT 19 đến Đường ALT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20762	136	Đường ALT 23	Đường ALT 4	Giáp thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2	Phường Bình Long	280	224	157	
20763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Giáp thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Giáp thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Giáp thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Giáp thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Giáp thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ALT 23 đoạn từ Đường ALT 4 đến Giáp thửa đất số 3 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20769	137	Đường nhựa	Đường HCT 1	Đường HCT 21	Phường Bình Long	280	224	157	
20770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường HCT 1 đến Đường HCT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20776	138	Đường ĐT 758	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82	Giáp ranh xã Tân Quan	Phường Bình Long	280	224	157	
20777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 82 đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20783	139	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	280	224	157	
20784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20790	140	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Long	280	224	157	
20791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20797	141	Đường Nguyễn Du (Tây đường)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trãi	Phường Bình Long	280	224	157	
20798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (Tây đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (Tây đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (Tây đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (Tây đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (Tây đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (Tây đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20804	142	Đường Nguyễn Du (Đông đường)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trãi	Phường Bình Long	280	224	157	
20805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (Đông đường) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20811	143	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Phan Bội Châu	Cuối đường	Phường Bình Long	280	224	157	
20812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20818	144	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Đại Hành	Phường Bình Long	280	224	157	
20819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20825	145				Phường Bình Long				
20826	146	Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa)	Đường Lê Đại Hành	Đường PĐT 9	Phường Bình Long	280	224	157	
20827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa) đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20833	147	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Ba Kiềm	Phường Bình Long	280	224	157	
20834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20840	148	Đường PĐT 1	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Ba Kiềm	Phường Bình Long	280	224	157	
20841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 1 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Ba Kiềm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20847	149	Đường PĐT 2	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Giáp ranh xã Tân Quan	Phường Bình Long	280	224	157	
20848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 2 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20854	150	Đường PĐT 3	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Suối Cầu Đỏ	Phường Bình Long	280	224	157	
20855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 3 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20861	151	Đường PĐT 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Bình Long	280	224	157	
20862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 4 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20868	152	Đường PĐT 5	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường PĐT 4	Phường Bình Long	280	224	157	
20869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 5 đoạn từ Đường Huỳnh Thúc Kháng đến Đường PĐT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20875	153	Đường PĐT 6	Đường PĐT 5	Giáp suối Cầu Đỏ	Phường Bình Long	280	224	157	
20876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 6 đoạn từ Đường PĐT 5 đến Giáp suối Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20882	154	Đường PĐT 7	Đường PĐT 2	Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88	Phường Bình Long	280	224	157	
20883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 7 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Hết ranh thửa đất số 52 tờ bản đồ số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20889	155	Đường PĐT 8	Đường PĐT 9	Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan)	Phường Bình Long	280	224	157	
20890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 8 đoạn từ Đường PĐT 9 đến Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20896	156	Đường PĐT 9	Đường PĐT 2	Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1	Phường Bình Long	280	224	157	
20897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 9 đoạn từ Đường PĐT 2 đến Đến giáp thửa đất số 73 tờ bản đồ số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20903	157	Đường PĐT 10	Đường PĐT 1	Cuối đường (Mương)	Phường Bình Long	280	224	157	
20904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 10 đoạn từ Đường PĐT 1 đến Cuối đường (Mương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20910	158	Đường PĐT 11	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Đại Hành	Phường Bình Long	280	224	157	
20911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Lê Đại Hành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20917	159	Đường PĐT 11	Đường Lê Đại Hành	Đường PĐT 12	Phường Bình Long	280	224	157	
20918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 11 đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20924	160	Đường PĐT 12	Đường Quốc lộ 13	Đường PĐT 9	Phường Bình Long	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 12 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20931	161	Đường PĐT 13	Đường Trần Hưng Đạo	PĐT1 (Cầu Ba Kiềm)	Phường Bình Long	280	224	157	
20932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20938	162	Đường PĐT 14	Đường Trần Hưng Đạo	PĐT1 (Cầu Ba Kiềm)	Phường Bình Long	280	224	157	
20939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 14 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 (Cầu Ba Kiềm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20945	163	Đường PĐT 13, 14 nối dài	Cầu Ba Kiềm	Đường PĐT 9	Phường Bình Long	280	224	157	
20946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PĐT 13, 14 nối dài đoạn từ Cầu Ba Kiềm đến Đường PĐT 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20952	164	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Bình Long	280	224	157	
20953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ Đường Phan Bội Châu đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20959	165	Đường Đinh Công Tráng	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	280	224	157	
20960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20966	166	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phan Bội Châu	Phường Bình Long	280	224	157	
20967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20973	167	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc lộ 13	Đường PĐT 12	Phường Bình Long	280	224	157	
20974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	175	140	98	
20978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	140	112	78	
20979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường PĐT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	112	90	62	
20980	168	Đường bê tông	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134	Phường Bình Long	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	158	126	88	
20982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	126	101	71	
20983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	101	81	57	
20984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Bình Long	158	126	88	
20985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	126	101	71	
20986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	101	81	57	
20987	169	Đường liên xã	Ngã 3 Xa Trạch	Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan	Phường Bình Long	252	202	141	
20988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	158	126	88	
20989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	126	101	71	
20990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	101	81	57	
20991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
20992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	126	101	71	
20993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Xa Trạch đến Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	101	81	57	
20994	170	Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì	Đường Quốc lộ 13	HCT 5	Phường Bình Long	252	202	141	
20995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	158	126	88	
20996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	126	101	71	
20997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	101	81	57	
20998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	158	126	88	
20999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	126	101	71	
21000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến HCT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	101	81	57	
21001	171	Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm)	Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới)	Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105)	Phường Bình Long	252	202	141	
21002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	126	101	71	
21004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	101	81	57	
21005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Bình Long	158	126	88	
21006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Bình Long	126	101	71	
21007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới) đến Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Bình Long	101	81	57	
21008	172	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 4, 9, 10, 14, 18, 19, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			Phường Bình Long	252	202	141	
21009	173	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 15, 16, 17; tờ bản đồ 20 -> đến tờ bản đồ 33; tờ 46, 47 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			Phường Bình Long	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21010	174	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 4, 9, 10, 14, 18, 19, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 có có mặt đường hiện hữu rộng trên 6m - 10m			Phường Bình Long	252	202	141	
21011	175	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 15, 16, 17; tờ bản đồ 20 -> đến tờ bản đồ 33; tờ 46, 47) có mặt đường hiện hữu rộng trên 6m - 10m			Phường Bình Long	252	202	141	
21012	176	Các đường nội bộ trong khu phố: Phú Sơn, Phú Bình, Phú Cường, Phú Trung, Phú An thuộc bản đồ chính quy tờ bản đồ số 113, 156, 157, 158, 160, 161, 162, 163, 167, 168, 169, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 117 có mặt đường rộng từ 03m đến dưới 6m và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá			Phường Bình Long	280	224	157	
21013	177	Các đường nội bộ trong khu phố: Bình Tân, Bình An, An Bình, Sóc Du thuộc bản đồ chính quy số: 80, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 118, 119, 129, 130, 131, 159, 164, 165, 166, 170, 171, 117 có mặt đường rộng từ 03m đến dưới 6m và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá.			Phường Bình Long	280	224	157	
21014	178	Các thửa đất tiếp giáp đường có mặt đường rộng dưới 3m theo bản đồ chính quy tờ bản đồ số 113, 117, 156, 157, 158, 160 đến 163, 168, 169, 172 đến 182 thuộc các khu phố: Phú Sơn, Phú Bình, Phú Cường, Phú Trung, Phú An.			Phường Bình Long	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21015	179	Các thửa đất tiếp giáp đường theo bản đồ chính quy có mặt đường rộng dưới 3m và các thửa đất không tiếp giáp đường đi hoặc tiếp giáp đường đi dọc theo các lô cao su mà không thể hiện trên bản đồ chính quy trong khu phố: Bình Tân, Bình An, An Bình, Sóc Du thuộc các tờ bản đồ số: 80, 107 đến 112, 114 đến 119, 129, 130, 131, 159, 164, 165, 166, 170, 171.			Phường Bình Long	280	224	157	
21016	180	Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu rộng từ 07m đến 10m			Phường Bình Long	252	202	141	
21017	181	Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m			Phường Bình Long	252	202	141	
21018	182	Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi tự phát theo các lô cao su			Phường Bình Long	252	202	141	
21019	183	Đường nhựa không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 6m - 10m			Phường Bình Long	252	202	141	
21020	184	Đường nhựa không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			Phường Bình Long	252	202	141	
21021	185	Đường đất không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 7 có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			Phường Bình Long	252	202	141	
21022	186	Đường đất không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có mặt đường hiện hữu dưới 3m			Phường Bình Long	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21023	187	Các tuyến đường còn lại thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77			Phường Bình Long	252	202	141	
21024	188	Đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 79, 89 đến 106, 120 đến 128, 149 đến 155 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) từ 3m trở lên	Toàn tuyến		Phường Bình Long	112	90	63	
21025	189	Các tuyến đường thuộc các tờ bản đồ số: 79, 89 đến 106, 120 đến 128, 149 đến 155 còn lại	Toàn tuyến		Phường Bình Long	112	90	63	
21026	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	Phường An Lộc	490	392	274	
21027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21033	2	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Xuân Hương	Phường An Lộc	490	392	274	
21034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Xuân Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21040	3	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Du (mũi dùi)	Phường An Lộc	490	392	274	
21041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Hồ Xuân Hương đến Đường Nguyễn Du (mũi dùi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21047	4	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79)	Đường Nguyễn Thái Học	Phường An Lộc	490	392	274	
21048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Du (mũi dùi) (từ đầu ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 79) đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21054	5	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Phường An Lộc	280	224	157	
21055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21061	6	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hai Bà Trưng	Phường An Lộc	280	224	157	
21062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21068	7	Đường ĐT 758	Đường Hai Bà Trưng	Ranh giới xã Tân Lợi	Phường An Lộc	490	392	274	
21069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh giới xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21075	8	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Phường An Lộc	280	224	157	
21076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21082	9	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nơ Trang Long	Phường An Lộc	280	224	157	
21083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21089	10	Đường Nguyễn Du	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79)	Phường An Lộc	280	224	157	
21090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Huệ (Đến hết ranh thửa đất số 29 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21096	11	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Phường An Lộc	280	224	157	
21097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Xuân Hương đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21103	12	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	Phường An Lộc	280	224	157	
21104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21110	13	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Chu Văn An	Phường An Lộc	280	224	157	
21111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21117	14	Đường Nơ Trang Long	Đường ray xe lửa	Đường Nguyễn Thái Học	Phường An Lộc	280	224	157	
21118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21124	15	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Phường An Lộc	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21131	16	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Du	Đường ray xe lửa	Phường An Lộc	280	224	157	
21132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21138	17	Đường Bà Triệu	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	Phường An Lộc	280	224	157	
21139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21145	18	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bà Triệu	Phường An Lộc	280	224	157	
21146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21152	19	Đường Hai Bà Trưng	Đường Bà Triệu	Cầu Ba Tặng	Phường An Lộc	280	224	157	
21153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Bà Triệu đến Cầu Ba Tặng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21159	20	Đường Hai Bà Trưng	Cầu Ba Tặng	Đường Nguyễn Thái Học	Phường An Lộc	280	224	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Cầu Ba Tặng đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21166	21	Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bà Triệu	Phường An Lộc	280	224	157	
21167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ) đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21173	22	Đường Nguyễn Thái Học	Giáp ranh Phường Bình Long	Đường TPT 18	Phường An Lộc	280	224	157	
21174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Long đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21180	23	Đường Nguyễn Thái Học	Đường TPT 18	Đường Hai Bà Trưng	Phường An Lộc	280	224	157	
21181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21187	24	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hai Bà Trưng	Ranh xã Tân Quan	Phường An Lộc	280	224	157	
21188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21194	25	Đường PTT 5	Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80	Suối	Phường An Lộc	280	224	157	
21195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 5 đoạn từ Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 80 đến Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21201	26	Đường PTT 7	Giáp lô cao su Nhà Nước	Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81	Phường An Lộc	280	224	157	
21202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 7 đoạn từ Giáp lô cao su Nhà Nước đến Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21208	27	Đường PTT 8	Đường ĐT 758	Đường PTT 7	Phường An Lộc	280	224	157	
21209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 8 đoạn từ Đường ĐT 758 đến Đường PTT 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21215	28	Đường PTT 9	Đường ĐT 758	thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82	Phường An Lộc	280	224	157	
21216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 9 đoạn từ Đường ĐT 758 đến thửa đất số 53 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21222	29	Đường PTT 10	Đường Trần Hưng Đạo	thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82	Phường An Lộc	280	224	157	
21223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	
21225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	175	140	98	
21227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	140	112	78	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường PTT 10 đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến thửa đất số 175 tờ bản đồ số 82 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	112	90	62	
21229					Phường An Lộc				
21230					Phường An Lộc				
21231	32	Đường tổ 2 KP Phú Xuân	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Du	Phường An Lộc	252	202	141	
21232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 KP Phú Xuân đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21238	33	Đường bê tông nằm trên ray xe lửa	Đường Trần Hưng Đạo	đường Trần Hưng Đạo	Phường An Lộc	252	202	141	
21239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nằm trên ray xe lửa đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21245	34	Đường bê tông	Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79)	Đường ray xe lửa	Phường An Lộc	252	202	141	
21246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông đoạn từ Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 79) đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21252	35	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 3	Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67)	Phường An Lộc	420	336	235	
21253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 3 đến Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21259	36	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67)	Đường TLT 18	Phường An Lộc	490	392	274	
21260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật (hết ranh thửa đất số 129 tờ bản đồ số 67) đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21266	37	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 18	Đường TLT 15	Phường An Lộc	490	392	274	
21267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 18 đến Đường TLT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21273	38	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 15	Đường vào nhà máy xi măng	Phường An Lộc	490	392	274	
21274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21280	39	Đường Quốc lộ 13	Đường vào nhà máy xi măng	Giáp ranh xã Lộc Thành	Phường An Lộc	490	392	274	
21281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	255	204	143	
21285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	204	163	114	
21286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	163	130	91	
21287	40	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1)	Phường An Lộc	420	336	235	
21288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21294	41	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1)	Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19)	Phường An Lộc	420	336	235	
21295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1) đến Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú (hết ranh thửa đất số 428 tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21301	42	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19)	Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam	Phường An Lộc	420	336	235	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam (hết ranh thửa đất số 61 tờ bản đồ số 19) đến Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21308	43	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam	Đường TLT 3	Phường An Lộc	420	336	235	
21309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21315	44	Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú	Toàn tuyến		Phường An Lộc	420	336	235	
21316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21322	45	Đường ĐT 757	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Tân Hưng	Phường An Lộc	420	336	235	
21323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	210	168	118	
21327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	168	134	94	
21328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	134	107	75	
21329					Phường An Lộc				
21330	47	Đường vào nhà máy xi măng	Đường Quốc lộ 13	Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48)	Phường An Lộc	252	202	141	
21331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Suối (hết ranh thửa đất số 194 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21337	48	Đường vào nhà máy xi măng	Suối	Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5)	Phường An Lộc	252	202	141	
21338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy xi măng đoạn từ Suối đến Cuối đường đã thảm nhựa (đường TLT 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21344		Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước	Toàn tuyến		Phường An Lộc	252	202	141	
21345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21351	49	Khu dân cư Khang Minh Quân	Đường vào nhà máy xi măng	Hết ranh khu dân cư	Phường An Lộc	330	264	185	
21352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	205	164	115	
21353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	164	131	92	
21354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	131	105	74	
21355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	205	164	115	
21356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	164	131	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường vào nhà máy xi măng đến Hết ranh khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	131	105	74	
21358	50	Khu dân cư Khang Minh Quân	Đường TLT 23	Hết ranh thửa 214 tờ 49	Phường An Lộc	330	264	185	
21359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến Hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	205	164	115	
21360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến Hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	164	131	92	
21361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến Hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	131	105	74	
21362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến Hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	205	164	115	
21363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến Hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	164	131	92	
21364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Khang Minh Quân đoạn từ Đường TLT 23 đến Hết ranh thửa 214 tờ 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	131	105	74	
21365	51	Khu dân cư Ngọc Điền Phát	Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường trục chính)		Phường An Lộc	330	264	185	
21366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường trục chính) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	205	164	115	
21367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường trục chính) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	164	131	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường trục chính) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	131	105	74	
21369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường trục chính) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	205	164	115	
21370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường trục chính) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	164	131	92	
21371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường trục chính) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	131	105	74	
21372	52	Khu dân cư Ngọc Điền Phát	Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường còn lại)		Phường An Lộc	330	264	185	
21373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường còn lại) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	205	164	115	
21374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường còn lại) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	164	131	92	
21375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường còn lại) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	131	105	74	
21376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường còn lại) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	205	164	115	
21377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường còn lại) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	164	131	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Ngọc Điền Phát đoạn từ Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường còn lại) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	131	105	74	
21379	53	Đường TPT 1	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 4	Phường An Lộc	252	202	141	
21380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21386	54	Đường TPT 1	Đường TPT 4	TLT 21	Phường An Lộc	252	202	141	
21387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 1 đoạn từ Đường TPT 4 đến TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21393	55	Đường TPT 2	Đúng phải từ Quốc Lộ 13	Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70)	Phường An Lộc	252	202	141	
21394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 2 đoạn từ Đúng phải từ Quốc Lộ 13 đến Cuối đường nâng cấp mở rộng (hết ranh thửa đất số 10 tờ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21400	56	Đường TPT 3	Cầu cây Sung	Đường TPT 27	Phường An Lộc	252	202	141	
21401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 3 đoạn từ Cầu cây Sung đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21407	57	Đường TPT 4	Đường TPT 1	Đường TPT 12	Phường An Lộc	252	202	141	
21408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21414	58	Đường TPT 4	Đường TPT 12	Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3)	Phường An Lộc	252	202	141	
21415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 4 đoạn từ Đường TPT 12 đến Hết tuyến (Đến thửa đất số 2 tờ bản đồ số 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21421	59	Đường TPT 5	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy	Đường TLT 38	Phường An Lộc	252	202	141	
21422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 5 đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Thủy đến Đường TLT 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21428	60	Đường TPT 6	Đường TPT 7	Đường TPT 4	Phường An Lộc	252	202	141	
21429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 6 đoạn từ Đường TPT 7 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21435	61	Đường TPT 7	Đường TPT 8	Đường TPT 4	Phường An Lộc	252	202	141	
21436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 7 đoạn từ Đường TPT 8 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21442	62	Đường TPT 8	Đường TPT 5	Đường TPT 12	Phường An Lộc	252	202	141	
21443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 8 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21449	63	Đường TPT 9	Đường ray xe lửa	Đường TPT 5	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 9 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21456	64	Đường TPT 10	Đường TPT 5	Đường TPT 8	Phường An Lộc	252	202	141	
21457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 10 đoạn từ Đường TPT 5 đến Đường TPT 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21463	65	Đường TPT 11	Đường TPT 4	Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học	Phường An Lộc	252	202	141	
21464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 11 đoạn từ Đường TPT 4 đến Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22- Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21470	66	Đường TPT 12	Đường TPT 1	Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa	Phường An Lộc	252	202	141	
21471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 12 đoạn từ Đường TPT 1 đến Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21477	67	Đường TPT 13	Đường TPT 4	Đường TPT 11	Phường An Lộc	252	202	141	
21478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 13 đoạn từ Đường TPT 4 đến Đường TPT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21484	68	Đường TPT 14	Đường TPT 1	Đường TPT 15	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 14 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21491	69	Đường TPT 15	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 1	Phường An Lộc	252	202	141	
21492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21498	70	Đường TPT 16	Đường TPT18	Thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28	Phường An Lộc	252	202	141	
21499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến Thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến Thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến Thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến Thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến Thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 16 đoạn từ Đường TPT18 đến Thửa đất số 58 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21505	71	Đường TPT 17	Đường TPT 15	Đường Quốc lộ 13	Phường An Lộc	252	202	141	
21506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 17 đoạn từ Đường TPT 15 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21512	72	Đường TPT 18	Đường TPT 1	Đường Nguyễn Thái Học	Phường An Lộc	252	202	141	
21513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 18 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21519	73	Đường TPT 19	Đường TPT 16	Hết ranh thửa 130 tờ 28	Phường An Lộc	252	202	141	
21520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến Hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến Hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến Hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến Hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến Hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ Đường TPT 16 đến Hết ranh thửa 130 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21526		Đường TPT 19	thửa 6 tờ 2	Đường TPT 2	Phường An Lộc	252	202	141	
21527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 19 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21533	74	Đường TPT 20	Đường TPT 18	Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học)	Phường An Lộc	252	202	141	
21534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 20 đoạn từ Đường TPT 18 đến Đường TPT 22 (Đường Nguyễn Thái Học) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21540	75	Đường TPT 21	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 18	Phường An Lộc	252	202	141	
21541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 21 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21547	76	Đường TPT 23	Đường Quốc lộ 13	đến đường TLT 3	Phường An Lộc	252	202	141	
21548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 23 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến đến đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21554	77	Đường TPT 24	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 23	Phường An Lộc	252	202	141	
21555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 24 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21561	78	Đường TPT 25	Đường TPT 50	Đường TPT 26	Phường An Lộc	252	202	141	
21562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 25 đoạn từ Đường TPT 50 đến Đường TPT 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21568	79	Đường TPT 26	Đường Quốc lộ 13	Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12)	Phường An Lộc	252	202	141	
21569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 26 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm) (Đến thửa đất số 172 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21575	80	Đường TPT 27	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 3	Phường An Lộc	252	202	141	
21576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21582	81	Đường TPT 28	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 27	Phường An Lộc	252	202	141	
21583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21589	82	Đường TPT 29	Đường Quốc lộ 13	Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc	Phường An Lộc	252	202	141	
21590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 29 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21596	83	Đường TPT 30	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 29	Phường An Lộc	252	202	141	
21597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 30 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21603	84	Đường TPT 31	Đường TPT 32	Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26)	Phường An Lộc	252	202	141	
21604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 31 đoạn từ Đường TPT 32 đến Suối (hết ranh thửa đất 603 tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21610	85	Đường TPT 32	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 31	Phường An Lộc	252	202	141	
21611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21617	86	Đường TPT 32	Đường TPT 31	Đường TPT 30	Phường An Lộc	252	202	141	
21618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 32 đoạn từ Đường TPT 31 đến Đường TPT 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21624	87	Đường TPT 33	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 32	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 33 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21631	88	Đường TPT 34	Đường TPT 27	Đường TPT 35	Phường An Lộc	252	202	141	
21632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 34 đoạn từ Đường TPT 27 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21638	89	Đường TPT 35	Đường TPT 34	Đường TPT 39 (Suối)	Phường An Lộc	252	202	141	
21639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 35 đoạn từ Đường TPT 34 đến Đường TPT 39 (Suối) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21645	90	Đường TPT 36	Đường TPT 3	Đường TPT 35	Phường An Lộc	252	202	141	
21646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 36 đoạn từ Đường TPT 3 đến Đường TPT 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21652	91	Đường TPT 37	Đường TPT 1	Đường TPT 12	Phường An Lộc	252	202	141	
21653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 37 đoạn từ Đường TPT 1 đến Đường TPT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21659	92	Đường TPT 38	Đường TPT 26	thửa 82 tờ 19	Phường An Lộc	252	202	141	
21660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 38 đoạn từ Đường TPT 26 đến thửa 82 tờ 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21666	93	Đường TPT 39	Đường TPT 35	Đường TPT 49	Phường An Lộc	252	202	141	
21667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 39 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21673	94	Đường TPT 40	Đường TPT 35	Đường TPT 2	Phường An Lộc	252	202	141	
21674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 40 đoạn từ Đường TPT 35 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21680	95	Đường TPT 41	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 42	Phường An Lộc	252	202	141	
21681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 41 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21687	96	Đường TPT 42	Trường cấp 2	Lô cao su	Phường An Lộc	252	202	141	
21688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 42 đoạn từ Trường cấp 2 đến Lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21694	97	Đường TPT 43	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 1	Phường An Lộc	252	202	141	
21695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 43 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TPT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21701	98	Đường TPT 44	Đường TPT 20	Đường TPT 19	Phường An Lộc	252	202	141	
21702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 44 đoạn từ Đường TPT 20 đến Đường TPT 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21708					Phường An Lộc				
21709					Phường An Lộc				
21710	101	Đường TPT 48	Đường TLT 30	hết ranh thửa 325 tờ 12	Phường An Lộc	252	202	141	
21711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ Đường TLT 30 đến hết ranh thửa 325 tờ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21717		Đường TPT 48	thửa 6 tờ 2	Đường TPT 2	Phường An Lộc	252	202	141	
21718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 48 đoạn từ thửa 6 tờ 2 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21724	102	Đường TPT 49	Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23	Đường TPT 2	Phường An Lộc	252	202	141	
21725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 49 đoạn từ Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ)- từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 23 đến Đường TPT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21731	103	Đường TPT 50	Đường TPT 48	Đường Quốc lộ 13	Phường An Lộc	252	202	141	
21732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 50 đoạn từ Đường TPT 48 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21738	104	Đường TPT 51	Đường TPT 49	Đường TPT 39	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 51 đoạn từ Đường TPT 49 đến Đường TPT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21745	105	Đường TPT 52	Đường TPT 40	Đường TPT 51	Phường An Lộc	252	202	141	
21746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 52 đoạn từ Đường TPT 40 đến Đường TPT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21752	106	Đường TPT 53	Đường TPT 33	Đường TPT 29	Phường An Lộc	252	202	141	
21753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TPT 53 đoạn từ Đường TPT 33 đến Đường TPT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21759	107	Đường TLT 1	Đường TLT 2	đường TLT 6	Phường An Lộc	252	202	141	
21760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 1 đoạn từ Đường TLT 2 đến đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21766	108	Đường TLT 2	Đường Quốc lộ 13	Đường ray xe lửa	Phường An Lộc	252	202	141	
21767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ray xe lửa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21773	109	Đường TLT 2	Đường ray xe lửa	Đường TLT 34	Phường An Lộc	252	202	141	
21774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường ray xe lửa đến Đường TLT 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21780	110	Đường TLT 2	Đường TLT 34	Đường ĐT 757	Phường An Lộc	252	202	141	
21781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 2 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21787	111	Đường TLT 3	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 20	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21794	112	Đường TLT 3	Đường TLT 20	Đường TLT 21	Phường An Lộc	252	202	141	
21795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21801	113	Đường TLT 3	Đường TLT 21	Xóm (đường TPT 1)	Phường An Lộc	252	202	141	
21802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 3 đoạn từ Đường TLT 21 đến Xóm (đường TPT 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21808	114	Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ)	Đường Quốc lộ 13	Đường Quốc lộ 13	Phường An Lộc	252	202	141	
21809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21815	115	Đường TLT 5	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 29	Phường An Lộc	252	202	141	
21816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21822	116	Đường TLT 5	Đường TLT 29	Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng)	Phường An Lộc	252	202	141	
21823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 5 đoạn từ Đường TLT 29 đến Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21829	117	Đường TLT 6	Đường Quốc lộ 13	Đường ĐT 757	Phường An Lộc	252	202	141	
21830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 6 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21836	118	Đường TLT 7	Suối Cần Lê	Đường TLT 6	Phường An Lộc	252	202	141	
21837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 7 đoạn từ Suối Cần Lê đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21843	119	Đường TLT 8	Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45	Đường TLT 6	Phường An Lộc	252	202	141	
21844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 8 đoạn từ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 45 đến Đường TLT 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21850	120	Đường TLT 9	Đường TLT 6	Đường TLT 10	Phường An Lộc	252	202	141	
21851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 9 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21857	121	Đường TLT 10	Đường TLT 6	Đường TLT 11	Phường An Lộc	252	202	141	
21858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 10 đoạn từ Đường TLT 6 đến Đường TLT 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21864	122	Đường TLT 11	TLT 1 đến	Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46	Phường An Lộc	252	202	141	
21865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ TLT 1 đến đến Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21871		Đường TLT 11	Suối	Đường ray xe lửa (cũ)	Phường An Lộc	252	202	141	
21872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray xe lửa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray xe lửa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray xe lửa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray xe lửa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray xe lửa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 11 đoạn từ Suối đến Đường ray xe lửa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21878	123	Đường TLT 12	Đường ĐT 757	Đường TLT 13	Phường An Lộc	252	202	141	
21879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 12 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21885	124	Đường TLT 13	Đường TLT 15	Đường TLT 1	Phường An Lộc	252	202	141	
21886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 13 đoạn từ Đường TLT 15 đến Đường TLT 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21892	125	Đường TLT 14	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 12	Phường An Lộc	252	202	141	
21893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21899	126	Đường TLT 15	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 13	Phường An Lộc	252	202	141	
21900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21906	127	Đường TLT 15	Đường TLT 13	Đường TLT 2	Phường An Lộc	252	202	141	
21907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 15 đoạn từ Đường TLT 13 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21913	128	Đường TLT 16	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 17	Phường An Lộc	252	202	141	
21914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21920	129	Đường TLT 16	Đường TLT 17	Đường TLT 40	Phường An Lộc	252	202	141	
21921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 16 đoạn từ Đường TLT 17 đến Đường TLT 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21927	130	Đường TLT 17	Đường TLT 16	Đường TLT 18	Phường An Lộc	252	202	141	
21928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 17 đoạn từ Đường TLT 16 đến Đường TLT 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21934	131	Đường TLT 18	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 17	Phường An Lộc	252	202	141	
21935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 18 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21941	132	Đường TLT 19	Đường Quốc lộ 13 (chợ)	Đường TLT 2	Phường An Lộc	252	202	141	
21942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 19 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 (chợ) đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21948	133	Đường TLT 20	Đường TLT 2	Đường TLT 3	Phường An Lộc	252	202	141	
21949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 20 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21955	134	Đường TLT 21	Đường TLT 20	Đường TLT 3	Phường An Lộc	252	202	141	
21956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 21 đoạn từ Đường TLT 20 đến Đường TLT 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21962	135	Đường TLT 22	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 23	Phường An Lộc	252	202	141	
21963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21969	136	Đường TLT 22	Đường TLT 23	Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47)	Phường An Lộc	252	202	141	
21970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 23 đến Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21976	137	Đường TLT 23	Đường Nhà máy xi măng	Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44	Phường An Lộc	252	202	141	
21977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 23 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đến hết ranh thửa đất số 205, 239 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21983	138	Đường TLT 24	Đường TLT 23	Đường TLT 22	Phường An Lộc	252	202	141	
21984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 24 đoạn từ Đường TLT 23 đến Đường TLT 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21990	139	Đường TLT 25	Đường TLT 22	Đường TLT 24	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
21991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
21996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 25 đoạn từ Đường TLT 22 đến Đường TLT 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
21997	140	Đường TLT 26	Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ)	Đường TLT 27	Phường An Lộc	252	202	141	
21998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
21999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ) đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22004		Đường TLT 26	Đường TLT 27	Đường TLT 5	Phường An Lộc	252	202	141	
22005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 26 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22011	141	Đường TLT 27	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 28	Phường An Lộc	252	202	141	
22012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường TLT 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22018	142	Đường TLT 27	Đường TLT 28	Đường TLT 43	Phường An Lộc	252	202	141	
22019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 28 đến Đường TLT 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22025	143	Đường TLT 27	Đường TLT 43	Đường TLT 5	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 27 đoạn từ Đường TLT 43 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22032	144	Đường TLT 28	Đường TLT 27	Đường TLT 5	Phường An Lộc	252	202	141	
22033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 28 đoạn từ Đường TLT 27 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22039	145	Đường TLT 29	Đường TLT 5	Đường TLT 5	Phường An Lộc	252	202	141	
22040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 29 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22046	146	Đường TLT 30	Đường TLT 5	Đường TLT 5	Phường An Lộc	252	202	141	
22047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 30 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22053	147	Đường TLT 31	Đường TLT 5	Đường TLT 29	Phường An Lộc	252	202	141	
22054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 31 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22060	148	Đường TLT 32	Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71)	hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70	Phường An Lộc	252	202	141	
22061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 32 đoạn từ Điểm đầu từ đường TLT 31 (Từ thửa 116 tờ bản đồ số 71) đến hết ranh thửa đất số 12 tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22067	149	Đường TLT 33	Đường TLT 2	Đường TLT 2	Phường An Lộc	252	202	141	
22068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 33 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22074	150	Đường TLT 34	Đường TLT 2	Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69)	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 34 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 (Đến hết ranh thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22081	151	Đường TLT 35	Đường TLT 34	Đường TLT 39	Phường An Lộc	252	202	141	
22082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 35 đoạn từ Đường TLT 34 đến Đường TLT 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22088	152	Đường TLT 36	Đường TLT 2	Đường TPT 4	Phường An Lộc	252	202	141	
22089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 36 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22095	153	Đường TLT 37	Đường TLT 2	Đường TPT 5	Phường An Lộc	252	202	141	
22096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 37 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TPT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22102	154	Đường TLT 38	Đường TLT 37	Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39	Phường An Lộc	252	202	141	
22103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 38 đoạn từ Đường TLT 37 đến Đến hết ranh thửa đất số 192 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22109	155	Đường TLT 39	Đường TLT 2	Đường TLT 37	Phường An Lộc	252	202	141	
22110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 39 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22116	156	Đường TLT 40	Đường TLT 2	Đường TLT 16	Phường An Lộc	252	202	141	
22117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 40 đoạn từ Đường TLT 2 đến Đường TLT 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22123	157	Đường TLT 41	Đường ĐT 757	ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤6.00m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤6.00m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 41 đoạn từ Đường ĐT 757 đến ranh thửa đất số 175 tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22130	158	Đường TLT 22	Đường TLT 29		Phường An Lộc	252	202	141	
22131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 29 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤6.00m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 29 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 29 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 29 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤6.00m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 29 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 22 đoạn từ Đường TLT 29 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22137	159	Đường TLT 43	Đường Nhà máy xi măng	Đường TLT 27	Phường An Lộc	252	202	141	
22138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 43 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22144	160	Đường TLT 45	Đường TLT 46	Thửa 8 tờ 35	Phường An Lộc	252	202	141	
22145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 45 đoạn từ Đường TLT 46 đến Thửa 8 tờ 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22151	161	Đường TLT 46	Đường TLT 29	ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73	Phường An Lộc	252	202	141	
22152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 46 đoạn từ Đường TLT 29 đến ranh thửa đất số 200 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22158	162	Đường TLT 47	Đường TLT 5	Đường TLT 46	Phường An Lộc	252	202	141	
22159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 47 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22165	163	Đường TLT 49	Đường TLT 73	Đường TLT 51	Phường An Lộc	252	202	141	
22166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 49 đoạn từ Đường TLT 73 đến Đường TLT 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22172	164	Đường TLT 50	Đường TLT 46	Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 50 đoạn từ Đường TLT 46 đến Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22179	165	Đường TLT 51	Đường TLT 31	Đường TLT 49 (nông trường cao su)	Phường An Lộc	252	202	141	
22180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 51 đoạn từ Đường TLT 31 đến Đường TLT 49 (nông trường cao su) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22186	166	Đường TLT 52	Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53)	Suối Tà Nùng	Phường An Lộc	252	202	141	
22187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 52 đoạn từ Đường TLT 36 (từ đầu thửa đất số 300 tờ bản đồ số 53) đến Suối Tà Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22193	167	Đường TLT 53	Đường TLT 2	thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 53 đoạn từ Đường TLT 2 đến thửa đất số 8 tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22200	168	Đường TLT 54	Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67)	Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60)	Phường An Lộc	252	202	141	
22201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 54 đoạn từ Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67) đến Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22207	169	Đường TLT 55	Đường TLT 46	Ranh xã Minh Đức	Phường An Lộc	252	202	141	
22208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 55 đoạn từ Đường TLT 46 đến Ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22214	170	Đường TLT 56	Đường TLT 55	thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41	Phường An Lộc	252	202	141	
22215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 56 đoạn từ Đường TLT 55 đến thửa đất số 473 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22221	171	Đường TLT 57	Đường TLT 55	hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41	Phường An Lộc	252	202	141	
22222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 57 đoạn từ Đường TLT 55 đến hết ranh thửa đất số 367 tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22228	172	Đường TLT 58	Đường TLT 55 lô cao su	Đường TLT 59	Phường An Lộc	252	202	141	
22229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 58 đoạn từ Đường TLT 55 lô cao su đến Đường TLT 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22235	173	Đường TLT 59	Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41)	Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41)	Phường An Lộc	252	202	141	
22236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 59 đoạn từ Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41) đến Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22242	174	Đường TLT 60	Đường TLT 55	Đường TLT 58	Phường An Lộc	252	202	141	
22243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 60 đoạn từ Đường TLT 55 đến Đường TLT 58 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22249	175	Đường TLT 64	Đường Nhà máy xi măng	Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38)	Phường An Lộc	252	202	141	
22250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 64 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22256	176	Đường TLT 65	Đường TLT 55	đường TLT 66	Phường An Lộc	252	202	141	
22257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 65 đoạn từ Đường TLT 55 đến đường TLT 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22263	177	Đường TLT 66	Đường băng tải	Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37)	Phường An Lộc	252	202	141	
22264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 66 đoạn từ Đường băng tải đến Hết tuyến (hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 37) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22270	178	Đường TLT 67	Đường TLT 55	Bãi rác	Phường An Lộc	252	202	141	
22271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Đường TLT 55 đến Bãi rác có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22277		Đường TLT 67	Suối	Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73	Phường An Lộc	252	202	141	
22278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 67 đoạn từ Suối đến Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22284	179	Đường TLT 68	Đường TLT 67	Đường TLT 45	Phường An Lộc	252	202	141	
22285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 68 đoạn từ Đường TLT 67 đến Đường TLT 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22291	180	Đường TLT 69	Đường TLT 5	Đường TLT 27	Phường An Lộc	252	202	141	
22292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 69 đoạn từ Đường TLT 5 đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22298	181	Đường TLT 70	Đường Nhà máy xi măng	Đường TLT 27	Phường An Lộc	252	202	141	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường Nhà máy xi măng đến Đường TLT 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22305		Đường TLT 70	Đường TLT 27	đường TLT 5	Phường An Lộc	252	202	141	
22306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 70 đoạn từ Đường TLT 27 đến đường TLT 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22312	182	Đường TLT 71	Đường TLT 24	đường vào nhà máy xi măng	Phường An Lộc	252	202	141	
22313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 71 đoạn từ Đường TLT 24 đến đường vào nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22319	183	Đường TLT 73	Đường TLT 32	ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 35	Phường An Lộc	252	202	141	
22320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến ranh thửa đất số 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến ranh thửa đất sô 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến ranh thửa đất sô 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường An Lộc	158	126	88	
22324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến ranh thửa đất sô 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường An Lộc	126	101	71	
22325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường TLT 73 đoạn từ Đường TLT 32 đến ranh thửa đất sô 234 tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường An Lộc	101	81	57	
22326	184	Các tuyến đường rộng từ 07m trở lên			Phường An Lộc	252	202	141	
22327	185	Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m			Phường An Lộc	252	202	141	
22328	186	Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su			Phường An Lộc	252	202	141	
22329	187	Các tuyến đường bê tông từ 3,5m đến dưới 07m (theo bản đồ chính quy)			Phường An Lộc	210	168	118	
22330	188	Các tuyến đường, tuyến hẻm còn lại có bề rộng mặt đường theo bản đồ chính quy nhỏ hơn 3,5m thuộc các tờ bản đồ số 6, 7, 12, 13, 19, 26, 27, 33			Phường An Lộc	210	168	118	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22331	189	Các tuyến đường, tuyến hẻm còn lại có bề rộng mặt đường theo bản đồ chính quy nhỏ hơn 3,5m thuộc các tờ bản đồ còn lại			Phường An Lộc	210	168	118	
22332	190	Các tuyến đường còn lại			Phường An Lộc	210	168	118	
22333	1	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ)	Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1)	Phường Phước Bình	420	336	269	
22334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ) đến Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22340	2	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1)	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41)	Phường Phước Bình	420	336	269	
22341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (bên trái đến hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và bên phải đến hết ranh Quảng trường 6-1) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22347	3	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41)	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141))	Phường Phước Bình	420	336	269	
22348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	226	180	144	
22349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	180	144	115	
22350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	144	115	92	
22351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	226	180	144	
22352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	180	144	115	
22353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	144	115	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22354	4	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141))	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140)	Phường Phước Bình	420	336	269	
22355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	252	202	161	
22356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	202	161	129	
22357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	162	129	103	
22358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	252	202	161	
22359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	202	161	129	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141)) đến Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	162	129	103	
22361	5	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114)	Phường Phước Bình	420	336	269	
22362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22368	6	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118)	Phường Phước Bình	420	336	269	
22369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114) đến Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22375	7	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118)	Giáp ranh xã Bình Tân	Phường Phước Bình	420	336	269	
22376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22382	8	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53)	Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53)	Phường Phước Bình	420	336	269	
22383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53) đến Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22389	9	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52)	Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49)	Phường Phước Bình	420	336	269	
22390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52) đến Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22396	10	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49)	Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43)	Phường Phước Bình	420	336	269	
22397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) đến Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22403	11	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43)	hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20	Phường Phước Bình	420	336	269	
22404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
22407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
22408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
22409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43) đến hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22410	12	Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ)	Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87)	Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75))	Phường Phước Bình	224	179	143	
22411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
22412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
22413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
22414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
22415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87) đến Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
22417	13	Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ)	Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54))	Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54)	Phường Phước Bình	224	179	143	
22418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
22419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
22420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
22421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
22423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)) đến Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
22424	14	Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1)	Ngã ba giao với ĐT 759	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn	Phường Phước Bình	140	112	90	
22425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	98	78	63	
22426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	78	63	50	
22427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	62	50	40	
22428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	98	78	63	
22429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1) đoạn từ Ngã ba giao với ĐT 759 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	62	50	40	
22431	15	Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2)	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn	Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào	Phường Phước Bình	140	112	90	
22432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	98	78	63	
22433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	78	63	50	
22434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	62	50	40	
22435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	98	78	63	
22436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	78	63	50	
22437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2) đoạn từ Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn đến Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	62	50	40	
22438	16	Đường Long Hưng - Bình Sơn	Giáp ranh xã Bình Tân	Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt	Phường Phước Bình	140	112	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	98	78	63	
22440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	78	63	50	
22441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	62	50	40	
22442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	98	78	63	
22443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	78	63	50	
22444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	62	50	40	
22445	17	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	140	112	90	
22446	18	Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành - Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22453	19	Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)	Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110) đến Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22460	20	Đường Phạm Hùng	Giáp đường Độc Lập	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Phước Bình	294	235	188	
22461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hùng đoạn từ Giáp đường Độc Lập đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22467	21	Đường Lương Định Của	Nguyễn Kim	Phan Huy Ích	Phường Phước Bình	294	235	188	
22468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Định Của đoạn từ Nguyễn Kim đến Phan Huy Ích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22474	22	Đường Phan Huy Ích	thửa đất 143 tờ bản đồ số 53	Đinh Văn Chất	Phường Phước Bình	294	235	188	
22475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Ích đoạn từ thửa đất 143 tờ bản đồ số 53 đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22481	23	Đường Nguyễn Kim	Nguyễn Tất Thành	Đinh Văn Chất	Phường Phước Bình	294	235	188	
22482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22488	24	Đường Đinh Văn Chất	Đường 3 tháng 2	Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22495	25	Đường Đinh Văn Chất	Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50)	Đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	294	235	188	
22496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Văn Chất đoạn từ Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50) đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22502	26	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
22503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Ngữ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22509	27	Đường Lê Văn Sỹ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
22510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22516	28	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Điều Ong	Đường Trường Chinh	Phường Phước Bình	294	235	188	
22517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điều Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điều Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điều Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điều Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điều Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Điểu Ong đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22523	29	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Phường Phước Bình	294	235	188	
22524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22530	30	Đường Đoàn Đức Thái	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Nơ Trang Long	Phường Phước Bình	294	235	188	
22531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22537	31	Đường Điểu Ong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
22538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22544	32	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Độc Lập	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22551	33	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Phước Bình	294	235	188	
22552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22558	34	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	294	235	188	
22559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22565	35	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Độc Lập	Đường Lê Anh Xuân	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Hoan đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Lê Anh Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22572	36	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Phước Bình	294	235	188	
22573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22579	37	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
22580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22586	38	Đường Lê Duẩn	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22593	39	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Trường Chinh	Phường Phước Bình	294	235	188	
22594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Nguyễn Công Hoan đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22600	40	Đường Lê Anh Xuân	Đường Trường Chinh	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
22601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Anh Xuân đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22607	41	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Độc Lập	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	294	235	188	
22608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22614	42	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Phước Bình	294	235	188	
22615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22621	43	Đường Bế Văn Đàn	Đường Bùi Văn Dù	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
22622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bế Văn Đàn đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22628	44	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22635	45	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26)	Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26) đến Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22642	46	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101)	Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78)	Phường Phước Bình	224	179	143	
22643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
22644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
22645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
22646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
22648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101) đến Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
22649	47	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78)	Đường Lý Tự Trọng	Phường Phước Bình	224	179	143	
22650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
22651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
22652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
22653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
22654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78) đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
22656	48	Đường Phan Đình Giót	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
22657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22663	49	Đường Mai Chí Thọ	Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan	Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan	Phường Phước Bình	294	235	188	
22664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Chí Thọ đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22670	50	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	294	235	188	
22671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22677	51	Đường Phùng Khắc Khoan	Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ	Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	235	188	151	
22679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	188	151	120	
22680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	150	121	96	
22681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	235	188	151	
22682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	188	151	120	
22683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ đến Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	150	121	96	
22684	52	Đường Lý Thường Kiệt	Giáp đường Võ Văn Kiệt	Giáp đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	294	235	188	
22685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Giáp đường Võ Văn Kiệt đến Giáp đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22691	53	Đường Tô Hiệu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	294	235	188	
22692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiệu đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22698	54	Đường Nguyễn Duy Trinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	294	235	188	
22699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Duy Trinh đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22705	55	Đường Trần Văn Trà	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	294	235	188	
22706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22712	56	Đường Nơ Trang Long	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	294	235	188	
22713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22719	57	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	294	235	188	
22720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Xuân Soạn đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22726	58	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Phước Bình	294	235	188	
22727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22733	59	Đường Phan Chu Trinh	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22740	60	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Phường Phước Bình	294	235	188	
22741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Đặng Văn Ngữ đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22747	61	Đường Tố Hữu	Đường Phạm Hùng	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
22748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tố Hữu đoạn từ Đường Phạm Hùng đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22754	62	Đường Tô Ngọc Vân	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	294	235	188	
22755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Ngọc Vân đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22761	63	Đường Bùi Văn Dù	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
22762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Dù đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22768	64	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22775	65	Đường Hoài Thanh	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	294	235	188	
22776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoài Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoài Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoài Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoài Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoài Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoài Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22782	66	Đường Nguyễn Văn Siêu	đường Lý Thường Kiệt	Nguyễn Hữu Thọ	Phường Phước Bình	294	235	188	
22783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Siêu đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22789	67	Đường Nguyễn Huy Tự	đường Võ Văn Kiệt	Nguyễn Văn Siêu	Phường Phước Bình	294	235	188	
22790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Tự đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến Nguyễn Văn Siêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22796	68	Đường Lê Thị Hồng Gấm	đường Nguyễn Tri Phương	Hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30	Phường Phước Bình	294	235	188	
22797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Hồng Gấm đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 26 tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22803	69	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22810	70	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước)	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22817	71	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước)	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố Long Phước) đến Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22824	72	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước)	Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước) đến Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22831	73	Đường Hàn Thuyên	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	294	235	188	
22832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22838	74	Đường Lê Văn Ngôn	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	Phường Phước Bình	294	235	188	
22839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Ngôn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22845	75	Đường Lê Văn Hưu	Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49	Đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	294	235	188	
22846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Thửa đất số 75 tờ bản đồ số 49 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22852	76	Đường Nguyễn Hiền	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	294	235	188	
22853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22859	77	Đường Đoàn Nhữ Hài	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	Phường Phước Bình	294	235	188	
22860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Nhữ Hài đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Phạm Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22866	78	Đường Lê Quát	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	Phường Phước Bình	294	235	188	
22867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quát đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22873	79	Đường Đặng Tất	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	Phường Phước Bình	294	235	188	
22874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Tất đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22880	80	Đường Đặng Trần Côn	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	294	235	188	
22881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Trần Côn đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22887	81	Đường Hồ Văn Huê	Đường Đặng Trần Côn	Đường Hoàng Lệ Kha	Phường Phước Bình	294	235	188	
22888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22894	82	Đường Nguyễn Nghiêm	Đường 3 tháng 2	Đường Hoàng Lệ Kha	Phường Phước Bình	294	235	188	
22895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Nghiêm đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22901	83	Đường Lương Khánh Thiện	Đường 3 tháng 2	Đường Hoàng Lệ Kha	Phường Phước Bình	294	235	188	
22902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Khánh Thiện đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Hoàng Lệ Kha có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22908	84	Đường Hoàng Lệ Kha	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	Phường Phước Bình	294	235	188	
22909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Lệ Kha đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đặng Trần Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22915	85	Đường Phan Bá Vành	Đường Lương Khánh Thiện	Đường Đinh Văn Chất	Phường Phước Bình	294	235	188	
22916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bá Vành đoạn từ Đường Lương Khánh Thiện đến Đường Đinh Văn Chất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22922	86	Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm	Ngã ba đường Tú Xương	Ngã ba đường Vườn Ươm	Phường Phước Bình	294	235	188	
22923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Tú Xương đến đường Vườn Ươm đoạn từ Ngã ba đường Tú Xương đến Ngã ba đường Vườn Ươm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22929	87	Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước)	Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28)	Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường 3 tháng 2 đến đường Hoàng Lệ Kha (khu phố Long Phước) đoạn từ Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28) đến Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22936	88	Đường Tú Xương	Đường 3 tháng 2	Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tú Xương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22943	89	Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến)	Đường 3 tháng 2	Đường Tú Xương	Phường Phước Bình	294	235	188	
22944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường nội ô Long Điền 9 (5 tuyến) đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Tú Xương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22950	90	Đường Vườn Ươm khu phố 3	Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10)	Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình	Phường Phước Bình	294	235	188	
22951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ươm khu phố 3 đoạn từ Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10) đến Hết ranh thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11, phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22957	91	Đường Nguyễn Khuyến	Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hồ Tùng Mậu	Phường Phước Bình	294	235	188	
22958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Hồ Tùng Mậu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22964	92	Đường Bom Bo	Đường Võ Nguyên Giáp	đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	294	235	188	
22965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bom Bo đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22971	93	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến	<Null>	Phường Phước Bình	294	235	188	
22972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22978	94	Đường nội ô khu dân cư Thành Phương	Toàn tuyến	<Null>	Phường Phước Bình	294	235	188	
22979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu dân cư Thành Phương đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22985	95	Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ)	Toàn tuyến	<Null>	Phường Phước Bình	294	235	188	
22986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22992	96	Đường Lý Tự Trọng	Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định	Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền)	Phường Phước Bình	294	235	188	
22993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
22995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
22997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
22998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định đến Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
22999	97	Đường Lý Tự Trọng	Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền)	Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55)	Phường Phước Bình	224	179	143	
23000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền) đến Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23006	98	Đường Lý Tự Trọng	Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55)	Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62)	Phường Phước Bình	224	179	143	
23007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Phước Bình	157	125	100	
23008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	125	100	80	
23009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	100	80	64	
23010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Phường Phước Bình	157	125	100	
23011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	125	100	80	
23012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	100	80	64	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23013	99	Đường Lý Tự Trọng	Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62)	Giáp ranh phường Phước Long	Phường Phước Bình	224	179	143	
23014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố Long Giang (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62) đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23020	100	Đường Văn Cao	Đường Trần Quốc Thảo	đường Hùng Vương	Phường Phước Bình	294	235	188	
23021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Văn Cao đoạn từ Đường Trần Quốc Thảo đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23027	101	Đường Nguyễn Phan Chánh	Đường 3 tháng 2	Đường Đinh Lễ	Phường Phước Bình	294	235	188	
23028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phan Chánh đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23034	102	Đường Lê Quang Định	Đường Võ Trứ	Đường Hùng Vương	Phường Phước Bình	294	235	188	
23035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Võ Trứ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23041	103	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Quốc Thảo	Phường Phước Bình	294	235	188	
23042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thượng Hiền đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Trần Quốc Thảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23048	104	Đường Ngô Đức Kế	Đường Đào Nguyên Phổ	đường Phan Khôi	Phường Phước Bình	294	235	188	
23049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Đào Nguyên Phổ đến đường Phan Khôi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23055	105	Đường Phan Khôi	Đường 3 tháng 2	Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21	Phường Phước Bình	294	235	188	
23056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Khôi đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 30 tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23062	106	Đường Đinh Lễ	ĐườngNguyễn Phan Chánh	Đường Lý Tự Trọng	Phường Phước Bình	294	235	188	
23063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Lễ đoạn từ ĐườngNguyễn Phan Chánh đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23069	107	Đường Đào Nguyên Phổ	Đường 3 tháng 2	Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22	Phường Phước Bình	294	235	188	
23070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Nguyên Phổ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết ranh thửa 260 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23076	108	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 3 tháng 2	đường Dương Đình Nghệ	Phường Phước Bình	294	235	188	
23077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Thảo đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến đường Dương Đình Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23083	109	Đường Nguyễn Thi	Đường Võ Trứ	Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18	Phường Phước Bình	294	235	188	
23084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thi đoạn từ Đường Võ Trứ đến Hết ranh thửa 91 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23090	110	Đường Mai Xuân Thưởng	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23097	111	Đường Đinh Công Tráng	Giáp đường Hùng Vương	ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6	Phường Phước Bình	294	235	188	
23098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Tráng đoạn từ Giáp đường Hùng Vương đến ranh thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23104	112	Đường Võ Trứ	Đường 3 tháng 2	hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23	Phường Phước Bình	294	235	188	
23105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trứ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến hết ranh thửa đất số 14 tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23111	113	Đường Dương Đình Nghệ	Đường 3 tháng 2	Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao	Phường Phước Bình	294	235	188	
23112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23118	114	Đường Dương Đình Nghệ	Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22)	Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22) đến Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23125	115	Đường Dương Đình Nghệ	Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19)	Đường Hùng Vương	Phường Phước Bình	294	235	188	
23126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Đình Nghệ đoạn từ Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23132	116	Đường Hùng Vương	Đường 3 tháng 2	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ	Phường Phước Bình	294	235	188	
23133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23139	117	Đường Hùng Vương	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt	Phường Phước Bình	294	235	188	
23140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ đến Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23146	118	Đường Hùng Vương	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81)	Phường Phước Bình	224	179	143	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Phường Phước Bình	157	125	100	
23148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Phường Phước Bình	125	100	80	
23149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Phường Phước Bình	100	80	64	
23150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Phường Phước Bình	157	125	100	
23151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Phường Phước Bình	125	100	80	
23152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Phường Phước Bình	100	80	64	
23153	119	Đường Châu Văn Liêm	Đường Độc Lập	Đường Phan Đình Giót		Phường Phước Bình	294	235	188	
23154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				Phường Phước Bình	206	165	132	
23155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Phường Phước Bình	165	132	105	
23156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23160	120	Đường Hoàng Cầm	Đường Độc Lập	Đường Phan Đình Giót	Phường Phước Bình	294	235	188	
23161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Cầm đoạn từ Đường Độc Lập đến Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23167	121	Đường Hồ Tùng Mậu	Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học đến Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23174	122	Đường Hồ Tùng Mậu	Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước)	Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước)	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố Long Phước và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước) đến Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23181	123	Đường Hồ Tùng Mậu	Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước)	Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16)	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	206	165	132	
23183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	165	132	105	
23184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	132	106	84	
23185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	206	165	132	
23186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	165	132	105	
23187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (khu phố Long Phước) đến Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	132	106	84	
23188	124	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Nguyễn Khuyến	Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16	Phường Phước Bình	294	235	188	
23189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	206	165	132	
23190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23195	125	Đường Ngô Thì Nhậm	Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16	Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23202	126	Đường Vũ Như Tô	đường Nguyễn Huy Lượng	đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
23203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Như Tô đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23209	127	Đường Lê Thị Riêng	đường Nguyễn Huy Lượng	đường Vũ Như Tô	Phường Phước Bình	294	235	188	
23210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ đường Nguyễn Huy Lượng đến đường Vũ Như Tô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23216	128	Đường Nguyễn Huy Lượng	Đường Bùi Văn Dù	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
23217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huy Lượng đoạn từ Đường Bùi Văn Dù đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23223	129	Đường nhựa 1 (chưa có tên)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Độc Lập	Phường Phước Bình	294	235	188	
23224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 1 (chưa có tên) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23230	130	Đường nhựa 2 (chưa có tên)	Đường Vũ Như Tô	Đường Lê Thị Riêng	Phường Phước Bình	294	235	188	
23231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 2 (chưa có tên) đoạn từ Đường Vũ Như Tô đến Đường Lê Thị Riêng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23237	131	Đường nhựa 3 (chưa có tên)	Đường Lê Văn Sỹ	Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 3 (chưa có tên) đoạn từ Đường Lê Văn Sỹ đến Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23244	132	Đường nhựa 4 (chưa có tên)	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Bom Bo	Phường Phước Bình	294	235	188	
23245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 4 (chưa có tên) đoạn từ Đường Trần Xuân Soạn đến Đường Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23251	133	Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến)	Đường Tô Hiệu	Đường Nguyễn Duy Trinh	Phường Phước Bình	294	235	188	
23252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến) đoạn từ Đường Tô Hiệu đến Đường Nguyễn Duy Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23258	134	Đường Nguyễn Thông	Đường Đặng Trần Côn	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Bình	294	235	188	
23259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Đặng Trần Côn đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23265	135	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23272	136	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39)	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	206	165	132	
23274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	165	132	105	
23275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	132	106	84	
23276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	206	165	132	
23277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39) đến Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23279	137	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09)	Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09) đến Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23286	138	Các tuyến đường nội ô Khu phố 5	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	231	185	148	
23287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	162	129	104	
23288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	129	104	83	
23289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	103	83	66	
23290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	162	129	104	
23291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	129	104	83	
23292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội ô Khu phố 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	103	83	66	
23293	139	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141)	Ngã tư đường Thích Quảng Đức	Phường Phước Bình	420	336	269	
23294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
23295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
23298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
23299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141) đến Ngã tư đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23300	140	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Ngã tư đườngThích Quảng Đức	Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	Phường Phước Bình	420	336	269	
23301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
23302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
23303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
23306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Ngã tư đườngThích Quảng Đức đến Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23307	141	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	Phường Phước Bình	420	336	269	
23308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
23309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
23310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
23313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23314	142	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120)	Phường Phước Bình	420	336	269	
23315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
23316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
23317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
23320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120) đến Đường Âu cơ (Hết ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23321	143	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120)	Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Phường Phước Bình	420	336	269	
23322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
23323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
23324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
23327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120) đến Đường Phan Thế Hiển (Hết ranh thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23328	144	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	Phường Phước Bình	420	336	269	
23329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
23330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	
23331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	226	180	144	
23333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đoạn từ Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	144	115	92	
23335	145	Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức)	đường Nguyễn Tất Thành	hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141	Phường Phước Bình	294	235	188	
23336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức) đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 16 tờ bản đồ số 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23342	146	Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ)	Toàn tuyến	<Null>	Phường Phước Bình	294	235	188	
23343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23349	147	Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình)	Ngã ba giáp đường Độc Lập	Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba giáp đường Độc Lập đến Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23356	148	Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116)	Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116) đến Cầu (hết ranh thửa đất số 82 tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23363	149	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Giáp đường Thống Nhất	Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (Hết ranh thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23370	150	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119)	Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124)	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119) đến Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (Hết ranh thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23377	151	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124)	Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3)	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	206	165	132	
23379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	165	132	105	
23380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	132	106	84	
23381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Phường Phước Bình	206	165	132	
23382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Phường Phước Bình	165	132	105	
23383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân) đoạn từ Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124) đến Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125- nối với đường liên khu vực 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Phường Phước Bình	132	106	84	
23384	152	Đường Phạm Thế Hiển	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Phường Phước Bình	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23391	153	Đường Phạm Thế Hiển	Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23398	154	Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá)	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 350m (Hết ranh thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23405	155	Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá)	Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá) đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127) đến Giáp ranh phường Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23412	156	Đường Thành Thái	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23419	157	Đường Thành Thái	Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121)	Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121)	Phường Phước Bình	294	235	188	
23420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	
23423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	206	165	132	
23424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	165	132	105	
23425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) đến Giáp đường Thống Nhất + 400m (Hết ranh thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23426	158	Đường Âu Cơ	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	đường Đường Lê Trọng Tấn	Phường Phước Bình, Phường Phước Long	294	235	188	
23427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	206	165	132	
23428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	165	132	105	
23429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	132	106	84	
23430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	206	165	132	
23431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	165	132	105	
23432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến đường Đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình, Phường Phước Long	132	106	84	
23433	159	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh phường Phước Long	Ngã tư đường Phan Văn Đạt	Phường Phước Bình	224	179	143	
23434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã tư đường Phan Văn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23440	160	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã tư đường Phan Văn Đạt	Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70)	Phường Phước Bình	224	179	143	
23441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã tư đường Phan Văn Đạt đến Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (Hết ranh thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23447	161	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70)	Giáp đường Lý Tự Trọng	Phường Phước Bình	224	179	143	
23448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70) đến Giáp đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23454	162	Đường Nguyễn Trãi	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79)	Phường Phước Bình	224	179	143	
23455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long (cũ) đến Đường Hùng Vương + 50 mét (Đến thửa đất số 113 tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23461	163	Đường Hà Huy Tập	Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92	thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81	Phường Phước Bình	224	179	143	
23462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Từ thửa đất số 113 tờ bản đồ số 92 đến thửa đất số 17 tờ bản tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23468	164	Đường Bùi Viện	Đường Hà Huy Tập	Đường Tôn Thất Đạm	Phường Phước Bình	224	179	143	
23469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23475	165	Đường Đào Duy Từ	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91)	Phường Phước Bình	224	179	143	
23476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Duy Từ đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh địa giới Phường Phước Long (hết ranh thửa 180, 152 tờ bản đồ số 91) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23482	166	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Trãi	Đường Tôn Thất Đạm	Phường Phước Bình	224	179	143	
23483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23489	167	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Thất Đạm	Đường QH LKV4	Phường Phước Bình	224	179	143	
23490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Đạo Thành đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường QH LKV4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23496	168	Đường Võ Duy Dương	Đường Tống Duy Tân	Đường Tăng Bạt Hổ	Phường Phước Bình	224	179	143	
23497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Tống Duy Tân đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23503	169	Đường Phan Văn Đạt	Đường Tôn Thất Đạm	Đường Tăng Bạt Hổ	Phường Phước Bình	224	179	143	
23504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đạt đoạn từ Đường Tôn Thất Đạm đến Đường Tăng Bạt Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23510	170	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tôn Đức Thắng	đường Hùng Vương	Phường Phước Bình	224	179	143	
23511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Khánh Dư đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23517	171	Đường Tôn Thất Đạm	Đường QHLKV4	hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134	Phường Phước Bình	224	179	143	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường QHLKV4 đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 92 và thửa đất số 16 tờ bản đồ số 134 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23524	172	Đường Huyền Trân Công Chúa	Đường Tôn Đức Thắng	thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69	Phường Phước Bình	224	179	143	
23525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huyền Trân Công Chúa đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 108 tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23531	173	Đường Tăng Bạt Hổ	Đường QHLKV4	Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80	Phường Phước Bình	224	179	143	
23532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tăng Bạt Hổ đoạn từ Đường QHLKV4 đến Đường Tôn Đức Thắng, đến thửa 150 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23538	174	Đường Lê Chân	Đường Bùi Đắc Tuyên	thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90	Phường Phước Bình	224	179	143	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Chân đoạn từ Đường Bùi Đắc Tuyên đến thửa đất số 53 và 54, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23545	175	Đường Chu Mạnh Trinh	Đường Đào Duy Từ	hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91	Phường Phước Bình	224	179	143	
23546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23552	176	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Đào Duy Từ	thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80	Phường Phước Bình	224	179	143	
23553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Biểu Chánh đoạn từ Đường Đào Duy Từ đến thửa đất số 159, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23559	177	Đường Tống Duy Tân	Đường QHLKV4	thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81	Phường Phước Bình	224	179	143	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tống Duy Tân đoạn từ Đường QHLKV4 đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23566	178	Đường Bùi Đắc Tuyên	Đường Nguyễn Trãi	thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90	Phường Phước Bình	224	179	143	
23567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Đắc Tuyên đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến thửa đất số 130, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23573	179	Đường Lương Ngọc Quyến	Đường Tôn Đức Thắng	thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80	Phường Phước Bình	224	179	143	
23574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Ngọc Quyến đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến thửa đất số 22, tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23580	180	Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ)	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	224	179	143	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23587	181	Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	224	179	143	
23588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23594	182	Đường Liên khu vực 1	Đường 3 tháng 2	giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15)	Phường Phước Bình	224	179	143	
23595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên khu vực 1 đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến giap ranh xã Bình Tân (Đến hết ranh thửa đất số 36 và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23601	183	Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759)	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84)	Phường Phước Bình	224	179	143	
23602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759) đoạn từ Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759) đến giáp ranh địa giới hành chính Phường Phước Long (hết ranh thửa đất số 123 và 39, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23608	184	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng từ 3,5m trở lên	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	196	157	125	
23609	185	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng dưới 3,5m	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	196	157	125	
23610	186	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Phường Phước Bình	196	157	125	
23611	187	Đường Long Hưng - Bình Sơn	Giáp ranh xã Bình Tân	hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112)	Phường Phước Bình	140	112	90	
23612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	98	78	63	
23613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	78	63	50	
23614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	62	50	40	
23615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Bình	98	78	63	
23616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	78	63	50	
23617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Hưng - Bình Sơn đoạn từ Giáp ranh xã Bình Tân đến hết ranh thửa đất số 89 tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	62	50	40	
23618	188	Các tuyến đường Ngang nội ô khu phố 3 (3 nhánh: nhánh 1; nhánh 2; nhánh 3)			Phường Phước Bình				

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23619	189	Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài)	Ngã tư đường Lý Tự Trọng	Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa)	Phường Phước Bình	224	179	143	
23620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Bình	157	125	100	
23624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Bình	125	100	80	
23625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt (đoạn nối dài) đoạn từ Ngã tư đường Lý Tự Trọng đến Hết ranh thửa đất số 127 tờ bản đồ số 57 phường Phước Bình (giáp ranh xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Bình	100	80	64	
23626	1	Đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường 6/1	Giáp đường Lê Văn Duyệt	Phường Phước Long	420	336	269	
23627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	226	180	144	
23628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	144	115	92	
23630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	226	180	144	
23631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	180	144	115	
23632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	144	115	92	
23633	2	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt	Ngã tư giao đường Trần Quang Khải	Phường Phước Long	420	336	269	
23634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	226	180	144	
23635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	180	144	115	
23636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	144	115	92	
23637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	226	180	144	
23638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt đến Ngã tư giao đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	144	115	92	
23640	3	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã tư giao đường Trần Quang Khải	Trụ sở UBND phường (cũ)	Phường Phước Long	420	336	269	
23641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	226	180	144	
23642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	180	144	115	
23643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	144	115	92	
23644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	226	180	144	
23645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	180	144	115	
23646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Ngã tư giao đường Trần Quang Khải đến Trụ sở UBND phường (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	144	115	92	
23647	4	Đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường 6/1	Phường Phước Long	420	336	269	
23648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	226	180	144	
23649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	144	115	92	
23651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	226	180	144	
23652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	180	144	115	
23653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	144	115	92	
23654	5	Đường 6/1	Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1)	Đường Đinh Tiên Hoàng	Phường Phước Long	420	336	269	
23655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	226	180	144	
23656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	180	144	115	
23657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	144	115	92	
23658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	226	180	144	
23659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1) đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	144	115	92	
23661	6	Đường 6/1	Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng	Tượng đài Chiến thắng	Phường Phước Long	294	235	188	
23662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng đến Tượng đài Chiến thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23668	7	Đường 6/1	Tượng đài chiến thắng	Đến Cầu Đăk Lung	Phường Phước Long	294	235	188	
23669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 6/1 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Đến Cầu Đăk Lung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23675	8	Đường Trần Hưng Đạo	Giao đường Nguyễn Tất Thành	Giao với đường 6/1	Phường Phước Long	294	235	188	
23676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giao với đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23682	9	Đường Trần Hưng Đạo	Giao đường 6/1	Giao với đường Lê Văn A	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Giao đường 6/1 đến Giao với đường Lê Văn A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23689	10	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A	Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải)	Phường Phước Long	294	235	188	
23690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A đến Hết tuyến đường nhựa Khu phố 6 tháng 1 (Hết thửa đất số 315 tờ bản đồ số 4 về bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23696	11	Đường Lê Hồng Phong	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thái Tổ	Phường Phước Long	294	235	188	
23697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23703	12	Đường Lê Hồng Phong (nối dài)	Đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (nối dài) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23710	13	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741)	Ngã ba giao đường Tàu Ô	Phường Phước Long	294	235	188	
23711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741) đến Ngã ba giao đường Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23717	14	Đường Lê Hồng Phong	Ngã ba giao đường Tàu Ô	Cầu số 3	Phường Phước Long	294	235	188	
23718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã ba giao đường Tàu Ô đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23724	15	Đường Lê Hồng Phong	Cầu số 3	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phước Long	294	235	188	
23725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Cầu số 3 đến Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23731	16	Đường Nguyễn Huệ	Tượng đài chiến thắng	Giáp đường Lê Văn Duyệt	Phường Phước Long	294	235	188	
23732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Giáp đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23738	17	Đường Nguyễn Huệ	Giao đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	294	235	188	
23739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Giao đường Lê Văn Duyệt đến Giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23745	18	Đường Lê Văn A	Đường Cách mạng tháng 8	Đường Lê Văn Duyệt	Phường Phước Long	294	235	188	
23746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn A đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23752	19	Đường Trần Quang Khải	Ngã ba đường 6/1	Đường Lê Văn Duyệt	Phường Phước Long	294	235	188	
23753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã ba đường 6/1 đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23759	20	Đường Trần Quang Khải	Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt	Ngã ba đường Hồ Long Thủy	Phường Phước Long	294	235	188	
23760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ngã ba đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23766	21	Đường Cách mạng tháng 8	Tượng đài chiến thắng	Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh	Phường Phước Long	294	235	188	
23767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Tượng đài chiến thắng đến Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23773	22	Đường Cách mạng tháng 8	Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh	Giáp đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Phước Long	294	235	188	
23774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách mạng tháng 8 đoạn từ Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh đến Giáp đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23780	23	Đường Hai Bà Trưng	Đường Cách mạng tháng 8	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Phường Phước Long	294	235	188	
23781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23787	24	Đường Tự Do	Đường Cách mạng tháng 8	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ)	Phường Phước Long	294	235	188	
23788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tự Do đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Đinh Tiên Hoàng (Đường đi qua công ty Mỹ Lệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23794	25	Đường Hồ Long Thủy	Ngã tư giáp đường 6/1	Đường Hùng Vương	Phường Phước Long	294	235	188	
23795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Ngã tư giáp đường 6/1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23801	26	Đường Hồ Long Thủy	Đường Hùng Vương	Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Long Thủy đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23808	27	Đường Trần Quốc Toản	Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải	Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ	Phường Phước Long	294	235	188	
23809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23815	28	Đường Trần Quốc Toản	Giao lộ đường Lê Văn Duyệt	Giao lộ đường Trần Quang Khải	Phường Phước Long	294	235	188	
23816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Giao lộ đường Lê Văn Duyệt đến Giao lộ đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23822	29	Đường Sư Vạn Hạnh	đường Cách mạng tháng 8	Giáp đường Lý Thái Tổ	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sư Vạn Hạnh đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đến Giáp đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23829	30	Đường Lý Thái Tổ	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	294	235	188	
23830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23836	31	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lê Hồng Phong	Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long)	Phường Phước Long	294	235	188	
23837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Cầu An Lương (hết ranh giới phường Phước Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23843	32	Đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Đinh Tiên Hoàng	Giao đường Lý Thái Tổ	Phường Phước Long	294	235	188	
23844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23850	33	Đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Lý Thái Tổ	Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi	Phường Phước Long	294	235	188	
23851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt đoạn từ Giao đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt, đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23857	34	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Giao đường Đinh Tiên Hoàng	Giao đường Trần Quốc Toản	Phường Phước Long	294	235	188	
23858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Giao đường Đinh Tiên Hoàng đến Giao đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23864	35	Đường Hàm Nghi	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt	Phường Phước Long	294	235	188	
23865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23871	36	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9	Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái	Phường Phước Long	294	235	188	
23872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9 đến Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23878	37	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngã ba đường Phạm Hồng Thái	Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01	Phường Phước Long	294	235	188	
23879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đoạn từ Ngã ba đường Phạm Hồng Thái đến Hết ranh Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23885	38	Đường Nguyễn Văn Cừ	Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Phường Phước Long	294	235	188	
23886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04 đến Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23892	39	Đường Trần Phú	Ngã ba đường Hàm Nghi	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Phước Long	294	235	188	
23893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã ba đường Hàm Nghi đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23899	40	Đường Thanh Niên	Đường vòng quanh hồ Long Thủy		Phường Phước Long	294	235	188	
23900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên đoạn Đường vòng quanh hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên đoạn Đường vòng quanh hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên đoạn Đường vòng quanh hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên đoạn Đường vòng quanh hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên đoạn Đường vòng quanh hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên đoạn Đường vòng quanh hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23906	41	Đường Phan Bội Châu	Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Xí	Phường Phước Long	294	235	188	
23907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23913	42	Đường Kim Đồng	Đường Hồ Long Thuỷ	Đường Nguyễn Văn Giáp	Phường Phước Long	294	235	188	
23914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng đoạn từ Đường Hồ Long Thuỷ đến Đường Nguyễn Văn Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23920	43	Đường Bà Triệu	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22)	Phường Phước Long	294	235	188	
23921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Triệu đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 84 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23927	44	Đường Cao Bá Quát	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22)	Phường Phước Long	294	235	188	
23928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Bá Quát đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Quốc Toản (Đường trước mặt thửa đất số 50 tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23934	45	Đường Phan Đình Giót	Đường Nguyễn Huệ	Đường Bà Triệu	Phường Phước Long	294	235	188	
23935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Bà Triệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23941	46	Đường Hoàng Diệu	Giáp đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12	Phường Phước Long	294	235	188	
23942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Giáp đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23948	47	Đường Nguyễn Văn Giáp	Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy	Đường Nguyễn Xí	Phường Phước Long	294	235	188	
23949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy đến Đường Nguyễn Xí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23955	48	Đường Nguyễn Văn Giáp	Đường Nguyễn Xí	Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6	Phường Phước Long	294	235	188	
23956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Đường Nguyễn Xí đến Giáp thửa đất số 313 tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23962	49	Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi	Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải	Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Phước Long	294	235	188	
23963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải đến Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23969	50	Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m)	Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt	Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m) đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Bao gồm tất cả các nhánh đường nhựa trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23976	51	Đường vào sân vận động	Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt	Ranh sân vận động	Phường Phước Long	294	235	188	
23977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động đoạn từ Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt đến Ranh sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23983	52	Đường Hùng Vương	Từ đường Hồ Long Thủy	Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ)	Phường Phước Long	294	235	188	
23984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
23989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Từ đường Hồ Long Thủy đến Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23990	53	Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do	Toàn tuyến		Phường Phước Long	294	235	188	
23991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
23996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
23997	54	Đường Trần Quang Khải (nối dài)	Đường Hồ Long Thủy	Đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	294	235	188	
23998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
23999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải (nối dài) đoạn từ Đường Hồ Long Thủy đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24004	55	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05)	Phường Phước Long	294	235	188	
24005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Hồng Thái đoạn từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24011	56	Đường Nguyễn Xí	Đường Nguyễn Văn Giáp	Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe)	Phường Phước Long	294	235	188	
24012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Xí đoạn từ Đường Nguyễn Văn Giáp đến Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24018	57	Đường Cù Chính Lan	Đường Cách Mạng Tháng Tám	giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4	Phường Phước Long	294	235	188	
24019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cù Chính Lan đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến giáp thửa đất số 422 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24025	58	Đường Hồ Huân Nghiệp	Đường 6/1	Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2	Phường Phước Long	294	235	188	
24026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Huân Nghiệp đoạn từ Đường 6/1 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24032	59	Đường nhựa bên hông sân vận động	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Hồ Long Thủy	Phường Phước Long	294	235	188	
24033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông sân vận động đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Đường Hồ Long Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24039	60	Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động	Toàn tuyến		Phường Phước Long	294	235	188	
24040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24046	61	Đường bên hông công an PCCC	Đường Lý Thái Tổ	Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03	Phường Phước Long	294	235	188	
24047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông công an PCCC đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp ranh Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24053	62	Đường Lê Quý Đôn	Giáp đường 6/1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Phường Phước Long	294	235	188	
24054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường 6/1 đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24060	63	Đường Lê Quý Đôn	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125	Phường Phước Long	294	235	188	
24061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24067	64	Đường Lê Quý Đôn	Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125	Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125	Phường Phước Long	294	235	188	
24068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 đến Hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24074	65	Đường nội ô chợ Phước Long	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường 6/1	Phường Phước Long	294	235	188	
24075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường 6/1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24081	66	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long)	ngã ba giao đường Độc Lập	Phường Phước Long	294	235	188	
24082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt (Từ ranh giới Phường Phước Long) đến ngã ba giao đường Độc Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24088	67	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng	Cầu Suối Dung	Phường Phước Long	294	235	188	
24089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng đến Cầu Suối Dung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24095	68	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Suối Dung	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Phường Phước Long	294	235	188	
24096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Suối Dung đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24102	69	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)	Phường Phước Long	294	235	188	
24103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24109	70	Đường Nguyễn Tất Thành	Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)	Cầu Thác Mẹ	Phường Phước Long	294	235	188	
24110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Tượng Đức Mẹ (Giáp thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62) đến Cầu Thác Mẹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24116	71	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Thác Mẹ	Giáp ranh xã Phú Nghĩa	Phường Phước Long	294	235	188	
24117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Giáp ranh xã Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24123	72	Đường Ngô Quyền	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Lê Quý Đôn	Phường Phước Long	294	235	188	
24124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24130	73	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Phường Phước Long	294	235	188	
24131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24137	74	Đường Đinh Công Trứ	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54)	Phường Phước Long	294	235	188	
24138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Công Trứ đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Hết tuyến nhựa hiện hữu (Hết ranh thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24144	75	Đường Yên Thế	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Điện Biên Phủ	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yên Thế đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24151	76	Đường Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Đập tràn Thủy điện Thác Mơ	Phường Phước Long	294	235	188	
24152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp đường Nguyễn Tất Thành đến Đập tràn Thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24158	77	Đường Nguyễn Văn Huyên	Giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Phường Phước Long	294	235	188	
24159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24165	78	Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành	Toàn tuyến		Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24172	79	Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến)	Cầu Thác Mẹ	Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa)	Phường Phước Long	294	235	188	
24173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến) đoạn từ Cầu Thác Mẹ đến Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24179	80	Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành)	Đường Nguyễn Tất Thành	Đến giáp suối	Phường Phước Long	294	235	188	
24180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24186	81	Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ)	Đường Nguyễn Tất Thành	Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ) đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 311 tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24193	82	Đường Huỳnh Khương An	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126	Phường Phước Long	294	235	188	
24194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Khương An đoạn từ Giáp đường Trần Hưng Đạo đến Đến giáp thửa đất số 5 tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24200	83	Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn	Phường Phước Long	294	235	188	
24201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Độc Lập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24207	84	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57)	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24214	85	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57)	Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57)	Phường Phước Long	294	235	188	
24215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57) đến Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24221	86	Đường Lê Trọng Tấn	Ngã ba giao đường Độc Lập	Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65)	Phường Phước Long	294	235	188	
24222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24228	87	Đường Lê Trọng Tấn	Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65)	Ngã ba giao đường Âu Cơ	Phường Phước Long	294	235	188	
24229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24235	88	Đường Bà Rá	Toàn tuyến		Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24242	89	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	Phường Phước Long	294	235	188	
24243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24249	90	Đường Nguyễn Trãi	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	Phường Phước Long	294	235	188	
24250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24256	91	Đường Hoàng Văn Thái	Ngã ba giao đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65)	Phường Phước Long	294	235	188	
24257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Độc Lập đến Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24263	92	Đường Hoàng Văn Thái	Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65)	Ngã ba giao đường Âu Cơ	Phường Phước Long	294	235	188	
24264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thái đoạn từ Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65) đến Ngã ba giao đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24270	93	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường nhựa	Phường Phước Long	294	235	188	
24271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24277	94	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba đường nhựa	Hết 02 nhánh đường nhựa	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Ngã ba đường nhựa đến Hết 02 nhánh đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24284	95	Đường Hà Huy Tập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	Phường Phước Long, Phường Phước Bình	294	235	188	
24285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long, Phường Phước Bình	206	165	132	
24286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long, Phường Phước Bình	165	132	105	
24287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long, Phường Phước Bình	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long, Phường Phước Bình	206	165	132	
24289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long, Phường Phước Bình	165	132	105	
24290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long, Phường Phước Bình	132	106	84	
24291	96	Đường Phan Đăng Lưu	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	294	235	188	
24292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24298	97	Đường Âu Cơ	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành đến Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24305	98	Đường Âu Cơ	Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257	Phường Phước Long	294	235	188	
24306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong đến Tờ bản đồ số 70 thửa đất số 257 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24312	99	Đường Lạc Long Quân	Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3)	Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66)	Phường Phước Long	294	235	188	
24313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3) đến Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24319	100	Đường Bùi Viện	Đường Hà Huy Tập	Đường Tôn Thất Đạm	Phường Phước Long	294	235	188	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Viện đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Đường Tôn Thất Đạm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24326	101	Đường Tôn Thất Đạm	Đường Bùi Viện	Đường QH liên khu vực IV	Phường Phước Long	294	235	188	
24327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Đạm đoạn từ Đường Bùi Viện đến Đường QH liên khu vực IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24333	102	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	Đường Lê Hồng Phong	Phường Phước Long	294	235	188	
24334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Triệu Quang Phục đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24340	103	Đường Lương Văn Can	Đường Nguyễn Tất Thành	Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59	Phường Phước Long	294	235	188	
24341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Can đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đến giáp thửa đất số 58 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24347	104	Đường Tàu Ô	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Bà Rá	Phường Phước Long	294	235	188	
24348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tàu Ô đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24354	105	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Liên khu vực 4	Phường Phước Long	294	235	188	
24355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Liên khu vực 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24361	106	Đường Cao Xuân Huy	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103	Phường Phước Long	294	235	188	
24362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cao Xuân Huy đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết ranh thửa đất số 122 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24368	107	Đường Phạm Phú Thứ	Đường Nguyễn Trãi	Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101	Phường Phước Long	294	235	188	
24369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Phú Thứ đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh thửa 78 tờ bản đồ số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24375	108	Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn	Toàn tuyến		Phường Phước Long	294	235	188	
24376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	206	165	132	
24380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	165	132	105	
24381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	132	106	84	
24382	109	Đường Thống Nhất	Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả	Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)	Phường Phước Long	364	291	233	37
24383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	218	175	140	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	175	140	112	18
24385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	140	112	90	14
24386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	218	175	140	22
24387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	175	140	112	18
24388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả đến Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	140	112	90	14
24389	110	Đường Thống Nhất	Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109	Phường Phước Long	364	291	233	37
24390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	218	175	140	22
24391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	175	140	112	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	140	112	90	14
24393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	218	175	140	22
24394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	175	140	112	18
24395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Đường bê tông (hết ranh thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	140	112	90	14
24396	111	Đường Thống Nhất	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109	Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114	Phường Phước Long	364	291	233	37
24397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	218	175	140	22
24398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	175	140	112	18
24399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	140	112	90	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	218	175	140	22
24401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	175	140	112	18
24402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109 đến Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	140	112	90	14
24403	112	Đường Thống Nhất	Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114	Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94	Phường Phước Long	364	291	233	37
24404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	218	175	140	22
24405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	175	140	112	18
24406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	140	112	90	14
24407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	218	175	140	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	175	140	112	18
24409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết ranh chợ tạm (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 114) và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114 đến Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	140	112	90	14
24410	113	Đường Thống Nhất	Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94	Giáp ranh xã Phú Trung	Phường Phước Long	364	291	233	37
24411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	218	175	140	22
24412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	175	140	112	18
24413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	140	112	90	14
24414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	218	175	140	22
24415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	175	140	112	18
24416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thống Nhất đoạn từ Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 115 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	140	112	90	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24417	114	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ)	Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)	Phường Phước Long	252	202	161	37
24418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ) đến Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24424	115	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)	Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế	Phường Phước Long	252	202	161	37
24425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	16
24427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	13
24428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	20
24429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	16
24430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86) đến Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	13
24431	116	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế	Lòng Hồ Thác Mơ	Phường Phước Long	252	202	161	37
24432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế đến Lòng Hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24438	117	Đường Mạc Đăng Dung	Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất	Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92)	Phường Phước Long	252	202	161	37
24439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất đến Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24445	118	Đường Mạc Đăng Dung	Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92)	Giáp ranh xã Phú Trung	Phường Phước Long	252	202	161	37
24446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đăng Dung đoạn từ Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24452	119	Đường Bạch Đằng	Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ	Giáp lòng hồ Thác Mơ	Phường Phước Long	252	202	161	37
24453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bạch Đằng đoạn từ Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ đến Giáp lòng hồ Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24459	120	Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả	Đường Thống Nhất	Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85)	Phường Phước Long	210	168	134	37
24460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	147	118	94	26
24461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	118	94	75	21
24462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	94	75	60	17
24463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	147	118	94	26

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	118	94	75	21
24465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả đoạn từ Đường Thống Nhất đến Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	94	75	60	17
24466	121	Đường Lam Sơn	Cầu số 4	Ngã ba giao đường Bà Rá	Phường Phước Long	210	168	134	37
24467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	147	118	94	26
24468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	118	94	75	21
24469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	94	75	60	17
24470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Phước Long	147	118	94	26
24471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	118	94	75	21
24472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn đoạn từ Cầu số 4 đến Ngã ba giao đường Bà Rá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	94	75	60	17
24473	122	Các tuyến đường nhựa, bê tông chưa có ở trên có chiều rộng mặt đường từ 3,5m trở lên	Toàn tuyến		Phường Phước Long	210	168	134	37
24474	123	Các tuyến đường nhựa, bê tông chưa có ở trên có chiều rộng mặt đường dưới 3,5m	Toàn tuyến		Phường Phước Long	210	168	134	37
24475	124	Các tuyến đường giao thông còn lại	Toàn tuyến		Phường Phước Long	210	168	134	37
24476	126	Liên khu vực 4	Thửa 35 tờ bản đồ số 52	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Phước Long	252	202	161	37

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Thửa 35 tờ bản đồ số 52 đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24483	127	Liên khu vực 4	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58)	Phường Phước Long	252	202	161	37
24484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Phước Long	176	141	113	26
24488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Phước Long	141	113	90	21
24489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Liên khu vực 4 đoạn từ Đường Võ Văn Kiệt đến Giáp ranh phường Phước Bình (hết ranh thửa đất số 04 tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Phước Long	113	90	72	17
24490	1	Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741)	Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành)	Giáp ranh phường Bình Phước	Xã Thuận Lợi	224	179	143	54
24491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24497	2	Đường ĐT 741	Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành).	Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17)	Xã Thuận Lợi	224	179	143	54
24498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành). đến Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24504	3	Đường ĐT 741	Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17)	Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25)	Xã Thuận Lợi	224	179	143	54
24505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17) đến Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24511	4	Đường ĐT 741	Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25)	Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước	Xã Thuận Lợi	224	179	143	54

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25) đến Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24518	5	Đường ĐT 741	Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước	- Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179)	Xã Thuận Lợi	210	168	134	64
24519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29
24522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước đến - Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29
24525	6	Đường ĐT 741	- Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179)	- Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước	Xã Thuận Lợi	210	168	134	64

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29
24529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179) đến - Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24532	7	Đường ĐT 741	- Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước	- Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160	Xã Thuận Lợi	210	168	134	64
24533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29
24536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước đến - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29
24539	8	Đường ĐT 741	- Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	Xã Thuận Lợi	210	168	134	64

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29
24543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ - Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160 đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29
24546	9	Đường ĐT 758	Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741)	Ngã ba Xí nghiệp chế biến	Xã Thuận Lợi	224	179	143	54
24547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741) đến Ngã ba Xí nghiệp chế biến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24553	10	Đường ĐT 758	Ngã ba Xí nghiệp chế biến	Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14)	Xã Thuận Lợi	224	179	143	54
24554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Xí nghiệp chế biến đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24560	11	Đường ĐT 758	Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14)	Cầu Sông Bé	Xã Thuận Lợi	224	179	143	54
24561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14) đến Cầu Sông Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24567	12	Đường giao thông giáp phường Bình Phước	Đầu đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn)	Xã Thuận Lợi	168	134	108	54
24568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	30
24570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	75	60	48	24
24571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	38
24572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	30
24573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông giáp phường Bình Phước đoạn từ Đầu đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	75	60	48	24
24574	13	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	210	168	134	64
24575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29
24581	14	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	224	179	143	54
24582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	157	125	100	38
24586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	125	100	80	30
24587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	100	80	64	24
24588	15	Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng	Đường ĐT 758	Giáp ranh xã Phú Riềng	Xã Thuận Lợi	210	168	134	64

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29
24592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	147	118	94	45
24593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	36
24594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng đoạn từ Đường ĐT 758 đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	29
24595	16	Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Đường ĐT 758	Ngã tư Bảy Thạnh	Xã Thuận Lợi	168	134	108	54
24596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	38
24597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	30
24598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	75	60	48	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	118	94	75	38
24600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	94	75	60	30
24601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Đường ĐT 758 đến Ngã tư Bảy Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	75	60	48	24
24602	17	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su)	Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ)	Xã Thuận Lợi	140	112	90	64
24603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su) đến Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24609	18	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147	Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147	Xã Thuận Lợi	140	112	90	64
24610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24616	19	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147	Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm)	Xã Thuận Lợi	140	112	90	64
24617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm đoạn từ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147 đến Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24623	20	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	140	112	90	64
24624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24630	21	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110	Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177	Xã Thuận Lợi	140	112	90	64
24631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110 đến Hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24637					Xã Thuận Lợi				
24638					Xã Thuận Lợi				
24639					Xã Thuận Lợi				
24640	25	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117	Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh)	Xã Thuận Lợi	140	112	90	64

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117 đến Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24647	26	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125	Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú)	Xã Thuận Lợi	140	112	90	64
24648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thuận Lợi	98	78	63	45
24652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thuận Lợi	78	63	50	36
24653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125 đến Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thuận Lợi	62	50	40	29
24654	27	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	140	112	90	64
24655	28	Đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	98	78	63	63
24656	29	Đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	98	78	63	63
24657	30	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		Xã Thuận Lợi	98	78	63	63
24658	1	Đường ĐT 753	Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98	Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78	Xã Tân Lợi	252	202	161	54
24659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	176	141	113	38
24660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	141	113	90	30
24661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	113	90	72	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	176	141	113	38
24663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	141	113	90	30
24664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Thửa đất số 14 tờ bản đồ 98 đến Tiếp giáp thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	113	90	72	24
24665	2	Đường ĐT 753	Từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78	Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27	Xã Tân Lợi	252	202	161	54
24666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	176	141	113	38
24667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	141	113	90	30
24668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	113	90	72	24
24669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	176	141	113	38
24670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	141	113	90	30
24671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Từ thửa đất số 433 và 205 tờ bản đồ số 78 đến Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	113	90	72	24
24672	3	Đường ĐT 753	Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27	Giáp ranh Cầu Mã Đà	Xã Tân Lợi	252	202	161	54

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến Giáp ranh Cầu Mã Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	176	141	113	38
24674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến Giáp ranh Cầu Mã Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	141	113	90	30
24675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến Giáp ranh Cầu Mã Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	113	90	72	24
24676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến Giáp ranh Cầu Mã Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	176	141	113	38
24677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến Giáp ranh Cầu Mã Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	141	113	90	30
24678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27 đến Giáp ranh Cầu Mã Đà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	113	90	72	24
24679	4	Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ)	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24686	5	Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24693	6	Đường tuyến số 3	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24700	7	Đường tuyến số 4	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24707	8	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24714	9	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24721	10	Đường Xuyên tâm	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuyên tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuyên tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuyên tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuyên tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuyên tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuyên tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24728	11	Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ)	Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186)	Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Đồng Phú (thửa đất số 10 tờ bản đồ số 186) đến Hết Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24735	12	Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ)	Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25	Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38
24737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	103	82	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ) đoạn từ Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25 đến Hết Thửa đất số 205 và 220, Tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24742	13	Các tuyến đường giao thông có kết cấu nhựa, bê tông bề rộng mặt đường từ 5m trở lên	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24743	14	Các tuyến đường giao thông có kết cấu nhựa, bê tông bề rộng mặt đường dưới 5m	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24744	15	Các tuyến đường còn lại chưa được đầu tư mặt nhựa, bê tông có đấu nối 2 điểm	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24745	16	Các tuyến đường còn lại chưa được đầu tư mặt nhựa, bê tông chỉ đấu nối 1 điểm	Toàn tuyến		Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24746	21	Đường liên xã	Từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6	Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 326 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 6 đến Hết ranh thửa đất số 96 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24753	22	Đường liên xã	Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112	Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 112 đến Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 189 và thửa đất số 211 tờ bản đồ số 113 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24760	23	Đường liên xã	Từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191	Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18)	Xã Tân Lợi	183	146	117	54

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 54 tờ bản đồ số 191 đến Qua suối (Hết ranh thửa đất số 218 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 217 tờ bản đồ số 18) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24767	24	Đường liên xã	Từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22	Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 209 và thửa đất số 210 tờ bản đồ số 22 đến Hết ranh thửa đất số 153 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24774	25	Đường liên xã	Từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16	Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 121 và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 16 đến Hết ranh thửa đất số 1083 và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24781	26	Đường liên xã	Từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4	Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 119 và thửa đất số 433 tờ bản đồ số 4 đến Hết ranh thửa đất số 62 và thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24788	27	Đường liên xã	Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77	Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 13 tờ bản đồ số 116 và thửa đất số 317 tờ bản đồ số 77 đến Hết ranh thửa đất số 6001 và 6005 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24795	28	Đường Tân Tiến - Tân Hòa	Từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155	Giáp ranh phường Đồng Phú	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ Từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ Từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ Từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ Từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ Từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Tiến - Tân Hòa đoạn từ Từ thửa đất số 136 và thửa đất số 129 tờ bản đồ số 155 đến Giáp ranh phường Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24802	29	Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng	Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59	Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường mở rộng từ Trung tâm hành chính xã đến đường ĐT 753, ấp Thạch Màng đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 656 và thửa đất số 257 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24809	30	Đường liên ấp	Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113	Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 76 và thửa đất số 420 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 85 tờ bản đồ số 106 và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24816	31	đường liên ấp	Từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113	Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 41 và thửa đất số 233 tờ bản đồ số 113 đến Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24823	32	đường liên ấp	Từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100	Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 26 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 100 đến Hết ranh thửa đất số 80 và 113 tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24830	33	đường liên ấp	Từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75	Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 251 và thửa đất số 250 tờ bản đồ số 75 đến Hết ranh thửa đất số 61 và 59 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24837	34	Đường liên ấp	Từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79	Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 962 và thửa đất số 849 tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh thửa đất số 265 và 304 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24844	35	đường liên ấp	Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132	Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 132 đến Hết ranh thửa đất số 9 tờ bản đồ số 126 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24851	36	đường liên ấp	Từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26	Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 382 và thửa đất số 549 tờ bản đồ số 26 đến Hết ranh thửa đất số 782 và thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24858	37	đường liên ấp	Từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27	Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 27 và thửa đất số 197 tờ bản đồ số 27 đến Hết ranh thửa đất số 1400 và thửa đất số 229 tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24865	38	đường liên ấp	Từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121	Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 244 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 121 đến Hết ranh thửa đất số 53 tờ bản đồ số 191 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 122 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24872	39	đường liên ấp	Từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122	Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 46 tờ bản đồ số 192 và thửa đất số 185 tờ bản đồ số 122 đến Hết ranh thửa đất số 302 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 77 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24879	40	đường liên ấp	Từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123	Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 12 và thửa đất số 13 tờ bản đồ số 123 đến Hết ranh thửa đất số 126 tờ bản đồ số 113 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 190 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24886	41	đường liên ấp	Từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8	Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Tân Lợi	102	82	66	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 245 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 8 đến Hết ranh thửa đất số 145 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24893	42	đường liên ấp	Từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18	Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 250 và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 18 đến Hết ranh thửa đất số 399 và thửa đất số 398 tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24900	43	đường liên ấp	Từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38	Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46	Xã Tân Lợi	183	146	117	54
24901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	128	102	82	38
24905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	102	82	66	30
24906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 105 và thửa đất số 382 tờ bản đồ số 38 đến Hết ranh thửa đất số 55 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	82	66	53	24
24907	44	đường liên ấp	Từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40	Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 194 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 107 tờ bản đồ số 40 đến Hết ranh thửa đất số 391 tờ bản đồ số 151 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24914	45	đường liên ấp	Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92	Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 4 và thửa đất số 222 tờ bản đồ số 92 đến Hết ranh thửa đất số 205 và thửa đất số 53 tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24921	46	đường liên ấp	Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156	Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151	Xã Tân Lợi	110	88	70	54
24922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Lợi	77	62	49	38
24926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Lợi	62	49	39	30
24927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường liên ấp đoạn từ Từ thửa đất số 514 và thửa đất số 518 tờ bản đồ số 156 đến Hết ranh thửa đất số 151 và thửa đất số 152 tờ bản đồ số 151 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Lợi	50	39	31	24
24928	1	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2)	Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14)	Xã Đồng Tâm	252	202	161	64

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	45
24930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	36
24931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	29
24932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	45
24933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	36
24934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	29
24935	2	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14)	Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 122)	Xã Đồng Tâm	252	202	161	64

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đồng Tâm	176	141	113	45
24937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đồng Tâm	141	113	90	36
24938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Đồng Tâm	113	90	72	29
24939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đồng Tâm	176	141	113	45
24940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đồng Tâm	141	113	90	36
24941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 (cũ) và ấp Đồng Tiến 4 (cũ) (bên phải đường Quốc lộ 14) đến Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 122) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Đồng Tâm	113	90	72	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24942	3	Đường Quốc lộ 14	Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122)	Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100)	Xã Đồng Tâm	252	202	161	64
24943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đồng Tâm	176	141	113	45
24944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đồng Tâm	141	113	90	36
24945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Đồng Tâm	113	90	72	29
24946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Đồng Tâm	176	141	113	45
24947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Đồng Tâm	141	113	90	36

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122) đến Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	29
24949	4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100)	Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)	Xã Đồng Tâm	252	202	161	64
24950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	45
24951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	36
24952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	29
24953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	45
24954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	36

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100) đến Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	29
24956	5	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)	Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)	Xã Đồng Tâm	252	202	161	47
24957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	33
24958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	26
24959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	21
24960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	33
24961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	26

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (cũ) (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241) đến Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	21
24963	6	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	Xã Đồng Tâm	252	202	161	47
24964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	33
24965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	26
24966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	21
24967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	33
24968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	26
24969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	21
24970	7	Đường ĐT 753	Giáp ranh Phường Bình Phước	Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295)	Xã Đồng Tâm	252	202	161	54

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	38
24972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	30
24973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	24
24974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	38
24975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	30
24976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước đến Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	24
24977	16	Đường ĐT 753	Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295)	Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi)	Xã Đồng Tâm	252	202	161	54
24978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	38
24979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	24
24981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	38
24982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	30
24983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753 đoạn từ Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 295) đến Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	24
24984	17	Đường ĐT 753B	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259	Xã Đồng Tâm	252	202	161	47
24985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	33
24986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	26
24987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	21
24988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	33
24989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	26

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
24990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	21
24991	18	Đường ĐT 753B	Đoạn còn lại		Xã Đồng Tâm	252	202	161	47
24992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	33
24993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	26
24994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	21
24995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	176	141	113	33
24996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	141	113	90	26
24997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	113	90	72	21
24998	19	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường Quốc lộ 14 [đoạn từ giáp ranh phường Bình Phước (Cầu 2) đến hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14); hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)] trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	195	156	125	64
24999	20	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường Quốc lộ 14 (đoạn còn lại) trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	195	156	125	47
25000	21	Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m	Quốc lộ 14	Hết ranh tờ 36 thửa 98	Xã Đồng Tâm	195	156	125	64

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	45
25002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	36
25003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	29
25004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	45
25005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	36
25006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	29
25007	22	Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m	Hết ranh tờ 36 thửa 98	Hết ranh tờ 174 thửa 1226	Xã Đồng Tâm	195	156	125	64
25008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	45
25009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	36

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	29
25011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	45
25012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	36
25013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	29
25014	23	Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	195	156	125	47
25015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33
25016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33
25019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25021	24	Đường Lam Sơn - Tân Phước	Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254)	Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước	Xã Đồng Tâm	195	156	125	47
25022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33
25023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33
25026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lam Sơn - Tân Phước đoạn từ Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254) đến Hết ranh tờ 295 thửa 135 Đường ĐH Lam Sơn Tân Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25028	25	Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi	Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229	Xã Đồng Tâm	195	156	125	47
25029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33
25033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25035	26	Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi	Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229	Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199	Xã Đồng Tâm	195	156	125	47
25036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33
25037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33
25040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi đoạn từ Hết thửa đất số 149 tờ bản đồ số 229 đến Hết ranh thửa đất số 19 về bên phải và thửa đất số 2 về bên trái tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25042	27	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	195	156	125	54
25043	28	Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	195	156	125	54
25044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	38
25045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	30
25046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	24
25047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	38
25048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	24
25050	29	Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	195	156	125	54
25051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	38
25052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	30
25053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	24
25054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	38
25055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	30
25056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	24
25057	30	Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ)	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270	Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290	Xã Đồng Tâm	195	156	125	54
25058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	30
25060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	24
25061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	38
25062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	30
25063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270 đến Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	24
25064	31	Đường giao thông liên xã còn lại	Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35	Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28	Xã Đồng Tâm	195	156	125	64
25065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	45
25066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	36
25067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	29
25068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	45

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	36
25070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã còn lại đoạn từ Từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 112 và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 35 đến Hết ranh thửa đất số 236 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	29
25071	32	Đường giao thông có hành lang lộ giới 14m trở lên tính từ tim đường	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	195	156	125	54
25072	33	Đường giao thông có hành lang lộ giới từ 10 - 14m tính từ tim đường	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	195	156	125	54
25073	34	Đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	113	90	72	47
25074					Xã Đồng Tâm				
25075	35	Đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	113	90	72	47
25076	36	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		Xã Đồng Tâm	113	90	72	47
25077		Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm)	Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206	Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206	Xã Đồng Tâm	195	156	125	47
25078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33
25079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 82 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25084		Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm)	Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206	Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206	Xã Đồng Tâm	195	156	125	47
25085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33
25086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đồng Tâm	137	109	87	33
25089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đồng Tâm	109	87	70	26
25090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm) đoạn từ Từ thửa đất số 90 tờ bản đồ số 206 đến Hết ranh thửa đất 39 tờ bản đồ số 206 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đồng Tâm	87	70	56	21
25091	1	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha)	Phường Đồng Phú	448	358	251	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh phường Đồng Xoài đến Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	135	
25093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh phường Đồng Xoài đến Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	108	
25094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh phường Đồng Xoài đến Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	86	
25095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh phường Đồng Xoài đến Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	135	
25096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh phường Đồng Xoài đến Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	108	
25097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh phường Đồng Xoài đến Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	86	
25098	2	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha)	Hết ranh đất Hạt Kiểm Lâm	Phường Đồng Phú	448	358	251	
25099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) đến Hết ranh đất Hạt Kiểm Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	135	
25100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) đến Hết ranh đất Hạt Kiểm Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) đến Hết ranh đất Hạt Kiểm Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	86	
25102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) đến Hết ranh đất Hạt Kiểm Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	135	
25103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) đến Hết ranh đất Hạt Kiểm Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	108	
25104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha) đến Hết ranh đất Hạt Kiểm Lâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	86	
25105	3	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm	Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ	Phường Đồng Phú	448	358	251	
25106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	135	
25107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	108	
25108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	86	
25109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	135	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	108	
25111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm đến Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	86	
25112	4	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ	Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca)	Phường Đồng Phú	448	358	251	
25113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	135	
25114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	108	
25115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	86	
25116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	135	
25117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	108	
25118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ đến Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	86	
25119	5	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống Khu Trũng Đồng Ca)	Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ)	Phường Đồng Phú	448	358	251	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống Khu Trũng Đồng Ca) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	135	
25121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống Khu Trũng Đồng Ca) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	108	
25122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống Khu Trũng Đồng Ca) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	86	
25123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống Khu Trũng Đồng Ca) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	135	
25124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống Khu Trũng Đồng Ca) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	108	
25125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống Khu Trũng Đồng Ca) đến Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	86	
25126	6	Đường ĐT 741	Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ)	Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222	Phường Đồng Phú	252	202	161	
25127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	
25128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	
25130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	
25131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	
25132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ) đến Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	
25133	7	Đường ĐT 741	Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222)	Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222)	Phường Đồng Phú	252	202	161	
25134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	
25135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	
25136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	
25137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	
25139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	
25140	8	Đường ĐT 741	Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222)	Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)	Phường Đồng Phú	252	202	161	
25141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	
25142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	
25143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	
25144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	
25146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222) đến Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	
25147	9	Đường ĐT 741	Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224)	Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224)	Phường Đồng Phú	252	202	161	
25148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	
25149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	
25150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	
25151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	
25153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224) đến Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	
25154	10	Đường ĐT 741	Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224)	Giáp ranh xã Tân Lập (cũ)	Phường Đồng Phú	252	202	161	
25155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	
25156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	
25157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	
25158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	
25159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224) đến Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	
25161	11	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Tân Lập (cũ)	Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234)	Phường Đồng Phú	252	202	161	54
25162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	38
25163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	30
25164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	24
25165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	38
25166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	30
25167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Tân Lập (cũ) đến Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	24
25168	12	Đường ĐT 741	Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234)	Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243)	Phường Đồng Phú	252	202	161	54

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	38
25170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	30
25171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	24
25172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	38
25173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	30
25174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	24
25175	13	Đường ĐT 741	Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242)	Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188)	Phường Đồng Phú	252	202	161	54
25176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	38
25177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	30
25178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	38
25180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	30
25181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) đến Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	24
25182	14	Đường ĐT 741	Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188)	Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh	Phường Đồng Phú	252	202	161	54
25183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	38
25184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	30
25185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	24
25186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	176	141	113	38
25187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	141	113	90	30
25188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	113	90	72	24
25189	15	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25196	16	Đường Mai Thúc Loan	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Thúc Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Thúc Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25203	17	Đường Nguyễn Thị Định	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25210	18	Đường Nguyễn Tất Thành	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25217	19	Đường Phú Riềng Đỏ	Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ)	Phường Đồng Phú	448	358	215	
25218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	314	251	151	
25219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	251	201	120	
25220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	201	161	96	
25221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	314	251	151	
25222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	251	201	120	
25223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đến Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	201	161	96	
25224	20	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ)	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Đồng Phú	448	358	215	
25225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	116	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	92	
25227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	74	
25228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	116	
25229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	92	
25230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ) đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	74	
25231	21	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Âu Cơ	Phường Đồng Phú	448	358	215	
25232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	116	
25233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	92	
25234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	74	
25235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	116	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	92	
25237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	74	
25238	22	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Âu Cơ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Phú	448	358	215	
25239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	116	
25240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	92	
25241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	74	
25242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	116	
25243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	92	
25244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	74	
25245	23	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	Phường Đồng Phú	448	358	215	
25246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	116	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	92	
25248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	74	
25249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	241	193	116	
25250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	192	154	92	
25251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	154	123	74	
25252	24	Đường Lý Nam Đế	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25259	25	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25266	26	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741)	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25273	27	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25280	28	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25287	29	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25294	30	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25301	31	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25308	32	Đường Trường Chinh	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Trần Phú	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25315	33	Đường Lê Duẩn	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Trần Phú	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25322	34	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25329	35	Đường Nguyễn Chí Thanh	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25336	36	Đường Hùng Vương	Đường Lý Nam Đế	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Lý Nam Đế đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25343	37	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25350	38	Đường Phạm Ngọc Thạch	Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phú Riềng Đỏ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25357	39	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Phú Riềng Đỏ	Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25364	40	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành	Cầu Bà Mụ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành đến Cầu Bà Mụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25371	41	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25378	42	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 19	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết ranh thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25385	43	Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25392	44	Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)	Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21	Hết Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 22	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Hết Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Hết Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Hết Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Hết Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Hết Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú) đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21 đến Hết Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25399	45	Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi)	Đường Hùng Vương	Hết Thửa đất số 8 và số 9, Tờ bản đồ số 37	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Thửa đất số 8 và số 9, Tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Thửa đất số 8 và số 9, Tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Thửa đất số 8 và số 9, Tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Thửa đất số 8 và số 9, Tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Thửa đất số 8 và số 9, Tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Thửa đất số 8 và số 9, Tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25406	46	Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa)	Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33)	Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27)	Phường Đồng Phú	224	179	143	
25407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	157	125	100	
25408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	125	100	80	
25409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	100	80	64	
25410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	157	125	100	
25411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	125	100	80	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa) đoạn từ Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33) đến Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	100	80	64	
25413	47	Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi)	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	224	179	143	
25414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	157	125	100	
25415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	125	100	80	
25416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	100	80	64	
25417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	157	125	100	
25418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	125	100	80	
25419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	100	80	64	
25420	48	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25427	49	Đường Lê Đại Hành	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25434	50	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Nhân Tông	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	266	213	170	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Trần Nhân Tông đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25441	51	Đường Ngô Quyền	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25448	52	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25455	53	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25462	54	Đường Lý Tự Trọng	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Âu Cơ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Âu Cơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25469	55	Đường Âu Cơ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Âu Cơ đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25476	56	Đường Điện Biên Phủ	Đường Âu Cơ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Âu Cơ đến Đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25483	57	Đường Lê Lợi	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Nguyễn Huệ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25490	58	Đường Hải Thượng Lãn Ông	ĐườngLê Đại Hành	Đường Nguyễn Trãi	Phường Đồng Phú	266	213	170	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hải Thượng Lãn Ông đoạn từ ĐườngLê Đại Hành đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25497	59	Đường Trần Văn Trà	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Nguyễn Huệ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25504	60	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Quyền	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25511	61	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25518	62	Đường Nguyễn Du	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25525	63	Đường Chu Văn An	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25532	64	Đường Võ Thị Sáu	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25539	65	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25546	66	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25553	67	Đường Lạc Long Quân	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Phú Riềng Đỏ đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25560	68	Đường Lạc Long Quân	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà)	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Long Quân đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25567	69	Đường Lê Thái Tông	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thái Tông đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25574	70	Đường Trần Quốc Toản	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25581	71	Đường Hai Bà Trưng	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25588	72	Đường An Dương Vương	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25595	73	Đường Bắc Nam 2	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp khu dân cư Thịnh Trí	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Giáp khu dân cư Thịnh Trí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25602	74	Đường Bắc Nam 3	Đường Lạc Long Quân	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25609	75	Đường Bắc Nam 4	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25616	76	Đường Bắc Nam 7	Đường Lạc Long Quân	Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 7 đoạn từ Đường Lạc Long Quân đến Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25623	77	Đường Đông Tây 10	Đường Tổ 23 nối dài	Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Tổ 23 nối dài đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Tổ 23 nối dài đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Tổ 23 nối dài đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Tổ 23 nối dài đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Tổ 23 nối dài đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Tổ 23 nối dài đến Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25630	78	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25637	79	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	Hết tuyến	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài) đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng (nối dài) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25644	80	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ)	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25651	81	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25658	82	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25665	83	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25672	84	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25679	85	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25686	86	Đường tuyến số 1	Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176	Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205	Phường Đồng Phú	210	168	134	54
25687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 1 đoạn từ Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25693	87	Đường tuyến số 2	Đường ĐT 741	Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231	Phường Đồng Phú	210	168	134	
25694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25700	88	Đường tuyến số 2	Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231	Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183	Phường Đồng Phú	210	168	134	
25701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 2 đoạn từ Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231 đến Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25707	89	Đường tuyến số 3	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25714	90	Đường tuyến số 3	Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61 đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25721	91	Đường tuyến số 3	Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ)	Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116)	Phường Đồng Phú	210	168	134	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ) đến Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25728	92	Đường tuyến số 3	Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136)	Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138)	Phường Đồng Phú	210	168	134	
25729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 3 đoạn từ Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136) đến Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25735	93	Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường điện 500KV	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Đường điện 500KV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25742	94	Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi)	Đường điện 500KV	Giáp ranh xã Tân Lợi	Phường Đồng Phú	266	213	170	
25743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi) đoạn từ Đường điện 500KV đến Giáp ranh xã Tân Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25749	95	Đường tuyến số 4	Đoạn còn lại		Phường Đồng Phú	210	168	134	
25750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 4 đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25756	96	Đường tuyến số 5 (đường nhựa)	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199	Phường Đồng Phú	210	168	134	54
25757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tuyến số 5 (đường nhựa) đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174 đến Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25763	97	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ	Giáp ranh phường Bình Phước	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	Phường Đồng Phú	210	168	134	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh phường Bình Phước đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25770	98	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ	Giáp ranh Tân Phú cũ	Giáp ranh xã Tân Lập cũ	Phường Đồng Phú	210	168	134	
25771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ đoạn từ Giáp ranh Tân Phú cũ đến Giáp ranh xã Tân Lập cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25777	99	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147	Phường Đồng Phú	210	168	134	54
25778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến cũ đến Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25784	100	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163	Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163	Phường Đồng Phú	210	168	134	54
25785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163 đến Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25791	101	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162	Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162	Phường Đồng Phú	210	168	134	54
25792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162 đến Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25798	102	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175	Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175	Phường Đồng Phú	210	168	134	54

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175 đến Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25805	103	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 73, Tờ bản đồ số 176	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 205	Phường Đồng Phú	210	168	134	54
25806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 73, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 73, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 73, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 73, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	38
25810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 73, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	30
25811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi) đoạn từ Thửa đất số 73, Tờ bản đồ số 176 đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	24
25812	104	Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Phường Đồng Phú	90	72	58	54
25813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	63	50	40	38
25814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	50	40	32	30
25815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	40	32	26	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	63	50	40	38
25817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	50	40	32	30
25818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy) đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đến Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	40	32	26	24
25819	105	Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ)	Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237	Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237	Phường Đồng Phú	90	72	58	54
25820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	63	50	40	38
25821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	50	40	32	30
25822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	40	32	26	24
25823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	63	50	40	38
25824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	50	40	32	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237 đến Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	40	32	26	24
25826	106	Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ)	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	90	72	58	54
25827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	63	50	40	38
25828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	50	40	32	30
25829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	40	32	26	24
25830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	63	50	40	38
25831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	50	40	32	30
25832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	40	32	26	24
25833	107	Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ	Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219)	Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135)	Phường Đồng Phú	210	168	134	
25834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219) đến Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25840	108	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tổ 33 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	210	168	134	
25841	109	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường Tổ 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tổ 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 224) đến hết ranh thửa đất số 256, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 18 (hết ranh thửa đất số 268, tờ	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	210	168	134	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25842	110	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	210	168	134	
25843	111	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	210	168	134	
25844	112	Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa)	Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 76		Phường Đồng Phú	210	168	134	
25845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25851	113	Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa)	Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 76		Phường Đồng Phú	210	168	134	
25852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa) tại Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25858	114	Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập.	Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư		Phường Đồng Phú	210	168	134	
25859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập. đoạn từ Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25865	115	Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh)	Ranh thị trấn Tân Phú cũ	Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng	Phường Đồng Phú	210	168	134	
25866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	
25868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	147	118	94	
25870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh) đoạn từ Ranh thị trấn Tân Phú cũ đến Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	94	75	60	
25872		Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	266	213	170	
25873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Đồng Phú	186	149	119	
25877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Đồng Phú	149	119	95	
25878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Đồng Phú	119	95	76	
25879	116	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Phú cũ	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	224	179	143	
25880	117	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	90	72	58	54
25881	118	Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	90	72	58	54
25882	119	Đường giao thông liên thôn còn lại	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	90	72	58	54
25883	120	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ	Toàn tuyến		Phường Đồng Phú	90	72	58	54
25884	1	Đường Quốc lộ 13	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Tấn Phát	Phường Lộc Ninh	420	336		

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	294	235	0	
25886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	235	188	0	
25887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	188	150	0	
25888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	294	235	0	
25889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	235	188	0	
25890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	188	150	0	
25891	2	Đường Quốc lộ 13	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Nguyễn Bình	Phường Lộc Ninh	420	336		
25892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	294	235	0	
25893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	235	188	0	
25894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	188	150	0	
25895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	294	235	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	235	188	0	
25897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Đường Nguyễn Bỉnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	188	150	0	
25898	3	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Bỉnh	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Phường Lộc Ninh	420	336		
25899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	294	235	0	
25900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	235	188	0	
25901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	188	150	0	
25902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	294	235	0	
25903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	235	188	0	
25904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	188	150	0	
25905	4	Đường Quốc lộ 13	Đường Hùng Vương	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Phường Lộc Ninh	420	336		
25906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	294	235	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	235	188	0	
25908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	188	150	0	
25909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	294	235	0	
25910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	235	188	0	
25911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Cách Mạng Tháng Tám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	188	150	0	
25912	5	Đường Quốc lộ 13	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Phường Lộc Ninh	420	336		
25913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	294	235	0	
25914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	235	188	0	
25915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	188	150	0	
25916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	294	235	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	235	188	0	
25918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	188	150	0	
25919	6	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Hết đất cây xăng Minh Tú	Phường Lộc Ninh	168	134	108	44
25920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	118	94	75	31
25921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	94	75	60	25
25922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	75	60	48	20
25923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	118	94	75	31
25924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	94	75	60	25
25925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	75	60	48	20
25926	7	Đường Quốc lộ 13	Giáp đất cây xăng Minh Tú	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Phường Lộc Ninh	168	134	108	44
25927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	94	75	60	25
25929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	75	60	48	20
25930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	118	94	75	31
25931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	94	75	60	25
25932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	75	60	48	20
25933	8	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Phường Lộc Ninh	168	134	108	44
25934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	118	94	75	31
25935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	94	75	60	25
25936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	75	60	48	20
25937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	94	75	60	25
25939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	75	60	48	20
25940	9	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Phường Lộc Ninh	168	134	108	44
25941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	118	94	75	31
25942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	94	75	60	25
25943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	75	60	48	20
25944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	118	94	75	31
25945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	94	75	60	25
25946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	75	60	48	20
25947	10	Đường 7 tháng 4	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba đường Điện Biên Phủ	Phường Lộc Ninh	266	213		
25948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25954	11	Đường 7 tháng 4	Ngã ba đường Điện Biên Phủ	Đường Hùng Vương	Phường Lộc Ninh	266	213		
25955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7 tháng 4 đoạn từ Ngã ba đường Điện Biên Phủ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25961	12	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba Sơn Hà	Phường Lộc Ninh	266	213		
25962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25968	13	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Ngã ba Sơn Hà	Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10)	Phường Lộc Ninh	266	213		
25969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hồ bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hồ bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng Tám đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Hết tuyến (Qua hồ bom Làng 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25975	14	Đường Điện Biên Phủ	Đường 7 tháng 4	Giáp cầu Ông Kỳ	Phường Lộc Ninh	266	213		
25976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Giáp cầu Ông Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25982	15	Đường Điện Biên Phủ	Giáp cầu Ông Kỳ	Đường Lê Lợi	Phường Lộc Ninh	266	213		
25983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Giáp cầu Ông Kỳ đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25989	16	Đường Điện Biên Phủ	Đường Lê Lợi	Hết đường nhựa	Phường Lộc Ninh	266	213		
25990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
25995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường Lê Lợi đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
25996	17	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	Phường Lộc Ninh	266	213		
25997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
25998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
25999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26003	18	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trần Văn Trà	Phường Lộc Ninh	266	213		
26004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26010	19	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Văn Trà	Hết tuyến	Phường Lộc Ninh	266	213		
26011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26017	20	Đường Hùng Vương	Đường Quốc lộ 13	Đường 7 tháng 4	Phường Lộc Ninh	266	213		
26018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26024	21	Đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	Đường Đồng Khởi	Phường Lộc Ninh	266	213		
26025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26031	22	Đường Hùng Vương	Đường Đồng Khởi	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Phường Lộc Ninh	266	213		
26032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26038	23	Hẻm đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	Đường Hùng Vương	Phường Lộc Ninh	266	213		
26039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm đường Hùng Vương đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26045	24	Đường khu phố Ninh Thái	Đường Huỳnh Tấn Phát	Giáp ranh xã Lộc Thái cũ	Phường Lộc Ninh	266	213		
26046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Ninh Thái đoạn từ Đường Huỳnh Tấn Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26052	25	Đường ven suối	Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới	Cầu ngập	Phường Lộc Ninh	266	213		

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven suối đoạn từ Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới đến Cầu ngập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26059	26	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	266	213		
26060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26066	27	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nơ Trang Long	Đường Lê Hồng Phong	Phường Lộc Ninh	266	213		
26067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26073	28	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Quốc lộ 13	Cổng sau nhà máy chế biến mủ	Phường Lộc Ninh	266	213		
26074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cổng sau nhà máy chế biến mủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26080	29	Đường Huỳnh Tấn Phát	Cổng sau nhà máy chế biến mủ	Đường Quốc lộ 13	Phường Lộc Ninh	266	213		
26081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Tấn Phát đoạn từ Cổng sau nhà máy chế biến mủ đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26087	30	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Đồng Khởi	Đường Điện Biên Phủ	Phường Lộc Ninh	266	213		
26088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Điện Biên Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26094	31	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường 3 tháng 2	Phường Lộc Ninh	266	213		
26095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26101	32	Đường Lê Lợi	Giáp xã Lộc Thuận cũ	Đường Nguyễn Trãi	Phường Lộc Ninh	266	213		
26102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Giáp xã Lộc Thuận cũ đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26108	33	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Trãi	Hết tuyến	Phường Lộc Ninh	266	213		
26109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26115	34	Đường Lý Thái Tổ	Đường Quốc lộ 13	Đường Nơ Trang Long	Phường Lộc Ninh	266	213		
26116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26122	35	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nơ Trang Long	Ngã ba hố Bom Làng 10	Phường Lộc Ninh	266	213		
26123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Ngã ba hố Bom Làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26129	36	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba hố Bom Làng 10	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Phường Lộc Ninh	266	213		
26130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Ngã ba hố Bom Làng 10 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26136	37	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	Phường Lộc Ninh	266	213		
26137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26143	38	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	Phường Lộc Ninh	266	213		
26144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 7 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26150	39	Đường Ngô Quyền	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	Phường Lộc Ninh	266	213		
26151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26152		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26155		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26157	40	Đường Nguyễn Bính	Đường Quốc lộ 13	Cuối đường	Phường Lộc Ninh	266	213		
26158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bính đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26159		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bính đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bính đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bính đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26162		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bính đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bính đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26164	41	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường 7 tháng 4	Đường Huỳnh Tấn Phát	Phường Lộc Ninh	266	213		
26165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26166		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26169		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26171	42	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cầu ngập	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Lộc Ninh	266	213		
26172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26173		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26176		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Cầu ngập đến Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26178	43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường 7 tháng 4	Đường Đồng Khởi	Phường Lộc Ninh	266	213		
26179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26180		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26183		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26185	44	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Giáp hẻm số 39	Phường Lộc Ninh	266	213		
26186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26187		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26190		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp hẻm số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26192	45	Đường Nguyễn Du	Giáp hẻm số 39	Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ	Phường Lộc Ninh	266	213		

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26194		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26197		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Giáp hẻm số 39 đến Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26199	46	Đường Nguyễn Huệ	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	266	213		
26200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26201		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26204		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26206	47	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	266	213		
26207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26208		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26211		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26213	48	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Quốc lộ 13	Đường Nơ Trang Long	Phường Lộc Ninh	266	213		
26214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26215		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26218		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nơ Trang Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26220	49	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nơ Trang Long	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	Phường Lộc Ninh	266	213		
26221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26222		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26225		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26227	50	Đường Nguyễn Thị Định	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	266	213		

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26229		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26232		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Định đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26234	51	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường 3 tháng 2	Phường Lộc Ninh	266	213		
26235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26236		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26239		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26241	52	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ	Phường Lộc Ninh	266	213		
26242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26243		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26246		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Lê Lợi đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26248	53	Đường Nguyễn Văn Cừ	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	266	213		
26249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26250		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26253		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26255	54	Đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	266	213		
26256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26257		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26260		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26262	55	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Quốc lộ 13	Cuối đường	Phường Lộc Ninh	266	213		
26263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26264		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26267		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26269	56	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thái Tổ	Phường Lộc Ninh	266	213		
26270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26271		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26274		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26276	57	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Du	Phường Lộc Ninh	266	213		
26277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26283	58	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lý Thường Kiệt	Giáp đường Lộc Tấn	Phường Lộc Ninh	266	213		
26284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lý Thường Kiệt đến Giáp đường Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26290	59	Đường Phan Bội Châu	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ	Phường Lộc Ninh	266	213		
26291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26297	60	Đường Phan Bội Châu	Ngã tư Biên Phòng	Cầu ông Năm Tài	Phường Lộc Ninh	112	90		
26298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26300		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26303		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Cầu ông Năm Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26304	61	Đường Phan Bội Châu	Cầu ông Năm Tài	Hết ranh đất lô Cao Su	Phường Lộc Ninh	112	90		
26305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26307		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26310		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Cầu ông Năm Tài đến Hết ranh đất lô Cao Su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26311	62	Đường Phan Chu Trinh	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Phường Lộc Ninh	266	213		
26312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26314		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26317		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26318	63	Đường Phan Chu Trinh	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	266	213		
26319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	149	119	0	
26321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	119	95	0	
26322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	186	149	0	
26323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	149	119	0	
26324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ đến Đường Nguyễn Tất Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh, Xã Lộc Tấn	119	95	0	
26325	64	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Lộc Ninh	266	213		
26326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26332	65	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Văn Linh	Cuối đường	Phường Lộc Ninh	266	213		
26333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26339	66	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 7 tháng 4	Hết đất bà Thanh Tế	Phường Lộc Ninh	266	213		
26340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đường 7 tháng 4 đến Hết đất bà Thanh Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26346	67	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đất bà Thanh Tế	Đường Quốc lộ 13	Phường Lộc Ninh	266	213		
26347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Hết đất bà Thanh Tế đến Đường Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26353	68	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	266	213		

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26360	69	Đường Trần Quốc Toản	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	266	213		
26361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26367	70	Đường Trần Văn Trà	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	266	213		
26368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26374	71	Đường Trương Công Định	Đường Nơ Trang Long	Đường Lê Hồng Phong	Phường Lộc Ninh	266	213		
26375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định đoạn từ Đường Nơ Trang Long đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26381	72	Đường kè suối cầu Lò Heo	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26	Phường Lộc Ninh	266	213		
26382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối cầu Lò Heo đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26388	73	Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh	Đường Điện Biên Phủ	Đường Huỳnh Tấn Phát	Phường Lộc Ninh	266	213		

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh đoạn từ Đường Điện Biên Phủ đến Đường Huỳnh Tấn Phát có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26395	74	Đường D1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Phú	Phường Lộc Ninh	266	213		
26396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	186	149	0	
26400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	149	119	0	
26401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	119	95	0	
26402	75	Đường Phan Châu Trinh	Ngã tư Biên Phòng	Ngã ba đường Nguyễn Huệ	Phường Lộc Ninh	112	90		
26403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã tư Biên Phòng đến Ngã ba đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26409	76	Đường Phan Châu Trinh	Ngã ba đường Nguyễn Huệ	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	Phường Lộc Ninh	112	90		

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Châu Trinh đoạn từ Ngã ba đường Nguyễn Huệ đến Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26416	77	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba mới	Ngã ba cầu Đỏ	Phường Lộc Ninh	112	90		
26417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba mới đến Ngã ba cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26423	78	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cầu Đỏ	Ngã ba cuối trường cấp III	Phường Lộc Ninh	112	90		
26424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cầu Đỏ đến Ngã ba cuối trường cấp III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26430	79	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cuối trường cấp III	Ranh xã Lộc Khánh cũ	Phường Lộc Ninh	112	90		
26431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cuối trường cấp III đến Ranh xã Lộc Khánh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26437	80	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba nhà ông Lân	Ngã ba nhà ông Sáu Thu	Phường Lộc Ninh	112	90		
26438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Lân đến Ngã ba nhà ông Sáu Thu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26444	81	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba nhà ông Sáu Thu	Giáp đường liên xã	Phường Lộc Ninh	112	90		
26445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba nhà ông Sáu Thu đến Giáp đường liên xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26451	82	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cũ (xóm bưng)	Cầu Đỏ	Phường Lộc Ninh	112	90		
26452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cũ (xóm bưng) đến Cầu Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26458	83	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Cầu Đỏ	Đến ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng	Phường Lộc Ninh	112	90		
26459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đến ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đến ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đến ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đến ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đỏ đến Đến ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Cầu Đò đến Đến ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26465	84	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn	hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130	Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1	Phường Lộc Ninh	112	90		
26466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ hết ranh thửa đất số 108, tờ bản đồ số 130 đến Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26472	85	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn	Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Phường Lộc Ninh	112	90		
26473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn đoạn từ Nhà văn hóa Khu phố Lộc Thái 1 đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26479	86	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	112	90		
26480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26486	87	Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3	Giáp đường Quốc lộ 13	Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130	Phường Lộc Ninh	70	56	45	44

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26493	88	Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3	Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130	Hết tuyến	Phường Lộc Ninh	70	56	45	44
26494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3 đoạn từ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26500	89	Đường tránh Quốc lộ 13	Toàn tuyến		Phường Lộc Ninh	112	90		
26501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26507	90	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Hết đất cây xăng Minh Tú	Phường Lộc Ninh	112	90		

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hưng đến Hết đất cây xăng Minh Tú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26514	91	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết đất cây xăng Minh Tú	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Phường Lộc Ninh	112	90		
26515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết đất cây xăng Minh Tú đến Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26521	92	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Phường Lộc Ninh	112	90		
26522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái đến Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26528	93	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Phường Lộc Ninh	112	90		
26529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	
26532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	0	
26533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	0	
26534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành đến Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26535	94	Đường khu 1 - Đoạn 1	Thửa đất số 2	Thửa đất số 18	Phường Lộc Ninh	70	56	45	44
26536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 2 đến Thửa đất số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26542	95	Đường khu 1 - Đoạn 2	Thửa đất số 3	Thửa đất số 19	Phường Lộc Ninh	70	56	45	44
26543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 1 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 3 đến Thửa đất số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26549	96	Đường khu 2	Thửa đất số 21	Thửa đất số 29	Phường Lộc Ninh	70	56	45	44
26550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 2 đoạn từ Thửa đất số 21 đến Thửa đất số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26556	97	Đường khu 3	Thửa đất số 30	Thửa đất số 43	Phường Lộc Ninh	70	56	45	44
26557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 3 đoạn từ Thửa đất số 30 đến Thửa đất số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26563	98	Đường khu 4 - Đoạn 1	Thửa đất số 44	Thửa đất số 69	Phường Lộc Ninh	70	56	45	44
26564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 1 đoạn từ Thửa đất số 44 đến Thửa đất số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26570	99	Đường khu 4 - Đoạn 2	Thửa đất số 45	Thửa đất số 68	Phường Lộc Ninh	70	56	45	44
26571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 4 - Đoạn 2 đoạn từ Thửa đất số 45 đến Thửa đất số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26577	100	Đường khu 5	Thửa đất số 70	Thửa đất số 81	Phường Lộc Ninh	70	56	45	44
26578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 5 đoạn từ Thửa đất số 70 đến Thửa đất số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26584	101	Đường khu 6	Thửa đất số 82	Thửa đất số 106	Phường Lộc Ninh	70	56	45	44
26585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	49	39	31	31
26589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	39	31	25	25
26590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 6 đoạn từ Thửa đất số 82 đến Thửa đất số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	31	25	20	20
26591	102	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Ngã ba đội III	Phường Lộc Ninh	105	84		
26592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26598		Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang	Ngã ba đội III	Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86	Phường Lộc Ninh	105	84		
26599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang đoạn từ Ngã ba đội III đến Cầu Bù Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26605	103	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba Tam Lang	Giáp ranh xã Lộc Quang	Phường Lộc Ninh	105	84		
26606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26612		Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba Tam Lang	Ngã ba đội IV	Phường Lộc Ninh	105	84		
26613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang đến Ngã ba đội IV có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26619		Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba đội IV	Ngã ba công an	Phường Lộc Ninh	105	84		
26620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba đội IV đến Ngã ba công an có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26626		Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba công an	Ngã ba đội II	Phường Lộc Ninh	105	84		
26627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba công an đến Ngã ba đội II có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26633	104	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117	Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120	Phường Lộc Ninh	105	84		
26634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117 đến Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26640	105	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83	Ngã ba đội III	Phường Lộc Ninh	105	84		
26641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83 đến Ngã ba đội III có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26647	106	Đường kè suối Lộc Ninh	Cầu chế biến Lộc Ninh	Cầu đỏ xã Lộc Hưng	Phường Lộc Ninh	105	84		
26648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Lộc Ninh đoạn từ Cầu chế biến Lộc Ninh đến Cầu đỏ xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26654	107	Đường kè suối Cầu Mua	Cầu mua thôn Lộc Thái 3	Nhà ông Năng	Phường Lộc Ninh	105	84		
26655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kè suối Cầu Mua đoạn từ Cầu mua thôn Lộc Thái 3 đến Nhà ông Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26661	108	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư nhựa có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m			Phường Lộc Ninh	150	120		
26662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư nhựa có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	105	84	0	
26663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư nhựa có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	84	67	0	
26664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư nhựa có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	67	54	0	
26665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư nhựa có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	105	84	0	
26666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư nhựa có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	84	67	0	
26667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư nhựa có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	67	54	0	
26668	109	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư bê tông có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m			Phường Lộc Ninh	150	120		
26669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư bê tông có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	105	84	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư bê tông có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	84	67	0	
26671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư bê tông có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	67	54	0	
26672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư bê tông có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	105	84	0	
26673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư bê tông có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	84	67	0	
26674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư bê tông có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	67	54	0	
26675	110	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) chưa được đầu tư bê tông vẫn còn đường đất (hoặc rải sỏi) có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m			Phường Lộc Ninh	150	120		
26676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) chưa được đầu tư bê tông vẫn còn đường đất (hoặc rải sỏi) có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	105	84	0	
26677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) chưa được đầu tư bê tông vẫn còn đường đất (hoặc rải sỏi) có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	84	67	0	
26678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) chưa được đầu tư bê tông vẫn còn đường đất (hoặc rải sỏi) có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	67	54	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) chưa được đầu tư bê tông vẫn còn đường đất (hoặc rải sỏi) có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	105	84	0	
26680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) chưa được đầu tư bê tông vẫn còn đường đất (hoặc rải sỏi) có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	84	67	0	
26681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) chưa được đầu tư bê tông vẫn còn đường đất (hoặc rải sỏi) có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	67	54	0	
26682	111	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) có độ rộng mặt đường < 3,5m không phân biệt bê tông hoặc đường đất			Phường Lộc Ninh	150	120		
26683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) có độ rộng mặt đường < 3,5m không phân biệt bê tông hoặc đường đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	105	84	0	
26684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) có độ rộng mặt đường < 3,5m không phân biệt bê tông hoặc đường đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	84	67	0	
26685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) có độ rộng mặt đường < 3,5m không phân biệt bê tông hoặc đường đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	67	54	0	
26686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) có độ rộng mặt đường < 3,5m không phân biệt bê tông hoặc đường đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	105	84	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) có độ rộng mặt đường < 3,5m không phân biệt bê tông hoặc đường đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	84	67	0	
26688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) có độ rộng mặt đường < 3,5m không phân biệt bê tông hoặc đường đất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	67	54	0	
26689	112	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5 m trở lên			Phường Lộc Ninh	60	48	38	38
26690	113	Các tuyến đường còn lại			Phường Lộc Ninh	60	48	38	38
26691		Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Nhà máy hạt điều (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 143)	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Phường Lộc Ninh	112	90	72	44
26692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	50	31
26693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	40	25
26694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	32	20
26695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	78	63	50	31
26696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	63	50	40	25
26697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	50	40	32	20
26698		Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1	Ngã ba Đội III	Cầu Bù Linh (thửa đất số 16 và thửa đất số 11, tờ bản đồ 86) - Giáp xã Lộc Quang	Phường Lộc Ninh	150	120		

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	105	84	0	
26700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	84	67	0	
26701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	67	54	0	
26702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	105	84	0	
26703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	84	67	0	
26704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	67	54	0	
26705		Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2	Ngã ba thửa đất số 107, tờ bản đồ số 82	Cầu Hai Hổ	Phường Lộc Ninh	105	84		
26706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	
26708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Lộc Ninh	74	59	0	
26710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Lộc Ninh	59	47	0	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Lộc Ninh	47	38	0	
26712	1	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê)	Ngã tư Đồng Tâm	Xã Lộc Thành	168	134	108	44
26713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	118	94	75	31
26714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	94	75	60	25
26715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	75	60	48	20
26716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	118	94	75	31
26717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	94	75	60	25
26718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	75	60	48	20
26719	2	Đường ĐT 754	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	Xã Lộc Thành	168	134	108	44
26720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	118	94	75	31
26721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	94	75	60	25
26722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	75	60	48	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	118	94	75	31
26724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	94	75	60	25
26725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	75	60	48	20
26726	3	Đường ĐT 754	Cầu số 1	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Xã Lộc Thành, xã Lộc Hưng	168	134	108	44
26727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Hưng	118	94	75	31
26728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Hưng	94	75	60	25
26729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Hưng	75	60	48	20
26730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Hưng	118	94	75	31
26731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Hưng	94	75	60	25
26732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Hưng	75	60	48	20
26733	4	Đường ĐT 754	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Giáp ranh Campuchia	Xã Lộc Thành	168	134	108	44
26734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	94	75	60	25
26736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	75	60	48	20
26737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	118	94	75	31
26738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	94	75	60	25
26739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	75	60	48	20
26740	5	Đường ĐT 754	Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết	Giáp ranh tỉnh Tây Ninh	Xã Lộc Thành	168	134	108	44
26741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	118	94	75	31
26742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	94	75	60	25
26743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	75	60	48	20
26744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	94	75	60	25
26746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	75	60	48	20
26747	6	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thuộc địa bàn xã Lộc Thịnh (cũ)		Xã Lộc Thành	168	134	108	44
26748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	118	94	75	31
26749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	94	75	60	25
26750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	75	60	48	20
26751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	118	94	75	31
26752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	94	75	60	25
26753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	75	60	48	20
26754	7	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43	Xã Lộc Thành	140	112	90	44
26755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	98	78	63	31
26756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	62	50	40	20
26758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	98	78	63	31
26759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	25
26760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) đến Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	62	50	40	20
26761	8	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43	Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16	Xã Lộc Thành	140	112	90	44
26762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	98	78	63	31
26763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	25
26764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	62	50	40	20
26765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	98	78	63	31
26766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43 đến Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	62	50	40	20
26768	9	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16	Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ)	Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	140	112	90	44
26769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	98	78	63	31
26770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	78	63	50	25
26771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	62	50	40	20
26772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	98	78	63	31
26773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	78	63	50	25
26774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16 đến Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn	62	50	40	20
26775	10	Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ)	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ)	Xã Lộc Thành	112	90	72	44
26776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26782	11	Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ)	Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh	Giáp ranh xã Lộc Thành	Xã Lộc Thành	112	90	72	44
26783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26789	12	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê)	Ngã tư Đồng Tâm	Xã Lộc Thành	112	90	72	44
26790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26796	13	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	Xã Lộc Thành	112	90	72	44
26797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26803	14	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Cầu số 1	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Xã Lộc Thành	112	90	72	44
26804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26810	15	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Giáp ranh Vương quốc Campuchia	Xã Lộc Thành	112	90	72	44
26811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa đến Giáp ranh Vương quốc Campuchia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26817	16	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết	Giáp ranh tỉnh Tây Ninh	Xã Lộc Thành	112	90	72	44
26818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	78	63	50	31
26822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	63	50	40	25
26823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết đến Giáp ranh tỉnh Tây Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	50	40	32	20
26824	17	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34	Xã Lộc Thành	105	84	67	44
26825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31
26829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) đến Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26831	18	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	Xã Lộc Thành	105	84	67	44
26832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31
26833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34 đến Ngã ba cây xăng Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26838	19	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Xã Lộc Thành	105	84	67	44
26839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31
26840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31
26843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Giáp ranh xã Lộc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26845	20	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	Ngã ba Lộc Bình	Xã Lộc Thành	105	84	67	44
26846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31
26850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Ngã ba cây xăng Lộc Thành đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26852	21	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Xã Lộc Thành	105	84	67	44
26853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31
26854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26859	22	Đường qua trung tâm xã Lộc Thành	Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1	Nhà văn hóa ấp Kliêu	Xã Lộc Thành	105	84	67	44
26860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31
26861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31
26864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường qua trung tâm xã Lộc Thành đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Nhà văn hóa ấp Kliêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26866	23	Đường liên ấp	Nhà văn hóa ấp KLiêu	Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao	Xã Lộc Thành	105	84	67	44
26867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	74	59	47	31
26871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	59	47	38	25
26872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp KLiêu đến Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	47	38	30	20
26873	24	Đường liên ấp	Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao	Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5)	Xã Lộc Thành	60	48	38	38
26874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao đến Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26880	25	Đường liên ấp	Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1	Đập nước Tà Tê	Xã Lộc Thành	60	48	38	38
26881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1 đến Đập nước Tà Tê có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26887	26	Đường liên ấp	Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ	Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37	Xã Lộc Thành	60	48	38	38
26888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ đến Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26894	27	Đường liên ấp	Xưởng đũa Lộc Hà	Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2	Xã Lộc Thành	60	48	38	38
26895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp đoạn từ Xưởng đũa Lộc Hà đến Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26901	28	Đường liên ấp Tà Tê 2	Đập nước Tà Tê 2	Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á)	Xã Lộc Thành	60	48	38	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Tà Tê 2 đoạn từ Đập nước Tà Tê 2 đến Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26908	29	Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1)	Cổng chào ấp Tân Bình 1	Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh	Xã Lộc Thành	60	48	38	38
26909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1) đoạn từ Cổng chào ấp Tân Bình 1 đến Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26915	30	Đường nhựa Tân Bình 1	Thửa số 05, tờ bản đồ số 10	Thửa số 24, tờ bản đồ số 10	Xã Lộc Thành	60	48	38	38
26916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18
26919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thành	42	34	27	27
26920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thành	34	27	22	22
26921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Tân Bình 1 đoạn từ Thửa số 05, tờ bản đồ số 10 đến Thửa số 24, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thành	27	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26922	31	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			Xã Lộc Thành	60	48	38	38
26923	32	Các tuyến đường còn lại			Xã Lộc Thành	60	48	38	38
26924	1	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ)	Cầu Sóc Lớn	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) đến Cầu Sóc Lớn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26931	2	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Cầu Sóc Lớn	Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Sóc Lớn đến Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26938	3	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ)	Giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến Hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến Hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến Hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến Hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến Hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến Hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26945	4	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ)	Giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ) đoạn từ Giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26952	5	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26959	6	Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven	Cầu Ba Ven	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven đến Cầu Ba Ven có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26966	7	Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	Cầu Ba Ven	Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) đoạn từ Cầu Ba Ven đến Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26973	8	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền	Cầu Ông Đô	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền đến Cầu Ông Đô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26980	9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Cầu Ông Đô	Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Cầu Ông Đô đến Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26987	10	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Nhà máy hạt điều Lộc Thái	Nhà thờ Lộc Điền	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ) đoạn từ Nhà máy hạt điều Lộc Thái đến Nhà thờ Lộc Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26994	11	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ)	Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền	Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
26995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
26996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
26997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
26998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
26999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền đến Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27001	12	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ)	Giáp Trường tiểu học A	Giáp ranh lô cao su	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp Trường tiểu học A đến Giáp ranh lô cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27008	13	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ)	Giáp ranh lô cao su	Giáp xã Lộc Quang (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ) đoạn từ Giáp ranh lô cao su đến Giáp xã Lộc Quang (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27015	14	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A	Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A đến Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27022	15	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20)	Xã Lộc Hưng	168	134	108	44
27023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	118	94	75	31
27024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	94	75	60	25
27025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	75	60	48	20
27026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	94	75	60	25
27028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	75	60	48	20
27029	16	Đường Quốc lộ 13	Cây xăng Lộc Phát	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Xã Lộc Hưng	168	134	108	44
27030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	118	94	75	31
27031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	94	75	60	25
27032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	75	60	48	20
27033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	118	94	75	31
27034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	94	75	60	25
27035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	75	60	48	20
27036	17	Đường ĐT 754	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	168	134	108	44
27037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	94	75	60	25
27039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	75	60	48	20
27040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	118	94	75	31
27041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	94	75	60	25
27042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng, xã Lộc Thành	75	60	48	20
27043	18	Đường ĐT 754	Cầu số 1	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	Xã Lộc Hưng	168	134	108	44
27044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	118	94	75	31
27045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	94	75	60	25
27046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	75	60	48	20
27047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	118	94	75	31
27048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	94	75	60	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 754 đoạn từ Cầu số 1 đến Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	75	60	48	20
27050	19	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành	Ngã ba Giáng Hương	Cống Bảy Phụng	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Ngã ba Giáng Hương đến Cống Bảy Phụng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27057	20	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành	Cống Bảy Phụng	Giáp ranh xã Lộc Thành	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành đoạn từ Cống Bảy Phụng đến Giáp ranh xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27064	21	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ)	Đường Quốc Lộ 13	Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc Lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc Lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc Lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc Lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc Lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Đường Quốc Lộ 13 đến Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27071	22	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung)	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung) đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27078	23	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ)	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu Suối 1	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Ngã tư Đồng Tâm đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27085	24	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ)	Cầu Suối 1	Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ) đoạn từ Cầu Suối 1 đến Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27092	25	Đường tránh Quốc lộ 13	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Hưng	78	63	50	31
27097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Hưng	63	50	40	25
27098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Hưng	50	40	32	20
27099	26	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) - trừ các tuyến đường đã có trong bảng giá	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27100	27	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) - trừ các tuyến đường đã có trong bảng giá	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27101	28	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) - trừ các tuyến đường đã có trong bảng giá	Cầu số 1	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	Xã Lộc Hưng	112	90	72	44
27102	29	Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5 m trở lên			Xã Lộc Hưng	70	56	45	44
27103	30	Các tuyến đường còn lại			Xã Lộc Hưng	70	56	45	44
27104	1	Đường Phan Chu Trinh	Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ)		Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ) đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27111	2	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27118	3	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114 đến Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27125	4	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112	Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112 đến Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27132	5	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ)	Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ) đoạn từ Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ) đến Ngã ba Lộc Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27139	6	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ) đoạn từ Ngã ba Lộc Bình đến Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 111 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27146	7	Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba hố Bom	Cổng chào K54	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ) Ngã ba hố Bom đến Cổng chào K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27153	8	Đường ấp K54	Cổng chào K54	Nghĩa trang K54	Xã Lộc Tấn	98	78	63	44
27154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp K54 đoạn từ Cổng chào K54 đến Nghĩa trang K54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27160	9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ)	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ)	Ngã tư Mũi Tôn	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ) đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ) đến Ngã tư Mũi Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27167	10	Đường nhựa	Ngã ba hố Bom	Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94	Xã Lộc Tấn	98	78	63	44

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba hố Bom đến Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27174	11	Đường nhựa	Nhà ông Thái Tài	Nhà máy điều Hoàng Chuẩn	Xã Lộc Tấn	98	78	63	44
27175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Nhà ông Thái Tài đến Nhà máy điều Hoàng Chuẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27181	12	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Giáp ranh xã Lộc Thành	Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87	Xã Lộc Tấn	132	106	84	44
27182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thành đến Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	92	74	59	31
27183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thành đến Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	74	59	47	25
27184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thành đến Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	59	47	38	20
27185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thành đến Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	92	74	59	31
27186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thành đến Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	74	59	47	25
27187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thành đến Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	59	47	38	20
27188	13	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87	Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87	Xã Lộc Tấn	168	134	108	44
27189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27195	14	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87	Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87	Xã Lộc Tấn	168	134	108	44
27196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87 đến Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27202	15	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87	Hết ranh xã Lộc Tấn	Xã Lộc Tấn	168	134	108	44
27203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á) đoạn từ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87 đến Hết ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27209	16	Đường đi Tà Nốt	Ngã tư Mũi Tôn	Ngã ba Biên Giới (Đội 3)	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã tư Mũi Tôn đến Ngã ba Biên Giới (Đội 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27216	17	Đường đi Tà Nốt	Ngã ba Biên Giới (Đội 3)	Hết tuyến	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Tà Nốt đoạn từ Ngã ba Biên Giới (Đội 3) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27223	18	Đường nhựa	Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105	Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99	Xã Lộc Tấn	98	78	63	44
27224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105 đến Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27230	19	Đường nhựa	thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111	thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106	Xã Lộc Tấn	98	78	63	44
27231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 111 đến thửa đất số 06, tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27237	20	Đường nhựa	Đường đi Tà Nốt	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102	Xã Lộc Tấn	98	78	63	44
27238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường đi Tà Nốt đến Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27244	21	Đường nhựa	Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84	Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84	Xã Lộc Tấn	98	78	63	44

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84 đến Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27251	22	Đường nhựa	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98	Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98	Xã Lộc Tấn	98	78	63	44
27252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	69	55	44	31
27256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	55	44	35	25
27257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98 đến Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	44	35	28	20
27258	23	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	Xã Lộc Tấn	168	134	108	44
27259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ) đến - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27265	24	Đường Quốc lộ 13	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Xã Lộc Tấn	168	134	108	44
27266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ - Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51 đến Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27272	25	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	Xã Lộc Tấn	168	134	108	44

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27279	26	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ)	Xã Lộc Tấn	168	134	108	44
27280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	118	94	75	31
27284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	94	75	60	25
27285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ) đến Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	75	60	48	20
27286	27	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ)	Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	168	134	108	44
27287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	118	94	75	31
27288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	94	75	60	25
27289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	75	60	48	20
27290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	118	94	75	31
27291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	94	75	60	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến	75	60	48	20
27293	28	Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Nhà hàng Sơn Hà	Ngã ba hố bom làng 10	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ) đoạn từ Nhà hàng Sơn Hà đến Ngã ba hố Bom làng 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27300	29	Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh	Ngã ba nhà hát cũ	Cống làng 9 Lộc Thạnh	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cống làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cống làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cổng làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cổng làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn	78	63	50	31
27305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cổng làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn	63	50	40	25
27306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Ngã ba nhà hát cũ đến Cổng làng 9 Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn	50	40	32	20
27307	30	Đường 13	Cầu suối 2	Đường tuần tra biên giới	Xã Lộc Tấn, Xã Lộc Thạnh	112	90	72	44
27308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn, Xã Lộc Thạnh	78	63	50	31
27309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn, Xã Lộc Thạnh	63	50	40	25
27310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn, Xã Lộc Thạnh	50	40	32	20
27311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Tấn, Xã Lộc Thạnh	78	63	50	31
27312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Tấn, Xã Lộc Thạnh	63	50	40	25
27313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13 đoạn từ Cầu suối 2 đến Đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Tấn, Xã Lộc Thạnh	50	40	32	20
27314	31	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27315	32	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27316	33	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Ngã ba liên ngành (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27317	34	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thạnh	Xã Lộc Tấn	112	90	72	44
27318	35	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			Xã Lộc Tấn	70	56	45	44
27319	36	Các tuyến đường còn lại			Xã Lộc Tấn	70	56	45	44
27320	1	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Trạm kiểm soát Hoa Lư	Xã Lộc Thạnh	140	112	90	44
27321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	98	78	63	31
27322		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	78	63	50	25
27323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	62	50	40	20
27324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	98	78	63	31
27325		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	78	63	50	25
27326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	62	50	40	20
27327	2	Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ)	Xã Lộc Thạnh	105	84	67	44

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	74	59	47	31
27329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	59	47	38	25
27330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	47	38	30	20
27331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	74	59	47	31
27332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	59	47	38	25
27333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	47	38	30	20
27334	3	Đường nhựa	Ngã ba ấp 8A	Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ)	Xã Lộc Thạnh	60	48	38	38
27335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	42	34	27	27
27336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	34	27	22	22
27337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
27338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	42	34	27	27

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	34	27	22	22
27340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba ấp 8A đến Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
27341	4	Đường nhựa	Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ)	Cổng chào ấp 7	Xã Lộc Thạnh	60	48	38	38
27342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	42	34	27	27
27343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	34	27	22	22
27344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
27345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	42	34	27	27
27346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	34	27	22	22
27347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ) đến Cổng chào ấp 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
27348	5	Đường nhựa	Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung	Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh	Xã Lộc Thạnh	60	48	38	38
27349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	42	34	27	27

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	34	27	22	22
27351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
27352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	42	34	27	27
27353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	34	27	22	22
27354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung đến Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
27355	6	Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ)			Xã Lộc Thạnh	105	84	67	44
27356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	74	59	47	31
27357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	59	47	38	25
27358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	47	38	30	20
27359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	74	59	47	31
27360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	59	47	38	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	47	38	30	20
27362	7	Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ)	Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ)	Ngã ba nhà Huyền Thông	Xã Lộc Thạnh	105	84	67	44
27363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	74	59	47	31
27364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	59	47	38	25
27365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	47	38	30	20
27366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	74	59	47	31
27367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	59	47	38	25
27368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ) đến Ngã ba nhà Huyền Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	47	38	30	20
27369	8	Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ)	Ngã ba nhà Huyền Thông	Cổng chào ấp 6	Xã Lộc Thạnh	105	84	67	44
27370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	74	59	47	31
27371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	59	47	38	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	47	38	30	20
27373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	74	59	47	31
27374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	59	47	38	25
27375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà Huyền Thông đến Cổng chào ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	47	38	30	20
27376	9	Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh	Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn)	Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ))	Xã Lộc Thạnh	105	84	67	44
27377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	74	59	47	31
27378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	59	47	38	25
27379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	47	38	30	20
27380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	74	59	47	31
27381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	59	47	38	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh đoạn từ Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn) đến Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	47	38	30	20
27383	10	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Trạm kiểm soát Hoa Lư	Xã Lộc Thạnh	105	84	67	44
27384	11	Đường 13B (đường ĐT 754C)	Ngã ba Chiu Riu	Cầu suối 2	Xã Lộc Thạnh	140	112	90	44
27385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	98	78	63	31
27386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	78	63	50	25
27387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	62	50	40	20
27388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	98	78	63	31
27389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	78	63	50	25
27390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Ngã ba Chiu Riu đến Cầu suối 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	62	50	40	20
27391	12	Đường 13B (đường ĐT 754C)	Cầu suối 2	Giáp đường tuần tra biên giới	Xã Lộc Thạnh	140	112	90	44
27392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Cầu suối 2 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	98	78	63	31
27393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Cầu suối 2 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	78	63	50	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Cầu suối 2 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	62	50	40	20
27395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Cầu suối 2 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	98	78	63	31
27396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Cầu suối 2 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	78	63	50	25
27397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 13B (đường ĐT 754C) đoạn từ Cầu suối 2 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	62	50	40	20
27398	13	Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13)			Xã Lộc Thạnh	60	48	38	38
27399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	42	34	27	27
27400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	34	27	22	22
27401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
27402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	42	34	27	27

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	34	27	22	22
27404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
27405	14	Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13)			Xã Lộc Thạnh	60	48	38	38
27406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	42	34	27	27
27407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	34	27	22	22
27408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
27409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Thạnh	42	34	27	27
27410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Thạnh	34	27	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ 13) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Thạnh	27	22	18	18
27412	15	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			Xã Lộc Thạnh	60	48	38	38
27413	16	Các tuyến đường còn lại			Xã Lộc Thạnh	60	48	38	38
27414	1	Đường ĐT 756	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Xã Lộc Quang	140	112	90	44
27415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	98	78	63	31
27416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	25
27417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	62	50	40	20
27418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	98	78	63	31
27419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	25
27420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	62	50	40	20
27421	2	Đường ĐT 756	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Xã Lộc Quang	140	112	90	44
27422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	98	78	63	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	25
27424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	62	50	40	20
27425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	98	78	63	31
27426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	25
27427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	62	50	40	20
27428	3	Đường ĐT 756	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Xã Lộc Quang	140	112	90	44
27429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	98	78	63	31
27430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	25
27431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	62	50	40	20
27432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	98	78	63	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	25
27434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	62	50	40	20
27435	4	Đường ĐT 756	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83	Xã Lộc Quang	140	112	90	44
27436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	98	78	63	31
27437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	25
27438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	62	50	40	20
27439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	98	78	63	31
27440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	25
27441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	62	50	40	20
27442	5	Đường ĐT 756	Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Xã Lộc Quang	168	134	108	44
27443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31
27447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27449	6	Đường ĐT 756	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Xã Lộc Quang	168	134	108	44
27450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31
27451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27456	7	Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20	Xã Lộc Quang	105	84	67	44
27457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27463	8	Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai	Cổng chào Tân Hai	Giáp Đường ĐT 756	Xã Lộc Quang	105	84	67	44
27464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai đoạn từ Cổng chào Tân Hai đến Giáp Đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27470	9	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27477	10	Đường nhựa liên ấp Tân Hai	Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6	Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3	Xã Lộc Quang	105	84	67	44
27478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Tân Hai đoạn từ Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27484	11	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6	Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7	Xã Lộc Quang	105	84	67	44
27485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6 đến Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27491	12	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20	Xã Lộc Quang	105	84	67	44
27492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ) đoạn từ Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27498	13	Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88	Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69	Xã Lộc Quang	60	48	38	38
27499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	42	34	27	27
27500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	34	27	22	22
27501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	27	22	18	18
27502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	42	34	27	27
27503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	34	27	22	22
27504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	27	22	18	18
27505	14	Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88	Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67	Xã Lộc Quang	60	48	38	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	42	34	27	27
27507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	34	27	22	22
27508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	27	22	18	18
27509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	42	34	27	27
27510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	34	27	22	22
27511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang đoạn từ Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88 đến Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	27	22	18	18
27512	15	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Xã Lộc Quang	168	134	108	44
27513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31
27514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31
27517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27519	16	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Xã Lộc Quang	168	134	108	44
27520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31
27521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31
27524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27526	17	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Xã Lộc Quang	168	134	108	44
27527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31
27528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31
27531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27533	18	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36	Xã Lộc Quang	168	134	108	44
27534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	118	94	75	31
27538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	94	75	60	25
27539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	75	60	48	20
27540	19	Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã	Toàn tuyến	Toàn tuyến	Xã Lộc Quang	70	56	45	44
27541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	49	39	31	31
27542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	39	31	25	25
27543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	31	25	20	20
27544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	49	39	31	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	39	31	25	25
27546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	31	25	20	20
27547	20	Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A	Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49	Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27554	21	Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A	Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A đoạn từ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27561	22	Đường nhựa quanh hồ cầu trắng	Toàn tuyến	Toàn tuyến	Xã Lộc Quang	70	56	45	44
27562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	49	39	31	31
27563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	39	31	25	25
27564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	31	25	20	20
27565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	49	39	31	31
27566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	39	31	25	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa quanh hồ cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	31	25	20	20
27568	23	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ)	Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27575	24	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ)	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ) đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27582	25	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27589	26	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62	Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ) đoạn từ Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62 đến Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27596	27	Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn	Toàn tuyến	Toàn tuyến	Xã Lộc Quang	70	56	45	44
27597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	49	39	31	31
27598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	39	31	25	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	31	25	20	20
27600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	49	39	31	31
27601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	39	31	25	25
27602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	31	25	20	20
27603	28	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 đến Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27610	29	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27617	30	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Xã Lộc Quang	112	90	72	44

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27624	31	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41 đến Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27631	32	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Xã Lộc Quang	105	84	67	44
27632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 đến Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27638	33	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Xã Lộc Quang	105	84	67	44
27639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27645	34	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Xã Lộc Quang	105	84	67	44
27646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5 đến Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27652	35	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83	Xã Lộc Quang	105	84	67	44
27653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	74	59	47	31
27657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	59	47	38	25
27658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68 đến Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	47	38	30	20
27659	36	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27666	37	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) đoạn từ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27673	38	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh	Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51	Xã Lộc Quang	112	90	72	44
27674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Lộc Quang	78	63	50	31
27678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Lộc Quang	63	50	40	25
27679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh đoạn từ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60 đến Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Lộc Quang	50	40	32	20
27680	39	Các tuyến đường nhựa còn lại từ 3m trở lên	Toàn tuyến	Toàn tuyến	Xã Lộc Quang	70	56	45	44
27681	40	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			Xã Lộc Quang	60	48	38	38
27682	41	Các tuyến đường còn lại			Xã Lộc Quang	60	48	38	38
27683	1	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long	Trạm thu phí	Phường Tân Khai	384	307	215	
27684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	
27686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
27687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
27688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	
27689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
27690	2	Đường Quốc lộ 13	Trạm thu phí	Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	Phường Tân Khai	384	307	215	
27691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
27692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	
27693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
27694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
27695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
27697	3	Đường Quốc lộ 13	Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	Hết ranh đất cây xăng ĐVT	Phường Tân Khai	384	307	215	
27698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
27699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	
27700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
27701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
27702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	
27703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến Hết ranh đất cây xăng ĐVT có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
27704	4	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất cây xăng ĐVT	Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng	Phường Tân Khai	384	307	215	
27705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
27706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
27708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
27709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	
27710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh đất cây xăng ĐVT đến Ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
27711	5	Đường Trục Chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10	Ngã tư giao đường Đông Tây 7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10 đến Ngã tư giao đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27718	6	Đường Trục Chính Bắc Nam	Ngã tư giao đường Đông Tây 7	Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15	Phường Tân Khai	216	173	138	
27719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 7 đến Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27725	7	Đường Trục Chính Bắc Nam	Đoạn còn lại		Phường Tân Khai	216	173	138	
27726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục Chính Bắc Nam đoạn từ Đoạn còn lại đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27732	8	Đường Bắc Nam 1	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
27733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27739	9	Đường Bắc Nam 1a	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
27740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1a đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1a đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1a đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1a đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1a đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1a đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27746	10	Đường Bắc Nam 1b	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
27747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 1b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27753	11	Đường Bắc Nam 2	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
27754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27760	12	Đường Bắc Nam 3	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
27761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27767	13	Đường Bắc Nam 4	Đường Đông Tây 1	Đường Đông Tây7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27774	14	Đường Bắc Nam 4a	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
27775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27781	15	Đường Bắc Nam 4b	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 4b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27788	16	Đường Bắc Nam 5	Đường Đông Tây 1	Đường Đông Tây 7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5 đoạn từ Đường Đông Tây 1 đến Đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27795	17	Đường Bắc Nam 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27802					Phường Tân Khai				
27803					Phường Tân Khai				
27804	20	Đường Bắc Nam 12	Đường ĐT 756C	Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy	Phường Tân Khai	216	173	138	
27805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Nam 12 đoạn từ Đường ĐT 756C đến Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27811	21	Đường Trục chính Đông Tây	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
27812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục chính Đông Tây đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục chính Đông Tây đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trục chính Đông Tây đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục chính Đông Tây đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục chính Đông Tây đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trục chính Đông Tây đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27818	22	Đường Đông Tây 1	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	216	173	138	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27825	23	Đường Đông Tây 1	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã tư giao đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 1 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã tư giao đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27832	24	Đường Đông Tây 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	216	173	138	
27833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27839	25	Đường Đông Tây 2	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	216	173	138	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 2 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27846	26	Đường Đông Tây 3	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	216	173	138	
27847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27853	27	Đường Đông Tây 3	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 3 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27860	28	Đường Đông Tây 4	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27867	29	Đường Đông Tây 4a	Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Phường Tân Khai	216	173	138	
27868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27874	30	Đường Đông Tây 4b	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4b đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27881	31	Đường Đông Tây 4c	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 4c đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27888	32	Đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27895	33	Đường Đông Tây 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	Phường Tân Khai	216	173	138	
27896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 5a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27902	34	Đường Đông Tây 6	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	216	173	138	
27903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27909	35	Đường Đông Tây 6a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	Phường Tân Khai	216	173	138	
27910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 6a đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2 đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27916	36	Đường Đông Tây 7	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	216	173	138	
27917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27923	37	Đường Đông Tây 7	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 7 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27930	38	Đường Đông Tây 9	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	216	173	138	
27931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27937	39	Đường Đông Tây 9	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	Phường Tân Khai	216	173	138	
27938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 9 đoạn từ Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam đến Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27944	40	Đường Đông Tây 10	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 4	Phường Tân Khai	216	173	138	
27945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 10 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27951	41	Đường Đông Tây 11	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
27952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 11 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27958	42	Đường Đông Tây 12	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
27959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27965	43	Đường Đông Tây 13	Đường Quốc lộ 13	Đường Trục Chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	216	173	138	
27966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 13 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27972	44	Đường Đông Tây 14	Đường Quốc lộ 13	Đường Trục Chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	216	173	138	
27973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục Chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27979	45	Đường Đông Tây 15	Đường Quốc lộ 13	Đường Trục chính Bắc Nam	Phường Tân Khai	216	173	138	
27980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Trục chính Bắc Nam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27986	46	Đường Đông Tây 15	Đoạn còn lại		Phường Tân Khai	216	173	138	
27987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 15 Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
27992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 15 Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27993	47	Đường Đông Tây 16	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
27994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
27997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
27998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
27999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28000	48	Đường Đông Tây 17	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	216	173	138	
28001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Tây 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28007	49	Đường ĐT 756C	Ngã ba Tân Quan	Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23	Phường Tân Khai	384	307	215	
28008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
28009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	
28010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
28011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
28012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	
28013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba Tân Quan đến Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
28014	50	Đường ĐT 756C	Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23	Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan	Phường Tân Khai	384	307	215	
28015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
28016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
28018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
28019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	
28020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23 đến Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
28021	51	Đường ĐT 756C	Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7	Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1	Phường Tân Khai	384	307	215	
28022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
28023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	
28024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
28025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	269	215	151	
28026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	215	172	120	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	172	138	96	
28028	52	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81)	Phường Tân Khai	216	173	138	42
28029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28035	53	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81)	Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh)	Phường Tân Khai	216	173	138	42
28036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81) đến Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28042	54	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức	Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95)	Phường Tân Khai	216	173	138	42
28043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Ngã ba đoạn giáp ranh phường Tân Khai - Minh Đức đến Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28049	55	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95)	Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100)	Phường Tân Khai	216	173	138	42
28050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95) đến Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28056	56	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Phường Tân Khai	216	173	138	42
28057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C (Đường huyện 245) đoạn từ Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100) đến Ngã tư cổng Nông trường 425 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28063	57	Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2	Giáp đường Quốc lộ 13	Đến 300m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Giáp đường Quốc lộ 13 đến Đến 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28070	58	Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2	Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên	Khu công nghiệp Tân Khai 2	Phường Tân Khai	216	173	138	
28071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2 đoạn từ Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên đến Khu công nghiệp Tân Khai 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28077	59	Đường liên ranh thôn 1-2	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28084	60	Đường liên ranh thôn 1-2	Từ 200m trở lên	Đường Bắc Nam 12	Phường Tân Khai	216	173	138	
28085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28091	61	Đường liên ranh thôn 1-2	Đường Bắc Nam 12	Hết tuyến	Phường Tân Khai	216	173	138	
28092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ranh thôn 1-2 đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28098	62	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28105	63	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Từ 200m trở lên	Đường Bắc Nam 12	Phường Tân Khai	216	173	138	
28106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Từ 200m trở lên đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28112	64	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Đường Bắc Nam 12	Hết tuyến	Phường Tân Khai	216	173	138	
28113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5) đoạn từ Đường Bắc Nam 12 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28119	65	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28120	66	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28121	67	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới phường Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	Phường Tân Khai	216	173	138	
28122	68	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28123	69	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28124	70	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	Phường Tân Khai	216	173	138	
28125	71	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28126	72	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28127	73	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	Phường Tân Khai	216	173	138	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28128	74	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28129	75	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28130	76	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới phường Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	Phường Tân Khai	216	173	138	
28131	77	Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã ba Tân Quan đến Cụm công nghiệp Lê Vy)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28132	78	Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ Cụm công nghiệp Lê Vy đến cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28133	79	Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến giáp ranh thôn Đồng Nơ 1)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	Phường Tân Khai	216	173	138	
28134	80	Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Phường Tân Khai	216	173	138	
28135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Nhà văn hóa thôn Tàu Ô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28141	81	Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7)	Phường Tân Khai	216	173	138	
28142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đoạn từ Nhà văn hóa thôn Tàu Ô đến Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28148	82	Đường nhựa vào hồ Sen Trắng	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Ranh đường sắt cũ	Phường Tân Khai	216	173	138	
28149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ Sen Trắng đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Ranh đường sắt cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28155	83	Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26	Phường Tân Khai	216	173	138	
28156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13) đến Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28162	84	Đường nhựa vào đập Bàu Úm	Ngã ba Đình thần	Công ty cấp thoát nước	Phường Tân Khai	180	144	115	
28163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	126	101	81	
28164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	101	81	64	
28165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	81	65	51	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	126	101	81	
28167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	101	81	64	
28168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập Bàu Úm đoạn từ Ngã ba Đình thần đến Công ty cấp thoát nước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	81	65	51	
28169	85	Đường nhựa vào cầu Huyện ủy	Ngã năm	Giáp ranh xã Tân Quan	Phường Tân Khai	216	173	138	
28170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cầu Huyện ủy đoạn từ Ngã năm đến Giáp ranh xã Tân Quan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28176	86	Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1)	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	Phường Tân Khai	216	173	138	
28177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28183	87	Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2)	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	Phường Tân Khai	216	173	138	
28184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Phường Tân Khai	151	121	97	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2) đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28190	88	Đường nhựa thôn 1	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	Phường Tân Khai	216	173	138	
28191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	
28195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	
28196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 1 đoạn từ Đường Quốc lộ 13 đến Đường Bắc Nam 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	
28197	89	Đường xã	Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82)	Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81	Phường Tân Khai	156	125	100	42
28198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	109	87	70	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	87	70	56	24
28200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	70	56	45	19
28201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	109	87	70	29
28202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	87	70	56	24
28203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) đến Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	70	56	45	19
28204	90	Đường xã	Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81	Ngã tư quận 1	Phường Tân Khai	156	125	100	42
28205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	109	87	70	29
28206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	87	70	56	24
28207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	70	56	45	19
28208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	109	87	70	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	87	70	56	24
28210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81 đến Ngã tư quận 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	70	56	45	19
28211	91	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Giáp ranh phường Minh Hưng	Phường Tân Khai	216	173	138	42
28212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Giáp ranh phường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28218	92	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73)	Phường Tân Khai	216	173	138	42
28219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư cổng Nông trường 425 đến Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28225	93	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73)	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Tân Khai	216	173	138	42
28226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	151	121	97	29
28230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	121	97	77	24
28231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B) đoạn từ Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	97	78	62	19
28232	94	Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81	Phường Tân Khai	156	125	100	42
28233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	109	87	70	29
28234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	87	70	56	24
28235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	70	56	45	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	109	87	70	29
28237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	87	70	56	24
28238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C) đến Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	70	56	45	19
28239	95	Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ)	Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82	Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81	Phường Tân Khai	156	125	100	42
28240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	109	87	70	29
28241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	87	70	56	24
28242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	70	56	45	19
28243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	109	87	70	29
28244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	87	70	56	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82 đến Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	70	56	45	19
28246	96	Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp	Ngã tư quận 1	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28253	97	Đường nhựa đi Phú Gia	Ngã tư quận 1	Cổng Nông trại Phú Gia	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi Phú Gia đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Cổng Nông trại Phú Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28260	98	Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý)	Ngã tư quận 1	Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý) đoạn từ Ngã tư quận 1 đến Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28267	99	Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1	Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81	Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1 đoạn từ Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81 đến Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28274	100	Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81)	Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81) đến Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28281	101	Đường bê tông trục chính Sóc 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88)	Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78)	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trục chính Sóc 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88) đến Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28288	102	Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63)	Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84)	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5 đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63) đến Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28295	103	Đường nhựa thôn Đồng Tân	Ngã ba đường ĐT 756C	Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68)	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Ngã ba đường ĐT 756C đến Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28302	104	Đường nhựa thôn Đồng Tân	Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68)	Giáp ranh xã Minh Đức	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Tân đoạn từ Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68) đến Giáp ranh xã Minh Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28309	105	Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm	Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95	Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm đoạn từ Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95 đến Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28316	106	Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4	Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90	Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90	Phường Tân Khai	96	77	61	42
28317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19
28320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Phường Tân Khai	67	54	43	29
28321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Phường Tân Khai	54	43	34	24
28322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4 đoạn từ Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90 đến Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Phường Tân Khai	43	34	27	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28323	107	Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	180	144	115	
28324	108	Các tuyến đường còn lại tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	180	144	115	
28325	109	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	96	77	61	42
28326	110	Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5	Toàn tuyến		Phường Tân Khai	96	77	61	42
28327	1	Đường ĐT 756	Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31)	Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41)	Xã Tân Hưng	160	128	102	
28328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28329		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28332		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28334	2	Đường ĐT 756	Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan)	Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31)	Xã Tân Hưng	160	128	102	
28335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28336		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28339		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan) đến Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28341	3	Đường ĐT 756	Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng)	Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15)	Xã Tân Hưng	160	128	102	
28342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28343		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28346		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng) đến Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28348	4	Đường ĐT 756	Giáp ranh xã Lộc Quang	Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan)	Xã Tân Hưng	160	128	102	
28349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28350		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28353		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Quang đến Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28355	5	Đường ĐT 757	Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68)	Giáp đường ĐT 756	Xã Tân Hưng	110	88	70	
28356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	77	62	49	
28357		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	62	49	39	
28358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	50	39	31	
28359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	77	62	49	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28360		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	62	49	39	
28361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68) đến Giáp đường ĐT 756 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	50	39	31	
28362	6	Đường ĐT 757	Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122)	Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An)	Xã Tân Hưng	160	128	102	
28363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28364		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28367		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122) đến Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28369	7	Đường ĐT 757	Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An)	Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi)	Xã Tân Hưng	160	128	102	
28370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28371		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28374		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28376	8	Đường ĐT 757	Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến)	Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130)	Xã Tân Hưng	160	128	102	
28377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28378		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28381		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến) đến Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28383	9	Đường ĐT 757	Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131)	Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân	Xã Tân Hưng	160	128	102	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28385		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28388		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131) đến Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28390	10	Đường ĐT 758	Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ)	Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41)	Xã Tân Hưng	160	128	102	
28391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28392		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28395		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ) đến Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28397	11	Đường ĐT 758	Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su)	Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16)	Xã Tân Hưng	160	128	102	
28398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	
28399		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28402		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	90	72	57	
28403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 02; đất cao su) đến Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	72	58	46	
28404	12	Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc	Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A	Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57)	Xã Tân Hưng	115	92	74	
28405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	81	64	52	
28406		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	64	52	41	
28407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	51	42	33	
28408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	81	64	52	
28409		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	64	52	41	
28410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đến Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	51	42	33	
28411	13	Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập	Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát	Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11)	Xã Tân Hưng	115	92	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	81	64	52	
28413		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	64	52	41	
28414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	51	42	33	
28415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	81	64	52	
28416		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	64	52	41	
28417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập đoạn từ Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát đến Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	51	42	33	
28418	14	Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ)	Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104)	Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100)	Xã Tân Hưng	80	64	51	
28419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28420		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28423		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ) đoạn từ Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104) đến Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28425	15	Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ)	Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100)	Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70)	Xã Tân Hưng	80	64	51	
28426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28427		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28430		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100) đến Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28432	16	Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương	Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105)	Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109)	Xã Tân Hưng	80	64	51	
28433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương đoạn từ Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105) đến Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28439	17	Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm	Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123)	Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129)	Xã Tân Hưng	115	92	74	
28440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	81	64	52	
28441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	64	52	41	
28442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	51	42	33	
28443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	81	64	52	
28444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	64	52	41	
28445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm đoạn từ Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123) đến Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	51	42	33	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28446	18	Đường trục chính ấp Sở Xiêm	Từ cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26)	Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34)	Xã Tân Hưng	90	72	58	
28447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Từ cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Từ cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Từ cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Từ cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Từ cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Sở Xiêm đoạn từ Từ cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26) đến Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28453	19	Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả	Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43)	Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44)	Xã Tân Hưng	90	72	58	
28454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả đoạn từ Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28460	20	Đường trục chính ấp Hưng Yên	Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55)	Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42)	Xã Tân Hưng	90	72	58	
28461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính ấp Hưng Yên đoạn từ Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55) đến Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28467	21	Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân	Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26)	Đến hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34)	Xã Tân Hưng	90	72	58	
28468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Đến hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Đến hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Đến hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Đến hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Đến hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân đoạn từ Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26) đến Đến hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28474	22	Ngã ba xã đi hồ An Khương	Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99)	Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94)	Xã Tân Hưng	80	64	51	
28475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương đoạn từ Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99) đến Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28481	23	Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại)	Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94)	Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70)	Xã Tân Hưng	80	64	51	
28482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại) đoạn từ Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94) đến Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28488	24	Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757	Từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84)	Xã Tân Hưng	80	64	51	
28489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757 đoạn từ Từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28495	25	Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757	Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69)	Xã Tân Hưng	80	64	51	
28496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28502	26	Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757	Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87)	Xã Tân Hưng	80	64	51	
28503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	56	45	36	
28507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	45	36	29	
28508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69) đến Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	36	29	23	
28509	27	Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng	Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123)	Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76)	Xã Tân Hưng	115	92	74	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	81	64	52	
28511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	64	52	41	
28512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	51	42	33	
28513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	81	64	52	
28514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	64	52	41	
28515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng đoạn từ Ngã ba trạm y tế xã Tân Hưng - điểm Thanh An (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123) đến Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	51	42	33	
28516	28	Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B	Toàn tuyến		Xã Tân Hưng	90	72	58	
28517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28523	29	Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng	Toàn tuyến		Xã Tân Hưng	90	72	58	
28524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28530	30	Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ)	Toàn tuyến		Xã Tân Hưng	90	72	58	
28531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Hưng	63	50	40	
28535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Hưng	50	40	32	
28536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Hưng	40	32	26	
28537	31	Đường Bê tông xi măng nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên nối với đường ĐT 756, ĐT 757 và đường ĐT 758 trong phạm vi 300m từ HLLG	Toàn tuyến		Xã Tân Hưng	90	72	58	
28538	32	Các tuyến đường nhựa còn lại	Toàn tuyến		Xã Tân Hưng	80	64	51	
28539	33	Đường bê tông có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		Xã Tân Hưng	80	64	51	
28540	34	Các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã Tân Hưng (cũ) và xã Thanh An (cũ)	Toàn tuyến		Xã Tân Hưng	80	64	51	
28541	35	Các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã An Khương (cũ)	Toàn tuyến		Xã Tân Hưng	60	48	38	
28542	1	Đường ĐT 758	Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60)	Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141)	Xã Tân Quan	180	144	115	
28543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	
28548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28549	2	Đường ĐT 758	Điểm cuối Đài Liệt sỹ (Từ hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141)	Ngã ba Thác Số 4	Xã Tân Quan	180	144	115	
28550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Điểm cuối Đài Liệt sỹ (Từ hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Điểm cuối Đài Liệt sỹ (Từ hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	
28552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Điểm cuối Đài Liệt sỹ (Từ hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Điểm cuối Đài Liệt sỹ (Từ hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Điểm cuối Đài Liệt sỹ (Từ hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	
28555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Điểm cuối Đài Liệt sỹ (Từ hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141) đến Ngã ba Thác Số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28556	3	Đường ĐT 758	Ngã ba Thác số 4	Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Xã Tân Quan	180	144	115	
28557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	
28559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	
28562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 758 đoạn từ Ngã ba Thác số 4 đến Ngã ba đi Thanh An (đến thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28563	4	Đường ĐT 756	Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77)	Xã Tân Quan	180	144	115	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	
28566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	
28569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28570	5	Đường ĐT 756	Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61)	Xã Tân Quan	180	144	115	
28571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	
28576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28577	6	Đường ĐT 756C	Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101)	(Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101)	Xã Tân Quan	132	106	84	
28578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Cầu bà Hô giáp ranh phường Tân Khai (từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28584	7	Đường ĐT 756C	(từ hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101)	(Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92)	Xã Tân Quan	132	106	84	
28585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ (từ hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ (từ hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ (từ hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ (từ hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ (từ hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ (từ hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101) đến (Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28591	8	Đường ĐT 756C	Từ hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92)	Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93	Xã Tân Quan	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92) đến Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28598	9	Đường ĐT 756B	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63)	Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106)	Xã Tân Quan	132	106	84	
28599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63) đến Đến Hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28605	10	Đường ĐT 756B	Từ hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106)	Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107)	Xã Tân Quan	132	106	84	
28606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Từ hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Từ hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756B đoạn từ Từ hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Từ hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Từ hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756B đoạn từ Từ hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28612	11	Đường ĐT 756C	Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70	Xã Tân Quan	264	211	169	
28613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	185	148	118	
28614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	148	118	95	
28615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	118	94	76	
28616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	185	148	118	
28617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	148	118	95	
28618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	118	94	76	
28619	12	Đường ĐT 756C	Từ hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70	Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70	Xã Tân Quan	264	211	169	
28620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	185	148	118	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	148	118	95	
28622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	118	94	76	
28623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	185	148	118	
28624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	148	118	95	
28625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Từ hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70 đến Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	118	94	76	
28626	13	Đường ĐT 756C	Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70)	Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71)	Xã Tân Quan	264	211	169	
28627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	185	148	118	
28628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	148	118	95	
28629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	118	94	76	
28630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	185	148	118	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	148	118	95	
28632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756C đoạn từ Ngã ba đường đất (từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70) đến Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	118	94	76	
28633	14	Đường ĐH 09	từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114	Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110	Xã Tân Quan	156	125	100	
28634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 đoạn từ từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 đoạn từ từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 09 đoạn từ từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 đoạn từ từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 đoạn từ từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 09 đoạn từ từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114 đến Hết ranh thửa đất số 23 tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28640	15	Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09)	từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118	Xã Tân Quan	156	125	100	
28641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tân Quan – Nha Bích (Đường ĐH 09) đoạn từ từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28647	16	Đường liên xã	Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29)	Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)	Xã Tân Quan	96	77	61	
28648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Xa Trạch 1 (từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29) đến Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28654	17	Đường liên xã	Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)	Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10)	Xã Tân Quan	96	77	61	
28655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16) đến Ngã 3 Sở Líp (Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28661	18	Đường liên xã	Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10)	Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2)	Xã Tân Quan	96	77	61	
28662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (Từ hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 10) đến Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28668	19	Đường Liên xã	Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57)	ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35)	Xã Tân Quan	96	77	61	
28669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã 3 Sở Líp (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57) đến ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28675	20	Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn	từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10	Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17	Xã Tân Quan	96	77	61	
28676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn đoạn từ từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10 đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28682	21	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng	Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126)	Xã Tân Quan	132	106	84	
28683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28689	22	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng	Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124)	Xã Tân Quan	132	106	84	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161) đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28696	23	Đường nhựa Liên xã	Từ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61	Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146	Xã Tân Quan	132	106	84	
28697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Liên xã đoạn từ Từ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61 đến Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28703	24	Đường liên xã	Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100)	Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106)	Xã Tân Quan	96	77	61	
28704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba Sóc Ruộng 1 (từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100) đến Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28710					Xã Tân Quan				
28711	26	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng	Từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105	Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65	Xã Tân Quan	96	77	61	
28712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng đoạn từ Từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105 đến Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28718	27	Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2	Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95)	Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87	Xã Tân Quan	96	77	61	
28719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2 đoạn từ Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95) đến Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28725	28	Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh	Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89	Xã Tân Quan	96	77	61	
28726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	67	54	43	
28730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	54	43	34	
28731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh đoạn từ Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan) đến Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	43	34	27	
28732	29	Đường ĐH 11	Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157)	Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157	Xã Tân Quan	156	125	100	
28733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Ngã 3 Quang Minh (từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157) đến Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28739	30	Đường ĐH 11	Từ hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157	Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110	Xã Tân Quan	156	125	100	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Từ hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Từ hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 11 đoạn từ Từ hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Từ hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Từ hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 11 đoạn từ Từ hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157 đến Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 110 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28746	31	Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích	Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71	Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123	Xã Tân Quan	156	125	100	
28747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích đoạn từ Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71 đến Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28753	32	Đường nhựa số 06	Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70	Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67	Xã Tân Quan	156	125	100	
28754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	109	87	70	
28758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	87	70	56	
28759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa số 06 đoạn từ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70 đến Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	70	56	45	
28760	33	Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An	từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51	Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46	Xã Tân Quan	50	40	32	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	35	28	22	
28762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	28	22	18	
28763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	22	18	14	
28764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	35	28	22	
28765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	28	22	18	
28766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	22	18	14	
28767	34	Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An	từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16	Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32	Xã Tân Quan	50	40	32	
28768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	35	28	22	
28769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	28	22	18	
28770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	22	18	14	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	35	28	22	
28772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	28	22	18	
28773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An đoạn từ từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	22	18	14	
28774	35	Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh	từ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60	Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149	Xã Tân Quan	114	91	73	
28775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ từ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	80	64	51	
28776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ từ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	64	51	41	
28777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ từ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	51	41	33	
28778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ từ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	80	64	51	
28779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ từ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	64	51	41	
28780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh đoạn từ từ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60 đến Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	51	41	33	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28781	36	Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan	Từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64	Xã Tân Quan	70	56	45	
28782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	49	39	31	
28783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	39	31	25	
28784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	31	25	20	
28785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	49	39	31	
28786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	39	31	25	
28787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan đoạn từ Từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	31	25	20	
28788	37	Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan	từ thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93	Xã Tân Quan	70	56	45	
28789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ từ thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	49	39	31	
28790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ từ thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	39	31	25	
28791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ từ thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	31	25	20	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ từ thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	49	39	31	
28793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ từ thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	39	31	25	
28794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan đoạn từ từ thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	31	25	20	
28795	38	Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan)	Từ thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93	Xã Tân Quan	70	56	45	
28796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	49	39	31	
28797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	39	31	25	
28798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	31	25	20	
28799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	49	39	31	
28800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	39	31	25	
28801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	31	25	20	
28802	39	Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan)	Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93	Xã Tân Quan	70	56	45	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	49	39	31	
28804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	39	31	25	
28805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	31	25	20	
28806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	49	39	31	
28807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	39	31	25	
28808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan) đoạn từ Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	31	25	20	
28809	40	Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan)	từ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93	Xã Tân Quan	70	56	45	
28810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ từ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	49	39	31	
28811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ từ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	39	31	25	
28812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ từ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	31	25	20	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ từ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	49	39	31	
28814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ từ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	39	31	25	
28815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan) đoạn từ từ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93 đến Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	31	25	20	
28816	41	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756B và đường ĐT 756C trong phạm vi 200m đầu tính từ HLLG	Toàn tuyến		Xã Tân Quan	70	56	45	
28817	42	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		Xã Tân Quan	50	40	32	
28818	43	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Tân Quan	50	40	32	
28819		Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng	Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59	Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124)	Xã Tân Quan	132	106	84	
28820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	
28821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	92	74	59	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	74	59	47	
28825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng đoạn từ Ngã 3 (thửa đất số 45 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 59 đến Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	59	47	38	
28826		Đường ĐT 756	Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61	Xã Tân Quan	180	144	115	
28827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	
28829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Quan	126	101	81	
28831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Quan	101	81	64	
28832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 756 đoạn từ Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61) đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Quan	81	65	51	
28833	1	Đường ĐH 246	Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66)	Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66)	Xã Minh Đức	96	77	61	42

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66) đến Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28840	2	Đường ĐH 246	Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65)	Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65	Xã Minh Đức	96	77	61	42
28841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65) đến Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28847	3	Đường ĐH 246	Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65	Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53	Xã Minh Đức	96	77	61	42
28848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65 đến Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28854	4	Đường ĐH 246	Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246	Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11	Xã Minh Đức	108	86	69	42
28855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29
28856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
28857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
28858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
28860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246 đến Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
28861	5	Đường ĐH 246	Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11	Xã Minh Đức	108	86	69	42
28862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29
28863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
28864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
28865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
28867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
28868	6	Đường ĐH 246	Từ đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11	Giáp ranh xã Minh Đức cũ	Xã Minh Đức	108	86	69	42
28869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Từ đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29
28870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Từ đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
28871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH 246 đoạn từ Từ đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
28872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Từ đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29
28873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Từ đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
28874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH 246 đoạn từ Từ đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Giáp ranh xã Minh Đức cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
28875	7	Đường bê tông trường THCS ấp 1A	Trường THCS Minh Đức	Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66)	Xã Minh Đức	70	56	45	42

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Trường THCS Minh Đức đến Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28882	8	Đường bê tông trường THCS ấp 1A	Từ thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66	Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66)	Xã Minh Đức	70	56	45	42
28883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28889	9	Đường bê tông trường THCS ấp 1A	Từ thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66	Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65)	Xã Minh Đức	70	56	45	42
28890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông trường THCS ấp 1A đoạn từ Từ thửa đất số 420, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28896	10	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66	Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73)	Xã Minh Đức	96	77	61	42
28897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66 đến Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28903	11	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73)	Đến hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64	Xã Minh Đức	96	77	61	42
28904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Đến hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Đến hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Đến hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Đến hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Đến hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73) đến Đến hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28910	12	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64	Đến hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39	Xã Minh Đức	96	77	61	42
28911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Đến hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Đến hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Đến hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Đến hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Đến hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64 đến Đến hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28917	13	Đường Lộ đal ấp 3	Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73)	Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73)	Xã Minh Đức	70	56	45	42
28918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ đal ấp 3 đoạn từ Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73) đến Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28924	14	Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng	Từ thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73	Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74	Xã Minh Đức	70	56	45	42
28925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Từ thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Từ thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Từ thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Từ thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Từ thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng đoạn từ Từ thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73 đến Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28931	15	Đường nhựa ấp 1A	Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66)	Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66)	Xã Minh Đức	70	56	45	42

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1A đoạn từ Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66) đến Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28938	16	Đường nhựa ấp 1B	Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66)	Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59)	Xã Minh Đức	70	56	45	42
28939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1B đoạn từ Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66) đến Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28945	17	Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon	Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73)	Xã Minh Đức	70	56	45	42
28946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28952	18	Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon	Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73)	Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43	Xã Minh Đức	70	56	45	42
28953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29
28954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	49	39	31	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	39	31	25	24
28958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon đoạn từ Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73) đến Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	31	25	20	19
28959	19	Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai	Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74	Xã Minh Đức	96	77	61	42
28960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ) đến Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28966	20	Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai	Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74	Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44	Xã Minh Đức	96	77	61	42
28967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	67	54	43	29
28971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	24
28972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Minh Đức đi phường Tân Khai đoạn từ Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74 đến Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	43	34	27	19
28973	21	Đường ĐT 752	Giáp ranh phường Bình Long	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02	Xã Minh Đức	144	115	92	42
28974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	101	81	65	29
28975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	81	64	52	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	65	51	42	19
28977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	101	81	65	29
28978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	81	64	52	24
28979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	65	51	42	19
28980	22	Đường ĐT 752	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02	Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11	Xã Minh Đức	144	115	92	42
28981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	101	81	65	29
28982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	81	64	52	24
28983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	65	51	42	19
28984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	101	81	65	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	81	64	52	24
28986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	65	51	42	19
28987	23	Đường ĐT 752	Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11	Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh)	Xã Minh Đức	144	115	92	42
28988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	101	81	65	29
28989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	81	64	52	24
28990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	65	51	42	19
28991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	101	81	65	29
28992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	81	64	52	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
28993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 752 đoạn từ Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11 đến Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	65	51	42	19
28994	24	Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng	Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào)	Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9)	Xã Minh Đức	108	86	69	42
28995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29
28996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
28997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
28998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29
28999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
29000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng đoạn từ Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào) đến Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
29001	25	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Giáp ranh phường Tân Khai	Giáp ranh Suối	Xã Minh Đức	120	96	77	42
29002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	84	67	54	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	67	54	43	24
29004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	19
29005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	84	67	54	29
29006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	67	54	43	24
29007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giáp ranh phường Tân Khai đến Giáp ranh Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	19
29008					Xã Minh Đức				
29009	27	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ)	Ngã tư nhà máy xi măng	Xã Minh Đức	120	96	77	42
29010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	84	67	54	29
29011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	67	54	43	24
29012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	19

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	84	67	54	29
29014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	67	54	43	24
29015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ) đến Ngã tư nhà máy xi măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	19
29016	28	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ngã tư nhà máy xi măng	Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ	Xã Minh Đức	120	96	77	42
29017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	84	67	54	29
29018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	67	54	43	24
29019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	19
29020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	84	67	54	29
29021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	67	54	43	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	54	43	34	19
29023	29	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ	Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành	Xã Minh Đức	90	72	58	42
29024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	63	50	40	29
29025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	50	40	32	24
29026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	40	32	26	19
29027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	63	50	40	29
29028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	50	40	32	24
29029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư đoạn từ Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ đến Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	40	32	26	19
29030	30	Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ	Cầu Ba Nông	Cầu cần Lê 1	Xã Minh Đức	90	72	58	42
29031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	63	50	40	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	50	40	32	24
29033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	40	32	26	19
29034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	63	50	40	29
29035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	50	40	32	24
29036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông đến Cầu cần Lê 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	40	32	26	19
29037	31	Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ	Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84	Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam)	Xã Minh Đức	90	72	58	42
29038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	63	50	40	29
29039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	50	40	32	24
29040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	40	32	26	19
29041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	63	50	40	29

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	50	40	32	24
29043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ đoạn từ Cầu Ba Nông (từ thửa đất số 223 tờ bản đồ số 84 đến Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	40	32	26	19
29044	32	Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ)	Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7	Hết tuyến	Xã Minh Đức	108	86	69	42
29045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29
29046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
29047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
29048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29
29049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
29050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
29051	33	Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3	Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	Xã Minh Đức	60	48	38	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3 đoạn từ Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11 đến Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29058	34	Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long	Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22	Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long đoạn từ Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29065	35	Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú	Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6	Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú đoạn từ Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6 đến Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29072	36	Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1)	Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1) đoạn từ Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29079	37	Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2)	Từ đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17	Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Từ đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Từ đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Từ đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Từ đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Từ đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2) đoạn từ Từ đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 đến Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29086	38	Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm	Ngã tư nhà máy xi măng	Hết tuyến	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm đoạn từ Ngã tư nhà máy xi măng đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29093	39	Đường nhựa liên xã An Phú cũ	Toàn tuyến		Xã Minh Đức	60	48	38	38
29094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa liên xã An Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29100	40	Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn	Từ thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Từ thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Từ thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Từ thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Từ thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Từ thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn đoạn từ Từ thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51 đến Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29107	41	Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1)	Từ thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51	Giáp ranh phường An Lộc	Xã Minh Đức	60	48	38	38

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Từ thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Từ thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Từ thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Từ thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Từ thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1) đoạn từ Từ thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51 đến Giáp ranh phường An Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29114	42	Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ)	Ngã tư đường ĐT752	Giáp đất trại giam Tống Chân (K4)	Xã Minh Đức	90	72	58	42
29115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	63	50	40	29
29116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	50	40	32	24

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	40	32	26	19
29118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	63	50	40	29
29119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	50	40	32	24
29120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ) đoạn từ Ngã tư đường ĐT752 đến Giáp đất trại giam Tống Chân (K4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	40	32	26	19
29121					Xã Minh Đức				
29122	44	Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân	Từ thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86	Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân đoạn từ Từ thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân đoạn từ Từ thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân đoạn từ Từ thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân đoạn từ Từ thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân đoạn từ Từ thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân đoạn từ Từ thửa đất số 64 tờ bản đồ số 86 đến Hết thửa đất số 295 tờ bản đồ số 83 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29129	45	Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul	Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93)	Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93) đến Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29136	46	Đường Bình Phú - Sóc Rul	Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94	Giáp ranh xã Minh Tâm cũ	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Phú - Sóc Rul đoạn từ Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 94 đến Giáp ranh xã Minh Tâm cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29143	47	Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ)	Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86)	Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29145		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29148		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ) đoạn từ Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86) đến Hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29150	48	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		Xã Minh Đức	50	40	32	32
29151	49	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Minh Đức	50	40	32	32
29152		Đượng nhựa	Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22	Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24	Xã Minh Đức	60	48	38	38
29153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	42	34	27	27
29157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	34	27	22	22
29158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đượng nhựa đoạn từ Từ thửa đất số 445, tờ bản đồ số 22 đến Hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	27	22	18	18
29159		Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ)	Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7	Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7	Xã Minh Đức	108	86	69	42

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29
29161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
29162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
29163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Minh Đức	76	61	48	29
29164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Minh Đức	60	48	39	24
29165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ) đoạn từ Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 đến Hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Minh Đức	48	38	31	19
29166	1	Đường ĐT 755	Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ)	Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ) đến Hết ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29173	2	Đường ĐT 755	Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc	Nhà văn hóa thôn Phước Lộc	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Công ty Hà My thôn Phước Lộc đến Nhà văn hóa thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29180	3	Đường ĐT 755	Nhà văn hóa thôn Phước Lộc	Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô	Xã Phước Sơn	170	136	109	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Nhà văn hóa thôn Phước Lộc đến Đường thôn Phước Lộc đi bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29187	4	Đường ĐT 755	Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô	Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đến Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29194	5	Đường ĐT 755	Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản	Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản đến Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29201	6	Đường ĐT 755	Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh	Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ)	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn Phước Thịnh đến Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29208	7	Đường ĐT 755	Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ)	Giáp ranh xã Bù Đăng	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ) đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29215	8	Đường ĐT 755	Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ)	Hết ranh xưởng điều Trường Thủy	Xã Phước Sơn	195	156	125	32
29216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14
29219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ) đến Hết ranh xưởng điều Trường Thủy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14
29222	9	Đường ĐT 755	Hết ranh xưởng điều Trường Thủy	Ngã ba xã cũ	Xã Phước Sơn	195	156	125	32
29223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14
29226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Hết ranh xưởng điều Trường Thủy đến Ngã ba xã cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14
29229	10	Đường ĐT 755	Ngã ba xã cũ	Ranh xã Phước Sơn (cũ)	Xã Phước Sơn	195	156	125	32
29230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba xã cũ đến Ranh xã Phước Sơn (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14
29236	11	Đường ĐT 755	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m	Xã Phước Sơn	195	156	125	32
29237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14
29240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn đến Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14
29243	12	Đường ĐT 755	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m	Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện)	Xã Phước Sơn	195	156	125	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14
29247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m đến Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14
29250	13	Đường ĐT 755	Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện)	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	Xã Phước Sơn	195	156	125	32
29251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	137	109	87	22
29255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	109	87	70	18
29256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn Phước Thiện) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	87	70	56	14
29257	14	Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã)	Đường ĐT 755	Giáp ranh xã Bù Đăng	Xã Phước Sơn	104	83	67	25
29258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	73	58	47	17
29259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	58	47	37	14
29260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	46	38	30	11
29261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	73	58	47	17
29262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	58	47	37	14
29263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	46	38	30	11
29264	15	Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài	Xã Phước Sơn	111	88	71	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29271	16	Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29278	17	Đường vào Sóc ông La	Ngã ba Tám Láo	Ngã ba NVH thôn Phước Hòa	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29279		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29282		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Sóc ông La đoạn từ Ngã ba Tám Láo đến Ngã ba NVH thôn Phước Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29285	18	Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính	Đường ĐT 755	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Xã Phước Sơn	111	88	71	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29286		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29289		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29292	19	Tuyến đường thôn Phước Thiện	Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm	Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện	Xã Phước Sơn	75	60	48	32
29293		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	40	32	26	17
29294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	32	26	21	14
29295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	26	21	17	11

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29296		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	40	32	26	17
29297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	32	26	21	14
29298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm đến Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	26	21	17	11
29299					Xã Phước Sơn				
29300	21	Tuyến đường thôn Phước Tâm	Đường ĐT 755	Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46	Xã Phước Sơn	75	60	48	32
29301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	40	32	26	17
29302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	32	26	21	14
29303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	26	21	17	11
29304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	40	32	26	17
29305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	32	26	21	14
29306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	26	21	17	11
29307	22	Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm	Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46	Hết Tuyến	Xã Phước Sơn	75	60	48	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	40	32	26	17
29309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	32	26	21	14
29310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	26	21	17	11
29311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	40	32	26	17
29312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	32	26	21	14
29313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường Ngã ba thôn Phước Tâm đoạn từ Ngã ba thôn Phước Tâm thửa đất 379 tờ bản đồ số 46 đến Hết Tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	26	21	17	11
29314					Xã Phước Sơn				
29315					Xã Phước Sơn				
29316	25	Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ	Ngã ba Xe Vàng	Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển	Xã Phước Sơn	104	83	67	25
29317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	73	58	47	17
29318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	58	47	37	14
29319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	46	38	30	11

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	73	58	47	17
29321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	58	47	37	14
29322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ đoạn từ Ngã ba Xe Vàng đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	46	38	30	11
29323	26	Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ	Hết ranh ông Bùi Văn Biển	Giáp Suối	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Hết ranh ông Bùi Văn Biển đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29330	27	Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ	Giáp Suối	Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc	Xã Phước Sơn	111	88	71	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba đường vào NVH thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29337	28	Đường số 1 chợ Thống Nhất	Đường ĐT 755	Hết tuyến	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29344	29	Đường số 2 chợ Thống Nhất	Đường ĐT 755	Hết tuyến	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 chợ Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29351	30	Đường ĐT 755B	Ranh xã Thống Nhất cũ	Cầu số 3	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ranh xã Thống Nhất cũ đến Cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29358	31	Đường ĐT 755B	Cầu số 3	Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Cầu số 3 đến Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29365	32	Đường ĐT 755B	Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường	Ngã ba nhà ông Thoại	Xã Phước Sơn	170	136	109	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường đến Ngã ba nhà ông Thoại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29372	33	Đường ĐT 755B	Ngã ba nhà ông Thoại	Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà ông Thoại đến Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29379	34	Đường ĐT 755B	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến)	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh xã Nghĩa Trung đến Hết ranh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29386	35	Đường ĐT 755B	Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến)	Ngã ba Xưởng điều ông Tân	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn Phước Tiến) đến Ngã ba Xưởng điều ông Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29393	36	Đường ĐT 755B	Ngã ba Xưởng điều ông Tân	Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Xưởng điều ông Tân đến Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29400	37	Đường ĐT 755B	Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi	Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa)	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi đến Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29407	38	Đường ĐT 755B	Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa)	Ranh xã Đăng Hà (cũ)	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755B đoạn từ Ngã ba Tám (thôn Phước Hòa) đến Ranh xã Đăng Hà (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29414	39	Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land)	Tuyến đường trong khu dân cư		Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	49	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	39	32	14
29418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	49	40	18
29420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land) đoạn từ Tuyến đường trong khu dân cư đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	39	32	14
29421	40	Đường đi Bàu Tre (DHA.05)	Đường ĐT 755B	Lò gạch ông Sử	Xã Phước Sơn	75	60	48	32
29422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22
29423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22
29426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Lò gạch ông Sử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29428	41	Đường đi Bàu Tre (DHA.05)	Lò gạch ông Sử	Giáp suối	Xã Phước Sơn	75	60	48	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22
29430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22
29433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Tre (DHA.05) đoạn từ Lò gạch ông Sử đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29435	42	Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11)	Đường ĐT 755B	Giáp ranh xã Đắk Lua	Xã Phước Sơn	75	60	48	32
29436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22
29437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11) đoạn từ Đường ĐT 755B đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29442	43	Đường thôn Phước An (DHA.13)	Ngã ba Bằng Lăng	Nhà ông Tô Duy Vần	Xã Phước Sơn	75	60	48	32
29443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22
29444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22
29447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Ngã ba Bằng Lăng đến Nhà ông Tô Duy Vần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29449	44	Đường thôn Phước An (DHA.13)	Nhà ông Tô Duy Vần	Dốc khi	Xã Phước Sơn	75	60	48	32
29450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vần đến Dốc khi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vẫn đến Dốc khi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vẫn đến Dốc khi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vẫn đến Dốc khi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22
29454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vẫn đến Dốc khi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.13) đoạn từ Nhà ông Tô Duy Vẫn đến Dốc khi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29456	45	Đường thôn Phước An (DHA.12)	Ngã ba ông Xuyến	Giáp ranh xã Đắk Lua	Xã Phước Sơn	75	60	48	32
29457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22
29458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18
29459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	53	42	34	22
29461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	42	34	27	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An (DHA.12) đoạn từ Ngã ba ông Xuyến đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	34	27	22	14
29463	46	Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14)	Ngã ba ông Thọ	Cầu ông Hiền	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Ngã ba ông Thọ đến Cầu ông Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29470	47	Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14)	Cầu ông Hiền	Giáp ranh xã Đắk Lua	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước An đi Dốc Đen (DHA.14) đoạn từ Cầu ông Hiền đến Giáp ranh xã Đắk Lua có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29477	48	Đường Bù Có	Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa)	Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Có đoạn từ Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa) đến Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29484	49	Đường thôn Phước Thịnh	Đường ĐT 755	Giáp Suối	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp Suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29491	50	Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc	Giáp Suối	Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc đoạn từ Giáp Suối đến Ngã ba Đường thôn Phước Thịnh đi thôn Phước Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29498	51	Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ)	Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng	Cuối đường	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29505	52	Đường đi chùa Thanh Phước	Đường ĐT 755	Ngã tư Bù N'hai	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã tư Bù N'hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29512	53	Đường đi chùa Thanh Phước	Ngã tư Bù N'hai	Ngã ba ông Dương	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi chùa Thanh Phước đoạn từ Ngã tư Bù N'hai đến Ngã ba ông Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29519	54	Đường đi Bàu Đĩa	Đường ĐT 755	Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng)	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29526	55	Đường đi Bàu Đĩa	Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng)	Ngã ba Láng Dầu	Xã Phước Sơn	111	88	71	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Bàu Đĩa đoạn từ Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng) đến Ngã ba Láng Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29533	56	Đường Bằng Lăng	Đường ĐT 755	Giáp đất ông Hoàng Văn Cài	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bằng Lăng đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất ông Hoàng Văn Cài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29540	57	Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô	Đường ĐT 755	Đất Lâm Phần	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phước Lộc đi Bàu Cá Rô đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đất Lâm Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29547	58	Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm	Đường ĐT 755	Ngã ba Bàu Cá Rô	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba Bàu Cá Rô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29554	59	Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Giáp đất ông Lê Đình Bé	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp đất ông Lê Đình Bé có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29561	60	Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Giáp suối	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh NVH thôn Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29568					Xã Phước Sơn				
29569	62	Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh	Đường ĐT 755	Ngã ba ông Phạm Quang Minh	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh đoạn từ Đường ĐT 755 đến Ngã ba ông Phạm Quang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29576	63	Đường NVH thôn Phước Tâm	Đường ĐT 755	Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NVH thôn Phước Tâm đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29583	64	Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo	Đường ĐT 755	Đường ĐT 755	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo đoạn từ Đường ĐT 755 đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29590	65	Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ)	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ) đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29597	66	Tuyến đường thôn Phước Thiện	Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện	Ngã ba ông Hoàng Văn Bản	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường thôn Phước Thiện đoạn từ Ngã ba Đạ Có thôn Phước Thiện đến Ngã ba ông Hoàng Văn Bản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29604	67	Đường vào nông trường cao su Thống Nhất	Đường ĐT 755	Giáp suối	Xã Phước Sơn	170	136	109	25
29605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	119	95	76	17
29609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	95	76	61	14
29610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Thống Nhất đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	76	61	49	11
29611	68	Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà đoạn từ Đường ĐT 755 đến Giáp đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29618	69	Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Hết tuyến	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18
29621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn Phước Hòa đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	40	32	14
29625	70	Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã)	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân	Đường cổng sau chợ Thống Nhất	Xã Phước Sơn	111	88	71	32
29626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	49	40	18
29628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	39	32	14
29629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	49	40	18
29631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (đối diện UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cổng sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	39	32	14
29632	71	Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã)	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân	Đường cổng sau chợ Thống Nhất	Xã Phước Sơn	111	88	71	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cống sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cống sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	49	40	18
29635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cống sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	39	32	14
29636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cống sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phước Sơn	78	62	50	22
29637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cống sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phước Sơn	62	49	40	18
29638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu dân cư thôn Phước Tâm (sau UBND xã) đoạn từ Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân đến Đường cống sau chợ Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phước Sơn	50	39	32	14
29639	72				Xã Phước Sơn				
29640	73	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến	Đường trường THCS Thống Nhất	Xã Phước Sơn	75	60	48	32
29641	1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51)	Cầu Pan Toong	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (từ thửa số 6005 tờ 51) đến Cầu Pan Toong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29648	2	Đường Quốc lộ 14	Cầu Pan Toong	Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ)	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29655	3	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ)	Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48)	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung (UBND xã Đức Liễu cũ) đến Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát (hết ranh thửa đất số 377 tờ bản đồ số 48) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29662	4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát	Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12)	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát đến Ngã ba đường 36 (hết ranh thửa đất số 140 tờ bản đồ số 12) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29669	5	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường 36	Cầu 38	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba đường 36 đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29676	6	Đường Quốc lộ 14	Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104	Hết trụ sở Nông trường cao su	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở Nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở Nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở Nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở Nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở Nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104 đến Hết trụ sở Nông trường cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29683	7	Đường Quốc lộ 14	Hết trụ sở Nông trường cao su	Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51)	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở Nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở Nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở Nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở Nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở Nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Hết trụ sở Nông trường cao su đến Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi (đến thửa số 6005 tờ 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29690	8	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh với xã Đồng Tâm	Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh với xã Đồng Tâm đến Hết thửa đất số 151 tờ bản đồ số 120 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29697	9	Đường Quốc lộ 14	Cầu 23 (gần chợ Bù Na)	Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu 23 (gần chợ Bù Na) đến Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29704	10	Đường Quốc lộ 14	Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116	Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104)	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116 đến Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung (Đến thửa đất số 170 tờ bản đồ số 104) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29711	11	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42)	Ngã ba 33	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 32 (từ thửa 131 tờ 52 đến hết thửa 45 tờ 42) đến Ngã ba 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29718	12	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42)	Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27)	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba 33 (Từ thửa đất số 185 tờ bản đồ số 42) đến Ngã ba Đức Liễu (hết ranh thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29725	13	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27)	Cầu 38 cũ	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Đức Liễu (từ thửa đất số 72 tờ bản đồ số 27) đến Cầu 38 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29732	14	Đường Sao Bọng - Đăng Hà	Ngã ba Sao Bọng	Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Ngã ba Sao Bọng đến Hết ranh thửa đất số 369 tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29739	15	Đường Sao Bọng - Đăng Hà	Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48	Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sao Bọng - Đăng Hà đoạn từ Từ thửa đất số 356 tờ bản đồ số 48 đến Hết tuyến (hết thửa đất số 29 tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29746	16	Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên)	Toàn tuyến	<Null>	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên) đoạn từ Toàn tuyến đến <Null> có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29753	17	Đường tổ 3B	Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47)	Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3B đoạn từ Bên hông điện lực (Từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 47) đến Giáp Nhà máy tinh bột VeDan (Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 55) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29760	18	Đường tổ 1	Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47	Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Từ thửa đất số 288 tờ bản đồ số 47 đến Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29767	19	Đường tổ 1	Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47	Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 đoạn từ Đến ngã ba thửa đất số 191 tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh phía sau trường THPT Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29774					Xã Nghĩa Trung				
29775	21	Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung	Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111)	Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 111) đến Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29782	22	Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung	Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77)	Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung đoạn từ Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh (đến thửa đất số 193 tờ bản đồ số 77) đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ) (hết ranh thửa đất số 270 tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29789	23	Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ)	Đường tổ 3B	Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Đường tổ 3B đến Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29796	24	Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ)	Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81)	Giáp ranh xã Phước Sơn	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) đoạn từ Ngã ba Minh Đức (hết ranh thửa đất số 540 và 544 tờ bản đồ số 81) đến Giáp ranh xã Phước Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29803	25	Đường Sóc 28	Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043)	Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 28 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 116 tờ bản đồ số 1043) đến Hết tuyến (tiếp giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 71) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29810	26	Đường Sóc 29	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc 29 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ) (tiếp giáp thửa đất số 11 tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29817	27	Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa 98 tờ 72	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Hết ranh thửa 98 tờ 72 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29824	28	Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung	Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120)	Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 186 tờ bản đồ số 120) đến Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29831	29	Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến	Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122)	Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Ngã ba sân bay (thửa đất số 85 tờ 122) đến Hết ranh thửa 644 và thửa đất số 328 tờ bản đồ số 80 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29838	30	Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến	Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105	Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến đoạn từ Từ thửa đất số 233 tờ bản đồ số 105 đến Đến thửa đất số 310 tờ bản đồ số 73 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29845	31	Đường hai bên chợ Nghĩa Trung	Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120)	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính (Từ thửa đất số 165 tờ bản đồ số 120) đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m (Hết ranh thửa đất số 754 tờ bản đồ số 120) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29852	32	Đường ĐT 759	Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110)	Giáp ranh xã Phú Trung	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 (Điểm đầu từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 110) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29859	33	Đường ĐT 753B	Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128)	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn (Từ thửa đất số 156 tờ bản đồ số 128) đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29866	34	Đường ĐT 753B	Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131	Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100)	Xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
29867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22
29868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	137	109	87	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	109	87	70	18
29872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B đoạn từ Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131 đến Hết tuyến (Hết thửa đất số 24 tờ bản đồ số 100) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	87	70	56	14
29873	35	Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2	Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130)	Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	77	62	50	22
29878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 121 tờ bản đồ số 130) đến Đường ĐT 753B (Hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29880	36	Đường đi thôn 2	Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130	Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thôn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 130 đến Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 30 tờ bản đồ số 127) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29887	37	Đường nội ô khu Trung tâm hành chính	Toàn tuyến		Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	50	40	18
29893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ô khu Trung tâm hành chính đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	40	32	14
29894	38	Các đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Nghĩa Trung	75	60	48	32
29895	39	Đường 33	Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 cũ	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 33 đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29902	40	Đường 34	Quốc lộ 14 - Chợ 34	Ngã Ba đường 33	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 34 đoạn từ Quốc lộ 14 - Chợ 34 đến Ngã Ba đường 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29909	41	Đường đi thác 34	Quốc lộ 14 cũ	Thác 34	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi thác 34 đoạn từ Quốc lộ 14 cũ đến Thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29916	42	Đường 36	Quốc lộ 14 - thôn 5	Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 36 đoạn từ Quốc lộ 14 - thôn 5 đến Hồ thủy điện Thác Mơ thôn 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29923	43	Đường liên thôn Đức Bồn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ)	Ngã ba thôn 1	Trung tâm thôn 3	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Đức Bồn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Đức Bồn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Đức Bồn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Đức Bồn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Đức Bồn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Đức Bồn (ngã thôn 1 đi thôn 3 cũ) đoạn từ Ngã ba thôn 1 đến Trung tâm thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29930	44	Đường thôn 2 đi thôn 5	Đường ĐT755B	Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 2 đi thôn 5 đoạn từ Đường ĐT755B đến Ngã ba đường đi bãi rác thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29937	46	Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung	Đường Quốc lộ 14	Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà tổ Nông trường Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29944	48	Đường ngã ba Trạm Cân	Đường Quốc lộ 14	Đất lâm trường	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm Cân đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29951	51	Đường ngã ba Trạm y tế cũ	Quốc lộ 14	Đất lâm trường	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ngã ba Trạm y tế cũ đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đất lâm trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29958	52	Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ)	Quốc lộ 14	Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 6 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 18 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29965	53	Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ)	Quốc lộ 14	Quốc lộ 14	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 2 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29972	54	Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ)	Quốc lộ 14	Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Nghĩa Bình (tổ 4 thôn 8 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 22 và thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29979	55	Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ)	Quốc lộ 14	Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sao Bọng (tổ 1C thôn 2 cũ) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Tiếp giáp thửa đất số 40 tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29986	56	Đường Đảo Ốc	Quốc lộ 14	Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ)	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đảo Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đảo Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đảo Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
29990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Ốc đoạn từ Quốc lộ 14 đến Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29993	60	Đường thôn 4	Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ)	Đường đi thác 34	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32
29994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
29997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
29998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
29999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 4 đoạn từ Đường thôn Đức Bổn (đường thôn 4 cũ) đến Đường đi thác 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
30000	61	Đường thôn 1	Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34	Hồ thủy điện Thác Mơ	Xã Nghĩa Trung	111	88	71	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
30002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
30003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
30004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Nghĩa Trung	78	62	50	22
30005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Nghĩa Trung	62	49	40	18
30006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 đoạn từ Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 34 đến Hồ thủy điện Thác Mơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Nghĩa Trung	50	39	32	14
30007	1	Đường Quốc lộ 14	Ranh xã Thọ Sơn	Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Thọ Sơn đến Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30014	2	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai	Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai đến Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30021	3	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ	Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ)	Xã Bù Đăng	182	146	116	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nhà văn hóa thôn Đức Thọ đến Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30028	4	Đường Quốc lộ 14	Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ)	Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ) đến Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30035	5	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9	Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30042	6	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9	Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43)	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9 đến Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30049	7	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43)	Cầu Bù Đăng	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43) đến Cầu Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30056	8	Đường Quốc lộ 14	Cầu Bù Đăng	Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8)	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Bù Đăng đến Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30063	9	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8)	Đường 14 tháng 12	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30070	10	Đường Quốc lộ 14	Đường 14 tháng 12	Ngã tư Đường Lê Quý Đôn	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường 14 tháng 12 đến Ngã tư Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30077	11	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Đường Lê Quý Đôn	Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đường Lê Quý Đôn đến Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30084	12	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong	Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51)	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong đến Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30091	13	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51)	Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung)	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51) đến Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30098	14	Đường Quốc lộ 14	Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung)	Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung) đến Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30105	15	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10	Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ)	Xã Bù Đăng	350	280	196	32
30106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22
30107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	245	196	137	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	196	157	110	18
30111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 đến Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	157	126	88	14
30112	16	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ)	Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ) đến Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30119	17	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng	Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179	Xã Bù Đăng	238	190	152	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn Hòa Đồng đến Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30126	18	Đường Quốc lộ 14	Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179	Ngã ba Minh Hưng	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179 đến Ngã ba Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30133	19	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Minh Hưng	Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh ranh thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30140	20	Đường Quốc lộ 14	Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177	Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 177 đến Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30147	21	Đường Quốc lộ 14	Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn Hưng Thịnh đến Ngã ba Nông trường Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30154	22	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m)	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30161	23	Đường Quốc lộ 14	Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m)	Cầu 38	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Từ ranh thửa đất số 60 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m) đến Cầu 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30168	24	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba Nông trường Minh Hưng đến Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30175	25	Đường 14/12	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 14/12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 14/12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 14/12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 14/12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 14/12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 14/12 đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30182	26	Đường Hùng Vương	Ngã ba đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30189	27	Đường Hùng Vương	Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49	Ngã tư đường Hai Bà Trưng	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 đến Ngã tư đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30196	28	Đường Hùng Vương	Ngã tư đường Hai Bà Trưng	Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Ngã tư đường Hai Bà Trưng đến Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30203	29	Đường Hùng Vương	Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13	Cầu Vĩnh Thiện	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 đến Cầu Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30210	30	Đường số 1	Phía bên trái chợ chính		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Phía bên trái chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Phía bên trái chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Phía bên trái chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Phía bên trái chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Phía bên trái chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Phía bên trái chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30217	31	Đường số 2	Phía bên phải chợ chính		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Phía bên phải chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Phía bên phải chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Phía bên phải chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Phía bên phải chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Phía bên phải chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Phía bên phải chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30224	32	Đường số 3	Phía trái chợ phụ		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Phía trái chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Phía trái chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Phía trái chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Phía trái chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Phía trái chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Phía trái chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30231	33	Đường số 4	Phía phải chợ phụ		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 Phía phải chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 Phía phải chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 Phía phải chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 Phía phải chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 Phía phải chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 Phía phải chợ phụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30238	34	Đường Lê Lợi	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30245	35	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường Hai Bà Trưng	Xã Bù Đăng	182	146	116	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30252	36	Đường Lê Quý Đôn	Ngã ba đường Hai Bà Trưng	Ngã tư giáp đường D1	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến Ngã tư giáp đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30259	37	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư giáp đường D1	Ngã ba đường Trần Phú	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư giáp đường D1 đến Ngã ba đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30266	38	Đường Lê Quý Đôn	Ngã ba đường Trần Phú	Ngã ba đường Hùng Vương	Xã Bù Đăng	182	146	116	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã ba đường Trần Phú đến Ngã ba đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30273	39	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30280	40	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường Quốc lộ 14 đến Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30287	41	Đường Đoàn Đức Thái	Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36	Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 đến Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30294	42	Đường Đoàn Đức Thái	Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36	Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2)	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36 đến Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30301	43	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2)	Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2)	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30308	44	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2)	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Đức Thái đoạn từ Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2) đến Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30315	45	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba giao đường Quốc lộ 14	Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30322	46	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo	Cuối tuyến	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30329	47	Đường Ngô Gia Tự	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30336	48	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30343	49	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30350	50	Đường Hai Bà Trưng	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30357	51	Đường Trần Hưng Đạo	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30364	52	Đường Điểu Ong	Ngã ba giao đường Quốc lộ 14	Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30371	53	Đường Điểu Ong	Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng	Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60)	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng đến Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30378	54	Đường Điểu Ong	Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60)	Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn)	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điều Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điều Ong đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30385	55	Đường nhựa vào Sóc Bù Môn	Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60)	Cuối tuyến	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào Sóc Bù Môn đoạn từ Ngã ba Sóc ông Đố (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30392	56	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30399	57	Đường Lê Hồng Phong	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã tư đường D1	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30406	58	Đường Lê Hồng Phong	Ngã tư đường D1	Giáp đường Lý Thường Kiệt	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Ngã tư đường D1 đến Giáp đường Lý Thường Kiệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30413	59	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Lê Hồng Phong	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30420	60	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba Lê Hồng Phong	ĐT 755	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Ngã ba Lê Hồng Phong đến ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30427	61	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba vào hồ Bra măng	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba vào hồ Bra măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30434	62	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đoạn còn lại		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30441	63	Đường Nơ Trang Long	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nơ Trang Long Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nơ Trang Long Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30448	64	Đường Nguyễn Văn Cừ	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30455	65	Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15)	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30462	66	Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng	Đoạn còn lại		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30469	67	Đường D1	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30476	68	Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường Lê Lợi	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Ngã ba đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30483	69	Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam)	Đường Hùng Vương	Cầu sắt Đức Hòa	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cầu sắt Đức Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30490	70	Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam)	Cầu sắt Đức Hòa	Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam) đoạn từ Cầu sắt Đức Hòa đến Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30497	71	Đường quanh hồ 7 mẫu	Đường Quốc lộ 14	Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9)	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30504	72	Đường quanh hồ 7 mẫu	Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9)	Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9)	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9) đến Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30511	73	Đường quanh hồ 7 mẫu	Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14)	Ngã ba giao đường Điểu Ong	Xã Bù Đăng	182	146	116	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh hồ 7 mẫu đoạn từ Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14) đến Ngã ba giao đường Điểu Ong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30518	74	Đường bên hông huyện đội	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông huyện đội Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông huyện đội Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông huyện đội Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông huyện đội Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông huyện đội Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông huyện đội Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30525	75	Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30532	76	Đường vào sóc Bù Ra Mang	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba cuối tuyến (Hết ranh nhà ông Điểu MRắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5)	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sóc Bù Ra Mang Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sóc Bù Ra Mang Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sóc Bù Ra Mang Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sóc Bù Ra Mang Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sóc Bù Ra Mang Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sóc Bù Ra Mang Đường Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30539	77	Đường ĐT 755	Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn)	Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6)	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn) đến Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30546	78	Đường ĐT 755	Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6)	Cầu Tân Minh	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6) đến Cầu Tân Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30553	79	Đường ĐT 755	Cầu Tân Minh	Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ	Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 755 đoạn từ Cầu Tân Minh đến Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30560	80	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba Vườn chuối	Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75).	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối đến Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30567	81	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75)	Giáp ranh xã Thọ Sơn	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 467 tờ bản đồ 75) đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30574	82	Đường Thác Đứng	Giáp đường ĐT 755	Ngã tư danh lam Thác Đứng	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Đứng đoạn từ Giáp đường ĐT 755 đến Ngã tư danh lam Thác Đứng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30581	83	Đường sân bay cũ (Tránh lũ)	Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt	Đường ĐT 755	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sân bay cũ (Tránh lũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt đến Đường ĐT 755 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30588	84	Đường liên thôn	Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92)	Ngã ba Đường vào chùa Thanh Đức	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30595	85	Đường liên thôn	Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh)	Dốc bà Thơm (bà Tham)	Xã Bù Đăng	88	70	56	32
30596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18
30598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18
30601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh) đến Dốc bà Thơm (bà Tham) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14
30602	86	Đường liên thôn	Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa	Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755)	Xã Bù Đăng	88	70	56	32
30603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18
30605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14
30606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18
30608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa đến Đi thôn Vĩnh Thiện (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30609	87	Đường ĐT 760	Ngã ba Minh Hưng	Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189)	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Minh Hưng đến Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30616	88	Đường ĐT 760	Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189)	Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189) đến Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30623	89	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng)	Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Minh Hưng) đến Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30630	90	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2	Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116)	Xã Bù Đăng	238	190	152	32
30631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2 đến Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30637	91	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116)	Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo)	Xã Bù Đăng	238	190	152	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	167	133	107	22
30642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	133	107	85	18
30643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116) đến Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	106	86	68	14
30644	92	Đường hai bên chợ Minh Hưng	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính	Xã Bù Đăng	126	101	81	32
30645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	88	71	56	22
30646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	71	56	45	18
30647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	57	45	36	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	88	71	56	22
30649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	71	56	45	18
30650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Minh Hưng đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	57	45	36	14
30651	93	Đường xâm nhập nhựa	Đường Quốc lộ 14	Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng	Xã Bù Đăng	126	101	81	32
30652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	88	71	56	22
30653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	71	56	45	18
30654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	57	45	36	14
30655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	88	71	56	22
30656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	71	56	45	18
30657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	57	45	36	14
30658	94	Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng	Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)	Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124)	Xã Bù Đăng	100	80	64	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập vào thôn Minh Hưng đoạn từ Hết ranh Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đến Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30665	95	Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)	Đường ĐT 760	Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ)	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Khu dân cư thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30672	96	Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ)	Đường Quốc lộ 14	Toàn tuyến	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30679	97	Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú	Đường Quốc lộ 14	Đập Thủy lợi Hưng Phú	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Minh Hưng (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Đập Thủy lợi Hưng Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30686	98	Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa 170 tờ bản đồ 128	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Hết thửa 170 tờ bản đồ 128 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30693	99	Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ)	Đường Quốc lộ 14	Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65)	Xã Bù Đăng	100	80	64	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Nhà văn hóa cộng đồng thôn (thửa đất số 112 tờ bản đồ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30700	100	Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng)	Đường Quốc lộ 14	Cuối đường	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Hưng Phú tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng) đoạn từ Đường Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30707	101	Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)	Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tờ bản đồ số 128 (ngã ba hành)	Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tờ bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tờ bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tờ bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tờ bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tờ bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Phú, vào Nhà văn hóa thôn đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành) đoạn từ Ngã 3 thửa đất số thửa đất số 283 tờ bản đồ số 128 (ngã ba hành) đến Ngã ba thửa đất số 163 tờ bản đồ số 155 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30714	102	Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt)	Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng)	Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê)	Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	70	56	45	22
30719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	56	45	36	18
30720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt) đoạn từ Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng) đến Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	45	36	29	14
30721	103	Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	82	22
30726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30728	104	Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18
30731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14
30732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18
30734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14
30735	105	Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa)	Quốc lộ 14	Cuối đường	Xã Bù Đăng	88	70	56	32
30736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30738		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14
30739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18
30741		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa) đoạn từ Quốc lộ 14 đến Cuối đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14
30742	106	Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng)	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	88	70	56	32
30743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18
30745		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14
30746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30748		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14
30749	107	Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đi thôn 1 Đoàn kết)	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết tờ bản đồ số 103	Xã Bù Đăng	88	70	56	32
30750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đi thôn 1 Đoàn kết) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đi thôn 1 Đoàn kết) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18
30752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đi thôn 1 Đoàn kết) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14
30753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đi thôn 1 Đoàn kết) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Đăng	61	49	39	22
30754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đi thôn 1 Đoàn kết) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	49	39	31	18
30755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đi thôn 1 Đoàn kết) đoạn từ Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Hết tờ bản đồ số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	39	31	25	14
30756	108	Các tuyến đường đất còn lại có bề rộng nhỏ hơn 4m hoặc đường không cắt lộ giới	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	88	70	56	32
30757	109	Các tuyến đường đã được đầu tư bê tông, nhựa hoặc đường đất chưa được quy định ở trên	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	100	80	64	32
30758	110	Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	81	22
30760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	81	22
30763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30765	111	Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn	Toàn tuyến		Xã Bù Đăng	182	146	116	32
30766		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	81	22
30767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18
30768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30769		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Bù Đăng	127	102	81	22
30770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Đăng	102	82	65	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Đăng	82	66	52	14
30772	1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới xã Phú Sơn cũ	Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ	Xã Thọ Sơn	169	135	108	
30773		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	
30775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30776		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	
30778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh giới xã Phú Sơn cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30779	2	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ	Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95)	Xã Thọ Sơn	169	135	108	
30780		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30783		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	
30785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ đến Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30786	3	Đường Quốc lộ 14	Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba Đường vào đập thủy lợi	Xã Thọ Sơn	169	135	108	
30787		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	
30789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30790		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Đường vào đập thủy lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30793	4	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Đường vào đập thủy lợi	Ngã ba Đường vào cổng Nông trường	Xã Thọ Sơn	169	135	108	
30794		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	
30796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30797		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	
30799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã ba Đường vào đập thủy lợi đến Ngã ba Đường vào cổng Nông trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30800	5	Đường Quốc lộ 14	Nga ba Đường vào cổng Nông trường	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	Xã Thọ Sơn	169	135	108	
30801		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30804		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	
30806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Nga ba Đường vào cổng Nông trường đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30807	6	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400)	Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600)	Xã Thọ Sơn	169	135	108	32
30808		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	22
30809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	18
30810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	14
30811		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	22
30812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400) đến Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	14
30814	7	Đường Quốc lộ 14	Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600)	Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800)	Xã Thọ Sơn	169	135	108	32
30815		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	22
30816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	18
30817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	14
30818		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	22
30819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	18
30820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	14
30821	8	Đường Quốc lộ 14	Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800)	Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400)	Xã Thọ Sơn	169	135	108	32
30822		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	22
30823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	14
30825		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	22
30826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	18
30827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800) đến Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	14
30828	9	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ	Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ	Xã Thọ Sơn	169	135	108	
30829		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	
30831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30832		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	118	95	76	
30833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	95	76	61	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 cũ đoạn từ Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ đến Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	76	61	49	
30835	10	Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ	Toàn tuyến		Xã Thọ Sơn	104	83	67	
30836		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	
30837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	
30838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	
30839		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	
30840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	
30841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	
30842	11	Đường hai bên chợ Thọ Sơn	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30843		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30846		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Thọ Sơn đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30849	12	Đường liên thôn	Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường	Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90)	Xã Thọ Sơn	91	73	58	
30850		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	
30851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	
30852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	
30853		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	
30854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	
30855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường đến Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30856	13	Đường liên thôn	Ngã ba Đường vào cổng Nông trường	Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90)	Xã Thọ Sơn	91	73	58	
30857		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	
30858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	
30859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	
30860		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	
30861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	
30862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn đoạn từ Ngã ba Đường vào cổng Nông trường đến Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	
30863	14	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72)	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30864		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30867		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30870	15	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72)	Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106)	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30871		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30874		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72) đến Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30877	16	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106)	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30878		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30881		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106) đến Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30884	17	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112)	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30885		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30888		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30891	18	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112)	Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113)	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30892		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30895		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112) đến Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30898	19	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113)	Hết tuyến	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30899		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30902		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điều Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất ông Điều Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30905	20	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30906		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30909		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30912	21	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)	Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30913		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30916		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 111 Điểm cuối Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) đến Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30919	22	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã 3 Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121)	Cuối tuyến	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30920		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã 3 Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã 3 Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã 3 Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30923		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã 3 Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã 3 Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã 3 Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121) đến Cuối tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30926	23	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ	Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38)	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30927		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30930		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30933	24	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ	Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38)	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
30934		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
30937		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
30938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
30939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ đến Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30940	25	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38)	Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ	Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
30941		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30944		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Kết - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba ông Đinh Công Thành (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 38) đến Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30947	26	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43	Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35	Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
30948		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30951		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43 đến Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30954	27	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35	Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32	Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
30955		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30958		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35 đến Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30961	28	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32	Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33	Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
30962		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30965		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ đoạn từ Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32 đến Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30968	29	Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa	Ngã 3 Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14)	Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2)	Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
30969		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30972		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14) đến Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30975	30	Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa	Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2)	Suối Sơn Hòa	Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
30976		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30979		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa đoạn từ Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2) đến Suối Sơn Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30982	31	Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn	Toàn tuyến		Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
30983		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30986		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30989	32	Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng	Đường thôn	Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ	Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
30990		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30993		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
30994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng đoạn từ Đường thôn đến Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
30996	33	Đường bê tông xi măng	Đoạn vào nhà văn hóa thôn Sơn Thọ		Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
30997		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng Đoạn vào nhà văn hóa thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
30998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng Đoạn vào nhà văn hóa thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
30999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng Đoạn vào nhà văn hóa thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
31000		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng Đoạn vào nhà văn hóa thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
31001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng Đoạn vào nhà văn hóa thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
31002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng Đoạn vào nhà văn hóa thôn Sơn Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
31003	34	Đường bê tông xi măng	Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ	Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập	Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
31004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
31005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
31006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
31007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
31009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Đoạn giáp ranh bên hông nhà văn hóa thôn Sơn Thọ đến Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
31010	35	Đường bê tông xi măng	Nhà ông Năm	Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập	Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
31011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
31012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
31013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
31014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
31015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
31016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông xi măng đoạn từ Nhà ông Năm đến Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
31017	36	Đường nối tiếp bê tông xi măng	Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập		Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
31018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp bê tông xi măng Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp bê tông xi măng Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
31020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp bê tông xi măng Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
31021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp bê tông xi măng Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	64	51	41	22
31022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp bê tông xi măng Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	51	41	33	18
31023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp bê tông xi măng Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	41	33	26	14
31024	37	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		Xã Thọ Sơn	91	73	58	32
31025	38	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		Xã Thọ Sơn	70	56	45	32
31026	39	Đường Phước Sơn - Đồng Nai	Ngã ba Vườn Sao	Giáp ranh xã Bù Đăng	Xã Thọ Sơn	104	83	67	32
31027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22
31028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
31029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
31030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thọ Sơn	73	58	47	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thọ Sơn	58	47	37	18
31032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đồng Nai đoạn từ Ngã ba Vườn Sao đến Giáp ranh xã Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thọ Sơn	46	38	30	14
31033	1	Đường ĐT 760	Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79)	Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79	Xã Đắk Nhau	156	125	100	32
31034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	109	87	70	22
31035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	87	70	56	18
31036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	70	56	45	14
31037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	109	87	70	22
31038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	87	70	56	18
31039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba (Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 79) đến Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	70	56	45	14
31040	2	Đường ĐT 760	Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79	Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn	Xã Đắk Nhau	156	125	100	32
31041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	109	87	70	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	87	70	56	18
31043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	70	56	45	14
31044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	109	87	70	22
31045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	87	70	56	18
31046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	70	56	45	14
31047	3	Đường ĐT 760	Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn	Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung	Xã Đắk Nhau	156	125	100	32
31048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	109	87	70	22
31049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	87	70	56	18
31050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	70	56	45	14
31051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	109	87	70	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	87	70	56	18
31053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn đến Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	70	56	45	14
31054	4	Đường ĐT 760B	Ngã ba chuồng trâu	Ngã ba Nùng	Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba chuồng trâu đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31061	5	Đường ĐT 760B.Nhựa	Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25	Hết cây xăng Chung Chiều	Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25 đến Hết cây xăng Chung Chiều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31068	6	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết cây xăng Chung Chiều	Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9	Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết cây xăng Chung Chiều đến Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31075	7	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau	Giáp ranh xã Bom Bo	Ngã ba Nùng	Xã Đắk Nhau	98	78	62	25
31076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	17
31077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	14
31078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	11
31079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	17
31080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	14
31081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Giáp ranh xã Bom Bo đến Ngã ba Nùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	11
31082	8	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau	Ngã ba Nùng	Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51	Xã Đắk Nhau	98	78	62	25
31083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	17
31084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	14
31085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	11

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	17
31087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	14
31088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau đoạn từ Ngã ba Nùng đến Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	11
31089	9	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49	Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51 đến Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31096	10	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49	Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46	Xã Đắk Nhau	98	78	62	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49 đến Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31103	11	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46	Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47	Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46 đến Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31110	12	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47	Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34	Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B.Nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47 đến Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31117	13	Đường ĐT 760B	Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34	Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34	Xã Đắk Nhau	98	78	62	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34 đến Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31124	14	Đường ĐT 760B	Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34	Giáp ranh xã Thọ Sơn	Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34 đến Giáp ranh xã Thọ Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31131	15	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
31132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31138	16	Đường thâm nhập nhựa	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24)	Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24) đến Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31145	17	Đường thâm nhập nhựa	Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49)	Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
31146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49) đến Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31152	18	Đường thâm nhập nhựa	Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13	Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
31153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13 đến Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31159	19	Đường thâm nhập nhựa	Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42	Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47)	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
31160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42 đến Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31166	20	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49	Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
31167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49 đến Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31173	21	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02	Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
31174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31180	22	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14	Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14)	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
31181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14 đến Ngã ba Đường ĐT. 760 (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 14) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31187	23	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14	Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
31188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thâm nhập nhựa đoạn từ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 đến Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31194	24	Đường bê tông nhựa	Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05	Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
31195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14
31197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	17
31199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông nhựa đoạn từ Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02 đến Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	11
31201	25	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	65	52	42	32
31202	26	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	65	52	42	25
31203	27	Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719)	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	65	52	42	32
31204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	22
31205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	18
31206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	14
31207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	22
31208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	18
31209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba thôn 1 đi thôn Đak Nung (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	14
31210	28	Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ)	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	65	52	42	32
31211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	18
31213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	14
31214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	22
31215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	18
31216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10.03 (đường ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	14
31217	29	Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm)	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31224	30	Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	65	52	42	32
31225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	22
31226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	18
31227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	14
31228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	22
31229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	18
31230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến ngã ba nhà văn hóa thôn Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	14
31231	31	Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ)	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	65	52	42	32
31232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	22
31233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	18
31234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liễm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	46	36	29	22
31236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liễm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	36	29	23	18
31237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đ 10.04 (Ngã ba Bảy Liễm đến ngã ba tổ 4 thôn 2 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	29	23	18	14
31238	32	Đường số 1	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31245	33	Đường số 2	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31252	34	Đường số 3	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31259	35	Đường số 4	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31266	36	Đường số 6	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31273	37	Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc)	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31280	38	Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31287	39	Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ	Toàn tuyến		Xã Đắk Nhau	98	78	62	32
31288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Nhau	68	55	44	22
31292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Nhau	55	44	35	18
31293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Nhau	44	35	28	14
31294	1	Đường ĐT 760	Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng)	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng) đến Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31301	2	Đường ĐT 760	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78	Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền)	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 78 đến Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31308	3	Đường ĐT 760	Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77	Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương)	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 đến Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31315	4	Đường ĐT 760	Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75	Ngã ba Tình Nghĩa	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 đến Ngã ba Tình Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31322	5	Đường ĐT 760	Ngã ba Tình Nghĩa	Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ)	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tình Nghĩa đến Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31329	6	Đường ĐT 760	Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71	Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam)	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 đến Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31336	7	Đường ĐT 760	Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam)	Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn)	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cống nhà chú Nam) đến Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31343	8	Đường ĐT 760	Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn)	Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Xã Bom Bo	118	95	76	22
31348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn) đến Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31350	9	Đường ĐT 760	Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo))	Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - thôn Bom Bo)) đến Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31357	10	Đường ĐT 760	Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31364	11	Đường ĐT 760	Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55 đến Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31371	12	Đường ĐT 760	Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55	Cầu Sập	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 55 đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31378	13	Đường ĐT 760	Cầu Sập	Ngã ba đường đi Đăk Liên	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Cầu Sập đến Ngã ba đường đi Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31385	14	Đường ĐT 760	Ngã ba đường đi Đăk Liên	Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29)	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường đi Đăk Liên đến Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31392	15	Đường ĐT 760	Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo	Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36)	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31393		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31396		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Cổng Nhà văn hóa (Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 29) Bom Bo đến Bom Bo Điểm cuối Hết ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8,, tờ bản đồ số 36) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31399	16	Đường ĐT 760	Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36)	Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22)	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31400		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31403		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh nhà ông Sáu Lực (Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31406	17	Đường ĐT 760	Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22)	Giáp ranh xã Đắk Nhau	Xã Bom Bo	169	135	108	32
31407		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31410		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	118	95	76	22
31411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	95	76	61	18
31412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba ông Võ Lý Hùng (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 22) đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	76	61	49	14
31413	18	Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã	Toàn tuyến		Xã Bom Bo	104	83	67	32
31414		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31417		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31420	19	Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi	Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80	Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66	Xã Bom Bo	70	56	45	32
31421		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22
31422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31424		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22
31425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi đoạn từ Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80 đến Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31427	20	Đường 23 (đường liên xã)	Đường ĐT 760	Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55	Xã Bom Bo	70	56	45	32
31428		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31431		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22
31432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 23 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31434	21	Đường 24 (đường liên xã)	Đường ĐT 760	Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55	Xã Bom Bo	70	56	45	32
31435		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22
31436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31438		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 24 (đường liên xã) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31441	22	Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ)	Đường ĐT 760	Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64	Xã Bom Bo	70	56	45	32
31442		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	38	30	24	17
31443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	30	24	19	14
31444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	24	19	15	11
31445		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	38	30	24	17
31446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	30	24	19	14
31447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BM.01 (Đường Ba Trà đi thôn 678 cũ) đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	24	19	15	11
31448	23	Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm	Đường ĐT 760	Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52	Xã Bom Bo	70	56	45	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31449		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	38	30	24	17
31450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	30	24	19	14
31451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	24	19	15	11
31452		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	38	30	24	17
31453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	30	24	19	14
31454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm đoạn từ Đường ĐT 760 đến Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	24	19	15	11
31455	24	Tuyến đường vành đai xã	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66)	Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64	Xã Bom Bo	70	56	45	32
31456		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22
31457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31459		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22
31460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường vành đai xã đoạn từ Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66) đến Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31462	25	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Ngã tư Bom Bo	Ngã ba đường Sân Bóng	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã ba đường Sân Bóng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31469	26	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Ngã ba đường Sân Bóng	Hết ranh Trường Lương Thế Vinh	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Ngã ba đường Sân Bóng đến Hết ranh Trường Lương Thế Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31476	27	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh	Giáp ranh xã Đắk Nhau	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đoạn từ Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh đến Giáp ranh xã Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31483	28	Đường đi Đăk Liên	Ngã tư Bom Bo	Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40)	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư Bom Bo đến Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31490	29	Đường đi Đăk Liên	Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40)	Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33)	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng (Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31497	30	Đường đi Đăk Liên	Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33)	Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34)	Xã Bom Bo	104	83	67	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33) đến Ngã ba nhà ông Tuấn Anh (Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31504	31	Đường đi Đăk Liên	Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33)	Hết ranh đất lâm phần	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	46	38	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	37	30	14
31508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	46	38	18
31510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Đăk Liên đoạn từ Ngã ba nhà ông Ngộ (Thửa đất số 106 tổ bản đồ số 33) đến Hết ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	37	30	14
31511	32				Xã Bom Bo				
31512	33	Đường Nội Ô	Hết ranh nhà ông Ba Thành	Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Ba Thành đến Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31519	34	Đường Nội Ô	Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên	Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội Ô đoạn từ Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên đến Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31526	35	Đường hai bên chợ Bom Bo	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31533	36	Đường ô trường Tiểu học	Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40)	Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40)	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ô trường Tiểu học đoạn từ Ngã ba nhà ông Tiền (Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 40) đến Ngã ba nhà ông Long Quý (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 40) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31540	37	Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ)	Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn	Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10)	Xã Bom Bo	70	56	45	32
31541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	38	30	24	17
31542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	30	24	19	14
31543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	24	19	15	11
31544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	38	30	24	17
31545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	30	24	19	14
31546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường BB.04 (Đường Thôn 7 - Thôn 9 cũ) đoạn từ Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn đến Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng (Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	24	19	15	11
31547	38	Đường bên hông Trung tâm thương mại	Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37)	Suối Đăk Liên	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	47	37	18
31553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Trung tâm thương mại đoạn từ Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà (Thửa đất số 191, tờ bản đồ số 37) đến Suối Đăk Liên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	38	30	14
31554	39	Đường vào Khu dân cư Thái Thành	Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37)	Khu dân cư Thái Thành	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	46	38	18
31557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	37	30	14
31558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	46	38	18
31560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Khu dân cư Thái Thành đoạn từ Ngã ba nhà ông Toàn (Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 37) đến Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	37	30	14
31561	40	Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ	Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2)	Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6)	Xã Bom Bo	70	56	45	32
31562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22
31563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22
31566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ đoạn từ Ngã ba ông Xây (Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 2) đến Ngã ba nhà ông Thái (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 6) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31568	41	Đường bên hông Thái Thành	Đường ĐT 760	UBND xã Bom Bo	Xã Bom Bo	70	56	45	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22
31570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	49	39	31	22
31573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	39	31	25	18
31574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông Thái Thành đoạn từ Đường ĐT 760 đến UBND xã Bom Bo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	31	25	20	14
31575	42	Các tuyến đường bê tông, nhựa còn lại	Toàn tuyến		Xã Bom Bo	70	56	45	32
31576	43	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		Xã Bom Bo	70	56	45	32
31577	45	Đường vào nghĩa địa xã	Đường ĐT 760	Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21)	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	46	38	18
31580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	37	30	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	46	38	18
31583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nghĩa địa xã đoạn từ Đường ĐT 760 đến Đến giáp suối (thửa đất số 56 tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	37	30	14
31584	46	Đường vào xóm Bến Tre	Đường ĐT 760	Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20	Xã Bom Bo	104	83	67	32
31585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	46	38	18
31587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	37	30	14
31588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	46	38	18
31590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào xóm Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 760 đến Ngã ba thửa đất số 63 tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	37	30	14
31591	47	Đường vào sân vận động xã	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Đường vào Khu dân cư Thái Thành	Xã Bom Bo	104	83	67	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	46	38	18
31594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	37	30	14
31595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bom Bo	73	58	47	22
31596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bom Bo	58	46	38	18
31597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào sân vận động xã đoạn từ Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến Đường vào Khu dân cư Thái Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bom Bo	46	37	30	14
31598	1	Đường Nguyễn Huệ	Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73	Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74)	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 73 đến Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31605	2	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74)	Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 74) đến Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31612	3	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59	Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 33 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31619	4	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34)	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31626	5	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34)	Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái))	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi (Hết ranh thửa đất số 25 tờ bản đồ số 34) đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 333 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 3 tờ bản đồ số 31 về bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31633	6	Đường Lê Duẩn	Ngã ba Công Chánh	Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Công Chánh đến Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31640	7	Đường Lê Duẩn	Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51	Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51 đến Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31647	8	Đường Lê Duẩn	Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46	Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46 đến Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31654	9	Đường Lê Duẩn	Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10	Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10)	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10 đến Đến ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31661	10	Đường Lê Duẩn	Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10)	Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tò) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái)	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tò) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tò) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn và đường Hùng Vương nối dài (hết ranh thửa đất số 667 tờ bản đồ số 10) đến Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31668	11	Đường Lê Duẩn	Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái)	Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20)	Xã Thiện Hưng	350	280	224	
31669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	196	157	125	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.		Xã Thiện Hưng	245	196	157	
31673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	196	157	125	
31674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ) (Hết ranh thửa đất số 623 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 606 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái) đến Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	157	126	100	
31675					Xã Thiện Hưng				
31676	13	Đường Hùng Vương	Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75))	Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Vòng Xoay (Từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 74 (tờ bản đồ cũ số 75)) đến Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31683	14	Đường Hùng Vương	Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch	Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65)	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch đến Hết ranh thửa đất số 6 tờ bản đồ số 64 (tờ bản đồ cũ số 65) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31690	15	Đường Lê Hồng Phong	Vòng xoay	Đường Nguyễn Lương Bằng	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Vòng xoay đến Đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31697	16	Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ)	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ (chợ Thanh Hòa cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Tiếp giáp thửa đất số 56 tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31704	17	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 34 về bên phải và thửa đất số 33 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31711	18	Đường Lê Văn Sỹ	Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Sỹ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 15 về bên phải và thửa đất số 3 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31718	19	Đường Trần Huy Liệu	Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 2 về bên phải và thửa đất số 4 về bên trái tờ bản đồ số 70 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31725	20	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 68 về bên phải và thửa đất số 52 về bên trái tờ bản đồ số 52 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31732	21	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759)	Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1)	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759) đến Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31739	22	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1)	Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đến hết ranh thửa đất số 690 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến ranh thửa đất số 286 tờ bản đồ số 17 về phía bên phải (Cầu số 1) đến Đến hết ranh thửa đất số 891 tờ bản đồ số 17 về phía bên trái và đến thửa đất số 535 tờ bản đồ số 117 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31746	23	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hoàng Văn Thụ (D1)	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hoàng Văn Thụ (D1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31753	24	Đường trong Trung tâm thương mại	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	168	134	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong Trung tâm thương mại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong Trung tâm thương mại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong Trung tâm thương mại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong Trung tâm thương mại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong Trung tâm thương mại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong Trung tâm thương mại đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31760	25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Lương Bằng	Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Hết ranh thửa đất số 87 về bên phải và thửa đất số 141 về bên trái tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31767	26	Đường 7/4	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Nguyễn Trãi	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 7/4 đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31774	27	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9	Xã Thiện Hưng	168	134	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 112 về bên phải và thửa đất số 208 về bên trái tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31781	28	Đường Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 201 tờ bản đồ số 2 về bên phải và thửa đất số 390 tờ bản đồ số 9về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31788	29	Đường Chu Văn An	Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 64 về bên phải và thửa đất số 174 về bên trái tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31795	30	Đường Hoàng Văn Thụ	Vòng xoay	Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Vòng xoay đến Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải và thửa đất số 216 về bên trái tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31802	31	Đường Hoàng Văn Thụ	Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Xã Thiện Hưng	168	134	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Hết ranh thửa đất số 197 về bên phải tờ bản đồ số 8 đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31809	32	Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường ĐT 759B	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài) đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường ĐT 759B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31816	33	Đường Tô Hiến Thành	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 309 tờ bản đồ số 9 về bên phải và thửa đất số 6 tờ bản đồ số 42 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31823	34	Đường khu phố Thanh Xuân	Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76)	Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16)	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố Thanh Xuân đoạn từ Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76) đến Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31830	35	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Lý Tự Trọng	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31837	36	Đường Lương Đình Của	Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Hết ranh thửa đất số 43 về bên phải và thửa đất số 16 về bên trái tờ bản đồ số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31844	37	Đường Cống Quỳnh	Đường Nguyễn Huệ	Đến giáp đường Tô Hiến Thành	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cống Quỳnh đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến giáp đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31851	38	Đường nhựa Cần Đơn	Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29)	Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29)	Xã Thiện Hưng	168	134	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ thửa đất số 44 tờ bản đồ số 28 (tờ bản đồ cũ số 29) đến Hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31858	39	Đường nhựa Cần Đơn	Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29)	Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa Cần Đơn đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 198 tờ bản đồ số 28 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 290 tờ bản đồ số 28 về phía bên phải (tờ bản đồ cũ số 29) đến Tiếp giáp thửa đất số 1 tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31865	40	Đường Lê Thị Riêng	Đường cặp hàng rào Công an huyện	Đường Lý Tự Trọng	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Riêng đoạn từ Đường cặp hàng rào Công an huyện đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31872					Xã Thiện Hưng				
31873	42	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Hùng Vương	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Thất Tùng đoạn từ Đường Nguyễn Lương Bằng đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31880	43	Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02)	Xã Thiện Hưng	126	101	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31887	44	Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ)	Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02)	Suối Đá	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02) đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31894	45	Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ)	Suối Đá	Đường Lê Duẩn	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Suối Đá đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31901	46	Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài)	Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1)	Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1) đến Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31908	47	Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài)	Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải	Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	168	134	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 40 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 35 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải đến Hết ranh thửa đất số 197 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 358 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31915	48	Đường ấp Thanh Trung (cũ)	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04)	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.				Xã Thiện Hưng	88	71	56	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Trung (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31922	49	Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ)	Đường Lê Duẩn	Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh các thửa đất số 465 và 386, tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31929	50	Đường cặp hàng rào Công an huyện	Đường Hoàng Văn Thụ	Đến ranh đội Quản lý thị trường	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cặp hàng rào Công an huyện đoạn từ Đường Hoàng Văn Thụ đến Đến ranh đội Quản lý thị trường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31936	51	Đường giao thông đấu nối từ đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Huệ vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31937	52	Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ)	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17)	Xã Thiện Hưng	168	134	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) đoạn từ Đường Phạm Ngọc Thạch đến Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31944	53	Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	168	134	108	
31945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
31949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
31950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
31951	54	Đường nhựa đi công ty Chuối	Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28	Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5)	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi công ty Chuối đoạn từ Từ thửa đất số 14 về bên phải và thửa đất số 11 về bên trái tờ bản đồ số 28 đến Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31958	55	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ)	Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20	Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20)	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20 đến Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31965	56	Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ)	Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn)	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) đoạn từ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20 đến Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31972	57	Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp)	Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái	Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (cũ) (Cổng chào ấp) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 91 tờ bản đồ số 13 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 185 tờ bản đồ số 13 về phía bên trái đến Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31979	58	Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ)	Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11	Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư (cũ) đoạn từ Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31986	59	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ)	Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11	Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
31992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 406 và thửa đất số 398, tờ bản đồ số 11 đến Hết ranh thửa đất số 417 tờ bản đồ số 17 và hết ranh thửa đất số 603 tờ bản đồ số 18 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31993	60	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ)	Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái	Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
31994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
31997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
31998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
31999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 416 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 464 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái đến Đến thửa đất số 632 tờ bản đồ số 11 về phía bên phải và thửa đất số 483 tờ bản đồ số 11 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32000	61	Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ	Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59	Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
32001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
32002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
32003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
32004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
32005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
32006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ đoạn từ Từ thửa đất số 113 về bên phải và thửa đất số 138 về bên trái tờ bản đồ số 59 đến Đến hết ranh thửa đất số 89 về bên phải và thửa đất số 114 về bên trái tờ bản đồ số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
32007	62	Đường nhựa (Sao Biển)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38)	Xã Thiện Hưng	126	101	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
32009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
32010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
32011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	88	71	56	
32012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	71	56	45	
32013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa (Sao Biển) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	57	45	36	
32014	63	Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình	Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36	Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39)	Xã Thiện Hưng	126	101	81	
32015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	68	54	43	
32016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	54	43	35	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	43	34	28	
32018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	68	54	43	
32019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	54	43	35	
32020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình đoạn từ Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đến Đến thửa đất số 37 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ cũ số 38) và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 38 (tờ bản đồ cũ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	43	34	28	
32021	64	Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể	Từ đường Nguyễn Chí Thanh	Đến đường Nguyễn Lương Bằng	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
32022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể đoạn từ Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến Đến đường Nguyễn Lương Bằng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32028	65	Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi	Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59	Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
32029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32031		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32034		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Từ thửa đất số 36 tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 111 tờ bản đồ số 51 về bên phải và thửa đất số 221 tờ bản đồ số 50 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32035	66	Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Trãi	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
32036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32038		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32041		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32042	67				Xã Thiện Hưng				
32043	68	Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	168	134	108	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32045		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32048		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32050	69	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
32051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32052		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32055		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32057	70	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh)	Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74	Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
32058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32059		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32062		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74 đến Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32064	71	Đường bê tông Thanh Bình (cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66	Xã Thiện Hưng	168	134	108	
32065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32066		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	
32069		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	
32070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông Thanh Bình (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	
32071	72	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ)	Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66	Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8	Xã Thiện Hưng	168	134	108	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32073		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32076		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66 đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32078	73	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Tân Tiến	Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	168	134	108	49
32079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32080		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32081		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32083		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32084		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Tiến đến Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32085	74	Đường ĐT 759B	Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái	Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124)	Xã Thiện Hưng	168	134	108	49
32086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32087		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32088		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32090		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32091		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu Tầm Roong (Đến hết ranh thửa đất số 150 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 348 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32092	75	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124)	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124)	Xã Thiện Hưng	168	134	108	49
32093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32094		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32095		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32097		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32098		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao) (Hết ranh thửa đất số 278 tờ bản đồ số 124) đến Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Hết ranh thửa đất số 295 và thửa đất số 481, tờ bản đồ số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32099	76	Đường ĐT 759B	Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84	Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84)	Xã Thiện Hưng	168	134	108	49
32100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32101		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32102		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32104		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32105		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ thửa đất số 279 tờ bản đồ số 84 đến Cầu sông Bé mới (Đến hết ranh thửa đất số 47 tờ bản đồ số 84) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32106	77	Đường ĐT 759B	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2)	Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150)	Xã Thiện Hưng	168	134	108	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32109		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32112		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2) đến Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32113	78	Đường ĐT 759B	Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150)	Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144	Xã Thiện Hưng	168	134	108	49
32114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32116		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32119		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh trại hòm Ba Đừng (Hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 150) đến Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Đến hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32120	79	Đường ĐT 759B	Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144)	Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178	Xã Thiện Hưng	168	134	108	49
32121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32123		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32126		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng (Từ hết ranh thửa đất số 262 tờ bản đồ số 144) đến Hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32127	80	Đường ĐT 759B	Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178	Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang))	Xã Thiện Hưng	168	134	108	49
32128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32130		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22
32131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	118	94	75	35
32132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	94	75	60	28
32133		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 136 tờ bản đồ số 178 đến Hết ranh Đài tưởng niệm (Hết ranh thửa đất số 1 tờ bản đồ số 161 (Chùa Bảo Quang)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	75	60	48	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32134	81	Đường ĐT 759B	Hết ranh Đài tưởng niệm	Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ)	Xã Thiện Hưng, xã Hưng Phước	168	134	108	49
32135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng, xã Hưng Phước	74	59	47	35
32136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng, xã Hưng Phước	59	47	38	28
32137		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng, xã Hưng Phước	47	38	30	22
32138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng, xã Hưng Phước	74	59	47	35
32139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng, xã Hưng Phước	59	47	38	28
32140		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Đài tưởng niệm đến Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng, xã Hưng Phước	47	38	30	22
32141	82	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải	Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	105	84	67	49
32142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	74	59	47	35
32143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	59	47	38	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32144		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	47	38	30	22
32145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	74	59	47	35
32146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	59	47	38	28
32147		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 355 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải đến Đến hết ranh thửa đất số 226 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	47	38	30	22
32148	83	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải)	Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134)	Xã Thiện Hưng	105	84	67	49
32149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	74	59	47	35
32150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	59	47	38	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32151		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	47	38	30	22
32152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	74	59	47	35
32153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	59	47	38	28
32154		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Cổng chào ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái và thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải) đến Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 51 tờ bản đồ số 134) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	47	38	30	22
32155	84	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134)	Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải)	Xã Thiện Hưng	105	84	67	49
32156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	56	45	36	27
32157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	45	36	29	21

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32158		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	36	29	23	17
32159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	56	45	36	27
32160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	45	36	29	21
32161		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Nhà văn hóa ấp 8 (cũ) (Từ thửa đất số 55 tờ bản đồ số 134) đến Chùa Thanh Vân (Hết ranh thửa đất số 159 tờ bản đồ số 86 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 191 tờ bản đồ số 86 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	36	29	23	17
32162	85	Đường cổng chào ấp 3 (cũ)	Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải)	Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải)	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32165		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14
32168		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng chào ấp 3 (cũ) đoạn từ Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ) (Từ thửa đất số 418 tờ bản đồ số 116 về phía bên trái và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 116 về phía bên phải) đến Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (Hết ranh thửa đất số 379 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 149 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32169	86	Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	105	84	67	49
32170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	56	45	36	27
32171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	45	36	29	21
32172		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	36	29	23	17
32173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	56	45	36	27

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	45	36	29	21
32175		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	36	29	23	17
32176	87	Đường nhựa ấp 1 (cũ)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32179		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32182		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 1 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 431 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32183	88	Đường nhựa ấp 2 (cũ)	Đường ĐT759B	Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải)	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32186		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32189		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư ấp 2 và ấp 3 (cũ) (Hết ranh thửa đất số 187 tờ bản đồ số 114 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 118 về phía bên phải) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32190	89	Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao)	Đường ĐT759B	Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32193		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32196		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba cây Sao) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32197	90	Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32200		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32203		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 7 (cũ) (ngã ba quán cây me) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32204	91	Đường nhựa ấp 6 (cũ)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32207		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32210		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32211	92	Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ)	Đường ĐT759	Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32214		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hý) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hý) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hý) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32217		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hý) đoạn từ Đường ĐT759 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32218	93	Đường nhựa ấp 9 (cũ)	Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ)	Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ)	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32221		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32224		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 9 (cũ) đoạn từ Ngã tư trường tiểu học (ấp 9 cũ) đến Hết Nhà văn hóa (ấp 9 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32225	94	Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717)	Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái	Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32228		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32231		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717) đoạn từ Từ ranh thửa đất số 133 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 227 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 245 tờ bản đồ số 110 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 364 tờ bản đồ số 110 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32232	95	Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi)	Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ)	Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14
32235		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32238		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi) đoạn từ Từ ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32239	96	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	105	84	67	49
32240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	74	59	47	35
32241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	59	47	38	28
32242		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	47	38	30	22
32243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	74	59	47	35
32244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	59	47	38	28
32245		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 74 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	47	38	30	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32246	97	Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ)	Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải	Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16	Xã Thiện Hưng	105	84	67	49
32247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32249		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32252		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 88 tờ bản đồ số 125 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 58 tờ bản đồ số 75 về phía bên phải đến Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 129" thành: "Hết ranh thửa đất số 224 tờ bản đồ số 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32253	98	Đường bê tông vào ấp 6 (cũ)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32256		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32259		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 531 tờ bản đồ số 124 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 4 tờ bản đồ số 128 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32260	99	Đường bê tông vào ấp 6 (cũ)	Đường ĐT759B	Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32263		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32266		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32267	100	Đường bê tông vào ấp 6	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14
32270		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14
32273		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 127 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 195 tờ bản đồ số 127 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32274	101				Xã Thiện Hưng				
32275	102	Đường nhựa vào ấp 8	Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái)	Ngã ba Đài tưởng niệm	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32277		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14
32278		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32280		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32281		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào ấp 8 đoạn từ Cổng chào ấp 8 (Từ thửa đất số 205 tờ bản đồ số 130 về phía bên phải và thửa đất số 356 tờ bản đồ số 130 về phía bên trái) đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32282	103	Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	105	84	67	49
32283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32284		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32285		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32287		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32288		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32289	104	Đường khu dân cư ấp 3 (cũ)	Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118)	Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32291		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14
32292		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32294		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14
32295		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu dân cư ấp 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118) đến Hết ranh thửa đất số 385 tờ bản đồ số 115 về phía bên trái và hết ranh thửa đất số 386 tờ bản đồ số 115 về phía bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32296	105	Đường tránh	Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái	Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá	Xã Thiện Hưng	105	84	67	49
32297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	56	45	36	27

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32298		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	45	36	29	21
32299		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	36	29	23	17
32300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	56	45	36	27
32301		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	45	36	29	21
32302		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tránh đoạn từ Từ thửa đất số 535 tờ bản đồ số 123 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 123 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 757 tờ bản đồ số 124 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 756 tờ bản đồ số 124 về phía bên trá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	36	29	23	17
32303	106	Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ)	Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84)	Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32305		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32306		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32308		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14
32309		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Nghĩa địa ấp 4 (cũ) đoạn từ Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84) đến Đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 91 về phía bên phải và đến thửa đất số 58 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32310	107	Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4)	Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái	Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	105	84	67	49
32311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	74	59	47	35
32312		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	59	47	38	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32313		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	47	38	30	22
32314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	74	59	47	35
32315		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	59	47	38	28
32316		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4) đoạn từ Từ thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 về phía bên phải và thửa đất số 394 tờ bản đồ số 84 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 73 tờ bản đồ số 91 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	47	38	30	22
32317	108				Xã Thiện Hưng				
32318	109	Đường nhựa	Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái)	Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái)	Xã Thiện Hưng	112	90	72	49
32319		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32320		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32321		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32322		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32323		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32324		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba đồi chi khu (Từ thửa đất số 53 tờ bản đồ số 181 về phía bên phải và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) đến Ngã ba nhà bà Ti thôn 3 (cũ) (Đến hết ranh thửa đất số 41 tờ bản đồ số 145 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 180 tờ bản đồ số 145 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32325	110	Đường quanh chợ Thiện Hưng	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32326		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32327		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32328		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32329		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32330		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32331		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32332	111	Đường trong khu vực chợ	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32333		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32334		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32335		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32336		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32337		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32338		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32339	112	Đường nhựa	Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái)	Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144)	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32342		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32345		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Từ ngã ba chợ (Từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 180 về phía bên phải và thửa đất số 349 tờ bản đồ số 144 về phía bên trái) đến Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 217 tờ bản đồ số 144) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32346	113	Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14
32349		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	27	22	17	17
32351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	22	17	14	14
32352		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	18	14	11	11
32353	114	Đường Quy hoạch khu 3,4 ha	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	112	90	72	49
32354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	78	63	50	35
32355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	63	50	40	28
32356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	50	40	32	22
32357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	78	63	50	35
32358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quy hoạch khu 3,4 ha Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	50	40	32	22
32360	115	Đường nhựa	Đường Nguyễn Huệ	Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171)	Xã Thiện Hưng	112	90	72	49
32361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	78	63	50	35
32362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	63	50	40	28
32363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	50	40	32	22
32364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	78	63	50	35
32365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	63	50	40	28
32366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đến ranh thửa đất của ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	50	40	32	22
32367	116	Đường nhựa	Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái)	Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145)	Xã Thiện Hưng	112	90	72	49
32368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	63	50	40	28
32370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	50	40	32	22
32371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	78	63	50	35
32372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	63	50	40	28
32373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Ngã ba bến xe mới vào 30m (Từ thửa đất số 33 tờ bản đồ số 154 về phía bên phải và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 154 về phía bên trái) đến Nhà văn hóa cộng đồng (Hết ranh thửa đất số 208 tờ bản đồ số 145) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	50	40	32	22
32374	117	Đường nhựa	Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ)	Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148)	Xã Thiện Hưng	112	90	72	49
32375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	78	63	50	35
32376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	50	40	32	22
32378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	78	63	50	35
32379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	63	50	40	28
32380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) đến Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	50	40	32	22
32381	118	Đường nhựa	Hết ranh Trạm xá E717	Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái))	Xã Thiện Hưng	112	90	72	49
32382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh Trạm xá E717 đến Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717 (Hết ranh Trạm xá E717 (Hết ranh thửa đất số 292 tờ bản đồ số 148 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 134 tờ bản đồ số 148 về phía bên trái)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32388	119	Đường nhựa thôn 4 (cũ)	Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138	Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138)	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 (cũ) đoạn từ Từ hết ranh thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 đến Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32395	120	Đường nhựa thôn 2 (cũ)	Đường ĐT759B	Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Đường ĐT759B đến Đến thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32402	121	Đường nhựa thôn 2 (cũ)	Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái	Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 167 về phía bên phải và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 159 về phía bên trái đến Hết ranh thửa đất số 984 về bên phải và thửa đất số 823 về bên trái tờ bản đồ số 138 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32409	122	Đường nhựa thôn 3 (cũ)	Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2	Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 18 và thửa đất số 26, tờ bản đồ số 2 đến Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32416	123	Đường nhựa thôn 3 (cũ)	Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145	Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 (cũ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145 đến Hết ranh thửa đất số 318 về bên phải và thửa đất số 40 về bên trái tờ bản đồ số 145 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32423	124	Đường nhựa thôn 5	Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm)	Chùa Tâm Pháp	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 5 đoạn từ Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Chùa Tâm Pháp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32430	125				Xã Thiện Hưng				

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32431	126	Đường nhựa thôn 6	Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu	Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái)	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32434		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32437		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu đến Ngã tư thôn 6 (Hết ranh thửa đất số 27 tờ bản đồ số 174 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 31 tờ bản đồ số 165 về phía bên trái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32438	127	Đường nhựa thôn 6	Ngã tư thôn 6	Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140)	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Thiện Hưng	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32441		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32444		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Ngã tư thôn 6 đến Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 196, tờ bản đồ số 140) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32445	128	Đường nhựa thôn 4	Ngã ba Nhà thờ	Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32448		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32451		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Ngã ba Nhà thờ đến Hết ranh thửa đất số 8 tờ bản đồ số 136 về phía bên phải và hết ranh thửa đất số 3 tờ bản đồ số 136 về phía bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32452	129	Đường nhựa thôn 4	Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái	Ngã ba thôn 1	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32455		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32458		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 4 đoạn từ Từ thửa đất số 392 tờ bản đồ số 139 về phía bên phải và thửa đất số 410 tờ bản đồ số 138 về phía bên trái đến Ngã ba thôn 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32459	130	Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32460	131	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32461	132	Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn	từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái	Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32462		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32463		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32465		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32466		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh giữa ấp Thanh Tâm và ấp Thanh Sơn đoạn từ từ hết ranh 11-632 về bên phải và 11-483 về bên trái đến Hết ranh 19-66 về bên phải và 19-280 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32468	133	Đường ấp Thanh Sơn	Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải	Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32469		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32470		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32472		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32473		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Sơn đoạn từ Từ 11-546 về bên trái và 11-513 về bên phải đến Hết ranh 20-119 về bên phải và 220-330 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32475	134	Các đường còn lại trong khu trung tâm thương mại			Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32476		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường còn lại trong khu trung tâm thương mại đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32477		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường còn lại trong khu trung tâm thương mại đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường còn lại trong khu trung tâm thương mại đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32479		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường còn lại trong khu trung tâm thương mại đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32480		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường còn lại trong khu trung tâm thương mại đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường còn lại trong khu trung tâm thương mại đoạn từ đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32482	135	Đường ấp Thanh Bình	từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36)	hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái	Xã Thiện Hưng	50	40	32	32
32483		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32484		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32486		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Thiện Hưng	35	28	22	22
32487		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Thiện Hưng	28	22	18	18
32488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình đoạn từ từ 78 về bên phải và 40 về bên trái tờ 35 (tờ cũ 36) đến hết ranh 8-7 về bên phải và hết 120-383 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Thiện Hưng	22	18	14	14
32489	1	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Giáp ranh xã Lộc Quang	Xã Tân Tiến	168	134	108	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32490		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32491		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32493		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32494		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32496	2	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231)	Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ)	Xã Tân Tiến	168	134	108	49
32497		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32498		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32500		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32501		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường ĐT 759B (tờ 29 thửa 231) đến Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32503	3	Đường ĐT 759B	Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ)	Giáo xứ Tân Thành	Xã Tân Tiến	168	134	108	49
32504		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32505		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32507		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32508		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ) đến Giáo xứ Tân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32510	4	Đường ĐT 759B	Giáo xứ Tân Thành	Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết	Xã Tân Tiến	168	134	108	49
32511		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32512		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32514		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32515		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáo xứ Tân Thành đến Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32517	5	Đường ĐT 759B	Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết	Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ)	Xã Tân Tiến	168	134	108	49
32518		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32519		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32520		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32521		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32522		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32523		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32524	6	Đường ĐT 759B	Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ)	Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21)	Xã Tân Tiến	168	134	108	49
32525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32527		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32530		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32531	7	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21)	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	Xã Tân Tiến	168	134	108	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32534		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32537		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21) đến Giáp ranh xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32538	8	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Tân Thành (cũ)	Ngã ba đường nhựa K2	Xã Tân Tiến	168	134	108	49
32539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32541		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32544		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Tân Thành (cũ) đến Ngã ba đường nhựa K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32545	9	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường nhựa K2	Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên	Xã Tân Tiến	168	134	108	49
32546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32548		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32551		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Ngã ba đường nhựa K2 đến Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32552	10	Đường ĐT 759B	Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên	Cổng chào ấp Tân An	Xã Tân Tiến	168	134	108	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32555		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32558		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên đến Cổng chào ấp Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32559	11	Đường ĐT 759B	Cổng chào ấp Tân An	Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ)	Xã Tân Tiến	168	134	108	49
32560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35
32561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32562		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	118	94	75	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	94	75	60	28
32565		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cổng chào ấp Tân An đến Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	75	60	48	22
32566	12	Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32569		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32572		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32573	13	Đường liên doanh	Đường ĐT 759B	Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ	Xã Tân Tiến	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32576		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32579		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32580	14	Đường liên doanh	Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ	Đồn cầu trắng	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32583		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32586		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên doanh đoạn từ Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ đến Đồn cầu trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32587	15	Đường trong khu vực chợ Tân Thành	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32590		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32593		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Thành Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32594	16	Đường nhựa ấp Tân Lợi	Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi)	Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32597		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32600		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32601	17	Đường nhựa ấp Tân Lợi	Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu)	Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32604		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32607		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu) đến Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32608	18	Đường nhựa ấp Tân Lợi	Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16	Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32611		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32614		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lợi đoạn từ Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16 đến Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32615	19	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú)	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32618		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32621		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32622	20	Đường nhựa ấp Tân Phong	Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong)	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32625		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32628		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong) đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32629	21	Đường nhựa ấp Tân Phong	Đường liên doanh (ngã ba cây tung)	Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32632		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32635		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phong đoạn từ Đường liên doanh (ngã ba cây tung) đến Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32636	22	Đường nhựa ấp Tân Hội	Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội)	Hết tuyến	Xã Tân Tiến	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32639		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32642		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32643	23	Đường nhựa ấp Tân Hội	Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội)	Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32646		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32649		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hội đoạn từ Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội) đến Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32650	24	Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32653		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32656		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32657	25	Đường nhựa giáp ấp Tân Phú	Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính)	Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32660		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32663		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính) đến Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32664	26	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an)	Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32667		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32670		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an) đến Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32671	27	Đường nhựa ấp Tân Định	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32674		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32677		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32678	28	Đường nhựa ấp Tân Định	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định)	Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32681		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32684		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định) đến Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32685	29	Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24	Xã Tân Tiến	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32688		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32691		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32692	30	Đường nhựa ấp Tân Hiệp	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32695		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32698		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32699	31	Đường nhựa ấp Tân Hiệp	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp)	Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32702		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32705		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hiệp đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp) đến Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32706	32	Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	Xã Tân Tiến	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32709		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32712		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32713	33	Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32716		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32719		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32720	34	Đường nhựa C3	Ngã 3 đường Liên Doanh	Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã 3 đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã 3 đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32723		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã 3 đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã 3 đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã 3 đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32726		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa C3 đoạn từ Ngã 3 đường Liên Doanh đến Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32727	35	Đường nhựa ấp Tân Đông	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông)	Đập Bù Đạo	Xã Tân Tiến	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32730		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32733		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông) đến Đập Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32734	36	Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32737		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32740		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32741	37	Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ	Đường ĐT 759B	Suối Bù Đạo	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32744		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32747		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối Bù Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32748	38	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ đập tràn suối Bù Đạo	Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ đập tràn suối Bù Đạo đến Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32755	39	Đường nhựa ấp Tân Đông	Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ	Cầu sắt ấp Tân Hiệp	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ đến Cầu sắt ấp Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32762	40	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh)	Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32765		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32768		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Phú đoạn từ Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh) đến Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32769	41	Đường bê tông bên cạnh trường mầm non	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32772		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32775		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông bên cạnh trường mầm non Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32776	42	Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi	Đường liên doanh	Công ty Thanh Tòng	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32779		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32782		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi đoạn từ Đường liên doanh đến Công ty Thanh Tòng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32783	43	Đường nhựa ấp Tân Định	Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24)	Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32786		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32789		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Định đoạn từ Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24) đến Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32790	44	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41)	Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32793		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32796		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32797	45	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44)	Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32800		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32803		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32804	46	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44)	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32807		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32810		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Đông đoạn từ Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44) đến Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32811	47	Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32814		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32817		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32818	48	Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32821		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32824		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32825	49	Đường Sóc Nê	Ngã ba Sóc Nê	Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32828		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32831		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Ngã ba Sóc Nê đến Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32832	50	Đường Sóc Nê	Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học	Suối Đá	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32835		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32838		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học đến Suối Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32839	51	Đường Sóc Nê	Suối Đá	Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88)	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32842		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32845		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Nê đoạn từ Suối Đá đến Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32846	52	Đường trong khu vực chợ Tân Tiến	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32849		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32852		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trong khu vực chợ Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32853	53	Đường nhựa K2	Đường ĐT 759B	Suối K2	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32856		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32859		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Suối K2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32860	54	Đường nhựa K2	Suối K2	Hết tuyến	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32863		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32866		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa K2 đoạn từ Suối K2 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32867	55	Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa	Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua)	Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32870		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32873		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua) đến Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32874	56	Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa	Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32877		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32880		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa đoạn từ Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72) đến Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32881	57	Đường nhựa ấp Tân An	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An)	Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32884		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32887		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An) đến Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32888	58	Đường nhựa ấp Tân Thuận	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận)	Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32891		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32894		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận) đến Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32895	59	Đường nhựa ấp Tân Nhân	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân)	Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32898		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32901		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Nhân đoạn từ Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân) đến Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32902	60	Đường nhựa ấp Tân An	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73)	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32905		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32908		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32909	61	Đường nhựa H8	Đường ĐT 759B	Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80)	Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32912		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32915		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa H8 đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32916	62	Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	112	90	72	49
32917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32919		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	78	63	50	35
32921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	63	50	40	28
32922		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	50	40	32	22
32923	63	Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên)	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32926		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32929		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32930	64	Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xố)	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	Xã Tân Tiến	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xồ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xồ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32933		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xồ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xồ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xồ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32936		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xồ) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32937	65	Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình)	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32940		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32943		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32944	66	Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng)	Đường ĐT 759B	Kênh nhánh N12	Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32947		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32950		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Kênh nhánh N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32951	67	Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa)	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba	Xã Tân Tiến	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32954		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32957		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa) đoạn từ Đường ĐT 759B đến Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32958	68	Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa)	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32961		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32964		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32965	69	Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa)	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	50	40	32	32
32966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32968		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	35	28	22	22
32970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	28	22	18	18
32971		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	22	18	14	14
32972	70	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Giáp ranh xã Lộc Thạnh	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Xã Tân Tiến	105	84	67	44
32973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	59	47	38	25
32975		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	47	38	30	20
32976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	74	59	47	31
32977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	59	47	38	25
32978		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Thạnh đến Giáp ranh xã Lộc Tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	47	38	30	20
32979	71	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Nông trường II	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119	Xã Tân Tiến	105	84	67	44
32980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	74	59	47	31
32981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	59	47	38	25
32982		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	47	38	30	20
32983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	59	47	38	25
32985		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Nông trường II đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	47	38	30	20
32986	72	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119	Ngã ba Trạm y tế	Xã Tân Tiến	105	84	67	44
32987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	74	59	47	31
32988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	59	47	38	25
32989		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	47	38	30	20
32990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	74	59	47	31
32991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	59	47	38	25
32992		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119 đến Ngã ba Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	47	38	30	20
32993	73	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Ngã ba Trạm y tế	Giáp ranh xã Lộc Quang	Xã Tân Tiến	105	84	67	44
32994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	74	59	47	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
32995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	59	47	38	25
32996		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	47	38	30	20
32997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Tân Tiến	74	59	47	31
32998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Tân Tiến	59	47	38	25
32999		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ đoạn từ Ngã ba Trạm y tế đến Giáp ranh xã Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Tân Tiến	47	38	30	20
33000	74	Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên			Xã Tân Tiến	50	40	32	32
33001	75	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Tân Tiến	50	40	32	32
33002	1	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Thiện Hưng	Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25)	Xã Hưng Phước	168	134	108	49
33003		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	118	94	75	35
33004		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	94	75	60	28
33005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	75	60	48	22
33006		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	118	94	75	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33007		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	94	75	60	28
33008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	75	60	48	22
33009	2	Đường ĐT 759B	Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25)	Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17)	Xã Hưng Phước	168	134	108	49
33010		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	118	94	75	35
33011		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	94	75	60	28
33012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	75	60	48	22
33013		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	118	94	75	35
33014		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	94	75	60	28
33015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Cầu sắt 2 (hết ranh thửa 39 tờ bản đồ 30 và tờ 61 thửa 25) đến Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	75	60	48	22
33016	3	Đường ĐT 759B	Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17)	Cửa khẩu Hoàng Diệu	Xã Hưng Phước	168	134	108	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33017		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	118	94	75	35
33018		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	94	75	60	28
33019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	75	60	48	22
33020		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	118	94	75	35
33021		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	94	75	60	28
33022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759B đoạn từ Trụ sở UBND xã Hưng Phước (cũ) (hết ranh thửa số 3 tờ bản đồ 17) đến Cửa khẩu Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	75	60	48	22
33023	4	Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ)	Toàn tuyến		Xã Hưng Phước	105	84	67	49
33024		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	74	59	47	35
33025		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	59	47	38	28
33026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	47	38	30	22
33027		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	74	59	47	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33028		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	59	47	38	28
33029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	47	38	30	22
33030					Xã Hưng Phước				
33031	6	Đường nhựa ấp Tân Hưng	Đường ĐT759B	Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53)	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33032		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33035		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Tân Hưng đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 25 đến thửa đất số 196, tờ bản đồ số 53) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33038	7	Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6)	Đường ĐT759B	Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17)	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33039		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33042		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6) đoạn từ Đường ĐT759B đến Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 53, thửa đất số 17) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33045	8	Đường vào trường học cũ	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33046		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33049		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường học cũ đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh thửa 142 và thửa 150 tờ 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33052	9	Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch	Đường ĐT759B	Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33053		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33056		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 67, thửa đất số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33059	10	Đường nhựa ấp Điện Ảnh	Đường ĐT759B	Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49)	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33060		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33063		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp Điện Ảnh đoạn từ Đường ĐT759B đến Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Hết thửa đất số 327, tờ bản đồ số 49) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33066	11	Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập)	Đường ĐT759B	Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33067		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33070		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường DH07 (đường ào ấp Tân Lập) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết tờ bản đồ số 40, thửa đất số 59 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33073	12	Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước)	Đường ĐT759B	Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33074		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33077		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước) đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 61 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33080					Xã Hưng Phước				
33081	14	Đường nhựa	Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm)	Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22	Xã Hưng Phước, xã Thiện Hưng	105	84	67	49
33082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước, xã Thiện Hưng	74	59	47	35
33083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước, xã Thiện Hưng	59	47	38	28
33084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước, xã Thiện Hưng	47	38	30	22
33085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước, xã Thiện Hưng	74	59	47	35
33086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước, xã Thiện Hưng	59	47	38	28
33087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Đường ĐT759B (ngã ba hạt Kiểm lâm) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 22 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước, xã Thiện Hưng	47	38	30	22
33088	15	Đường nhựa	Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13	Xã Hưng Phước	105	84	67	49
33089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	74	59	47	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	59	47	38	28
33091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	47	38	30	22
33092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	74	59	47	35
33093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	59	47	38	28
33094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Hết ranh thửa đất số 36, tờ bản đồ số 22 đến Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	47	38	30	22
33095	16	Đường nhựa	Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13	Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8	Xã Hưng Phước	105	84	67	49
33096		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	74	59	47	35
33097		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	59	47	38	28
33098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	47	38	30	22
33099		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	74	59	47	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33100		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	59	47	38	28
33101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đoạn từ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13 đến Hết ranh thửa 286 và thửa 58 tờ số 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	47	38	30	22
33102	17	Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến	Đường ĐT759B	Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33103		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33104		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33106		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33107		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33109	18	Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến	Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28	Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33110		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33111		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33113		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33114		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến đoạn từ Hết thửa 39 thửa 49 tờ 28 đến Hết ranh thửa 157 và 144 tờ 25 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33116	19	Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam	Đường ĐT759B	Nghĩa địa ấp Bù Tam	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33117		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33118		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33120		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33121		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam đoạn từ Đường ĐT759B đến Nghĩa địa ấp Bù Tam có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33123	20	Đường nhựa ấp 3	Đường ĐT759B	Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200)	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33124		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33125		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33127		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33128		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ấp 3 đoạn từ Đường ĐT759B đến Hết ranh Công ty La Ra (Tờ 5 thửa 200) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33130	21	Đường vào ấp 6	Đường ĐT759B	Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33131		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33132		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33134		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33135		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B đến Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 29 ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33137	22	Đường vào ấp 6	Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa)	Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30	Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33138		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22
33139		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33141		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Hưng Phước	35	28	22	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33142		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Hưng Phước	28	22	18	18
33143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp 6 đoạn từ Đường ĐT759B (Cổng chào ăn hóa) đến Tuyến (thửa 7 tờ 29) và thửa 194, thửa 217 tờ 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Hưng Phước	22	18	14	14
33144	23	Các tuyến đường còn lại	Hết tuyến		Xã Hưng Phước	50	40	32	32
33145	1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ	Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47	Xã Đắk Ơ	252	202	161	49
33146		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28
33148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33149		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28
33151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33152	2	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47	Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48	Xã Đắk Ơ	252	202	161	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33153		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28
33155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33156		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28
33158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 465 thuộc tờ bản đồ số 47 đến Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33159	3	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48	Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62	Xã Đắk Ơ	252	202	161	49
33160		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33163		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28
33165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48 đến Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33166	4	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62	Trường TH Đăk Ơ	Xã Đắk Ơ	252	202	161	49
33167		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28
33169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33170		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường TH Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33173	5	Đường ĐT 741	Trường TH Đăk Ơ	Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46	Xã Đắk Ơ	252	202	161	49
33174		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28
33176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33177		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28
33179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường TH Đăk Ơ đến Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33180	6	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46	Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41	Xã Đắk Ơ	252	202	161	49
33181		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33184		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28
33186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46 đến Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33187	7	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41	Giáp ranh xã Bù Gia Mập	Xã Đắk Ơ	252	202	161	49
33188		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28
33190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33191		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	176	141	113	35
33192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	141	113	90	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41 đến Giáp ranh xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	113	90	72	22
33194	8	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ)	Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24	Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33195		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33198		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 đến Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33201	9	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ)	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24	Ngã ba Đường vào Mỏ Đá	Xã Đắk Ơ	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33202		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33205		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24 đến Ngã ba Đường vào Mỏ Đá có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33208	10	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ)	Ngã ba Đường vào Mỏ Đá	Ranh giới xã Bù Gia Mập	Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33209		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đăk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33212		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đăk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đăk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đăk Ơ) đoạn từ Ngã ba Đường vào Mỏ Đá đến Ranh giới xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33215	11	Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù	Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59	Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39	Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33216		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33219		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59 đến Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33222	12	Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù	Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39	Giáp đường tuần tra biên giới	Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33223		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33226		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù đoạn từ Hết ranh thửa đất số 18, thuộc tờ bản đồ số 39 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33229	13	Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3)	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba thôn 3	Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33230		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33233		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33236	14	Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3)	Ngã ba thôn 3	Giáp đường tuần tra biên giới	Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33237		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33240		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3) đoạn từ Ngã ba thôn 3 đến Giáp đường tuần tra biên giới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33243	15	Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn	Giáp đường ĐT 741	Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12	Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33244		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33247		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33250	16	Đường Đắk Ơ 14	Giáp đường ĐT 741	Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12	Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33251		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33254		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đắk Ơ 14 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33257	17	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ	Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)		Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33258		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33261		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33264	18	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ	Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)		Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33265		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33268		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đắk Ơ	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33271	19	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ	Các tuyến đường nội bộ còn lại			Xã Đắk Ơ	112	90	72	49
33272		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33275		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.				Xã Đắk Ơ	78	63	50	35
33276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.				Xã Đắk Ơ	63	50	40	28
33277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ Các tuyến đường nội bộ còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.				Xã Đắk Ơ	50	40	32	22
33278	20	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến			Xã Đắk Ơ	60	48	38	38
33279	21	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến			Xã Đắk Ơ	60	48	38	38
33280	1	Đường ĐT 760	Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang	Suối Tiền Giang		Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang đến Suối Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33287	2	Đường ĐT 760	Suối Tiền Giang	Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108)	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Tiền Giang đến Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33294	3	Đường ĐT 760	Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108)	Ngã tư Quốc Tế	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108) đến Ngã tư Quốc Tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33301	4	Đường ĐT 760	Ngã tư Quốc Tế	Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Quốc Tế đến Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33308	5	Đường ĐT 760	Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2	Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2 đến Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33315	6	Đường ĐT 760	Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng	Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262)	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng đến Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33322	7	Đường ĐT 760	Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262)	Ranh đất lâm phần	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng (đầu ranh tờ bản đồ số 100 thửa 262) đến Ranh đất lâm phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33329	8	Đường ĐT 760	Ranh đất lâm phần	Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ)	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ranh đất lâm phần đến Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33336	9				Xã Phú Nghĩa				
33337	10				Xã Phú Nghĩa				
33338	11	Đường ĐT 760	Ngã tư Phú Nghĩa	Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33340		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33341		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33343		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33344		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33345	12	Đường ĐT 760	Ngã tư Phú Nghĩa	Giáp ranh đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33348		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33351		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Phú Nghĩa đến Giáp ranh đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33352	13				Xã Phú Nghĩa				
33353	14	Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ)	Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108)	Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33355		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33356		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33358		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33359		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108) đến Hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33360	15	Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ)	Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam)	Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33362		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33363		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33365		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33366		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam) đến Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33367	16	Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ)	Giáp đường ĐT 760	Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33369		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33370		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33372		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33373		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 100 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33374	17	Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ)	Giáp đường ĐT 760	Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33376		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33377		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33379		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33380		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ) đoạn từ Giáp đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33381	18	Đường dưới lòng hồ (thôn 1)	Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103)	Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33383		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33384		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33386		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33387		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dưới lòng hồ (thôn 1) đoạn từ Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103) đến Giáp đường trên lòng hồ (Hết tờ 84 thửa đất số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33388	19	Đường trên lòng hồ	Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi)	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33390		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33391		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33393		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33394		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trên lòng hồ đoạn từ Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi) đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33395	20	Đường ĐT 741	Ngã ba chốt số 6	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ)	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	
33396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	
33397		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33398		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	
33399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	
33400		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	
33401		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba chốt số 6 đến Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	
33402	21	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ)	Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28)	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33404		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33405		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33407		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33408		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) đến Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33409	22	Đường ĐT 741	Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28)	Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63)	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33411		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33412		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33414		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33415		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28) đến Ngã 3 Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33416	23	Đường ĐT 741	Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63)	Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60)	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33418		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33419		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33421		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33422		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã 3 đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63) đến Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33423	24	Đường ĐT 741	Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60)	Ngã tư tiếp giáp đường 19/5	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60) đến Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33430	25	Đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường 19/5	Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33437	26	Đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện	Cầu Phú Nghĩa	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện đến Cầu Phú Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33444	27	Đường ĐT 741	Cầu Phú Nghĩa	Đầu ngã ba gốc gõ	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu Phú Nghĩa đến Đầu ngã ba gốc gõ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33451	28	Đường ĐT 741	Đầu ngã ba gốc gõ	Ngã ba Đức Lập	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến Ngã ba Đức Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33458	29	Đường ĐT 741	Ngã ba Đức Lập	Ngã ba Toàn Hữu	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đức Lập đến Ngã ba Toàn Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33465	30	Đường ĐT 741	Ngã ba Toàn Hữu	Ngã ba Sóc Cùi	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Toàn Hữu đến Ngã ba Sóc Cùi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33472	31	Đường ĐT 741	Ngã ba Sóc Cùi	Ngã ba cây xăng Thanh Thương	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Sóc Cùi đến Ngã ba cây xăng Thanh Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33479	32	Đường ĐT 741	Ngã ba cây xăng Thanh Thương	Giáp ranh xã Đăk Ơ	Xã Phú Nghĩa	252	202	161	49
33480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35
33481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	176	141	113	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	141	113	90	28
33485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba cây xăng Thanh Thương đến Giáp ranh xã Đăk Ơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	113	90	72	22
33486	33	Trung tâm Đức Hạnh	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33493	34	Trung tâm Đức Hạnh	Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119	Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119 đến Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33500	35	Trung tâm Đức Hạnh	Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106	Ngã tư Quốc tế	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Đức Hạnh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106 đến Ngã tư Quốc tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33507	36	Đường thôn 19/5	Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33514	37	Đường thôn 19/5	Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118	Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118 đến Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 82 thửa đất số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33521	38	Đường thôn 19/5	Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10)	Ngã ba đường ĐT 741	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cống 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cổng 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cổng 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cổng 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đoạn từ Cổng 19/5 (Tờ bản đồ số 25 thửa đất số 10) đến Ngã ba đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33528	39	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	Giáp đường thôn 19/5	Cầu 19/5	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Giáp đường thôn 19/5 đến Cầu 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33535	40	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	Cầu 19/5	Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Cầu 19/5 đến Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33542	41	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06)	Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114	Ngã ba giáp đường ĐT 760	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06) đoạn từ Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114 đến Ngã ba giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33549	42	Đường Đội 3 - Bình Đức 2	Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97)	Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 3 - Bình Đức 2 đoạn từ Ngã ba Hội trường Bình Đức 2 (Tờ bản đồ số 127 thửa đất số 97) đến Giáp đường trung tâm xã (Hết tờ bản đồ số 133 thửa đất số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33556	43	Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14)	Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ))	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14) đoạn từ Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33563	44	Đường Liên xã 01 (ĐHA.28)	Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã) đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33570	45	Đường Liên xã 01 (ĐHA.28)	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107	Bến đò	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã 01 (ĐHA.28) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107 đến Bến đò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33577	46	Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03)	Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85	Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03) đoạn từ Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85 đến Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33584	47	Đường Phước Sơn - Đường 19/5	Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ)	Suối (đất bà Thủy Nhì)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ) đến Suối (đất bà Thủy Nhì) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33591	48	Đường Phước Sơn - Đường 19/5	Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125)	Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Sơn - Đường 19/5 đoạn từ Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125) đến Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33598	49	Đường đi Xóm Mới	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Mới Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Mới Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Mới Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Mới Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Mới Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Mới Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33605	50	Đường đi Xóm Chài	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Chài Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Chài Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi Xóm Chài Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Chài Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Chài Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi Xóm Chài Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33612	51	Đường Xóm Mới nối 19/5	Giáp Đường Xóm Mới	Giáp đường 19/5	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Mới nối 19/5 đoạn từ Giáp Đường Xóm Mới đến Giáp đường 19/5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33619	52	Đường sau khu tái định cư	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sau khu tái định cư Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sau khu tái định cư Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường sau khu tái định cư Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sau khu tái định cư Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sau khu tái định cư Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường sau khu tái định cư Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33626	53	Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ)	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33633	54	Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới)	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33640	55	Đường vào trung tâm Bình Đức 1	Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130)	Giáp trung tâm Bình Đức 1	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trung tâm Bình Đức 1 đoạn từ Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130) đến Giáp trung tâm Bình Đức 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33647	56	Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai	Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111) đến Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33654	57	Đường vào chùa	Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128)	Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	
33655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	
33659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	
33660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa đoạn từ Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128) đến Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	
33661		Đường N18 (Khu dân cư phía Tây)	Ngã tư đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N18 (Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã tư đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33668		Đường N19 (Đường A2-Khu dân cư Phía Tây)	Ngã ba đường D17	Ngã ba đường D17a (đường B1)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường D17 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33675		Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây)	Ngã ba đường ĐT 760	Ngã ba đường D17a (đường B1)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường D17a (đường B1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33682		Đường D17 (Khu dân cư phía tây)	Ngã ba đường N18	Ngã ba đường N19 (đường A2)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D17 (Khu dân cư phía tây) đoạn từ Ngã ba đường N18 đến Ngã ba đường N19 (đường A2) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33689		Đường N4 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường D3	Ngã ba đường D2	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường D3 đến Ngã ba đường D2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33696		Đường D2 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường ĐT 760	Ngã ba đường N4	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 (khu dân cư khu 2) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 đến Ngã ba đường N4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33703	58	Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông)	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33710	59	Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33717	60	Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường D15	Ngã ba đường D11	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường D15 đến Ngã ba đường D11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33724	61	Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Ngã ba đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33731	62	Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33738	63	Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện)	Ngã ba đường N10	Ngã ba đường N11	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33739		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33742		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện) đoạn từ Ngã ba đường N10 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33745	64	Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Ngã ba đường N12	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33746		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33747		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33749		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33750		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33752	65	Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Ngã ba đường N11	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33753		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33754		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33756		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33757		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N9 đến Ngã ba đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33759	66	Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N8	Ngã tư đường N11	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33760		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33761		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33763		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33764		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường N8 đến Ngã tư đường N11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33766	67	Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã ba đường Vành đai	Ngã ba đường N7	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33767		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33768		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33770		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33771		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33773	68	Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã ba đường Vành đai	Ngã ba đường N7	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33774		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33775		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33777		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33778		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba đường Vành đai đến Ngã ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33780	69	Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33781		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33782		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33784		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33785		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33787	70	Đường thôn Đăk Son	Ngã ba đường ĐT 741	Hết ranh quy hoạch chợ huyện	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33788		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33789		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33791		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33792		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba đường ĐT 741 đến Hết ranh quy hoạch chợ huyện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33794	71	Đường thôn Đăk Son	Giáp ranh quy hoạch chợ huyện	Ngã ba xưởng mộc ông Hùng	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33795		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33796		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33798		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33799		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Giáp ranh quy hoạch chợ huyện đến Ngã ba xưởng mộc ông Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33801	72	Đường thôn Đăk Son	Ngã ba xưởng mộc ông Hùng	Ngã ba Hoa Thuận	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33802		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33803		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33805		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33806		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đăk Son đoạn từ Ngã ba xưởng mộc ông Hùng đến Ngã ba Hoa Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33808	73	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33809		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33810		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33812		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33813		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16) đến Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33815	74	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39	Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33816		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33817		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33819		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33820		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39 đến Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33822	75	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37	Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33823		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33824		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33826		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33827		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Gia Phúc 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37 đến Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33829	76	Đường thôn đi Bù Cà Mau	Giáp đường ĐT 741	Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33830		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33831		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33833		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33834		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33836	77	Đường thôn đi Bù Cà Mau	Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59)	Suối Tà Niên	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33837		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33838		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33840		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33841		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn đi Bù Cà Mau đoạn từ Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59) đến Suối Tà Niên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33843	78	Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba Sơn Hà	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33844		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33845		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33847		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33848		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33850	79	Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760	Ngã ba Sơn Hà	Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33851		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33852		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33854		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33855		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba Sơn Hà đến Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33857	80	Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760	Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến)	Đường An Lương	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33858		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33859		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33861		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33862		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến) đến Đường An Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33864	81	Đường thôn Hai Căn	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33865		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33866		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33868		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33869		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33871	82	Đường thôn Hai Căn	Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43)	Hết tuyến	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33872		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33873		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33875		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33876		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Hai Căn đoạn từ Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43) đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33878	83	Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2	Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36)	Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39)	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33879		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33880		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33882		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33883		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2 đoạn từ Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36) đến Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33885	84	Đường đi vào thôn Khắc Khoan	Giáp đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33886		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33887		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33889		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33890		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33892	85	Đường đi vào thôn Khắc Khoan	Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63	Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33893		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33894		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33896		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33897		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi vào thôn Khắc Khoan đoạn từ Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33899	86	Đường Vành đai trung tâm (phía Đông)	Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp ĐT760	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33900		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33901		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33903		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33904		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai trung tâm (phía Đông) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp ĐT760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33906	87	Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng)	Ngã ba đường D8	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33907		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33908		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33910		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33911		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng) đến Ngã ba đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33913	88	Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33914		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33915		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33917		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33918		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33920	89	Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã tư tiếp giáp đường N7	Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33921		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33922		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33924		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33925		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường N7 đến Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33927	90	Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường D16	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33928		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33929		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33931		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33932		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33934	91	Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33935		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33936		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33938		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33939		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33941	92	Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường N15	Ngã ba tiếp giáp đường NB3	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33942		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33943		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33945		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33946		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường NB3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33948	93	Đường NB2 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường N15	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33949		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB2 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33950		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB2 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB2 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33952		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB2 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33953		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB2 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB2 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường N15 đến Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33955	94	Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường D16	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33956		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33957		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33959		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33960		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường D16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33962	95	Đường N17 (đường sau lưng bộ đội)	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33963		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33964		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33966		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33967		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N17 (đường sau lưng bộ đội) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33969	96	Đường nội bộ N1	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33970		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ N1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33971		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ N1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ N1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33973		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ N1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33974		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ N1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ N1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33976	97	Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương)	Đường ĐT 741	Cầu Bù Ka	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33977		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33978		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33980		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33981		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cầu Bù Ka có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33983	98	Đường nhựa vào dốc 3 tầng	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33984		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33985		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33987		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33988		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
33989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33990	99	Đường nhựa vào dốc 3 tầng	Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11	Dốc 3 tầng	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33991		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33992		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33994		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33995		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
33996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào dốc 3 tầng đoạn từ Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11 đến Dốc 3 tầng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
33997	100	Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan	Đường ĐT 741	Hết tuyến	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
33998		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
33999		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34001		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34002		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan đoạn từ Đường ĐT 741 đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34004	101	Đường nhựa thôn Phú Nghĩa	Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16	Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ))	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34005		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34006		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34008		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34009		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Phú Nghĩa đoạn từ Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16 đến Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34011	102	Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34012		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34013		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34015		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34016		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34018	103	Đường D15a (Sau lưng Điện lực)	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34019		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34020		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34022		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34023		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15a (Sau lưng Điện lực) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34025	104	Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34026		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34027		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34029		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34030		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Tiếp giáp đường vành đai trung tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34032	105	Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34033		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34034		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34036		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34037		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34039	106	Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34040		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34041		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34043		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34044		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34046	107	Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34047		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34048		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34050		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34051		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34053	108	Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34054		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34055		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34057		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34058		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34060	109	Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34061		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34062		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34064		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34065		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34067	110	Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34068		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34069		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34071		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34072		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34074	111	Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34075		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34076		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34078		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34079		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34081	112	Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34082		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34083		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34085		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34086		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34088	113	Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34089		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34090		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34092		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Nghĩa	78	63	50	35
34093		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Nghĩa	63	50	40	28
34094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Nghĩa	50	40	32	22
34095	114	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	112	90	72	49
34096	115	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Phú Nghĩa	60	48	38	38
34097	1	Đường ĐT 759	Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia)	Hết ranh nghĩa địa Bình Tân	Xã Đa Kia	210	168	134	
34098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	147	118	94	
34099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	118	94	75	
34100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	94	75	60	
34101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	147	118	94	
34102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	118	94	75	
34103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia) đến Hết ranh nghĩa địa Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	94	75	60	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34104	2	Đường ĐT 759	Hết ranh nghĩa địa Bình Tân	Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106	Xã Đa Kia	210	168	134	
34105		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	147	118	94	
34106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	118	94	75	
34107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	94	75	60	
34108		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	147	118	94	
34109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	118	94	75	
34110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh nghĩa địa Bình Tân đến Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	94	75	60	
34111	3	Đường ĐT 759	Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106	Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia)	Xã Đa Kia	210	168	134	
34112		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	147	118	94	
34113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	118	94	75	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	94	75	60	
34115		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	147	118	94	
34116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	118	94	75	
34117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106 đến Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	94	75	60	
34118	4	Đường ĐT 759	Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia)	Ranh giới xã Thiện Hưng	Xã Đa Kia	210	168	134	
34119		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	147	118	94	
34120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	118	94	75	
34121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	94	75	60	
34122		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	147	118	94	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	118	94	75	
34124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia) đến Ranh giới xã Thiện Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	94	75	60	
34125	5	Đường ĐT 759	Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12	Xã Đa Kia	252	202	161	
34126		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34129		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34132	6	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29	Xã Đa Kia	252	202	161	
34133		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34136		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34139	7	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45	Xã Đa Kia	252	202	161	
34140		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34143		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34146	8	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46	Xã Đa Kia	252	202	161	
34147		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34150		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình đến Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34153	9	Đường ĐT 759	Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình	Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53	Xã Đa Kia	252	202	161	
34154		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34157		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình đến Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34160	10	Đường ĐT 760	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759	Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31)	Xã Đa Kia	252	202	161	
34161		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34164		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34167	11	Đường ĐT 760	Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31)	Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22)	Xã Đa Kia	252	202	161	
34168		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34171		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31) đến Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34174	12	Đường ĐT 760	Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22)	Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15)	Xã Đa Kia	252	202	161	
34175		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34178		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22) đến Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34181	13	Đường ĐT 760	Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15)	Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03)	Xã Đa Kia	252	202	161	
34182		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34185		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760 đoạn từ Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15) đến Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34188	14	Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu)	Giáp đường ĐT 759	Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759	Xã Đa Kia	55	44	35	
34189		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34192		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34195	15	Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu)	Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã)	Xã Đa Kia	55	44	35	
34196		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34199		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu) đoạn từ Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34202	16	Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ	Giáp đường ĐT 759	Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ	Xã Đa Kia	55	44	35	
34203		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34206		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34209	17	Đường thôn Bình Tân	Giáp đường ĐT 759	Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106)	Xã Đa Kia	55	44	35	
34210		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34213		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34216	18	Đường thôn Bình Tân	Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106)	Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102)	Xã Đa Kia	55	44	35	
34217		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34220		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106) đến Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34223	19	Đường thôn Bình Tân	Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà)	Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95)	Xã Đa Kia	55	44	35	
34224		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34227		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân đoạn từ Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà) đến Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34230	20	Đường thôn Bình Tân + Bù Tam	Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92	Xã Đa Kia	55	44	35	
34231		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34234		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Tân + Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 44, tờ bản đồ số 95) đến Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34237	21	Đường thôn Bù Tam	Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92	Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ)	Xã Đa Kia	55	44	35	
34238		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34241		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bù Tam đoạn từ Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92 đến Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34244	22	Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ)	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129	Xã Đa Kia	55	44	35	
34245		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34248		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	39	31	25	
34249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	31	25	20	
34250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	25	20	16	
34251	23	Đường liên xã	Ngã tư đường N7	Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170	Xã Đa Kia	84	67	54	
34252		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34255		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34258	24	Đường liên xã	Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149)	Cổng chào thôn 3	Xã Đa Kia	84	67	54	
34259		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34262		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Cổng chào thôn 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34265	25	Đường liên xã	Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149)	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	Xã Đa Kia	84	67	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34266		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34269		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149) đến Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34272	26	Đường liên xã	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	Giáp ranh xã Long Bình cũ	Xã Đa Kia	84	67	54	
34273		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34276		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Giáp ranh xã Long Bình cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34279	27	Đường trục xã	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	Ngã tư Dốc Võng	Xã Đa Kia	84	67	54	
34280		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34283		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục xã đoạn từ Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B) đến Ngã tư Dốc Võng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34286	28	Đường trung tâm xã	Ngã tư đường N7	Giáp nghĩa địa thôn 5	Xã Đa Kia	84	67	54	
34287		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34290		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã đoạn từ Ngã tư đường N7 đến Giáp nghĩa địa thôn 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34293	29	Đường trung tâm xã N3	Đường D1 (Trạm y tế xã)	Đường D8	Xã Đa Kia	84	67	54	
34294		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34297		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã N3 đoạn từ Đường D1 (Trạm y tế xã) đến Đường D8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34300	30	Đường trung tâm xã D4	Đường N3 (Quán Sen hồ)	Ngã ba đường D7	Xã Đa Kia	84	67	54	
34301		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34304		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	59	47	38	
34305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	47	38	30	
34306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã D4 đoạn từ Đường N3 (Quán Sen hồ) đến Ngã ba đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	38	30	24	
34307	31	Đường đi xã Bình Thắng cũ	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38	Xã Đa Kia	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34308		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	78	63	50	
34309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	63	50	40	
34310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	50	40	32	
34311		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	78	63	50	
34312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	63	50	40	
34313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	50	40	32	
34314	32	Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38	Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ)	Xã Đa Kia	112	90	72	
34315		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	78	63	50	
34316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	63	50	40	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	50	40	32	
34318		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	78	63	50	
34319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	63	50	40	
34320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38 đến Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	50	40	32	
34321					Xã Đa Kia				
34322	34	Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12	Xã Đa Kia	60	48	38	
34323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34329	35	Đường nhựa thôn 2	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12	Xã Đa Kia	60	48	38	
34330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 2 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34336	36	Đường vào nhà thờ An Bình	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12	Xã Đa Kia	60	48	38	
34337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ An Bình đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34343	37	Đường nhựa thôn 3	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19	Xã Đa Kia	60	48	38	
34344		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34347		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34350	38	Đường nhựa thôn 3	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28	Xã Đa Kia	60	48	38	
34351		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34354		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 3 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34357	39	Đường nhựa thôn Bình Thủy	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20	Xã Đa Kia	60	48	38	
34358		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34361		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34364	40	Đường nhựa thôn Bình Thủy	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30	Xã Đa Kia	60	48	38	
34365		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34368		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Thủy đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34371	41	Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã)	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	112	90	72	
34372		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	78	63	50	
34373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	63	50	40	
34374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	50	40	32	
34375		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	78	63	50	
34376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	63	50	40	
34377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	50	40	32	
34378	42	Đường nhựa thôn 6	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51	Xã Đa Kia	60	48	38	
34379		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34382		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34385	43	Đường nhựa thôn 6	Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6)	Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46	Xã Đa Kia	60	48	38	
34386		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34389		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn 6 đoạn từ Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6) đến Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34392					Xã Đa Kia				
34393	45	Đường nhựa ngã ba nhà máy nước	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50	Xã Đa Kia	60	48	38	
34394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa ngã ba nhà máy nước đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34400	46	Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32	Xã Đa Kia	60	48	38	
34401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34407	47	Đường nhựa thôn Bình Hà 1	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40	Xã Đa Kia	60	48	38	
34408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34414	48	Đường nhựa thôn Bình Hà 1	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21	Xã Đa Kia	60	48	38	
34415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	42	34	27	
34419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	34	27	22	
34420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Bình Hà 1 đoạn từ Đường ĐT 760 đến Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	27	22	18	
34421	55	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	60	48	38	
34422	56	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Đa Kia	60	48	38	
34423		Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46	Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53	Xã Đa Kia	252	202	161	
34424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34425		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34426		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34428		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34429		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Hết thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46 đến Đến thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34430		Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759)	Đường ĐT 759	Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118	Xã Đa Kia	252	202	161	
34431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	
34432		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34433		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Đa Kia	176	141	113	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34435		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Đa Kia	141	113	90	
34436		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Bình Lợi (bên hông Khu dân cư thôn Bình Lợi _ Tiếp giáp đường ĐT 759) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết thửa số 22 tờ bản đồ số 118 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Đa Kia	113	90	72	
34437	1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Đắk Ơ	Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	Xã Bù Gia Mập	100	90	72	49
34438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34439		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34440		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34442		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34443		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Đắk Ơ đến Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34444	2	Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập	Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập		Xã Bù Gia Mập	100	90		49
34445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	0	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34446		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	0	35
34447		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	0	30
34448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	0	39
34449		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	0	35
34450		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	0	30
34451	3	Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập	Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45)	Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28)	Xã Bù Gia Mập	100	90	72	49
34452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34453		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34454		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34456		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34457		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập đoạn từ Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45) đến Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34458	4	Đường ĐT 760B	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28)	Xã Bù Gia Mập	100	90	72	49
34459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34460		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34461		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34463		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34464		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 đến Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34465	5	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28)	Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập	Xã Bù Gia Mập	100	90	72	49
34466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34467		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34468		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34470		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34471		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28) đến Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34472	6	Đường ĐT 760B	Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập	Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28)	Xã Bù Gia Mập	100	90	72	49
34473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34474		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34475		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34477		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34478		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34479	7	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28)	Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35)	Xã Bù Gia Mập	100	90	72	49
34480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34481		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34482		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34484		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34485		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28) đến Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34486	8	Đường ĐT 760B	Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35)	Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39)	Xã Bù Gia Mập	100	90	72	49
34487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34488		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34489		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34491		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34492		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35) đến Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34493	9	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39)	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44)	Xã Bù Gia Mập	100	90	72	49
34494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34495		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34496		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	80	72	58	39
34498		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	70	63	50	35
34499		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	60	54	43	30
34500	10	Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên	Đường ĐT 741	Suối Đăk Côn	Xã Bù Gia Mập	60	48	38	38
34501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	48	38	31	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34502		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	42	34	27	27
34503		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	36	29	23	23
34504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	48	38	31	31
34505		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	42	34	27	27
34506		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên đoạn từ Đường ĐT 741 đến Suối Đăk Côn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	36	29	23	23
34507	11	Đường nhựa thôn Đăk Côn	Đường ĐT 741	Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19)	Xã Bù Gia Mập	60	48	38	38
34508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	48	38	31	31
34509		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	42	34	27	27
34510		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	36	29	23	23
34511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	48	38	31	31

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34512		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	42	34	27	27
34513		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa thôn Đăk Côn đoạn từ Đường ĐT 741 đến Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	36	29	23	23
34514	12	Đường nhựa đi thôn Đăk Mai	Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39)	Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42	Xã Bù Gia Mập	60	48	38	38
34515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	48	38	31	31
34516		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	42	34	27	27
34517		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	36	29	23	23
34518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bù Gia Mập	48	38	31	31
34519		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bù Gia Mập	42	34	27	27
34520		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa đi thôn Đăk Mai đoạn từ Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39) đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bù Gia Mập	36	29	23	23
34521	13	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		Xã Bù Gia Mập	50	40	32	32

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34522	14	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		Xã Bù Gia Mập	50	40	32	32
34523	1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Thuận Lợi	Đường vào chùa Pháp Tịnh	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34524		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34525		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34526		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34527		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34528		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34529		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Thuận Lợi đến Đường vào chùa Pháp Tịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34530	2	Đường ĐT 741	Đường vào chùa Pháp Tịnh	Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34531		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34532		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34533		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34534		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34535		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34536		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào chùa Pháp Tịnh đến Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34537	3	Đường ĐT 741	Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân	Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34538		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34539		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34540		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34541		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34542		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34543		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân đến Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34544	4	Đường ĐT 741	Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su	Cầu suối Rạt	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34545		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34546		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34547		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34548		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34549		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34550		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su đến Cầu suối Rạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34551	5	Đường ĐT 741	Cầu suối Rạt	Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34552		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34553		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34554		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34555		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34556		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34557		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Cầu suối Rạt đến Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34558	6	Đường ĐT 741	Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34559		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34560		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34561		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34562		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34563		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34564		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34565	7	Đường ĐT 741	Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93)	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34566		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34567		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34568		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34569		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34570		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34571		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ đến Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34572	8	Đường ĐT 741	Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93	Hết ranh đất trạm thu phí	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34573		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34574		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34575		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34576		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34577		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34578		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93 đến Hết ranh đất trạm thu phí có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34579	9	Đường ĐT 741	Giáp đất trạm thu phí	Ngã ba đi Long Tân cũ	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34580		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34581		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34582		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34583		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34584		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34585		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp đất trạm thu phí đến Ngã ba đi Long Tân cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34586	10	Đường ĐT 741	Ngã ba đi Long Tân cũ	Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34587		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34588		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34589		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34590		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34591		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34592		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba đi Long Tân cũ đến Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34593	11	Đường ĐT 741	Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình	Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34594		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34595		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34596		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34597		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34598		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34599		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình đến Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34600	12	Đường ĐT 741	Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình	Giáp ranh xã Bình Tân	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34601		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34602		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34603		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34604		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34605		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34606		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34607	13	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư giáp Đường ĐT 741	Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34608		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34609		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34610		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34611		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34612		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34613		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư giáp Đường ĐT 741 đến Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34614	14	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng	Ngã tư Cầu đường	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34615		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34616		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34617		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34618		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34619		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34620		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng đến Ngã tư Cầu đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34621	15	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư Cầu đường	Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34622		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34623		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34624		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34625		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34626		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34627		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường đến Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34628	16	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung	Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34629		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34630		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34631		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34632		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34633		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34634		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung đến Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34635	17	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa	Đường 312 cũ (thôn Phú Bình)	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34636		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34637		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34638		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34639		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34640		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34641		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa đến Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34642	18	Đường ĐT 757	Ngã ba Bù Nho	Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34643		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34644		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34645		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34646		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34647		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34648		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Ngã ba Bù Nho đến Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34649	19	Đường ĐT 757	Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà	Giáp ranh xã Long Hà	Xã Phú Riềng	210	168	134	
34650		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34651		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34652		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34653		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	168	134	108	
34654		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	147	118	94	
34655		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà đến Giáp ranh xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	126	101	81	
34656	20	Đường Số 2 TTTM Bù Nho	Lô đất LA2-1	Lô đất LC1-9	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34657		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34658		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34659		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34660		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34661		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34662		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34663	21	Đường Số 4 TTTM Bù Nho	Lô đất LE1-1	Lô đất LC2-6	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34664		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34665		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34666		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34667		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34668		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34669		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34670	22	Đường Số 6 TTTM Bù Nho	Lô đất LF1-2	Lô đất LC2-15	Xã Phú Riềng	140	112	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34671		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34672		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34673		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34674		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34675		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34676		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34677	23	Khu đô thị Phú Cường	Các tuyến đường trong khu dân cư		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34678		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị Phú Cường Các tuyến đường trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34679		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị Phú Cường Các tuyến đường trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34680		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Khu đô thị Phú Cường Các tuyến đường trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34681		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị Phú Cường Các tuyến đường trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34682		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị Phú Cường Các tuyến đường trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34683		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Khu đô thị Phú Cường Các tuyến đường trong khu dân cư có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34684	24	Đường số 1 TTTM Phú Riềng	Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Tiếp giáp đường số 3 TTTM	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34685		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34686		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34687		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34688		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34689		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34690		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34691	25	Đường số 2 TTTM Phú Riềng	Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Tiếp giáp đường số 3 TTTM	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34692		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34693		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34694		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34695		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34696		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34697		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34698	26	Đường số 3 TTTM Phú Riềng	Lô phố chợ LG 24	Hết ranh đất chợ cũ	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34699		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34700		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34701		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34702		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34703		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34704		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34705	27	Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ)	Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ	Giáp ranh xã Long Tân (cũ)	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34706		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34707		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34708		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34709		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34710		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34711		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34712	28	Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2	Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ)	Đường ĐT 757	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34713		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34714		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34715		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34716		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34717		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34718		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2 đoạn từ Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ) đến Đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34719	29	Đường D1	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34720		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34721		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34722		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34723		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34724		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34725		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34726	30	Đường D2	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34727		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34728		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34729		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34730		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34731		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34732		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34733	31	Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 741	Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ)	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34734		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34735		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34736		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34737		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34738		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34739		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34740	32	Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ)	Ranh xã Phước Tân (cũ)	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34743		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34746		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ) đến Ranh xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34747	33	Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ)	Đường N3a	Giáp ranh xã Long Tân (cũ)	Xã Phú Riềng	140	112	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34748		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34749		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34751		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34752		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) đoạn từ Đường N3a đến Giáp ranh xã Long Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34754	34	Đường N9 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34755		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34756		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34758		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34759		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34761	35	Đường D6 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34762		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34763		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34764		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34765		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34766		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34767		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34768	36	Đường D6A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34769		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34770		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34771		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34772		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34773		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34774		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34775	37	Đường D6B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34776		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34777		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34778		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34779		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34780		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34781		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34782	38	Đường D6C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34783		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34784		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34785		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34786		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34787		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34788		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34789	39	Đường D6D (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34790		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34791		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34792		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34793		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34794		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34795		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34796	40	Đường D6E (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34797		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34798		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34799		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D6E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34800		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34801		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34802		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D6E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34803	41	Đường D7 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34804		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34805		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34806		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34807		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34808		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34809		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34810	42	Đường N2a (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34811		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34812		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34813		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N2a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34814		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34815		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34816		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N2a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34817	43	Đường D9 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34818		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34819		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34820		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34821		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34822		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34823		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34824	44	Đường N3 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34825		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34826		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34827		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34828		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34829		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34830		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34831	45	Đường N3a (TTHC huyện)	Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))	Đường ĐT 741	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34832		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34833		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34834		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34835		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34836		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34837		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đến Đường ĐT 741 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34838	46	Đường N3a (TTHC huyện)	Đường ĐT 741	Đường D7	Xã Phú Riềng	140	112	90	
34839		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34840		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34841		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34842		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34843		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34844		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N3a (TTHC huyện) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Đường D7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34845	47	Đường N4 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34846		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34847		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34848		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34849		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34850		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34851		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34852	48	Đường N4A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34853		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34854		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34855		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34856		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34857		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34858		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34859	49	Đường N4B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34860		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34861		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34862		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34863		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34864		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34865		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34866	50	Đường N4d (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34867		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4d (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34868		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4d (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34869		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4d (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34870		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4d (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34871		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4d (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34872		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4d (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34873	51	Đường N7 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34874		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34875		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34876		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34877		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34878		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34879		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34880	52	Đường N7a (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34881		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34882		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34883		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34884		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34885		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34886		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7a (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34887	53	Đường N7b (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34888		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7b (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34889		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7b (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34890		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7b (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34891		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7b (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34892		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7b (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34893		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7b (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34894	54	Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34895		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34896		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34897		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34898		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34899		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34900		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34901	55	Đường D3 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34902		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34903		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34904		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34905		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34906		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34907		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34908	56	Đường D3A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34909		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34910		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34911		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34912		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34913		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34914		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34915	57	Đường D3B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34916		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34917		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34918		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34919		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34920		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34921		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3B (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34922	58	Đường D3C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34923		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34924		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34925		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34926		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34927		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34928		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34929	59	Đường D3D (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34930		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34931		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34932		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34933		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34934		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34935		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3D (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34936	60	Đường D3E (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34937		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34938		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34939		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D3E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34940		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34941		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34942		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D3E (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34943	61	Đường D4 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34944		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34945		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34946		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34947		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34948		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34949		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D4 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34950	62	Đường N4C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34951		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34952		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34953		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34954		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34955		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34956		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4C (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34957	63	Đường D5 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34958		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34959		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34960		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34961		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34962		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34963		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34964	64	Đường D5A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34965		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34966		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34967		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D5A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34968		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34969		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34970		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D5A (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34971	65	Đường N5 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34972		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34973		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34974		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34975		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34976		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34977		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34978	66	Đường N6 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34979		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34980		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34981		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34982		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34983		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34984		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N6 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34985	67	Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34986		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34987		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34988		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34989		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34990		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34991		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34992	71	Đường N8	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
34993		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34994		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34995		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N8 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
34996		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
34997		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
34998		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N8 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
34999	72	Đường số 1 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
35000		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35001		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35002		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35003		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35004		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35005		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35006	73	Đường số 3 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
35007		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35008		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35009		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35010		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35011		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35012		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35013	74	Đường số 5 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
35014		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35015		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35016		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35017		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35018		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35019		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 TTTM Bù Nho Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35020	75	Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Xã Phú Riềng	140	112	90	
35021		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35022		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35023		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35024		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35025		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35026		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741 đến Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35027	76	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
35028		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35029		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35030		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35031		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35032		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35033		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35034	77	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
35035		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35036		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35037		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35038		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35039		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35040		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35041	78	Đường vào nông trường 10 cũ	Ngã tư Phú Riềng	Giáp lô cao su nông trường 10	Xã Phú Riềng	140	112	90	
35042		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35043		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35044		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35045		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35046		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35047		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nông trường 10 cũ đoạn từ Ngã tư Phú Riềng đến Giáp lô cao su nông trường 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35048	79	Đường Khu dân cư Xuân Anh	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41)	Xã Phú Riềng	140	112	90	
35049		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35050		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35051		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35052		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35053		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35054		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu dân cư Xuân Anh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35055	80	Đường Phú Tân - Phú Lợi	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy	Xã Phú Riềng	140	112	90	
35056		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35057		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35058		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35059		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35060		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35061		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35062	81	Đường Phú Tân - Phú Lợi	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy	Ngã ba nhà ông Vy	Xã Phú Riềng	140	112	90	
35063		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35064		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35065		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35066		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35067		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35068		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Tân - Phú Lợi đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy đến Ngã ba nhà ông Vy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35069	82	Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741)	Đường 312 cũ (thôn Phú Bình)	Giáp ranh xã Phú Trung	Xã Phú Riềng	140	112	90	
35070		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35071		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35072		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35073		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35074		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35075		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741) đoạn từ Đường 312 cũ (thôn Phú Bình) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35076	83	Đường thôn Phú Vinh	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43)	Xã Phú Riềng	140	112	90	
35077		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35078		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35079		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35080		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35081		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35082		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú Vinh đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35083	84	Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))	Đường N9	Đường Tân Phú 1	Xã Phú Riềng	140	112	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35084		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35085		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35086		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35087		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35088		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35089		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường N9 đến Đường Tân Phú 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35090	85	Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))	Đường Tân Phú 1	Đường N3a	Xã Phú Riềng	140	112	90	
35091		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35092		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35093		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35094		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35095		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35096		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ)) đoạn từ Đường Tân Phú 1 đến Đường N3a có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35097	86	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	140	112	90	
35098		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	
35099		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35100		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35101		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Riềng	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35102		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Riềng	98	78	63	
35103		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Riềng	84	67	54	
35104	87	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		Xã Phú Riềng	81	65	52	
35105	1	Đường ĐT 759	Giáp ranh phường Phước Long	Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến	Xã Phú Trung	182	146	116	
35106		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35107		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	
35108		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35109		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35110		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	
35111		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh phường Phước Long đến Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35112	2	Đường ĐT 759	Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến	Nga ba đường N7	Xã Phú Trung	182	146	116	
35113		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35114		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	
35115		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35116		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35117		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	
35118		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35119	3	Đường ĐT 759	Nga ba đường N7	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	Xã Phú Trung	182	146	116	
35120		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35121		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	
35122		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35123		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35124		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35125		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 759 đoạn từ Nga ba đường N7 đến Giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35126	4	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14	Xã Phú Trung	182	146	116	
35127		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35128		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	
35129		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35130		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35131		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	
35132		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35133	5	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14	UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng	Xã Phú Trung	182	146	116	
35134		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35135		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35136		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35137		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35138		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	
35139		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14 đến UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35140	6	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	182	146	116	
35141		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	146	116	93	
35142		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	127	102	82	
35143		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	109	87	70	
35144		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	146	116	93	
35145		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35146		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đoạn từ UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung, Xã Phú Riềng	109	87	70	
35147	7	Đường Quốc lộ 14	Ranh xã Đồng Tâm	Ranh xã Nghĩa Trung	Xã Phú Trung	182	146	116	
35148		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35149		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	
35150		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35151		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	146	116	93	
35152		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	127	102	82	
35153		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ranh xã Đồng Tâm đến Ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	109	87	70	
35154	8	Đường Thác Ba	Giáp đường ĐT 759	Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba	Xã Phú Trung	112	90	72	
35155		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35156		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35157		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35158		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35159		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35160		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 đến Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35161	9	Đường Thác Ba	Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101)	Xã Phú Trung	112	90	72	
35162		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35163		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35164		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35165		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35166		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35167		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba đến Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35168	10	Đường Thác Ba	Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102)	Đến Cầu Thác Ba	Xã Phú Trung	112	90	72	
35169		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35170		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35171		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35172		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35173		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35174		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102) đến Đến Cầu Thác Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35175	11	Đường Thác Ba	Từ cầu Thác Ba	Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung	Xã Phú Trung	112	90	72	
35176		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35177		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35178		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35179		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35180		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35181		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thác Ba đoạn từ Từ cầu Thác Ba đến Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35182	12	Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung	Giáp thôn Bù Tố	Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung	Xã Phú Trung	112	90	72	
35183		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35184		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35185		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35186		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35187		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35188		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung đoạn từ Giáp thôn Bù Tố đến Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35189	13	Đường Bến Tre	Đường ĐT 759	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	Xã Phú Trung	112	90	72	
35190		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35191		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35192		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35193		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35194		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35195		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Tre đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35196	14	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 759	Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng	Xã Phú Trung	112	90	72	
35197		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35198		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35199		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35200		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35201		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35202		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 đến Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35203	15	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng	Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Xã Phú Trung	112	90	72	
35204		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35205		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35206		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35207		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35208		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35209		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng đến Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35210	16	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp ranh xã Phú Riềng	Xã Phú Trung	112	90	72	
35211		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35212		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35213		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35214		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35215		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35216		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp ranh xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35217	17	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24)	Xã Phú Trung	112	90	72	
35218		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35219		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35220		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35221		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35222		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35223		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35224	18	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24)	Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông	Xã Phú Trung	112	90	72	
35225		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35226		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35227		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35228		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35229		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35230		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24) đến Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35231	19	Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759	Đường ĐH312	Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ)	Xã Phú Trung	112	90	72	
35232		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35233		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35234		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35235		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35236		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35237		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759 đoạn từ Đường ĐH312 đến Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35238	20	Đường N4	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	112	90	72	
35239		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35240		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35241		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35242		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35243		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35244		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35245	21	Đường N5	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	112	90	72	
35246		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35247		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35248		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N5 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35249		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35250		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35251		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N5 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35252	22	Đường N7	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	112	90	72	
35253		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35254		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35255		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N7 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35256		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35257		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35258		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N7 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35259	23	Đường D1	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	112	90	72	
35260		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35261		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35262		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35263		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35264		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35265		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D1 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35266	24	Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	112	90	72	
35267		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35268		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35269		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35270		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35271		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35272		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35273	25	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	112	90	72	
35274		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35275		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35276		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35277		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35278		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35279		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35280	26	Đường Đồng Tâm - Bù Tố	Đường Thác Ba	Giáp ranh phường Phước Long	Xã Phú Trung	112	90	72	
35281		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35282		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35283		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35284		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35285		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35286		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tâm - Bù Tố đoạn từ Đường Thác Ba đến Giáp ranh phường Phước Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35287	27	Đường D2	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	112	90	72	
35288		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35289		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35290		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35291		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35292		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35293		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D2 Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35294	28	Đường Thôn Đồng Tiến	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76	Xã Phú Trung	112	90	72	
35295		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35296		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35297		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35298		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35299		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35300		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thôn Đồng Tiến đoạn từ Đường ĐT 759 đến Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35301	29	Đường Bình Trung đi Bình Tân	Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759)	Giáp ranh xã Bình Tân	Xã Phú Trung	112	90	72	
35302		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35303		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35304		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35305		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35306		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35307		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Bình Tân đoạn từ Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759) đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35308	30	Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình	Đường Bình Trung đi Bình Tân	Giáp ranh phường Phước Bình	Xã Phú Trung	112	90	72	
35309		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35310		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35311		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35312		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35313		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35314		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình đoạn từ Đường Bình Trung đi Bình Tân đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35315	31	Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung	Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115)	Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115)	Xã Phú Trung	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35316		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35317		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35318		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35319		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35320		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35321		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung đoạn từ Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115) đến Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35322	32	Các tuyến đường trung tâm xã	Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46		Xã Phú Trung	112	90	72	
35323		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã đoạn từ Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35324		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã đoạn từ Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35325		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các tuyến đường trung tâm xã đoạn từ Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35326		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã đoạn từ Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35327		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã đoạn từ Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35328		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các tuyến đường trung tâm xã đoạn từ Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46 đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35329	33	Đường thôn Phú An	Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An)	Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15)	Xã Phú Trung	112	90	72	
35330		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35331		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35332		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35333		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35334		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35335		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phú An đoạn từ Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An) đến Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35336	34	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	112	90	72	
35337		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35338		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35339		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35340		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Phú Trung	90	72	57	
35341		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Phú Trung	78	63	50	
35342		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Phú Trung	67	54	43	
35343	35	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		Xã Phú Trung	77	62	49	
35344	1	Đường ĐT 757	Giáp ranh xã Phú Riềng	Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B	Xã Long Hà	182	146	116	
35345		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35346		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35347		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35348		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35349		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35350		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35351	2	Đường ĐT 757	Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B	Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng	Xã Long Hà	182	146	116	
35352		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35353		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35354		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35355		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35356		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35357		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B đến Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35358	3	Đường ĐT 757	Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng	Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà	Xã Long Hà	182	146	116	
35359		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35360		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35361		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35362		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35363		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35364		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng đến Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35365	4	Đường ĐT 757	Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà	Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ)	Xã Long Hà	182	146	116	
35366		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35367		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35368		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35369		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35370		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35371		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35372	5	Đường ĐT 757	Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ)	Cầu Trà Thanh	Xã Long Hà	182	146	116	
35373		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35374		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35375		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35376		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35377		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35378		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757 đoạn từ Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ) đến Cầu Trà Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35379	6	Đường ĐT 757B	Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ)	Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long	Xã Long Hà	182	146	116	
35380		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35381		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35382		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35383		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35384		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35385		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ) đến Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35386	7	Đường ĐT 757B	Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long	Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà	Xã Long Hà	182	146	116	
35387		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35388		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35389		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35390		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35391		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35392		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long đến Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35393	8	Đường ĐT 757B	Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà	Giáp ranh xã Bình Tân	Xã Long Hà	182	146	116	
35394		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35395		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	
35396		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35397		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	146	116	93	
35398		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35399		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	109	87	70	
35400	9	Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ)	Giáp ranh xã Phú Riềng	Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính)	Xã Long Hà	140	112	90	
35401		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35402		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35403		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35404		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35405		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35406		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Phú Riềng đến Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35407	10	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2)	Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính)	Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc)	Xã Long Hà	140	112	90	
35408		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35409		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35410		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35411		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35412		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35413		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2) đoạn từ Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính) đến Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35414	11	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM)	Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam)	Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM)	Xã Long Hà	140	112	90	
35415		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35416		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35417		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35418		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35419		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35420		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM) đoạn từ Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam) đến Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35421	12	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5)	Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM)	Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118)	Xã Long Hà	140	112	90	
35422		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35423		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35424		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35425		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35426		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35427		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM) đến Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35428	13	Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài)	Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118)	Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự	Xã Long Hà	140	112	90	
35429		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35430		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35431		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35432		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35433		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35434		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài) đoạn từ Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35435	14	Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ)	Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118)	Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118)	Xã Long Hà	140	112	90	
35436		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35437		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35438		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35439		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35440		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35441		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ) đoạn từ Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118) đến Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35442	15	Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ)	Toàn tuyến		Xã Long Hà	140	112	90	
35443		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35444		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35445		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35446		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35447		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35448		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35449	16	Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ)	Toàn tuyến		Xã Long Hà	140	112	90	
35450		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35451		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35452		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35453		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35454		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35455		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ) Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35456	17	Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ))	Ngã ba tiếp giáp đường 327	Cầu Long Tân	Xã Long Hà	140	112	90	
35457		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35458		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35459		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35460		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35461		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35462		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35463	18	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Long Hà	112	90	72	
35464		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35465		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	78	63	50	
35466		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	67	54	43	
35467		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	90	72	57	
35468		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	78	63	50	
35469		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	67	54	43	
35470	19	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2	Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14	Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63	Xã Long Hà	140	112	90	
35471		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35472		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35473		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35474		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35475		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35476		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 đến Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35477	20	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2	Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63	Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757	Xã Long Hà	140	112	90	
35478		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35479		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35480		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35481		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35482		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35483		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 đoạn từ Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63 đến Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35484	21	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3	Đường ĐT 757	Giáp ranh xã Bình Tân	Xã Long Hà	140	112	90	
35485		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35486		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35487		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35488		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35489		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35490		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3 đoạn từ Đường ĐT 757 đến Giáp ranh xã Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35491	22	Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé	Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07	Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân)	Xã Long Hà	140	112	90	
35492		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35493		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35494		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35495		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35496		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35497		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé đoạn từ Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07 đến Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35498	23	Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà	Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130	Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137	Xã Long Hà	140	112	90	
35499		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35500		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35501		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35502		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35503		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35504		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà đoạn từ Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130 đến Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35505	24	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ)	Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130	Xã Long Hà	140	112	90	
35506		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35507		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35508		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35509		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35510		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35511		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ) đoạn từ Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115 đến Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35512	25	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		Xã Long Hà	140	112	90	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35513		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35514		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35515		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35516		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35517		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35518		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông liên xã đoạn từ Toàn tuyến đến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35519	26	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		Xã Long Hà	77	62	49	
35520	32	Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ))			Xã Long Hà	140	112	90	
35521		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Hết ranh xã Long Hà - Giáp ranh Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35522		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Hết ranh xã Long Hà - Giáp ranh Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35523		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Hết ranh xã Long Hà - Giáp ranh Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35524		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Hết ranh xã Long Hà - Giáp ranh Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Long Hà	112	90	72	
35525		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Hết ranh xã Long Hà - Giáp ranh Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Long Hà	98	78	63	
35526		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ)) đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường 327 đến Hết ranh xã Long Hà - Giáp ranh Tân Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Long Hà	84	67	54	
35527	1	Đường ĐT 741	Từ thửa đất số 34 tờ bản đồ số 118	Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài	Xã Bình Tân	182	146	116	
35528		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Từ thửa đất số 34 tờ bản đồ số 118 đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35529		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Từ thửa đất số 34 tờ bản đồ số 118 đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35530		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Từ thửa đất số 34 tờ bản đồ số 118 đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35531		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Từ thửa đất số 34 tờ bản đồ số 118 đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35532		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Từ thửa đất số 34 tờ bản đồ số 118 đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35533		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Từ thửa đất số 34 tờ bản đồ số 118 đến Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35534	2	Đường ĐT 741	Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài	Giáp ranh xã Long Hưng cũ	Xã Bình Tân	182	146	116	
35535		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35536		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35537		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35538		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35539		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35540		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài đến Giáp ranh xã Long Hưng cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35541	3	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Long Hưng cũ	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình	Xã Bình Tân	182	146	116	
35542		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35543		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35544		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35545		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35546		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35547		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Giáp ranh xã Long Hưng cũ đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35548	4	Đường ĐT 741	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng	Xã Bình Tân	182	146	116	
35549		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35550		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35551		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35552		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35553		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35554		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình đến Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35555	5	Đường ĐT 741	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	Xã Bình Tân	182	146	116	
35556		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35557		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35558		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35559		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35560		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35561		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng đến Giáp ranh giới xã Phú Riềng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35562	11	Đường ĐT 757B	Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường)	Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà	Xã Bình Tân	182	146	116	
35563		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35564		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35565		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35566		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35567		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35568		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường) đến Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35569	6	Đường ĐT 757B	Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4)	Xã Bình Tân	182	146	116	
35570		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35571		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35572		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35573		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35574		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35575		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35576	7	Đường ĐT 757B	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4)	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang	Xã Bình Tân	182	146	116	
35577		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35578		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35579		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35580		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35581		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35582		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) đến Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35583	8	Đường ĐT 757B	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ)	Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66)	Xã Bình Tân	182	146	116	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35584		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35585		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35586		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35587		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35588		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35589		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ) đến Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35590	10	Đường ĐT 757B	Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66)	Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66)	Xã Bình Tân	182	146	116	
35591		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35592		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35593		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35594		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35595		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35596		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66) đến Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35597	9	Đường ĐT 757B	Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66)	Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58)	Xã Bình Tân	182	146	116	
35598		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	
35599		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35600		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35601		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	146	116	93	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35602		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	127	102	82	
35603		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT 757B đoạn từ Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) đến Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	109	87	70	
35604	12	Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ)	Đường ĐT 741	Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m	Xã Bình Tân	112	90	72	
35605		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35606		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35607		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35608		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35609		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35610		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đường ĐT 741 đến Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35611	13	Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ)	Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng	Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7	Xã Bình Tân	112	90	72	
35612		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35613		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35614		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35615		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35616		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35617		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ) đoạn từ Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng đến Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35618	14	Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ)	Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7)	Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13	Xã Bình Tân	112	90	72	
35619		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35620		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35621		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35622		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35623		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35624		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ) đoạn từ Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7) đến Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35625	15	Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình	Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pầu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62)	Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64)	Xã Bình Tân	112	90	72	
35626		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pầu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35627		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pầu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35628		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pầu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35629		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pầu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35630		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pầu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35631		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pầu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62) đến Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35632	16	Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ)	Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741	Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8	Xã Bình Tân	112	90	72	
35633		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35634		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35635		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35636		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35637		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35638		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ) đoạn từ Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741 đến Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35639	17	Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình	Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu	Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình	Xã Bình Tân	112	90	72	
35640		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35641		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35642		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35643		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35644		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35645		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình đoạn từ Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu đến Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35646	18	Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ)	Giáp ranh Phường Phước Long	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138)	Xã Bình Tân	112	90	72	
35647		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35648		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35649		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35650		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35651		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35652		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ) đoạn từ Giáp ranh Phường Phước Long đến Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35653	19	Đường Liên xã	Ngã ba cây xăng ông Trình	Cầu Cửu Long	Xã Bình Tân	112	90	72	
35654		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35655		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35656		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35657		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35658		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35659		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên xã đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cầu Cửu Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35660	20	Đường liên xã	Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường)	Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B	Xã Bình Tân	112	90	72	
35661		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35662		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35663		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35664		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35665		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35666		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã đoạn từ Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường) đến Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35667	21	Đường QH 12m	Đường ĐH	Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị	Xã Bình Tân	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35668		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35669		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35670		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35671		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35672		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35673		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 12m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35674	22	Đường QH 17m	Đường ĐH	Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều	Xã Bình Tân	112	90	72	
35675		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35676		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35677		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35678		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35679		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35680		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 17m đoạn từ Đường ĐH đến Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35681	23	Đường QH 15m	Đường QH 12m	Đường QH 17m	Xã Bình Tân	112	90	72	
35682		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35683		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35684		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35685		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35686		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35687		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường QH 15m đoạn từ Đường QH 12m đến Đường QH 17m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35688	24	Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã	Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125)	Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107)	Xã Bình Tân	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35689		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Bình Tân	90	72	57	
35690		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Bình Tân	78	63	50	
35691		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Bình Tân	67	54	43	
35692		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Bình Tân	90	72	57	
35693		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.		Xã Bình Tân	78	63	50	
35694		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã đoạn từ Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125) đến Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.		Xã Bình Tân	67	54	43	
35695	25	Đường quanh chợ	Ngã ba cây xăng ông Trình	Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ	Xã Bình Tân	112	90	72	
35696		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.		Xã Bình Tân	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35697		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35698		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35699		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35700		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35701		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Ngã ba cây xăng ông Trình đến Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35702	26	Đường quanh chợ	Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long	Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2	Xã Bình Tân	112	90	72	
35703		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35704		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35705		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35706		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35707		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35708		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh chợ đoạn từ Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long đến Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35709	28	Trung tâm Long Bình (cũ)	Ngã ba nhà ông Trần Đức Long	Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai	Xã Bình Tân	112	90	72	
35710		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35711		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35712		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35713		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35714		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35715		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trung tâm Long Bình (cũ) đoạn từ Ngã ba nhà ông Trần Đức Long đến Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35716	29	Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân	Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ)	Giáp ranh xã Phú Trung	Xã Bình Tân	112	90	72	
35717		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35718		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35719		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35720		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35721		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35722		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh xã Phú Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35723	30	Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ)	Giáp ranh phường Phước Bình	Xã Bình Tân	112	90	72	
35724		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35725		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35726		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35727		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35728		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35729		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá đoạn từ Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ) đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35730	31	Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759	Đường ĐT 741	Giáp ranh phường Phước Bình	Xã Bình Tân	112	90	72	
35731		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35732		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35733		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35734		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35735		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35736		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759 đoạn từ Đường ĐT 741 đến Giáp ranh phường Phước Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35737	32	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Bình Tân	112	90	72	
35738	33	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m	Toàn tuyến		Xã Bình Tân	112	90	72	
35739	34	Đường dọc sông bé	Giáp ranh xã Long Hà	Hết ranh thửa 10 tờ 141	Xã Bình Tân	112	90	72	
35740		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35741		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35742		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35743		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35744		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35745		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường dọc sông bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến Hết ranh thửa 10 tờ 141 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35746	35	Các đường giao thông liên xã còn lại	Toàn tuyến		Xã Bình Tân	112	90	72	
35747	36	Các tuyến đường nhựa, bê tông nông thôn mới thuộc Trung tâm xã	Bao gồm các tờ bản đồ số: 106, 114, 124, 125		Xã Bình Tân	112	90	72	
35748	37	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		Xã Bình Tân	77	62	49	
35749		Đường Long Bình – Bình Thắng	Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67	Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63	Xã Bình Tân	112	90	72	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35750		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35751		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35752		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35753		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35754		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35755		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Bình – Bình Thắng đoạn từ Thửa đất số 410 tờ bản đồ số 67 đến Hết thửa đất số 6 tờ bản đồ số 63 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
35756		Đường ĐT.757C (tuyến cũ)	Đường ĐT. 757B	Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân)	Xã Bình Tân	112	90	72	
35757		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35758		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35759		Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	

STT dự thảo NQ	STT NQ 28	Tên đường	Đoạn đường		Tên xã, phường	Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng cây hàng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
			Điểm đầu	Điểm cuối					
35760		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			Xã Bình Tân	90	72	57	
35761		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			Xã Bình Tân	78	63	50	
35762		Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ĐT.757C (tuyến cũ) đoạn từ Đường ĐT. 757B đến Giáp sông Bé (hết ranh thửa đất số 2 tờ bản đồ số 70 xã Bình Tân) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			Xã Bình Tân	67	54	43	
x	x	x	x	x	x	x	x	x	x